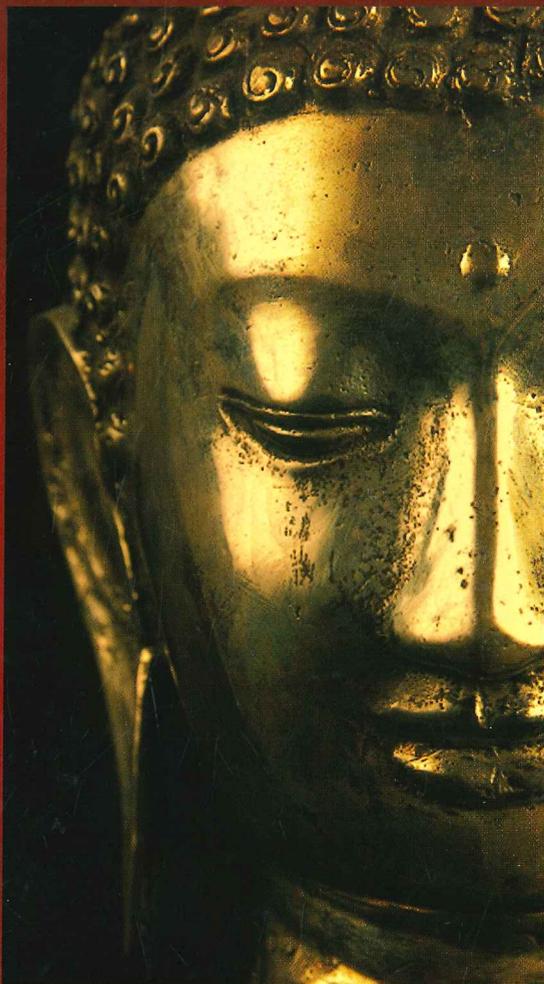


VI DIỆU PHÁP

Giải Thích

**BỘ
VỊ
TRÍ**

PHẦN I



Nguyên bản : SADDHAMMA JOPTIKA

Người dịch : TK. Khải Minh

(Bhikkhu Jotivadi)

Hiệu đính : TK. Chánh Minh



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

**Giải Thích
ĐỘ VỊ TRÍ**

SADDHAMMA JOPTIKA
TỶ KHỮU KHẢI MINH dịch

THERAVĀDA
PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
❖

VI DIỆU PHÁP

GIẢI THÍCH
BỘ VỊ TRÍ

(PAṬṬHĀNAPAKARAṆA)

Phần I

Nguyên bản: Saddhamma Joptika.

*Người dịch: Bhikkhu Jotivādi
(Tk. Khánh Minh)*

Hiệu đính : Tk. Chánh Minh

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

2010

LỜI TỰA

Trên một dòng thủy lưu có những sinh mạng tự nguyện vật vả trong khổ đau, đắm say trong hạnh phúc. Áo giác làm tê liệt khiến họ không còn phân biệt được họ đang ở trong tình trạng nào. Và việc ngay trước mắt họ là cấp bách lao mình vào thiên đường của vũng mù đen đui.

Ánh sáng của họ là bóng đêm trập trùng, nụ cười của họ là những tầng thanh âm thống thiết, không ngày và cũng không đêm. Họ sống còn và biến mất, rồi lại từ biến mất đến sống còn. Chạnh lòng trắc ẩn trời đất chuyển mình, sấm sét xé tan vòm trời và họ nhìn thấy mình thật là đáng tội nghiệp.

Thế rồi họ dìu dắt nhau bước dần ra dòng thủy lưu nguy hiểm ấy, nhưng họ đã trở thành những phé nhân quái dị, họ gắng gượng chờ tia nắng sớm của ngày mới, mắt họ cay xè, toàn thân rát bỏng, sau đó ... loang cháy, loang cháy rồi bốc hơi.

Những phân tử lí nhí ấy vun vảy khắp không gian bằng mọi hình thức, chúng huân hoà vũ trụ bằng chân thật tính của mình: Lạnh và nóng.

Hành trình của chúng ta đi mênh mông và sâu thẳm tựa như thế. Giáo từ của Đức Bốn sư vẫn còn hằn đậm trên từng trang giấy. Nhưng chúng ta lại ú thật kín, cất thật cao rồi lãng quên, trong khi chúng

ta cứ mãi rên xiết than vãn tìm cầu phương giải thoát khổ đau.

Ngay bên cạnh ta đó ! Đủ duyên, hữu phước biết bao lời dạy dỗ của Đấng cha lành. Chúng ta hãy lật ra và suy gẫm tìm cho mình một phương thuốc hồi sinh.

Chúng tôi trang trọng gửi đến quý vị bộ VỊ TRÍ quyển 1 của Ngài Saddhamma Joptika đã biên soạn bằng cả tấm lòng từ mẫn chia sẻ cho chúng ta vốn sống còn thật đúng nghĩa như thật này.

Mong rằng với thiện duyên, thiện nghiệp mà quý vị tích lũy, sẽ là ngọn đèn soi sáng lối đi mà quý vị đang thiết tha và rất thiết tha tìm kiếm.

Do phước báu biên dịch này, xin hồi hướng đến các bậc thầy tổ hữu ân đã quá vắng.

Thầy Tế độ Nhiêu Nhan (cố Đại trưởng lão Phạm Kim - Brahmasuvaṇṇo).

Ngài cố Đại trưởng lão Hộ Tông.

Ngài cố Đại trưởng lão Tịnh Sự.

Ngài cố Đại trưởng lão Giới Nghiêm.

Ngài cố Đại trưởng lão Bửu Hạnh.

Ngài cố Đại trưởng lão Giới Hương.

Ngài cố Đại trưởng lão Pháp Minh.

Cùng các thân bằng quyến thuộc trong các đời quá khứ cho đến đời nay. Nhất là song thân Huỳnh Văn Tư và Nguyễn Kim Thị Huệ, cầu xin cho tất cả đều

thọ lãnh quả phước để hằng được sự tấn hoá, an vui lâu dài.

Và cũng với thiện sự nhỏ nhoi này xin cho tôi trong vòng luân hồi luôn được độc lập, có chánh kiến và không bao giờ bị lệ thuộc vào một ai cả. Một khi tôi đã kiến tạo thiện sự thì không có một tác nhân nào có thể làm trở ngại hoặc rơi vào những trường hợp nguy biến khốn cùng khiến cho tôi phải thối chuyển thiện pháp.

Khi được nghe và biết đến Chánh pháp xin cho tôi thông suốt nhanh chóng để làm duyên sớm chấm dứt sinh hữu trong thời Đức Phật vị lai.

Tỳ khưu Khải Minh.

KỆ LỄ BÀI TAM BẢO



**Namo Tassa Bhagavato Arahato
Sammāsambuddhassa**

**Āntaṃ jātijarādīnaṃ, akāsi dupaduttamo.
Anekussāhacittena, assāsentāṃ namāmihaṃ.**

*Đức Phật tối thượng giữa các loài hai chân. Với
sự tinh cần dũng mãnh. Ngài đã diệt khổ sinh, già ...
Con xin thành kính đánh lễ Ngài.*

**Nudeti rāgacittāni, nudāpeti paraṃ janaṃ
Nuna atthaṃ manussānaṃ, nusāsantaṃ
namāmihaṃ.**

*Đức Phật là bậc đạo sư, với tâm từ mẫn Ngài
hướng dẫn nhân loại thực hành đoạn tận tham ái.
Con xin thành kính đánh lễ Ngài.*

**Vantarāgaṃ vantadosaṃ,
vantamohaṃvantapāpaṃ.**

**Vantabālā micchadinnaṃ, vantatantaṃ
nāmāmihaṃ.**

Giáo pháp nào đoạn tuyệt tham, sân, si. Sát trừ tà kiến cùng ác bất thiện. Con xin thành kính đánh lễ Giáo pháp ấy.

**Tāresi sabbasattānaṃ, tāresi oramatīraṃ
Tarentaṃ mokkhasaṃsāraṃ, tārentantaṃ
namāmihaṃ.**

Chúng sinh nương vào Giáo pháp nào để vượt qua bốn bậc lưu, thoát khỏi bờ mê đến bến giác. Triệt tiêu phiền não và chấm dứt khổ luân hồi chúng đạt Nípàn.

Con xin thành kính đánh lễ Giáo pháp ấy.

**Lito yo sabbadukkhesu, likkhite
piṭakattaye.**

**Limpittepi suvaṇṇena, likkhantantaṃ
namāmihaṃ.**

Giáo pháp nào được các bậc Giáo thọ sư tiên bối ghi chép lại trong Tam Tạng, giúp chúng sinh thoát khỏi đau khổ. Con xin thành kính đánh lễ Giáo pháp ấy.

**Tosento devamanussānaṃ, tosentto
dhammadesapi.**

**Toseti duṭṭhacittāni, tosentantaṃ
namāmihaṃ.**

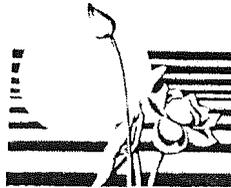
Chư Tăng nào giúp chư thiên và nhân loại hân hoan trong thiện pháp. Thuyết pháp làm cho họ duyệt, phấn chấn trong Pháp học, Pháp hành lẫn Pháp thành.

Khiến người có tâm hạ liệt, tội lỗi trở thành cao thượng, có năng lực làm giảm thiểu và đoạn tuyệt tội lỗi. Con xin thành kính đánh lễ Chư Tăng ấy.

**Sāsaṇaṃ sampaticchannaṃ, sāsaṇantaṃ
sivaṃ rammaṃ.**

**Sāsaṇaṃ anusāseyyaṃ, sāsaṇantaṃ
namāmihaṃ.**

Chư Tăng là bậc hành trì theo lời dạy của Đức Phật, là Pháp dẫn dắt chúng sinh đoạn trừ mọi trói buộc, tác chứng tối thượng lạc Nípàn. Bậc truyền thừa di sản tối thượng. Con xin thành kính đánh lễ các Ngài.



Giải Thích BỘ VỊ TRÍ **(PAṬṬHĀNAPAKARAṆA).**



Trong phần đầu của bộ thứ bảy, có những câu hỏi về từ ***Paṭṭhāna*** (*Vị trí*) như sau:

1- Hỏi. Vì sao bộ thứ bảy được gọi là ***Paṭṭhāna*** (*Vị trí*)?.

Đáp. Vì trình bày đến các duyên (paccayā) như *Nhân duyên* (hetuppaccaya)... nên được gọi là ***Paṭṭhāna*** (*Vị trí*).

2- Hỏi. Do nhân nào bộ thứ bảy được gọi là ***Paṭṭhāna*** (*Vị trí*)?

Đáp. Do phân tích các pháp như Pháp thiện, pháp bất thiện, pháp vô ký theo các duyên như: *Nhân duyên*, *Cảnh duyên* ... nên được gọi là ***Paṭṭhāna*** (*Vị trí*).

3- Hỏi. Do ý nghĩa nào, gọi là ***Paṭṭhāna*** (*Vị trí*) ?

- Do ý nghĩa là “nương theo *Toàn giác trí*”, nên được gọi là ***Paṭṭhāna*** (*Vị trí*).

* Hoặc giải đáp ngắn gọn để dễ nhớ là:

a- Trình bày 24 duyên từ Nhân duyên ... Bất ly duyên, nên gọi là ***Paṭṭhāna***.

b- Phân tích 24 duyên theo pháp thực tính, nên gọi là **Paṭṭhāna**.

c- Diễn đạt nương theo “Toàn giác trí”, nên gọi là **Paṭṭhāna**.

Thích giải (a).

Trong bộ **Paṭṭhāna** (Vị trí), trình bày sự sai biệt (nānāppakāra) về tính chất, phạm sự cùng các ý nghĩa làm nhân trợ giúp của các duyên. Như trong Sớ giải có ghi:

Kenatṭhena paṭṭhānanti? Nānāppakarapaccayaṭṭhena, pa karohi nānāppakārattham dīpeti, ṭhānasaddo paccayattham:

“Gọi là **Vị trí**, do ý nghĩa nào?”

*Do trình bày đến các duyên như Nhân duyên ... theo các trường hợp sai biệt nên gọi là **Vị trí**.*

Các duyên này trình bày tính chất theo các trường hợp sai biệt, như: Nhân duyên, Cảnh duyên ... Phạm sự thì trình bày ý nghĩa “*duyên là nhân trợ giúp*”.

Tóm lại: **Nānāppakarapaccaya** là “*duyên làm nhân trợ giúp theo các trường hợp sai biệt*”.

Nghĩa là. Trong mỗi một câu pháp có nhiều duyên trợ giúp, mỗi duyên lại có chi pháp khác nhau. Do vậy, được gọi là **nānāppakarapaccaya** (*duyên trợ giúp sai biệt*).

Trong **Paṭṭhānamūlatikā** có ghi:

Tattha ekassāpi dhammassa hetu ādīhi anekapaccayabhāvato ekekassa paccayassa anekadhammabhāvato ca nānāppakārapaccayatā veditabbā:

“Các bậc trí nên hiểu: Ở đây, một pháp trợ giúp cho nhiều pháp, nhiều pháp trợ giúp cho một pháp, nên gọi là “duyên trợ giúp sai biệt”.

Nghĩa là. Chỉ một pháp có thể trợ giúp cho nhiều pháp: Bằng Nhân duyên cũng có, bằng Cảnh duyên cũng có ... Và “trong mỗi duyên có nhiều chi pháp, không phải chỉ có một chi pháp.

Như định nghĩa từ **Paṭṭhāna** được trình bày theo câu giải:

Nānāppakārāni ṭhānāni paccayā etthāni: Paṭṭhānaṃ (Sāttamī bahubbīhi samāsaviggaha).

*“ Ở đây, các duyên diễn tiến theo các trường hợp sai biệt, gọi là **Vị trí**” .*

Tóm lại: “Một pháp có mãnh lực trợ giúp cho nhiều pháp. Mỗi duyên có nhiều chi pháp”.

Như: **Hetu hetusampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃ samuṭṭhānānañca rūpānaṃ hetupaccayena paccayo.**

Là câu pháp có mãnh lực làm duyên trợ giúp cho nhiều pháp hơn là một, như: Nhân duyên, Trường duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Y duyên, Quả duyên, Quyền duyên, Đạo duyên, Tương ưng

duyên, Bất tương ưng duyên, Hiện hữu duyên, Bất ly duyên.

Thích giải (b).

Sớ giải có ghi: **Aparo nayo, kenatthena patthānanti?. Vibhajjanatthena:**

“Gọi là **Vị trí** theo cách giải khác như thế nào? Do phân tích”.

Nghĩa là. Do phân tích các pháp như pháp thiện, pháp bất thiện, pháp vô ký ... theo *Nhân duyên, Cảnh duyên* ... nên được gọi là **Vị trí**.

Bản Sớ giải có định nghĩa từ *Patthāna* theo ý nghĩa này, như sau:

Kusalādayo dhammā hetupaccayādivasena patthiyanti vibhajjiyanti etthāti: Patthānam (trong *Adhikaraṇasādhana kitaviggaha*).

“Đức Thế Tôn phân tích các pháp như pháp thiện ... bằng cách phân loại theo *Nhân duyên* ... Do đó, được gọi là **Vị trí**”.

Nghĩa là. Bộ **Vị trí** phân tích các pháp trong bộ Pháp tụ (Dhammasaṅgaṇī) là: 22 Tam đề và 100 Nhị đề theo 24 duyên. Tức là phân tích các pháp từ “tam đề thiện cho đến nhị đề Vô tranh” theo *Nhân duyên, Cảnh duyên* ...

Thích giải (c).

Aparo nayo, kenatthena patthānanti? Patthitatthena:

“Gọi là *Vị trí* do ý nghĩa khác ra sao? Do Toàn Giác trí diễn đạt, nên gọi là *Vị trí*”.

Nghĩa là. Tuy bảy bộ Thắng Pháp từ bộ Pháp Tụ cho đến bộ *Vị trí*, đều do Đấng Toàn Giác thuyết giảng. Nhưng sáu bộ đầu lý pháp cùng văn tự chưa được thâm sâu quảng đại, viên mãn đối với Toàn Giác trí trong việc quán xét.

Khi bậc Tối thượng Đạo Sư suy xét về bộ Pháp Tụ, bộ Phân Tích, Bộ Nguyên Chất Ngũ, bộ Nhân Chế Định, bộ Song Đối thì hào quang chưa tỏa ra, vì Ngài suy xét diễn tiến theo thông thường không có sự đặc thù nào khởi hiện trong khi ấy.

Khi Đức Đạo sư suy xét đến bộ *Vị trí* thì hào quang 6 màu: Xanh lá cây (*nīla*), vàng (*pīta*), đỏ (*lohita*), trắng (*odata*), cam (*mañjittha*) và màu hào quang chói sáng (*pabhassarā*) tỏa ra từ kim thân của Đức Phật.

Vì bộ *Vị trí* quảng đại vô lượng, có lý nghĩa thâm sâu vi tế hơn tất cả mọi bộ kinh mà Ngài đã quán xét, là bộ thích ứng với Toàn Giác trí.

Do đó, khi quán xét bộ *Vị trí*, tâm Đức Thế Tôn phát sinh phi lạc về pháp nghĩa.

Như đại kinh ngữ *Timirapiṅgala* được dịp tung hoành trong đại dương sâu 84.000 dotuần, phần chấn hân hoan khi được vẫy vùng trong lòng đại dương.

Cũng vậy, tâm bậc Tối thượng Đạo sư hân hoan, phấn chấn khi suy xét pháp vi tế sâu xa quảng đại của bộ **Vị trí**.

Như có ví dụ trong Sớ giải rằng:

Mahāsamudde ca timi nāma mahāmaccho dviyojanasatiko, timiṅgalo, tiyojanasatiko, timipiṅgalo catuyojanātiko, timirapiṅgalo pañcayojanasatiko, anando timinando, ajjhāroho mahātimiti ime cattāro yojanasahassikā:

“Các loại kính ngư như Timi có thân dài 200 dotuần, Timiṅgala dài 300 dotuần, Timipiṅgala dài 400 dotuần, Timirapiṅgala dài 500 dotuần, và 4 loại kính ngư như Ananda, Timinanda, Ajjhāroha, Mahātimi dài 1.000 dotuần trong đại dương”.

Yathā hi timirapiṅgalamahāmaccho catu-rāsītiyo panasahassagambhīre mahāsamudde yeva okāsaṃ labhi, evameva sabbaññutaññānaṃ ekantanto mahāpakaraṇe yeva okāsaṃ labhi (Nidānavagga saṃyutta atthakathā).

“Kính ngư Timirapiṅgala được cơ hội lặn hụp tung hoành thỏa mãn dưới lòng đại dương sâu 84.000 do tuần như thế nào thì bậc Toàn Giác được cơ hội suy xét cùng tột riêng biệt trong bộ Vị trí cũng như thế đó”.

- Hào quang màu xanh lá cây túa ra từ tóc, lông và từ màu xanh của đôi mắt.

- Hào quang màu vàng túa ra từ da và từ màu vàng của đôi mắt.

- Hào quang màu đỏ tủa ra từ thịt, máu và từ màu đỏ của đôi mắt.

- Hào quang màu trắng tủa ra từ xương, răng và từ màu trắng của đôi mắt.

- Hào quang màu cam và màu chói sáng tủa ra từ khắp kim thân.

Hào quang sáu màu tỏa ra xuống bên dưới như khối vàng thải bỏ chất cặn bã, hào quang này xuyên qua lớp địa đại dày 240.000 dotuần, rồi đến lớp nước nâng đỡ mặt đất, tựa như vàng chảy lan ra từ nồi luyện kim, xuyên suốt qua lớp nước nâng đỡ lớp đất dày 480.000 dotuần, rồi đến lớp gió nâng đỡ lớp nước dày 960.000 dotuần, giống như khối vàng chồng chất lên nhau, rồi lại xuyên thấu lớp gió đến hạ tầng hư không.

Hào quang sáu màu phía trên phún lên đến tầng Tứ Đại Thiên Vương, rồi lần lượt xuyên qua tầng Tứ Đại Thiên Vương, tầng Đạo Lợi, tầng Dạ Ma, tầng Đầu Xuất, tầng Hóa Lạc Thiên, tầng Tha hóa tự tại cho đến 9 tầng Phạm Thiên giới hữu sắc đến cõi Quảng Quả, 5 cõi Tịnh Cư và 4 cõi Phạm Thiên Vô Sắc thấu đến thượng tầng hư không, cho đến tận cùng vô biên thế giới.

Không nơi nào mà hào quang không lan tỏa chiếu đến, mọi nơi đều được bao phủ bởi vàng sáng nhiệm màu của Đức Phật.

Hào quang này không phải thành tựu do chú nguyện cũng không phải thành tựu do tu tiến, hào

quang này khởi hiện từ việc suy xét pháp vi tế sâu xa quảng đại.

Chính do tâm sở sinh kiên cố không lay động nên máu của Ngài mới trong suốt, sắc Ý vật thuần khiết, màu da thanh tịnh sáng ngời.

Do đó, từ *Paṭṭhāna* trong bộ thứ bảy có ý nghĩa khác với từ *Paṭṭhāna* trong *Satipaṭṭhāna* (nhóm pháp giác phần trong chương 7).

A- Sáu nhóm trong bộ Vi trí.

1- **Vị trí Tam đề** (*tikapatṭhāna*). Phần chánh là 22 Tam đề, phân tích tuần tự mỗi tam đề theo 24 duyên.

2- **Vị trí Nhị đề** (*dukapatṭhāna*). Phần chánh là 100 Nhị đề, phân tích tuần tự mỗi Nhị đề theo 24 duyên.

3- **Vị trí Nhị đề - Tam đề** (*dukatikapatṭhāna*). Phần chánh là 22 tam đề phối hợp với 100 nhị đề, rồi phân tích tuần tự “mỗi phối hợp Tam - Nhị đề” theo 24 duyên.

4- **Vị trí Tam đề - Nhị đề** (*tikadukapatṭhāna*). Phần chánh là 100 nhị đề phối hợp với 22 tam đề, rồi phân tích tuần tự “mỗi phối hợp Nhị - Tam đề” theo 24 duyên.

5- **Vị trí Tam đề - Tam đề** (*tikatikapatṭhāna*). Phần chánh là 22 Tam đề phối hợp với 22 Tam đề, rồi phân tích tuần tự “mỗi phối hợp Tam-Tam đề” theo 24 duyên.

6- **Vị trí Nhị đề - Nhị đề** (*dukadukapatthāna*). Phần chánh là 100 nhị đề phối hợp với 100 nhị đề, rồi phân tích tuần tự “mỗi phối hợp Nhị-Nhị đề” theo 24 duyên.

B- Câu mẫu Đề trong sáu nhóm Vị trí.

1- **Vị trí Tam đề** gồm có: Các pháp thiện (*kusalā dhammā*), các pháp bất thiện (*akusalā dhammā*), các pháp vô ký (*abyākatā dhammā*) ... trong mẫu đề tam.

2- **Vị trí Nhị đề** gồm có: Các pháp nhân (*hetū dhammā*), các pháp phi nhân (*na hetū dhammā*) ... trong mẫu đề nhị.

3- **Vị trí Nhị đề - Tam đề** gồm có:

- Các pháp nhân thiện (*hetū kusalā dhammā*) - các pháp phi nhân thiện (*na hetū kusalā dhammā*).

- Các pháp nhân bất thiện (*hetū akusalā dhammā*)
- các pháp phi nhân bất thiện (*na hetū akusalā dhammā*).

- Các pháp nhân vô ký (*hetū abyākatā dhammā*) - các pháp phi nhân vô ký (*na hetū abyākatā dhammā*) ... trong mẫu đề nhị và mẫu đề tam.

4- **Vị trí Tam đề - Nhị đề** gồm có:

- Các pháp nhân thiện (*kusalā hetū dhammā*) - các pháp nhân bất thiện (*akusalā hetū dhammā*).

- Các pháp nhân vô ký (*abyākatā hetū dhammā*) - các pháp phi nhân thiện (*kusalā na hetū dhammā*).

- Các pháp phi nhân bất thiện (akusalā na hetū dhammā) - các pháp phi nhân vô ký (abyākatā na hetū dhammā) ... trong mẫu đề tam và mẫu đề nhị.

5- Vị trí Tam đề - Tam đề gồm có:

a- Các pháp thiện tương ưng lạc thọ (kusalā sukhāyavedanāyasampayuttā dhammā), các pháp bất thiện tương ưng lạc thọ (akusalā sukhāyavedanāyasampayuttā dhammā), các pháp vô ký tương ưng lạc thọ (abyākatā sukhāyavedanāyasampayuttā dhammā).

b - Các pháp thiện tương ưng khổ thọ (kusalā dukkhāyavedanāyasampayuttā dhammā), các pháp bất thiện tương ưng khổ thọ (akusalā dukkhāyavedanāyasampayuttā dhammā), các pháp vô ký tương ưng khổ thọ (abyākatā dukkhāyavedanāyasampayuttā dhammā).

c- Các pháp thiện tương ưng phi khổ phi lạc thọ (kusalā adukkhamasukhāyavedanāyasampayuttā dhammā), các pháp bất thiện tương ưng phi khổ phi lạc thọ (akusalā adukkhamasukhāyavedanāyasampayuttā dhammā), các pháp vô ký tương ưng phi khổ phi lạc thọ (abyākatā adukkhamasukhāyavedanāyasampayuttā dhammā) ... trong mẫu đề tam.

6- Vị trí Nhị đề - Nhị đề gồm có:

a- Các pháp nhân hữu nhân (hetū sahetukā dhammā) - các pháp phi nhân hữu nhân (na hetū sahetukā dhammā).

b- Các pháp nhân vô nhân (hetū ahetukā dhammā) - các pháp phi nhân vô nhân (na hetū ahetukā dhammā) ... trong mẫu đề nhị.

C- Mỗi nhóm Vị trí phân theo bốn luận cứ.

1- Pháp thuận từng (dhamma anuloma).

Đức Phật thuyết câu đầu và câu cuối hoặc câu gốc và câu ngọn, hay chủ từ và túc từ đều không có từ “*na*” (phủ nhận).

Như: **Siyā kusalam dhammam paṭicca, kusalo dhammo uppajjeyya hetupaccayā:**

“Pháp thiện nào sinh lên do nương vào pháp thiện, pháp thiện đó sinh lên bằng Nhân duyên phải chăng?”

2 - Pháp đối lập (dhammapaccanīya).

Đức Phật thuyết câu đầu lẫn câu cuối có từ “*na*”.

Như: **Siyā na kusalam dhammam paṭicca, na kusalo dhammo uppajjeyya hetupaccayā:**

“Pháp phi thiện nào sinh lên do nương vào pháp phi thiện, pháp phi thiện đó sinh lên bằng Nhân duyên phải chăng?”

3- Pháp thuận từng - đối lập (dhamma anulomapaccanīya).

Đức Phật thuyết câu đầu không có từ “*na*”, nhưng câu cuối thì có từ “*na*”.

Như: **Siyā kusalaṃ dhammaṃ paṭicca, na kusalo dhammo uppajjeyya hetupaccayā:**

“Pháp thiện nào sinh lên do nương vào pháp phi thiện, pháp phi thiện đó sinh lên nương vào Nhân duyên phải chăng?”.

4- **Pháp đối lập - thuận từng**
(dhammapaccanīyānuloma).

Đức Phật thuyết câu đầu có từ “na” , nhưng câu cuối thì không có từ “na”.

Như: **Siyā na kusalaṃ dhammaṃ paṭicca, kusalo dhammo uppajjeyya hetupaccayā:**

“Pháp phi thiện nào sinh lên do nương vào pháp thiện, pháp thiện đó sinh lên bằng Nhân duyên phải chăng?”.

Mỗi nhóm “vị trí” có bốn cách, như vậy có tất cả là 24 nhóm “vị trí”. Như nhóm “vị trí tam đề” có bốn phần là: Phần thuận, phần đối lập, phần thuận – đối lập, phần đối lập - thuận; năm nhóm “vị trí” còn lại cũng diễn tiến tương tự.

Các bậc Đại trưởng lão kết tập Tam Tạng có kệ ngôn trong bộ Vị trí như vầy:

1- **Tikañca paṭṭhānavaraṃ dukuttamaṃ; dukam tikañceva tikam dukañca. Tikam tikañceva dukam dukañca; cha anulomamhi nayā sugambhīrā.**

2- **Tikañca paṭṭhānavaraṃ dukuttamaṃ; dukam tikañceva tikam dukañca. Tikam**

tikañceva dukamaṃ dukañca; cha paccanīyamhi nayā sugambhīrā.

3- Tikañca paṭṭhānavaram dukuttamaṃ; dukamaṃ tikañceva tikamaṃ dukañca. Tikamaṃ tikañceva dukamaṃ dukañca; cha anulomapaccanīyamhi nayā sugambhīrā.

4- Tikañca paṭṭhānavaram dukuttamaṃ; dukamaṃ tikañceva tikamaṃ dukañca. Tikamaṃ tikañceva dukamaṃ dukañca; cha paccanīyanulomamaṃhi nayā sugambhīrā.

“Đức Phật thuyết: Pháp thuận từng, pháp đối lập, pháp thuận từng - đối lập, pháp đối lập - thuận từng; thâm sâu vì tế đặc thù cùng tột hiện hữu trong sáu nhóm vị trí như: Vị trí Tam đề, vị trí Nhị đề, vị trí Nhị đề - Tam đề, vị trí Tam đề - Nhị đề, vị trí Tam đề - Tam đề, vị trí Nhị đề - Nhị đề” (Bộ Vị trí trang 20-21-23-24).

Lược yếu số lượng nhóm “vị trí”.

* Trong phần “pháp thuận từng” có:

- Vị trí Tam đề có 22 câu.
- Vị trí Nhị đề có 100 câu.
- Vị trí Nhị đề - Tam đề có 6.600 câu .
- Vị trí Tam đề - Nhị đề có 4.400 câu.
- Vị trí Tam đề - Tam đề có 1.386 câu.
- Vị trí Nhị đề - Nhị đề có 19. 800 câu.

Như vậy có tất cả là 32.308 câu.

* Trong ba phần còn lại: Phần đối lập, phần thuận từng - đối lập, phần đối lập - thuận từng; mỗi phần cũng có 32.308 câu.

Tổng cộng có tất cả là $32.308 \times 4 = 129.232$ câu (vị trí).

Với 129. 232 vị trí, Đức thế Tôn thuyết cạn kẽ chi li, mỗi nhóm vị trí Ngài thuyết phân ra thành 7 phần là: “*Liên quan*” (paṭiccavāra), “*đồng sinh*” (sahajātavāra), “*duyên*” (paccayavāra), “*nương nhờ*” (nissayavāra), “*hòa hợp*” (saṃsatthavāra), “*tương ứng*” (sampayuttavāra) và “*yếu tri*” (pañhāvāra).

Trong mỗi phần Ngài thuyết phân ra thành 4 luận cứ duyên (paccāyanaya): Duyên thuận từng, duyên đối lập, duyên thuận từng - đối lập, duyên đối lập - thuận từng.

Trong số lượng 4 luận cứ duyên thì trong duyên thuận từng và duyên đối lập, có hai số lượng (saṃkhayāvāra): Số lượng đơn (suddhasaṃkhayāvāra) và số lượng đôi (dukādisaṃkhayāvāra).

Đối với duyên thuận từng - đối lập và duyên đối lập - thuận từng thì Ngài chỉ thuyết thuần nhất về “số lượng đôi”.

Việc trình bày 24 duyên chủ yếu theo Tam đề và Nhị đề, với từng phần khác nhau như thế.

Nên hiểu rằng nếu tính chi tiết rộng rãi thì số lượng lên đến hàng chục triệu (koṭi), vì thế học viên vào thời kỳ này không thể nào học và hiểu cho hoàn chỉnh thấu đáo viên mãn theo chi tiết được. Do đó, Ngài Giáo thọ sư Sớ giải sư, gọi bộ Vị trí là *Anantanayasamantamahāpakaraṇa* (Bộ có vô số lý vi diệu chi ly hoàn hảo).

Số lượng sáu nhóm và bốn luận cứ.

1- Vị trí Tam đề. Một tam đề là “một vị trí”.

Đức Thế Tôn thuyết 22 tam đề, nên có số lượng là 22 vị trí.

2- Vị trí Nhị đề. Một Nhị đề là “một vị trí”.

Đức Thế Tôn thuyết 100 Nhị đề, nên có số lượng là 100 vị trí.

3- Vị trí Nhị đề - Tam đề. Một Nhị đề x một câu Tam đề là “một vị trí”.

Đức Thế Tôn thuyết 66 câu Tam đề (mỗi Tam đề có ba câu x 22 Tam đề = 66 câu), lấy 66 câu Tam đề x 100 Nhị đề = 6.600 vị trí.

4- Vị trí Tam đề - Nhị đề. Một Tam đề x một câu Nhị đề là “một vị trí”.

Đức Thế Tôn thuyết 200 câu Nhị đề (mỗi Nhị đề có 2 câu x 100 Nhị đề = 200 câu), lấy 200 câu Nhị đề x 22 Tam đề = 4.400 vị trí.

5- Vị trí Tam đề - Tam đề. Một câu Tam đề x một Tam đề là “một vị trí”.

Đức Thế Tôn thuyết một Tam đề x 63 câu (21 Tam đề còn lại x ba câu = 63 câu), có tất cả 22 Tam đề, thành ra 22 x 63 câu = 1.386 vị trí.

6- Vị trí Nhị đề - Nhị đề. Một Nhị đề x một câu là “một vị trí”.

Đức Thế Tôn thuyết một Nhị đề x 198 câu (99 Nhị đề còn lại x 2 câu = 198 câu), có tất cả 100 Nhị đề, thành ra 100 x 198 câu = 19.800 vị trí.

Như vậy, tổng sáu “vị trí” trong phần thuận tụng là 32.308 vị trí.

Lấy 32.308 x 4 phần = 129.232 vị trí

Ghi chú: số lượng vị trí này không phải là số lượng của phần vấn hỏi (pucchāvāra).

D- Thích giải dẫn chứng Pāli & phương pháp học.

Điều dẫn chứng Pāli được nêu lên trình bày trong 4 luận cứ như: **Siyā kusalam dhammam paṭicca ...** đều là câu hỏi mà Đức Phật nêu lên thuyết riêng biệt trong bộ Vị trí gọi là *phần vấn hỏi* (pucchāvāra) thuộc *phần liên quan* (paṭiccavāra).

Còn câu đáp thì Ngài đáp theo bảy cách: “*Liên quan*” (paṭiccavāra), “*đồng sinh*” (sahajātavāra), “*duyên*” (paccayavāra), “*nương nhờ*” (nissayavāra), “*hòa hợp*” (saṃsaṭṭhavāra), “*tương ứng*” (sampayuttavāra) và “*yếu tri*” (pañhāvāra).

Trong bảy cách giải đáp, thì cách **yếu tri** rộng hơn sáu cách còn lại.

Do đó, **tôi** ⁽¹⁾ không biên soạn cách giải đáp của sáu phần đó vào trong bộ này, chỉ biên soạn cách giải đáp thuần nhất trong phần **yếu tri** mà thôi.

Lại nữa, trong bảy phần này thì sáu phần đầu có hai câu: câu **túc từ** (kammapada) và câu **chủ từ** (kattupada). Câu “**túc từ**” chỉ cho **năng duyên**, câu “**chủ từ**” chỉ cho **sở duyên**.

Đức Phật nêu **pháp sở duyên** là chủ yếu trong sáu phần này, vì vậy trong sáu phần này, **pháp sở duyên** được xếp vào phần **thuận tùng** (anuloma), pháp nào ngoài **sở duyên** được xếp vào phần **đôi lập** (paccanīya).

Trong phần **yếu tri** cũng có hai câu là: Câu “**chủ từ**” (kattupada) và câu “**sở thuộc từ**” (sampadāna). **Chủ từ** thì nói đến **năng duyên**, **sở thuộc từ** nói đến **sở duyên**.

Đức Phật nêu **pháp năng duyên** là chủ yếu, vì vậy trong phần “**yếu tri**”, **pháp năng duyên** được xếp vào phần **thuận tùng**, pháp nào “ngoài năng duyên” được xếp vào phần **đôi lập**.

Lại nữa, trong sáu cách đầu: Cách **liên quan** và cách **đồng sinh**; cách **duyên** và cách **nương nhờ**; cách **hòa hợp** và cách **tương ưng**; các phần này có ý nghĩa giống nhau, chỉ khác từ ngữ mà thôi.

(1)- Chỉ cho Soạn giả.

Trong việc thuyết về 24 duyên, Đức Thế Tôn phân mỗi duyên ra thành ba nhóm pháp:

a- Pháp năng duyên (paccayadhamma) là pháp nhân.

b-Pháp sở duyên (paccayuppannadhamma) là pháp quả.

c- Pháp nghịch duyên (paccanikadhamma) là “không phải pháp quả”.

Như định nghĩa sau đây:

***Vê năng duyên** (paccaya).

Paṭicca phalaṃ ayati etasmāti: Paccayo:

(Kittaviggaha apādānasādhana tiền vị ngữ Paṭi + ngữ căn AVA + A biến cách).

“*Pháp quả hiện khởi tồn tại do nương vào pháp nhân, nên pháp nhân được gọi là năng duyên*”. Hay:

Paṭicca phalaṃ eti gacchati pavattati etasmāti: Paccayo:

(Kittaviggaha apādānasādhana tiền vị ngữ Pati + ngữ căn I + A biến cách).

“*Nương vào pháp nhân, pháp quả sinh lên tồn tại, pháp nhân ấy được gọi là năng duyên*”.

***Vê sở duyên** (paccayuppanna).

Paccayato uppanaṃ: Paccayuppannaṃ:

(Pañcamītappurissamāsa Paccaya + uppanna).

“Pháp quả sinh lên từ năng duyên, gọi là sở duyên”.

***Vê nghịch duyên** (paccanika).

Paccayuppanna pativiruddham anīkaṃ: Paccanikaṃ;

(Kammadhārayasamāsavisesana pubbapada Paṭi + Anīka).

“Pháp đối lập lại với sở duyên gọi là nghịch duyên”. Hay:

Paccayuppanna paccati virujjhatīti: Paccaniko:

(Kattusādhana kittavigaha ngữ căn Pacca + Anīya; YA biến cách thành KA).

“Pháp nào đối lập lại với sở duyên pháp đó gọi là nghịch duyên”.

Theo định nghĩa trên cho thấy “pháp nghịch duyên không phải là “pháp nhân lẫn pháp quả”, như một số người đã hiểu”. Pháp nghịch duyên là “**không phải pháp quả**”, nhưng không “**loại trừ năng duyên**”.

Nghĩa là: “**Nghịch duyên là pháp nhân cũng có, không là pháp nhân cũng có**”.

Tóm lại: “Pháp nghịch duyên là năng duyên cũng được, không là năng duyên cũng được”.

Như trong Nhân duyên, năng duyên là “tâm sở Si hợp trong hai tâm Si”, tâm sở Si này “**vừa là năng**

duyên, vừa là nghịch duyên”, 28 sắc pháp “*là nghịch duyên, vừa là cảnh năng duyên cũng được*”, nhưng không là “*cảnh sở duyên*” được.

Là năng duyên không được, như: Tâm vô nhân, sắc Tâm vô nhân, sắc Nghiệp tục sinh vô nhân, sắc Ngoại, sắc Vật thực, sắc Thời tiết, sắc Nghiệp Vô tướng, sắc Nghiệp bình nhật; các pháp “nghịch duyên” này, không làm năng duyên được, nên các pháp “nghịch duyên” này mới “ngoài pháp nhân và pháp quả”.

Học viên nên học thuộc lòng bộ Vị trí về phần “**giải rộng duyên**” (*paccayaniddesa*) và “**phần toát yếu**” về ba nhóm pháp trong 24 duyên cho thấu đáo chín chắn. Còn lời giải thích và phần vấn đáp ... chỉ đọc cho hiểu cũng được.

I- DUYÊN TÓM GỌN.

(Paccayuddesa).

B- Pāli và lời dịch.

1- *Hetupaccayo* (Nhân duyên): Pháp trợ giúp bằng nhân.

2- *Ārammaṇapaccayo* (Cảnh duyên): Pháp trợ giúp bằng cảnh.

3- *Adhipatipaccayo* (Trưởng duyên): Pháp trợ giúp bằng trưởng.

4- *Anantarapaccayo* (Vô gián duyên) : Pháp trợ giúp bằng cách nối tiếp nhau không gián đoạn.

5- *Samanantarapaccayo* (Đẳng vô gián duyên) : Pháp trợ giúp bằng cách nối tiếp nhau liên tục.

6- *Sahajātapaccayo* (Đồng sinh duyên) : Pháp trợ giúp bằng cách đồng sinh.

7- *Aññamaññapaccayo* (Hỗ tương duyên): Pháp trợ giúp bằng cách giúp qua giúp lại.

8- *Nissayapaccayo* (Y duyên): Pháp trợ giúp bằng cách làm nơi nương.

9- *Upanissayapaccayo* (Cận y duyên): Pháp trợ giúp bằng cách làm nơi nương mạnh mẽ.

10- *Purejātapaccayo* (Tiền sinh duyên): Pháp trợ giúp bằng cách sinh trước.

11- *Pacchājātapaccayo* (Hậu sinh duyên): Pháp trợ giúp bằng cách sinh sau.

12- *Āsevanapaccayo* (Tập hành duyên): Pháp trợ giúp bằng cách hưởng thụ liên tục.

13- *Kammapaccayo* (Nghệp duyên): Pháp trợ giúp bằng cách sắp xếp làm cho thành tựu nghiệp.

14- *Vipākapaccayo* (Quả duyên): Pháp trợ giúp bằng cách cho quả khác thời gian, như đạt đến chín mùi và chấm dứt sức mạnh.

15- *Āhārapaccayo* (Vật thực duyên): Pháp trợ giúp bằng cách “đem đến” .

16- **Indriyapaccayo** (Quyền duyên): Pháp trợ giúp bằng cách cai quản.

17- **Jhānapaccayo** (Thiền duyên): Pháp trợ giúp bằng cách chú vào cảnh.

18- **Maggapaccayo** (Đạo duyên): Pháp trợ giúp bằng cách làm cho thành đạo lộ.

19- **Sampayuttapaccayo** (Tương ưng duyên): Pháp trợ giúp bằng cách hòa trộn.

20- **Vippayuttapaccayo** (Bất tương ưng duyên): Pháp trợ giúp bằng cách không hòa trộn.

21- **Atthipaccayo** (Hiện hữu duyên): Pháp trợ giúp bằng cách hiện hữu.

22- **Natthipaccayo** (Vô hữu duyên): Pháp trợ giúp bằng cách không hiện hữu.

23- **Vigatapaccayo** (Ly duyên): Pháp trợ giúp bằng cách chia lìa.

24- **Avigatapaccayo** (Bất ly duyên): Pháp trợ giúp bằng cách không chia lìa.

II- DUYÊN GIẢNG RỘNG.

(Paccayaniddesa).

Khi Đức Phật thuyết “*duyên tóm lược*” (paccayuddesa) xong rồi, Ngài “*giảng rộng về các duyên*” (paccayaniddesa).

Trong phần “*giảng rộng về duyên*”, mỗi duyên Đức Thế Tôn thuyết theo hai cách tuần tự là: *Niddisitabba* và *Nidassanākāra*.

Từ *niddisitabba* (nêu lên trước), là Đức Phật giải thích câu pháp theo tiêu đề, tên của mỗi duyên được nêu lên trước.

Từ *nidassanākāra* (giảng rộng), Ngài thuyết giảng rộng ý nghĩa về tiêu đề pháp cho đầy đủ.

1- Giảng rộng NHÂN DUYÊN.

(*Hetupaccayaniddesa*).

A- Câu khai nhập.

Paccayuddese yo yādiso paccayo hetupaccayoti bhagavatā uddiṭṭho so tādiso paccayo paccayaniddese, hetū hetusampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃsamuṭṭhānānañca rūpānaṃ hetupaccayena paccayoti bhagavatā niddiṭṭho:

Duyên nào được Đức Thế Tôn thuyết tóm gọn là “Nhân duyên” (hetupaccayo), duyên ấy được Ngài thuyết chi tiết trong phần “giảng rộng NHÂN DUYÊN” rằng:

Hetū hetusampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃsamuṭṭhānānañca rūpānaṃ hetupaccayena paccayo.

Các duyên khác cũng được Đức Thế Tôn “khai nhập” tương tự, nên không đề cập đến Pāli văn nữa, chỉ trình bày câu khai nhập bằng Việt ngữ.

B- Pāli và lời dịch.

Hetū hetusampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃsamuṭṭhānānañca rūpānaṃ hetupaccayena paccayo:

“Sáu nhân làm điều kiện trợ giúp cho 81 tâm hữu nhân, 52 tâm sở đồng sinh (trừ tâm sở Si hợp trong tâm Si), sắc Tâm hữu nhân và sắc tục sinh hữu nhân bằng Nhân duyên.

C- Phân tích câu và chi pháp.

Khi thuyết “giảng rộng NHÂN DUYÊN”, Đức Thế Tôn nêu **Nhân duyên** (hetupaccayo) lên trước (niddisitabba), rồi Ngài thuyết giảng để làm sáng tỏ ý nghĩa” (nidassanākāra), như sau:

Hetū hetusampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃsamuṭṭhānānañca rūpānaṃ hetupaccayena paccayo.

D- Giảng giải (nidassanākāra).

Hetū là chủ từ (kattupada), cho biết năng duyên là “6 nhân, như: Nhân tham ...”

Hetusampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃsamuṭṭhānānañca rūpānaṃ là “sở thuộc từ” (sampadānapada), cho biết sở duyên là “81 tâm hữu nhân, 52 tâm sở hợp, sắc Tâm hữu nhân, sắc Nghiệp tục sinh hữu nhân (trừ tâm sở Si hợp trong 2 tâm Si).

Hetupaccayena là “sở dụng từ” (karaṇapada), cho biết mãnh lực của Nhân duyên trong 12 duyên có

cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Nhân duyên, Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Tương ứng duyên, Đồng sinh bất tương ứng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo là “danh động từ” (*nāmakiriya*), trình bày việc trợ giúp cho sở duyên bằng đặc tánh vô ngã (**paccayo: upakāra** *hoti*).

Nghĩa là việc “sinh lên, tồn tại và phát triển” của sở duyên là “do sự trợ giúp của năng duyên, **năng duyên** này chẳng phải là ta, là người có thể cai quản, sai khiến sở duyên sinh lên, tồn tại và phát triển.

Do đó, Đức Phật mới thuyết là **paccayo**, Ngài không thuyết là **hetupaccayo** hoặc **hetupaccayenapaccayo**.

Lại nữa, sở dụng từ **hetupaccayena**, cho biết “mãnh lực của Nhân duyên đặc biệt hơn trong tất cả 12 duyên về sự trợ giúp”, tuy 12 duyên này có cùng tính chất với nhau theo tương ứng tùy theo năng duyên và sở duyên.

Gọi là: “Theo tương ứng với năng duyên và sở duyên”, khi phân tích năng duyên và sở duyên theo riêng biệt thêm nữa thì sẽ được số lượng duyên phối hợp (*ghaṭanā*) như sau:

E- Nhân duyên phối hợp.

Trong Nhân duyên có 24 cách phối hợp:

Chín (9) cách phối hợp “*thông thường*” (samaññaghaṭanā) (Biến hành).

Chín (9) cách phối hợp “*có quyền, có đạo*” (sa indriyamaggaghaṭanā) (hữu quyền đạo).

Sáu (6) cách phối hợp “*có quyền là trưởng, có đạo là trưởng*” (sādhipati indriyamaggaghaṭanā).

*** Chín cách phối hợp thông thường.**

a'- Bốn cách phối hợp không có pháp quả (avipāka).

1'- Phối hợp “*phổ biến*” (sabbatṭhānikaghaṭanā).

Năng duyên. Sáu nhân.

Sở duyên. 4 danh uẩn tương ưng, sắc Tâm hữu nhân, sắc Nghiệp tục sinh hữu nhân.

Có 5 duyên phối hợp: Nhân duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

2'- Phối hợp “*có hỗ tương*” (có giúp qua giúp lại - sa aññamaññaghaṭanā).

Năng duyên. Sáu nhân.

Sở duyên. 4 danh uẩn tương ưng và sắc Ý vật .

Có 6 duyên phối hợp: Nhân duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

3'- Phối hợp “*có hỗ tương – tương ứng*” (giúp qua giúp lại và hoà trộn - sa aññamaññasampayuttaḥaṭṭanā).

Năng duyên. Sáu nhân.

Sở duyên. 4 danh uẩn.

Có 7 duyên phối hợp: Nhân duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Tương ứng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

4'- Phối hợp “*có bất tương ứng*” (không hòa trộn - sa vippayuttaḥaṭṭanā).

Năng duyên. Sáu nhân

Sở duyên. Sắc Tâm hữu nhân, sắc Nghiệp tục sinh hữu nhân.

Có 6 duyên phối hợp: Nhân duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh bất tương ứng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

b'- Năm cách có pháp quả (savipāka).

1'- Phối hợp “*phổ biến*” (sabbatṭhānikahaṭṭanā).

Năng duyên. Vô tham, Vô sân, Vô si trong tâm quả.

Sở duyên. 4 danh uẩn tương ứng, sắc Tâm quả hữu nhân, sắc Nghiệp tục sinh hữu nhân.

Có 6 duyên phối hợp: Nhân duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

2'-Phối hợp "có hỗ tương" (sa aññamaññaghaṭanā).

Năng duyên. Ba nhân trong tâm quả.

Sở duyên. 4 danh uẩn tương ưng, sắc Ý vật

Có 7 duyên phối hợp: Nhân duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

3- Phối hợp "có hỗ tương - tương ưng" (sa aññamaññasampayuttaghaṭanā).

Năng duyên. Ba nhân trong tâm quả.

Sở duyên. 4 danh uẩn tương ưng.

Có 8 duyên phối hợp: Nhân duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

4'- Phối hợp "có bất tương ưng" (sa vippayuttaghaṭanā).

Năng duyên. Ba nhân trong tâm quả.

Sở duyên. Sắc Tâm quả hữu nhân, sắc Nghiệp tục sinh hữu nhân.

Có 7 duyên phối hợp: Nhân duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

5'- Phối hợp “*có hỗ tương - bất tương ưng*” (sa aññamaññavippayuttaghaṭanā).

Năng duyên. Ba nhân trong 13 tâm Tục sinh hữu nhân ngũ uẩn.

Sở duyên. Sắc Ý vật tục sinh.

Có 8 duyên phối hợp: Nhân duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Quả duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

*** Chín cách trợ giúp “có quyền – đạo”.**

a'- Bốn cách không có pháp quả (avipāka).

1'- Phối hợp có “*quyền - đạo*” phổ biến (sa indriyamaggasabbaṭṭhānikaghaṭanā).

Năng duyên. Vô si.

Sở duyên. 4 danh uẩn tương ưng, sắc Tâm hữu nhân, sắc Nghiệp tục sinh hữu nhân.

Có 7 duyên phối hợp: Nhân duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Đồng sinh Hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

2'- Phối hợp “*có hỗ tương*” (sa aññamaññaghaṭanā).

Năng duyên. Nhân Vô si.

Sở duyên. 4 danh uẩn tương ưng, sắc Ý vật.

Có 8 duyên phối hợp: Nhân duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

3'- Phối hợp “*có hỗ tương – tương ưng*” (sa aññamaññasampayuttaḥaṭaṇā).

Năng duyên. Nhân Vô si.

Sở duyên. 4 danh uẩn tương ưng.

Có 9 duyên phối hợp: Nhân duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

4'- Phối hợp “*có bất tương ưng*” (sa vippayuttaḥaṭaṇā).

Năng duyên. Nhân Vô si.

Sở duyên. Sắc Tâm hữu nhân, sắc Nghiệp tục sinh hữu nhân.

Có 8 duyên phối hợp: Nhân duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

***b'*- Năm cách có pháp quả.**

1'- Phối hợp “*có quyền- đạo phõ biến*” (sa indriyamaggasabbatṭhānikaghaṭanā).

Năng duyên. Nhân Vô si trong tâm quả.

Sở duyên. 4 danh uẩn tương ưng, sắc Tâm quả hữu nhân, sắc Nghiệp tục sinh hữu nhân.

Có 8 duyên phối hợp: Nhân duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

2'- Phối hợp “*có hõ tương*” (sa aññamaññaghaṭanā).

Năng duyên. Nhân Vô si trong tâm quả.

Sở duyên. 4 danh uẩn tương ưng và sắc Ý vật.

Có 9 duyên phối hợp: Nhân duyên, Đồng sinh duyên, Hõ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

3'- Phối hợp “*có hõ tương – tương ưng*” (sa aññamaññasampayuttaghaṭanā).

Năng duyên. Nhân Vô si hợp trong tâm quả.

Sở duyên. 4 danh uẩn tương ưng.

Có 10 duyên phối hợp: Nhân duyên, Đồng sinh duyên, Hõ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Tương

ung duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

4'- Phối hợp “*có bất tương ưng*” (sa vippayuttaghaṭanā).

Năng duyên. Nhân Vô si trong tâm quả.

Sở duyên. Sắc Tâm quả hữu nhân, sắc Nghiệp tục sinh hữu nhân.

Có 9 duyên phối hợp: Nhân duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

5-Phối hợp “*có hỗ tương - bất tương ưng*” (sa aññamaññavippayuttaghaṭanā).

Năng duyên. Nhân Vô si trong 9 tâm Tục sinh tam nhân ngũ uẩn.

Sở duyên. Sắc Ý vật tục sinh.

Có 10 duyên phối hợp: Nhân duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

*** Sáu cách trợ giúp “*có trường - quyền - đạo*”.**

a'- Ba cách “*không có pháp quả*” (navipāka).

1'- Phối hợp “*có trường - quyền - đạo phổ biến*” (sādhipati indriyamaggasabbaṭṭhānikaghaṭanā).

Năng duyên. Trí trường (nhân Vô si).

Sở duyên. 4 danh uẩn hữu trường tương ưng, sắc Tâm hữu trường.

Có 8 duyên phối hợp: Nhân duyên, Đồng sinh trường duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

2- Phối hợp “*có hổ tương - tương ưng*” (sa aññamaññasampayuttaghaṭṭanā).

Năng duyên. Trí trường (nhân Vô si).

Sở duyên. 4 danh uẩn hữu trường tương ưng.

Có 10 duyên phối hợp: Nhân duyên, Đồng sinh trường duyên, Đồng sinh duyên, Hổ tương duyên, Đồng sinh y duyên, đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

3- Phối hợp “*có bất tương ưng*” (sa vippayuttaghaṭṭanā).

Năng duyên. Trí trường (nhân Vô si).

Sở duyên. Sắc Tâm hữu trường.

Có 9 duyên phối hợp: Nhân duyên, Đồng sinh trường duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

* **Ba cách “có pháp quả”** (sa vipāka):

1- Phối hợp “có trưởng - quyền - đạo phõ biến (sādhipatindriyamaggasabbatṭhānikaghaṭanā).

Năng duyên. Trí trưởng (nhân Vô si) trong 4 tâm quả Siêu thế.

Sở duyên. 4 danh uẩn tương ứng, sắc Tâm hữu trưởng.

Có 9 duyên phối hợp: Nhân duyên, Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

2- Phối hợp “có hỗ tương – tương ứng” (sa aññamaññasampayuttaḡaṭanā).

Năng duyên. Trí trưởng (nhân Vô si) hợp trong 4 tâm Quả Siêu thế.

Sở duyên. 4 danh uẩn tương ứng với Thảm trưởng.

Có 11 duyên phối hợp: Nhân duyên, Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Tương ứng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

3- Phối hợp “có bất tương ứng” (sa vippayuttaḡaṭanā).

Năng duyên. Trí trưởng (nhân Vô si) trong 4 tâm quả Siêu thế.

Sở duyên. Sắc Tâm hữu trường.

Có 10 duyên phối hợp: Nhân duyên, Đồng sinh trường duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Thích giải.

Trong phần “*giải rộng Nhân duyên*” (hetupaccayaniddesa), *năng duyên* là “danh pháp (tâm sở)”, nên Đức Phật thuyết là *hetū*. Còn sở duyên là “danh lẫn sắc”.

Vê danh. Là 71 tâm hữu nhân, 52 tâm sở đồng sinh (trừ tâm sở *Si* hợp trong hai tâm *Si*), nên Ngài thuyết: *Hetusampayuttakānaṃ dhammānaṃ* (pháp tương ưng *nhân*).

Tâm vô nhân, tâm sở *Si* hợp trong tâm *Si*, không phải là “pháp tương ưng *nhân*”, tức là “không đồng sinh với pháp *nhân*” nên không là sở duyên. Vì thế, các pháp này là *ngịch duyên*.

Vê sắc. Là sắc Tâm hữu nhân nương sinh từ 6 nhân, sắc Nghiệp tục sinh đồng sinh với tâm quả hữu nhân. Các sắc pháp này là *sở duyên*, nên Đức Phật thuyết: *Taṃ samuṭṭhānānañca rūpānaṃ* (sắc liên hệ đến nhân ấy).

Sắc Tâm vô nhân, sắc Nghiệp tục sinh (bởi tâm vô nhân), sắc Ngoại (tức sắc Thời tiết phi mạng quyền),

sắc Vật thực, sắc Thời tiết hữu mạng quyền (sa indriyabaddha utujarūpa), sắc Nghiệp Vô tướng, sắc Nghiệp bình nhật của chúng sinh sinh lên từ “tâm vô nhân”. Các sắc pháp này là **ngịch duyên**.

Các học viên nên “nắm vững” đặc tính “*pháp nghịch duyên*” như đã giải thích ở trên, từ đó mới hiểu được phần trình bày tóm tắt ý nghĩa của 3 nhóm pháp: Năng duyên, sở duyên, nghịch duyên trong 24 duyên.

Nghĩa là “pháp nghịch duyên” không phải là “sở duyên”, pháp ấy có thể “vừa là năng duyên, vừa là nghịch duyên” như tâm sở Si có trong hai tâm Si.

Pháp “ngịch duyên duy nhất”, không là “năng duyên cũng không là sở duyên”, như “sắc pháp” nêu trên.

Trong các duyên khác cũng phải hiểu “*pháp nghịch duyên*” như thế.

Lại nữa, trong câu **taṃ samuṭṭhānānañca rūpānaṃ** (các sắc liên hệ đến nhân) có chi pháp như đã đề cập trên.

Trong Sớ giải bộ Vị trí, các Ngài trình bày định nghĩa câu này rằng:

Te hetū ceva hetusampayuttakā ca dhammā samuṭṭhānā etesanti: Taṃ samuṭṭhānāni:

“Các pháp nương sinh tức sáu nhân và pháp đồng sinh với sáu nhân, nhóm sắc nào liên hệ với

các pháp nương sinh ấy, được gọi là “sắc nương sinh” (tam samuṭṭhānā).

Sắc Tâm hữu nhân là sắc nương sinh từ tâm đồng sinh với 6 nhân.

Sắc Nghiệp tục sinh hữu nhân là sắc nương sinh từ 13 tâm quả (tục sinh) hữu nhân.

Sắc Nghiệp tục sinh được kể là chi pháp của nhóm sắc nương sinh (tam samuṭṭhānānañca rūpānaṃ), vì sắc Nghiệp sinh lên vào sátna tục sinh có nhân gần “là tâm Tục sinh”, hoặc có thể nói là “nương sinh từ tâm Tục sinh” cũng được.

Do đó, sắc Nghiệp tục sinh này là “sở duyên” của tâm Tục sinh hữu nhân, còn được gọi là “sắc Tâm tục sinh” (paṭisandhicittajarūpa) tương ứng.

Ngược lại, sắc Nghiệp bình nhật sinh lên chi liên quan thuần nhất với nghiệp quá khứ, nên không kể vào “sở duyên”.

Có những câu Pāli giải thích như sau:

1- Mūlaṭṭhena upakāraḥ dhammo hetupaccayo:

“Pháp trợ giúp ủng hộ bằng cách làm gốc rễ gọi là Nhân duyên”.

2- Garūpadesahīno hi atthasāraṃ navandati atthasāravihīno so saddhammā parihāyati:

“Người không quan tâm lắng nghe pháp nghĩa nơi lời giảng dạy của Giáo thọ sư thì thường hiểu

sai lệch lý pháp. Vì thế diệu pháp lâm vào tình trạng hoại vong. Người đó được gọi là viển lý pháp nghĩa”.

3- Te hetū ceva hetusampayuttakā ca dhammā samuṭṭhānā etesanti taṃsamuṭṭhānāni:

“Sắc nào nương sinh từ “nhân và tương ứng nhân”, sắc đó gọi là “sắc nương sinh từ nhân (taṃ samuṭṭhāna)”.

4- Iminā cittasamuṭṭhānarūpaṃ gaṇhati:

“Bám tâm để sinh lên, gọi là pháp nương sinh” (taṃ samuṭṭhāna).

5- Sabbepi hi cittacetāsikā ekato hutvā rūpaṃ samuṭṭhāpenti lokiyadhammadesanāyaṃ pana cittassa adhikakārato tathāvidhaṃ rūpaṃ cittasamuṭṭhānanti vuccati:

“Tất cả tâm và tâm sở là pháp thuần nhất trợ cho sắc Tâm sinh lên. Trong hiệp thế pháp, tâm là pháp chủng trọng yếu.

Vì vậy khi Đức Thế Tôn thuyết về sắc, Ngài gọi là sắc do tâm sinh hoặc sắc Tâm”.

6- Yadi evaṃ vidhāpi taṃ samuṭṭhānānanti avatvā cittasamuṭṭhānanti kasmā na vuttanti acittasamuṭṭhānānampi saṅgaṇhato:

“**Hỏi.** Trong duyên “giải rộng” Đức Thế Tôn thuyết: **Taṃ samuṭṭhānānaṃ**, vì sao Ngài không thuyết là: **Citta samuṭṭhānāṃ?**”

Đáp. Vì Đức Thế Tôn muốn ám chỉ đến các sắc có liên quan đến tâm, như sắc Nghiệp tục sinh hữu nhân”.

7- Kasmā panāyaṃ hetu paṭisandhiyameva kaṭattārūpanaṃ hetupaccayo hoti na pavatteti paṭisandhiyaṃ kammajarūpaṃ cittappaṭibaddhavuttitāya pavattiyaṃ pana tesam citte vijjamānēpi kammappaṭibaddhāvapavatti na cittappaṭibaddhā:

Hỏi. Vì sao 3 nhân mới là Nhân duyên trợ giúp thuận nhất cho sắc Nghiệp trong thời tục sinh, mà không trợ giúp cho sắc Nghiệp trong thời bình nhật ?.

Đáp. Vì trong thời tục sinh các sắc Nghiệp thường liên quan đến tâm Tục sinh. Còn trong thời bình nhật cho dù có tâm hiện hữu, nhưng các sắc Nghiệp chỉ liên quan đến nghiệp, thường diễn tiến theo các sắc Nghiệp trong thời tục sinh, không liên hệ gì đến tâm hiện hữu.

8- Avijjamānecāpi cittenirodhaṃ samāpannānaṃ uppajjanti yeva:

“Lại nữa, trong trường hợp nhập thiên diệt cho dù tâm không hiện hữu, nhưng sắc Nghiệp vẫn sinh lên đối với bậc Anaham hay bậc Alahan đang nhập thiên diệt”.

9- Tatrahi vatthu rūpamattampi vinā paṭisandhiyaṃ arūpadhammā paṭisandhicittañca vinā kammajāpi rūpadhammā nuppajjati yuganandhāva rupārūpanaṃ uppatti:

VI ĐIỀU PHÁP ❁

“Khi giải rộng thì trong cõi ngũ uẩn khởi đầu vào thời tục sinh nếu loại bỏ sắc Ý vật thì danh pháp không sinh lên được, ngược lại nếu loại trừ tâm Tục sinh thì tất cả sắc pháp ngay cả sắc Ý vật cũng không sinh lên được.

Nghĩa là sắc pháp và danh pháp cũng như sắc ý vật lẫn tâm Tục sinh phải luôn “đồng sinh” với nhau”.

**10- Kammajarūpameva panassa
cittasamuṭṭhānarūpaṭṭhāne tiṭṭhati tañca
kammajarūpasseva bijāṭhāne tiṭṭhāti:**

“Sắc Nghiệp luôn hiện diện trong vai trò là sắc nương sinh từ tâm Tục sinh (không phải trong thời bình nhật). Còn tâm Tục sinh thì hiện diện trong vai trò khai sinh cho sắc Nghiệp”.

**11- Pavattiyaṃ kaṭattā rupādīnaṃ
paccayabhāvapaṭibāhanato
hetusampayuttakānaṃ dhammānaṃ
taṃsamuṭṭhānānañca rupānanti idaṃ ahitaṃ:**

Hỏi. Theo câu Pāli *hetusampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃ samuṭṭhānānañca rupānaṃ*, Đức Thế Tôn giới hạn không tính 6 nhân làm năng duyên cho tất cả sắc pháp như sắc Nghiệp trong thời bình nhật ... (1).

(1)- Trong thời bình nhật, bốn loại sắc là: Sắc Nghiệp bình nhật, sắc Thời tiết, sắc Vật thực và sắc Tâm vô nhân, không được xem là sở duyên của “Nhân duyên”.

Từ *taṃ* là từ thay thế cho 6 nhân và pháp đồng sinh với 6 nhân, tức là *hetu* và *hetusampayuttakānaṃ dhammānaṃ*.

Từ *samuṭṭhānānaṃ rupānaṃ* là từ thay thế cho sắc Nghiệp tục sinh hữu nhân với sắc Tâm hữu nhân. Vì vậy, 4 từ Pāli trên là trình bày lên để ngăn lại.

Nhưng có phải từ *taṃ samuṭṭhāna* đồng nghĩa với từ *cittasamuṭṭhānikarūpa*?

Đáp. Phải rồi.

Hỏi. Đức Phật khi thuyết về pháp hiệp thế, Ngài thường dùng từ *cittasamuṭṭhāna* (liên hệ đến tâm) hoặc *cittarūpa* (sắc Tâm).

Nhưng khi thuyết trong bộ Vị trí, vì sao Ngài dùng từ *taṃ samuṭṭhānānaṃ*, không dùng từ *cittasamuṭṭhānānaṃ*?

Đáp. Không được, vì Đức Phật chỉ ra “sắc không nương tâm để sinh lên”, như sắc Nghiệp tục sinh hữu nhân.

Đức Thế Tôn thuyết pháp nương theo thực tính, không thuyết theo tư kiến của mình. Vì vậy, Ngài không thuyết *cittasamuṭṭhānānaṃ* (liên hệ đến tâm) mà bắt buộc phải thuyết là *taṃ samuṭṭhānānaṃ* (liên hệ đến nhân đó), tức chỉ cho “sắc tục sinh hữu nhân”, “sắc Tâm hữu nhân” để phân biệt “sắc tục sinh vô nhân” và “sắc Tâm vô nhân”.

Và nếu dùng từ *hetūśahajātānaṃ rūpānaṃ* (các sắc đồng sinh với “nhân”) thì phải là tất cả sắc như: sắc Nghiệp bình nhật, sắc Thời tiết ...

Nhưng Đức Thế Tôn chỉ đề cập đến “sắc nương sinh từ 6 nhân”, nên Ngài mới thuyết *taṃ samuṭṭhānānañca rūpānaṃ* (sắc liên hệ đến nhân ấy).

Việc phân tích câu Pāli về 24 duyên để cho hiểu đến chức năng của từ ngữ Pāli làm căn bản cho việc học ngôn ngữ được sâu sát theo lời Đức Phật thuyết giảng.

Nếu không phân tích từ ngữ cho chuẩn xác sẽ hiểu lệch lạc ý nghĩa mà Đức Phật thuyết giảng, cho nên mới phải phân tích câu cho rõ ràng.

Việc hiểu được chức năng của từ ngữ Pāli làm căn bản cho việc học ngôn ngữ này còn gọi là *khoa ngữ văn*, nếu gọi ở mức độ cao là “*từ đạt thông*” (niruttipaṭisambhidā) cũng được.

Do đó, việc học ngữ văn Pāli trong Nhân duyên này cũng trình bày cho hiểu được rằng *hetū* là *chủ từ* (kattupada) là “từ chủ yếu” chỉ ra “*nhân là năng duyên*”.

Hetusampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃsamuṭṭhānānañca rūpānaṃ” là *sở thuộc từ* (sampadāna), là từ “chỉ cho *sở duyên*”.

Hetupaccayena là *sở dụng từ* (karanapada), chỉ cho từ chủ yếu trong câu là *hetū*, nêu ra mãnh lực

hơn duyên khác trong sự trợ giúp, ủng hộ cùng tính chất với mình.

Paccayo là danh động từ (*nāmakiriyaṇa*), cho biết sự khác biệt giữa hai từ, như **hetupaccayo** (Nhân duyên) hoặc **hetupaccayenapaccayo** (nương sinh từ Nhân duyên) với **hetujanako** (sinh ra) hoặc **hetupaccayenajanako** (sinh ra từ pháp “nương sinh nhân”).

Từ **hetupaccayo** hoặc từ **hetupaccayenapaccayo**, chỉ cho “sự trợ giúp, ủng hộ”. Ví như phân bón trợ giúp ủng hộ cho cây, không phải “*thân cây*” là chủ yếu cho lớn lên trực tiếp giống như “mẹ sinh ra con”.

Hai từ này ví như “người nữ mẫu với hài tử”, do đó, Đức Phật không thuyết **hetujanako** (sinh ra từ nhân) hoặc **hetupaccayenajanako** (sinh ra từ pháp “nương sinh nhân”), vì hai từ này ví như “mẹ sinh ra con”.

Từ **hetu** và từ **paccaya** ý nghĩa không giống nhau, **hetu** là cội rễ chủ yếu, **paccaya** là sự trợ giúp, **hetu** ví như là hạt giống, **paccaya** là đất với nước. **Paccayo upakāraṇa** nghĩa là “nhân trợ giúp”, vì vậy Ngài mới dùng từ **hetupaccayo**.

Một lý khác nữa là: Từ **paccayo** là danh động từ, theo nguyên tắc văn phạm Pāli, là từ “kêu gọi”, không phải là “từ ngữ theo bản thể thật”.

Động từ có nhiều loại, như **hoti** là thuật động từ (*akhyātakiriyaṇa*), **kato** là động từ chuyển hóa ngữ

(kitakiriyāpada), do đó từ **paccayo** là danh động từ (nāmakiriyāpada).

Trong cả 24 duyên này cho dù là danh pháp hoặc sắc pháp thì **paccayo** đều là “danh động từ”, vì muốn ám chỉ đến từ ngữ theo nguyên tắc văn phạm, không ám chỉ đến từ ngữ theo bản thể thật (paramattha).

Dứt “giảng rộng NHÂN DUYÊN”.

2- Giảng rộng CÁNH DUYÊN.

(Ārammaṇapaccayaniddesa).

A- Câu khai nhập.

Cánh duyên (ārammaṇapaccayo) được Đức Thế Tôn thuyết tóm gọn, rồi Ngài thuyết chi tiết trong “duyên giảng rộng” là:

1- Rūpāyatanam cakkhuvīññādhātuyā
taṃsampayuttakānañca dhammānam
ārammaṇapaccayena paccayo ...

8- Yaṃ yaṃ dhammam ārabha ye ye dhammā
uppajjanti cittacetāsikā dhammā, te te dhammā
tesam tesam dhammānam ārammaṇapaccayena
paccayo.

B- Pāli và lời dịch.

1- Rūpāyatanam cakkhuvīññādhātuyā
taṃsampayuttakānañca dhammānam
ārammaṇapaccayena paccayo:

“Cảnh sắc hiện tại làm duyên trợ cho Nhãn thức giới + 7 tâm sở Biến hành bằng Cảnh duyên”.

**2- Saddāyatanam sotaviññāṇadhātuyā
taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ
ārammaṇapaccayena paccayo:**

“Cảnh thanh hiện tại làm duyên trợ cho Nhĩ thức giới + 7 tâm sở Biến hành bằng Cảnh duyên”.

**3- Gandhāyatanam ghānaviññāṇadhātuyā
taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ
ārammaṇapaccayena paccayo:**

“Cảnh mùi hiện tại làm duyên trợ cho Tỷ thức giới + 7 tâm sở Biến hành bằng Cảnh duyên”.

**4- Rasāyatanam jivhāviññāṇadhātuyā
taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ
ārammaṇapaccayena paccayo:**

“Cảnh vị hiện tại làm duyên trợ cho Thiệt thức giới + 7 tâm sở Biến hành bằng Cảnh duyên”.

**5- Phoṭṭhabbāyatanam kāyaviññāṇadhātuyā
taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ
ārammaṇapaccayena paccayo:**

“Cảnh xúc hiện tại làm duyên trợ cho Thân thức giới + 7 tâm sở Biến hành bằng Cảnh duyên”.

**6- Rūpāyatanam saddāyatanam
gandhāyatanam rasāyatanam
phoṭṭhabbāyatanam manodhātuyā
taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ
ārammaṇapaccayena paccayo:**

“Năm cảnh hiện tại là cảnh sắc, cảnh thính, cảnh mùi, cảnh vị, cảnh xúc làm duyên trợ cho ý giới + 10 tâm sở Tợ tha (trừ tâm sở Dục, Hỷ, Cần) bằng Cảnh duyên”.

7- Sabbe dhammā manoviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ ārammaṇapaccayena paccayo:

“Sáu cảnh thuộc hiện tại, quá khứ, vị lai và ngoại thời làm duyên trợ cho ý thức giới + 52 tâm sở bằng Cảnh duyên”.

8- Yaṃ yaṃ dhammaṃ ārabha ye ye dhammā uppajjanti cittacetāsikā dhammā, te te dhammā tesam tesam dhammānaṃ ārammaṇapaccayena paccayo:

“Các pháp tâm và tâm sở khởi hiện do nương vào 1 trong 6 cảnh nào thì 1 trong 6 cảnh đó làm duyên trợ cho tâm và tâm sở bằng Cảnh duyên”.

C- Phân tích câu và chi pháp.

Khi “giảng rộng CẢNH DUYÊN”, Đức Thế Tôn phân tích câu và chi pháp như sau:

Ārammaṇapaccayo, chỉ cho **Cảnh duyên** được nêu lên trước.

Rūpāyatanaṃ cakkhuviññāṇadhātu ... te te dhammā tesam tesam dhammānaṃ ārammaṇapaccayena paccayo (trình bày cho biết đến nidassanākāra).

D- Giảng rộng các câu Pāli.

Câu Pāli 1. Rūpāyatanam là chủ từ (kattupada), cho biết năng duyên là “*cảnh sắc hiện tại*”.

Cakkhuvīññādhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “*2 tâm Nhân thức + 7 tâm sở Biến hành*”.

Ārammaṇapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Cảnh duyên trong 4 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh duyên, Tiền sinh duyên, Hiện hữu duyên, Bất ly duyên.

Paccayo là danh động từ, cho biết sự trợ giúp sở duyên bằng đặc tánh vô ngã.

Ý nghĩa “từ Pāli” cùng chi pháp từ câu Pāli 2 đến câu Pāli 5, giống như câu Pāli 1.

Câu Pāli 6. Rūpāyatanam saddāyatanam gandhāyatanam rasāyatanam phoṭṭhabbāyatanam là chủ từ, cho biết năng duyên là “*Năm cảnh hiện tại*”.

Manodhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “*ý giới*” + 10 tâm sở Tợ tha”.

Ārammaṇapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Cảnh duyên trong 4 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh duyên, Tiền sinh duyên, Hiện hữu duyên, Bất ly duyên.

Paccayo là danh động từ trình bày cho biết đến việc trợ giúp cho sở duyên bằng đặc tánh vô ngã.

Câu Pāli 7. Sabbe dhammā là chủ từ, cho biết năng duyên là “ “6 cảnh gồm có 89 tâm, 52 tâm sở hợp, 28 sắc pháp thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai và Nípàn, chế định (thuộc ngoại thời), cả chơn đế lẫn tục đế”.

Manoviññādhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “ “76 tâm ý thức giới + 52 tâm sở hợp”.

Ārammaṇapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Cảnh duyên trong 8 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh duyên, Cảnh trường duyên, Tiền sinh y duyên, Cảnh cận y duyên, Tiền sinh duyên, Bất tương ưng duyên, Hiện hữu duyên, Bất ly duyên.

Paccayo là danh động từ, cho biết việc trợ giúp cho sở duyên bằng đặc tánh vô ngã.

Nếu trình bày năng duyên và sở duyên theo riêng biệt, thì diễn tiến như sau:

1'- **Năng duyên.** 6 cảnh là 54 tâm Dục giới, 52 tâm sở, 28 sắc pháp thuộc ba thời.

Sở duyên. 11 tâm Na cảnh, tâm Sinh tiểu + 33 tâm sở hợp.

2'- *Năng duyên*. 6 cảnh là 81 tâm hiệp thế, 52 tâm sở, 28 sắc pháp thuộc ba thời và “chế định” (thuộc ngoại thời).

Sở duyên. 12 tâm Bất thiện, 4 tâm Đại quả “không có trí”, 4 tâm Duy tác hữu nhân “không có trí” + 51 tâm sở hợp (trừ tâm sở Trí).

3'- *Năng duyên*. 6 cảnh là 87 tâm (trừ tâm Tứ đạo và tâm Tứ quả), 52 tâm sở hợp, 28 sắc pháp (thuộc ba thời) và Nípàn, chế định (thuộc ngoại thời).

Sở duyên. 4 tâm Đại thiện có trí + 38 tâm sở hợp.

4'- *Năng duyên*. 6 cảnh là 89 tâm, 52 tâm sở, 28 sắc pháp thuộc 3 thời và Nípàn, chế định.

Sở duyên. 4 tâm Duy tác Dục giới có trí, tâm Khai ý môn + 35 tâm sở hợp.

5'- *Năng duyên*. Cảnh sắc hiện tại thuộc sắc xa, sắc bên trong, sắc thù thắng, sắc vi tế.

Sở duyên. Tâm Nhãn thông thiện, tâm Duy tác Nhãn thông + tâm sở hợp.

6'- *Năng duyên*. Cảnh tinh hiện tại thuộc sắc xa, sắc bên trong, sắc thù thắng, sắc vi tế.

Sở duyên. Tâm Nhĩ thông thiện, tâm Duy tác Nhĩ thông + tâm sở hợp.

7'- *Năng duyên*. 6 cảnh thuộc sắc hóa hiện thành hàng trăm, hàng ngàn...

Sở duyên. Tâm thiện thiên Cơ Sắc giới (rūpāvacarapādakajhāna), tâm Duy tác thiên Cơ Sắc

giới, tâm thiện Hiện thông (iddhividha), tâm Duy tác Hiện thông.

8'- *Năng duyên*. cảnh pháp là 87 tâm (trừ tâm Tứ đạo, tâm Tứ quả) + 52 tâm sở hợp của người khác bảy ngày đã qua (quá khứ), 7 ngày sắp đến (vị lai) và đang hiện khởi thuộc 3 thời.

Sở duyên. Tâm Tha tâm thông thiện + tâm sở hợp.

9'- *Năng duyên*. Cảnh pháp là 89 tâm, 52 tâm sở của người khác đã qua 7 ngày, sắp đến 7 ngày và đang hiện khởi thuộc 3 thời.

Sở duyên. Tâm Duy tác Tha tâm thông + tâm sở đồng sinh.

10'- *Năng duyên*. 6 cảnh tức 5 uẩn gồm có 87 tâm (trừ tâm Tứ đạo, Tứ quả), 52 tâm sở hợp, 28 sắc pháp của người khác và của mình diễn tiến trong kiếp quá khứ (pubbenivuttha), Níp bàn, chế định.

Nghĩa là. Sinh chủng, dòng tộc, sắc tướng, danh tánh, trú xứ mà biết được do liên quan đến 5 uẩn.

Sở duyên. Tâm thiện Túc mạng thông + tâm sở hợp.

11'- *Năng duyên*. 6 cảnh tức 5 uẩn gồm có 89 tâm, 52 tâm sở, 28 sắc pháp của người khác và của mình diễn tiến trong kiếp quá khứ, Níp bàn, chế định.

Nghĩa là sinh chủng, dòng tộc, sắc tướng, danh tánh, trú xứ mà biết được do liên quan đến 5 uẩn.

Sở duyên. Tâm Duy tác Túc mạng thông + tâm sở hợp.

12'- *Năng duyên.* Cảnh pháp là 4 danh uẩn bất thiện, thiện hiệp thể của người khác, hiện khởi có chủ ý khi tạo việc thiện, việc bất thiện từ kiếp trước.

Sở duyên. Tâm thiện Tùy nghiệp thông, tâm Duy tác Tùy nghiệp thông + tâm sở hợp.

13'- *Năng duyên.* 6 cảnh tức 5 uẩn gồm có 87 tâm (trừ tâm Tứ đạo, Tứ quả), 52 tâm sở, 28 sắc pháp của người khác và của mình trong kiếp này và kiếp sau, Níp bàn, chế định.

Nghĩa là. Sinh chủng, dòng tộc, sắc tướng, danh tánh, trú xứ, biết được do liên quan đến 5 uẩn.

Sở duyên. Tâm thiện Vị lai thông + tâm sở hợp.

14'- *Năng duyên.* 6 cảnh tức 5 uẩn gồm có 89 tâm, 52 tâm sở, 28 sắc pháp của người khác và của mình khởi hiện trong kiếp sau, Níp bàn, chế định.

Nghĩa là. Sinh chủng, dòng tộc, sắc tướng, danh tánh, trú xứ, biết được do liên quan đến 5 uẩn.

Sở duyên. Tâm Duy tác Vị lai thông + tâm sở hợp.

15'- *Năng duyên.* cảnh pháp chế định là 25 đề mục nghiệp xứ: 10 đề mục kasina, 10 đề mục tứ thi, 1 đề mục hơi thở, 1 đề mục thể trước, 3 đề mục vô lượng tâm (từ, bi, hỷ).

Sở duyên. 3 tâm Sơ thiền Sắc giới + tâm sở hợp.

16'- *Năng duyên*. Cảnh pháp chế định là 14 đề mục nghiệp xứ: 10 đề mục kasina, 1 đề mục hơi thở, 3 đề mục vô lượng tâm (từ, bi, hỷ).

Sở duyên. 3 tâm Nhị thiên, 3 tâm Tam thiên, 3 tâm Tứ thiên + tâm sở hợp.

17'- *Năng duyên*. Cảnh pháp chế định là 12 đề mục nghiệp xứ: 10 đề mục kasina, 1 đề mục hơi thở, 1 đề mục xả vô lượng tâm.

Sở duyên. 3 tâm Ngũ thiên + tâm sở hợp.

18'- *Năng duyên*. Cảnh pháp chế định là đề mục “Không chế định” (*ākāsapaññatti*) xuất sinh từ 1 trong 9 đề mục kasina (trừ đề mục “hư không kasina”).

Sở duyên. 3 tâm Không vô biên xứ + tâm sở hợp.

19'- *Năng duyên*. Cảnh pháp Đáo đại là tâm thiện Không vô biên xứ từng sinh lên trong cơ tánh của mình trong kiếp này hoặc kiếp trước.

Sở duyên. Tâm thiện Thức vô biên xứ + tâm sở đồng sinh.

20'- *Năng duyên*. Cảnh pháp Đáo đại là tâm thiện Không vô biên xứ từng sinh lên trong cơ tánh của mình trong kiếp này hoặc kiếp trước. Tâm Duy tác Không vô biên xứ từng sinh lên trong cơ tánh của mình trong kiếp này.

Sở duyên. Tâm Duy tác Thức vô biên xứ + tâm sở hợp.

21'- *Năng duyên*. Cảnh pháp chế định là đề mục “chế định Vô sở hữu xứ” (natthibhavapaññatti), tức không còn hiện hữu dư sót lại của tâm thiện và Duy tác Không vô biên xứ.

Sở duyên. 3 tâm Vô sở hữu xứ + tâm sở hợp.

22'- *Năng duyên*. Cảnh pháp Đáo đại là tâm thiện Vô sở hữu xứ từng sinh lên trong cơ tánh của mình trong kiếp này hoặc kiếp trước.

Sở duyên. Tâm thiện Phi tướng phi phi tướng xứ + tâm sở hợp.

23'- *Năng duyên*. Cảnh pháp Đáo đại là tâm thiện Vô sở hữu xứ từng sinh lên trong cơ tánh của mình trong kiếp này hoặc kiếp trước.

Sở duyên. Tâm thiện Phi tướng phi phi tướng xứ + tâm sở hợp.

24'- *Năng duyên*. Cảnh pháp Đáo đại là tâm thiện Vô sở hữu xứ từng sinh lên trong cơ tánh của mình trong kiếp này hoặc kiếp trước. Tâm Duy tác Vô sở hữu xứ từng sinh lên trong cơ tánh của mình trong kiếp này.

Sở duyên. Tâm Duy tác Phi tướng phi phi tướng xứ + tâm sở hợp.

25'- *Năng duyên*. Cảnh pháp là Níp bàn.

Sở duyên. 8 hoặc 40 tâm Siêu thế + tâm sở hợp.

Câu Pāli 8. *Yaṃ yaṃ dhammaṃ* là bất định túc từ (aniyamakammaṃ), là từ không nêu rõ ý nghĩa

chắc chắn, chỉ cho biết “năng duyên tổng quát” là 6 cảnh.

Nói theo chi pháp thì gồm cả chơn đế lẫn chế định.

Ārabhha là bất biến quá khứ phân từ (kiriyaṅvisesanapada), cho biết “sở duyên” là pháp biết cảnh sinh khởi.

Ye ye dhammā là bất định chủ từ (aniyamakattupada), là từ không nêu rõ ý nghĩa, chỉ cho “pháp biết cảnh” (sở duyên).

Uppajjanti là động từ năng động thể (ākhyātakiriyaṅpadakattuvācaka), cho biết việc khởi hiện của “pháp biết cảnh” (sở duyên).

Cittacetāsikā dhammā là chủ từ, chỉ cho “pháp biết cảnh” là chi pháp của *ye ye dhammā*.

Sắc pháp, Níp bàn và chế định cho dù có gom vào trong từ *ye ye dhammā*, cũng không là “sở duyên” được, vì ba pháp này “không biết cảnh”.

Do vậy, Đức Phật thuyết: “*Cittacetāsikā dhammā*” (các pháp tâm, tâm sở).

Te te dhammā nhất định chủ từ (niyamakattupada), là từ nêu rõ năng duyên, như đã nêu lên *yaṃ yaṃ dhammaṃ*.

Do đó, chi pháp năng duyên là “6 cảnh” cả chơn đế lẫn chế định.

Tesaṃ tesaṃ dhammānaṃ là nhất định sở thuộc từ (niyamasamppadānapada), trình bày rõ “pháp biết cảnh” là sở duyên, như đã nêu lên *ye ye dhammā*.

Vì vậy, chi pháp mới là 89 tâm, 52 tâm sở.

Ārammaṇapaccayena là sở dụng từ, cho biết các duyên hỗ trợ trong cùng tính chất với nhau như sau:

Năm cách trợ giúp linh tinh của cảnh.

1- *Năng duyên*. 6 cảnh khả ái khả hỷ là 18 sắc cảnh rõ hiện tại (iṭṭhanipphanarūpa), 84 tâm (trừ 2 tâm Sân, 2 tâm Si, tâm Thân thức thọ khổ) + 47 tâm sở hợp (trừ 4 tâm sở Sân phần, tâm sở Hoài nghi) thuộc 3 thời và Nípàn.

Sở duyên. 4 danh uẩn có sự hoan hỷ vừa lòng là: 8 tâm Tham, 8 tâm Đại thiện, 4 tâm Duy tác Dục giới có trí, 8 tâm Siêu thế + 45 tâm sở hợp (trừ 4 tâm sở Sân phần, 2 tâm sở Vô lượng phần, tâm sở Hoài nghi).

Có ba duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên, Cảnh cận y duyên.

Trong ba duyên này đều có mãnh lực thuần nhất của Cảnh duyên.

2- *Năng duyên*. 6 cảnh là 18 sắc hiện tại.

Sở duyên. 4 danh uẩn là 54 tâm Dục giới, 2 tâm Thông, 52 tâm sở hợp, sinh khởi trong cõi ngũ uẩn.

Có 4 duyên trợ giúp theo cùng tính chất là: Cảnh duyên, Cảnh tiền sinh duyên, Hiện hữu duyên, Bất ly duyên.

3- *Năng duyên*. cảnh pháp là sắc Ý vật đồng sinh vào sátna sinh thứ 17 tính từ tâm tử trở lại.

Sở duyên. 4 danh uẩn là tâm Khai ý môn, 5 đồng lực Dục giới cận tử, 11 Na cảnh+ 44 tâm sở hợp (trừ 2 tâm sở Vô lượng phân).

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh duyên, Vật - cảnh tiền sinh duyên, Vật - cảnh tiền sinh y duyên, Vật - cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên, Hiện hữu duyên, Bất ly duyên.

Trong 6 duyên này đều có mãnh lực thuần nhất của Cảnh duyên.

4- *Năng duyên*. 6 cảnh khả ái khả hỷ là 18 sắc cảnh hiện tại.

Sở duyên. 4 danh uẩn có sự hài lòng là 8 tâm Tham + 22 tâm sở hợp.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên, Cảnh cận y duyên, Cảnh tiền sinh duyên, Hiện hữu duyên, Bất ly duyên.

Tong 6 duyên này đều có mãnh lực thuần nhất của Cảnh duyên.

5- *Năng duyên*. Cảnh pháp khả ái khả hỷ là sắc Ý vật đồng sinh vào sátna của tâm thứ 17 tính từ tâm tử trở lùi lại.

Sở duyên. 4 danh uẩn có sự hài lòng thỏa thích là 5 tâm đồng lực cận tử Tham + 22 tâm sở hợp.

Có 8 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên, Vật - cảnh tiền sinh y duyên, Cảnh cận y duyên, Vật - cảnh tiền sinh duyên, Vật - cảnh tiền sinh Bất tương ưng duyên, Hiện hữu duyên, Bất ly duyên.

Trong 8 duyên này đều có mãnh lực thuần nhất của Cảnh duyên.

Ngoài ra, *năng duyên* vẫn còn có cảnh sắc ... cảnh xúc, cho đến ngũ cảnh và 6 cảnh; sở duyên là “4 danh uẩn như: Nhãn thức giới ... Ý giới, Ý thức giới.

Không cần phải trình bày lại nữa vì từ câu Pāli 1 đến câu Pāli 7 đã trình bày rồi.

Paccayo là danh động từ, trình bày sự diễn tiến như đã đề cập.

Thích giải.

Trong phần “*giải rộng CÁNH DUYÊN*”, từ câu Pāli 1 đến câu Pāli 6 thì năng duyên là **sắc**, sở duyên là **danh**.

Năng duyên là “một trong năm cảnh” trợ giúp cho “một trong năm đôi thức sinh lên” theo tương ứng.

Tuy nhiên, nếu cảnh sắc chỉ hiện hữu một đoàn sắc sẽ **không** trợ giúp cho “Nhãn thức giới” sinh lên được, nghĩa là không thể “thấy cảnh sắc hiện hữu”

với một đoàn sắc duy nhất, mà thấy được “cảnh sắc hiện hữu” do nhiều đoàn sắc gom lại với nhau. Cảnh thình cũng diễn tiến tương tự như vậy.

Còn cảnh mùi, cảnh vị, cảnh xúc chỉ hiện hữu một đoàn sắc, cũng có thể trợ cho Tỷ thức giới, Thiệt thức giới hay Thân thức giới sinh khởi lên được.

Nghĩa là “một đoàn sắc cảnh mùi, một đoàn sắc cảnh vị, một đoàn sắc cảnh xúc”, cũng có thể làm cho tâm nhận biết “mùi, vị hoặc xúc chạm”.

Do đó, Ngài Giáo thọ sư hậu Sớ giải mới trình bày rằng:

Anekakalāpagatāni bahūni yeva rūpāyatanāni samuditāni saṃhiccakarittāya sivikubbanañāyena cakkhuviññāṇassa ārammaṇapaccayo na ekakatipayāniva (trong *Aṭṭhasālīnī anuṭṭikā*):

“Nhiều đoàn sắc trong một cảnh sắc làm năng duyên trợ cho Nhãn thức giới. Chẳng phải cảnh sắc chỉ hiện hữu một hay hai đoàn sắc có thể làm năng duyên cho Nhãn thức giới sinh lên được”.

Sesāni pada ghānādinissayesu allīnāneva viññāṇuppatti karaṇānīti ekekalāpagatānīpi (trong *Vibhāvinī ṭīkā*):

“Còn nhóm cảnh mùi, cảnh vị, cảnh xúc khi vào xúc chạm đến “thần kinh Tỷ”, “thần kinh Thiệt”, “thần kinh Thân” sẽ là nhân làm sinh khởi tỷ thức giới, thiệt thức giới hay thân thức giới”.

Trong Câu Pāli 7.**Vê điều thứ 1.**

Năng duyên. 6 cảnh là 54 tâm Dục giới, 52 tâm sở, 28 sắc pháp thuộc ba thời.

Sở duyên. 11 tâm na cảnh, tâm Sinh tiểu + 33 tâm sở hợp.

Ở đây không giải thích rộng về “6 cảnh thuộc pháp Dục giới” của năng duyên, cùng với 11 tâm Na cảnh của sở duyên.

Chỉ giải thích rộng về tâm Sinh tiểu (hasituppāda) của bậc Alahán khi nhận 6 cảnh Dục giới, như sau:

- Bậc Alahán thấy được trú xứ thích hợp, thuận lợi với việc hành đạo của mình thì khởi sự hoan hỷ.

- Bậc Alahán nghe chư Tỳkhuu phạm bản luận ồn ào “trong việc nhận phiếu thực”, Ngài cảm giác phi lạc vì quán xét thấy mình đã sát tuyệt ái dục, tâm không còn bức xúc, thân - ngữ không giao động.

- Bậc Alahán khi cúng dường Tam Bảo bằng các vật thơm hoặc bông hoa có hương thơm, Ngài có sự hân hoan thỏa thích.

- Bậc Alahán khi sắp đặt chọn lựa vật thực thù thắng cho các bậc đồng phạm hạnh thì phát sinh phi lạc.

- Khi được dùng 8 món tư cụ (atthaparikhāra) thích hợp vừa ý với mình hoặc khi được làm phận sự của vị samôn (abhisamācarikavatta) ngoài giới luật ra

như: Quét dọn, lau chùi trú xứ của chư Tỳkhuu, nơi lễ bái cúng dường (bảo tháp Xá Lợi, đại thọ Bồ đề, sīma để hành Tăng sự) và của thầy giáo thọ, hay giặt giũ, nhuộm y, xoa bóp cho thầy giáo thọ, bậc trưởng lão hay vị Tỳkhuu bệnh, có sự hân hoan thỏa thích.

- Bậc Alahán quán xét thấy được cơ tánh của mình hoặc của người khác diễn tiến trong kiếp trước bằng Túc mạng thông hay Toàn Giác trí.

Hay thấy được cơ tánh thiện hay bất thiện trong tương lai bằng Vị lai thông hoặc Toàn Giác trí. Nếu thuộc về lãnh vực thiện thì có sự hoan hỷ, còn nếu thuộc về lãnh vực bất thiện thì có sự thư thái nhẹ nhàng.

Vì Ngài quán xét thấy rằng: “Hiện giờ những trạng thái đó không còn dấy động trong ta”.

Theo như đã nêu trên, các học viên nên hiểu: “Trong lộ Ý, đồng lực Sinh tiểu chỉ làm sinh khởi sự hoan hỷ trong tâm, không biểu lộ ra sắc mặt rạng rỡ hay có sự mỉm cười”.

Vê điều thứ 2.

Năng duyên. 6 cảnh là 81 tâm hiệp thế, 52 tâm sở, 28 sắc pháp thuộc ba thời và “Chế định” (thuộc ngoại thời).

Sở duyên. 12 tâm bất thiện, 4 tâm Đại quả “không có trí”, 4 tâm Duy tác hữu nhân ly trí + 51 tâm sở (trừ tâm sở Trí) .

Trong phần này thì: Tâm bất thiện không thể nhận “pháp Siêu thế” làm cảnh để sinh lên, vì tâm bất thiện đồng sinh với tâm sở Si.

-Bốn tâm Đại thiện ly trí và 4 tâm Duy tác hữu nhân ly trí, cũng không nhận “pháp Siêu thế” làm cảnh để sinh lên, vì không có tâm sở Trí.

Các pháp thực tính luôn diễn tiến theo nhân theo duyên bởi tính vô ngã, chẳng phải nương vào người có đại oai lực (đấng Tạo hóa) rồi cưỡng bách, sai khiến làm cho tâm diễn tiến lìa khỏi nhân duyên.

Do đó, dù tâm Duy tác hữu nhân ly trí có khởi sinh trong cơ tánh của bậc Alahán, nhưng không thể nhận “pháp Siêu thế” làm cảnh, “pháp Siêu thế” (chỉ cho tâm Siêu thế và Nípàn) sinh lên phải có nhân có duyên. Nhân duyên ấy chính là “tâm sở Trí”.

Vê điều thứ 3.

Năng duyên. 6 cảnh là 87 tâm (trừ tâm Tứ đạo và tâm Tứ quả), 52 tâm sở hợp, 28 sắc pháp thuộc ba thời và Nípàn, chế định (thuộc ngoại thời).

Sở duyên. 4 tâm Đại thiện hợp trí + 38 tâm sở hợp.

Bốn tâm Đại thiện có trí có hai là:

- Bốn tâm Đại thiện hợp trí của bậc Bất lai đã đắc 8 hoặc 9 thiên chứng. Nhưng phải loại trừ một số pháp “chế định”, cùng pháp Siêu thế mà các Ngài chưa biết.

- Bốn tâm Đại thiện hợp trí của phàm nhân, bậc Dự lưu, bậc Nhất lai. Nhưng phải loại trừ “pháp Đáo đái”, “pháp Siêu thế” mà vị ấy chưa chứng đắc, cùng những pháp chế định mà vị ấy chưa biết.

Như trong Sớ giải *Abhidhammāvatāra* trình bày như sau

1- Puthujjano najānāti; sotāpannassa mānasam.

Sotāpanno najānāti; sakadāgāmissa mānasam.

“Phàm nhân không biết được tâm của bậc Dự lưu.

Bậc Dự lưu không biết được tâm của bậc Nhất lai”.

2- Sakadāgāmi najānāti; anāgāmissa mānasam.

Anāgāmi najānāti; arahantassa mānasam.

Heṭṭhimo heṭṭhimo neva; jānāti uparūjarī.

Uparūpari jānāti; heṭṭhimassa ca mānasam.

“Bậc Nhất lai không biết được tâm của bậc Bất lai.

Bậc Bất lai không biết được tâm của bậc Alahán.

Người bậc thấp thường không biết được tâm của người bậc cao.

Người bậc cao biết được tâm của người bậc thấp”.

Về điều thứ 4.

Năng duyên. 6 cảnh là 89 tâm, 52 tâm sở, 28 sắc pháp thuộc 3 thời và Nípàn, chế định.

Sở duyên. 4 tâm Duy tác Dục giới có trí, tâm Khai ý môn + 35 tâm sở hợp.

-Bốn tâm Duy tác Dục giới có trí của bậc Chánh giác thì nhận tất cả “pháp năng duyên” nêu trên làm cảnh.

-Với bốn tâm Duy tác Dục giới có trí của bậc Độc Giác, năng duyên phải trừ ra những pháp chế định mà Ngài chưa biết.

-Với bốn tâm Duy tác Dục giới có trí của bậc Alahán, nếu không đặc thiên, Thắng trí thì năng duyên trừ ra pháp Đáo đại, nếu chỉ đặc thiên Sắc giới thì năng duyên phải trừ ra “pháp Vô sắc giới”, ngoài ra phải trừ “những pháp chế định” mà các Ngài chưa biết.

Còn về lãnh vực pháp Siêu thế thì biết được tất cả.

Tâm Khai ý môn diễn tiến trong sátna làm phạm sự *phán đoán* hay *khai môn*, sinh trước đồng lực Duy tác Dục giới có trí (của bậc Toàn giác), thì “biết tất cả cảnh” không dư sót.

Theo quan điểm pháp nghĩa (dhammādhittāna), có thể nói là tâm Khai ý môn là “tâm tựa như con voi lớn” (mahāgajacitta), khi biết được tất cả cảnh

Do đó, Ngài Giáo thọ sư Buddhaghosa (Phật Âm) mới đề cập rằng: “*Không phải là tâm Toàn Giác trí mà diễn tiến giống như Toàn Giác Trí là tâm Khai ý môn*”.

Trong Sớ giải bộ Pháp Tụ có trình bày :

Mahāgajam nāmetam cittaṃ imassa anārammaṇam nāma natthi asabbaññutañāṇam sabbaññutañāṇagatikam nāma kaṭamanti? Vutte idanti vuttabbam:

“*Tâm Khai ý môn là tâm sinh lên trước Toàn Giác trí và Túc mạng thông, Vị lai thông gọi tâm tựa như con voi lớn có nhiều sức mạnh. Không có pháp nào mà không làm cảnh cho tâm Khai ý môn ấy.*”

Hỏi. *Tâm không phải là Toàn Giác trí mà diễn tiến giống như Toàn Giác trí gọi là tâm gì?*

Đáp. *Đó là tâm Khai ý môn”.*

Vê điều thứ 5 đến điều thứ 14.

Sở duyên là:

-Tâm thiện Sắc giới, tâm Thông thiện sinh lên do nương sáu cảnh thuộc hiệp thế, Siêu thế (trừ tâm Tứ đạo, tâm Tứ quả) và chế định.

Lý giải tương tự như “4 tâm Đại thiện có trí”.

Tâm Duy tác Sắc giới, tâm Thông Duy tác sinh lên do nương 6 cảnh thuộc hiệp thế, Siêu thế, chế định không dư sót.

Lý giải tương tự như “4 tâm Duy tác có trí”.

Thích giải câu Pāli 8.

Câu Pāli này có hai cú pháp (vākaya), nhưng ý nghĩa liên quan nhau.

Yaṃ yaṃ dhammaṃ ārabha ye ye dhammā uppajjanti cittacetāsikā dhammā là cú pháp bất định.

Te te dhammā tesam tesam dhammānaṃ ārammaṇapaccayena paccayo là cú pháp nhất định.

Trong Pāli từ câu 1 đến câu 7, Đức Phật thuyết tóm lược giải thích ý nghĩa, làm sáng tỏ sự trợ giúp của 6 cảnh với 7 thức giới.

Ngài Giáo thọ sư Buddhaghosa (Phật Âm) có trình bày trong Sớ giải bộ Vị trí:

Yaṃ yaṃ dhammaṃ ārabhāti iminā ye ete etāsaṃ sattannaṃ viññāṇadhātūnaṃ ārammaṇadhammā vuttā, te tesam dhātūnaṃ ārammaṇaṃ katvā uppajjanalakkhaneyeva ārammaṇapaccayo hontīti dīpeti, evaṃ hontāpi ca na ekato honti, yaṃ yaṃ ārabha ye ye uppajjanti tesam tesam te te visuṃ visuṃ arammaṇapaccayo hontūtipi dīpeti;

“*Câu Pāli Yaṃ yaṃ dhammaṃ ārabha ... trình bày cho biết đến nhóm pháp làm cảnh cho 7 thức giới, được Đức Phật thuyết từ câu thứ 1 đến câu thứ 7.*”

Khi 7 thức giới được nhóm pháp này làm cảnh thì khởi hiện ngay trong lúc đó (nên nhóm pháp này là năng duyên cho 7 thức giới).

Và còn trình bày cho biết thêm là: Cho dù là năng duyên, nhưng không đồng diễn tiến với nhau. Tức cảnh của nhóm pháp nào thì trợ giúp cho nhóm pháp đó sinh lên theo tương ứng”.

Uppajjanti là động từ vĩ ngữ trực thuyết cách (antivattamānāvibhatti), nhưng Đức Phật muốn ám chỉ đến sự sinh khởi của sở duyên diễn tiến trong cả 3 thời.

Như thuyết rằng: “**Nijjo sandanti**: Các con sông đang chảy”; “**pabbatā tiṭṭhanti** : Các ngọn núi đang hiện diện”.

Hai dẫn chứng trên không phải chỉ nhằm vào thời hiện tại, mà nhằm vào cả thời quá khứ lẫn vị lai.

Chúng bao hàm ý nghĩa: “Các con sông đã chảy, đang chảy và sẽ tiếp tục chảy”; “các đồi núi đã hiện diện, đang hiện diện và cũng sẽ tiếp tục hiện diện”.

Trong Sớ giải bộ Vị trí có trình bày:

1- **Uppajjantīti idaṃ yathā nijjo sandanti pabbatā tiṭṭhantīti sabbakālasaṅgahavasena evaṃ vuttanti veditabbaṃ**:

“Đức Phật thuyết động từ **uppajjanti**, là gom cả 3 thời, như trong câu ví dụ “**nijjo sandanti**: Các con sông đang chảy”, “**pabbatā tiṭṭhanti**: Các ngọn núi đang hiện diện”.

2- Tena yepi ārabha ye uppajjimsu ye pi uppajjissanti te sabbe ārammaṇapaccayeneva uppajjimsu ca uppajjissanti cāti siddham hoti:

“Cảnh nào sinh lên trợ giúp cho “nhóm pháp biết cảnh” sinh lên, “nhóm pháp biết cảnh” ấy cũng đã và sẽ sinh lên”.

Uppajjanti hoàn chỉnh trong hiện tại, có liên hệ với quá khứ lẫn vị lai.

“Nhóm pháp biết cảnh” đang sinh lên, nghĩa là “đã sinh lên” và chắc chắn “sẽ sinh lên”.

Ý nghĩa từ ngữ trong cú pháp “bất định” và “nhất định”.

Yaṃ yaṃ dhammā, cho biết **năng duyên** là “6 cảnh”.

Ye ye dhammā, cho biết **sở duyên** là “pháp biết cảnh”.

Cittacetāsikā dhammā, tương tự như *ye ye dhammā*, nhưng giới hạn chỉ pháp của **sở duyên**.

Ārabha là động từ chuyển hóa ngữ (kitakiriyaṇa) liên quan đến năng duyên.

Uppajjanti là thuật động từ (ākhyātakiriyaṇa) liên quan đến sở duyên.

Te te dhammā, chỉ cho năng duyên là “6 cảnh”, như đã trình bày trong *yaṃ yaṃ dhammaṃ*.

Tesaṃ tesaṃ dhammānaṃ, chỉ chosở duyên là “tâm, tâm sở” như đã trình bày trong *ye ye dhammā*.

Ārammaṇapaccayena, cho biết việc hiện khởi của sở duyên sinh lên bằng mãnh lực của cảnh.

Paccayo cho biết việc hiện khởi của sở duyên bằng mãnh lực của cảnh chỉ là liên quan nhau do sự trợ giúp. Điều này đã được giải thích trong phần “giải rộng NHÂN DUYÊN”.

Dứt “giải rộng CẢNH DUYÊN”.

3- Giải rộng TRƯỜNG DUYÊN.

(*Adhipatipaccayaniddesa*).

A- Câu khai nhập.

Trường duyên (*adhipatipaccayo*) được Đức Thế Tôn thuyết tóm gọn, rồi Ngài thuyết chi tiết trong “duyên giảng rộng” là:

1- *Chandādhipati chandasampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃsamuṭṭhānānañca rūpānaṃ adhipatipaccayena paccayo ...*

5- *Yaṃ yaṃ dhammaṃ garuṃ katvā ye ye dhammā uppajjanti cittacetāsikā dhammā, te te dhammā tesaṃ tesaṃ dhammānaṃ adhipatipaccayena paccayo.*

B- Pāli và lời dịch.

1- Chandādhipati chandasampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃsamuṭṭhānānañca rūpānaṃ adhipatipaccayena paccayo:

“Dục trưởng làm duyên trợ cho 52 tâm đồng lực hữu trưởng (trừ 2 tâm Si, tâm Sinh tiểu) + 50 tâm sở (trừ tâm sở Dục, tâm sở Hoài nghi) và sắc Tâm hữu trưởng bằng Đồng sinh trưởng duyên”.

2- Viriyādhipati vīriyasampayuttakānaṃ dham - mānaṃ taṃsamuṭṭhānānañca rūpānaṃ adhipa - tipaccayena paccayo:

“Cân trưởng làm duyên trợ cho 52 tâm đồng lực hữu trưởng (trừ 2 tâm Si, tâm Sinh tiểu) + 50 tâm sở (trừ tâm sở Cân, tâm sở Hoài nghi) và sắc Tâm hữu trưởng bằng Đồng sinh trưởng duyên”.

3- Cittādhipati cittasampayuttakānaṃ dham - mānaṃ taṃsamuṭṭhānānañca rūpānaṃ adhipati - paccayena paccayo:

“Tâm trưởng làm duyên trợ cho 51 tâm sở (trừ tâm sở Hoài nghi) và sắc Tâm hữu trưởng bằng Đồng sinh trưởng duyên”.

4- Vīmaṃsādhipati vīmaṃsasampayuttakā - naṃ dhammānaṃ taṃsamuṭṭhānānañca rūpānaṃ - aṃ adhipatipaccayena paccayo:

“Trí trưởng làm duyên trợ cho 34 tâm đồng lực tam nhân + 37 tâm sở (trừ tâm sở Trí) và sắc Tâm hữu trưởng bằng Đồng sinh trưởng duyên”.

5- Yaṃ yaṃ dhammaṃ garuṃ katvā ye ye dhammā uppajjanti cittacetāsikā dhammā, te te dhammā tesāṃ tesāṃ dhammānaṃ adhipatipaccayena paccayo.

“Nhóm pháp biết cảnh (tâm, tâm sở) nào làm cảnh sinh lên vững mạnh, pháp làm cảnh đó làm duyên trợ cho pháp biết cảnh bằng Cảnh trưởng duyên”.

C- Phân tích câu và chi pháp.

Tương tự như “giải rộng NHÂN DUYÊN”, trong phần tóm lược Đức Thế Tôn nêu **Trưởng duyên** (adhipatipaccayo) lên trước, rồi Ngài thuyết giảng rộng để làm sáng tỏ ý nghĩa.

Câu Pāli 1.

Chandādhipati (Dục trưởng) là chủ từ, cho biết năng duyên là “tâm sở Dục hợp trong 52 tâm đồng lực hữu trưởng.

Chandasampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃsamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “52 tâm đồng lực hữu trưởng + 50 tâm sở và sắc Tâm hữu trưởng.

Adhipatipaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Đồng sinh trưởng duyên trong 9 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Hối tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Tương ứng duyên, Đồng sinh bất tương ứng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Sáu cách phối hợp của dục trưởng.

1- Ba cách không pháp quả (navipāka)⁽¹⁾.

a- Dục trưởng trợ cho 4 danh uẩn tương ứng và sắc Tâm hữu trưởng:

Có 5 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

b- Dục trưởng trợ cho 4 danh uẩn tương ứng

Có 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Hổ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Tương ứng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

c- Dục trưởng trợ cho sắc Tâm hữu trưởng:

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh bất tương ứng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

(1)- Ghaṭanā (phối hợp) là trình bày đến “gom mãnh lực của duyên lại”; avipāka (không pháp quả) là “không đề cập đến **quả duyên**”. Khi “gom lại” là trình bày gom lại mãnh lực của duyên theo thực tính quả đang có trong năng duyên và sở duyên, nhưng cũng không đem quả duyên ra trình bày nơi đây. Sự kiện như vậy bởi vì trợ giúp bằng mãnh lực quả duyên không hiện bày rõ, còn mãnh lực duyên khác như Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên ... các duyên này hiển lộ rõ ràng.

2- Ba cách có pháp quả (sa vipāka).

a- Dục trưởng trong 4 tâm quả Siêu thế trợ cho danh uẩn tương ứng và sắc Tâm hữu trưởng.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

b- Dục trưởng trong 4 tâm quả Siêu thế trợ cho danh uẩn tương ứng.

Có 8 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Hõ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Tương ứng duyên, Quả duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

c- Dục trưởng trong 4 tâm quả Siêu thế trợ cho sắc Tâm hữu trưởng.

Có 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh bất tương ứng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Câu Pāli 2. *Vīriyādhīpati* (Cần trưởng) là chủ từ, cho biết năng duyên là “tâm sở Cần hợp trong 52 tâm đồng lực hữu trưởng”.

Vīriyasampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃsamuṭṭhānānañca rūpānaṃ là sở thuộc từ,

cho biết sở duyên là “52 tâm đồng lực hữu trưởng + 50 tâm sở hợp và sắc Tâm hữu trưởng.

Adhipatipaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Đồng sinh trưởng duyên trong 11 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Hổ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Sáu cách phối hợp Căn trưởng.

1-Ba cách không pháp quả.

a- Căn trưởng trợ cho 4 danh uẩn tương ưng và sắc Tâm hữu trưởng.

Có 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

b- Căn trưởng trợ cho 4 danh uẩn tương ưng.

Có 9 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Hổ tương duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

c- Căn trưởng trợ cho sắc Tâm hữu trưởng.

Có 8 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là:

Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

2- Ba cách có pháp quả.

a- Căn trưởng trong 4 tâm quả Siêu thế trợ cho danh uẩn tương ưng và sắc Tâm hữu trưởng.

Có 9 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Quả duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

b- Căn trưởng trong 4 tâm quả Siêu thế trợ cho danh uẩn tương ưng.

Có 10 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Hổ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Quả duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

c- Căn trưởng trong 4 tâm quả Siêu thế trợ cho sắc Tâm hữu trưởng.

Có 9 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Câu Pāli 3. Cittādhipati (Tâm trưởng) là chủ từ, cho biết năng duyên là “tâm hữu trưởng”.

Cittasampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃsamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “51 tâm sở đồng sinh với tâm hữu trưởng và sắc Tâm hữu trưởng”.

Adhipatipaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của đặc biệt của Đồng sinh trưởng duyên trong 11 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Hổ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Danh vật thực duyên, Đồng sinh quyền duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Sáu cách phối hợp Tâm trưởng.

1- Ba cách không pháp quả.

a- Tâm trưởng trợ cho 3 danh uẩn tương ưng và sắc Tâm hữu trưởng.

Có 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Danh vật thực duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

b- Tâm trưởng trợ cho 3 danh uẩn tương ưng.

Có 9 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Hổ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Danh vật thực duyên,

Đồng sinh quyền duyên, Tương ứng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

c- Tâm trưởng trợ cho sắc Tâm hữu trưởng.

Có 8 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Danh vật thực duyên, Đồng sinh bất tương ứng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

2- Ba cách có pháp quả.

a- Tâm trưởng (4 tâm quả Siêu thế) trợ cho 3 danh uẩn tương ứng và sắc Tâm hữu trưởng

Có 8 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Danh vật thực duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

b- Tâm trưởng (4 tâm quả Siêu thế) trợ cho 3 danh uẩn tương ứng

Có 10 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Hổ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Danh vật thực duyên, Đồng sinh quyền duyên, Tương ứng duyên, Quả duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

c- Tâm trưởng (4 tâm quả Siêu thế) trợ cho sắc Tâm hữu trưởng

Có 9 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Danh vật thực duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Câu Pāli 4. *Vīmaṃsādhīpati* (Trí trưởng) là chủ từ, cho biết năng duyên là “tâm sở Trí hợp trong 34 tâm đồng lực tam nhân.

Vīmaṃsasampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃsamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “34 tâm đồng lực tam nhân + 37 tâm sở hợp và sắc Tâm hữu trưởng”.

Adhipatipaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Đồng sinh trưởng duyên trong 12 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh trưởng duyên, Nhân duyên, Đồng sinh duyên, Hố tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Sáu cách phối hợp của Trí trưởng.

1-Ba cách không pháp quả.

a- Trí trưởng trợ cho danh uẩn tương ưng và sắc Tâm hữu trưởng.

Có 8 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh trưởng duyên, Nhân duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên,

Đạo duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

b- Trí trưởng trợ cho danh uẩn tương ưng.

Có 10 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh trưởng duyên, Nhân duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

c- Trí trưởng trợ cho sắc Tâm hữu trưởng.

Có 9 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh trưởng duyên, Nhân duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

2- Ba cách có pháp quả.

a- Trí trưởng trong 4 tâm quả Siêu thế trợ cho danh uẩn tương ưng và sắc Tâm hữu trưởng.

Có 9 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh trưởng duyên, Nhân duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

b- Trí trưởng trong 4 tâm quả Siêu thế trợ cho danh uẩn tương ưng.

Có 11 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh trưởng duyên, Nhân duyên, Đồng sinh

duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Tương ưng duyên, Quả duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

c- Trí trưởng trong 4 tâm quả Siêu thế trợ cho sắc Tâm hữu trưởng.

Có 10 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh trưởng duyên, Nhân duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Câu Pāli 5. *Yaṃ yaṃ dhammaṃ* là bất định túc từ (aniyamakammāpada), cho biết năng duyên là “: 6 cảnh khả ái khả hỷ thuộc 18 sắc cảnh rõ hiển lộ, 84 tâm (trừ 2 tâm Si, 2 tâm Sân, tâm Thân thức thọ khổ) + 47 tâm sở hợp (trừ 4 tâm sở Sân phần, tâm sở Hoài nghi) thuộc 3 thời, Níp bàn trợ giúp, nhưng không nêu rõ cụ thể.

Garuṃ katvā là bất biến quá khứ phân từ (kiriyaṃvesanāpada), cho biết “sở duyên” là “pháp biết cảnh” sinh lên liên đới với cảnh vững mạnh.

Ye ye dhammā là bất định chủ từ (aniyamakattupada), trình bày sở duyên là “danh uẩn có sự hân hoan hài lòng: 8 tâm Tham, 8 tâm Đại thiện, 4 tâm Duy tác Dục giới có trí, 8 tâm Siêu thế + 45 tâm sở hợp (trừ 4 tâm sở Sân phần, tâm sở Hoài

nghe, 2 tâm sở Vô lượng phần)”, nhưng không nêu rõ cụ thể.

Uppajjanti là động từ năng động thể (*ākhyātakiriyāpadakattuvācaka*), cho biết việc hiện khởi của sở duyên là “pháp biết cảnh” sinh lên trong cả ba thời.

Cittacetāsikā dhammā là chủ từ, cho biết hiện thân của sở duyên thuộc chi pháp của bất định chủ từ ***ye ye dhammā***.

Te te dhammā là nhất định chủ từ (*niyamakattupada*), nêu rõ cụ thể đến năng duyên là “bất định túc từ” ***yaṃ yaṃ dhammaṃ***.

Do đó, chi pháp mới là 6 cảnh khả ái khả hỷ thuộc 18 sắc cảnh rõ hiện tại ... Nípàn.

Tesaṃ tesaṃ dhammānaṃ là nhất định sở thuộc từ (*niyamasampadānapada*), trình bày cụ thể sở duyên là “pháp biết cảnh”, của “bất định chủ từ” ***ye ye dhammā***.

Chi pháp là 4 danh uẩn có sự hân hoan hài lòng gồm có: 8 tâm Tham, 8 tâm Đại thiện ...

Adhipatipaccayēna là sở dụng từ, cho biết năng lực đặc biệt của “Cảnh trưởng duyên” trong 8 duyên có cùng tính chất, phối hợp nhau là: Cảnh trưởng duyên, Cảnh duyên, Vật - cảnh tiền sinh y duyên, Cảnh cận y duyên, Cảnh tiền sinh duyên, Vật - cảnh tiền sinh Bất tương ưng duyên, Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên, Cảnh tiền sinh bất ly duyên.

Paccayo trong Trường duyên này có ý nghĩa như đã đề cập ở các duyên trên, nên không cần thiết phải lập lại.

Trong các duyên khác, học viên cũng nên hiểu theo lý tương tự.

Thích giải ĐỒNG SINH TRƯỜNG DUYÊN.

Trong “giải rộng NHÂN DUYÊN”. Đức Phật thuyết gom chung là *sáu nhân* trong câu Pāli *hetū hetusampayuttakānaṃ dhammānaṃ*.

Trong “giải rộng TRƯỜNG DUYÊN”, Đức Phật không thuyết gom chung “bốn trường” như *adhipati adhipatisampayuttakānaṃ dhammānaṃ*

Ngài lại phân thành mỗi câu như *chandādhipati chandasampayuttakānaṃ dhammānaṃ, vīriyādhipati vīriyasampayuttakānaṃ dhammānaṃ ...* Vì sao?

Đáp. Vì bốn pháp: Dục, Cần, Tâm và Trí tuy “đồng sinh” trong một sátna, nhưng không “đồng làm trường”.

Ngài Giáo thọ sư *Mahābuddhaghosa* có trình bày trong Sớ giải bộ Vị trí:

Kasmā pana yathā hetupaccayaniddese hetū hetusampayuttakānaṃti vuttaṃ, eva evamidha adhipati adhipatisampayuttakānaṃti avattā, chandādhipati chandasampayuttakānaṃti ādinanena katāti? Ekaggaṇe abhāvato:

“Trong “giải rộng NHÂN DUYÊN”, Đức Phật thuyết *hetū hetusampayuttakānaṃ*, nhưng trong “giải rộng TRƯỜNG DUYÊN”, Ngài không thuyết *adhipati adhipatisampayuttakānaṃ*.

Ngài thuyết theo lý như sau: *Chandādhipati chandasampayuttakānaṃ*, là do nhân nào?

Đáp. *Vī Dục, Căn, Tâm, Trí* trong cùng sát na không đồng làm trưởng”.

Trong thời Đức Phật tại tiền, có bốn vị Thánh Alahán, mỗi vị nương vào “một pháp trưởng” chứng đắc Siêu thế pháp.

Như trong Sớ giải bộ *Mahāvaggasaṃyutta*:

Tattha raṭṭhapālatthero chandaṃ dhuraṃ katvā lokuttaradhammaṃ nibbatesi, soṇathero viriyaṃ dhuraṃ katvā, sambhūtatthero cittaṃ dhuraṃ katvā, ayasmā mogharāja vīmaṃsaṃ dhuraṃ katvāti:

“Trong đó, Ngài trưởng lão *Raṭṭhapāla* nương vào *Dục* trưởng dẫn đầu chứng đắc Siêu thế pháp.

Ngài trưởng lão *Soṇa* nương vào *Căn* trưởng dẫn đầu chứng đắc Siêu thế pháp.

Ngài trưởng lão *Sambhūta* nương vào *Tâm* trưởng dẫn đầu chứng đắc Siêu thế pháp.

Ngài trưởng lão *Mogharāja* nương vào *Trí* dẫn đầu chứng đắc Siêu thế pháp”.

Thích giải CẢNH TRƯỞNG DUYÊN.

Itthanipphannarūpa (sắc cảnh Tốt hiển lộ), chỉ cho “Tốt theo thực tính” (*sabhāvaitṭha*) và “Tốt hợp ý” (*parikappaitṭha*).

Sắc cảnh “Tốt theo thực tính” là: 6 cảnh như cảnh sắc ... khả ái khả hỷ tự nhiên.

Sắc cảnh “Tốt hợp ý” là: 6 cảnh như cảnh sắc ... khả ái khả hỷ chỉ vừa lòng theo riêng biệt của từng người.

Trong hai loại cảnh Tốt này, nếu cảnh “Tốt theo thực tính”, nhưng là cảnh không hợp ý (*parikappaniṭṭhārammaṇa*) của một số người, thì không là “Cảnh trường duyên” của nhóm người đó.

Như sắc tướng của Đức Thế Tôn là cảnh Tốt theo thực tính thật sự, nhưng nhóm ngoại đạo “nhìn thấy thì không ưa thích”, trong mắt của họ Đức Thế Tôn trở thành cảnh không hợp ý.

Vì vậy, sắc tướng của Đức Thế Tôn không thể trở thành Cảnh trường duyên của nhóm ngoại đạo, mà chỉ là Cảnh duyên thông thường.

Nếu cảnh không Tốt theo thực tính (*sabhāva niṭṭhārammaṇa*), nhưng là “cảnh hợp ý” của một số đối tượng, thì cảnh ấy trở thành Cảnh trường duyên.

Như xác chó sinh thú cho dù là cảnh xấu theo thực tính, nhưng đối với các loài kên kên khi thấy sẽ thích thú, trong mắt của nhóm kên kên này xác chó sinh thú ấy chính là cảnh hợp ý. Do đó, xác chó sinh

thú là “Cảnh trường duyên” của loài kên kên, không là Cảnh duyên thông thường.

Vì sao chỉ đề cập đến “sắc cảnh Tốt hiển lộ”, và trừ tâm Sân, tâm Si, tâm Thân thức thọ khổ?

Đáp. Cảnh trường duyên không đề cập đến “sắc không hiển lộ” (anipphannarūpa) vì các sắc này không có chi pháp riêng biệt mà chỉ là biến thể của “sắc hiện tại diễn tiến trong mỗi sát na”. Như “sắc hư không”, “sắc sinh”... hoặc khi có biểu hiện cử chỉ đó là “sắc Thân biểu tri, sắc Ngữ biểu tri, sắc Khinh, sắc Nhu, sắc Thích nghiệp”, nên không cần thiết phải đề cập đến.

Còn “tâm Sân, tâm Si và tâm Thân thức thọ khổ” không phải là pháp thực tính làm cho pháp biết cảnh liên quan được vững mạnh, nên chỉ là “Cảnh duyên thông thường”. Vì:

- Tâm Sân có thực tính nóng giận do đồng sinh với ưu thọ và tâm sở Sân phần.

- Tâm Si có thực tính mê muội do đồng sinh với tâm sở Si mà không có nhân nào khác ngăn trở.

- Tâm Thân thức thọ khổ có thực tính đau đớn khó chịu liên quan từ việc đồng sinh với khổ thọ.

Khi đã trừ các tâm ấy ra rồi thì phải trừ cả tâm sở đồng sinh với tâm đó.

Như có kệ ngôn trình bày năng duyên, sở duyên theo Cảnh trường duyên từng phần:

Sejaṃ tipākaṃ tikriyaṃ; caturūpañca sejino.

Tipuññaṃ kāmapuññassa; sejjassādhipatī bhave.

Uttaraṃ dhiyuttaṭṭhannaṃ; nibbānaṃuttaras-sa tu (trong *Paṭṭhānasāravibhāvanī*).

Cảnh trường duyên.

1- *Năng duyên.* 8 tâm Tham, 22 tâm quả Dục giới (trừ tâm Thân thức thọ khổ), 5 tâm quả Sắc giới, 4 tâm quả Vô sắc giới, 11 tâm Duy tác Dục giới, 5 tâm Duy tác Sắc giới, 4 tâm Duy tác Vô sắc giới, sắc cảnh Tốt hiện tại nương sinh từ 4 sắc sở sinh.

Sở duyên. 8 tâm Tham

2- *Năng duyên.* 8 tâm Thiện Dục giới, 5 tâm thiện Sắc giới, 4 tâm thiện Vô sắc giới.

Sở duyên. 8 tâm Đại thiện, 8 tâm Tham.

3- *Năng duyên.* 8 tâm Siêu thế.

Sở duyên. 4 tâm Đại thiện có trí, 4 tâm Duy tác Dục giới có trí.

4- *Năng duyên.* Nípàn.

Sở duyên. 4 tâm Đại thiện hợp trí, 4 tâm Duy tác Dục giới có trí và 8 tâm Siêu thế.

Dứt “giải rộng TRƯỞNG DUYÊN”.

4- Giải rộng VÔ GIÁN DUYÊN .

(Anantarapaccayaniddesa).

A- Câu khai nhập.

Vô gián duyên (anantarapaccayo) được Đức Thế Tôn thuyết tóm gọn, rồi Ngài thuyết chi tiết trong “duyên giảng rộng” là:

1- Cakkhuvīññāṇadhātu taṃsampayuttakā ca dhammā manodhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ anantarapaccayena paccayo ...

18. Yesaṃ yesaṃ dhammānaṃ anantarā ye ye dhammā uppajjanti cittacetāsikā dhammā, te te dhammā tesāṃ tesāṃ dhammānaṃ anantarapaccayena paccayo.

B- Pāli và lời dịch.

1- Cakkhuvīññāṇadhātu taṃsampayuttakā ca dhammā manodhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ anantarapaccayena paccayo:

“Nhãn thức giới + 7 tâm sở Biến hành trợ cho Ý giới là 2 tâm Tiếp thân + 10 tâm sở Tợ tha bằng Vô gián duyên”.

2- Manodhātu taṃsampayuttakā ca dhammā manovīññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ anantarapaccayena paccayo:

“Ý giới là 2 tâm Tiếp thân + 10 tâm sở Tợ tha trợ cho Ý thức giới là 3 tâm Quan sát + 11 tâm sở Tợ tha bằng Vô gián duyên”.

3- Sotaviññāṇadhātu taṃsampayuttakā ca dhammā manodhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ anantarapaccayena paccayo:

“Nhĩ thức giới + 7 tâm sở Biến hành trợ cho Ý giới là 2 tâm Tiếp thủ + 10 tâm sở Tợ tha bằng Vô gián duyên”.

4- Manodhātu taṃsampayuttakā ca dhammā manoviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ anantarapaccayena paccayo:

“Ý giới là 2 tâm Tiếp thủ + 10 tâm sở Tợ tha trợ cho Ý thức giới là 3 tâm Quan sát + 11 tâm sở Tợ tha bằng Vô gián duyên”.

5- Ghānaviññāṇadhātu taṃsampayuttakā ca dhammā manodhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ anantarapaccayena paccayo:

“Tỷ thức giới + 7 tâm sở Biến hành trợ cho Ý giới là 2 tâm Tiếp thủ + 10 tâm sở Tợ tha bằng Vô gián duyên”.

6- Manodhātu taṃsampayuttakā ca dhammā manoviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ anantarapaccayena paccayo:

“Ý giới là 2 tâm Tiếp thủ + 10 tâm sở Tợ tha trợ cho Ý thức giới là 3 tâm Quan sát + 11 tâm sở Tợ tha bằng Vô gián duyên”.

7- Jivhāviññāṇadhātu taṃsampayuttakā ca dhammā manodhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ anantarapaccayena paccayo:

“Thiệt thức giới + 7 tâm sở Biến hành trợ cho ý giới là 2 tâm Tiếp đầu + 10 tâm sở Tợ tha bằng Vô gián duyên”.

8- Manodhātu taṃsampayuttakā ca dhammā manoviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ anantarapaccayena paccayo:

“Ý giới là 2 tâm Tiếp đầu + 10 tâm sở Tợ tha trợ cho Ý thức giới là 3 tâm Quan sát + 11 tâm sở Tợ tha bằng Vô gián duyên”.

9- Kāyaviññāṇadhātu taṃsampayuttakā ca dhammā manodhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ anantarapaccayena paccayo:

“Thân thức giới + 7 tâm sở Biến hành trợ cho Ý giới là 2 tâm Tiếp đầu + 10 tâm sở Tợ tha bằng Vô gián duyên”.

10- Manodhātu taṃsampayuttakā ca dhammā manoviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ anantarapaccayena paccayo:

“Ý giới là 2 tâm Tiếp đầu + 10 tâm sở Tợ tha trợ cho Ý thức giới là 3 tâm Quan sát + 11 tâm sở Tợ tha bằng Vô gián duyên”.

11- Purimā purimā kusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ anantarapaccayena paccayo:

“17 tâm đồng lực thiện hiệp thể sinh trước (trừ đồng lực sau cùng) trợ cho 21 tâm đồng lực thiện sinh sau (trừ đồng lực thứ 1) bằng Vô gián duyên”.

12- Purimā purimā kusalā dhammā
pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ
dhammānaṃ anantarapaccayena paccayo:

“21 tâm đồng lực thiện, tâm sau cùng sinh trước trợ cho pháp vô ký là 3 tâm Quan sát, 8 tâm đại quả, 9 tâm quả Đáo đại sinh sau bằng Vô gián duyên”.

13- Purimā purimā akusalā dhammā
pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ
dhammānaṃ anantarapaccayena paccayo.

“12 tâm đồng lực bất thiện sinh trước (trừ đồng lực sau cùng) trợ cho 12 tâm đồng lực bất thiện sinh sau (trừ đồng lực thứ 1) bằng Vô gián duyên”.

14- Purimā purimā akusalā dhammā
pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ
dhammānaṃ anantarapaccayena paccayo:

“12 tâm đồng lực bất thiện, tâm sau cùng sinh trước trợ cho pháp vô ký là 3 tâm Quan sát, 8 tâm đại quả, 9 tâm quả Đáo đại sinh sau bằng Vô gián duyên”.

15- Purimā purimā abyākatā dhammā
pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ
dhammānaṃ anantarapaccayena paccayo:

“Pháp vô ký là 36 tâm quả, 20 tâm Duy tác sinh trước (trừ tâm tử bậc Alahán) trợ cho pháp vô ký là 36 tâm quả, 20 tâm Duy tác cùng với tâm tử của bậc Alahán sinh sau bằng Vô gián duyên”.

16- Purimā purimā abyākatā dhammā
pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ
dhammānaṃ anantarapaccayena paccayo:

“Pháp vô ký là tâm Phán đoán hay tâm Khai ý môn sinh trước trợ cho tâm đồng lực Đại thiện thứ 1 sinh sau bằng Vô gián duyên”.

17- Purimā purimā abyākatā dhammā
pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ
dhammānaṃ anantarapaccayena paccayo:

“Pháp vô ký là tâm Phán đoán hay tâm Khai ý môn sinh trước trợ cho tâm đồng lực Đại thiện thứ 1 sinh sau bằng Vô gián duyên”.

18- Yesaṃ yesaṃ dhammānaṃ anantarā ye ye
dhammā uppajjanti cittacetasikā dhammā, te te
dhammā tesāṃ tesāṃ dhammānaṃ
anantarapaccayena paccayo:

“Các danh uẩn (trừ tâm tử bậc Alahán) sinh lên nối tiếp nhau theo tuần tự trợ cho tâm, tâm sở cùng với tâm tử của bậc Alahán bằng Vô gián duyên”.

C- Phân tích câu và chi pháp.

Tương tự như “giải rộng NHÂN DUYÊN”, trong phần tóm lược Đức Thế Tôn nêu **Vô gián duyên** (anantarapaccayo) lên trước, rồi Ngài thuyết giảng rộng để làm sáng tỏ ý nghĩa.

Câu Pāli 1. Cakkhuvīññāṇadhātu taṃsampayuttakā ca dhammā là chủ từ, cho biết năng duyên là “2 tâm Nhãn thức + 7 tâm sở Biến hành.

Manodhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “2 tâm Tiếp thân + 10 tâm sở Tợ tha.

Anantarapaccayena là sở dụng từ, cho biết đến mãnh lực của Vô gián duyên trong 5 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Vô gián duyên, Đăng vô giác duyên, Vô gián cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

Câu Pāli 2. Manodhātu taṃsampayuttakā ca dhammā là chủ từ, cho biết năng duyên là “2 tâm Tiếp thân + 10 tâm sở Tợ tha”.

Manoviññādhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “3 tâm Quan sát + 10 tâm sở Tợ tha”.

Anantarapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Vô gián duyên trong 5 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Vô gián duyên, Đăng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

Phân tích chi pháp từ Câu Pāli 3 ... cho đến Câu Pāli 10, diễn tiến như hai câu Pāli trên.

Câu Pāli 11. Purimā purimā kusalā dhammā là chủ từ, cho biết năng duyên là “tâm đồng lực Đại thiện sátna thứ 1 trợ cho tâm đồng lực Đại thiện sátna thứ 2, tâm đồng lực Đại thiện sátna thứ 2 trợ cho tâm đồng lực Đại thiện sátna thứ 3 ... theo tuần

tự, đến tâm Đại thiện sátna thứ 6 trợ cho tâm đồng lực sátna thứ 7”.

Đôi đồng lực Đại thiện thọ hỷ hợp trí ở sátna *Chuyển tâm* (gotrabhū) trợ cho 4 tâm thiện Đáo đại thọ hỷ, ở sátna *Chuyển tâm* hoặc sátna *Tiến bậc* (vodanā) trợ cho 16 tâm Đạo thọ hỷ.

Đôi đồng lực Đại thiện thọ xả hợp trí ở sátna *Chuyển tâm* trợ cho 5 tâm thiện Đáo đại thọ xả, ở sátna *Chuyển tâm* hoặc sátna *Tiến bậc* trợ cho 4 tâm Đạo thọ xả.

9 tâm đồng lực thiện Đáo đại như Sơ thiền, Nhị thiền ... sátna sinh trước trợ cho sátna sinh sau trong lộ nhập thiền (samāpajjanavithī).

Pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “8 tâm đồng lực Đại thiện ở sátna thứ 2 đến sátna thứ 7, và 9 tâm đồng lực thiện Đáo đại, 20 tâm đồng lực Đạo”.

Anantarapaccayena là sở dụng từ, trình bày mãnh lực của Vô gián duyên trong 6 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Tập hành duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

Câu Pāli 12. Purimā purimā kusalā dhammā là chủ từ, cho biết năng duyên là “tâm đồng lực Đại thiện ở sátna thứ 7 trợ cho 11 tâm Na cảnh trong chặng Na cảnh hoặc 19 tâm hữu phần trong chặng đồng lực”.

Đôi đồng lực Đại thiện thọ hỷ hợp trí ở sátna *Thuận thứ* (anuloma) trợ cho 12 tâm quả Siêu thế hữu học thọ hỷ (lộ nhập thiên quả từ Sơ thiên đến Tứ thiên)).

Đôi đồng lực Đại thiện thọ xả hợp trí ở sátna *Thuận thứ* trợ cho 3 tâm quả Siêu thế hữu học thọ xả (lộ nhập thiên quả Ngũ thiên).

5 tâm đồng lực thiện Sắc giới, sátna tâm sau cùng trợ cho 9 tâm hữu phần tam nhân cõi ngũ uẩn.

Tâm đồng lực thiện “Không vô biên xứ”, ở sátna sau cùng trợ cho 9 tâm hữu phần tam nhân cõi ngũ uẩn và tâm hữu phần “Không vô biên xứ”.

Tâm đồng lực thiện “Thức vô biên xứ”, ở sátna sau cùng trợ cho 9 tâm hữu phần tam nhân cõi ngũ uẩn và 2 tâm hữu phần Vô sắc giới thấp.

Tâm đồng lực thiện “Vô sở hữu xứ,” ở sátna sau cùng trợ cho 9 tâm hữu phần tam nhân cõi ngũ uẩn và 3 tâm hữu phần Vô sắc giới thấp.

Tâm đồng lực thiện “Phi tướng phi phi tướng xứ”, ở sátna sau cùng trợ cho 13 tâm hữu phần tam nhân và tâm Tam Quả trong lúc xuất thiên diệt.

4 tâm đồng lực Đạo trợ cho 4 tâm Quả theo tương ứng.

Pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ dhammānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “3 tâm Quan sát, 8 tâm Đại quả, 9 tâm quả Đáo đại, 4 tâm quả Siêu thế”.

Anantarapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Vô gián duyên trong 5 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

Còn tâm sở Tư trong 4 tâm Đạo trợ cho 4 tâm Quả Siêu thế được 6 duyên là: Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Nghiệp khác thời duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

Câu Pāli 13. Purimā purimā akusalā dhammā là chủ từ, cho biết năng duyên là “tâm đồng lực bất thiện sátna thứ 1 đến sátna thứ 6 trợ cho tâm đồng lực bất thiện sátna thứ 2 đến sátna thứ 7 theo tuần tự từng sátna”.

Pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ dhammānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “đồng lực bất thiện sátna thứ 2 đến đồng lực bất thiện sátna thứ 7”.

Anantarapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Vô gián duyên trong 6 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Tập hành duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

Câu Pāli 14. Purimā purimā kusalā dhammā là chủ từ, cho biết năng duyên là “tâm đồng lực Tham, Si, sátna tâm sau cùng trợ cho 11 tâm Na cảnh trong tâm lộ “chót na cảnh”, hoặc 19 tâm hữu phần trong tâm lộ “chót đồng lực”.

Đồng lực Sân ở sátna sau cùng trợ cho 6 tâm Na cảnh thọ xả trong chặng “chót Na cảnh” hay 6 tâm Hữu phần Dục giới thọ xả trong chặng “chót đồng lực”.

Pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ dhammānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “3 tâm Quan sát, 8 tâm Đại quả, 9 tâm quả Đáo đại”.

Anantarapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Vô gián duyên trong 5 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

Câu Pāli 15. *Purimā purimā abyākatā dhammā* là chủ từ, cho biết năng duyên là “tâm Tục sinh trợ cho tâm hữu phần thứ 1, tâm hữu phần thứ 1 trợ cho tâm hữu phần thứ 2 ... cho đến tâm hữu phần thứ 15 trợ cho tâm hữu phần thứ 16 trong lộ tâm chủ quan (vithīmuttacitta) (tâm Tục sinh, tâm hữu phần)” nương sinh từ tâm tử trong kiếp trước.

15 tâm hữu phần cõi ngũ uẩn ở sátna *Dútt dòng* trợ cho 2 tâm Khai môn.

4 tâm hữu phần cõi Vô sắc giới ở sátna *Dútt dòng* trợ cho tâm Khai ý môn.

Tâm Khai ngũ môn trợ cho Ngũ song thức.

Ngũ song thức trợ cho 2 tâm Tiếp thân.

Tâm Tiếp thân trợ cho 3 tâm Quan sát.

Tâm Quan sát trợ cho tâm Phán đoán.

Tâm Phán đoán thứ 1 trợ cho tâm Phán đoán thứ 2, và tâm Phán đoán thứ 2 trợ cho tâm Phán đoán thứ 3 trong lộ Ngũ cảnh nhỏ.

Tâm Phán đoán trợ cho 9 tâm đồng lực Duy tác Dục giới sátna thứ 1 trong lộ Ngũ cảnh rất lớn, cảnh lớn và lộ Ý cảnh rất rõ, cảnh rõ.

9 tâm đồng lực Duy tác Dục giới, sátna thứ 1 trợ cho sátna thứ 2; sátna thứ 2 trợ cho sátna thứ 3 ... đến sátna thứ 6 trợ sátna thứ 7 theo tuần tự từng sátna.

Tâm đồng lực Sinh tiểu sau cùng trợ cho 5 tâm Na cảnh hỷ thọ trong lộ tâm “chót Na cảnh”, hoặc trợ cho 9 tâm hữu phần tam nhân cõi ngũ uẩn trong tâm lộ “chót đồng lực”.

Tâm đồng lực Duy tác Dục giới thọ hỷ, sátna tâm sau cùng trợ cho 5 tâm Na cảnh thọ hỷ trong tâm lộ “chót Na cảnh”, hoặc trợ cho 13 tâm hữu phần tam nhân cõi ngũ uẩn trong tâm lộ “chót đồng lực”.

Tâm đồng lực Duy tác Dục giới thọ xả, sátna tâm sau cùng trợ cho 6 tâm Na cảnh thọ xả trong tâm lộ “chót Na cảnh”, hoặc trợ cho 13 tâm hữu phần tam nhân cõi ngũ uẩn trong tâm lộ “chót đồng lực”.

Tâm Na cảnh sátna thứ 1 trợ cho tâm Na cảnh sátna thứ 2.

Tâm Na cảnh sátna thứ 2 trợ cho 10 tâm hữu phần Dục giới.

Đôi đồng lực Duy tác Dục giới thọ hỷ có trí ở sátna *Chuyển túc* trợ cho 4 tâm Duy tác Đáo đại thọ hỷ (trong lộ nhập thiên hiệp thể), hoặc sátna *Thuận thứ* trợ cho tâm Tứ quả thọ hỷ (trong lộ nhập thiên quả).

Đôi đồng lực Duy tác Dục giới thọ thọ xả có trí ở sátna *Chuyển túc* trợ cho 5 tâm Duy tác Đáo đại thọ xả (trong lộ nhập thiên hiệp thể) hoặc sátna *Thuận thứ* trợ cho tâm Tứ quả thọ xả (trong lộ nhập thiên quả).

9 tâm đồng lực Duy tác Đáo đại sinh trước như Sơ thiên, Nhị thiên với nhau ... trợ cho 9 tâm đồng lực Duy tác Đáo đại sinh sau như Sơ thiên, Nhị thiên với nhau ... trong lộ nhập thiên.

5 tâm đồng lực Duy tác Sắc giới, sátna tâm sau cùng trợ cho 9 tâm hữu phần tam nhân cõi ngũ uẩn.

Tâm đồng lực Duy tác “Không vô biên xứ”, ở sátna sau cùng trợ cho 9 tâm hữu phần tam nhân cõi ngũ uẩn và tâm hữu phần “Không vô biên xứ”.

Tâm đồng lực Duy tác “Thức vô biên xứ”, ở sátna sau cùng trợ cho 9 tâm hữu phần tam nhân cõi ngũ uẩn và 2 tâm hữu phần Vô sắc giới thấp.

Tâm đồng lực Duy tác “Vô sở hữu xứ”, ở sátna sau cùng trợ cho 9 tâm hữu phần tam nhân cõi ngũ uẩn và 3 tâm hữu phần Vô sắc giới thấp.

Tâm đồng lực Duy tác “Phi tướng phi phi tướng xứ”, ở sátna sau cùng trợ cho 13 tâm hữu phần tam

nhân cõi ngũ uẩn và tâm Tứ quả trong lúc xuất thiền diệt.

4 tâm đồng lực quả Siêu thế sinh trước như tâm Sơ Quả, tâm Nhị Quả ... trợ cho 4 tâm đồng lực quả Siêu thế sinh sau như tâm Sơ Quả, tâm Nhị Quả ... trong lộ nhập thiền quả.

4 tâm đồng lực quả Siêu thế, ở sátna sau cùng trợ cho 13 tâm hữu phần tam nhân.

Tâm Na cảnh sátna thứ 2 trợ cho 10 tâm tử Dục giới trong lộ cận tử “chót Na cảnh”.

Tâm đồng lực Duy tác Dục giới thứ 5 trợ cho 13 tâm tử tam nhân trong lộ cận tử “chót đồng lực”.

19 tâm hữu phần trợ cho 19 tâm tử trong lộ cận tử “chót Na cảnh”, hoặc “chót đồng lực” có xen hữu phần rời tử.

4 tâm tử nhị nhân và 2 tâm tử vô nhân trợ cho 10 tâm Tục sinh Dục giới.

4 tâm tử tam nhân Dục giới trợ cho 19 tâm Tục sinh.

5 tâm tử Sắc giới trợ cho 17 tâm Tục sinh hữu nhân.

Tâm tử “Không vô biên xứ” trợ cho 4 tâm Tục sinh tam nhân Dục giới, 4 tâm Tục sinh Vô sắc giới.

Tâm tử “Thức vô biên xứ” trợ cho 4 tâm Tục sinh tam nhân Dục giới, 3 tâm Tục sinh Vô sắc giới cao.

Tâm tử “Vô sở hữu xứ” trợ cho 4 tâm Tục sinh tam nhân Dục giới, 2 tâm Tục sinh Vô sắc giới cao.

Tâm tử “Phi tướng phi phi tướng xứ” trợ cho 4 tâm Tục sinh tam nhân Dục giới, tâm Tục sinh Phi tướng phi phi tướng xứ.

Pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ dhammānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “36 tâm quả, 20 tâm Duy tác cùng với tâm tử của bậc Alahán sinh sau nối tiếp”.

Anantarapaccayena là sở dụng từ, cho biết đến mãnh lực của Vô gián duyên.

Nếu là tâm quả và tâm Duy tác sinh trước (trừ tâm tử bậc Alahán) trợ cho tâm quả và tâm Duy tác sinh sau, thì có 5 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

Nếu là 18 đồng lực Duy tác sinh trước trợ cho 18 đồng lực Duy tác sinh sau, thì có được 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Tập hành duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

Câu Pāli 16. *Purimā purimā abyākatā dhammā* là chủ từ, cho biết năng duyên là “tâm Phán đoán trong lộ Ngũ hoặc tâm Khai ý môn trong lộ Ý.

Pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là

“sátna 1 của 8 đồng lực Đại thiện”.

Anantarapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Vô gián duyên trong 5 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

Câu Pāli 17. Purimā purimā abyākatā dhammā là chủ từ, cho biết năng duyên là “tâm Phán đoán trong lộ Ngũ hoặc tâm Khai ý môn trong lộ Ý”.

Pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “sátna 1 của đồng lực bất thiện”.

Anantarapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Vô gián duyên trong 5 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

Câu Pāli 18. Yesaṃ yesaṃ dhammānaṃ là quan hệ bất định từ (samīsambandha aniyamapada), chỉ cho 89 tâm + 52 tâm sở hợp sinh trước (trừ tâm tử bậc A lahán) là năng duyên, nhưng không nêu ra cụ thể.

Anantarā là trạng từ chỉ thời gian (kālādhārapada), cho biết việc trợ giúp của năng duyên cho sở duyên nối tiếp nhau không gián đoạn.

Ye ye dhammā là bất định chủ từ (aniyamakattupada), trình bày đến 89 tâm + 52 tâm sở hợp sinh sau sau, cùng với tâm tử của bậc Alahán, thuộc sở duyên không nêu ra cụ thể.

Uppajjanti là động từ năng động thể, cho biết việc sinh lên của sở duyên.

Cittacetasikā dhammā là chủ từ, cho biết sở duyên là “chi pháp của bất định chủ từ *ye ye dhammā*”.

Te te dhammā là nhất định chủ từ (niyamakattupada), nêu rõ năng duyên của từ *yesaṃ yesaṃ dhammānaṃ*. Nên chi pháp là 89 tâm + 52 tâm sở hợp sinh trước (trừ tâm tử của bậc Alahán).

Tesaṃ tesaṃ dhammānaṃ là sở thuộc từ nhất định (niyamasampadānapada), nêu rõ sở duyên của từ *ye ye dhammā*. Nên chi pháp là 89 tâm + 52 tâm sở hợp sinh sau, cùng với tâm tử của bậc Alahán.

Anantarapaccayena là sở dụng từ, cho biết năng duyên và sở duyên theo từng phần riêng biệt. Có số lượng duyên phối hợp như sau:

Ba cách phối hợp linh tinh của VÔ GIÁN DUYÊN.

- Nếu là 4 danh uẩn sinh trước (trừ tâm tử của bậc Alahán) trợ cho 4 danh uẩn sinh sau cùng với tâm tử của bậc Alahán.

Có 5 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

- Nếu là 47 tâm đồng lực hiệp thế sinh trước (trừ sát na đồng lực sau cùng) trợ cho 51 tâm đồng lực sinh sau (trừ sát na đồng lực thứ 1 và 4 tâm đồng lực quả Siêu thế).

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Tập hành duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

- Nếu là tâm sở Tư hợp trong tâm Đạo trợ cho tâm Quả (maggānantaraphala: quả khởi hiện theo tuần tự do tâm Đạo bằng cách không gián đoạn).

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Nghiệp khác thời duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

Thích giải VÔ GIÁN DUYÊN.

Mãnh lực trợ giúp của năng duyên trong Vô gián duyên đối với sở duyên là “tâm sinh lên sau kế tục” rất quan trọng.

Vì trong sự thấy, nghe ... cho đến suy nghĩ luôn tiếp nối nhau không gián đoạn, tất cả chúng sinh có thân tâm không thể loại bỏ được điều này.

Sự chết rồi tái sinh không gián đoạn, luân chuyển trong đời sống này sang đời sống khác, đều tùy thuộc vào sự trợ giúp của Vô gián duyên.

Nghĩa là. 4 danh uẩn sinh trước diệt đi trợ cho 4 danh uẩn sinh sau “không gián đoạn, ví như ngày hôm qua diệt đi, ngày hôm nay hiện ra “không gián đoạn”.

Hoặc nói cách khác, “ngày hôm qua diệt đi trợ cho ngày hôm nay hiện khởi”.

Do đó, 4 danh uẩn sinh trước trợ cho 4 danh uẩn sinh sau bằng Vô gián duyên, được Đức Thế Tôn thuyết giảng rộng.

Nếu hiểu được tường tận sự diễn hoạt của lộ Ngũ và lộ Ý cho chuẩn mực thì sẽ hiểu được “Vô gián duyên” dễ dàng.

Câu Pāli 18. *Yesaṃ yesaṃ dhammānaṃ anantarā ...*, là “gom tất cả những ý nghĩa từ câu Pāli 1 đến câu Pāli 17”.

Từ câu Pāli 1 đến câu Pāli 17, Đức Thế Tôn thuyết cho “người có trí chậm” (mandapuggala).

Câu Pāli 18, Đức Thế Tôn thuyết cho “người có trí nhạy bén” (tikapuggala).

Ngài Giáo thọ sư *Mahābuddhaghosa* có trình bày trong Sơ giải bộ Vị trí:

Yesaṃ yesaṃti idaṃ sabbesampi anantarapac-cayadhammānaṃ saṅkhepalakkhaṇaṃ:

“Từ Pāli *Yesam yesam ...* là dấu hiệu để nhận biết việc trình bày ý nghĩa tóm tắt của pháp thuộc về Vô gián duyên”.

Lại nữa, theo “định luật về tâm” (cittaniyāma), bốn danh uẩn diệt đi trợ sinh cho 4 danh uẩn sau theo cách “Vô gián duyên”, 4 danh uẩn mới sinh lên theo tuần tự thứ lớp, không sinh lên chồng chéo nhau.

Như khi tâm Khai ngũ môn diệt đi thì Nhãn thức sinh lên kế tiếp, không có tâm nào khác hiện khởi tiếp nối được. Nhãn thức diệt đi thì tâm Tiếp thân sinh khởi, không thể có tâm khác sinh lên liền sau đó giống như vậy...

Diễn tiến theo tuần tự như vậy mà không phải chờ đợi thời gian, vì nương từ mãnh lực của 4 danh uẩn diệt đi trợ cho bằng Vô gián duyên làm cho khởi hiện theo tuần tự không cho chồng chéo nhau.

Ví như việc thay đổi của 3 mùa: Mùa đông đến vì nhận được sự chuyển tiếp từ mùa mưa; mùa mưa đến do nhận được sự chuyển tiếp từ mùa hè; mùa hè đến do nhận được sự chuyển tiếp từ mùa đông.

Cũng vậy, 4 danh uẩn mới khởi hiện được cũng do nhận được trợ giúp từ 4 danh uẩn sinh trước diệt đi như thế ấy.

Ngài Giáo thọ sư *Mahābuddhaghosa* có trình bày trong Sớ giải bộ Vị trí rằng:

**Attano attano anantaram anurūpassa
cittuppādassa uppādanasamatho dhammo
anantarapaccayo:**

“Bốn danh uẩn diệt đi có khả năng làm cho tâm tương ứng với mình sinh lên tuần tự không gián đoạn theo định luật của tâm, gọi là Vô gián duyên”.

Dứt “giảng rộng VÔ GIÁN DUYÊN”.

5- Giảng rộng ĐẰNG VÔ GIÁN DUYÊN.

(Samanantarapaccayaniddeṣa).

A- Câu khai nhập.

Đẳng Vô gián duyên (samanantarapaccayo) được Đức Thế Tôn thuyết tóm gọn, rồi Ngài thuyết chi tiết trong “duyên giảng rộng” là:

1- Cakkhuvīññāṇadhātu taṃsampayuttakā ca dhammā manodhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ samanantarapaccayena paccayo...

2- Yesaṃ yesaṃ dhammānaṃ samanantarā ye ye dhammā uppajjanti cittacetāsikā dhammā, te te dhammā tesāṃ tesāṃ dhammānaṃ samanantarapaccayena paccayo.

Pāli, lời dịch, phân tích câu và chi pháp, lời thích giải trong “giảng rộng ĐẰNG VÔ GIÁN DUYÊN” diễn tiến giống như “giải rộng VÔ GIÁN DUYÊN”, chi khác văn tự, nhưng nội dung ý nghĩa không khác nhau.

Như sắc sinh (*upaccayarūpa*) với sắc tiến (*santatirūpa*); nhị đề thuật ngữ (*adhivacanaduka*) với nhị đề ngôn ngữ (*niruttiduka*), giống ý nghĩa chỉ khác nhau về văn tự.

Ngài Giáo thọ sư *Mahābuddhaghosa* có trình bày trong Sớ giải bộ Vị trí rằng:

**Yo anantarapaccayo sveva
samanantarapaccayo byañjanamattameva hettha
nānaṃ uppaccayasantatiādisuviya
adhivacananiruttidukādīsuviya ca atthato pana
nānaṃ natthi:**

“*Pháp nào là Vô gián duyên thì chính pháp đó là Đẳng vô gián duyên. Thật vậy, cả hai duyên này chỉ khác nhau về văn tự, còn ý nghĩa thì không khác nhau, diễn tiến cũng giống nhau. Như sắc sinh và sắc tiến hoặc nhị đề thuật ngữ và nhị đề ngôn ngữ ...*”

Dứt “giảng rộng ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN”.

6- Giảng rộng ĐỒNG SINH DUYÊN.

(Sahajātapaccayaniddesa).

A- Câu khai nhập.

Đồng sinh duyên (*sahajātapaccayo*) được Đức Thế Tôn thuyết tóm gọn, rồi Ngài thuyết chi tiết trong “*duyên giảng rộng*” là:

**1- Cattāro khandhā arūpino aññamaññaṃ
sahajātapaccayena – paccayo ...**

6- Rūpino dhammā arūpinaṃ dhammānaṃ kiñci kāle saha jātapaccayena paccayo, kiñci kāle na saha jātapaccayena paccayo.

B- Pāli và lời dịch.

Câu Pāli 1. Cattāro khandhā arūpino aññamaññaṃ saha jātapaccayena paccayo:

“Bốn danh uẩn làm duyên trợ giúp lẫn nhau bằng Đồng sinh duyên”.

Câu Pāli 2. Cattāro mahābhūtā aññamaññaṃ saha jātapaccayena paccayo:

“Bốn sắc tứ đại làm duyên trợ giúp lẫn nhau bằng Đồng sinh duyên”.

Câu Pāli 3. Okkantikkhaṇe nāmarūpaṃ aññamaññaṃ saha jātapaccayena paccayo:

“Bốn danh uẩn và sắc Ý vật vào sátna tục sinh trong cõi ngũ uẩn làm duyên trợ giúp lẫn nhau bằng Đồng sinh duyên”.

Câu Pāli 4. Cittacetāsikā dhammā cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ saha jātapaccayena paccayo:

“Các pháp như 75 tâm + 52 tâm sở hợp (trừ Ngũ song thức, 4 tâm quả Vô sắc giới và tâm tử của bậc Alahán) trợ cho sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh bằng Đồng sinh duyên.”

Câu Pāli 5. Mahābhūtā upādārūpānaṃ saha jātapaccayena paccayo:

“Sắc tứ đại làm duyên trợ cho sắc y sinh bằng Đồng sinh duyên”.

Câu Pāli 6. Rūpino dhammā arūpīnaṃ dhammānaṃ kiñci kāle saha jātapaccayena paccayo, kiñci kāle na saha jātapaccayena paccayo:

“Vào sát na tục sinh sắc Ý vật làm duyên trợ cho 4 danh uẩn tục sinh cõi ngũ uẩn bằng Đồng sinh duyên. Nhưng vào thời bình nhật sắc Ý vật không làm duyên trợ cho 4 danh uẩn bằng Đồng sinh duyên”.

C- Phân tích câu và chi pháp.

Tương tự như “giải rộng NHÂN DUYÊN”, trong phần tóm lược Đức Thế Tôn nêu **Đồng sinh duyên** lên trước, rồi Ngài thuyết giảng rộng để làm sáng tỏ ý nghĩa.

Câu Pāli 1. Cattāro khandhā arūpino là chủ từ, cho biết năng duyên là “89 tâm + 52 tâm sở hợp”.

Như 1 danh uẩn trợ cho 3 danh uẩn, 3 danh uẩn trợ cho 1 danh uẩn, 2 danh uẩn trợ cho 2 danh uẩn.

Aññamaññaṃ là túc từ hoặc sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “89 tâm + 52 tâm sở”. Như 3 danh uẩn trợ cho 1 danh uẩn; 1 danh uẩn trợ cho 3 danh uẩn; 2 danh uẩn trợ cho 2 danh uẩn.

Saha jātapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của duyên.

- Nếu 4 danh uẩn là 89 tâm + 52 tâm sở trong thời tục sinh lẫn thời bình nhật trợ giúp lẫn nhau.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

- Nếu 4 danh uẩn là 36 tâm quả + 38 tâm sở hợp trong thời tục sinh lẫn thời bình nhật trợ giúp lẫn nhau.

Có 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Câu Pāli 2. Cattāro mahābhūtā là chủ từ, cho biết năng duyên là “1 sắc tứ đại trợ cho 3 sắc tứ đại, 3 sắc tứ đại trợ cho 1 sắc tứ đại, 2 sắc tứ đại trợ cho 2 sắc tứ đại.

Aññamaññaṃ là túc từ hoặc sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “3 sắc tứ đại trợ cho 1 sắc tứ đại, 1 sắc tứ đại trợ cho 3 sắc tứ đại, 2 sắc tứ đại trợ cho 2 sắc tứ đại”.

Sahajātapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Đồng sinh duyên trong 5 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Câu Pāli 3. Okkantikkhaṇe nāmarūpaṃ là chủ từ, cho biết năng duyên là “15 tâm Tục sinh cõi ngũ uẩn thuộc 4 danh uẩn và sắc Ý vật tục sinh”.

Aññamaññaṃ là túc từ hoặc sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “15 tâm Tục sinh cõi ngũ uẩn thuộc 4 danh uẩn và sắc Ý vật tục sinh”.

Sahajātapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Đồng sinh duyên.

- Nếu sắc Ý vật tục sinh trợ cho 4 danh uẩn tục sinh cõi ngũ uẩn.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh duyên, Hối tương duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

- Nếu 4 danh uẩn tục sinh cõi ngũ uẩn trợ cho sắc Ý vật tục sinh.

Có 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh duyên, Hối tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Câu Pāli 4. Cittacetāsikā dhammā là chủ từ, cho biết năng duyên là “75 tâm + 52 tâm sở sinh lên trong cõi ngũ uẩn (trừ Ngũ song thức, 4 tâm quả Vô sắc giới giới và tâm tử của bậc Alahán).

Cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “sắc Tâm và sắc Nghiệp tục sinh”.

Sahajātapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Đồng sinh duyên.

- Nếu 4 danh uẩn tục sinh cõi ngũ uẩn trong thời tục sinh lần thời bình nhật trợ cho sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh.

Có 5 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

- Nếu 4 danh uẩn quả trong thời tục sinh lần thời bình nhật trợ cho sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Câu Pāli 5. Mahābhūtā là chủ từ, cho biết năng duyên là “4 sắc tứ đại.

Upādārūpānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “24 sắc y sinh”.

Sahajātapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Đồng sinh duyên trong 4 duyên có cùng tính chất, phối hợp nhau là: Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Câu Pāli 6. Rūpino dhammā là chủ từ, cho biết năng duyên là “sắc Ý vật”.

Arūpīnaṃ dhammānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “4 danh uẩn tục sinh trong cõi ngũ uẩn”.

Kiñci kāle sahaḥātapaccayena paccayo. Trong câu này “*kiñci kāle*” là trạng từ chỉ thời gian (*kālādhārapada*), cho biết thời tục sinh là sátna sinh của tâm Tục sinh. *Sahaḥātapaccayena paccayo* là sở dụng từ và động từ, cho biết sự trợ giúp bằng Đồng sinh duyên.

Kiñci kāle na sahaḥātapaccayena paccayo. Trong câu này thì “*kiñci kāle*” là trạng từ chỉ thời gian, cho biết thời bình nhật, là kể từ sátna trụ của tâm Tục sinh ... cho đến tâm kế tâm từ. *Na sahaḥātapaccayena paccayo* là sở dụng từ và động từ, là từ đối lập lại câu trên. Trình bày cho biết rằng sắc Ý vật sinh lên trong thời bình nhật không thể trợ cho cho 4 danh uẩn bình nhật bằng Đồng sinh duyên.

Thích giải.

Trong “giải rộng về ĐỒNG SINH DUYÊN”, từ *aññamaññaṃ* trong bộ Vị trí, được xem là túc từ (*kammāpada*) nghĩa là “trợ giúp lẫn nhau”.

Nhưng Sở giải bộ Vị trí giải thích là “sở thuộc từ”, như: *Aññamaññanti añño aññassa* nghĩa là “được trợ giúp lẫn nhau”.

Trong “giải rộng ĐỒNG SINH DUYÊN”, sáu câu Pāli thì: Câu 1-2-3 đều có từ *aññamaññaṃ* ám chỉ

pháp năng duyên cũng là pháp sở duyên; còn câu Pāli 4-5-6 không có từ *aññamaññaṃ* ám chỉ pháp năng duyên thuần nhất trong vai trò năng duyên, pháp sở duyên thuần nhất trong vai trò sở duyên. Điều này chỉ có riêng biệt cho đồng sinh năng duyên và đồng sinh sở duyên, không có cho những duyên khác.

Trong câu Pāli 4, có hai từ nói theo trực tiếp: *Cittacetāsikā dhammā* và *cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ*.

Cittacetāsikā dhammā chi pháp là 4 danh uẩn; tức tâm, tâm sở sinh lên trong thời bình nhật.

Cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ chi pháp là sắc Tâm; nhưng chỉ cho sắc Nghiệp tục sinh, vì sắc Nghiệp trong thời tục sinh hăng nường vào 4 danh uẩn tục sinh để sinh khởi.

Lại nữa, Đức Phật không nêu rõ chính xác thời gian nào, Ngài chỉ thuyết bình thường rằng *cittacetāsikā dhammā*”.

Mặt khác, trong *phần yếu tri* (pañhāvāra) Đức Phật có thuyết:

Paṭisandhikkhaṇe vipākābyākato eko khandho tiṇṇannaṃ khandhānaṃ kaṭattā ca rūpānaṃ saha jātapaccayena paccayo:

“Vào sátna tục sinh một uẩn quả vô ký trợ cho 3 uẩn quả vô ký và sắc Nghiệp bằng Đồng sinh duyên”.

Do đó, *cittasamutthānānaṃ rūpānaṃ* chỉ cho sắc Nghiệp tục sinh.

Trong “giải rộng ĐỒNG SINH DUYÊN”, pháp “nghịch duyên” không có, vì tất cả tâm, tâm sở, sắc pháp thuộc sở duyên.

Tuy Nípàn, chế định không là “sở duyên”, nhưng không kể là “nghịch duyên” trực tiếp, vì Nípàn và chế định không thuần nhất là năng duyên, ngoài ra cũng không là sở duyên của cả 24 duyên.

Do vậy, “Nípàn, chế định” chỉ có thể là “nghịch duyên” gián tiếp.

Pháp sở duyên là pháp “có thực tính chơn đẽ” đồng thời có sự “sinh diệt”; tuy Nípàn có “thực tính chơn đẽ”, nhưng “không sinh không diệt”.

Còn chế định không có “thực tính chơn đẽ”, “nên không có sinh diệt”.

Vì vậy, Nípàn lẫn chế định không là sở duyên của duyên nào cả.

Dứt “giải rộng ĐỒNG SINH DUYÊN”.

7- Giải rộng HỒ TƯƠNG DUYÊN.

(*Aññamaññapaccayaniddesa*).

A- Câu khai nhập.

Hồ tương duyên (*aññamaññapaccayo*) được Đức Thế Tôn thuyết tóm gọn, rồi Ngài thuyết chi tiết trong “duyên giảng rộng” là:

1- Cattāro khandhā arūpino
aññamaññapaccayena paccayo. ...

3. Okkantikkhaṇe nāmarūpaṃ
aññamaññapaccayena paccayo.

B- Pāli và lời dịch.

Câu Pāli 1. Cattāro khandhā arūpino
aññamaññapaccayena paccayo:

“Bốn danh uẩn trợ giúp lẫn nhau hoặc nương lẫn nhau bằng Hỗ tương duyên”.

Câu Pāli 2. Cattāro mahābhūtā
aññamaññapaccayena paccayo:

“Bốn sắc tứ đại trợ giúp lẫn nhau hoặc nương lẫn nhau bằng Hỗ tương duyên”.

Câu Pāli 3. Okkantikkhaṇe nāmarūpaṃ
aññamaññapaccayena paccayo:

“Trong thời tục sinh cõi ngũ uẩn, danh uẩn và sắc Ý vật trợ giúp lẫn nhau hoặc nương lẫn nhau bằng Hỗ tương duyên”.

C- Phân tích câu và chi pháp.

Tương tự như “giải rộng NHÂN DUYÊN”, trong phần tóm lược Đức Thế Tôn nêu **Hỗ tương duyên** lên trước, rồi Ngài thuyết giảng rộng để làm sáng tỏ ý nghĩa.

Câu Pāli 1. Cattāro khandhā arūpino là chủ từ, cho biết năng duyên là “89 tâm + 52 tâm sở hợp”.

Như 1 danh uẩn trợ cho 3 danh uẩn, 3 danh uẩn trợ cho 1 danh uẩn, 2 danh uẩn trợ cho 2 danh uẩn.

Aññamaññaṃ là túc từ hoặc sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “89 tâm + 52 tâm sở hợp”. Như 3 danh uẩn trợ cho 1 danh uẩn, 1 danh uẩn trợ cho 3 danh uẩn, 2 danh uẩn trợ cho 2 danh uẩn.

Aññamaññapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Hổ tương duyên.

- Nếu 4 danh uẩn trong thời tục sinh lẫn thời bình nhật trợ giúp lẫn nhau.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau (giống như Đồng sinh duyên).

- Nếu 4 danh uẩn quả trong thời tục sinh lẫn thời bình nhật trợ giúp lẫn nhau.

Có được 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau (giống như Đồng sinh duyên).

Câu Pāli 2. Cattāro mahābhūtā là chủ từ, cho biết năng duyên là “1 sắc tứ đại trợ cho 3 sắc tứ đại, 3 sắc tứ đại trợ cho 1 sắc tứ đại, 2 sắc tứ đại trợ cho 2 sắc tứ đại.

Aññamaññaṃ là túc từ hoặc sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “3 sắc tứ đại trợ cho 1 sắc tứ đại, 1 sắc tứ đại trợ cho 3 sắc tứ đại, 2 sắc tứ đại trợ cho 2 sắc tứ đại”.

Aññamaññapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Hổ tương duyên trong 5 duyên có cùng

tính chất, phối hợp với nhau (giống như Đồng sinh duyên).

Câu Pāli 3. Okkantikkhaṇe nāmarūpaṃ là chủ từ, cho biết năng duyên là “15 tâm Tục sinh cõi ngũ uẩn thuộc 4 danh uẩn và sắc Ý vật tục sinh”.

Aññamaññaṃ là túc từ hoặc sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “15 tâm Tục sinh cõi ngũ uẩn thuộc 4 danh uẩn và sắc Ý vật tục sinh”.

Aññamaññaṃ paccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Hỗ tương duyên.

- Nếu sắc Ý vật tục sinh trợ cho 4 danh uẩn tục sinh cõi ngũ uẩn.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau (giống như Đồng sinh duyên).

- Nếu 4 danh uẩn tục sinh cõi ngũ uẩn trợ cho sắc Ý vật tục sinh.

Có 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau (giống như Đồng sinh duyên).

Thích giải.

Từ **Aññamaññaṃ paccayena** nghĩa là pháp trợ giúp lẫn nhau, pháp trợ giúp lẫn nhau phải là pháp đồng sinh, mới trợ giúp lẫn nhau được.

Khi thẩm xét pháp có đầy đủ 2 tính chất: Đồng sinh và trợ giúp lẫn nhau, pháp ấy chỉ hiện hữu trong

3 nhóm: Tứ danh uẩn, bốn sắc tứ đại, tứ danh uẩn và sắc Ý vật trong thời tục sinh.

Ngoài ba nhóm này, các pháp khác tuy có tính “đồng sinh” nhưng không “trợ giúp nhau”, nghĩa là “một trợ giúp và một **nhận** trợ giúp”, điển hình như: Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Dứt “giải rộng HỒ TƯƠNG DUYÊN”.

8 - Giải rộng Y DUYÊN.

(Nissayapaccayaniddesa).

A- Câu khai nhập.

Y duyên (nissayapaccayo) được Đức Thế Tôn thuyết tóm gọn, rồi Ngài thuyết chi tiết trong trong duyên “giảng rộng” là:

1- Cattāro khandhā arūpino aññamaññaṃ nissayapaccayena paccayo...

11- Yaṃ rūpaṃ nissāya manodhātu ca manoviññāṇadhātu ca vattanti, taṃ rūpaṃ manodhātuyā ca manoviññāṇadhātuyā ca taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ nissayapaccayena paccayo.

B- Pāli và lời dịch.

Câu Pāli 1. Cattāro khandhā arūpino aññamaññaṃ nissayapaccayena paccayo:

“Bốn danh uẩn làm duyên trợ giúp lẫn nhau bằng Y duyên”.

Câu Pāli 2. Cattāro mahābhūtā aññamaññaṃ nissayapaccayena paccayo:

“Bốn sắc tứ đại làm duyên trợ giúp lẫn nhau bằng Y duyên”.

Câu Pāli 3. Okkantikkhaṇe nāmarūpaṃ aññamaññaṃ nissayapaccayena paccayo:

“Bốn danh uẩn và sắc Ý vật vào sátna tục sinh trong cõi ngũ uẩn làm duyên trợ giúp lẫn nhau bằng Y duyên”.

Câu Pāli 4. Cittacetasikā dhammā cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ nissayapaccayena paccayo:

“Các pháp như 75 tâm + 52 tâm sở hợp (trừ Ngũ song thức, 4 tâm quả Vô sắc giới và tâm tử của bậc Alahán) trợ cho sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh bằng Y duyên”.

Câu Pāli 5. Mahābhūtā upādārūpānaṃ nissayapaccayena paccayo:

“Sắc tứ đại làm duyên trợ cho sắc y sinh bằng Y duyên”.

Cả 5 câu Pāli trên chỉ cho “Đồng sinh y duyên”, nên có chi pháp và diễn tiến như “giải rộng ĐỒNG SINH DUYỄN”.

**Câu Pāli 6. Cakkhāyatanam
cakkhaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca
dhammānaṃ nissayapaccayena paccayo:**

“Nhãn xứ trung thọ
(majjhimāyukacakkhāyatana) đông sinh với tâm hữu phần
Vừa qua đầu tiên hoặc thời điểm trụ của
49 sắc Nhãn xứ trợ cho Nhãn thức giới + 7 tâm sở
Biến hành bằng Vật tiền sinh y duyên”.

**Câu Pāli 7. Sotāyatanam sotaviññāṇadhātuyā
taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ
nissayapaccayena paccayo:**

“Nhĩ xứ trung thọ đông sinh với tâm hữu phần
Vừa qua đầu tiên hoặc thời điểm trụ của 49 sắc Nhĩ
xứ trợ cho Nhĩ thức giới + 7 tâm sở Biến hành bằng
Vật tiền sinh y duyên”.

**Câu Pāli 8. Ghāṇāyatanam
ghāṇaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca
dhammānaṃ nissayapaccayena paccayo:**

“Tỷ xứ trung thọ đông sinh với tâm hữu phần
Vừa qua đầu tiên hoặc thời điểm trụ của 49 sắc Tỷ
xứ trợ cho Tỷ thức giới + 7 tâm sở Biến hành bằng
Vật tiền sinh y duyên”.

**Câu Pāli 9. Jivhāyatanam
jivhāviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca
dhammānaṃ nissayapaccayena paccayo:**

“Thiệt xứ trung thọ đông sinh với tâm hữu phần
Vừa qua đầu tiên hoặc thời điểm trụ của 49 sắc

Thiệt xứ trợ cho Thiệt thức giới + 7 tâm sở Biến hành bằng Vật tiền sinh y duyên”.

**Câu Pāli 10. Kāyāyatanam
kāyaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca
dhammānaṃ nissayapaccayena paccayo:**

“Thân xứ trung thọ đông sinh với tâm hữu phần Vừa qua đầu tiên hoặc thời điểm trụ của 49 sắc Thân xứ trợ cho Thân thức giới + 7 tâm sở Biến hành bằng Vật tiền sinh y duyên”.

**Câu Pāli 11. Yaṃ rūpaṃ nissāya manodhātu
ca manoviññāṇadhātu ca vattanti, taṃ rūpaṃ
manodhātuyā ca manoviññāṇadhātuyā ca
taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ
nissayapaccayena paccayo:**

“Ý giới và Ý thức giới + tâm sở hợp (trừ 4 tâm quả Vô sắc giới) sinh lên nương sắc Ý vật nào, sắc Ý vật đó trợ cho Ý giới và Ý thức giới + tâm sở hợp (trừ 4 tâm quả Vô sắc giới) bằng Vật tiền sinh y duyên và Vật - cảnh tiền sinh y duyên”.

C- Phân tích câu và chi pháp.

Tương tự như “giải rộng NHÂN DUYÊN”, trong phần tóm lược Đức Thế Tôn nêu **Y duyên** (nissayapaccayo) lên trước, rồi Ngài thuyết giảng rộng để làm sáng tỏ ý nghĩa.

Câu Pāli 6. Cakkhāyatanam là chủ từ, cho biết năng duyên là “sắc thần kinh Nhãn”, theo các vị Giáo thọ sư tiền bối là “majjhimāyuka” (sắc thần kinh

đồng tuổi thọ với sắc cảnh, theo các vị Giáo thọ sư đời sau là “49 sátna trụ” .

Cakkhuvīññāṇadhātu

taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “2 tâm Nhãn thức + 7 tâm sở Biến hành”.

Nissayapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Ý duyên trong 6 duyên có cùng tính chất, phối hợp nhau là: Vật tiền sinh y duyên, Vật tiền sinh duyên, Vật Tiền sinh quyền duyên, Vật tiền sinh bất tương ưng duyên, Vật tiền sinh hiện hữu duyên, Vật tiền sinh bất ly duyên.

Câu Pāli 7 - 8 - 9 - 10 tương tự như Câu Pāli 6, chỉ thay đổi tên gọi và chi pháp theo tương ứng.

Câu Pāli 11. Yaṃ rūpaṃ là bất định túc từ (aniyamakammāpāda), không nêu rõ loại sắc nào, chỉ cho biết “sở duyên nương từ sắc đó sinh lên”.

Tuy nhiên, từ chủ từ ***manodhātu ca manovīññāṇadhātu ca*** là “sở duyên”, nên ***yaṃ rūpaṃ*** chỉ cho năng duyên là “là sắc Ý vật”.

Tức sắc Ý vật ở sátna trung thọ (theo ý kiến của Ngài Giáo thọ sư tiền bối), hoặc sắc Ý vật ở thời điểm 49 sátna trụ (theo ý kiến của Ngài Giáo thọ sư hậu bối).

Nissaya là bất biến quá khứ phân từ (kiriyaṅviseṣāpāda), cho biết sở duyên “nương sinh”.

Manodhātu ca manoviññāṇadhātu ca là chủ từ, cho biết “sở duyên” là “Ý giới và Ý thức giới” nương sắc Ý vật để sinh lên.

Taṃ rūpaṃ là nhất định chủ từ (niyamakattupada), chỉ rõ năng duyên là *yaṃ rūpaṃ*. Chi pháp là “sắc Ý vật” ở sátna trung thọ, hay ở 49 sátna trụ.

Manodhātuyā ca manoviññāṇadhātuyā ca taṃsampayuttakānañca là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “Ý giới, Ý thức giới + 52 tâm sở hợp (trừ tâm quả Vô sắc giới)”.

Nissayapaccayena là sở dụng từ, cho biết các duyên hỗ trợ trong cùng tính chất với nhau tùy theo diễn tiến như sau:

a- Sắc Ý vật đồng sinh với tâm trước kia hoặc thời điểm trụ của 49 sắc Ý vật trợ cho Ý giới và Ý thức giới, như tâm hữu phần thứ 1 ... trong cõi ngũ uẩn.

Sắc Ý vật đồng sinh với tâm thứ 17 tính từ tâm tử trở lại trợ cho tâm kế từ tâm tử sinh lên.

Có 5 duyên cùng tính chất, phối hợp nhau là: Vật tiền sinh y duyên, Vật tiền sinh duyên, Vật tiền sinh bất tương ưng duyên, Vật tiền sinh hiện hữu duyên, Vật tiền sinh bất ly duyên.

b- Sắc Ý vật đồng sinh với tâm thứ 17 tính từ tâm tử trở lại là Cảnh duyên trợ cho tâm Khai ý môn, 5 tâm đồng lực cận tử, 2 tâm Na cảnh (theo ý kiến của Ngài Giáo thọ sư tiền bối), hoặc thời điểm trụ của 49

sắc Ý vật (theo ý kiến của Ngài Giáo thọ sư hậu bối) làm Cảnh duyên trợ cho tâm Khai ý môn, 7 sátna đồng lực trong thời bình nhật, và 5 sátna đồng lực trong thời cận tử, tâm Na cảnh.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp nhau là: Cảnh duyên, Vật - cảnh tiền sinh y duyên, Cảnh tiền sinh duyên, Vật - cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên, Vật - cảnh tiền sinh Hiện hữu duyên, Vật - cảnh tiền sinh Bất ly duyên.

c- Sắc Ý vật đồng sinh với tâm thứ 17 tính từ tâm tử trở lại hoặc thời điểm trụ của 49 sắc Ý vật mà chú tâm nhận biết được *vật- cảnh* là năng duyên, trợ cho 5 tâm đồng lực tham cận tử, hoặc 7 tâm đồng lực tham trong thời bình nhật.

Có 8 duyên cùng tính chất, phối hợp nhau là: Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên, Cảnh cận y duyên, Vật- cảnh tiền sinh y duyên, Cảnh tiền sinh duyên, Vật-cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên, Vật-cảnh tiền sinh hiện hữu duyên, Vật-cảnh tiền sinh bất ly duyên.

Thích giải.

Từ câu Pāli 1 đến câu Pāli 5, chỉ cho “Đồng sinh y duyên”, nên lý giải tương tự như “Đồng sinh duyên”.

Từ câu Pāli 6 đến câu Pāli 10, trình bày “Vật tiền sinh y duyên”, có nội dung như sau:

Sở dĩ các Giáo thọ sư tiền bối chọn các sắc thần kinh trung thọ là: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt và Thân, vì các Ngài dựa vào “sự đồng sinh” với 5 sắc cảnh khi “đối chiếu” nhau, khi 5 sắc cảnh diệt thì chúng cũng diệt.

Khi nói về tuổi thọ của sắc thần kinh đối với sắc cảnh thì: Sắc thần kinh “đồng sinh đồng diệt với sắc cảnh”, gọi là *majjhimāyukarūpa* (sắc trung thọ).

Sắc thần kinh diệt trước sắc cảnh, gọi là *mandāyukarūpa* (sắc sơ thọ).

Sắc thần kinh diệt sau sắc cảnh, gọi là “*amandāyuka*” (sắc hậu thọ).

Hai loại sắc “sơ thọ và hậu thọ” các Ngài không xếp vào “Vật tiền sinh y duyên”.

Các vị Giáo thọ sư hậu bối có quan điểm rằng: “Sự sinh lên và trụ của sắc thần kinh, khộng thành hàng lối riêng biệt như “buồng chuối, hoặc thành từng lớp như cánh hoa sen”, sự “sinh -trụ của sắc pháp” gom chung thành từng nhóm.

Ngũ song thức phải nương vào nhóm sắc thần kinh “trụ” để sinh lên, nhưng không thể lựa chọn “riêng biệt” nơi nào của nhóm “sắc thần kinh trụ”, chỉ cần “thời điểm trụ” của sắc thần kinh là được.

Ví như mức gạch giới hạn của điều thuốc và đầu lọc, khi châm lửa điều thuốc sẽ cháy từ đầu đến “mức giới hạn”.

Cũng vậy, nói về nhóm sắc hoặc hạt nguyên tử thì có hằng chục ngàn “nhóm sắc” hay hằng chục ngàn hạt nguyên tử, khi châm lửa điều thuốc cháy sẽ có “hằng chục ngàn nhóm sắc” hay hằng chục ngàn “hạt nguyên tử” có lửa, còn hằng chục ngàn “nhóm sắc khác” hay hằng chục ngàn “hạt nguyên tử khác” không bắt lửa.

Do vậy, các vị Giáo thọ sư hậu bối lấy “thời điểm trụ” của “năm sắc thần kinh” là “49 sátna tiêu” làm “năng duyên” của Vật tiền sinh y duyên của Ngũ song thức.

Câu Pāli 11. Yaṃ rūpaṃ nissāya manodhātu ca manoviññādhātu ca vanttanti ... Trình bày chi pháp của hai duyên: “Vật tiền sinh y duyên” và “Vật-cảnh tiền sinh y duyên”, chi pháp có hai lý:

Vê Vật tiền sinh duyên.

* Theo các Giáo thọ sư tiền bối thì: Sắc Ý vật đồng sinh với tâm sinh trước là “Vật tiền sinh y năng duyên”, tâm sinh sau là “Vật tiền sinh y sở duyên”.

* Theo các Giáo thọ sư hậu bối thì: Sắc Ý vật vào “thời điểm trụ” (49 sátna tiêu) là “Vật tiền sinh y năng duyên”, tâm sinh sau là “Vật tiền sinh y sở duyên”.

Khi lộ Ý sinh khởi, diễn tiến “năng duyên - sở duyên” của Vật tiền sinh y duyên theo hai quan điểm sau:

* Các Giáo thọ sư tiền bối chỉ lấy:

- Sắc Ý vật sinh vào sátna sinh của tâm hữu phần Vừa qua là năng duyên, tâm hữu phần Rúng động là sở duyên.

- Sắc Ý vật sinh vào sátna sinh của tâm hữu phần Rúng động là năng duyên, tâm hữu phần Dứt dòng là sở duyên.

- Sắc Ý vật sinh vào sátna sinh của tâm hữu phần Dứt dòng là năng duyên, tâm Khai ý môn là sở duyên.

- Sắc Ý vật sinh vào sátna sinh của tâm Khai ý môn là năng duyên, sátna 1 của đồng lực là sở duyên.

* Các Giáo thọ sư hậu bối thì lấy sắc Ý vật sinh lên vào ba sátna sinh - trụ-diệt của tâm sinh trước trước tâm hữu phần Vừa qua là năng duyên (nghĩa là ở giai đoạn 49 sátna trụ), tâm hữu phần Vừa qua là sở duyên.

- Sắc Ý vật sinh lên vào ba sátna sinh - trụ-diệt của tâm sinh trước trước tâm hữu phần Rúng động là năng duyên, tâm hữu phần Rúng động là sở duyên.

- Sắc Ý vật sinh lên vào 3 sátna sinh - trụ-diệt của tâm sinh trước trước tâm hữu phần Dứt dòng là năng duyên, tâm hữu phần Dứt dòng là sở duyên.

- Sắc Ý vật sinh lên vào 3 sátna sinh - trụ-diệt của tâm sinh trước trước tâm Khai ý môn là năng duyên, tâm Khai ý môn là sở duyên.

- Sắc Ý vật sinh lên vào 3 sátna sinh - trụ-diệt của tâm sinh trước trước tâm đồng lực sátna 1, là năng duyên, tâm đồng lực sátna 1 là sở duyên.

Như đã nêu ở trên, các vị Giáo thọ sư tiền bối cho rằng: “Việc sinh - trụ của sắc pháp, xếp thành hàng lối, nếu không xếp thành hàng lối là sai lệch pháp thực tính”. Còn các Giáo thọ sư hậu bối cho rằng: “Sắc pháp sinh - trụ theo từng nhóm, ví như “từng nhóm lửa”, hay hằng chục ngàn hạt nguyên tử”.

Vê Vật-cảnh tiền sinh y duyên.

*Theo quan điểm các giáo thọ sư tiền bối, các Ngài chỉ lấy duy nhất “sắc Ý vật đồng sinh vào tâm thứ 17 kể từ tâm tứ tính lùi lại” là năng duyên.

Quan điểm của các Ngài là: Sắc Ý vật phải hội đủ bốn đặc tính: “*Là sắc vật, sinh trước, là chỗ nương và làm cảnh cho tâm đang nương trú*”; ngoại trừ Ngũ song thức, các tâm còn lại phải nương vào sắc Ý vật.

Các tâm trong lộ cận tử ý môn đều phải nương vào sắc Ý vật đồng sinh với tâm thứ 17 kể từ tâm tứ tính lui lại, do vậy Vật - cảnh tiền sinh y duyên chỉ xuất hiện ở lộ cận tử ý môn mà thôi.

Sắc Ý vật đồng sinh với 3 sátna của tâm sinh trước trước đó không có đủ 4 đặc tính này, chúng chỉ có ba đặc tính là “là vật, sinh trước (purejāta), nơi nương mà thôi.

Còn “làm cảnh cho tâm” chỉ có riêng biệt cho “chính mình” (ám chỉ các tâm đang nương sắc Ý vật, ngoài tâm hữu phần) không phổ biến trong thời bình nhật, do vậy sắc Ý vật đồng sinh với tâm thứ 17 kể từ tâm tử lùi lại mới xếp vào năng duyên trong Vật - cảnh tiền sinh y duyên.

Khi tâm Khai ý môn nhận “sắc Ý vật làm cảnh” thì các tâm khác như đồng lực Dục giới, tâm Na cảnh, 2 tâm Thông trong lộ cận tử là sở duyên.

Như vậy, theo quan điểm của các Giáo thọ sư tiền bối thì: Sắc Ý vật làm cảnh cho tâm chỉ có trong **thời cận tử**, thời bình nhật thì sắc Ý vật không làm cảnh cho “chính tâm đang nương sắc Ý vật” được.

* Theo quan điểm của các Giáo thọ sư hậu bối thì: Sắc Ý vật “vừa là **chỗ nương**, vừa **làm cảnh** cho tâm đang nương trú”, có thể xảy ra vào thời bình nhật lẫn thời cận tử. Đồng thời “những sắc Ý vật đồng sinh vào 3 sátna sinh - trụ - diệt của tâm trước đó, đang “thời trụ” đều có thể là “năng duyên” của Vật-cảnh tiền sinh y duyên”.

Các Ngài cho rằng: “Có một số (rất ít) chúng sinh, trong thời bình nhật hay thời cận tử, có thể suy xét sắc Ý vật bằng “niệm tinh giác” hoặc bằng Tham ái, Ngã mạn, Tà kiến, Sân, Si.

Vì còn hiện hữu trong nhóm thể trước (koṭṭhāsa), đồng thời “sinh - trụ thành nhóm”, nên sắc Ý vật trong **thời trụ** có thể “vừa làm **chỗ nương**, vừa **làm cảnh** cho tâm đang nương trú”.

* Các Giáo thọ sư tiền bối cho rằng: “Vật- cảnh tiền sinh y duyên chỉ có trong lộ cận tử của 8 hạng người: Bốn phàm + bốn Thánh quả, trong đó có:

- Năm hạng người đặc thông là “phàm tam nhân và 4 Thánh quả”, trong lộ cận tử hiện Thông rồi tử.

- Lộ cận tử bình thường của “8 hạng người không đặc Thông”.

Trong thời bình nhật, lộ Hiện thông hoặc lộ Ý, sắc Ý vật không là năng duyên của Vật - cảnh tiền sinh y duyên, vì Sắc Ý vật trong thời bình nhật không cùng một lúc “vừa làm chỗ nương, vừa làm cảnh cho tâm đang nương trú”.

Trong thời bình nhật, khi “*suy nghĩ đến sắc Ý vật rồi tu tiến minh quán*”, hoặc “*suy nghĩ đến sắc Ý vật rồi hân hoan thoả thích, có khi lại buồn phiền chán nản*”. Khi ấy sắc Ý vật đồng sinh với tâm hữu phần Dứt dòng, sắc Ý vật này “vừa là chỗ nương, vừa làm cảnh” cho tâm Khai ý môn, nhưng sắc Ý vật này “chỉ làm cảnh cho tâm đồng lực sátna thứ 1”, không “làm chỗ nương cho tâm đồng lực, tâm Na cảnh”.

Vì sao? Vì sắc Ý vật “làm chỗ nương” cho đồng lực sátna thứ 1, phải đồng sinh với tâm Khai ý môn, không là sắc Ý vật đồng sinh với tâm hữu phần Dứt dòng.

Do đó, sắc Ý vật sinh trước tâm Khai ý môn không là “vật tiền sinh cho tâm đồng lực sátna thứ 1”, chỉ là “cảnh tiền sinh” mà thôi.

Trong Vật - cảnh tiền sinh duyên, sắc Ý vật phải “vừa làm chỗ nương, vừa làm cảnh cho tâm đang nương trú”.

Một lý khác là: Lộ Ý và lộ Hiện thông trong thời bình nhật, “**một**” sắc Ý vật khi “vừa làm nơi nương, vừa làm cảnh cho tâm đang nương trú”, thì chỉ duy nhất cho “**một**” tâm mà thôi, không thể xuyên suốt cả tâm lộ được. Như trong lộ Ý:

- Sắc Ý vật “vừa làm nơi nương, vừa là cảnh cho tâm Khai ý môn”, là sắc Ý vật đồng sinh với tâm hữu phần Dứt dòng.

- Sắc Ý vật “vừa làm nơi nương, vừa làm cảnh cho tâm đồng lực sátna 1”, là sắc Ý vật đồng sinh với tâm Khai ý môn. Cứ như thế mà diễn tiến suốt tâm lộ cho đến:

- Sắc Ý vật “vừa làm chỗ nương, vừa làm cảnh cho tâm Na cảnh sátna thứ 2”, là sắc Ý vật đồng sinh với tâm Na cảnh sátna thứ 1.

Sự kiện như vậy, thì “sắc Ý vật vừa làm chỗ nương, vừa làm cảnh” cho tâm Khai ý môn, khác với sắc Ý vật “vừa làm chỗ nương, vừa làm cảnh cho tâm đồng lực sát na thứ 1”. Nghĩa là “có 2 sắc Ý vật”.

Trong lộ Hiện thông cũng tương tự như vậy, nghĩa là: Sắc Ý vật “vừa làm nơi nương, vừa làm cảnh cho tâm Khai ý môn” với sắc Ý vật “vừa làm nơi nương, vừa làm cảnh cho tâm Thông”, không phải là *một*, chúng là hai “sắc Ý vật” khác nhau.

Thông thường trong các lộ tâm ý môn, suốt tiến trình từ tâm Khai ý môn, tâm đồng lực và tâm Na cảnh đều nhận duy nhất “một cảnh”; ngoại trừ lộ đắc Đạo, lộ nhập thiên quả thì cảnh khác nhau. Do vậy, sắc Ý vật không là năng duyên của “Vật - cảnh tiền sinh y duyên” trong thời bình nhật.

Còn trong lộ cận tử, sắc Ý vật đồng sinh với tâm thứ 17 kể từ tâm tử tính lui lại, cũng kể từ thời điểm này, các sắc Nghiệp không sinh lên nữa. Do đó trong suốt tâm lộ cận tử, sắc Ý vật không hề sinh lên, chỉ có duy nhất “một đoàn ý vật”, đoàn Ý vật này “vừa làm nơi nương, vừa làm cảnh cho tâm nương”, vì vậy “Vật-cảnh tiền sinh y duyên” chỉ có trong lộ cận tử.

*Các Đại trưởng lão Giáo thọ sư lão thông Tam tạng, hiểu biết về thực tính pháp, như Ngài Giáo thọ sư Ledi, Ngài Giáo thọ sư Maṭṭhānasārapadīpanī ... khẳng quyết rằng: “Các Giáo thọ sư tiền bối nêu lên như vậy, vì các Ngài hiểu rằng: “Sắc Ý vật làm chỗ nương cho tâm sinh sau, phải là sắc Ý vật đồng sinh với tâm sinh trước đó”, và chỉ có mô thức này mà thôi”.

Các Giáo thọ sư hậu bối phản bác rằng: “Sắc Ý vật làm chỗ nương cho tâm sinh sau, không phải chỉ có riêng cho sắc Ý vật đồng sinh với tâm sinh trước, mà là sắc Ý vật sinh trước chưa diệt, tất cả sắc Ý vật vào “thời trụ” đều có thể “làm nơi nương” cho tâm sinh sau.

Nói về “lấy sắc Ý vật làm *cảnh*” cũng tương tự như “lấy sắc Ý vật làm chỗ nương”. Các Giáo thọ sư tiền bối cho rằng: “Sắc Ý vật làm cảnh cho tâm Khai ý môn, tâm đồng lực, tâm Na cảnh, phải là “*một*” sắc Ý vật, không là sắc Ý vật khác”.

Các Giáo thọ sư hậu bối cho rằng: “Hiểu như thế là chưa chuẩn xác”.

Các Giáo thọ sư hậu bối giải rằng: “Người suy nghĩ đến sắc Ý vật rồi tu tiến minh quán”, hoặc “suy nghĩ đến sắc Ý vật rồi hân hoan thoả thích, có khi lại buồn phiền chán nản, “hoặc khi suy nghĩ đến thân thể cùng sắc Ý vật”.

Khi tâm lộ Ý hay tâm lộ Hiện thông sinh khởi, tâm Khai ý môn nhận cảnh là “sắc Ý vật”, thì đồng lực, Na cảnh hay Chuẩn bị, Cận hành, Thuận thứ, Chuyển tộc, tâm Thông cũng nhận cảnh là “sắc Ý vật”, các tâm này không thể “chọn lựa” sắc Ý vật này làm cảnh hay sắc Ý vật kia làm cảnh. *Vì sao? Vì sắc Ý vật sinh lên vào mỗi sátna tâm, là “nhóm sắc nối tiếp nhau liên tục, không gián đoạn”* (santatiḡaṇa).

Do đó, những tâm trong tâm lộ không thể “chọn sắc Ý vật” theo ý thích, như: Tâm Khai Ý môn chọn “sắc Ý vật này làm cảnh”, tâm đồng lực sátna thứ 1 chọn “sắc Ý vật” kia làm cảnh ... Mà tất cả tâm trong tâm lộ kể từ tâm Khai ý môn trở đi cho đến tâm Na cảnh đều lấy “sắc Ý vật” làm cảnh như nhau.

Ví như người đang nhìn đàn kiến di chuyển thành hàng với trăm, ngàn con kiến. Trong khi nhìn đàn

kiến thì tâm lộ Nhãn môn sinh lên, rồi lộ Ý tiếp nối lộ Nhãn môn (tadanuvattikamanodvāravithī) sinh lên, cũng “lấy đàn kiến” làm cảnh, bấy giờ tâm Khai ý môn, tâm đồng lực, tâm Na cảnh không thể “bắt lấy cảnh theo từng phần riêng biệt”. **Nghĩa là** tâm Khai ý môn “nhận con kiến này làm cảnh”, tâm đồng lực “nhận con kiến kia làm cảnh”, tâm Na cảnh “nhận con kiến khác làm cảnh” ... sự kiện này “không thể có”.

Cũng vậy, không thể nói tâm Khai ý môn “nhận sắc Ý vật này làm cảnh”, tâm đồng lực “nhận sắc Ý vật kia làm cảnh”, tâm Na cảnh nhận sắc Ý vật nọ làm cảnh”.

Chỉ có sự kiện duy nhất là “các tâm đang quan sát và bắt lấy cảnh như nhau”, chứ không phải bắt “mỗi loại cảnh khác nhau”.

Một lý khác là: Khi ta đang nhìn ngọn lửa, ngọn lửa luôn có sự “sinh - diệt” suốt thời gian cháy, ngọn lửa cũ diệt đi thì ngọn lửa mới sinh lên liên tục không gián đoạn. Khi nhìn ta không thể biết “ngọn lửa nào cũ, ngọn lửa nào mới”.

Khi tâm lộ Nhãn môn sinh lên rồi tiếp theo là tâm lộ Ý nối tiếp lộ Nhãn môn, các tâm Khai ý môn, tâm đồng lực, tâm Na cảnh, tâm Thông không thể “nhận từng ngọn lửa riêng biệt làm cảnh”, cũng không thể nói là “cảnh khác nhau”, vì “ngọn lửa là cảnh chung” của các tâm trên.

Do vậy, Vật - cảnh tiền sinh y duyên diễn tiến được trong lộ Ý cảnh rất rõ và lộ Hiện thông trong thời bình nhật.

Vật - cảnh tiền sinh y duyên chi khởi hiện trong lộ cận tử của năm hạng người (phàm tam nhân và bốn Thánh quả), điển hình như quan đại thần Santati, Đức Sarīputta (Xá lợi phất), Đức Moggallāna (Mục kiền liên), ba Ngài hiển lộ rõ ràng nhất. Đức Aññakoṇḍañña, Đức Ānanda thì hiện bày không rõ ràng.

Trong lộ cận tử thông thường của 8 hạng người không đặc thông (abhiññālābhīpuggala) thì rất ít, cả ngàn người mới có một, trong thời cận tử có thể nhận “sắc Ý vật làm cảnh” để tu tiến minh sát bằng niệm - tinh giác, hoặc suy nghĩ bằng Ái, Ngã mạn, Tà kiên, Sân, Si cũng được, vì còn hiện hữu trong nhóm thể trước.

Vật - cảnh tiền sinh y duyên diễn tiến trong thời bình nhật thuộc phàm nhân đặc thông, như Devadatta (Đề bà đạt đa) hoá thành đứa bé trai quấn bốn con rắn trên hai tay và hai chân, một con trên cổ, một con làm đồ trang sức đội trên đầu, một con để trên vai, từ hư không đi xuống ngồi trên vế của hoàng tử Ajātasattu (Axàthê).

Ba anh em đạo sĩ “tóc bện” (jāṭila), đạo sĩ Kāladevina là bậc lão luyện thiền định, đặc ngữ thông, bát định. Lúc bình thường, thường du hành

trên hư không, đi đến cung trời Đao lợi để nghỉ ngơi tự tại ban ngày.

Bậc Alahán cũng có, như Đức Chánh giác thể hiện Song thông (yamakapaṭihāriya), Ngài Cūḷapanthaka hoá hiện ra thành “nhiều người” (bahubhāyapaṭihāriya), Ngài Moggallāna nhiếp phục long vương Nandopananda, Ngài Piṇḍolabhāradvāja bay lên hư không lấy bát trầm hương.

Việc hiện thông có trình bày rõ trong bộ “Chỉ tịnh nghiệp xứ” (samathakammaṭṭhānadīpanī), chương 9 phần sau cùng.

Dứt “giải rộng Y DUYÊN”.

9- Giải rộng CẬN Y DUYÊN.

(Upanissayapaccayaniddesa).

A- Câu khai nhập.

Cận y duyên (upanissayapaccayo) được Đức Thế Tôn thuyết tóm gọn, rồi Ngài thuyết chi tiết trong trong duyên “giảng rộng” là:

**1- Purimā purimā kusalā dhammā
pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ
dhammānaṃ upanissayapaccayena paccayo ...**

**2- Senāsanāṃ pi upanissayapaccayena
paccayo.**

B- Pāli và lời dịch.

Câu Pāli 1. Purimā purimā kusalā dhammā
pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ
dhammānaṃ upanissayapaccayena paccayo:

Danh uẩn là 20 tâm Thiện sinh trước (trừ tâm Tứ đạo) trợ cho danh uẩn là 21 tâm Thiện sinh sau bằng Cảnh cận y duyên, Vô gián cận y duyên, và Thường cận y duyên”.

Câu Pāli 2. Purimā purimā kusalā dhammā
pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ
dhammānaṃ upanissayapaccayena paccayo:

“Danh uẩn là 17 tâm Thiện hiệp thế sinh trước trợ cho danh uẩn là 12 tâm Bất thiện sinh sau bằng Cảnh cận y duyên, và Thường cận y duyên”.

Câu Pāli 3. Purimā purimā kusalā dhammā
pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ
dhammānaṃ upanissayapaccayena paccayo:

“Danh uẩn là 21 tâm Thiện sinh trước trợ cho danh uẩn vô ký là 36 tâm Quả, 20 tâm Duy tác sinh sau bằng Cảnh cận y duyên, Vô gián cận y duyên và Thường cận y duyên”.

Câu Pāli 4. Purimā purimā akusalā dhammā
pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ
dhammānaṃ upanissayapaccayena paccayo:

“Danh uẩn là 12 tâm Bất thiện sinh trước trợ cho danh uẩn là 12 tâm Bất thiện sinh sau bằng Cảnh cận y duyên, Vô gián cận y duyên và Thường cận y duyên”.

Câu Pāli 5. Purimā purimā akusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ upanissayapaccayena paccayo:

“Danh uẩn là 12 tâm Bất thiện sinh trước trợ cho danh uẩn là 21 tâm Thiện sinh sau một số bằng Thường cận y duyên”.

Câu Pāli 6. Purimā purimā akusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ dhammānaṃ upanissayapaccayena paccayo:

“Danh uẩn là 12 tâm Bất thiện sinh trước trợ cho danh uẩn vô ký 36 tâm Quả, 20 tâm Duy tác sinh sau bằng Vô gián cận y duyên và Thường cận y duyên”.

Câu Pāli 7. Purimā purimā abyākatā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ dhammānaṃ upanissayapaccayena paccayo:

“Pháp vô ký là 36 tâm Quả, 20 tâm Duy tác, 28 sắc pháp sinh trước và Nípàn trợ cho danh uẩn vô ký là 36 tâm Quả, 20 tâm Duy tác sinh sau bằng Cảnh cận y duyên, Vô gián cận y duyên và Thường cận y duyên”.

Câu Pāli 8. Purimā purimā abyākatā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ upanissayapaccayena paccayo:

“Pháp vô ký là 35 tâm Quả trong ta (trừ tâm Tứ quả) hoặc 36 tâm Quả của người khác, 20 tâm Duy tác, 28 sắc pháp sinh trước và Nípàn, trợ cho danh uẩn là 21 tâm Thiện sinh sau bằng Cảnh cận y

duyên, Vô gián cận y duyên và Thường cận y duyên”.

Câu Pāli 9. Purimā purimā abyākatā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ upanissayapaccayena paccayo:

“Pháp vô ký là 32 tâm Quả hiệp thế, 20 tâm Duy tác, 28 sắc pháp sinh trước và Nípàn, trợ cho danh uẩn là 12 tâm Bất thiện sinh sau bằng Cảnh cận y duyên, Vô gián cận y duyên và Thường cận y duyên”.

Câu Pāli 10. Utubhojanaṃ pi upanissayapaccayena paccayo:

“Thời tiết lạnh nóng và vật thực thích hợp trợ cho thân tâm là sắc uẩn, danh uẩn thiện, bất thiện bằng Thường cận duyên”.

Câu Pāli 11. Puggalo pi upanissayapaccayena paccayo:

“Người: Thiện bằng hữu, ác bằng hữu, cha, mẹ, con trai, con gái, thầy nương nhờ, thầy Tế độ, thầy Giáo thọ, bạn đồng trú và đệ tử trợ cho tâm là danh uẩn thiện, bất thiện bằng Thường cận y duyên theo lý Thắng pháp.

Hoặc thân tâm thuộc Thường cận y sở duyên, theo lý Kinh tạng bằng Thường cận y duyên”.

Câu Pāli 12. Senāsanam pi upanissayapaccayena paccayo:

“Trú xứ: Chùa, nhà, toạ cụ, ngoạ cụ, rừng núi, cây trợ cho tâm là danh uẩn thiện, bất thiện thuộc Thường cận y sở duyên, theo lý Thắng pháp.

Hoặc thân, tâm thuộc Thường cận y sở duyên theo lý Kinh tạng bằng Thường cận y duyên”.

C- Phân tích câu và chi pháp.

Tương tự như “giải rộng NHÂN DUYÊN”, trong phần tóm lược Đức Thế Tôn nêu **Cận Y duyên** (upanissayapaccayo) lên trước, rồi Ngài thuyết giảng rộng để làm sáng tỏ ý nghĩa.

Câu Pāli 1. Purimā purimā kusalā dhammā là chủ từ, cho biết năng duyên.

*Nếu là Cảnh cận y duyên. Năng duyên là “17 tâm thiện hiệp thế có sức mạnh sinh trước” trợ cho 4 Đại thiện không có trí sinh sau, liên quan vững mạnh trong việc bắt cảnh.

Và “20 tâm thiện (trừ tâm Tứ đạo) có sức mạnh sinh trước”, trợ cho 4 tâm Đại thiện có trí sinh sau, liên quan vững mạnh trong việc bắt cảnh.

Pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “8 tâm Đại thiện” liên quan vững mạnh trong việc bắt cảnh.

Upanissayapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực đặc biệt của Cận y duyên trong 3 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh cận y duyên, Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên.

* Nếu là Vô gián cận y duyên.

Purimā purimā kusalā dhammā là chủ từ, cho biết năng duyên là “17 tâm đồng lực hiệp thế sinh trước”.

Pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “tâm đồng lực đại thiện sátna thứ 2 ... 9 đồng lực thiện Đáo đại, 4 đồng lực Đạo sinh sau”.

Upanissayapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực đặc biệt của Cận y duyên trong 6 duyên có cùng tính, chất phối hợp với nhau là: Vô gián cận y duyên, Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Tập hành duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

* Nếu là Thường cận y duyên.

Purimā purimā kusalā dhammā là chủ từ, cho biết năng duyên là “20 tâm thiện (trừ tâm Tứ đạo) có sức mạnh sinh trước”.

Pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “21 tâm thiện sinh sau”.

Upanissayapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực đặc biệt của Thường cận y duyên. Chỉ có duy nhất có một duyên là “Thường cận y duyên”.

Câu Pāli 2. * Nếu là Cảnh cận y duyên.

Purimā purimā kusalā dhammā là chủ từ cho biết năng duyên là “17 tâm thiện hiệp thế có sức mạnh sinh trước”.

Pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “8 tâm Tham vững mạnh” sinh sau, liên quan trong việc bắt cảnh.

Upanissayapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Cảnh cận y duyên trong 3 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh cận y duyên, Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên.

* Nếu là Thường cận y duyên.

Purimā purimā kusalā dhammā là chủ từ cho biết năng duyên là “17 tâm thiện hiệp thế có sức mạnh, sinh trước”.

Pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “12 tâm bất thiện” sinh sau.

Upanissayapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực đặc biệt của Thường cận y duyên. Chỉ có duy nhất có một duyên là “Thường cận y duyên”.

Câu Pāli 3. Nếu là Cảnh cận y duyên.

Purimā purimā kusalā dhammā là chủ từ, cho biết năng duyên là “tâm Tứ đạo sinh trước”.

Pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ dhammānaṃ là sở thuộc từ, chỉ cho sở duyên là “4 tâm Duy tác Dục giới có trívững mạnh sinh sau”, liên quan trong việc bắt cảnh.

Upanissayapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Cảnh cận y duyên trong ba duyên có

cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh cận y duyên, Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên.

* Nếu là Vô gián cận y duyên.

Purimā purimā kusalā dhammā chỉ năng duyên; *purimā purimā kusalā dhammā* chỉ sở duyên.

Năng duyên và sở duyên như câu Pāli 12, trong “giải rộng Vô gián duyên”.

Upanissayapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Vô gián cận y duyên trong 5 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Vô gián cận y duyên, Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

* Nếu là Thường cận y duyên.

Purimā purimā kusalā dhammā là chủ từ, cho biết năng duyên là “21 tâm thiện có sức mạnh sinh trước”.

Pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ dhammānaṃ là sở thuộc từ, chỉ chosở duyên là “36 tâm quả, 20 tâm Duy tác sinh sau”.

Upanissayapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Thường cận y duyên trong 6 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Thường cận y duyên, Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Nghiệp khác thời duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

Câu Pāli 4. Nếu là Cảnh cận y duyên.

Purimā purimā akusalā dhammā là chủ từ, cho biết năng duyên là “8 tâm Tham có sức mạnh, sinh trước”.

Pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ là sở thuộc từ, chỉ cho sở duyên là “8 tâm Tham có sức mạnh, sinh sau”.

Upanissayapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Cảnh cận y duyên trong 3 duyên có cùng tính chất, phối hợp nhau là: Cảnh cận y duyên, Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên.

* Nếu là Vô gián cận y duyên.

Purimā purimā akusalā dhammā chỉ cho năng duyên; *pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ* chỉ cho sở duyên.

Năng duyên và sở duyên như câu Pāli 13, trong “giải rộng Vô gián duyên”.

Upanissayapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Vô gián cận y duyên trong 6 duyên có cùng tính chất, phối hợp nhau là “Vô gián cận y duyên, Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Tập hành duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

* Nếu là Thường cận duyên.

Purimā purimā akusalā dhammā chỉ cho pháp năng duyên là “12 tâm bất thiện có sức mạnh, sinh trước”.

Pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ, chỉ chi pháp sở duyên là “12 tâm bất thiện sinh sau”.

Upanissayapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Thường cận y duyên. Chỉ có một duyên là Thường cận y duyên.

Câu Pāli 5. *Purimā purimā akusalā dhammā* là chủ từ, chỉ cho năng duyên là “12 tâm bất thiện có sức mạnh, sinh trước”.

Pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ là sở thuộc từ, chỉ cho sở duyên là “21 tâm thiện sinh sau”.

Upanissayapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Thường cận y duyên. Chỉ có một duyên là Thường cận y duyên.

Câu Pāli 6. Nếu là Vô gián cận y duyên.

Purimā purimā akusalā dhammā chỉ năng duyên; ***Pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ*** chỉ sở duyên.

Chi pháp năng duyên, sở duyên giống như câu Pāli 14 trong “giải rộng Vô gián duyên”.

Upanissayapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Vô gián cận y duyên trong 5 duyên có cùng tính chất, phối hợp nhau là: Vô gián cận y duyên, Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

*Nếu là Thường cận duyên.

Purimā purimā akusalā dhammā chỉ chi pháp năng duyên là “12 tâm bất thiện có sức mạnh, sinh trước”.

Pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ dhammānaṃ, chỉ chi pháp sở duyên là “36 tâm quả, 20 tâm Duy tác sinh sau”.

Upanissayapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Thường cận y duyên trong 2 duyên có cùng tính chất, phối hợp nhau là: Thường cận y duyên, Nghiệp khác thời duyên.

Câu Pāli 7. Nếu là Cảnh cận y duyên.

Purimā purimā abyākatā dhammā là chủ từ, chỉ cho năng duyên là “tâm Tứ quả sinh trước, Nípàn”.

Pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ dhammānaṃ là sở thuộc từ, chỉ cho sở duyên là “4 tâm Duy tác Dục giới có trí, 4 tâm quả Siêu thế sinh sau”, liên quan vững mạnh trong việc bắt cảnh.

Upanissayapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Cảnh cận y duyên trong 3 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh cận y duyên, Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên.

*Nếu là Vô gián cận y duyên.

Purimā purimā abyākatā dhammā chỉ cho năng duyên; ***pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ dhammānaṃ*** chỉ cho sở duyên.

Chi pháp năng duyên, sở duyên giống như câu Pāli 15 trong “giải rộng Vô gián duyên”.

Upanissayapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Vô gián cận y duyên trong 5 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Vô gián cận y duyên, Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

*Nếu là Thường cận y duyên.

Purimā purimā abyākatā dhammā chỉ năng duyên là “36 tâm quả, 20 tâm Duy tác, 28 sắc pháp có sức mạnh, sinh trước”.

Pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ dhammānaṃ chỉ sở duyên là “36 tâm quả, 20 tâm Duy tác sinh sau”.

Upanissayapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Thường cận y duyên. Chỉ có một duyên là Thường cận y duyên.

Câu Pāli 8. Nếu là Cảnh cận y duyên.

Purimā purimā abyākatā dhammā là chủ từ, chỉ cho năng duyên là “3 tâm quả Siêu thế hữu học sinh trước, Nípàn”.

Pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ là sở thuộc từ, chỉ sở duyên là “4 tâm Đại thiện có trí, 4 tâm Đạo sinh sau” liên quan vững mạnh đến việc bắt cảnh.

Upanissayapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Cảnh cận y duyên trong 3 duyên có

cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh cận y duyên, Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên.

*Nếu là Vô gián cận y duyên.

Purimā purimā abyākatā dhammā chỉ năng duyên; *pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ* chỉ sở duyên.

Chi pháp năng duyên, sở duyên như câu Pāli 16 trong “giải rộng Vô gián duyên”.

Upanissayapaccayena cho biết mãnh lực của Vô gián cận y duyên trong 5 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Vô gián cận y duyên, Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

*Nếu là Thường cận y duyên.

Purimā purimā abyākatā dhammā chỉ năng duyên là “35 tâm quả (trừ tâm Tứ quả) có nhuều sức mạnh sinh trước” hoặc “36 tâm quả, 20 tâm Duy tác, 28 sắc pháp sinh trước”.

Pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ chỉ sở duyên là “21 tâm thiện sinh sau”.

Upanissayapaccayena chỉ mãnh lực của Thường cận y duyên. Chỉ có một duyên là Thường cận y duyên.

Câu Pāli 9. Nếu là Cảnh cận y duyên.

Purimā purimā abyākatā dhammā là chủ từ, chỉ năng duyên là “18 sắc cảnh Tốt hiện tại là: Đất,

lửa, gió, sắc, thanh, mùi, vị, xúc; sắc thần kinh Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Nam tính, Nữ tính, sắc Ý vật, sắc Mạng quyền, sắc Vật thực khả ái, khả hỷ; 31 tâm quả Hiệp thế (trừ Thân thức thọ khổ), 20 tâm Duy tác có sức mạnh sinh trước”.

Pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ là sở thuộc từ, chỉ sở duyên là “8 tâm Tham có sức mạnh sinh sau”, liên quan với việc bắt cảnh.

Upanissayapaccayena là sở dụng từ, chỉ mãnh lực của Cảnh cận y duyên trong 3 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh cận y duyên, Cảnh duyên, Cảnh trường duyên.

Khi phân tích chi tiết:

- Năng duyên là “18 sắc cảnh Tốt hiện tại”, sở duyên là “8 tâm Tham”.

Được 6 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh cận y duyên, Cảnh duyên, Cảnh trường duyên, Cảnh tiền sinh duyên, Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên, Cảnh tiền sinh bất ly duyên.

- Năng duyên là “sắc Ý vật trong thời cận tử”, sở duyên là “8 tâm Tham “ (theo ý kiến của các giáo thọ sư tiền bối). Hoặc năng duyên là “sắc ý vật” trong thời bình nhật và thời cận tử, sở duyên là “8 tâm Tham” (theo ý kiến của các Giáo thọ sư hậu bối). Được 8 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh cận y duyên, Cảnh duyên, Cảnh trường duyên, Vật - cảnh tiền sinh y duyên, Vật - cảnh tiền

sinh duyên, Vật - cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên, Vật - cảnh tiền sinh tiền sinh hiện hữu duyên, Vật - cảnh tiền sinh bất ly duyên.

*Nếu là Vô gián cận y duyên.

Purimā purimā abyākatā dhammā chỉ cho năng duyên; *Pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ* chỉ cho sở duyên.

Năng duyên, sở duyên giống như câu Pāli 17 trong “giải rộng Vô gián duyên”.

Upanissayapaccayena cho biết mãnh lực của Vô gián cận y duyên trong 5 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Vô gián cận y duyên, Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

*Nếu là Thường cận y duyên.

Purimā purimā abyākatā dhammā chỉ năng duyên là “32 tâm quả Hiệp thế, 20 tâm Duy tác (trừ Giới phần), 28 sắc pháp có sức mạnh, sinh trước”.

Pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ chỉ sở duyên là “12 tâm bất thiện sinh sau”.

Upanissayapaccayena chỉ mãnh lực của Thường cận y duyên. Chỉ có một duyên là Thường cận y duyên.

Câu Pāli 10 - 11 - 12. Năng duyên, sở duyên trong ba câu này, hiện hữu rõ trong lời dịch, nên không trình bày lại nữa.

Thích giải.

Trong Cận y duyên, **câu Pāli 2** với **câu Pāli 5**, có từ **kesañci** chỉ cho việc trợ giúp của năng duyên đối với sở duyên, phải trừ **Vô gián cận y duyên**. Vì đồng lực thiện với đồng lực bất thiện không cùng hiện khởi trong một tâm lộ.

Lại nữa, Cảnh cận y duyên giống như Cảnh trường duyên; Vô gián cận y duyên giống như Vô gián duyên. Điều này khi nói đến tính chất chỉ khác nhau đôi chút như:

Thực tính đáng lưu tâm mãnh liệt của sở duyên, gọi là “Cảnh trường duyên”, còn thực tính vừa làm nhân vừa có nhiều sức mạnh trợ cho sở duyên, gọi là “Cảnh cận y duyên”.

Thực tính làm cho tâm tương ứng sinh lên theo tuần tự, gọi là “Vô gián duyên”, thực tính vừa làm nhân vừa có nhiều sức mạnh, gọi là “Vô gián cận y duyên”.

Như Ngài Giáo thọ sư **Mahābuddhaghosa** có trình bày trong Sớ giải bộ Vị trí rằng:

1- Garukāttabbamattatthena ārammaṇādhīpati, balavakāraṇatthena ārammaṇūpanissayoti eva me tesam nānattaṃ veditabbaṃ:

“Thực tính đáng lưu tâm mãnh liệt gọi là Cảnh trường duyên, thực tính vừa làm nhân vừa có nhiều sức mạnh gọi là Cảnh cận y duyên. Nên hiểu sự khác biệt của 2 duyên này như vậy.

**2- Attano attano anantaram
anurūpacittuppādavasena anantarapaccayo,
balavakāraṇavasena anantarūpanissayoti eva me
tesam nānattam veditabbam:**

“Thực tính có nhiều mãnh lực làm cho tâm tương ứng khởi hiện theo tuần tự không gián đoạn gọi là Vô gián duyên, thực tính vừa làm nhân vừa có nhiều sức mạnh làm cho tâm tương ứng sinh lên theo tuần tự không gián đoạn gọi là Vô gián cận y duyên. Nên hiểu sự khác biệt của 2 duyên này như vậy”.

Dứt giải rộng CẬN Y DUYÊN.

10- Giải rộng TIỀN SINH DUYÊN.

(Purejātapaccayaniddesa).

A- Câu khai nhập.

Tiền sinh duyên (purejātapaccayo) được Đức Thế Tôn thuyết tóm gọn, rồi Ngài thuyết chi tiết trong trong duyên “giảng rộng” là:

**1- Cakkhāyatanam cakkhuviññāṇadhātuyā taṃ
sampayuttakaanañca dhammānam
purejātapaccayena paccayo...**

**13- Manoviññāṇadhātuyā taṃ
sampayuttakānañca dhammānam kiñci kāle
purejātapaccayena paccayo kiñcikāle na
purejātapaccayena paccayo.**

B- Pāli và lời dịch.

Câu Pāli 1. Cakkhāyatanaṃ cakkhuvīññāṇadhātuyā taṃ sampayuttakānañca dhammānaṃ purejātapaccayena paccayo:

“Nhãn xứ trung thọ (majjhimāyukacakkhāyatana) đồng sinh với tâm hữu phần Vừa qua đầu tiên hoặc thời điểm trụ 49 sátna của sắc Nhãn xứ, trợ cho Nhãn thức giới + 7 tâm sở Biến hành bằng Tiên sinh duyên”.

Câu Pāli 2. Sotāyatanaṃ sotāvīññāṇadhātuyā taṃ sampayuttakānañca dhammānaṃ purejāta-paccayena paccayo:

“Nhĩ xứ trung thọ đồng sinh với tâm hữu phần Vừa qua đầu tiên hoặc thời điểm trụ 49 sátna của sắc Nhĩ xứ, trợ cho Nhĩ thức giới + 7 tâm sở Biến hành bằng Tiên sinh duyên”.

Câu Pāli 3- Ghāṇāyatanaṃ ghāṇāvīññāṇadhātuyā taṃ sampayuttakānañca dhammānaṃ purejātapaccayena paccayo:

“Tỷ xứ trung thọ đồng sinh với tâm hữu phần Vừa qua đầu tiên hoặc thời điểm trụ 49 sátna của sắc Tỷ xứ, trợ cho Tỷ thức giới + 7 tâm sở Biến hành bằng Tiên sinh duyên”.

Câu Pāli 4- Jivhāyatanaṃ jivhāvīññāṇadhātuyā taṃ sampayuttakānañca dhammānaṃ purejātapaccayena paccayo:

“Thiệt xứ trung thọ đồng sinh với tâm hữu phần Vừa qua đầu tiên hoặc thời điểm trụ 49 của sắc

Thiệt xứ trợ cho Thiệt thức giới + 7 tâm sở Biến hành bằng Tiên sinh duyên”.

Câu Pāli 5- Kāyāyatanam kāyāvīññāṇadhātuyā tam sampayuttakānañca dhammānam purejātapaccayena paccayo:

“Thân xứ trung thọ đồng sinh với tâm hữu phần Vừa qua đầu tiên hoặc thời điểm trụ 49 sátna của sắc Thân xứ trợ cho Thân thức giới + 7 tâm sở Biến hành bằng Tiên sinh duyên”.

Năm câu pāli này, phần “phân tích câu và chi pháp” giống như từ câu pāli 6 – 10 trong “giải rộng Y DUYÊN”.

Câu Pāli 6- Rūpāyatanam cakkhuvīññāṇadhā - tuyā tam sampayuttakānañca dhammānam purejātapaccayena paccayo:

“Cảnh sắc hiện tại làm duyên trợ cho Nhãn thức giới + 7 tâm sở Biến hành bằng Tiên sinh duyên”.

Câu Pāli 7- Saddāyatanam sotavīññāṇadhā tuyā tam sampayuttakānañca dhammānam purejātapaccayena paccayo:

“Cảnh thính hiện tại làm duyên trợ cho Nhĩ thức giới + 7 tâm sở Biến hành bằng Tiên sinh duyên”.

Câu Pāli 8- Gandhāyatanam ghānāvīññāṇadhā - tuyā tam sampayuttakānañca dhammānam purejātapaccayena paccayo:

“Cảnh mùi hiện tại làm duyên trợ cho Tỷ thức giới + 7 tâm sở Biến hành bằng Tiên sinh duyên”.

Câu Pāli 9- Rasāyatanam jivhāviññāṇadhātuyā taṃ sampayuttakānañca dhammānaṃ purejātapaccayena paccayo:

“Cảnh vị hiện tại làm duyên trợ cho thiệt thức giới + 7 tâm sở Biến hành bằng Tiên sinh duyên”.

Câu Pāli 10- Phoṭṭhabhāyatanam kāyāviññā - ṇadhātuyā taṃ sampayuttakānañca dhammānaṃ purejātapaccayena paccayo:

“Cảnh xúc hiện tại làm duyên trợ cho Thân thức giới + 7 tâm sở Biến hành bằng Tiên sinh duyên”.

Câu Pāli 11- Rūpāyatanam saddāyatanam gandhāyatanam rasāyatanam phoṭṭhabhāyatanam manodhātuyā taṃ sampayuttakānañca dhammānaṃ purejātapaccayena paccayo:

“Ngũ cảnh hiện tại là cảnh sắc, cảnh thính, cảnh mùi, cảnh vị, cảnh xúc, trợ cho Ý giới + 10 tâm sở Tợ tha (trừ tâm sở Dục, Hỷ, Cận) bằng Tiên sinh duyên”.

Sáu câu Pāli này, phần “phân tích câu và chỉ pháp”, giống như từ câu Pāli 1 – 6 trong “giải rộng CẢNH DUYỄN”.

Câu Pāli 12- Yam rūpaṃ nissaya manodhātu ca manoviññāṇadhātu ca vattanti taṃ rūpaṃ manodhātuyā taṃ sampayuttakānañca dhammā - naṃ purejātapaccayena paccayo:

“ Ý giới và Ý thức giới (trừ 4 tâm quả Vô sắc giới) + 52 tâm sở hợp, nương sắc Ý vật nào mà hiện

khởi. Sắc Ý vật đó trợ cho Ý giới + 10 tâm sở Tợ tha bằng Vật tiền sinh duyên”.

Câu Pāli 13- Manoviññāṇadhātuyā kāyaviññā - ṇadhātuyā taṃ sampayuttakānañca dhammaṇaṃ kiñcikāle purejātapaccayena paccayo kiñcikāle na purejātapaccayena paccayo:

“Trong thời bình nhật, sắc Ý vật làm năng duyên trợ cho Ý thức giới + 52 tâm sở bằng Vật tiền sinh duyên và Vật - cảnh tiền sinh duyên”.

“Còn trong thời tục sinh, sắc Ý vật trợ cho 15 tâm tục sinh (trừ tâm tục sinh Vô sắc giới) + 35 tâm sở hợp bằng Vật tiền sinh duyên và Vật - cảnh tiền sinh duyên”.

C- Phân tích và chi pháp.

Tương tự như “giải rộng NHÂN DUYÊN”, trong phần tóm lược Đức Thế Tôn nêu **Tiền sinh duyên** (purejātapaccayo) lên trước, rồi Ngài thuyết giảng rộng để làm sáng tỏ ý nghĩa.

Câu Pāli 12. Trình bày sắc Ý vật trợ cho Ý giới + 10 tâm sở Tợ tha bằng Vật tiền sinh duyên, “phân tích và chi pháp” cho đến lời giải thích cũng giống như câu pāli 11, giữa sắc Ý vật với Ý giới trong “giải rộng Y DUYÊN”.

Câu Pāli 13. Phân tích và chi pháp, giống như câu pāli 11 giữa sắc Ý vật với Ý thức giới trong “giải rộng Y DUYÊN”.

Thích giải.

Từ *kiñci kāle*, từ sátna trụ của tâm tục sinh cho đến sátna trụ của tâm tử, trong khoảng giữa này gọi là thời bình nhật. Còn trong thời tục sinh *kiñci kāle* chỉ cho sátna sinh của tâm tục sinh.

Lại nữa, từ *rūpāyatanam cakkhaviññāṇadhātuyā ... phoṭṭhabbāyatanam kāyaviññāṇadhātuyā*, chỉ cho Cảnh tiền sinh duyên giữa ngũ cảnh với Ngũ song thức khởi hiện qua năm môn.

Đối với Cảnh tiền sinh duyên giữa ngũ cảnh với Ý thức giới khởi lên qua Ý môn cũng giống như vậy.

Như nội dung trong phần Yếu tri:

Rūpe sadde gandhe rase phoṭṭhabbe aniccato dukkhato anattato vipassanti dibbena cakkhunā rūpam passanti, dibbāya sotadhātuyā saddam sunanti.

Như vậy, phần không được Đức Phật thuyết đến, cho nên việc “giải rộng Tiền sinh duyên” vẫn còn tóm tắt. Bởi Ngài thuyết tóm lược chưa hoàn tất ý nghĩa (sāvasesanaya).

Dứt giải rộng về TIỀN SINH DUYÊN.

11- Giải rộng về HẬU SINH DUYÊN.**(Pacchājātapaccayaniddesa).****A- Câu khai nhập.**

Duyên nào được Đức Thế Tôn thuyết tóm gọn là *Hậu sinh duyên* (pacchājātapaccayo), duyên ấy được Ngài thuyết chi tiết trong duyên “giảng rộng”:

Pacchājāta cittacetasikā dhammā purejātassa imassa kāyassa pacchājātapaccayena paccayo.

B- Pāli và lời dịch.

Pacchājāta cittacetasikā dhammā purejātassa imassa kāyassa pacchājātapaccayena paccayo:

“4 danh uẩn trong cõi ngũ uẩn là 85 tâm (trừ 4 tâm quả Vô sắc giới) + 52 tâm sở hợp sinh sau trợ cho “một đoàn sắc”(ekajakāya), “hai đoàn sắc”(dvijakāya), “ba đoàn sắc”(tajakāya), “bốn đoàn sắc”(catuyakāya) sinh trước đó”.

Hoặc một lý khác nữa:

Tứ danh uẩn (trong cõi ngũ uẩn) sinh sau, trợ giúp cho:

Sắc nhứt sở sinh (ekasamuṭṭhānikarūpa).

Sắc nhị sở sinh (dvisamuṭṭhānikarūpa).

Sắc tam sở sinh (tisamuṭṭhānikarūpa).

Sắc tứ sở sinh (catusamuṭṭhānikarūpa).

Bốn đoàn sắc này “sinh trước”.

C- Phân tích câu và chi pháp.

Tương tự như “giải rộng NHÂN DUYÊN”, Đức Thế Tôn nêu **Hậu sinh duyên** (*pacchājātapaccayo*) lên trước trong phần tóm lược, rồi Ngài thuyết giảng rộng để làm sáng tỏ ý nghĩa.

Câu Pāli 1. Pacchājāta là trạng từ đặc biệt (*visesanapada*) của ***cittacetāsikā dhammā***, cho biết tâm, tâm sở sinh sau.

Cittacetāsikā dhammā là chủ từ, cho biết năng duyên là “4 danh uẩn trong cõi ngũ uẩn” tức 85 tâm + 52 tâm sở (trừ 4 tâm quả Vô sắc giới).

Purejātassa là trạng từ đặc biệt (*visesanapada*) của ***imassa kāyassa***, cho biết: Một đoàn sắc, hai đoàn sắc, ba đoàn sắc, bốn đoàn sắc.

Imassa kāyassa là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “3 - 4 - 7 đoàn sắc Nghiệp sinh lên trong thời tục sinh thuộc “một đoàn sắc”.

Đoàn sắc Nghiệp, đoàn sắc Thời tiết sinh lên trong giai đoạn sátna trụ và sátna diệt của tâm tục sinh thuộc “hai đoàn sắc”.

Đoàn sắc Nghiệp, đoàn sắc Thời tiết, đoàn sắc Tâm sinh lên vào giai đoạn sátna sinh của tâm hữu phần thứ 1 ... trước khi đoàn sắc Vật thực khởi hiện thuộc “ba đoàn sắc”.

Đoàn sắc Nghiệp, đoàn sắc Thời tiết, đoàn sắc Tâm, đoàn sắc Vật thực sinh lên kể từ khi vật thực

ngoại vào thối ướt thân thể ... cho đến tâm tử thuộc “bốn đoàn sắc”.

Hoặc một lý khác nữa: Chi pháp của *imassa kāya* là thân thể cùng với hơi thở, cử động đại oai nghi, tiểu oai nghi và phát biểu lời nói trong khoảng giữa tục sinh ... cho đến tử.

Thêm một lý khác nữa: Chi pháp của năng duyên và sở duyên trong chủ từ *pacchājāta cittacetāsikā dhammā* và sở thuộc từ *pacchājātassa imassa kāyassa*, theo chi tiết từng đôi như sau:

a- *Năng duyên*. 4 danh uẩn là 15 tâm hữu phần cõi ngũ uẩn, tâm hữu phần thứ 1.

Sở duyên. “Một đoàn sắc” thời điểm trụ đồng sinh với sátna sinh của tâm tục sinh, hoặc “hai đoàn sắc” (tính luôn sắc Thời tiết do nghiệp sinh).

b- *Năng duyên*. 4 danh uẩn là tâm hữu phần thứ 2.

Sở duyên. “Hai đoàn sắc” (chỉ lấy sắc Nghiệp, sắc Tâm), hoặc “ba đoàn sắc” (ám chỉ sắc Thời tiết do nghiệp sinh, sắc Thời tiết do tâm sinh).

c- *Năng duyên*. 4 danh uẩn là tâm hữu phần thứ 3 ... cho đến lộ Ý đầu tiên.

Sở duyên. “Ba đoàn sắc” là sắc Nghiệp, sắc Thời tiết, sắc Tâm đồng sinh với tâm sinh trước, tính từ sátna sinh của tâm hữu phần thứ 2 ...

d- *Năng duyên*. 4 danh uẩn là tâm Khai ý môn ... trong lộ Ý thứ 2.

Sở duyên. “Ba đoàn sắc” (chỉ cho Phạm Thiên Sắc giới với loài thai sinh), hoặc “bốn đoàn sắc” (chỉ cho loài thấp sinh và người hóa sinh cõi dục) đồng sinh với tâm sinh trước tính từ tâm hữu phần Dứt dòng ... sinh lên tiếp theo sau lộ Ý thứ nhất diệt đi.

e- *Năng duyên*. 4 danh uẩn là tâm Khai ngũ môn, Ngũ song thức, tâm Tiếp đầu... cho đến tâm đồng lực hoặc Na cảnh.

Sở duyên. “Ba đoàn sắc” (chỉ cho Phạm Thiên Sắc giới), “bốn đoàn sắc” (chỉ cho người cõi dục) đồng sinh với 15 tâm sinh trước tính từ tâm hữu phần Dứt dòng cõi ngũ uẩn, tâm Khai ý môn (tức tâm Phán đoán) ...

f- *Năng duyên*. 4 danh uẩn là tâm Tam quả hoặc Tứ quả khởi hiện lúc xuất thiên diệt.

Sở duyên. “Hai đoàn sắc” là sắc Nghiệp, sắc Thời tiết (chỉ cho Phạm thiên Sắc giới), “ba đoàn sắc” là sắc Nghiệp, sắc Thời tiết, sắc Vật thực (chỉ cho bậc Anahàm hoặc Alahán trong cõi dục) sinh trước lúc xuất thiên diệt.

g- *Năng duyên*. 4 danh uẩn là tâm Sơ Quả.

Sở duyên. “Ba hoặc bốn đoàn sắc” thời điểm trụ đồng sinh với tâm Sơ Đạo...

h- *Năng duyên*. 4 danh uẩn là tâm Tứ quả.

Sở duyên. “Ba hoặc bốn đoàn sắc” thời điểm trụ đồng sinh với tâm Tứ đạo.

i- *Năng duyên.* 4 tâm đồng lực quả Siêu thế sinh sau.

Sở duyên. “Ba hoặc bốn đoàn sắc” thời điểm trụ đồng sinh với 4 tâm quả Siêu thế cùng loại với nhau sinh trước.

k- *Năng duyên.* 9 tâm hữu phần tam nhân cõi ngũ uẩn.

Sở duyên. “Ba hoặc bốn đoàn sắc” thời điểm trụ đồng sinh với 4 tâm đồng lực quả Siêu thế, tâm sau cùng trước khi xuất thiền quả.

l- *Năng duyên.* 4 danh uẩn là 15 tâm hữu phần cõi ngũ uẩn, 2 tâm Khai môn, Ngũ song thức, tâm Tiếp thụ, tâm Quan sát, tâm Phán đoán, tâm đồng lực cận tử, tâm Na cảnh, tâm hữu phần, tâm tử trong thời cận tử.

Sở duyên. “Ba hoặc bốn đoàn sắc” thời điểm trụ đồng sinh với tâm thứ 17 tính từ tâm tử trở lại.

Một lý khác nữa:

* Nếu tâm tử khởi hiện liền sau tâm đồng lực, năng duyên là “15 tâm tử cõi ngũ uẩn.

Sở duyên. Ba đoàn sắc là: Đoàn Tâm, đoàn Vật thực, đoàn Thời tiết (chỉ cho người cõi dục).

Hai đoàn sắc là: Đoàn Tâm, đoàn Thời tiết (chỉ cho Phạm thiên Sắc giới) thời điểm trụ đồng sinh với tâm đồng lực cận tử thứ 5.

* Nếu tâm tử sinh lên kế tiếp (đồng lực), hữu phần thì năng duyên là “15 tâm tử cõi ngũ uẩn.

Sở duyên. “Hai hoặc ba đoàn sắc” vào thời điểm trụ, đồng sinh với tâm hữu phần cõi ngũ uẩn sau cùng.

* Nếu tâm tử khởi hiện nối tiếp (đồng lực) tâm Na cảnh, thì năng duyên là “10 tâm tử cõi Dục giới”.

Sở duyên. “Ba đoàn sắc” vào thời điểm trụ, đồng sinh với tâm Na cảnh sátna 2.

* Nếu tâm tử khởi hiện kế sau (Na cảnh), hữu phần thì năng duyên là “10 tâm tử cõi dục”.

Sở duyên. Ba đoàn sắc vào thời điểm trụ, đồng sinh với tâm hữu phần Dục giới sau cùng.

Pacchājātapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Hậu sinh duyên trong 4 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Hậu sinh duyên, Hậu sinh bất tương ưng duyên, Hậu sinh Hiện hữu duyên, Hậu sinh bất ly duyên.

Thích giải.

Từ *Purejātassa imassa kāyassa* ám chỉ sắc đang hiện diện thời điểm trụ, không phải sắc đang sinh lên vào sátna sinh.

Vì tâm và tâm sở là năng duyên của Hậu sinh duyên, chỉ trợ giúp cho sắc đang trụ, không có chức năng trợ giúp cho sắc chưa sinh sinh lên. Vì nhóm sắc này một số sinh lên trước nương từ mãnh lực của nghiệp, tâm, thời tiết và vật thực.

Do đó, Đức Phật không thuyết Hậu sinh duyên trong cả 6 phần, như phần *liên quan* (paṭiccavāra), *phần đồng sinh* (sahajātavāra) ... Ngài chỉ thuyết trong phần *ýu tri* (pañhavara) mà thôi.

Như Ngài Giáo thọ sư *Mahābuddhaghosa* trình bày trong Sớ giải bộ Vị Trí rằng:

Purejātassāti tesam uppādato pathamataram jātassa jātikkhaṇam atikkamitvā ṭhītipattassa:

“Từ *Purejātassa* ám chỉ sắc sinh lên trước được trợ giúp từ năng duyên đã vượt qua sát na sinh đến thời điểm trụ”.

Dứt “giảng rộng về HẬU SINH DUYÊN”.

12- Giảng rộng TẬP HÀNH DUYÊN.

(Āsevanapaccayaniddesa).

A- Câu khai nhập.

Duyên nào được Đức Thế Tôn thuyết tóm gọn là **Tập hành duyên** (āsevanapaccayo), duyên ấy được Ngài thuyết chi tiết trong duyên “giảng rộng”:

1- Purimā purimā kusalā dhammā
pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ
dhammānaṃ āsevanapaccayena paccayo ...

3- Purimā purimā kiriyābyākatā dhammā
pacchimānaṃ pacchimānaṃ kiriyābyākatānaṃ
dhammānaṃ āsevanapaccayena paccayo.

B- Pāli và lời dịch.

Câu Pāli 1. Purimā purimā kusalā dhammā
pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ
dhammānaṃ āsevanapaccayena paccayo.

“17 tâm đồng lực thiện hiệp thế sinh trước (trừ đồng lực sau cùng) trợ cho 21 tâm đồng lực thiện sinh sau (trừ đồng lực thứ 1) bằng Tập hành duyên”.

Câu Pāli 2. Purimā purimā akusalā dhammā
pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ
dhammānaṃ āsevanapaccayena paccayo.

“12 tâm đồng lực bất thiện sinh trước (trừ đồng lực sau cùng) trợ cho 12 tâm đồng lực bất thiện sinh sau (trừ đồng lực thứ 1) bằng Tập hành duyên”.

Câu Pāli 3. Purimā purimā kiriyābyākatā
dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ
kiriyābyākatānaṃ dhammānaṃ
āsevanapaccayena paccayo:

“18 tâm đồng lực Duy tác sinh trước (trừ đồng lực sau cùng) trợ cho 18 tâm đồng lực Duy tác sinh sau (trừ đồng lực thứ 1) bằng Tập hành duyên”.

C- Phân tích câu và chi pháp.

Tương tự như “giảng rộng NHÂN DUYÊN”, Đức Thế Tôn nêu **Tập hành duyên** (*āsevanapaccayo*) lên trước (*nidisitabba*) trong phần tóm lược, rồi Ngài thuyết giảng rộng để làm sáng tỏ ý nghĩa (*nidassanākāra*).

Câu Pāli 1. *Purimā purimā kusalā dhammā* là chủ từ, cho biết năng duyên là “17 tâm đồng lực hiệp thể + tâm sở hợp, sinh trước (trừ đồng lực sátna sau cùng)”.

Pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “21 tâm đồng lực thiện + tâm sở hợp, sinh sau (trừ đồng lực sátna thứ 1)”.

Ở khía cạnh khác, trình bày chi pháp giống như **câu pāli 11** trong “giảng rộng VÔ GIÁN DUYÊN”.

Āsevanapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Tập hành duyên trong 6 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Tập hành duyên, Vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Vô gián cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

Câu Pāli 2. *Purimā purimā akusalā dhammā* là chủ từ, cho biết năng duyên là “đồng lực bất thiện + tâm sở hợp, sinh trước (trừ đồng lực sátna sau cùng)”.

Pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là

“đồng lực bất thiện + tâm sở hợp, sinh sau (trừ đồng lực sátna 1)”.

Āsevanapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Tập hành duyên trong 6 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Tập hành duyên, Vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

Câu Pāli 3. *Purimā purimā kiriyābyākatā dhammā* là chủ từ, cho biết năng duyên là “đồng lực Duy tác + tâm sở hợp, sinh trước (trừ đồng lực sátna sau cùng)”.

Pacchimānaṃ pacchimānaṃ kiriyābyāka - tānaṃ dhammānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “đồng lực Duy tác + tâm sở hợp, sinh sau (trừ đồng lực sátna thứ 1).

Một lý khác là: Chi pháp của chủ từ gồm có:

1- Tâm Sinh tiểu ở sátna thứ 1 trợ cho tâm Sinh tiểu ở sátna thứ 2 ... hoặc tâm đồng lực Duy tác Dục giới ở sátna thứ 1 trợ cho tâm đồng lực Duy tác Dục giới ở sátna thứ 2 ...

6- Tâm Sinh tiểu ở sátna thứ 6 trợ cho tâm Sinh tiểu ở sátna thứ 7. Hoặc tâm đồng lực Duy tác Dục giới ở sátna thứ 6 trợ cho tâm đồng lực Duy tác Dục giới ở sátna thứ 7.

7- Đôi đồng lực Duy tác Dục giới thọ hỷ hợp trí ở sátna Chuyển tộc, trợ cho 4 tâm Duy tác Đáo đại thọ hỷ.

8- Đôi đồng lực Duy tác Dục giới thọ xả hợp trí, ở sátna Chuyển tộc, trợ cho 5 tâm Duy tác Đáo đại thọ xả.

9- 9 tâm đồng lực Duy tác Đáo đại sinh trước trợ cho 9 tâm đồng lực Duy tác Đáo đại sinh sau trong lộ nhập thiền hiệp thế.

Chi pháp của sở thuộc từ gồm có tâm Sinh tiểu hoặc tâm đồng lực Duy tác ly trí thọ hỷ ,... và 9 tâm đồng lực Duy tác Đáo đại.

Āsevanapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh liệt đặc biệt của Tập hành duyên trong 6 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Tập hành duyên, Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

Thích giải.

Trong Tập hành duyên, pháp năng duyên là “tất cả tâm bất thiện, tâm thiện hiệp thế và tâm Duy tác làm phạm sự đồng lực, nhưng vì các đồng lực sinh khởi nối tiếp, nên phải trừ đồng lực ở sátna sau cùng”.

Về pháp sở duyên, là tất cả tâm bất thiện, tâm thiện hiệp thế, tâm thiện Siêu thế và tâm Duy tác làm phạm sự đồng lực, nhưng phải trừ đồng lực ở sátna thứ 1.

Tâm Đạo không là năng duyên trong Tập hành duyên, vì tâm Đạo chỉ sinh khởi một lần duy nhất, do vậy tâm Đạo chỉ là “sở duyên”.

Còn tâm Quả thì không thuộc “năng lẫn sở”, vì tâm này có thực tính là “quả khác thời gian”, không phải là thực tính thiện, bất thiện, hay duy tác.

Nhưng trong hậu sở giải Thanh Tịnh Đạo cho rằng “tâm Đạo và tâm Quả cũng làm *năng duyên* hay *sở duyên* được”, nhưng đó là theo tư kiến (attanomati), vì những lý dẫn chứng không đúng với thực tính pháp.

Đúng với thực tính phải dựa theo Pāli và Sớ giải như đã trình bày ở phần đầu.

Sau đây sẽ dẫn chứng Sớ giải bộ Vị trí trình bày đến nhân và quả giữa thiện, bất thiện với quả, duy tác không làm “năng - sở” của Tập hành năng duyên.

**1- Bhinnajātikā hi bhinnajātikānaṃ
arūpadhamānaṃ āsevanagunena
pagunabalavabhāvaṃ sādhayamānā attano
kusalādibhāvasaṅkhātaṃ katim gāhāpetuṃ na
sakkonti:**

“Thật vậy, pháp có giống (*jāti*) khác nhau như: giống Thiện, Bất thiện, Quả và Duy tác. Nhóm Thiện, Bất thiện không thể làm cho danh pháp thuộc giống khác, được hoàn thành đạt đến mãnh lực thuần thực trong việc bắt cảnh bằng Tập hành duyên, bởi không làm cho thay đổi tính chất theo giống của mình được.

Do đó, Ngài mới không thuyết rằng Thiện, Bất thiện làm Tập hành năng duyên cho Quả và Duy tác.”

2- Atha vipākābyākatam kasmā na gahitanti? Āsevanābhāvena vipākaṃ hi kammavasena vipākabhāvappattam kammaparinamitam hutvā vattati nirussāhaṃ dubbalanti āsevanagunena attano sabhāvaṃ gahāpetvā paribhāvetvā neva aññaṃ vipākaṃ uppādetuṃ sakkoti na parimavipākanubhāvaṃ gahetvā uppajituṃti kammavegukkhitam pana patitamviya hutvā uppajjatiti sabbathāpi vipāke āsevanaṃ natthīti āsevanābhāvena vipākaṃ na gahitam:

Hỏi. Vì sao không lấy tâm Quả làm Tập hành duyên?

Đáp. Vì không có thực tính làm Tập hành duyên như hưởng cảnh liên tục.

Thích giải. Thực tính của “quả” thì hội nhập vào với “quả khác thời gian”, bởi do mãnh lực của nghiệp. Nghiệp khi đã chín muồi thì làm cho khởi hiện “quả khác thời”, “quả khác thời” diễn tiến theo tính tự nhiên, không có sự cố gắng nỗ lực, cả việc bắt cảnh cũng yếu sức mạnh.

Do đó, “quả khác thời” không thể trợ cho “quả khác thời” khác sinh lên theo thực tính của mình để có sức mạnh hưởng cảnh liên tục.

Và “quả khác thời” sinh lên sau cùng cũng không thể giữ lấy được sức mạnh của “quả khác thời” sinh

trước. Thật vậy, “quả khác thời” giống như chấp nhận bởi mãnh lực của nghiệp đã qua, rồi sinh lên theo tính chất. Nên “giống quả” không có thực tính làm Tập hành duyên.

Do không có thực tính làm Tập hành duyên, nên Đức Phật không thuyết “quả khác thời” trong Tập hành duyên.

Dứt “giảng rộng TẬP HÀNH DUYÊN”.

13- Giảng rộng NGHIỆP DUYÊN.

(Kammapaccayaniddesa).

A- Câu khai nhập.

Duyên nào được Đức Thế Tôn thuyết tóm gọn là **Nghiệp duyên** (kammapaccayo), duyên ấy được Ngài thuyết chi tiết trong duyên “giảng rộng”:

1- Kusalākusalaṃ kammaṃ vipākānaṃ khandhānaṃ kaṭattā ca rupānāṃ kammapaccayena paccayo.

2- Cetanā sampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃsamutṭhānānañca rūpānaṃ kammapaccayena paccayo.

B- Pāli và lời dịch.

Câu Pāli 1. Kusalākusalaṃ kammaṃ vipākānaṃ khandhānaṃ kaṭattā ca rupānāṃ kammapaccayena paccayo:

“*Nghiệp thiện, nghiệp bất thiện (là tâm sở Tư thiện, tâm sở Tư bất thiện) trợ cho trợ cho 4 danh uẩn quả “khác thời gian”, sắc Nghiệp tục sinh, sắc Nghiệp bình nhật, sắc Nghiệp Vô tướng bằng “Nghiệp khác thời duyên”.*

Câu Pāli 2. Cetanā sampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃsamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ kammappaccayena paccayo:

“89 tâm sở Tư (*cetanā*) trợ cho 89 tâm + 51 tâm sở (trừ tâm sở Tư), sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh bằng “*Đồng sinh nghiệp duyên*”.

C- Phân tích câu và chi pháp.

Tương tự như “giải rộng NHÂN DUYÊN”, Đức Thế Tôn nêu *Nghiệp duyên* (kammappaccayo) lên trước trong phần tóm lược, rồi Ngài thuyết giảng rộng để làm sáng tỏ ý nghĩa.

Câu Pāli 1. Kusalākusalaṃ kammaṃ là chủ từ, cho biết năng duyên là “21 tâm sở Tư thiện, 12 tâm sở Tư bất thiện trong quá khứ, sinh lên khác sátna với sở duyên”.

Vipākānaṃ khandhānaṃ kaṭattā ca rūpānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “36 tâm quả (4 danh uẩn), sắc Nghiệp tục sinh, sắc Nghiệp bình nhật và sắc Nghiệp Vô tướng”.

Hoặc một lý khác nữa: Chi pháp của chủ từ gồm có:

a- *Năng duyên*. 12 tâm sở Tư bất thiện khác thời gian.

Sở duyên. 4 danh uẩn là 7 tâm quả Bất thiện, sắc Nghiệp tục sinh khổ cảnh, sắc Nghiệp xấu thời bình nhật.

b- *Năng duyên*. 4 tâm sở Tư đại thiện tam nhân bậc thượng khác thời gian.

Sở duyên. 4 danh uẩn là 8 tâm quả thiện vô nhân, 8 tâm đại quả, sắc Nghiệp tục sinh cõi vui Dục giới, sắc Nghiệp tốt thời bình nhật.

c- *Năng duyên*. 8 tâm sở Tư đại thiện tam nhân bậc hạ và nhị nhân bậc thượng khác thời gian.

Sở duyên. 4 danh uẩn là 8 tâm quả thiện vô nhân, 4 tâm Đại quả “không có trí”, sắc Nghiệp tục sinh cõi vui Dục giới, sắc Nghiệp tốt thời bình nhật.

d- *Năng duyên*. 4 tâm sở tư đại thiện nhị nhân bậc hạ khác thời gian.

Sở duyên. 4 danh uẩn là 8 tâm quả thiện vô nhân, sắc Nghiệp tục sinh vô nhân cõi vui Dục giới, sắc Nghiệp tốt thời bình nhật.

đ- *Năng duyên*. Tâm sở Tư thiện Sơ thiên Sắc giới khác thời gian.

Sở duyên. 4 danh uẩn là tâm quả Sơ thiên, sắc Nghiệp tục sinh cõi Sơ thiên, sắc Nghiệp tốt thời bình nhật.

e- *Năng duyên*. 2 tâm sở Tư thiện Nhị thiên và Tam thiên Sắc giới.

Sở duyên. 4 danh uẩn là tâm quả Nhị thiên, tâm quả Tam thiên, sắc Nghiệp tục cõi Nhị thiên, sắc Nghiệp tốt thời bình nhật.

f- *Năng duyên*. Tâm sở Tư thiện Tứ thiên Sắc giới khác thời gian.

Sở duyên. 4 danh uẩn là tâm quả Tứ thiên, sắc Nghiệp tục sinh cõi Tam thiên, sắc Nghiệp tốt thời bình nhật.

g- *Năng duyên*. Tâm sở Tư thiện ngũ thiên Sắc giới khác thời gian.

Sở duyên. 4 danh uẩn là tâm quả Ngũ thiên, sắc Nghiệp tục sinh cõi Tứ thiên, sắc Nghiệp tốt thời bình nhật, sắc Nghiệp Vô tướng.

h- *Năng duyên*. Tâm sở Tư thiện Không vô biên xứ khác thời gian.

Sở duyên. 4 danh uẩn là tâm quả Không vô biên xứ ...

i- *Năng duyên*. Tâm sở Tư thiện Phi tướng phi phi tướng xứ khác thời gian.

Sở duyên. 4 danh uẩn là tâm quả Phi tướng phi phi tướng xứ ...

m- *Năng duyên*. Tâm sở Tư Sơ Đạo khác thời gian.

Sở duyên. 4 danh uẩn là tâm Sơ Quả

m- *Năng duyên*. Tâm sở Tư Nhị Đạo khác thời gian.

Sở duyên. 4 danh uẩn là tâm Nhị Quả ...

o- *Năng duyên*. Tâm sở Tư Tứ đạo khác thời gian.

Sở duyên. 4 danh uẩn là tâm Tứ quả.

Kammappaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của “Nghiệp khác thời duyên” trong 7 duyên: Nghiệp khác thời duyên, Vô gián nghiệp duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Thường cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

Hai cách phối hợp linh tinh của Nghiệp duyên.

1- Năng duyên là “21 tâm sở Tư thiện, 12 tâm sở Tư bất thiện”. sở duyên là “36 tâm quả + 38 tâm sở hợp”.

Có 2 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Nghiệp khác thời duyên, Thường cận y duyên.

2- Năng duyên là “4 tâm sở Tư hợp trong tâm Đạo” ⁽¹⁾. sở duyên là “4 tâm quả Siêu thế”.

(1)- Tâm sở Tư hợp trong tâm Đạo, trợ cho tâm quả Siêu Thế bằng “vô gián” (maggānantaraphala). Ngài Giáo thọ sư Saddhammajotikadhammācariya phân tích Thường cận y nghiệp khác thời duyên (pakātūpanissayanānakkaṇṇikakammappaccaya) trong nhóm “Vô gián” thành 2 duyên là: Nghiệp khác thời duyên, Thường cận y duyên, nên có 7 duyên phối hợp. Nếu không phân tích duyên này ra thành 2 duyên, thì chỉ có 6 duyên phối hợp.

Có 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Nghiệp khác thời duyên, Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Thường cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

Câu Pāli 2. Cetanā là chủ từ, cho biết năng duyên là “89 tâm sở Tư”.

Sampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃsamuṭṭhānānañca rūpānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “89 tâm + 51 tâm sở (trừ tâm sở Tư), sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh”.

Kammaṃaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của 10 duyên: Đồng sinh nghiệp duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Danh vật thực duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên hỗ trợ trong cùng tính chất với nhau theo mãnh lực thuần nhất của Đồng sinh nghiệp duyên.

Chín cách phối hợp của “Đồng sinh nghiệp duyên”.

a- Bốn cách “không pháp quả”.

1- Năng duyên là “89 tâm sở Tư”. sở duyên là “4 danh uẩn đồng sinh, sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh”.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh nghiệp duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Danh vật thực duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

2- Năng duyên là “89 tâm sở Tu”. sở duyên là “4 danh uẩn đồng sinh và sắc Ý vật tục sinh”.

Có 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh nghiệp duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Danh vật thực duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

3- Năng duyên là “89 tâm sở Tu”. sở duyên là “4 danh uẩn đồng sinh”.

Có 8 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh nghiệp duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Danh vật thực duyên, Tương ứng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

4- Năng duyên là “75 tâm sở Tư (trừ Ngũ song thức, 4 tâm quá Vô sắc giới); sở duyên là “sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh”.

Có 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh nghiệp duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Danh vật thực duyên, Đồng sinh bất tương ứng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

b- Năm cách “có pháp quả”.

1- Năng duyên là “tâm sở Tư hợp trong 36 tâm quả”. sở duyên là “4 danh uẩn đồng sinh, sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh”.

Có 7 duyên cùng tính chất: Đồng sinh nghiệp duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Quả

duyên, Danh vật thực duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên hỗ trợ trong cùng tính chất với nhau theo mãnh lực thuần nhất của Đồng sinh nghiệp duyên.

2- Năng duyên là “tâm sở Tư hợp trong 36 tâm quả”, sở duyên là “4 danh uẩn đồng sinh và sắc Ý vật tục sinh”.

Có 8 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh nghiệp duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Danh vật thực duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

3- Năng duyên là “tâm sở Tư hợp trong 36 tâm quả”, sở duyên là “4 danh uẩn đồng sinh”.

Có 9 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh nghiệp duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Danh vật thực duyên, Tương ứng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

4- Năng duyên là “tâm sở Tư hợp trong 22 tâm quả (trừ Ngũ song thức + 4 tâm quả Vô sắc giới), sở duyên là “sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh”.

Có 8 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh nghiệp duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Danh vật thực duyên, Đồng sinh bất tương ứng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

5- Năng duyên là “tâm sở Tư hợp trong 15 tâm tục sinh cõi ngũ uẩn”, sở duyên là “sắc Ý vật”.

Có 9 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh nghiệp duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Danh vật thực duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Thích giải.

Trong nghiệp duyên có hai phần:

- Với “*Nghiệp khác thời duyên*”, thì pháp năng duyên thuộc thời quá khứ, pháp sở duyên thuộc thời hiện tại đang diễn tiến.

- Với “*Đồng sinh nghiệp duyên*”, thì pháp năng duyên cũng như pháp sở duyên cùng hiện hữu trong một tâm với nhau.

Dứt giải rộng NGHIỆP DUYÊN.

14- Giải rộng QUẢ DUYÊN.

(Vipākapaccayaniddesa).

A- Câu khai nhập.

Quả duyên (vipākapaccayo) được Đức Thế Tôn thuyết tóm gọn, rồi Ngài thuyết chi tiết trong duyên “giảng rộng”:

Vipākā cattāro khandhā arūpino aññamaññaṃ vipākapaccayena paccayo.

B- Pāli và lời dịch.

Vipākā cattāro khandhā arūpino aññamaññaṃ vipākapaccayena paccayo:

“Bốn danh uẩn quả trợ giúp lẫn nhau hoặc nương lẫn nhau bằng Quả duyên”.

C- Phân tích câu và chi pháp.

Tương tự như “giải rộng NHÂN DUYÊN”, Đức Thế Tôn nêu **Quả duyên** (vipākapaccayo) lên trước trong phần tóm lược, rồi Ngài giải rộng để làm sáng tỏ ý nghĩa.

Câu Pāli 1. Vipākā cattāro khandhā arūpino là chủ từ, cho biết năng duyên là “ 1, 2 hoặc 3 danh uẩn quả thuộc 36 tâm quả + 38 tâm sở hợp”.

Aññamaññaṃ aññamañña là túc từ hoặc sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “3, 2 hoặc 1 danh uẩn quả thuộc 36 tâm quả + 38 tâm sở hợp”.

Vipākapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Quả duyên trong 7 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Quả duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Thích Giải.

Trong “giảng rộng QUẢ DUYÊN”, pháp sở duyên thuần nhất là **danh pháp**, nhưng thật ra

“sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh” cũng là sở duyên. Như trong phần yếu tri (pañhavara) trình bày rõ rằng:

1- Vipākābyākato eko khandho tiṇṇaṇaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānañca rūpānaṃ vipākapaccayena paccayo:

“Một uẩn quả vô ký trợ ba uẩn và sắc Tâm quả đồng sinh bằng Quả duyên”.

2- Paṭisandhikkhaṇe vipākābyākato eko khandho tiṇṇaṇaṃ khandhānaṃ kaṭattā ca rūpānaṃ vipākapaccayena paccayo:

“Vào sátna tục sinh, một uẩn quả trợ giúp ba uẩn và các sắc bằng Quả duyên”.

Nhưng điều này không được Ngài nêu lên trong phần “giải rộng QUẢ DUYÊN”, vì Ngài thuyết theo cách “không hoàn tất ý nghĩa”⁽¹⁾.
Dứt giảng rộng QUẢ DUYÊN.

(1)- Bốn danh uẩn quả hình thành khi cả hai “danh và sắc” cùng hiện bày, như kiến, mối, chó, nhân loại, chư thiên, Phạm Thiên ... Hoặc thấy sắc đẹp, nghe tiếng du dương, thấy sắc xấu, nghe tiếng thô tục ... Đây là sự hình thành rõ của 4 danh uẩn quả.

Từ **Vipāka** (quả) nói theo nghĩa thì giống nhau, nhưng theo tính chất hiển lộ thì khác nhau.

Như hai người đào đất, một người đào được vàng còn người kia thì gặp phải đá, xem như cả hai “nhận được quả”, nhưng về tính chất thì khác nhau, thấy được vàng là “cảnh tốt”, khi ấy tâm Quan sát quả thiện hiển lộ.

Lúc đang đào đất thì độ cứng của đất đều là cảnh xúc của hai người, nhưng khi quả hiển lộ thì khác nhau. Được vàng thuộc tâm Quan sát hỷ thọ, gặp phải đá thuộc tâm Quan sát xả thọ.

Bốn danh uẩn quả nếu nói là 36 tâm quả + 38 tâm sở hợp cũng được, nhưng “4 danh uẩn quả” này hiện bày ở đâu?

VI ĐIỀU PHÁP ❀

15- Giảng rộng VẬT THỰC DUYÊN.**(Āhārapaccayaniddesa).****A- Câu khai nhập.**

Vật thực duyên (āhārapaccayo) được Đức Thế Tôn thuyết tóm gọn, rồi Ngài thuyết chi tiết trong duyên “giảng rộng”:

1- Kabaḷikaro āhāro imassa kāyassa āhārapaccayena paccayo.

2- Arūpino āhārā sampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃsamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ āhārapaccayena paccayo.

B- Pāli và lời dịch.

1- Kabaḷikaro āhāro imassa kāyassa āhārapaccayena paccayo:

Bốn danh uẩn quả này được hiện rõ trong lộ tâm ngũ môn như sau: Hữu phần Vừa qua, hữu phần Rúng động, hữu phần Dứt dòng, Khai ngũ môn, Ngũ song thức, Tiếp thân, Quan sát, Phán đoán, 7 sátna đồng lực, Na cảnh, hữu phần.

Trong phần đầu Đức Phật thuyết chưa hết pháp sở duyên, nếu chỉ báo cho người khác biết rằng 12 tâm Bất thiện, 8 tâm Đại thiện thì phải hiểu là chỉ báo chưa hết.

Hỏi. Vì sao Đức Phật không chỉ báo hết?

Đáp. Đức Phật Ngài có nhiều cách thuyết pháp, cách này gọi là cách thuyết “chưa hoàn tất ý nghĩa”.

Như Ngài thuyết rằng: **Vipākā cattāro khandhā arūpino aññamaññaṃ vipākappaccayena paccayo.**

Như vậy, lời thuyết này chưa hoàn tất ý nghĩa, ở giai đoạn đầu Ngài chỉ thuyết sở duyên thuần nhất thuộc danh pháp, không đề cập đến sở duyên thuộc sắc pháp như sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh.

“Vật thực được làm thành từng miếng hoặc vật thực được làm để dùng trợ cho thân thể có Nghiệp, Tâm, Thời tiết, Vật thực sở sinh hiện diện trong cùng nhóm với nhau và hiện diện trong nhóm khác bằng Vật thực duyên”.

2- Arūpino āhārā sampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃsamuṭṭhānānañca rūpānaṃ āhārapaccayena paccayo:

“Ba danh vật thực là Xúc, Tư, Thức trợ cho 89 tâm + 52 tâm sở hợp, sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh bằng Vật thực duyên”.

C- Phân tích câu và chi pháp.

Tương tự như “giải rộng NHÂN DUYÊN”, Đức Thế Tôn nêu **Vật thực duyên** (āhārapaccayo) lên trước trong phần tóm lược, rồi Ngài giải rộng để làm sáng tỏ ý nghĩa.

Câu Pāli 1. Kabaḷikaro āhāro là chủ từ, cho biết năng duyên là “4 sắc dưỡng tố nương sinh, như dưỡng tố nương từ Nghiệp, Tâm, Thời tiết, Vật thực sinh lên và sắc dưỡng tố thời tiết bên ngoài (tức sắc dưỡng tố trong vật thực ...)

Imassa kāyassa là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “4 sắc nương sinh”, tức sắc thân.

Một lý khác nữa:

a- **Năng duyên.** Là sắc dưỡng tố trong “đoàn Nhãn” (10 sắc pháp).

Sở duyên. Là 9 sắc còn lại trong “đoàn Nhãn” và các đoàn sắc khác như 8 hoặc 7 đoàn sắc Nghiệp còn lại. Hoặc 8 đoàn sắc Tâm, 4 đoàn sắc Thời tiết, 2 đoàn sắc Vật thực.

b- *Năng duyên.* Là sắc dưỡng tố trong “đoàn Nhãn” ... cho đến đoàn Mạng quyền (9 sắc) và sắc dưỡng tố trong 8 đoàn sắc Tâm, 4 đoàn sắc Thời tiết, 2 đoàn sắc Vật thực.

Sở duyên. Là sắc còn lại trong cùng đoàn với nhau và các đoàn sắc khác.

Āhārapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Sắc vật thực duyên trong 3 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Sắc Vật thực duyên, Vật thực hiện hữu duyên, Vật thực bất ly duyên.

Câu Pāli 2. Arūpino āhārā là chủ từ, cho biết đến năng duyên là “3 danh vật thực như 89 tâm sở Xúc, 89 tâm sở Tư, 89 Thức”.

Sampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃsamuṭṭhānānañca rūpānaṃ là sở thuộc từ, trình bày cho biết sở duyên là “89 tâm + 52 tâm sở hợp, sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh”.

Āhārapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Danh vật thực duyên trong 12 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh nghiệp duyên, Quả duyên, Đồng sinh quyền duyên, Tương ưng

duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Ba mươi ba cách phối hợp của “Danh vật thực duyên”.

1- Chín cách phối hợp thông thường.

a- Bốn cách phối hợp không pháp quả.

1'- Năng duyên. Xúc, Tư, Thức.

Sở duyên. Uẩn tương ưng, sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh.

Có 5 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

2'- Năng duyên. Xúc, Tư, Thức.

Sở duyên. Uẩn tương ưng và sắc Ý vật tục sinh.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh duyên, Hổ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

3'- Năng duyên. Xúc, Tư, Thức.

Sở duyên. Uẩn tương ưng.

Có 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh duyên, Hổ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

4'- *Năng duyên*. Xúc, Tư, Thức.

Sở duyên. Sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

b- Năm cách phối hợp có pháp quả.

1'- *Năng duyên*. 3 danh vật thực hợp trong tâm quả.

Sở duyên. Uẩn tương ưng, sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

2'- *Năng duyên*. 3 danh vật thực hợp trong tâm quả.

Sở duyên. Uẩn tương ưng, sắc Ý vật tục sinh.

Có 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh duyên, Hổ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

3'- *Năng duyên*. 3 danh vật thực hợp trong tâm quả.

Sở duyên. Uẩn tương ưng.

Có 8 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh duyên, Hổ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

4'- *Năng duyên*. 3 danh vật thực hợp trong tâm quả.

Sở duyên. Sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh.

Có 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

5'- *Năng duyên*. 3 danh vật thực hợp trong tâm Tục sinh cõi ngũ uẩn.

Sở duyên. Sắc Ý vật tục sinh.

Có 8 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh duyên, Hổ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

2- Chín cách phối hợp “có Nghiệp duyên”.

a- Bốn cách phối hợp không pháp quả.

1'- *Năng duyên*. Tư thực.

Sở duyên. Uẩn tương ưng, sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh nghiệp duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

2' - *Năng duyên*. Tư thực.

Sở duyên. Uẩn tương ưng và sắc Ý vật tục sinh.

Có 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh duyên, Hổ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh nghiệp duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

3' - *Năng duyên*. Tư thực.

Sở duyên. Uẩn tương ưng.

Có 8 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh duyên, Hổ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh nghiệp duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

4' - *Năng duyên*. Tư thực.

Sở duyên. Sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh.

Có 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh nghiệp duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

b- Năm cách phối hợp có pháp quả.

1' - *Năng duyên*. Tư thực hợp trong tâm quả.

Sở duyên. Uẩn tương ưng, sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh.

Có 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh nghiệp duyên, Quả duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

2'- *Năng duyên.* Tư thực hợp trong tâm quả.

Sở duyên. Uẩn tương ưng, sắc Ý vật tục sinh.

Có 8 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh duyên, Hổ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh nghiệp duyên, Quả duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

3'- *Năng duyên.* Tư thực hợp trong tâm quả.

* *Sở duyên.* Uẩn tương ưng.

Có 9 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh duyên, Hổ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh nghiệp duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

4'- *Năng duyên.* Tư thực hợp trong tâm quả.

* *Sở duyên.* Sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh.

Có 8 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh nghiệp duyên, Quả duyên, Đồng

sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

5'- *Năng duyên*. Tư thực hợp trong tâm Tục sinh cõi ngũ uẩn.

Sở duyên. Sắc Ý vật tục sinh.

Có 9 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh duyên, Hối tương duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh nghiệp duyên, Quả duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

3- Chín cách phối hợp “có Quyền duyên”.

a- Bốn cách phối hợp không pháp quả.

1'- *Năng duyên*. Thức thực.

Sở duyên. Uẩn tương ưng, sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

2'- *Năng duyên*. Thức thực.

Sở duyên. Uẩn tương ưng và sắc Ý vật tục sinh.

Có 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh duyên, Hối tương duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

3'- *Năng duyên*. Thức thực.

Sở duyên. Uẩn tương ưng.

Có 8 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh duyên, Hổ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

4'- *Năng duyên*. Thức thực.

Sở duyên. Sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh.

Có 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

b- Năm cách phối hợp có pháp quả.

1'- *Năng duyên*. Thức thực hợp trong tâm quả.

Sở duyên. Uẩn tương ưng, sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh.

Có 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

2'- *Năng duyên*. Thức thực hợp trong tâm quả.

Sở duyên. Uẩn tương ưng, sắc Ý vật tục sinh.

Có 8 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh duyên, Hối tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

3'- *Năng duyên*. Thức thực hợp trong tâm quả.

Sở duyên. Uẩn tương ưng.

Có 9 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh duyên, Hối tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh quyền duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

4'- *Năng duyên*. Thức thực hợp trong tâm quả.

Sở duyên. Sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh.

Có 8 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên hỗ trợ trong cùng tính chất với nhau theo mãnh lực thuần nhất của Danh vật thực duyên.

5'- *Năng duyên*. Thức thực hợp trong tâm quả tục sinh cõi ngũ uẩn.

Sở duyên. Sắc Ý vật tục sinh.

Có 9 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh duyên, Hối tương

duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đồng sinh bất tương ứng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

4- Sáu cách phối hợp “có Trường - Quyền duyên”.

a- Ba cách phối hợp không pháp quả.

1'- *Năng duyên*. Thức thực đạt đến trường.

Sở duyên. Uẩn tương ứng, sắc Tâm hữu trường.

Có 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh trường duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

2'- *Năng duyên*. Thức thực đạt đến trường.

Sở duyên. Uẩn tương ứng.

Có 9 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh trường duyên, Đồng sinh duyên, Hổ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Tương ứng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên. 3'- *Năng duyên*. Thức thực đạt đến trường.

Sở duyên. Sắc Tâm hữu trường.

Có 8 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh trường duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền

duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

b- Ba cách phối hợp có pháp quả.

1'- *Năng duyên.* Thức thực là 4 tâm quả Siêu thế.

Sở duyên. Uẩn tương ưng, sắc Tâm hữu trường.

Có 8 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

2'- *Năng duyên.* Thức thực là 4 tâm quả Siêu thế.

Sở duyên. Uẩn tương ưng.

Có 10 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh quyền duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

3'- *Năng duyên.* Thức thực là 4 tâm quả Siêu thế.

Sở duyên. Sắc Tâm hữu trường.

Có 9 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Thích giải.

Đức Phật thuyết *kabaḷikaro āhāro* (dưỡng tố vật thực), Ngài không thuyết là *āhāro*, vì trong 4 sắc dưỡng tố như sắc dưỡng tố Nghiệp, sắc dưỡng tố Tâm, sắc dưỡng tố Thời tiết, sắc dưỡng tố Vật thực trợ giúp cho thân thể, trong đó sắc dưỡng tố Vật thực quan trọng hơn. Đức Thế Tôn nêu lên “*dưỡng tố vật thực*” là chủ yếu, nên Ngài thuyết rằng: *Kabaḷikaro āhāro*.

Thật vậy, chúng sinh lúc sinh ra thành người, thú, chư thiên; cho dù 3 sắc dưỡng tố: Nghiệp, Tâm, Thời tiết là quan trọng, nhưng thân thể của chúng sinh từ lúc sinh ra cho đến khi mệnh chung được tồn tại và tăng trưởng đều phải nương vào sắc dưỡng tố Vật thực bên ngoài có trong thức ăn hằng ngày, từ sắc dưỡng tố Vật thực bên ngoài, các sắc dưỡng tố: Nghiệp, Tâm và Thời tiết mới tồn tại.

Sắc dưỡng tố ngoại như thức ăn, thức uống... trợ giúp nuôi dưỡng cho bốn sắc Vật thực nội bằng mãnh lực trợ sinh (*jaṇakasatti*) và trợ cho 3 bốn sắc: Nghiệp, Tâm và Thời tiết bằng mãnh lực ủng hộ (*upathambhakasatti*).

Bốn sắc dưỡng tố như sắc dưỡng tố Nghiệp, sắc dưỡng tố Tâm, sắc dưỡng tố Thời tiết, sắc dưỡng tố Vật thực bên trong thân thể, trợ giúp nuôi dưỡng cho 4 đoàn sắc nương sinh là: Đoàn sắc Nghiệp, đoàn sắc Tâm, đoàn sắc Thời tiết, đoàn sắc Vật thực sinh lên bên trong bằng mãnh lực trợ sinh và ủng hộ.

Có nghĩa là, sắc dưỡng tố trong mỗi đoàn sắc trợ giúp nuôi dưỡng cho sắc cùng đoàn với nhau bằng mãnh lực trợ sinh và nâng đỡ, trợ giúp cho mỗi đoàn khác bằng mãnh lực ủng hộ.

Trong 4 sắc dưỡng tố thì:

- Sắc dưỡng tố Nghiệp là sắc dưỡng tố bên trong đoàn sắc Nghiệp nương sinh từ nghiệp thiện, hay nghiệp bất thiện.

- Sắc dưỡng tố Tâm là sắc dưỡng tố bên trong đoàn sắc Tâm nương sinh từ tâm.

- Sắc dưỡng tố Thời tiết là sắc dưỡng tố bên trong đoàn sắc Thời tiết nương sinh từ sự nóng, lạnh bao gồm trong thức ăn, thức uống...

- Sắc dưỡng tố Vật thực là sắc dưỡng tố bên trong sắc Vật thực nương sinh từ vật thực đã dùng.

Nơi đây trình bày cho hiểu là sắc dưỡng tố Thời tiết với sắc dưỡng tố Vật thực liên quan nhau theo nhân quả.

Tức sắc dưỡng tố Thời tiết là nhân sở sinh tựa như bà mẹ, còn sắc dưỡng tố Vật thực là quả giống như đứa con.

Một lý khác nữa: Sắc dưỡng tố bên trong thức ăn và thức uống ..., tuy là vật thực thật sự, nhưng vẫn chỉ là sắc dưỡng tố thời tiết không trợ giúp nuôi dưỡng cho thân thể được, không làm cho sắc nội phần sinh lên được.

Khi dùng được thức ăn và thức uống từ bên ngoài vào, khi ấy mới trợ giúp nuôi dưỡng cơ thể.

Như có Pāli sau: **Kabaḷam kariyatīti: kabaḷikāro:**

“Vật thực nào làm thành miếng hoặc thành thức ăn để dùng, vật thực đó gọi là **đoàn thực** (kabaḷikāra)”.

Ở đây, từ **kabaḷa** ngoài ý nghĩa “làm thành miếng”, còn chỉ cho “vật thực” để dùng. Do đó, từ **kabaḷa** được dịch là “làm thành miếng” hoặc “vật thực để dùng”.

Trong **Sekhiya** có câu như: **Na sakabaḷena mukhena...** từ **kabaḷa** nghĩa là “dùng vào miệng”, còn từ **kabaḷa** trong bộ **Sansakataabhidhāna**, chỉ cho ý nghĩa “tất cả vật thực được dùng”.

Do đó, “tất cả vật thực được dùng”, gọi là “đoàn thực” (kabaḷikāra). (**Kabaḷasaddūppada**, **Kara** ngữ căn, **Na** biến cách).

Lại nữa, **ī** trong từ **kabaḷī** là từ “đệm”, là từ không nghĩa (abbhūtatabbo).

Āhāriyatīti: āhāro: “Thức ăn được dùng vào miệng hoặc nhai nuốt, gọi là **vật thực**.”

Kabaḷikāro ca so āhāro cāti: kabaḷikārāhāro:

“Thức ăn được làm thành miếng hay làm thành vật thực để dùng vào miệng hoặc nhai nuốt, gọi là **đoàn thực**”.

Từ giải thích về **đanh vật thực** có trong giáo trình Tiểu Học Thăng Pháp bậc trung cấp.

Dứt giải rộng VẬT THỰC DUYÊN.

16- Giải rộng QUYỀN DUYÊN.

(Indriyapaccayaniddesa).

A- Câu khai nhập.

Quyền duyên (indriyapaccayo) được Đức Thế Tôn thuyết tóm gọn, rồi Ngài thuyết chi tiết trong duyên “giảng rộng”:

1- Cakkhundriyaṃ cakkhuvīññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ indriyapaccayena paccayo...

7- Arūpino indriyā sampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃsamuṭṭhānānañca rūpānaṃ indriyapaccayena paccayo.

B- Pāli và lời dịch.

Câu Pāli 1. Cakkhundriyaṃ cakkhuvīññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ indriyapaccayena paccayo:

“**Nhãn quyền trung thọ** (thần kinh Nhãn có tuổi thọ bằng với cảnh sắc vào đôi chiếu, tức là thần kinh Nhãn đồng sinh với tâm hữu phần Vừa qua đầu tiên, hoặc 49 sắc thần kinh Nhãn trong thời trụ) trợ cho Nhãn thức giới + 7 tâm sở Biến hành bằng Tiền sinh quyền duyên”.

Câu Pāli 2. Sotindriyaṃ sotaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ indriya - paccayena paccayo:

“Nhĩ quyền Trung thọ (thần kinh Nhĩ có tuổi thọ bằng với cánh thính vào đối xúc, tức là thần kinh Nhĩ đồng sinh với tâm hữu phần Vừa qua đầu tiên hoặc 49 sắc thần kinh Nhĩ trong thời trụ) trợ cho Nhĩ thức giới + 7 tâm sở Biến hành bằng Tiên sinh quyền duyên”.

Câu Pāli 3. Ghānindriyaṃ ghānaviññāṇadhā - tuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ indriyapaccayena paccayo:

“Tỷ quyền trung thọ (thần kinh Tỷ có tuổi thọ bằng với cánh mũi vào đối xúc, tức là thần kinh Tỷ đồng sinh với tâm hữu phần Vừa qua đầu tiên hoặc 49 sắc thần kinh Tỷ trong thời trụ) trợ cho Tỷ thức giới + 7 tâm sở Biến hành bằng Tiên sinh quyền duyên”.

Câu Pāli 4. Jivhindriyaṃ jivhānaviññāṇadhā - tuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ indriyapaccayena paccayo:

“Thiệt quyền trung thọ (thần kinh Thiệt có tuổi thọ bằng với cánh vị vào đối xúc, tức là thần kinh Thiệt đồng sinh với tâm hữu phần Vừa qua đầu tiên hoặc 49 sắc thần kinh Thiệt trong thời trụ) trợ cho Thiệt thức giới + 7 tâm sở Biến hành bằng Tiên sinh quyền duyên”.

Câu Pāli 5. Kāyindriyaṃ kāyaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ indriyapaccayena paccayo:

“Thân quyền trung thọ (thần kinh Thân có tuổi thọ bằng với cảnh xúc vào đối xúc, tức là thần kinh Thân đồng sinh với tâm hữu phần Vừa qua đầu tiên hoặc 49 sắc thần kinh Thân trong thời trụ) trợ cho Thân thức giới + 7 tâm sở Biến hành bằng Tiên sinh quyền duyên”.

Câu Pāli 6. Rūpajīvitindriyaṃ kaṭattā rūpānaṃ indriyapaccayena paccayo:

“Sắc Mạng quyền khởi hiện trong thời bình nhật lần thời tục sinh trợ cho 9 hoặc 8 đoàn sắc Nghiệp cùng trong đoàn với nhau bằng Sắc Mạng quyền duyên”.

Câu Pāli 7. Arūpino indriyā sampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃsamuṭṭhānānañca rūpānaṃ indriyapaccayena paccayo:

“8 danh quyền (Mạng quyền, Tâm, Thọ, Tín, Niệm, Căn, Định, Trí) trợ cho 89 tâm + 52 tâm sở, và sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh bằng Đồng sinh quyền duyên”.

C- Phân tích câu và chi pháp.

Tương tự như “giải rộng NHÂN DUYÊN”, Đức Thế Tôn nêu **Quyềnduyên** (indriyapaccaya) lên trước trong phần tóm lược, rồi Ngài giải rộng để làm sáng tỏ ý nghĩa.

Từ câu Pāli 1 đến câu Pāli 5 trong *Vật tiền sinh quyền duyên* giống như câu Pāli 6 đến câu Pāli 10 trong *Vật tiền sinh y duyên*.

Câu Pāli 6. Rūpaḥvitindriyaṃ là chủ từ, cho biết năng duyên là “sắc Mạng quyền trong 9 bọn sắc Nghiệp”.

Kaṭattā rūpānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “8 và 9 đoàn sắc Nghiệp trong cùng đoàn với sắc Mạng quyền”.

Indriyapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Sắc Mạng quyền duyên trong 3 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Sắc Mạng quyền duyên, Sắc Mạng quyền hiện hữu duyên, Sắc Mạng quyền bất ly duyên.

Câu Pāli 7. Arūpino indriyā là chủ từ, cho biết năng duyên là “8 danh quyền”.

Sampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃsamuṭṭhānānañca rūpānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “89 tâm + 52 tâm sở đồng sinh với 8 danh quyền, và sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh”.

Indriyapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của (Đồng sinh) Quyền duyên trong 14 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh quyền duyên, Nhân duyên, Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Hổ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Danh vật thực duyên, Thiền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh bất

tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Bày mười hai cách phối hợp của “Đồng sinh quyền duyên”.

1- Chín cách phối hợp thông thường.

a- Bốn cách phối hợp không pháp quả.

1'- Năng duyên. 8 danh quyền.

Sở duyên. Uẩn tương ưng, sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh.

Có 5 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh quyền duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

2'- Năng duyên. 8 danh quyền.

Sở duyên. Uẩn tương ưng, sắc Ý vật tục sinh.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh quyền duyên, Đồng sinh duyên, Hổ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

3'-Năng duyên. 8 danh quyền.

Sở duyên. Uẩn tương ưng. Có 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh quyền duyên,

Đồng sinh duyên, Hổ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

4'-*Năng duyên*. 8 danh quyền.

Sở duyên. Sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh quyền duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

b- Năm cách phối hợp có pháp quả.

Năng duyên. 8 danh quyền hợp trong tâm, quả.

Trong 5 cách “phối hợp có pháp quả” thì số lượng duyên phối hợp ... cũng diễn tiến như Danh vật thực duyên.

2- Chín cách phối hợp “có Đạo duyên”.

a- Bốn cách phối hợp không pháp quả.

-*Năng duyên*. Căn, Niệm. Định, Trí.

Sở duyên. Uẩn tương ưng, sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh quyền duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đạo duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Ba cách “phối hợp không pháp quả” còn lại và 5 cách “phối hợp có pháp quả” tương tự như Danh vật thực duyên.

3- Chín cách phối hợp “có Thiên duyên”.

a- Bốn cách phối hợp không pháp quả.

-*Năng duyên*. Thọ, Định.

Sở duyên. Uẩn tương ưng, sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh quyền duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Thiền duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Ba cách “*phối hợp không pháp quả*” còn lại và 5 cách “*phối hợp có pháp quả*” tương tự như đã trình bày trước đó.

4- Chín cách phối hợp “có Thiên - Đạo duyên”.

a- Bốn cách phối hợp không pháp quả.

-*Năng duyên*. Nhất hành.

Sở duyên. Uẩn tương ưng, sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh.

Có 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh quyền duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Thiền duyên, Đạo duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Ba cách “*phối hợp không pháp quả*” còn lại và 5 cách “*phối hợp có pháp quả*”, tương tự như đã trình bày trước đó.

5- Chín cách phối hợp “có Vật thực duyên”.

a- Bốn cách phối hợp không pháp quả.

-*Năng duyên*. Ý quyền.

Sở duyên. Uẩn tương ưng, sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh quyền duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Danh vật thực duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Ba cách “*phối hợp không pháp quả*” còn lại và 5 cách “*phối hợp có pháp quả*”, tương tự như đã trình bày trước đó.

6- Sáu cách phối hợp “có Trường - Vật thực duyên”.

a- Ba cách phối hợp không pháp quả.

-*Năng duyên.* Ý quyền đạt đến trường.

Sở duyên. Uẩn tương ưng, sắc Tâm hữu trường.

Có 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh quyền duyên, Đồng sinh trường duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Danh vật thực duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Hai cách “*phối hợp không pháp quả*” còn lại và 3 cách “*phối hợp có pháp quả*”, tương tự như đã trình bày trước đó.

7- Sáu cách phối hợp có “Trường - Đạo duyên”.

a- Ba cách phối hợp không pháp quả.

-*Năng duyên.* Căn đạt đến trường.

Sở duyên. Uẩn tương ưng, sắc Tâm hữu trưởng.

Có 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh quyền duyên, Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đạo duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Hai cách “*phối hợp không pháp quả*” còn lại và 3 cách “*phối hợp có pháp quả*”, tương tự như đã trình bày ở trước.

8- Chín cách phối hợp “có Nhân - Đạo duyên”.

a- Bốn cách phối hợp không pháp quả.

-*Năng duyên.* Vô si (trí tuệ).

Sở duyên. Uẩn tương ưng, sắc Tâm hữu nhân, sắc Nghiệp tục sinh.

Có 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh quyền duyên, Nhân duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đạo duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Ba cách “*phối hợp không pháp quả*” còn lại và 5 cách “*phối hợp có pháp quả*”, tương tự như đã trình bày ở trước.

9- Sáu cách phối hợp “có Trưởng - Nhân - Đạo”.

a- Ba cách phối hợp không pháp quả.

-*Năng duyên.* Vô si (trí tuệ) đạt đến trưởng.

Sở duyên. Uẩn tương ưng, sắc Tâm hữu trưởng.

Có 8 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh quyền duyên, Nhân duyên, Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đạo duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Hai cách “*phối hợp không pháp quả*” và 3 cách “*phối hợp có pháp quả*”, tương tự như đã trình bày ở trước.

Thích giải.

Ở đây không trình bày đến, sẽ trình bày trong phần thích giải chi tiết của 24 duyên.

Dứt giải rộng QUYỀN DUYÊN.

17- Giải rộng THIÊN DUYÊN.

(Jhānapaccayaniddesa).

A- Câu khai nhập.

Thiên duyên (jhānapaccayo) được Đức Thế Tôn thuyết tóm gọn, rồi Ngài thuyết chi tiết trong duyên “giảng rộng”:

***Jhānaṅgāni jhānasampayuttakānaṃ
dhammānaṃ taṃsamuṭṭhānānañca rūpānaṃ
jhāna paccayena paccayo.***

B- Pāli và lời dịch.

***Jhānaṅgāni jhānasampayuttakānaṃ
dhammānaṃ taṃsamuṭṭhānānañca rūpānaṃ***

VI DIỆU PHÁP ❁

jhāna paccayena paccayo:

“5 chi thiên trợ cho 79 tâm (trừ Ngũ song thức) + 52 tâm sở hợp và sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh bằng Thiên duyên”.

C- Phân tích câu và chi pháp.

Tương tự như “giải rộng NHÂN DUYÊN”, Đức Thế Tôn nêu **Thiên duyên** (jhānapaccayo) lên trước trong phần tóm lược, rồi Ngài thuyết giảng rộng để làm sáng tỏ ý nghĩa.

Câu Pāli 1. Jhānaṅgāni là chủ từ, cho biết năng duyên là “5 chi thiên: Tâm, tứ, Hỷ, Thọ, Nhất hành trong 79 tâm (trừ ngũ song thức)”.

Jhānasampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃsamuṭṭhānānañca rūpānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “79 tâm (trừ Ngũ song thức) + 52 tâm sở hợp, sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh”.

Jhānapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Thiên duyên trong 11 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Thiên duyên, Đồng sinh duyên, Hối tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Ba mươi sáu cách phối hợp của Thiên duyên.**1- Chín cách phối hợp thông thường.****a- Bốn cách phối hợp không pháp quá.**

- Năng duyên. 5 chi thiên.

Sở duyên. Uẩn tương ưng, sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh.

Có 5 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Thiên duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Ba cách “*phối hợp không pháp quả*” còn lại và 5 cách “*phối hợp có pháp quả*”, tương tự như Danh vật thực duyên.

2- Chín cách phối hợp “có Quyền”.

a- Bốn cách phối hợp không pháp quả.

- *Năng duyên.* Thọ, Nhất hành.

Sở duyên. Uẩn tương ưng, sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Thiên duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Ba cách “*phối hợp không pháp quả*” còn lại và 5 cách “*phối hợp có pháp quả*”, tương tự như đã trình bày ở trước.

3- Chín cách phối hợp “có Đạo”.

a- Bốn cách phối hợp không pháp quả.

- *Năng duyên.* Tâm, Nhất hành.

Sở duyên. Uẩn tương ưng, sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Thiền duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đạo duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Ba cách “*phối hợp không pháp quả*” còn lại và 5 cách “*phối hợp có pháp quả*”, tương tự như đã trình bày ở trước.

4- Chín cách phối hợp “có Quyền - Đạo duyên”.

a- Bốn cách phối hợp không pháp quả.

- *Năng duyên*. Nhất hành.

Sở duyên. Uẩn tương ưng, sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh.

Có 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Thiền duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Ba cách “*phối hợp không pháp quả*” còn lại và 5 cách “*phối hợp có pháp quả*”, tương tự như đã trình bày ở trước.

Thích giải.

Ở đây không trình bày đến, sẽ trình bày trong phần thích giải chi tiết 24 duyên.

Dứt giải rộng THIÊN DUYÊN.

18- Giải rộng ĐẠO DUYÊN.**(Maggapaccayaniddesa).****A- Câu khai nhập.**

Đạo duyên (maggapaccayo) được Đức Thế Tôn thuyết tóm gọn, rồi Ngài thuyết chi tiết trong duyên “giảng rộng”:

Maggañgāni maggasampayuttakānaṃ
dhammānaṃ taṃsamuṭṭhānānañca rūpānaṃ
maggapaccayena paccayo.

B- Pāli và lời dịch.

Maggañgāni maggasampayuttakānaṃ
dhammānaṃ taṃsamuṭṭhānānañca rūpānaṃ
maggapaccayena paccayo:

“9 chi đạo hợp trong tâm hữu nhân trợ cho 71 tâm hữu nhân + 52 tâm sở và sắc Tâm hữu nhân, sắc Nghiệp tục sinh hữu nhân bằng Đạo duyên”.

C- Phân tích câu và chi pháp.

Tương tự như “giải rộng NHÂN DUYÊN”, Đức Thế Tôn thuyết **Đạo duyên** (maggapaccayo) lên trước trong phần tóm lược, rồi Ngài thuyết giảng rộng để làm sáng tỏ ý nghĩa.

Câu Pāli 1. Maggañgāni là chủ từ, cho biết năng duyên là “9 chi đạo: Trí, Tâm, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Căn, Niệm, Định, Tà kiến đồng sinh trong 71 tâm hữu nhân”.

Maggasampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃsamuṭṭhānānañca rūpānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “71 tâm hữu nhân + 52 tâm sở hợp và sắc Tâm hữu nhân, sắc Nghiệp tục sinh hữu nhân”.

Maggapaccayena là sở thuộc từ, cho biết mãnh lực của Đạo duyên trong 13 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đạo duyên, Nhân duyên, Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh quyền duyên, Thiên duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Năm mươi bảy cách phối hợp của “Đạo duyên”.

1- Chín cách phối hợp thông thường.

a- Bốn cách phối hợp không pháp quả.

-Năng duyên. 9 chi đạo.

Sở duyên. Uẩn tương ưng, sắc Tâm hữu nhân, sắc Nghiệp tục sinh hữu nhân.

Có 5 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đạo duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Ba cách “*phối hợp không pháp quả*” còn lại, tương tự như đã trình bày ở trước.

b- Năm cách phối hợp có pháp quả.

-*Năng duyên.* 8 chi đạo hợp trong tâm quả.

Sở duyên. Uẩn tương ưng, sắc Tâm hữu nhân, sắc Nghiệp tục sinh hữu nhân.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đạo duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Bốn cách “*phối hợp có pháp quả*” còn lại, tương tự như đã trình bày ở trước.

2- Chín cách phối hợp “có Quyền duyên”.***a- Bốn cách phối hợp không pháp quả.***

Năng duyên. Cần, Niệm, Nhất hành, Trí.

Sở duyên. Uẩn tương ưng, sắc Tâm hữu nhân, sắc Nghiệp tục sinh hữu nhân.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đạo duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Ba cách “*phối hợp không pháp quả*” còn lại và 5 cách “*phối hợp có pháp quả*”, tương tự như đã trình bày ở trước.

3- Chín cách phối hợp “có Thiên duyên”.***a- Bốn cách phối hợp không pháp quả.***

-*Năng duyên.* Tâm, Nhất hành.

Sở duyên. Uẩn tương ưng, sắc Tâm hữu nhân, sắc Nghiệp tục sinh hữu nhân.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đạo duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Thiên duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Ba cách “*phối hợp không pháp quả*” còn lại và 5 cách “*phối hợp có pháp quả*”, tương tự như đã trình bày ở trước.

4- Chín cách phối hợp “có Quyền - Thiên duyên”.

a- Bốn cách phối hợp không pháp quả.

-*Năng duyên.* Nhất hành.

Sở duyên. Uẩn tương ưng, sắc Tâm hữu nhân, sắc Nghiệp tục sinh hữu nhân.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đạo duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Thiên duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Ba cách “*phối hợp không pháp quả*” còn lại và 5 cách “*phối hợp có pháp quả*”, tương tự như đã trình bày ở trước.

5- Sáu cách phối hợp “có Trường - Quyền duyên”.

a- Ba cách phối hợp không pháp quả.

-*Năng duyên.* Cần đạt đến trường.

Sở duyên. Uẩn tương ứng, sắc Tâm hữu trường.

Có 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đạo duyên, Đồng sinh trường duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Thiên duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Hai cách “*phối hợp không pháp quả*” còn lại và ba cách “*phối hợp có pháp quả*”, tương tự như đã trình bày ở trước.

6- Chín cách phối hợp “có Quyền duyên”.

a- Bốn cách phối hợp không pháp quả.

- *Năng duyên.* Vô si (trí tuệ).

Sở duyên. Uẩn tương ứng, sắc Tâm hữu nhân, sắc Nghiệp tục sinh hữu nhân.

Có 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đạo duyên, Nhân duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Ba cách “*phối hợp không pháp quả*” còn lại và 5 cách “*phối hợp có pháp quả*”, tương tự như đã trình bày ở trước.

7- Sáu cách phối hợp “có Nhân - Trường - Quyền duyên”.

a- Ba cách phối hợp không có pháp quả.

- *Năng duyên.* Trí đạt đến trường.

Sở duyên. Uẩn tương ứng, sắc Tâm hữu trường.

Có 8 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đạo duyên, Nhân duyên, Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Hai cách “*phối hợp không có pháp quả*” còn lại và 3 cách “*phối hợp có pháp quả*”, tương tự như đã trình bày ở trước.

Thích giải.

Magga nghĩa là “*con đường*”, theo Kinh tạng là 9 chi đạo hợp trong tâm Thiện hay tâm Bất thiện, vì 9 chi đạo này có thể dẫn dắt chúng sinh đến khổ cảnh, nhàn cảnh và Nípàn.

Nói theo Vi Diệu tạng là 9 chi đạo hợp trong tâm Thiện, tâm Bất thiện, tâm Quả và tâm Duy tác, vì 9 chi đạo này có năng lực dắt dẫn pháp tương ưng lẫn pháp đồng sinh cùng khởi hiện lên với mình, làm cho thấu đạt cảnh lẫn phạm sự phải làm.

Ví như “*con đường*” giúp cho người đi đường đến được nhiều nơi.

Do đó, việc trình bày chi pháp trong “Đạo duyên” theo lý Vi Diệu tạng là theo chi pháp trực tiếp, còn theo lý Kinh tạng là theo chi pháp gián tiếp.

Nói theo cách gián tiếp thì 8 chi đạo hợp trong tâm Quả, tâm Duy tác là con đường làm cho pháp tương ưng lẫn pháp đồng sinh dẫn đến cảnh lẫn hành

vi biểu hiện qua thân, ngữ, ý. Vì vậy, Đức Phật xếp vào là Đạo duyên.

Lại nữa, việc suy xét nhận định để hiểu biết về pháp này diễn tiến theo 2 lý là:

a- Theo lý Kinh Tạng, dù có suy xét nhận định để hiểu biết cho chín chắn đi nữa, cũng chưa được liệt vào thù thắng, vì chưa thâm sâu do còn *thân kiến* (sakkayaditthi).

b- Việc suy xét thẩm nghiệm để hiểu biết “con đường” theo lý Vi Diệu tạng được xem là thù thắng, chuẩn xác theo tông chỉ của Đức Phật.

Vì việc thẩm nghiệm suy xét để hiểu biết này thâm sâu, xuyên thấu qua chế định thể nhập được pháp thực tính vô ngã, do hiểu biết chính chắn.

Tóm lại, việc suy xét thẩm nghiệm để hiểu biết về pháp theo lý Kinh tạng là thuộc về lý liên quan đến thân kiến.

Theo lý Vi Diệu tạng có “liên quan” đến vô ngã một cách đúng đắn.

Do đó, người tầm cầu để thấu hiểu được Phật pháp nên tinh cần suy xét thẩm nghiệm để hiểu biết về pháp theo lý Vi Diệu tạng cho thật sâu sắc. Có như thế mới gặt hái được tinh hoa thâm thúy của Phật pháp, đây chính là thành quả viên mãn từ việc tích cực học và suy nghiệm Pháp bảo.

Dứt “giải rộng ĐẠO DUYÊN”.

19- Giải rộng TƯƠNG ƯNG DUYÊN.

(Sampayuttapaccayaniddesa).

A- Câu khai nhập.

Tương ưng duyên (sampayuttapaccayo) được Đức Thế Tôn thuyết tóm gọn, rồi Ngài thuyết chi tiết trong duyên “giảng rộng”:

Cattāro khandhā arūpino aññamaññaṃ sampayuttapaccayena paccayo.

B- Pāli và lời dịch.

Cattāro khandhā arūpino aññamaññaṃ sampayuttapaccayena paccayo:

“4 danh uẩn trợ giúp lẫn nhau hoặc nương lẫn nhau bằng Tương ưng duyên”.

C- Phân tích câu và chi pháp.

Tương tự như “giải rộng NHÂN DUYÊN”, Đức Thế Tôn thuyết *Tương ưng duyên* (samyuttapaccayo) lên trước trong phần tóm lược, rồi Ngài thuyết giảng rộng để làm sáng tỏ ý nghĩa.

Câu Pāli 1. *Cattāro khandhā arūpino* là chủ từ, cho biết năng duyên là “89 tâm + 52 tâm sở hợp”, như 1 danh uẩn trợ cho 3 danh uẩn, 3 danh uẩn trợ cho 1 danh uẩn, 2 danh uẩn trợ cho 2 danh uẩn.

Aññamaññaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “89 tâm + 52 tâm sở hợp”, như 3 danh uẩn nương sinh từ 1 danh uẩn; 1 danh uẩn nương sinh từ 3 danh uẩn; 2 danh uẩn nương sinh từ 2 danh uẩn.

Sampayuttapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Tương ứng duyên.

-Nếu 4 danh uẩn là “89 tâm + 52 tâm sở hợp” trong thời tục sinh lẫn thời bình nhật trợ giúp lẫn nhau.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Tương ứng duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

-Nếu 4 danh uẩn quả là “36 tâm quả + 38 tâm sở hợp” trong thời bình nhật lẫn thời tục sinh trợ giúp lẫn nhau.

Có 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Tương ứng duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Thích giải.

Ở đây không trình bày đến, sẽ trình bày trong phần thích giải chi tiết của 24 duyên.

Dứt “giải rộng TƯƠNG ƯNG DUYÊN”.

20- Giải rộng BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN.

(Vippayuttaniddesa).

A- Câu khai nhập.

Bất tương ưng duyên (vippayuttapaccayo) được Đức Thế Tôn thuyết tóm gọn, rồi Ngài thuyết chi tiết trong duyên “giảng rộng”:

1- Rūpino dhammā arūpīnaṃ dhammānaṃ vippayuttapaccayena paccayo.

2- Arūpino dhammā rūpīnaṃ dhammānaṃ vippayuttapaccayena paccayo.

B- Pāli và lời dịch.

Câu Pāli 1- Rūpino dhammā arūpīnaṃ dhammānaṃ vippayuttapaccayena paccayo:

“6 sắc vật trợ cho 7 Thức giới + tâm sở đồng sinh (trừ 4 tâm quả Vô sắc giới) bằng Đồng sinh bất tương ưng duyên và Tiền sinh bất tương ưng duyên”.

6- Arūpino dhammā rūpīnaṃ dhammānaṃ vippayuttapaccayena paccayo:

“4 danh uẩn (trừ tâm quả Vô sắc giới) trợ cho 4 sắc sở sinh bằng Đồng sinh bất tương ưng duyên và hậu sinh Bất tương ưng duyên”.

C- Phân tích câu và chi pháp.

Tương tự như “giải rộng NHÂN DUYÊN”, Đức Thế Tôn thuyết **Bất tương ưng duyên** (vippayuttapaccayo) lên trước (niddisitabba) trong phần tóm lược, rồi Ngài thuyết giảng rộng để làm sáng tỏ ý nghĩa (nidassanākāra).

Câu Pāli 1. Nếu là “Đồng sinh bất tương ưng duyên”, *rūpino dhammā* là chủ từ chỉ cho năng duyên là “sắc Ý vật đồng sinh với tâm Tục sinh”.

Arūpīnaṃ dhammānaṃ là sở thuộc từ, chỉ cho sở duyên là “4 danh uẩn tục sinh cõi ngũ uẩn”.

Vippayuttapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của (Đồng sinh) Bất tương ưng duyên trong 6 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh duyên, Hối tương duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

*Nếu là “Tiền sinh bất tương ưng duyên”, *rūpino dhammā* chỉ cho năng duyên là “6 sắc vật”.

Arūpīnaṃ dhammānaṃ là sở thuộc từ, chỉ cho sở duyên là “7 thức giới (trừ 4 tâm quả Vô sắc giới)+ tâm sở hợp”.

Một lý khác nữa: Chi pháp của chủ từ và sở thuộc từ này là trình bày theo “Vật tiền sinh y duyên và Vật - cảnh tiền sinh y duyên” kể từ câu Pāli 6 ...

Vippayuttapaccayena là sở dụng từ:

- Nếu *năng duyên*. 6 sắc vật.

Sở duyên. 7 Thức giới (trừ 4 tâm quả Vô sắc giới) + tâm sở hợp.

Có 5 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Vật tiền sinh bất tương ưng duyên, Vật tiền sinh y

duyên, Vật tiền sinh duyên, Vật tiền sinh hiện hữu duyên, Vật tiền sinh bất ly duyên.

- Nếu *năng duyên*. Sắc Ý vật đồng sinh với tâm thứ 17 tính từ tâm tử trở lại, hoặc 49 sắc Ý vật trong thời trụ.

Sở duyên. Tâm Khai ý môn, 5 đồng lực cận tử, 11 tâm na cảnh. Hoặc tâm Khai ý môn, 29 đồng lực Dục giới, 11 tâm na cảnh, 2 tâm thông + tâm sở hợp (trừ tâm sở Tật, tâm sở Lận, tâm sở Hối, Giới phần, Vô lượng phần).

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Vật - cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên, Cảnh duyên, Vật - cảnh tiền sinh y duyên, Vật - cảnh tiền sinh duyên, Vật - cảnh tiền sinh hiện hữu duyên, Vật - cảnh tiền sinh bất ly duyên.

- Nếu *năng duyên*. Sắc Ý vật đồng sinh với tâm thứ 17 tính từ tâm tử trở lại, hoặc 49 sắc Ý vật trong thời trụ nhận được sự lưu tâm.

Sở duyên. 5 đồng lực Tham cận tử, hoặc 7 đồng lực thực Tham trong thời bình nhật có sự đắm nhiễm mạnh mẽ.

Có 8 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Vật - cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên, Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên, Vật - cảnh tiền sinh y duyên, Cảnh cận y duyên, Vật - cảnh tiền sinh duyên, Vật - cảnh tiền sinh hiện hữu duyên, Vật - cảnh tiền sinh bất ly duyên.

- Nếu *năng duyên*. 5 vật

Sở duyên. 5 thức giới

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Vật tiền sinh bất tương ưng duyên, Vật tiền sinh y duyên, Vật tiền sinh duyên, Vật tiền sinh quyền duyên, vật tiền sinh hiện hữu duyên, vật tiền sinh bất ly duyên.

Câu Pāli 2. Nếu là “đồng sinh bất tương ưng”, *arūpino dhammā* là chủ từ, chỉ năng duyên là “4 danh uẩn tục sinh lẫn bình nhật trong cõi ngũ uẩn (trừ tâm quả Vô sắc giới, Ngũ song thức và tâm tử của bậc Alahán).

Arūpīnaṃ dhammānaṃ là sở thuộc từ, chỉ sở duyên là “sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh”.

Vip̄payuttapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của (Đồng sinh) Bất tương ưng duyên trong 7 có duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh duyên, Hổ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Nếu là “Hậu sinh bất tương ưng duyên”, *arūpino dhammā* chỉ cho năng duyên là “4 danh uẩn trong cõi ngũ uẩn”, như tâm hữu phần thứ 1 ... sinh lên sau.

Rūpīnaṃ dhammānaṃ chỉ cho sở duyên là “một đoàn sắc, hai đoàn sắc, ba đoàn sắc, bốn đoàn

sắc” đồng sinh với tâm sinh trước, như tâm Tục sinh ... vào thời trụ.

Vippayuttapacayena cho biết mãnh lực của (Hậu sinh) Bất tương ưng duyên trong 4 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Hậu sinh bất tương ưng duyên, Hậu sinh duyên, Hậu sinh hiện hữu duyên, Hậu sinh bất ly duyên.

Thích giải.

Khi khảo sát *Bất tương ưng duyên*, sẽ thấy “sáu sắc cảnh” tuy trợ giúp cho “sáu pháp biết cảnh” như Nhãn thức ... nhưng Đức Thế Tôn không xếp vào “bất tương ưng năng duyên hay sở duyên”, Ngài chỉ xếp vào trong nhóm Cảnh duyên.

Rõ ràng, chỉ “một sắc cảnh” và “một pháp biết cảnh” như : Sắc thân kinh Nhãn và Nhãn thức, đó là “Bất tương ưng duyên”, nói rộng hơn là “sáu sắc cảnh và sáu pháp biết cảnh” là “Bất tương ưng duyên”.

Ngài Sớ giải Giáo thọ sư có giải thích: “Việc hình thành bất tương ưng của 6 sắc cảnh với 6 pháp biết cảnh thì đã hiện bày rõ không có chi đáng hoài nghi.

Nhưng giữa 6 vật với 7 thức giới khi làm năng duyên hay “sở duyên” thì có điều “cần suy xét” là: Khi 7 thức giới sinh lên từ 6 sắc vật thì “dường như” 7 thức giới hiện hữu trong 6 sắc vật đang hình thành

như “một quy luật”, nhưng thật sự thì “7 thức giới” không hiện hữu được.

Chỉ khi nào nhận được *duyên thích ứng*, bấy giờ “7 thức giới” mới hiện khởi.

Chính vì vậy, Đức Thế Tôn không xếp “sáu sắc cảnh” cùng “7 thức giới” vào “Bất tương ưng duyên”, mà chỉ có thể là “Tiền sinh duyên” hay “Hậu sinh duyên”.

Còn về 4 danh uẩn trợ cho “bốn đoàn sắc sinh trước” hay “sắc Ý vật đang sinh” trong cơ thể, chính là “Bất tương ưng duyên”.

Dứt giải rộng BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN”.

21 - Giải rộng HIỆN HỮU DUYÊN.(*Atthipaccayaniddesa*). **Và 24- Giải rộng BẤT LY DUYÊN.**(*Avigatapaccayaniddesa*).

A- Câu khai nhập.

Hiện hữu duyên (*atthipaccayo*) hoặc *Bất ly duyên* (*avigatapaccayo*) được Đức Thế Tôn thuyết tóm gọn, rồi Ngài thuyết chi tiết trong duyên “giảng rộng”:

1'- **Cattāro khandhā arūpino aññamaññaṃ atthipaccayena paccayo avigatapaccayena paccayo ...**

17'- **Yaṃ rūpaṃ nissāya manodhātu ca manoviññāṇadhātu ca vattanti taṃ rūpaṃ**

manodhātuyā ca manoviññāṇadhātuyā ca
taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ
atthipaccayena paccayo avigatapaccayena
paccayo.

B- Pāli và lời dịch.

Câu Pāli 1. Cattāro khandhā arūpino aññamaññam
atthipaccayena paccayo avigatapaccayena
paccayo:

“4 danh uẩn trợ giúp lẫn nhau hoặc nương lẫn
nhau bằng “Đồng sinh hiện hữu duyên” và “Đồng
sinh bất ly duyên”.

Câu Pāli 2. Cattāro mahābhūtā aññamaññam
atthipaccayena paccayo avigatapaccayena
paccayo:

“4 sắc tứ đại trợ giúp lẫn nhau hoặc nương lẫn
nhau bằng “Đồng sinh hiện hữu duyên” và “Đồng
sinh bất ly duyên”.

Câu Pāli 3. Okkantikkhaṇe nāmārūpaṃ
aññamaññam atthipaccayena paccayo avigatapac-
cayena paccayo:

“4 danh uẩn và sắc Ý vật trong thời tục sinh
trong cõi ngũ uẩn trợ giúp lẫn nhau hoặc nương lẫn
nhau bằng “Đồng sinh hiện hữu duyên” và “Đồng
sinh bất ly duyên”.

Câu Pāli 4. Cittacetāsikā dhammā
cittasamutṭhānānaṃ rūpānaṃ atthipaccayena
paccayo avigatapaccayena paccayo:

“Tất cả pháp như 75 tâm + 52 tâm sở (trừ Ngũ song thức, 4 tâm quả Vô sắc giới giới và tâm tử bậc Alahán) trợ cho sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh bằng “Đồng sinh hiện hữu duyên” và “Đồng sinh bất ly duyên”.

Câu Pāli 5. Mahābhūtā upādārūpanaṃ atthipaccayena paccayo avigatapaccayena paccayo:

“Sắc tứ đại trợ giúp cho sắc Y sinh bằng Đồng sinh hiện hữu duyên và Đồng sinh bất ly duyên”.

Câu Pāli 6. Cakkhāyatanam cakkhaviññāṇa-dhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ atthipaccayena paccayo avigatapaccayena paccayo:

“Nhãn xứ trung thọ đồng sinh với tâm hữu phần Vừa qua đầu tiên hoặc 49 sắc Nhãn xứ trong thời trụ trợ cho Nhãn thức giới + 7 tâm sở Biến hành bằng “Đồng sinh hiện hữu duyên” và “Đồng sinh bất ly duyên”.

Câu Pāli 7. Sotāyatanam sotaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ atthipaccayena paccayo avigatapaccayena paccayo:

“Nhĩ xứ trung thọ đồng sinh với tâm hữu phần Vừa qua đầu tiên hoặc 49 sắc Nhĩ xứ trong thời trụ trợ cho Nhĩ thức giới + 7 tâm sở Biến hành bằng “Đồng sinh hiện hữu duyên” và “Đồng sinh bất ly duyên”.

Câu Pāli 8. Ghānāyatanam
ghānaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca
dhammānaṃ atthipaccayena paccayo avigatapac-
cayena paccayo:

“Tỷ xứ trung thọ đồng sinh với tâm hữu phần Vừa qua đầu tiên hoặc 49 sắc Tỷ xứ trong thời trụ trợ cho Tỷ thức giới + 7 tâm sở Biến hành bằng “Đồng sinh hiện hữu duyên” và “Đồng sinh bất ly duyên”.

Câu Pāli 8. Jivhāyatanam
jivhānaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca
dhammānaṃ atthipaccayena paccayo avigatapac-
cayena paccayo:

“Thiệt xứ trung thọ đồng sinh với tâm hữu phần Vừa qua đầu tiên hoặc 49 sắc Thiệt xứ trong thời trụ trợ cho Thiệt thức giới + 7 tâm sở Biến hành bằng “Đồng sinh hiện hữu duyên” và “Đồng sinh bất ly duyên”.

Câu Pāli 9. Kayāyatanam kāyaviññāṇadhātuyā
taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ atthipac-
cayena paccayo avigatapaccayena paccayo:

“Thân xứ trung thọ đồng sinh với tâm hữu phần Vừa qua đầu tiên hoặc 49 sắc Thân xứ trong thời trụ trợ cho Thân thức giới + 7 tâm sở Biến hành bằng “Đồng sinh hiện hữu duyên” và “Đồng sinh bất ly duyên”.

Câu Pāli 10. Rūpāyatanam cakkhaviññāṇadhā
-tuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ

atthipaccayena paccayo avigatapaccayena paccayo:

“Cảnh sắc hiện tại trợ cho Nhãn thức giới + 7 tâm sở Biến hành bằng “Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên” và “Cảnh tiền sinh bất ly duyên”.

Câu Pāli 11. Saddāyatanam sotaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānam atthipaccayena paccayo avigatapaccayena paccayo:

“Cảnh thính hiện tại trợ cho Nhĩ thức giới + 7 tâm sở Biến hành bằng Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên và Cảnh tiền sinh bất ly duyên”.

Câu Pāli 11. Gandhāyatanam ghānaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānam atthipaccayena paccayo avigatapaccayena paccayo:

“Cảnh mùi hiện tại trợ cho Tỷ thức giới + 7 tâm sở Biến hành bằng “Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên” và “Cảnh tiền sinh bất ly duyên”.

Câu Pāli 12. Rasāyatanam jivhānaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānam atthipaccayena paccayo avigatapaccayena paccayo:

“Cảnh vị hiện tại trợ cho Thiệt thức giới + 7 tâm sở Biến hành bằng “Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên” và “Cảnh tiền sinh bất ly duyên”.

Câu Pāli 13. Phoṭṭhabbāyatanam kāyaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānam

atthipaccayena paccayo avigatapaccayena paccayo:

“Cảnh xúc hiện tại trợ cho Thân thức giới + 7 tâm sở Biến hành bằng “Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên” và “Cảnh tiền sinh bất ly duyên”.

Câu Pāli 14. Rūpāyatanam saddāyatanam gandhāyatanam rasāyatanam phoṭṭhabbāyatanam manodhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānam atthipaccayena paccayo avigatapaccayena paccayo:

“Ngũ cảnh là cảnh sắc, cảnh thính, cảnh mùi, cảnh vị, cảnh xúc hiện tại trợ cho Ý giới + 10 tâm sở Tợ tha (trừ tâm sở Dục, Hỷ, Cận) bằng “Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên và “Cảnh tiền sinh bất ly duyên”.

Câu Pāli 15. Yaṃ rūpaṃ nissāya manodhātu ca manoviññāṇadhātu ca vattanti taṃ rūpaṃ manodhātuyā ca manoviññāṇadhātuyā ca taṃsampa-yuttakānañca dhammānam atthipaccayena paccayo avigatapaccayena paccayo:

“Ý giới và Ý thức giới (trừ 4 tâm quả Vô sắc giới) + 52 tâm sở hợp nương sắc Ý vật nào sinh lên, sắc Ý vật đó trợ cho Ý giới và Ý thức giới (trừ 4 tâm quả Vô sắc giới) + 52 tâm sở hợp bằng Vật tiền sinh hiện hữu duyên, Vật - cảnh tiền sinh hiện hữu duyên và Vật tiền sinh bất ly duyên, Vật - cảnh tiền sinh bất ly duyên.

Phân tích câu, chi pháp và thích giải.
Giống như “Đồng sinh duyên, Tiền sinh duyên”.

Hiện hữu duyên có 5 duyên cùng loại với nhau là: Đồng sinh hiện hữu duyên, Tiền sinh hiện hữu duyên, Hậu sinh hiện hữu duyên, Vật thực hiện hữu duyên, Quyền hiện hữu duyên.

Nhưng trong “giải rộng về hai duyên” này, Đức Thế Tôn chỉ thuyết 2 duyên là Đồng sinh hiện hữu duyên và Tiền sinh hiện hữu duyên.

Còn trong phần yếu tri (*pañhāvāra*), Đức Thế Tôn thuyết đủ 5 duyên.

Như vậy, trong phần “giải rộng”, Đức Thế Tôn thuyết theo lý chưa hoàn tất ý nghĩa (*savasasenaya*).

Dứt giải rộng HIỆN HỮU DUYÊN và BẤT LY DUYÊN.

22- Giải rộng VÔ HỮU DUYÊN.

(*Natthipaccayaniddesa*).

A- Câu khai nhập.

Vô hữu duyên (*natthipaccayo*) được Đức Thế Tôn thuyết tóm gọn, rồi Ngài thuyết chi tiết trong duyên “giảng rộng”:

**Samanataraniruddhā cittacetāsikā dhammā
paṭuppannānaṃ cittacetāsikānaṃ dhammānaṃ
natthipaccayena paccayo:**

B- Pāli và lời dịch.

**Samanataraniruddhā cittacetāsikā dhammā
paṭuppannānaṃ cittacetāsikānaṃ dhammānaṃ**

natthipaccayena paccayo:

“4 danh uẩn (tâm, tâm sở) trừ tâm tử bậc Alahán, diệt đi theo tuần tự không còn dư sót trợ cho 4 danh uẩn (tâm, tâm sở) cùng với tâm tử của bậc A lahán sinh sau bằng “Vô hữu duyên”.

Dứt giải rộng VÔ HỮU DUYÊN.

23- Giải rộng LY DUYÊN.

(Vigatapaccayaniddesa).

A- Câu khai nhập.

Ly duyên (vigatapaccayo) được Đức Thế Tôn thuyết tóm gọn, rồi Ngài thuyết chi tiết trong duyên “giảng rộng”:

Samanantaravigatā cittacetāsikā dhammā paṭuppannānaṃ cittacetāsikānaṃ dhammānaṃ vigatapaccayena paccayo.

B- Pāli và lời dịch.

Samanantaravigatā cittacetāsikā dhammā paṭuppannānaṃ cittacetāsikānaṃ dhammānaṃ vigatapaccayena paccayo:

“4 danh uẩn (tâm, tâm sở) trừ tâm tử bậc A lahán chia lìa theo tuần tự không còn dư sót trợ cho 4 danh uẩn (tâm, tâm sở) cùng với tâm tử của bậc Alahán sinh sau bằng “Ly duyên”.

Phân tích câu và chi pháp, thích giải. Giống như “Vô gián duyên”.

Dứt giải rộng LY DUYÊN.

Ý nghĩa của từ “phối hợp” (ghaṭanā).

Phối hợp là “gom lại”. Như có Pāli định nghĩa như sau:

Ghaṭīyate: ghaṭanaṃ (vā) Ghaṭīyate anenāti: ghatanaṃ:

“Gom lại gọi là **phối hợp** (hoặc) gom lại theo mãnh lực, gọi là **phối hợp**”.

Có 12 cách “phối hợp”.

1- Phối hợp “*phổ biến*” (samaññaghaṭanā). Là gom mãnh lực các duyên có chung tính chất (tức là năng duyên có chung ít nhất một chi pháp), không đề cập “có liên quan đến trưởng - quyền - đạo”

2- Phối hợp “*có quyền - đạo*” (sa indriyamaggaghaṭanā). Là gom mãnh lực các duyên, mà năng duyên có chi pháp liên quan đến “quyền và đạo”.

3- Phối hợp “*có trưởng - quyền - đạo*” (sādhipatindriyamaggaghaṭanā). Là gom mãnh lực các duyên, mà năng duyên có chi pháp liên quan đến “trưởng -, quyền và đạo”.

4- Phối hợp “*có khắp nơi*” (sabattḥānikaghaṭanā). Là mãnh lực của 4 duyên: Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên, có trong mọi cách phối hợp.

5- Phối hợp “*có giúp qua giúp lại*” (sa aññamaññaghaṭanā). Là gom mãnh lực duyên, mà

năng duyên có chi pháp liên quan đến sự “giúp qua giúp lại”.

6- Phối hợp “*có giúp qua giúp lại và hoà trộn*” (sa aññamaññasampayuttaḥaṭaṇā).

Là gom mãnh lực duyên, mà năng duyên có chi pháp liên quan đến “giúp qua giúp lại đồng thời có sự hoà trộn lẫn nhau”.

7- Phối hợp “*không có hoà trộn*” (sa vippayuttaḥaṭaṇā). Là gom mãnh lực duyên, mà năng duyên có liên quan đến sự “không hoà trộn lẫn nhau”.

8- Phối hợp “*có giúp qua giúp lại, nhưng không hoà trộn*”(sa aññamaññavippayuttaḥaṭaṇā).

Là gom mãnh lực duyên, mà năng duyên có liên quan đến sự “giúp qua giúp lại, nhưng không hoà trộn”.

9- Phối hợp “*có quyền - đạo phổ biến*” (sa indriyamaggasabbaṭṭhānikaghaṭaṇā). Là gom chung mãnh lực duyên, mà năng duyên có liên quan đến “quyền - đạo” phổ biến.

10- Phối hợp “*có trưởng - quyền - đạo phổ biến*” (sādhipatindriyamaggasabbaṭṭhānikaghaṭaṇā).

Là gom chung mãnh lực duyên, mà năng duyên có liên quan đến “trưởng - quyền - đạo” phổ biến.

11- Phối hợp “*không có pháp quả*” (avipākaghaṭaṇā). Là gom chung mãnh lực duyên lại,

mà năng duyên không đề cập đến “pháp quả” (na vipāka).

12- Phối hợp “có pháp quả” (savipākaghaṭanā). Là gom chung mãnh lực các duyên, mà năng duyên có liên quan đến “pháp quả”(savipāka).

Tóm Lược Ba Nhóm Pháp Trong 24 Duyên

Trong phần đầu có đề cập đến việc thuyết 24 duyên trong bộ Vị trí, Đức Thế Tôn phân tích mỗi một duyên có 3 nhóm pháp là:

- 1- Pháp năng duyên.
- 2- Pháp sở duyên.
- 3- Pháp nghịch duyên.

Sau đây sẽ đề cập chi tiết về ý nghĩa của 3 nhóm pháp trong 24 duyên.

1- Nhân duyên

(Hetupaccaya).

Trong “giải rộng NHÂN DUYÊN” có:

Năng duyên. Sáu nhân là: Tham, Sân, Si, Vô tham, Vô sân, Vô si.

Sở duyên. 71 tâm hữu nhân + 52 tâm sở (trừ tâm sở Si hợp trong 2 tâm Si), sắc Tâm hữu nhân, sắc Nghiệp tục sinh hữu nhân.

Nghịch duyên. 18 tâm Vô nhân + 12 tâm sở Tợ tha, tâm sở Si hợp trong 2 tâm Si, sắc Tâm vô nhân, sắc Nghiệp tục sinh vô nhân, sắc ngoại, sắc Vật thực, sắc Thời tiết, sắc Nghiệp Vô tướng, sắc Nghiệp bình nhật.

Nhân duyên phân theo đặc tính, giống, thời và mãnh lực.

Trong Nhân duyên, năng duyên trợ cho sở duyên có:

Đặc tánh. Thuần nhất làm căn cội cho pháp sở.

Giống. Giống đồng sinh.

Thời. Thời hiện tại.

Mãnh lực. Trợ sinh (janakasatti) và ủng hộ (upathambhaka). Là năng duyên trợ giúp cho sở duyên sinh lên và hỗ trợ cho sở duyên được tồn tại.

2- Cảnh duyên.

(Ārammaṇapaccaya).

Trong “*giải rộng CẢNH DUYÊN*” có:

Năng duyên. 89 tâm + 52 tâm sở hợp, 28 sắc pháp thuộc 3 thời, Nípàn, chế định thuộc ngoại thời.

Sở duyên. 89 tâm + 52 tâm sở

Nghịch duyên. Tất cả sắc pháp như sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh, sắc ngoại, sắc Vật thực, sắc Thời tiết, sắc Nghiệp Vô tướng, sắc Nghiệp bình nhật.

Cảnh duyên phân theo đặc tính, giống, thời và mãnh lực.

Trong ***Cảnh duyên***, năng duyên trợ cho sở duyên có:

Đặc tính. Thuần nhất là nơi vui thích và bám níu (cảnh) của sở duyên.

Giống. Giống cảnh.

Thời. Cả 3 thời hiện tại, quá khứ, vị lai và ngoại thời.

Mãnh lực. Mãnh lực trợ sinh và ủng hộ.

3- Trưởng duyên.

(Adhipatipaccaya).

Trong “***giải rộng TRƯỞNG DUYÊN***,

Trưởng duyên được phân tích thành hai duyên:

Cảnh trưởng duyên và Đồng sinh trưởng duyên..

A- Cảnh trưởng duyên.

- ***Năng duyên.*** 6 cảnh là 18 cảnh sắc Tốt (iṭṭhhanipphannarūpa), 84 tâm (trừ 2 tâm Sân, 2 tâm Si, tâm Thân thức thọ khổ) + 45 tâm sở hợp (trừ Vô lượng phần, Sân phần và tâm sở Hoài nghi)_đáng lưu tâm dính mắc thuộc 3 thời và Nípàn.

- ***Sở duyên.*** 8 tâm Tham, 8 tâm Đại thiện, 4 tâm Duy tác Dục giới có trí, 8 hoặc 40 tâm Siêu thế + 47

tâm sở hợp (trừ Sân phần, tâm sở Hoài nghi) là pháp quan tâm dính mắc.

- *Nghịch duyên*. 81 tâm hiệp thế + 52 tâm sở không là pháp quan tâm dính mắc nhất định và bất định.

Tất cả sắc pháp như sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh, sắc Ngoại, sắc Vật thực, sắc Thời tiết, sắc Nghiệp Vô tướng, sắc Nghiệp bình nhật.

B- Đồng sinh trưởng duyên.

- *Năng duyên*. Một trong 3 hoặc 4 pháp trưởng: Dục, Căn, Trí hợp trong 52 tâm đồng lực, và 52 tâm trưởng đồng lực trong sátna làm trưởng.

- *Sở duyên*. 52 tâm đồng lực hữu trưởng + 51 tâm sở (trừ tâm sở đang làm trưởng), sắc Tâm hữu trưởng trong sátna nhận được trợ giúp ủng hộ từ “pháp trưởng”, phân theo nhất định và bất định.

- *Nghịch duyên*. 54 tâm Dục giới, 9 tâm quả Đáo đại + 52 tâm sở hợp, khi không nhận được trợ giúp ủng hộ từ Trưởng duyên, phân theo nhất định và bất định.

Một trong 4 pháp trưởng trong sátna làm trưởng, sắc Tâm vô trưởng, sắc Nghiệp tục sinh, sắc ngoại, sắc Vật thực, sắc Thời tiết, sắc Nghiệp Vô tướng, sắc Nghiệp bình nhật.

Phân tích chi tiết.

a- Cảnh trưởng duyên.

Cảnh trường duyên khi phân tích chi tiết, có 10 đôi:

1- *Năng duyên*. 18 sắc cảnh hiện tại của 4 loại sắc thuộc thực tính Tốt (sabbāvaitṭha) và Tốt hợp ý (parikappaitṭha), 76 tâm hiệp thế (trừ 2 tâm Sân, 2 tâm Si, tâm Thân thức thọ khổ) + 47 tâm sở hợp (trừ Sân phần + tâm sở Hoài nghi) có thực tính đáng lưu tâm dính mắc.

Sở duyên. 8 tâm Tham + 22 tâm sở hợp, là pháp lưu tâm dính mắc.

2- *Năng duyên*. 17 tâm Thiện hiệp thế + 38 tâm sở hợp, có thực tính đáng lưu tâm dính mắc.

Sở duyên. 8 tâm Đại thiện + 33 tâm sở hợp (trừ Giới phần và Vô lượng phần) là pháp lưu tâm.

3- *Năng duyên*. Tâm Sơ Đạo, Sơ Quả, Nípàn của bậc Dự lưu có thực tính đáng lưu tâm thỏa thích.

Sở duyên. 4 tâm Đại thiện có trí (trừ Giới phần, Vô lượng phần) của bậc Dự lưu lưu tâm thỏa thích.

4- *Năng duyên*. Tâm Nhị Đạo, Nhị Quả, Nípàn của bậc Nhất lai có thực tính đáng lưu tâm thỏa thích.

Sở duyên. 4 tâm Đại thiện có trí (trừ Giới phần, Vô lượng phần) của bậc Nhất lai lưu tâm thỏa thích.

5- *Năng duyên*. Tâm Tam Đạo, Tam Quả, Nípàn của bậc Bất lai có thực tính đáng lưu tâm thỏa thích.

Sở duyên. 4 tâm Đại thiện có trí (trừ Giới phần, Vô lượng phần) của bậc Bất lai lưu tâm thỏa thích.

6- *Năng duyên*. Tâm Tứ đạo, Tứ quả, Nípàn của bậc Alahán có thực tính đáng lưu tâm thỏa thích.

Sở duyên. 4 tâm Duy tác Dục giới có trí (trừ Giới phần, Vô lượng phần) của bậc Alahán lưu tâm thỏa thích.

7- *Năng duyên*. Nípàn của bậc Dự lưu có thực tính đáng lưu tâm thỏa thích.

Sở duyên. Tâm Sơ Đạo, Sơ Quả lưu tâm thỏa thích.

8- *Năng duyên*. Nípàn của bậc Nhất lai có thực tính đáng lưu tâm thỏa thích.

Sở duyên. Tâm Nhị Đạo, Nhị Quả lưu tâm thỏa thích.

9- *Năng duyên*. Nípàn của bậc Bất lai có thực tính đáng lưu tâm thỏa thích.

Sở duyên. Tâm Tam Đạo, Tam Quả lưu tâm thỏa thích.

10- *Năng duyên*. Nípàn của bậc Alahán có thực tính đáng lưu tâm thỏa thích.

Sở duyên. Tâm Tứ đạo, Tứ quả lưu tâm thỏa thích.

***Pháp sở duyên và nghịch duyên** của Cảnh trường duyên có hai, phân theo “*nhất định và bất định*”:

a- *Sở duyên nhất định*. 8 tâm Siêu thế + 36 tâm sở hợp.

Sở duyên bất định. 8 tâm Tham, 8 tâm Đại thiện, 4 tâm Duy tác Dục giới có trí + 45 tâm sở hợp (trừ Vô lương phần, Sân phần, tâm sở Hoài nghi).

b- Nghịch duyên nhất định. 2 tâm Sân, 2 tâm Si, 18 tâm vô nhân, 8 tâm đại quả, 4 tâm Duy tác Dục giới ly trí, 27 tâm Đáo đạ + 46 tâm sở.

Tất cả sắc pháp như sắc Tâm ...

Nghịch duyên bất định. 20 tâm là 8 tâm Tham, 8 tâm Đại thiện, 4 tâm Duy tác Dục giới có trí + 45 tâm sở hợp (trừ Vô lương phần, Sân phần, tâm sở Hoài nghi).

***Pháp năng duyên, sở duyên và nghịch duyên** của Đồng sinh trưởng duyên có hai, phân theo “*nhất định và bất định*”.

a- Năng duyên nhất định. Một trong 4 trường hợp trong 26 tâm đồng lực kiên cố.

Năng duyên bất định. Một trong 4 trường hợp trong 26 tâm đồng lực Dục giới (trừ 2 tâm Si, tâm Sinh tiểu).

b- Sở duyên nhất định. 26 tâm đồng lực kiên cố + 38 tâm sở hợp (trừ chi pháp trưởng trong lúc làm năng duyên) và sắc Tâm kiên cố hữu trưởng.

Sở duyên bất định. 26 tâm đồng lực Dục giới (trừ 2 tâm Si và tâm Sinh tiểu) + 51 tâm sở (trừ chi pháp trưởng trong lúc làm năng duyên) và sắc Tâm hữu trưởng Dục giới.

c- Nghịch duyên nhất định. 2 tâm Si, 18 tâm vô nhân, 8 tâm đại quả, 9 tâm quả Đáo đại + 40 tâm sở hợp (trừ Tham phần, Sân phần, Hôn phần, Giới phần), sắc Tâm vô tướng, sắc Nghiệp tục sinh, sắc ngoại, sắc Vật thực, sắc Thời tiết, sắc Nghiệp Vô tướng, sắc Nghiệp bình nhật.

Nghịch duyên bất định. 26 tâm đồng lực Dục giới (trừ 2 tâm Si và Sinh tiểu) + 51 tâm sở, sắc Tâm hữu tướng Dục giới là sở duyên bất định.

Phân tích chi tiết.

a- Cảnh trường duyên.

Trong ***Cảnh trường duyên***, pháp năng trợ cho pháp sở có:

Đặc tính. Vui thích và bám níu (cảnh) và làm lớn trội.

Giống. Giống cảnh.

Thời. Quá khứ, hiện tại, vị lai và ngoại thời.

Mãnh lực. Trợ sinh và ủng hộ.

b- Đồng sinh trường duyên.

Trong ***Đồng sinh trường duyên***, pháp năng trợ cho pháp sở có:

Đặc tính. Đồng sinh với pháp sở và làm cho pháp sở lớn trội.

Giống. Giống đồng sinh.

Thời. Thời hiện tại.

Mãnh lực. Trợ sinh và ủng hộ.

4- Vô gián duyên.

(Anantarapaccaya).

Trong “giải rộng VÔ GIÁN DUYÊN” có:

- *Năng duyên.* 89 tâm + 52 tâm sở hợp sinh trước (trừ tâm tử của bậc Alahán).

Sở duyên. 89 tâm + 52 tâm sở sinh sau, cùng với tâm tử của bậc Alahán.

Nghịch duyên. Tất cả sắc pháp.

Phân tích chi tiết.

Trong *Vô gián duyên*, pháp năng trợ cho pháp sở có:

Đặc tính. Sinh nối tiếp nhau không có khoảng cách, **chỉ có một tâm** trong một thời điểm.

Giống. Giống vô gián.

Thời. Thời quá khứ.

Mãnh lực. Chỉ có duy nhất là trợ sinh.

5-Đẳng vô gián duyên.

(Samanantarapaccaya).

Trong “giải rộng ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN” cũng có 3 nhóm pháp như Vô gián duyên. Và đặc tính, giống, thời, mãnh lực như Vô gián duyên.

6- Đồng sinh duyên.**(Sahajātapaccaya).**

Trong “giải rộng ĐỒNG SINH DUYÊN chỉ có 2 nhóm pháp là: Năng duyên và sở duyên, không có “nghịch duyên”.

a- Năng duyên. 89 tâm + 52 tâm sở hợp trợ giúp lẫn nhau trong thời bình nhật hay thời tục sinh.

1'- Trong cõi tứ uẩn. Danh uẩn trợ giúp lẫn nhau.

2'- Trong cõi ngũ uẩn. Danh uẩn trợ giúp lẫn nhau với sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh.

* Trong mỗi nhóm sắc tứ đại như: Sắc tứ đại Tâm, sắc tứ đại Nghiệp tục sinh, sắc tứ đại ngoại, sắc tứ đại Vật thực, sắc tứ đại Thời tiết, sắc tứ đại nghiệp Vô tưởng, sắc tứ đại Nghiệp bình nhật trợ giúp ủng hộ lẫn nhau và trợ giúp ủng hộ cho sắc Ý sinh.

* Bốn danh uẩn tục sinh trong cõi ngũ uẩn và sắc Ý vật trợ giúp ủng hộ lẫn nhau.

b- Sở duyên. 89 tâm + 52 tâm sở hợp, diễn tiến đối chiếu lẫn nhau.

Sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh, sắc Ý vật tục sinh, mỗi nhóm sắc tứ đại, 4 danh uẩn tục sinh trong cõi ngũ uẩn và sắc Ý vật, diễn tiến đối chiếu lẫn nhau.

Phân tích chi tiết.

Trong **Đồng sinh duyên**, pháp năng trợ cho pháp sở có:

Đặc tính. Đồng sinh với sở duyên.

Giống. Giống đồng sinh.

Thời. Thời hiện tại.

Mãnh lực. Trợ sinh và ủng hộ.

7-Hồ tương duyên.

(Aññamaññapaccaya).

Trong “giải rộng HỒ TƯƠNG DUYÊN” có:

a- *Năng duyên.* 89 tâm + 52 tâm sở hợp, trợ giúp ủng hộ lẫn nhau trong thời bình nhật hay thời tục sinh.

* Nhóm sắc tứ đại như: Sắc tứ đại Tâm ... trợ giúp ủng hộ lẫn nhau.

* Tứ danh uẩn tục sinh trong cõi ngũ uẩn và sắc Ý vật tục sinh trợ giúp ủng hộ lẫn nhau.

b- *Sở duyên.* 89 tâm + 52 tâm sở hợp, trợ giúp lẫn nhau trong thời bình nhật hay thời tục sinh.

* Tứ danh uẩn trong thời bình nhật trợ giúp lẫn nhau.

* Sắc tứ đại của mỗi nhóm sắc trợ giúp lẫn nhau.

* Tứ danh uẩn Tục sinh trong cõi ngũ uẩn và sắc Ý vật trợ giúp lẫn nhau trong thời tục sinh.

c- *Nghịch duyên.* Sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh (trừ sắc Ý vật).

Các sắc Y sinh như sắc Y sinh tâm ... sắc Y sinh nghiệp thời bình nhật.

Pháp nghịch duyên có 2 loại:

**Nghịch duyên nhất định.* Sắc Y sinh tâm, sắc Y sinh nghiệp tục sinh (trừ sắc Ý vật), sắc Y sinh ngoại, sắc Y sinh vật thực, sắc Y sinh thời tiết, sắc Y sinh nghiệp Vô tướng, sắc Y sinh nghiệp bình nhật.

Nhóm pháp này không là “sở duyên”, nên là “nghịch duyên nhất định”.

**Nghịch duyên bất định.* Sắc tứ đại Tâm, sắc tứ đại Nghiệp tục sinh, sắc Ý vật tục sinh.

Khi 4 danh uẩn thời bình nhật làm năng duyên và sở duyên lẫn nhau, sắc tứ đại tâm không thể là sở duyên, nên là nghịch duyên.

Khi 4 danh uẩn thời tục sinh làm năng duyên và sở duyên lẫn nhau, 4 danh uẩn tục sinh với sắc Ý vật làm năng duyên và sở duyên lẫn nhau; khi ấy sắc tứ đại nghiệp tục sinh không thể là sở duyên, nên là nghịch duyên.

Khi sắc tứ đại nghiệp tục sinh làm năng duyên và sở duyên lẫn nhau, sắc Ý vật tục sinh không là sở duyên, nên là nghịch duyên.

Phân tích chi tiết.

Trong *Hồ tương duyên*, pháp năng trợ cho pháp sở có:

Đặc tính. Trợ giúp lẫn nhau.

Giống. Giống đồng sinh.

Thời. Thời hiện tại.

Mãnh lực. Trợ sinh và ủng hộ.

8- Y duyên.

(Nissayapaccaya).

Trong “giải rộng Y DUYÊN”, *Y duyên* được phân tích thành hai duyên là:

Đồng sinh y duyên, Tiền sinh y duyên.

Trong Tiền sinh y duyên lại phân tích thành: Vật tiền sinh y duyên và Vật - cảnh tiền sinh y duyên. Như vậy, *Y duyên* khi phân tích rộng có ba duyên.

1- Đồng sinh y duyên.

Chi pháp của năng duyên và sở duyên, như “*Đồng sinh duyên*”.

Phân tích chi tiết.

Trong *Đồng sinh y duyên*, pháp năng trợ cho pháp sở có:

Đặc tính. Đồng sinh chung và làm nơi nương cho sở duyên.

Giống. Giống đồng sinh.

Thời. Thời hiện tại.

Mãnh lực. Trợ sinh và ủng hộ.

2- Vật tiền sinh y duyên.

a- *Năng duyên.* Là sáu sắc Vật sinh trước.

Sắc vật có ba nhóm:

- Năm sắc vật “sơ thời” (mandāyukapañcavatthu) là: Nhãn vật, Nhĩ vật, Tỷ vật, Thiệt vật và Thân vật, năm sắc vật này “không là năng duyên” (ở vào tiểu sátna sinh).

- Năm sắc vật “trung thọ” (majjhimāyukapañca - vatthu), theo các Giáo thọ sư tiền bối là: “sắc Vật đồng tuổi thọ với sắc cảnh”, tức là “5 sắc vật đồng sinh với tâm hữu phần Vừa qua đầu tiên”.

Sắc Ý vật đồng sinh với tâm trước đó như tâm Tục sinh ..., hoặc sắc Ý vật đồng sinh với tâm quả Siêu thế của vị Thánh khi vừa xuất thiền diệt.

Các sắc Vật này là năng duyên.

- Sáu sắc vật đồng sinh với tâm thứ 17, tính từ tâm tử trở lui lại trong lộ cận tử. Là năng duyên.

Theo các vị Giáo thọ sư hậu bối thì “sáu sắc vật ở vào thời trụ (49 sátna tiểu) là năng duyên.

b- *Sở duyên.* 7 giới thức như Nhãn thức giới ... + 52 tâm sở hợp (trừ 4 tâm quả Vô sắc giới) trong cõi ngũ uẩn, diễn tiến trong thời bình nhật.

Sở duyên có hai:

- *Sở duyên nhất định.* 43 tâm là: 2 tâm Sân, 17 tâm vô nhân (trừ tâm Khai ý môn), 8 tâm Đại quả, 15

tâm Sắc giới, tâm Sơ đạo + 48 tâm sở hợp (trừ Tham phần, tâm sở Hoài nghi).

- *Sở duyên bất định*. 42 tâm là: 8 tâm Tham, 2 tâm Si, tâm Khai ý môn, 8 tâm Đại thiện, 8 tâm đại Duy tác, 8 tâm Vô sắc giới (trừ 4 tâm quả Vô sắc giới), 7 tâm Siêu thế (trừ tâm Sơ Đạo) + 46 tâm sở hợp (trừ Vô lượng phần).

c- *Nghịch duyên*. 46 tâm Ý thức giới là: 8 tâm Tham, 2 tâm Si, tâm Khai ý môn, 8 tâm Đại thiện, 8 tâm đại Duy tác, 12 tâm Vô sắc giới, 7 tâm Siêu thế (trừ tâm Sơ đạo) + 46 tâm sở hợp, diễn tiến trong cõi tứ uẩn, 15 tâm Tục sinh cõi ngũ uẩn + 35 tâm sở hợp, cùng tất cả sắc pháp như sắc Tâm ...

Nghịch duyên có 2 là:

- *Nghịch duyên nhất định*. 4 tâm quả Vô sắc giới + 30 tâm sở hợp và tất cả sắc pháp.

- *Nghịch duyên bất định*. 42 tâm là: 8 tâm Tham ... + 46 tâm sở hợp (trừ Vô lượng phần).

Phân tích chi tiết.

Trong ***Vật tiền sinh y duyên***, pháp năng trợ cho pháp sở có:

Đặc tính. Là sắc vật sinh trước, làm nơi nương.

Giống. Giống “vật tiền sinh”.

Thời. Thời bình nhật.

Mãnh lực. Trợ sinh và ủng hộ.

Lại nữa, khi sắc Nghiệp sinh lên vào sátna sinh của bất kỳ tâm nào, phải diệt vào sátna diệt của tâm thứ 17.

Sắc Nghiệp sinh lên vào sátna trụ của bất kỳ tâm nào, thì phải diệt vào sátna sinh của tâm thứ 18.

Sắc Nghiệp sinh lên vào sátna diệt của bất kỳ tâm nào đi nữa, thì phải diệt vào sátna trụ của tâm thứ 18.

3- Vật - cảnh tiền sinh y duyên.

a- *Năng duyên.* Sắc Ý vật đồng sinh với tâm đầu tiên tính từ tâm tử trở lui lại 17 sátna trong lộ cận tử.

b- *Sở duyên.* 8 sátna cận tử là: Khai ý môn, 5 sátna đồng lực Dục giới, 2 sátna Na cảnh.

Một lý khác nữa là:

Năng duyên. Sắc Ý vật hiện tại tức sắc Ý vật đang tồn tại trong lúc vừa làm nơi nương vừa làm cảnh.

Sở duyên. 9 sátna tâm là: Khai ý môn, 5 đồng lực Dục giới (trong số 29 tâm đồng lực Dục giới), 2 sátna Na cảnh (trong số 11 tâm na cảnh), 1 sátna tâm Thông (trong số 2 tâm Thông) + 44 tâm sở hợp (trừ tâm sở: Tật, Lận, Hối, Giới phần, Vô lượng phần) trong sátna nhận được trợ giúp ủng hộ từ “Vật - cảnh tiền sinh y duyên”.

c- *Nghịch duyên.* 89 tâm + 52 tâm sở hợp, trong lúc không nhận được trợ giúp ủng hộ nhất định và bất định từ “Vật - cảnh tiền sinh y duyên”, tất cả sắc pháp.

Nghịch duyên có hai:

- *Nghịch duyên nhất định*. Ngũ song thức, Ý giới, 27 tâm Đáo đại cùng với thần thông... (trừ 2 tâm “Biến hoá thông”) (iddhividhābhinnā), 8 tâm Siêu thế + 38 tâm sở hợp và tất cả sắc pháp

- *Nghịch duyên bất định*. Tâm Khai ý môn, 29 đồng lực Dục giới, 11 tâm Na cảnh, 2 tâm “Biến hoá thông” (iddhividhābhinnā) + 44 tâm sở hợp (trừ tâm sở: Tật, Lận, Hối, Giới phần, Vô lượng phần).

Tám tâm sở này tuy đồng sinh với tâm đồng lực Dục giới nhưng cũng loại trừ ra, vì 8 tâm sở này không thể nhận “sắc Ý vật làm cảnh” được.

Vì sao? Vì sắc Ý vật là pháp “bên trong”, không phải là “tài sản” bên ngoài, nên không làm cảnh cho “Tật và Lận”; sắc Ý vật không phải là “thiện hạnh hay ác hạnh”, nên không làm cảnh cho “Hối”.

Sắc Ý vật không phải là “đối tượng cần phải kiêng tránh”, nên không làm cảnh cho “Giới phần”; sắc Ý vật không phải là “chúng sinh đang đau khổ hay chúng sinh đang hạnh phúc”, nên không làm cảnh cho “Vô lượng phần”.

Phân tích chi tiết.

Trong *Vật - cảnh tiền sinh y duyên*, pháp năng trợ cho pháp sở có:

Đặc tính. Là “sắc Vật sinh trước làm nơi nương cho tâm và làm cảnh cho chính tâm đang nương trú”.

Giống. Giống cảnh.

Thời. Thời hiện tại.

Mãn lực. Trợ sinh và ủng hộ.

Vật. Chỉ “nơi sinh lên để nương trú”.

Cảnh. Âm chỉ “nơi vui thích”.

Tiền sinh. Âm chỉ pháp năng duyên sinh trước pháp sở duyên.

Bất tương ưng. Âm chỉ năng duyên và sở duyên không hoà trộn lẫn nhau.

Tuy có 6 vật nhưng chỉ lấy riêng “sắc Ý vật”.

Năng duyên và sở duyên trong “Vật - cảnh tiền sinh y duyên” lại có cách giải khác:

- *Năng duyên.* Sắc Ý vật đang hiện diện (hiện tại), khi vừa làm nơi nương vừa làm cảnh.

- *Sở duyên.* Tâm Khai ý môn, 29 đồng lực Dục giới, 11 tâm na cảnh, 2 tâm Thông + 44 tâm sở hợp (trừ tâm sở Tật, Lận, Hối, Giới phân, Vô lượng phần) lúc nhận được sự trợ giúp từ năng duyên.

9- Cận y duyên.

(*Upanissayapaccaya*).

Trong “giải rộng CẬN Y DUYÊN, Cận y duyên được phân tích thành ba duyên là:

Cảnh cận y duyên, Vô gián cận y duyên và Thường cận y duyên.

Trong 3 duyên này thì “Cảnh cận y duyên” giống như “Cảnh trường duyên”. “Vô gián cận y duyên” giống như “Vô gián duyên”.

Phân tích chi tiết.

*Trong ***Cảnh cận y duyên***, pháp năng trợ cho pháp sở có:

Đặc tính. Năng duyên vừa làm cảnh, vừa là nơi nương mạnh mẽ cho sở duyên.

Giống, thời, mãnh lực. Như “Cảnh trường duyên”.

*Trong ***Vô gián cận y duyên***, pháp năng trợ cho pháp sở có:

Đặc tính. Sinh lên nối tiếp nhau không gián đoạn, trong một thời điểm chỉ có một tâm, đồng thời là nơi nương mạnh mẽ cho sở duyên.

Giống, thời, mãnh lực. Như “Vô gián duyên”.

Thường cận y duyên.

- *Năng duyên.* 89 tâm + 52 tâm sở hợp, 28 sắc pháp sinh trước có nhiều mãnh lực, và một số loại “nghĩa chế định” (atthapaññatti) như: Thời tiết chế định, Vật thực chế định, Người chế định, Trú xứ chế định, vật dụng thường liên quan đến nghề nghiệp chuyên môn có nhiều mãnh lực (trừ nghiệp xứ chế định).

Một số loại “âm thanh chế định” (saddapaññatti) như: Ngôn ngữ Pāli, ngôn ngữ Thái, ngôn ngữ Anh ... thông thạo nhuần nhuyễn (trừ ngôn ngữ của bàng sinh và các tên gọi...)

- *Sở duyên*. 89 tâm + 52 tâm sở hợp sinh sau.

- *Nghịch duyên*. Tất cả sắc pháp.

Thường cận y duyên có 2 loại:

a-*Thường cận y duyên do khởi sinh* (uppāditapakatūpanissayapaccaya).

Năng duyên. Sinh lên tồn tại trong cơ tánh của mình, như bất thiện pháp là Tham ái ..., thiện pháp là Tín ...

b-*Thường cận y duyên do thân cận* (upasevitapakatūpanissayapaccaya).

Năng duyên. Do giao tiếp bên ngoài, như “nghĩa chế định, âm thanh chế định” ...

Lại nữa, “*Thường cận y duyên*” có 2:

a’-Theo lý Thắng Pháp. Năng duyên trợ giúp ủng hộ chi thuận nhất cho danh pháp.

b’- Theo lý Kinh tạng. Năng duyên trợ giúp ủng hộ cho cả danh lẫn sắc.

Sắc nhận được trợ giúp ủng hộ từ duyên này giống như cây cối nhận được trợ giúp từ đất, nước, không khí, hay như xe nhận được sự hỗ trợ từ đầu máy.

Hình ảnh và âm thanh xuất hiện trên tivi do nhận được trợ giúp từ máy phát sóng, ảnh hình hiện bày trong cuộn phim do nhận được trợ giúp từ ống kính, ảnh màu ... hay do nhận được trợ giúp từ khuôn máy in.

Chữ in sai khác do nhận được trợ giúp từ khuôn in chữ, êtô, bút chì ... Kim đồng hồ chạy được do nhận được hỗ trợ từ dây thiêu đồng hồ ...

Vật thực sai biệt do nhận được hỗ trợ từ lửa.

Lửa cháy lên được, quạt máy đang quay cũng nhờ vào trợ giúp từ than, củi hay từ mã lực của đầu máy...

Phân tích chi tiết.

Trong *Thường cận y duyên*, pháp năng trợ cho pháp sở có:

Đặc tính. Công việc đã làm thành tựu, hoàn chỉnh (thường cận) là nơi nương mạnh mẽ (y duyên).

Giống. Có 2 loại:

**Giống Thuần thường cận y* (suddhapakatūpanissayāti).

Tâm, tâm sở, sắc pháp có mãnh lực mạnh mẽ sinh trước, cùng với tâm sở Tư hợp trong tâm Đạo làm năng duyên trợ cho tâm, tâm sở sinh sau.

Chế định có mãnh lực mạnh mẽ làm năng duyên trợ cho tâm, tâm sở, thuộc giống Thuần thường cận y.

*Giống Hồn hợp thường cận y “nghịệp khác thời gian”
(missakapakatūpanissayanānakkhaṇikakammajāti).

Thiện nghịệp, bất thiện nghịệp có mãnh lực mạnh mẽ (trừ tâm sở Tư hợp trong tâm Đạo) làm năng duyên trợ cho danh uẩn quả về sau.

Thời. Ba thời và ngoại thời.

Mãnh lực. Duy nhất là mãnh lực trợ sinh.

* Giống *Hồn hợp thường cận y* “nghịệp khác thời gian” là thiện nghịệp, Bất thiện nghịệp, 2 loại nghịệp này có cả “thường cận y” lẫn “nghịệp khác thời gian”, nên gọi là “hồn hợp thường cận y”.

Nếu như còn nghi ngờ về chi pháp của *Thuần thường cận y* và *Hồn hợp thường cận y* thì xem lại “Nghịệp khác thời duyên” trong giống “Nghịệp khác thời gian”.

* Giống *Thuần thường cận y* nghĩa là tâm, tâm sở khác nữa, sắc pháp, chế định hầu như chỉ là một loại thường cận y, nên mới gọi là Thuần thường cận y.

Còn tâm sở Tư hợp trong tâm Đạo là năng duyên cho cả “Thường cận y duyên” lẫn “Nghịệp khác thời duyên”.

10- Tiên sinh duyên.

(Purejātapaccaya).

Trong “giải rộng TIỀN SINH DUYÊN”, Tiên sinh

duyên được phân tích thành: Vật tiền sinh duyên và Cảnh tiền sinh duyên.

Trong 2 duyên này: Vật tiền sinh duyên giống như “Vật tiền sinh y duyên”.

Cảnh tiền sinh duyên.

a-*Năng duyên.* 18 sắc hiện tại làm thành 6 sắc cảnh.

b-*Sở duyên.* 54 tâm Dục giới, 2 tâm thông + 50 tâm sở hợp (trừ Vô lượng phần).

* *Sở duyên nhất định.* Ngũ song thức, Ý giới + 10 tâm sở Tợ tha (trừ tâm sở: Căn, Hỷ, Dục).

* *Sở duyên bất định.* 41 tâm Dục giới còn lại, 2 tâm thông + 50 tâm sở hợp (trừ Vô lượng phần).

c-*Nghịch duyên.* 76 tâm + 52 tâm sở hợp (trừ Ngũ song thức, Ý giới), tất cả sắc pháp.

* *Nghịch duyên nhất định.* Tất cả sắc pháp, 27 tâm Đáo đại, 8 tâm Siêu thế + 38 tâm sở.

* *Nghịch duyên bất định.* Như chi pháp sở duyên bất định.

Phân tích chi tiết.

Trong ***Cảnh tiền sinh duyên***, pháp năng trợ cho pháp sở có:

Đặc tính. Là sắc pháp sinh trước làm cảnh.

Giống. Giống cảnh.

Thời. Thời hiện tại.

Mãn lực. Trợ sinh và ủng hộ.

Các Giáo thọ sư Tīkā lại phân tích **Cảnh tiền sinh duyên** thành 2 duyên: “Cảnh tiền sinh duyên” và “Vật - cảnh tiền sinh duyên”.

Nhưng trong Sớ giải bộ Vị trí, Đức Phật không phân ra thành 2 duyên. Vì sắc Ý vật thuộc “Vật - cảnh tiền sinh duyên” nằm trong “Cảnh tiền sinh duyên” rồi.

11- Hậu sinh duyên.

(Pacchājātapaccaya).

Trong “giải rộng HẬU SINH DUYÊN” có:

a- Năng duyên. 85 tâm (trừ 4 tâm quả Vô sắc giới và tất cả tâm Tục sinh) + 52 tâm sở hợp, như tâm hữu phần thứ nhất sinh lên sau trong cõi ngũ uẩn.

* *Năng duyên nhất định.* 43 tâm là: 2 tâm Sân, Ngũ song thức, Ý giới, 11 tâm Na cảnh, tâm Sinh tiểu, 15 tâm Sắc giới, tâm Sơ Đạo + 48 tâm sở hợp .

* *Năng duyên bất định.* 42 tâm là: 8 tâm Tham, 2 tâm Si, tâm Khai ý môn, 8 tâm Đại thiện, 8 tâm Duy tác Dục giới hữu nhân, 4 tâm thiện Vô sắc giới, 4 tâm Duy tác Vô sắc giới, 7 tâm Siêu thế còn lại + 48 tâm sở hợp.

b- Sở duyên. Sắc 1 nhân sở sinh, sắc 2 nhân sở sinh, sắc 3 nhân sở sinh và sắc 4 nhân sở đồng sinh

với 3 sát na của tâm sinh trước, như tâm Tục sinh ... rồi tồn tại cho đến thời trụ.

c- Nghịch duyên. 89 tâm + 52 tâm sở, sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh, sắc Vật thực, sắc Thời tiết, sắc Nghiệp bình nhật sinh lên vào (sát na sinh) trong cơ tánh của chúng sinh trong cõi ngũ uẩn, sắc Ngoại, sắc Nghiệp Vô tướng.

Phân tích chi tiết.

Trong *Hậu sinh duyên*, pháp năng trợ cho pháp sở có:

Đặc tính. Năng duyên luôn sinh sau sở duyên.

Giống. Giống hậu sinh.

Thời. Thời hiện tại.

Mãnh lực. Ủng hộ.

Trong chín *giống* của 24 duyên, có ba giống là: Giống Đồng sinh, giống Tiền sinh và giống Hậu sinh.

1'- Giống đồng sinh. Là tâm, tâm sở và sắc pháp cùng sinh lên trong 3 sát na.

Nghĩa là pháp năng trợ giúp ủng hộ cho pháp sở của mình vào sát na sinh, sát na trụ và sát na diệt cũng được.

2'- Giống tiền sinh. Là sắc pháp đang sinh trong thời trụ.

Nghĩa là sắc pháp ở thời trụ trợ giúp ủng hộ cho danh pháp sở duyên, sátna sinh và sátna diệt không trợ giúp ủng hộ được.

3'- Giống hậu sinh. Là tâm, tâm sở đang trong sátna sinh và sátna trụ.

Nghĩa là tâm và tâm sở trợ giúp ủng hộ cho pháp sở chỉ được vào sátna sinh và sátna trụ, còn sát na diệt thì không trợ giúp ủng hộ được.

12- Tập hành duyên.

(Āsevanapaccaya).

Trong “giảng rộng Tập hành duyên” có:

- *Năng duyên.* 47 tâm đồng lực hiệp thế (cùng giống) sinh trước + 52 tâm sở hợp (trừ sátna đồng lực sau cùng).

- *Sở duyên.* 51 tâm đồng lực sinh sau (trừ 4 tâm Quả Siêu thế) + 52 tâm sở hợp (trừ sátna thứ 1).

- *Nghịch duyên.* Đồng lực thứ 1 của 29 tâm đồng lực Dục giới, 2 tâm Khai môn, 36 tâm quả + 52 tâm sở hợp, và tất cả sắc pháp.

Phân tích chi tiết.

Trong *Tập hành duyên*, pháp năng trợ cho pháp sở có:

Đặc tính. Thuần nhất sinh lên hưởng cảnh thường xuyên. Tức sự thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng, suy nghĩ

làm cho thân thể hoạt động thường xuyên.

Giống. Giống vô gián.

Thời. Thời quá khứ.

Mãnh lực. Trợ sinh.

13- Nghiệp duyên.

(Kammapaccaya).

Trong “giải rộng NGHIỆP DUYÊN”,

Nghiệp duyên được phân tích thành: “Đồng sinh nghiệp duyên” và “Nghiệp khác thời duyên”.

A- Đồng sinh nghiệp duyên.

- *Năng duyên.* 89 tâm sở Tư hợp trong 89 tâm

- *Sở duyên.* 89 tâm + 51 tâm sở hợp (trừ tâm sở Tư), sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh.

- *Nghịch duyên.* 89 tâm sở Tư hợp trong 89 tâm, sắc ngoại, sắc Vật thực, sắc Thời tiết, sắc Nghiệp Vô tướng, sắc Nghiệp bình nhật.

B- Nghiệp khác thời duyên.

- *Năng duyên.* 21 tâm sở Tư thiện, 12 tâm sở Tư Bất thiện đã diệt.

- *Sở duyên.* 36 tâm quả + 38 tâm sở hợp, sắc Nghiệp tục sinh, sắc Nghiệp Vô tướng, sắc Nghiệp bình nhật.

- *Nghịch duyên*. 21 tâm sở Tư thiện, 12 tâm sở Tư Bất thiện, 20 tâm Duy tác + 52 tâm sở hợp, sắc Tâm, sắc ngoại, sắc Vật thực, sắc Thời tiết.

Phân tích chi tiết.

a- Đồng sinh nghiệp duyên.

Trong *Đồng sinh nghiệp duyên*, năng duyên trợ cho sở duyên có:

- *Đặc tính*. Năng duyên đồng sinh và tạo tác sở duyên.

- *Giống*. Giống đồng sinh.

- *Thời*. Thời hiện tại.

- *Mãnh lực*. Trợ sinh và ủng hộ.

b- Nghiệp khác thời duyên.

Trong *Nghiệp khác thời duyên*, pháp năng trợ cho pháp sở có:

Đặc tính. Năng duyên sinh trước đã diệt (khác sátna), sắp xếp việc cho quả.

Giống. Giống “Nghiệp khác thời”.

Thời. Thời quá khứ.

Mãnh lực. Trợ sinh

Giống “Nghiệp khác thời” có 2 loại:

- Giống “*Vô gián thường cận y, nghiệp khác thời*”. Là tâm sở Tư hợp trong 4 tâm Đạo, vì tạo ra

“tâm quả Siêu thế” hội đủ ba đặc tính:

* *Vô gián* (anantara). Là cho **quả** ngay sau đó “không gián đoạn”.

* *Cận y* (upanissaya). Là nơi nương nhờ mạnh mẽ.

* *Thường pháp* (pakata). Làm thành tựu hoàn chỉnh mỹ mãn từ trước

- Giống “*Thường cận y nghiệp khác thời*”. Là tâm sở Tư hợp trong tâm Thiện ⁽¹⁾ và tâm Bất thiện .

Tâm sở Tư hợp trong tâm Thiện và Bất thiện hội đủ 2 đặc tính:

- *Thường pháp* (pataka). Làm thành tựu hoàn chỉnh mỹ mãn từ trước

- *Cận y* (upanissaya). Nơi nương nhờ mạnh mẽ

14- Quả duyên.

(Vipākapaccaya).

Trong “giải rộng QUẢ DUYÊN) có:

- *Năng duyên.*

* Thời bình nhật là 4 danh uẩn quả.

* Thời tục sinh là 36 tâm quả + 38 tâm sở trợ giúp ủng hộ lẫn nhau.

(1)- Đối với tâm sở Tư hợp trong tâm Thiện Siêu thế ám chỉ lấy sátna làm năng duyên trợ giúp ủng hộ cho lộ nhập thiên Quả.

Trong cõi tứ uẩn, 4 danh uẩn trợ giúp ủng hộ lẫn nhau; trong cõi ngũ uẩn, 4 danh uẩn trợ giúp ủng hộ lẫn nhau, trợ cho sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh.

- *Sở duyên.*

* Thời bình nhật là 4 danh uẩn quả.

* Thời tục sinh là 36 tâm quả + 38 tâm sở diễn tiến đối chiếu lẫn nhau, 13 sắc Tâm quả (trừ 2 sắc biểu tri) ⁽¹⁾, sắc Nghiệp tục sinh.

Phân tích chi tiết.

Trong ***Quả duyên***, pháp năng trợ giúp cho pháp sở có:

Đặc tính. Là thành quả của thiện và bất thiện bởi vắng lặng, không chộn rộn vướng víu.

Giống. Giống đồng sinh

Thời. Thời hiện tại.

Mãnh lực. Trợ sinh và ủng hộ.

15- Vật thực duyên.

(Āhārapaccaya)

Trong “giải rộng VẬT THỰC DUYÊN”, “Vật thực duyên” được phân tích thành 2 duyên: Sắc Vật thực duyên và Danh vật thực duyên.

(1)- Trừ 2 sắc biểu tri, vì tâm quả không thể làm năng duyên cho sắc biểu tri hiện khởi được, chỉ làm cho sắc Tâm thông thường khởi hiện.

A- Sắc Vật thực duyên.

Năng duyên. Sắc dưỡng tố ngoại là dưỡng tố trong vật thực ... như đoàn thực, thức ăn làm thành miếng hoặc thức uống

Sở duyên. 12 sắc Vật thực sở sinh

Nghịch duyên. 89 tâm + 52 tâm sở, sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh, sắc ngoại, sắc Thời tiết, sắc Nghiệp Vô tướng, sắc Nghiệp bình nhật.

Một lý khác nữa:

Năng duyên. Sắc dưỡng tố do 4 loại sắc sở sinh là: Sắc dưỡng tố Nghiệp, sắc dưỡng tố Tâm, sắc dưỡng tố Thời tiết, sắc dưỡng tố Vật thực sinh lên bên trong. Và sắc dưỡng tố Thời tiết ngoại là dưỡng tố trong vật thực.

Sở duyên. 4 loại sắc sở sinh là 18 sắc Nghiệp, 15 sắc Tâm, 13 sắc Thời tiết, 12 sắc Vật thực trong cùng nhóm với năng duyên và hiện diện trong nhóm sắc khác (trừ sắc dưỡng tố là hiện thân năng duyên trong cùng nhóm sắc với sở duyên).

Nghịch duyên. 89 tâm + 52 tâm sở hợp, sắc ngoại.

B- Danh vật thực duyên.

Năng duyên. 3 danh vật thực là “89 tâm sở Xúc, 89 tâm sở Tư, 89 Thức”.

Sở duyên. 89 tâm + 52 tâm sở hợp, sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh đồng sinh với năng duyên.

Nghịch duyên. Sắc ngoại, sắc Vật thực, sắc Thời tiết, sắc Nghiệp Vô tướng, sắc Nghiệp bình nhật.

Phân tích chi tiết.

* Trong ***Sắc Vật thực duyên***, pháp năng trợ cho pháp sở có:

Đặc tính. Duy nhất đem lại cho sắc Vật thực sinh lên.

Giống. Giống vật thực.

Thời. Thời hiện tại.

Mãnh lực. Trợ sinh và ủng hộ, hoặc “trợ sinh và bảo tồn” ⁽¹⁾.

*Trong ***Danh vật thực duyên***, pháp năng trợ cho pháp sở có:

Đặc tính. Làm hiện khởi pháp đồng sinh.

Giống. Giống đồng sinh.

Thời. Thời hiện tại.

Mãnh lực. Trợ sinh và ủng hộ.

16- Quyền duyên.

(Indriyapaccaya).

Trong “giải rộng QUYỀN DUYÊN”, “*Quyền duyên*” được phân tích thành ba duyên: Đồng sinh

⁽¹⁾- Sớ giải Papañcapakaraṇa bộ Vị Trí trang 84 và 184.

quyền duyên, Tiền sinh quyền duyên và Sắc Mạng quyền duyên.

A- Đồng sinh quyền duyên.

Năng duyên. 8 danh quyền là: Danh mạng quyền, Tâm, Thọ, Tín, Tấn, Niệm, Nhất hành và Trí.

Sở duyên. 89 tâm + 52 tâm sở hợp, sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh.

Nghịch duyên. Sắc ngoại, sắc Vật thực, sắc Thời tiết, sắc Nghiệp Vô tướng, sắc Nghiệp bình nhật.

Phân tích chi tiết.

Trong ***Đồng sinh quyền duyên***, pháp năng trợ cho pháp sở có:

Đặc tính. Đồng sinh và cai quản.

Giống. Giống đồng sinh.

Thời. Thời hiện tại.

Mãnh lực. Trợ sinh và ủng hộ.

B- Tiền sinh quyền duyên.

Năng duyên. Năm sắc vật là: Nhãn vật, Nhĩ vật, Tỷ vật, Thiệt vật và Thân vật, theo ba cách: Ngũ vật sơ thời (mandayukapañcavatthu), ngũ vật trung thời đồng sinh với tâm hữu phần Vừa qua đầu tiên (theo luận điểm của các Ngài Giáo thọ sư tiền bối).

Hoặc một lý khác nữa:

Năng duyên. Ngũ vật ở vào thời trụ (49 sátna tiểu) (theo luận điểm của các Ngài Giáo thọ sư hậu bối).

Sở duyên. Ngũ song thức + 7 tâm sở Biến hành.

Nghịch duyên. 79 tâm + 52 tâm sở (trừ Ngũ song thức), tất cả sắc pháp.

Phân tích chi tiết.

Trong *Tiên sinh quyền duyên*, pháp năng trợ cho pháp sở có:

Đặc tính. Sinh trước và cai quản.

Giống. Giống vật tiền sinh.

Thời. Thời hiện tại.

Mãnh lực. Trợ sinh và ủng hộ.

C- Sắc Mạng quyền duyên.

Năng duyên. Tất cả sắc Mạng quyền diễn tiến trong thời bình nhật lẫn thời tục sinh.

Sở duyên. 8 hoặc 9 đoàn sắc Nghiệp còn lại trong cùng nhóm với sắc Mạng quyền.

Nghịch duyên. 89 tâm + 52 tâm sở, sắc Tâm, sắc ngoại, sắc Vật thực, sắc Thời tiết và sắc Mạng quyền trong bốn sắc Nghiệp tục sinh, sắc Nghiệp Vô tướng, sắc Nghiệp bình nhật.

Phân tích chi tiết.

Trong **Sắc Mạng quyền duyên**, pháp năng trợ cho pháp sở có:

Đặc tính. Thực tính là sắc pháp và cai quản.

Giống. Giống sắc mạng quyền.

Thời. Thời hiện tại.

Mãnh lực. Duy nhất là mãnh lực bảo tồn ⁽¹⁾ (anupālakasatti) trợ giúp gìn giữ đều đặn cho pháp sở.

17- Thiên duyên.***(Jhānapaccaya).***

Trong “giải rộng THIÊN DUYÊN” có:

Năng duyên. 5 chi thiên là Tâm, Tứ, Hỷ, Thọ, Nhất hành hợp trong 79 tâm (trừ Ngũ song thức).

Sở duyên. 79 tâm + 52 tâm sở hợp, sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh.

Nghịch duyên. Ngũ song thức + 7 tâm sở Biến hành, sắc ngoại, sắc Vật thực, sắc Thời tiết, sắc Nghiệp Vô tướng, sắc Nghiệp bình nhật.

Phân tích chi tiết.

Trong **Thiên duyên**, pháp năng trợ cho pháp sở

(1)- Sớ giải Papañcapakaraṇa bộ Vị trí trang 206.

có:

Đặc tính. Làm cho pháp đồng sinh chú trong cảnh hoặc thiêu đốt pháp nghịch.

Giống. Giống đồng sinh.

Thời. Thời hiện tại.

Mãnh lực. Trợ sinh và ủng hộ.

18- Đạo duyên.

(Maggapaccaya).

Trong “giải rộng ĐẠO DUYÊN” có:

Năng duyên. 9 chi đạo là: Trí, Tâm, Chánh ngữ,

Chánh nghiệp, Chánh mạng, Căn, Niệm, Nhất hành, Tà kiến hợp trong 71 tâm hữu nhân.

Sở duyên. 71 tâm hữu nhân + 52 tâm sở hợp, sắc Tâm hữu nhân, sắc Nghiệp tục sinh hữu nhân.

Nghịch duyên. 18 tâm vô nhân + 12 tâm sở Tợ tha (trừ tâm sở Dục), sắc Tâm vô nhân, sắc Nghiệp tục sinh vô nhân, sắc ngoại, sắc Vật thực, sắc Thời tiết, sắc Nghiệp Vô tướng, sắc Nghiệp bình nhật.

Phân tích chi tiết.

Trong **Đạo duyên**, pháp năng trợ cho pháp sở có:

Đặc tính. Duy nhất là con đường đưa đến khổ cảnh, nhàn cảnh, và Nípàn hoặc là con đường đưa pháp tương ưng lẫn pháp đồng sinh với mình đến cảnh theo phận sự cần phải làm.

Giống. Giống đồng sinh.

Thời. Thời hiện tại.

Mãn lực. Trợ sinh và ủng hộ.

19- Tương ứng duyên.

(Sampayuttapaccaya).

Trong “giải rộng TƯƠNG ỨNG DUYÊN” có:

Năng duyên. 4 danh uẩn bình nhật và tục sinh là “89 tâm + 52 tâm sở hợp”, trợ giúp ủng hộ lẫn nhau.

Sở duyên. 4 danh uẩn bình nhật và tục sinh là “89 tâm + 52 tâm sở hợp”, diễn tiến đối chiếu lẫn nhau.

Nghịch duyên. Tất cả sắc pháp.

Phân tích chi tiết.

Trong ***Tương ứng duyên***, pháp năng trợ cho pháp sở có:

Đặc tính. Đồng sinh hòa hợp với nhau giống như một. Như trong cùng sátna tâm, tâm sở khởi hiện thì không thể biết được đâu là tâm, đâu là tâm sở.

Giống. Giống đồng sinh.

Thời. Thời hiện tại.

Mãn lực. Trợ sinh và ủng hộ.

20- Bất tương ưng duyên.**(Vippayuttapaccaya).**

Trong “giải rộng BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN”,

“*Bất tương ưng duyên*” được phân tích thành ba duyên: Đồng sinh bất tương ưng duyên, “Tiền sinh duyên bất tương ưng duyên” và Hậu sinh bất tương ưng duyên.

Trong “Tiền sinh bất tương ưng duyên” lại phân tích thành hai duyên là: “Vật tiền sinh bất tương ưng duyên”, “Vật - cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên”. Như vậy, khi phân tích rộng “Bất tương ưng duyên” thì có 4 duyên.

A-Đồng sinh bất tương ưng duyên.

Năng duyên. 4 danh uẩn thời bình nhật và thời tục sinh là: 75 tâm + 52 tâm sở hợp đang sinh khởi trong cõi ngũ uẩn nhất định và bất định (trừ tâm quả Vô sắc giới, Ngũ song thức, tâm tử của bậc Alahán), 4 danh uẩn tục sinh cõi ngũ uẩn và sắc Ý vật tục sinh trợ giúp ủng hộ lẫn nhau.

Sở duyên. Sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh, 4 danh uẩn tục sinh cõi ngũ uẩn và sắc Ý vật tục sinh diễn tiến đối chiếu lẫn nhau.

Nghịch duyên. 89 tâm + 52 tâm sở hợp (trừ 4 danh uẩn tục sinh cõi ngũ uẩn), sắc ngoại, sắc Vật thực, sắc Thời tiết, sắc Nghiệp Vô tướng, sắc Nghiệp bình nhật.

Phân tích chi tiết.

Trong **Đồng sinh bất tương ứng duyên**, pháp năng trợ cho pháp sở có:

Đặc tính. Đồng sinh với sở duyên, tuy là nơi nương sinh của sở duyên nhưng không cùng tính chất.

Giống. Giống đồng sinh

Thời. Thời hiện tại

Mãnh lực. Trợ sinh và ủng hộ.

Tóm lược nội dung của ba duyên còn lại.

* “**Vật tiền sinh bất tương ứng duyên**” giống như “**Vật tiền sinh y duyên**”.

* “**Vật - cảnh tiền sinh bất tương ứng duyên**” giống như “**Vật - cảnh tiền sinh y duyên**”.

* “**Hậu sinh bất tương ứng duyên**” giống như “**Hậu sinh duyên**”.

B-Tiền sinh bất tương ứng duyên.***Phân tích chi tiết.******a- Vật tiền sinh bất tương ứng duyên.***

Trong **Vật tiền sinh bất tương ứng duyên**, pháp năng trợ giúp pháp sở có:

Đặc tính. Là vật sinh trước làm nơi nương, nhưng không hòa trộn với sở duyên.

Giống. Giống vật tiền sinh.

Thời. Thời hiện tại.

Mãnh lực. Trợ sinh và ủng hộ.

b- Vật - cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên.

Trong ***Vật - cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên***, pháp năng trợ giúp pháp sở có:

Đặc tính. Là vật sinh trước, làm cảnh, không hòa trộn với sở duyên.

Giống. Giống cảnh.

Thời. Thời hiện tại.

Mãnh lực. Trợ sinh và ủng hộ.

C- Hậu sinh bất tương ưng duyên.

Trong ***Hậu sinh bất tương ưng duyên***, pháp năng trợ giúp pháp sở có:

Đặc tính. Sinh sau, không hòa trộn lẫn nhau.

Giống. Giống hậu sinh.

Thời. Thời hiện tại.

Mãnh lực. Duy nhất mãnh lực ủng hộ.

21- Hiện hữu duyên (Atthipaccaya) và 24- Bất ly duyên (Avigatapaccaya).

A-Hiện hữu duyên.

Trong “giải rộng HIỆN HỮU DUYÊN”, “*Hiện hữu*

duyên” được phân tích thành 5 duyên: Đồng sinh hiện hữu duyên, Tiền sinh hiện hữu duyên, Hậu sinh hiện hữu duyên, Vật thực hiện hữu duyên, Quyền hiện hữu duyên.

“Tiền sinh hiện hữu duyên” lại phân tích thành hai duyên: “Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên”, “Vật tiền sinh hiện hữu duyên”.

Như vậy, “Hiện hữu duyên” khi phân tích rộng có 6 duyên.

Đồng sinh hiện hữu duyên giống như “Đồng sinh duyên”.

Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên giống như “Cảnh tiền sinh duyên”.

Vật tiền sinh hiện hữu duyên giống như “Vật tiền sinh duyên”.

Hậu sinh hiện hữu duyên giống như “Hậu sinh duyên”.

Vật thực hiện hữu duyên giống như “Sắc vật thực duyên”.

Quyền hiện hữu duyên giống như “Sắc Mạng quyền duyên”.

Phân tích chi tiết.

Tên gọi của duyên đã nói lên đặc tính của duyên ấy, như sau:

1- Đồng sinh hiện hữu duyên.

Đặc tính. Pháp năng và pháp sở “đồng sinh” và cùng “có mặt”.

Giống, thời và mãnh lực. Giống như “Đồng sinh duyên”.

2- Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên.

Đặc tính. Sắc sinh trước làm cảnh cho pháp sở, năng - sở cùng có mặt.

Giống, thời và mãnh lực. Giống như “Cảnh tiền sinh duyên”.

3- Vật tiền sinh hiện hữu duyên.

Đặc tính. Sắc vật sinh trước, pháp năng - sở cùng có mặt.

Giống, thời và mãnh lực. Giống như “Vật Tiền sinh duyên”.

4- Hậu sinh hiện hữu duyên.

Đặc tính. Pháp năng sinh sau, năng - sở cùng có mặt.

Giống, thời và mãnh lực. Giống như “Hậu sinh duyên”.

5- Vật thực hiện hữu duyên.

Đặc tính. Là vật thực đang hiện hữu.

Giống, thời và mãnh lực. Giống như “Sắc vật thực duyên”.

6- Quyền Hiện hữu duyên.

Đặc tính. Làm quyền, đang có mặt.

Giống, thời và mãnh lực. Giống như “Sắc Mạng quyền duyên”.

B- Bất ly duyên.

Bất ly duyên được phân tích thành 5 duyên: Đồng sinh bất ly duyên, Tiền sinh bất ly duyên, Hậu sinh bất ly duyên, Vật thực bất ly duyên, Quyền bất ly duyên.

“Tiền sinh bất ly duyên” lại phân tích thành hai duyên: “Cảnh tiền sinh bất ly duyên, Vật tiền sinh bất ly duyên”.

Như vậy, “Bất ly duyên” khi phân tích rộng thì có 6 duyên.

Đồng sinh bất ly duyên giống như “Đồng sinh hiện hữu duyên” hoặc “Đồng sinh duyên”.

Cảnh tiền sinh bất ly duyên giống như “Vật tiền sinh hiện hữu duyên” hoặc “Vật tiền sinh duyên”.

Hậu sinh bất ly duyên giống như “Hậu sinh hiện hữu duyên” hoặc “Hậu sinh duyên”.

Vật thực bất ly duyên giống như “Vật thực hiện hữu duyên” hoặc “Sắc vật thực duyên”.

Quyền bất ly duyên giống như “Quyền hiện hữu duyên” hoặc “Sắc Mạng quyền duyên”.

Phân tích chi tiết.

Tên gọi của duyên đã nói lên đặc tính của duyên ấy, như sau:

1- Đồng sinh bất ly duyên.

Đặc tính. Pháp năng - pháp sở cùng sinh lên và “không lìa nhau”.

Giống, thời và mãnh lực. Giống như “Đồng sinh hiện hữu duyên” hoặc “Đồng sinh duyên”.

Các duyên còn lại cũng lý giải tương tự như các duyên của “Hiện hữu duyên”.

22- Vô hữu duyên (Natthipaccaya) Và 23- Ly duyên (Vigatapaccaya).

Trong “Vô hữu duyên” và “Ly duyên”, chi pháp năng - sở - nghịch duyên, giống như “Vô gián duyên”.

Phân tích chi tiết.

* Trong *Vô hữu duyên*, pháp năng trợ cho pháp sở có:

Đặc tính. Pháp năng diệt đi không dư sót, giúp pháp sở sinh lên. Ví như ngọn lửa diệt đi, tạo điều kiện cho bóng tối hiện khởi.

Giống. Giống vô gián.

Thời. Thời quá khứ.

Mãnh lực. Trợ sinh.

* Trong *Ly duyên* pháp năng trợ cho pháp sở có:

Đặc tính. Pháp năng và pháp sở chia lìa. Ví như mặt trời lặn về Tây, tạo điều kiện cho ánh sáng của mặt trăng hiện bày.

Giống. Giống vô gián.

Thời. Thời hiện tại.

Mãnh lực. Trợ sinh.

Dứt tóm lược ba pháp Năng - Sở - Nghịch - Duyên trong 24 duyên.

Phân Tích Phần Yếu Tri Trong 24 Duyên.

1- Yếu tri NHÂN DUYÊN

Trong phần *Yếu tri*, Đức Phật nêu lên “một tam đề” làm căn bản như “tam đề thiện”, câu Tam đề chỉ chi pháp năng duyên, như: Thiện, Bất thiện, Vô ký.

Rồi Đức Phật nêu ra pháp sở duyên theo chi pháp năng duyên của Tam đề, như sau:

A- Pháp thiện.

1- Câu thiện.

Câu chính. Kusalo dhammo kusalassa dhammassa hetupaccayena paccayo:

“*Pháp thiện trợ cho pháp thiện bằng Nhân duyên*”.

Câu phụ. *Kusalā hetū sampayuttakānaṃ khandhānaṃ hetupaccayena paccayo:*

“3 nhân thiện trợ cho 4 danh uẩn thiện đồng sinh bằng Nhân duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Kusalō dhammo* là chủ từ, cho biết năng duyên là “ba nhân thiện: Vô tham, Vô sân và Vô si”.

Kusalassa dhammassa là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “21 tâm thiện + 38 tâm sở hợp”.

Hetupaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Nhân duyên.

*Nếu hội đủ 3 nhân, thì có 10 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Nhân duyên, Đồng sinh trưởng duyên., Đồng sinh duyên, Hối tương duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên. Đạo duyên, Tương ứng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo là động từ (kiriyaṃpada), cho biết đặc tính vô ngã.

Câu phụ. *Kusalā hetū* là chủ từ, cho biết năng duyên là “Vô tham, Vô sân hợp trong tâm thiện nhị nhân, hoặc Vô tham, Vô sân, Vô si hợp trong tâm thiện tam nhân”.

Sampayuttakānaṃ khandhānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “4 danh uẩn thiện: 21 tâm thiện + 38 tâm sở hợp”.

Hetupaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Nhân duyên.

*Nếu hội đủ 3 nhân, thì có 10 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Nhân duyên ... Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo là động từ, cho biết đặc tính vô ngã.

Pháp năng, pháp sở của Nhân duyên trong câu *Kusalo kusalassa ...*, nói về:

Thời. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 7 Thánh (trừ người Tứ quả).

Lộ tâm. Lộ Ngũ đồng lực thiện và lộ Ý đồng lực thiện theo tương ứng.

Lại nữa, nếu nói về *uẩn* thì năng duyên, sở duyên thuộc 4 danh uẩn thành từng đôi. Theo câu phụ thì có 7 đôi:

**Trong tâm thiện nhị nhân*.

-Khi Vô tham là năng duyên, thì 4 danh uẩn thiện đồng sinh với Vô tham là sở duyên.

-Khi Vô sân là năng duyên, thì 4 danh uẩn thiện đồng sinh với Vô sân là sở duyên.

-Khi Vô tham, Vô sân là năng duyên, thì 4 danh uẩn thiện đồng sinh với Vô tham, Vô sân là sở duyên.

**Trong tâm thiện tam nhân*.

-Khi Vô tham là năng duyên, thì 4 danh uẩn thiện đồng sinh với Vô tham là sở duyên.

-Khi Vô sân là năng duyên, thì 4 danh uẩn thiện đồng sinh với Vô sân là sở duyên.

-Khi Vô si là năng duyên, thì 4 danh uẩn thiện đồng sinh với Vô si là sở duyên.

- Khi Vô tham, Vô sân, Vô si là năng duyên, thì 4 danh uẩn thiện đồng sinh với Vô tham, Vô sân, Vô si là sở duyên.

2- Câu vô ký.

Câu chính. *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa hetupaccayena paccayo:*

“*Pháp thiện trợ cho pháp vô ký bằng Nhân duyên*”.

Câu phụ. *Kusalā hetū cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ hetupaccayena paccayo:*

“*3 nhân thiện trợ cho sắc Tâm thiện bằng Nhân duyên*”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Kusalo dhammo* là chủ từ, cho biết năng duyên là “ba nhân thiện”.

Abyākatassa dhammassa là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “17 sắc Tâm thiện”.

Hetupaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Nhân duyên.

*Nếu hội đủ 3 nhân, thì có được 9 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Nhân duyên, Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo là động từ, cho biết đặc tính vô ngã.

Câu phụ. Kusalā hetū là chủ từ, cho biết năng duyên.

-Nếu là tâm thiện nhị nhân sinh lên trong cõi ngũ uẩn, thì chi pháp năng duyên là “Vô tham, Vô sân”.

- Nếu là tâm thiện tam nhân khởi hiện trong cõi ngũ uẩn, thì chi pháp năng duyên là “Vô tham, Vô sân, Vô si”.

Cittasamutṭhānānaṃ rūpānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “17 sắc Tâm thiện”.

Hetupaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Nhân duyên.

*Nếu hội đủ 3 nhân, thì có được 9 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Nhân duyên ... Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo là động từ, cho biết đặc tính vô ngã.

Pháp năng, pháp sở của Nhân duyên trong câu **Kusalo abyākatassa** ... nói về:

Thời. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 7 Thánh (trừ bậc Tứ quả).

Lộ tâm. Lộ Ngũ và lộ Ý đồng lực thiện theo tương ứng.

3- Câu thiện và vô ký.

Câu chính. *Kusalo dhammo kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa hetupaccayena paccayo:*

“*Pháp thiện trợ cho pháp thiện và vô ký bằng Nhân duyên*”.

Câu phụ. *Kusalā hetū sampayuttakānaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ hetupaccayena paccayo:*

“*3 nhân thiện trợ cho 4 danh uẩn thiện đồng sinh và sắc Tâm thiện bằng Nhân duyên*”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Kusalo dhammo* là chủ từ, cho biết năng duyên là “ba nhân thiện”.

Kusalābyākatassa dhammassa là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “21 tâm thiện + 38 tâm sở hợp và 17 sắc Tâm thiện”.

Hetupaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Nhân duyên.

*Nếu hội đủ 3 nhân, thì có được 8 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Nhân duyên, Đồng sinh trưởng duyên., Đồng sinh duyên, Đồng sinh y

duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo là động từ, cho biết đặc tính vô ngã.

Câu phụ. Kusalā hetū là chủ từ, cho biết năng duyên.

-Là tâm Thiện nhị nhân trong cõi ngũ uẩn, thì năng duyên là “Vô tham, Vô sân”.

-Là tâm Thiện tam nhân trong cõi ngũ uẩn, năng duyên là “Vô tham, Vô sân, Vô si”.

Sampayuttakānaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “21 tâm thiện + 38 tâm sở hợp và 17 sắc Tâm thiện”.

Hetupaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Nhân duyên.

*Nếu hội đủ 3 nhân thì có được 8 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Nhân duyên ... Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo là động từ, cho biết đặc tính vô ngã.

Pháp năng, pháp sở của Nhân duyên trong câu **Kusalo kusalābyākatassa...**, nói về: Thời. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi ngũ uẩn.

Ngươi. 4 phàm, 7 Thánh (trừ bậc Tứ quả).

Lộ tâm. Lộ Ngũ và lộ Ý đồng lực thiện theo tương ứng.

B- Pháp bất thiện.

1- Câu bất thiện.

Câu chính. *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa hetupaccayena paccayo:*

“Pháp bất thiện trợ cho pháp bất thiện bằng Nhân duyên”.

Câu phụ. *Akusalā hetū sampayuttakānaṃ khandhānaṃ hetupaccayena paccayo:*

“3 nhân bất thiện trợ cho 4 danh uẩn bất thiện đồng sinh bằng Nhân duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Akusalo dhammo* là chủ từ, cho biết năng duyên là “3 nhân bất thiện: Tham, sân, si”.

Akusalassa dhammassa là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “12 tâm bất thiện + 27 tâm sở hợp (trừ tâm sở Si trong tâm Si)”.

Hetupaccayena là sở dụng từ, cho biết đến mãnh lực Nhân duyên.

Có 7 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Nhân duyên, Đồng sinh duyên, Hối tương duyên, Đồng sinh y duyên, Tương ứng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo là động từ, cho biết đặc tính vô ngã.

Câu phụ. *Akusalā hetū* là chủ từ, cho biết năng duyên là “Tham, Si trong tâm Tham”, hoặc “Sân, Si trong tâm Sân”, và “Si trong tâm Si”.

Sampayuttakānaṃ khandhānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “4 danh uẩn bất thiện: 12 tâm bất thiện + 27 tâm sở hợp (trừ tâm sở Si hợp trong tâm Si)”.

Hetupaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Nhân duyên.

Có 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Nhân duyên ... Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo là động từ, cho biết đặc tính vô ngã.

Pháp năng, pháp sở của Nhân duyên trong câu ***Akusalo akusalassa ...***, nói về:

Thời. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 3 Thánh Quả hữu học.

Lộ tâm. Lộ Ngũ và lộ Ý đồng lực bất thiện theo tương ứng.

Khi nói theo nhóm thì được 7 đôi diễn tiến tương tự giống như câu thiện, nhưng ở đây sẽ giải rộng, như sau:

* *Trong tâm Tham.*

-Khi tâm sở Tham là năng duyên, 4 danh uẩn đồng sinh với tâm sở Tham là sở duyên.

-Khi tâm sở Si là năng duyên, 4 danh uẩn đồng sinh với tâm sở Si là sở duyên.

-Khi tâm sở Tham, tâm sở Si là năng duyên, 4 danh uẩn đồng sinh với hai tâm sở Tham – Si là sở duyên.

** Trong tâm Sân.*

-Khi tâm sở Sân là năng duyên, 4 danh uẩn đồng sinh với tâm sở Sân là sở duyên.

- Khi tâm sở Si là năng duyên, 4 danh uẩn đồng sinh với tâm sở Si là sở duyên.

-Khi tâm sở Sân – Si là năng duyên, 4 danh uẩn đồng sinh với tâm sở Sân – Si là sở duyên.

** Trong tâm Si.*

Tâm sở Si là năng duyên, 4 danh uẩn đồng sinh với tâm sở Si là sở duyên.

2- Câu vô ký.

Câu chính. Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa hetupaccayena paccayo:

“Pháp bất thiện trợ cho pháp vô ký bằng Nhân duyên”.

Câu phụ. Akusalā hetū cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ hetupaccayena paccayo:

“3 nhân bất thiện trợ cho sắc Tâm bất thiện bằng Nhân duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Akusalo dhammo* là chủ từ, cho biết năng duyên là “ba nhân bất thiện”.

Abyākatassa dhammassa là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “17 sắc Tâm bất thiện”.

Hetupaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Nhân duyên.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Nhân duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo là động từ, cho biết đặc tính vô ngã.

Câu phụ. *Akusalā hetū* là chủ từ, cho biết năng duyên là “ba nhân bất thiện trong cõi ngũ uẩn”.

Cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “17 sắc Tâm bất thiện”.

Hetupaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Nhân duyên.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Nhân duyên ... Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo là động từ, cho biết đặc tính vô ngã.

Pháp năng, pháp sở của Nhân duyên trong câu ***Akusalo abyākatassa*** ... nói về:

Thời. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi ngũ uẩn.

Ngươi. 4 phàm, 3 Thánh Quả hữu học.

Lộ tâm. Lộ Ngũ và lộ Ý đồng lực bất thiện theo tương ứng.

3- Câu bất thiện và vô ký.

Câu chính. *Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa hetupaccayena paccayo:*

“*Pháp bất thiện trợ cho pháp bất thiện và vô ký bằng Nhân duyên*”.

Câu phụ. *Akusalā hetū sampayuttakānaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānaṃ ca rūpānaṃ hetupaccayena paccayo:*

“*3 nhân bất thiện trợ cho 4 danh uẩn bất thiện đồng sinh và sắc Tâm bất thiện bằng Nhân duyên*”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Akusalo dhammo* là chủ từ, cho biết năng duyên là “ba nhân bất thiện”.

Akusalābyākatassa dhammassa là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “12 tâm bất thiện + 27 tâm sở hợp (trừ tâm sở Si trong 2 tâm Si), và 17 sắc Tâm bất thiện”.

Hetupaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Nhân duyên.

Năm duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Nhân duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y

duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo là động từ, cho biết đặc tính vô ngã.

Câu phụ. Akusalā hetū là chủ từ, cho biết năng duyên là “ba nhân bất thiện”.

Sampayuttakānaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “12 tâm bất thiện + 27 tâm sở hợp (trừ tâm sở Si trong 2 tâm Si), và 17 sắc Tâm bất thiện”.

Hetupaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Nhân duyên.

Có 5 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Nhân duyên ... Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo là động từ cho biết đặc tính vô ngã.

Pháp năng, pháp sở của Nhân duyên trong câu **Akusalo akusalābyākatassa** ... nói về: Thời. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phạm, 3 Thánh Quả hữu học.

Lộ tâm. Lộ Ngũ và lộ Ý đồng lực bất thiện theo tương ứng.

C- Pháp vô ký.

Câu chính. **Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa hetupaccayena paccayo:**

“Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Nhân duyên”.

Câu phụ.

1- Vipākābyākatā kiriyābyākatā hetū sampayuttakānaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānañca rūpānaṃ hetupaccayena paccayo:

“3 nhân vô ký quả và 3 nhân vô ký Duy tác trợ cho 4 danh uẩn quả hữu nhân và Duy tác hữu nhân, với sắc Tâm quả và sắc Tâm Duy tác hữu nhân bằng Nhân duyên”.

2- Paṭisandhikkhaṇe vipākābyākatā hetū sampayuttakānaṃ khandhānaṃ kaṭattā ca hetupaccayena paccayo:

“Trong sátna tục sinh 3 nhân vô ký quả trợ cho 4 danh uẩn tục sinh hữu nhân và sắc Nghiệp tục sinh hữu nhân bằng Nhân duyên”.

Phân tích câu và chỉ pháp.

Câu chính. *Abyākato dhammo* là chủ từ, cho biết năng duyên là “ba nhân vô ký là: Vô tham, Vô sân và Vô si”.

Abyākatassa dhammassa là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “21 tâm quả hữu nhân, 17 tâm Duy tác hữu nhân + 38 tâm sở hợp, sắc Tâm quả hữu nhân, sắc Tâm Duy tác hữu nhân, sắc Nghiệp tục sinh hữu nhân”.

Nếu trong cõi tứ uẩn thì trừ sắc pháp.

Hetupaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Nhân duyên.

Khi hội đủ 3 nhân vô ký, được 12 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Nhân duyên, Đồng sinh trưởng duyên., Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Nếu trong thời tục sinh, thì không có Đồng sinh trưởng duyên.

Paccayo là động từ, cho biết đặc tính vô ngã.

Câu phụ 1. Vipākābyākatā kiriyābyākatā hetū là chủ từ, cho biết năng duyên là “ba nhân vô ký “hợp trong tâm quả tam nhân và tâm Duy tác tam nhân”.

Sampayuttakānaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “4 danh uẩn quả và Duy tác hữu nhân: 21 tâm quả hữu nhân, 17 tâm Duy tác hữu nhân + 38 tâm sở hợp, sắc Tâm quả hữu nhân, sắc Tâm duy tác hữu nhân”. Nếu trong cõi tứ uẩn thì trừ sắc pháp.

Hetupaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Nhân duyên.

Khi hội đủ 3 nhân thì được 12 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Nhân duyên ... Đồng sinh

bất ly duyên.

Paccayo là động từ, cho biết đặc tính vô ngã.

Câu phụ 2. Paṭisandhikkhaṇe vipākābyākatā hetū là chủ từ, cho biết năng duyên là “Vô tham - Vô sân trong tâm quả nhị nhân, tâm Duy tác nhị nhân”, hoặc “Vô tham - Vô sân - Vô si trong tâm quả tam nhân, tâm Duy tác tam nhân”.

Sampayuttakānaṃ khandhānaṃ kaṭattā ca rūpānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “4 danh uẩn tục sinh hữu nhân: 17 tâm Tục sinh hữu nhân + 35 tâm sở hợp và sắc Nghiệp tục sinh hữu nhân”. Nếu trong cõi tứ uẩn thì trừ sắc pháp.

Hetupaccayena là sở dụng từ, cho biết đến mãnh lực của Nhân duyên.

Khi hội đủ 3 nhân thì có 11 duyên (trừ Đồng sinh trường duyên) cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Nhân duyên ... Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo là động từ, cho biết đặc tính vô ngã.

Pháp năng, pháp sở của Nhân duyên trong câu **Abyākato abyākatassa ...**, nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật lẫn thời tục sinh.

Cõi. 22 cõi ngũ uẩn, 4 cõi tứ uẩn (trừ 4 cõi khổ).

Người. Người phạm nhị nhân, phạm tam nhân, 4 Thánh Quả.

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý và tâm Tục sinh khởi hiện kế tiếp sau lộ cận từ.

Số lượng câu thuần nhất
(suddhasamkhayāvāra).

Trong phần “Yếu tri Nhân duyên”, thuần túy có 7 câu được trình bày là:

- 1- Thiện trợ cho thiện bằng Nhân duyên.
- 2- Thiện trợ cho vô ký bằng Nhân duyên.
- 3- Thiện trợ cho thiện và vô ký bằng Nhân duyên.
- 4- Bất thiện trợ cho bất thiện bằng Nhân duyên.
- 5- Bất thiện trợ cho vô ký bằng Nhân duyên .

6- Bất thiện trợ cho bất thiện và vô ký bằng Nhân duyên.

7- Vô ký trợ cho vô ký bằng Nhân duyên.

Nhân duyên hợp lực (hetupaccayasabhāga).

Hợp lực với Nhân duyên có 11 duyên: Đồng sinh trường duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Tương ứng duyên, Đồng sinh bất tương ứng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Dứt “yếu tri Nhân duyên”.

2-Yếu tri CẢNH DUYÊN.**A- Pháp thiện.****1-Câu thiện.**

Câu chính. Kusalo dhammo kusalassa dhammassa ārammaṇapaccayoena paccayo:

“Pháp thiện trợ cho pháp thiện bằng Cảnh duyên”.

Câu phụ.

1- Dānaṃ datvā sīlaṃ samādiyivā uposathakammaṃ katvā taṃ paccavekkhati:

“Bố thí, thọ trì 5 giới, 8 giới rồi suy xét lại việc bố thí, thọ trì 5 giới, 8 giới bằng tâm xả thí thanh tịnh”.

2- Pubbe suciṇṇāni paccavekkhati:

“Nhớ lại việc bố thí, thọ trì 5 giới, 8 giới đã làm hoàn thành trong lúc trước”.

3- Jhānā vuṭṭhahitvā jhānaṃ paccavekkhati:

“Khi xuất thiền rồi phản khán lại thiền”.

4- Sekkhā gotrabhuṃ paccavekkhati vodānaṃ paccavekkhanti:

“Bậc Thánh quả hữu học phản khán lại tâm Chuyển tộc và tâm “Tiến bậc” (vodāna)”.

5- Sekkhā maggā vuṭṭhahitvā maggaṃ paccavekkhanti:

“Bậc Thánh quả hữu học đắc Đạo rồi phản khán lại Đạo”.

6- Sekkhā vā puthujjanā vā kusalam aniccato dukkhato anattato vipassanti:

“Bậc Thánh quả hữu học, phạm nhân quán xét thiện bằng vô thường, khổ, vô ngã”.

7- Cetopariyañāṇena kusalacittasamaṅgissa cittaṃ jānāti:

“Bậc Thánh quả hữu học, phạm tam nhân quán xét biết được dòng tâm của người có tâm thiện bằng Tha tâm thông”.

8- Ākāsānañcāyatanakusalam viññāṇañcā - yatakusalassa ārammaṇapaccayena paccayo:

“Thiện Không vô biên xứ trợ cho thiện Thức vô biên xứ bằng Cảnh duyên”.

9- Ākiñcaññāyatanakusalam nevaññānā - saññāyatanakusalassa ārammaṇapaccayena paccayo:

“Thiện Vô sở hữu xứ trợ cho thiện Phi tướng phi phi tướng xứ bằng Cảnh duyên”.

10- Kusalā khandhā iddividhañāṇassa cetopariyañāṇassa pubbenivāsānussatiñāṇassa yathākammūpagañānassa anāgatamaññāṇassa ārammaṇapaccayena paccayo:

“4 danh uẩn thiện trợ cho Thần thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông, Tùy nghiệp thông, Vị lai thông bằng Cảnh duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Kusalo dhammo* là chủ từ, cho biết năng duyên là “20 tâm Thiện (trừ tâm Tứ đạo) + 38 tâm sở hợp”.

Kusalassa dhammassa là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “4 danh uẩn thiện: 8 tâm Đại thiện, Thông thiện liên quan với Thần thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông, Tùy nghiệp thông, Vị lai thông, tâm thiện Thức vô biên xứ, tâm thiện Phi tướng phi phi tướng xứ + 33 tâm sở hợp (trừ Giới phần, Vô lương phần).

Hoặc chi pháp của chủ từ và sở thuộc từ như sau:

1'- *Năng duyên.* 17 tâm thiện hiệp thế

Sở duyên. 4 tâm Đại thiện ly trí.

2'- *Năng duyên.* 20 tâm thiện (trừ tâm Tứ đạo).

Sở duyên. 4 tâm Đại thiện hợp trí.

3'- *Năng duyên.* Tâm thiện Không vô biên xứ từng khởi sinh với mình trong kiếp này và kiếp trước.

Sở duyên. Tâm thiện Thức vô biên xứ.

4'- *Năng duyên.* Tâm thiện Vô sở hữu xứ từng sinh lên với mình trong kiếp này và kiếp trước.

Sở duyên. Tâm thiện Phi tướng phi phi tướng xứ.

5'- *Năng duyên.* Tâm thiện Ngũ thiên cơ Sắc giới.

Sở duyên. Tâm Thông thiện.

6'- *Năng duyên*. 20 tâm thiện (trừ tâm Tứ đạo) của người khác diễn tiến trong 3 thời như đã sinh trong 7 ngày, sẽ sinh trong 7 ngày và đang khởi hiện.

Sở duyên. Tâm thiện Tha tâm thông.

7'- *Năng duyên*. 20 tâm thiện (trừ tâm Tứ đạo) từng sinh lên trong cơ tánh của mình và của người khác (pubbenivutṭha).

Sở duyên. Tâm thiện Túc mạng thông.

8'- *Năng duyên*. 17 tâm thiện hiệp thế đã từng sinh lên trong cơ tánh của người khác trong kiếp trước.

Sở duyên. Tâm thiện Tùy nghiệp thông.

9'- *Năng duyên*. 20 tâm thiện (trừ tâm Tứ đạo) sẽ khởi hiện trong cơ tánh của mình và của người khác.

Sở duyên. Tâm thiện Vị lai thông.

Ārammaṇapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Cảnh duyên.

Có ba duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh duyên, Cảnh trường duyên, Cảnh cận y duyên.

Paccayo là động từ, cho biết đặc tính vô ngã.

Câu phụ 1. *Dānaṃ datvā sīlaṃ samādiyitvā uposathakammaṃ katvā* là túc từ (kammaṇa) lần bất biến quá khứ phân từ (kiriyaṇa), cho biết năng duyên thuộc quá khứ. Chi pháp là “8 tâm Đại thiện liên quan đến bố thí, thọ trì 5 giới, 8 giới”.

Taṃ là túc từ (kammapada), thay thế cho **dānaṃ sīlaṃ uposathakammaṃ**, cho biết năng duyên giống nhau là “8 tâm Đại thiện liên quan đến bố thí, thọ trì 5 giới, 8 giới”.

Paccavekkhati là thuật động từ (kiriya ākhyātapada), cho biết sở duyên là “8 tâm Đại thiện khởi lên lúc suy xét việc bố thí, thọ trì 5 giới, 8 giới”.

Câu phụ 2. Pubbe là trạng từ chỉ thời gian (kāladhāra), **suciṇṇāni** là túc từ (kammapada). Cả 2 từ này cho biết năng duyên là “8 tâm Đại thiện đã hoàn thành việc bố thí, thọ trì 5 giới, 8 giới trong lúc trước”.

Paccavekkhati là thuật động từ (kiriya ākhyātapada), cho biết sở duyên là “8 tâm Đại thiện khởi lên lúc suy xét”.

Câu phụ 3. Jhānā là xuất xứ từ (apādānapada), **vuṭṭhahitvā** là bất biến quá khứ phân từ (kiriya visesanapada), **jhānaṃ** là túc từ.

Cả 3 từ này cho biết năng duyên là “9 tâm thiện Đáo đại”.

Paccavekkhati là thuật động từ, cho biết sở duyên là “8 tâm Đại thiện khởi lên lúc phản khán thiện”.

Câu phụ 4. Sekkhā là chủ từ, cho biết người quán xét là bậc Thánh quả hữu học như bậc Tuđàhườn, Tuđàhàm, Anahàm có thiện hành lần bất thiện hành vẫn còn sinh lên.

Gotrabhum là túc từ, cho biết năng duyên là “4 tâm Đại thiện có trí + 33 tâm sở (trừ Giới phần, Vô lượng phần) khởi hiện trong lộ Sơ Đạo”.

Paccavekkhati là thuật động từ, cho biết sở duyên là “8 tâm Đại thiện (trừ Giới phần, Vô lượng phần) khởi lên lúc phản khán tâm Chuyển tộc”.

Vodānam là túc từ, cho biết năng duyên là “4 tâm Đại thiện có trí (trừ Giới phần, Vô lượng phần) hiện khởi trong lộ đắc Đạo thứ 2 trở lên”.

Paccavekkhanti là thuật động từ (kiriya ākhyātapada), cho biết sở duyên là “8 tâm Đại thiện (trừ Giới phần, Vô lượng phần) khởi lên lúc phản khán tâm Tiến bậc”.

Câu phụ 5. Sekkhā là chủ từ (kattupada), cho biết “người quán xét là bậc hữu học như bậc Nhất Lai, bậc Bất Lai có thiện, bất thiện hành vẫn còn sinh lên”.

Maggā là xuất xứ (apādānapada)⁽¹⁾ bất biến quá khứ phân từ (kiriyaṅviseśanapada), **maggam** là túc từ.

Cả 3 từ này cho biết năng duyên là “tâm Sơ đạo, tâm Nhị đạo, tâm Tam đạo”.

Paccavekkhanti là thuật động từ, cho biết sở duyên là “4 tâm Đại thiện có trí (trừ Giới phần, Vô lượng phần) sinh lên lúc phản khán Đạo”.

(1)- Vuṭṭhahitvā trong jhāna vuṭṭhahitvā (và) Maggā vuṭṭhahitvā, chi pháp là tâm hữu phần khởi hiện tiếp theo sau khi nhập thiền và tâm Đạo.

Câu phụ 6 ⁽¹⁾. *Sekkhā vā puthujjanā* là chủ từ, cho biết “người tu tiến minh quán vẫn còn là bậc hữu học hoặc phàm nhân, là 3 bậc Thánh quả hữu học và 4 người phàm”.

Kusalam là túc từ, cho biết năng duyên là “17 tâm thiện hiệp thể”.

Aniccato dukkhato anattato là bất biến quá khứ phân từ, là từ làm cho động từ trở thành đặc biệt, *vipassanti* là thuật động từ.

Cả 4 từ đều cho biết sở duyên là “8 tâm Đại thiện (trừ Giới phần, Vô lượng phần) lúc tu tiến minh quán”.

Câu phụ 7 ⁽²⁾. *Cetopariyañāṇena* là sở dụng từ, *jānanti* là thuật động từ. Cả 2 từ này cho biết sở duyên là “tâm thiện Tha tâm thông”.

Kusalacittasamaṅgissa là hợp từ (samisambandhapada), *cittam* là túc từ. Cả 2 từ này cho biết năng duyên là “20 tâm Thiện (trừ tâm Tứ đạo) của người khác”.

Câu phụ 8. *Ākāśānañcāyatanakusalam* là chủ từ, cho biết năng duyên là “tâm thiện Không vô biên xứ từng sinh lên trong cơ tánh của mình cả trong kiếp này lẫn kiếp trước”.

(1)- Trong câu phụ thứ 1, 2, 3, 4, 5, 6 được mãnh lực của 3 duyên: Cảnh duyên, Cảnh trường duyên, Cảnh cận y duyên.

(2)- Được duy nhất mãnh lực Cảnh duyên.

Viññāṇañcāyatakusalassa là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “tâm thiện Thức vô biên xứ đang hiện khởi”.

Ārammaṇapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực thuần nhất của 1 duyên là Cảnh duyên.

Paccayo là động từ, cho biết đặc tính vô ngã.

Câu phụ 9. *Ākiñcaññāyatanakusalam* là chủ từ, cho biết năng duyên là “tâm thiện Vô sở hữu xứ từng sinh lên trong cơ tánh của mình cả trong kiếp này lẫn kiếp trước”.

Nevasaññāsaññāyatanakusalassa là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “tâm thiện Phi tướng phi phi tướng xứ đang khởi hiện”.

Ārammaṇapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực thuần nhất của 1 duyên là Cảnh duyên.

Paccayo là động từ, cho biết đặc tính vô ngã.

Câu phụ 10. *Kusalā khandhā* là chủ từ, cho biết năng duyên là “20 tâm thiện (trừ tâm Tứ đạo)”.

Iddividhañāṇassa cetopariyañāṇassa pubbenivāsānussatiñāṇassa yathākammūpagañāṇassa anāgataṃsañāṇassa là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “tâm Thông thiện Ngũ thiền Sắc giới”.

Hoặc cách khác là: Phân 20 tâm thiện bằng 5 thông theo cảnh và pháp biết cảnh như sau:

1- *Kusalā khandhā*. Năng duyên là “tâm thiện Ngũ thiện Sắc giới trong lộ nhập thiền Cơ (pādakajhānavithī)”.

Iddhividhañāṇassa. Sở duyên là “tâm thiện Hoá hiện thông”.

2- *Kusalā khandhā*. Năng duyên là “20 tâm thiện (trừ tâm Tứ đạo) diễn tiến trong 3 thời”.

Cetopariyañāṇassa. Sở duyên là “tâm thiện Tha tâm thông”.

3- *Kusalā khandhā*. Năng duyên là “20 tâm thiện (trừ tâm Tứ đạo) hiện khởi trước (pubbenivutṭha)”.

Pubbenivāsānussatiñāṇassa. Sở duyên là “tâm thiện Túc mạng thông”.

4- *Kusalā khandhā*. Năng duyên là “17 tâm thiện hiệp thể của người khác trong quá khứ”.

Yathākammūpagañāṇassa. Sở duyên là “tâm thiện Tùy nghiệp thông”.

5- *Kusalā khandhā*. Năng duyên là “20 tâm thiện (trừ tâm Tứ đạo) của mình và của người khác trong quá khứ”.

Anāgataṃsañāṇassa. Sở duyên là “tâm thiện Vị lai thông”.

Ārammaṇapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực thuần nhất của Cảnh duyên.

Paccayo là động từ, cho biết đặc tính vô ngã.

Pháp năng và pháp sở của Cảnh duyên trong câu *Kusalo kusalassa ...* nói về:

Thời. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Ngươi. 4 phàm, 3 Thánh quả hữu học theo tương ứng.

Lộ tâm.

Trong *câu chính. Kusalo kusalassa ...* Năng duyên diễn tiến trong lộ Ý thông thường và lộ kiên cố có đồng lực thiện (trừ lộ Tứ đạo).

Sở duyên diễn tiến trong lộ Ý đồng lực Dục giới, lộ đắc thiên (*ādikammikajhānavithī*), lộ nhập thiên, lộ hiện thông.

Trong *câu phụ 1. Dānaṃ datvā ... paccavekkhati.* Năng duyên diễn tiến trong lộ Ý đồng lực thiện Dục giới.

Sở duyên diễn tiến trong lộ phản khán thiện sinh lên tiếp theo sau lộ Ý đồng lực thiện Dục giới.

Trong *câu phụ 2. Pubbe ...* Năng duyên diễn tiến trong lộ Ý đồng lực thiện Dục giới.

Sở duyên diễn tiến trong lộ phản khán thiện khởi hiện tiếp theo sau lộ Ý đồng lực thiện Dục giới.

Trong *câu phụ 3. Jhānā ...* Năng duyên diễn tiến trong lộ đắc thiên (*ādikammikajhāvithī*) và lộ nhập thiên.

Sở duyên diễn tiến trong lộ phản khán thiện, khởi hiện tiếp theo sau lộ thiền.

Trong **câu phụ 4. *Sekkhā gotrabhum* ...** Năng duyên diễn tiến trong lộ đặc 3 Đạo thấp.

Sở duyên diễn tiến trong lộ phản khán thiện, khởi hiện tiếp theo sau lộ đặc 3 Đạo thấp.

Trong **câu phụ 5. *Sekkhā maggā* ...** Năng duyên diễn tiến trong lộ đặc 3 Đạo thấp.

Sở duyên diễn tiến trong lộ phản khán thiện, khởi hiện tiếp theo sau lộ đặc 3 Đạo thấp.

Trong **câu phụ 6. *Sekkhā vā puthujjanā vā* ...** Năng duyên diễn tiến trong lộ Ngũ, lộ Ý, lộ đồng lực kiên cố hiệp thế có đồng lực thiện.

Sở duyên diễn tiến trong lộ Ý như tu tiến minh quán.

Trong **câu phụ 7. *Cetopariyañāṇena* ...** Năng duyên diễn tiến trong lộ Ngũ, lộ Ý, lộ đồng lực kiên cố có đồng lực thiện (trừ lộ đặc Tứ đạo).

Sở duyên diễn tiến trong lộ thiện Tha tâm thông.

Trong **câu phụ 8. *Ākāsānañcāyatanakusa lam* ...** Năng duyên diễn tiến trong lộ nhập thiền Không vô biên xứ.

Sở duyên diễn tiến trong lộ đặc thiền và lộ nhập thiền Thức vô biên xứ.

Trong *câu phụ 9. Ākiñcaññāyatanakusalaṃ* ... Năng duyên diễn tiến trong lộ nhập thiền Vô sở hữu xứ (ākiñcaññāyatanajhānasamāpajjanavithī).

Sở duyên diễn tiến trong lộ đặc thiền và lộ nhập thiền Phi tướng phi phi tướng xứ (nevaśaññānāsaññāyatana ādikammikajhānavithī) .

Trong *câu phụ 10.*

a- *Kusalā khandhā iddividhañāṇassa* ...

Năng duyên diễn tiến trong lộ nhập thiền Cơ (pādakajhāvithī) thiện.

Sở duyên diễn tiến trong lộ Hoá hiện thông thiện.

b- *Kusalā khandhā cetopariyañāṇassa* ...

Năng duyên diễn tiến trong lộ Ý, lộ kiên cố có đồng lực thiện (trừ lộ đặc Tứ đạo)

Sở duyên diễn tiến trong lộ Tha tâm thông thiện.

c- *Kusalā khandhā pubbenivāsānussatiñāṇas*

-sa... Năng duyên diễn tiến trong lộ Ý, lộ kiên cố có đồng lực thiện (trừ lộ đặc Tứ đạo).

Sở duyên diễn tiến trong lộ Túc mạng thông thiện.

d- *Kusalā khandhā yathākammūpagañānas* -sa ...

Năng duyên diễn tiến trong lộ Ý, lộ kiên cố hiệp thế có đồng lực thiện

Sở duyên diễn tiến trong lộ Tùy nghiệp thông thiện.

e- *Kusalā khandhā anāgataṃsañāṇassa ...*
 Nâng duyên diễn tiến trong lộ Ý, lộ kiên cố có đồng
 lực thiện (trừ lộ đặc Tứ đạo)

Sở duyên diễn tiến trong lộ Vị lai thông thiện.

2- Câu bất thiện.

Câu chính. Kusalo dhammo akusalassa dham -
 massa ārammaṇapaccayena paccayo:

“Pháp thiện trợ cho pháp bất thiện bằng Cảnh
 duyên”.

Câu phụ 1. Dānaṃ datvā sīlaṃ samādiyitvā
 uposathakammaṃ katvā taṃ assādeti abhinaṃ -
 dati taṃ ārabha rāgo uppajjati diṭṭhi uppajjati
 vicikicchā uppajjati uddhaccaṃ uppajjati doma -
 nassaṃ uppajjati:

“Bố thí, thọ trì 5 giới, 8 giới, rồi hoan hỷ vui thích
 đến các việc thiện đó. Khi nghĩ đến việc bố thí, thọ trì
 5 giới, 8 giới thì Tham ái, Tà kiến, Hoài nghi Phóng
 dật, Ưu phiền khởi lên”.

Câu phụ 2. Pubbe suciṇṇāni assādeti abhinaṃ -
 dati taṃ ārabha rāgo uppajjati diṭṭhi uppajjati
 vicikicchā uppajjati uddhaccaṃ uppajjati doman -
 assaṃ uppajjati:

“Hân hoan, thỏa thích đối với việc bố thí, thọ trì 5
 giới, 8 giới, đã làm hoàn chỉnh trong lúc trước. Khi
 nghĩ đến các việc thiện ấy, thì Tham ái, Tà kiến,
 Phóng dật, Ưu phiền khởi lên”.

Câu phụ 3. *Jhānā vuṭṭhahitvā jhānaṃ assādeti abhinandati taṃ ārabha rāgo uppajjati ditṭhi uppajjati vicikicchā uppajjati uddhaccaṃ uppa-jjati jhāne parihīne vippaṭisāriṣṣa domanassaṃ uppajjati:*

“*Khi xuất thì hoan hỷ, thích thú với thiền. Khi nhớ đến thiền đó, thì thì Tham ái, Tà kiến, Hoài nghi, Phóng dật, Ưu phiền sinh lên, khi hoại thiền thì buồn chán đối với người có tâm bợn nhớ*”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Kusalo dhammo* là chủ từ, cho biết năng duyên là “17 tâm thiện hiệp thế + 38 tâm sở hợp”.

Akusalassa dhammassa là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “12 tâm bất thiện + 27 tâm sở hợp”.

Ārammaṇapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Cảnh duyên trong 3 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh duyên, Cảnh trường duyên, Cảnh cận y duyên.

Paccayo là động từ, cho biết đặc tính vô ngã.

Câu phụ 1. *Dānaṃ datvā sīlaṃ samādiyitvā uposathakammaṃ katvā taṃ* là túc từ, và bất biến quá khứ phân từ, cho biết năng duyên là “8 tâm Đại thiện” với chủ tâm xả thí thanh tịnh trong sạch

Assādeti abhinandati là động từ, cho biết sở duyên là “8 tâm Tham”, chủ yếu có sự “dính mắc”.

Taṃ ārabbha là túc từ và bất biến quá khứ phân từ, cho biết chi pháp năng duyên là “8 tâm Đại thiện”, đã hoàn thành việc bố thí, thọ trì 5 giới, 8 giới.

Rāgo uppajjati là chủ từ và thuật động từ, cho biết sở duyên là “tâm Tham”, chủ yếu có sự “dính mắc”.

Diṭṭhi uppajjati là chủ từ và thuật động từ, cho biết sở duyên là “4 tâm Tham hợp Tà kiến”, chủ yếu có sự “hiểu sai”.

Vicikicchā uppajjati là chủ từ và thuật động từ, cho biết sở duyên là “tâm Si hợp Hoài nghi”, chủ yếu có sự “ngờ vực”.

Uddhaccaṃ uppajjati là chủ từ và thuật động từ, cho biết sở duyên là “tâm Si hợp Phóng dật”, chủ yếu có sự “phóng tán”.

Domanassaṃ uppajjati là chủ từ và thuật động từ, cho biết sở duyên là “2 tâm Sân”, chủ yếu có sự “không hài lòng”.

Câu phụ 2. Pubbe suciṇṇāni là trạng từ chỉ thời gian và túc từ, cho biết năng duyên là “8 tâm Đại thiện” đã hoàn thành việc bố thí, thọ trì 5 giới, 8 giới.

Assādeti abhinandati là thuật động từ, cho biết sở duyên là “8 tâm Tham”, chủ yếu có sự “dính mắc”.

Taṃ ārabbha là túc từ và bất biến quá khứ phân từ, cho biết chi pháp năng duyên là “8 tâm Đại thiện”, đã hoàn thành việc bố thí, thọ trì 5 giới, 8 giới.

Rāgo uppajjati ... “8 tâm Tham”, chủ yếu có sự “dính mắc”.

Diṭṭhi uppajjati ... “4 tâm Tham hợp Tà kiến”, chủ yếu có sự “hiểu sai”.

Vicikicchā uppajjati ... “tâm Si hợp Hoài nghi”, chủ yếu có sự “ngờ vực”.

Uddhaccaṃ uppajjati ... “tâm Si hợp Phóng dật”, chủ yếu có sự “phóng tán”.

Domanassaṃ uppajjati ... “2 tâm Sân”, chủ yếu có sự “không hài lòng”.

Câu phụ 3. *Jhānā vuṭṭhahitvā jhānaṃ* là xuất xứ từ và bất biến quá khứ phân từ, cho biết chi pháp năng duyên là “9 tâm thiện Đáo đại”

Assādeti abhinandati ... “8 tâm Tham”, chủ yếu có sự “dính mắc”.

Taṃ ārabha là túc từ và bất biến quá khứ phân từ, cho biết chi pháp năng duyên là “9 tâm thiện Đáo đại”

Rāgo uppajjati ... “8 tâm Tham”, chủ yếu có sự “dính mắc”.

Diṭṭhi uppajjati ... “4 tâm Tham hợp Tà kiến”, chủ yếu có sự “hiểu sai”.

Vicikicchā uppajjati ... “tâm Si hợp Hoài nghi”, chủ yếu có sự “ngờ vực”.

Uddhaccaṃ uppajjati ... “tâm Si hợp Phóng dật”, chủ yếu có sự “phóng tán”.

Jhāne là danh trạng từ (lakkhaṇavantakattupada), **parihīne** là động trạng từ (lakkhaṇavantakiriyapada).

Cả hai từ này cho biết năng duyên là “9 tâm thiện Đáo đại”.

Vippaṭisārissa là sở thuộc từ, **domanassaṃ uppajjati** là chủ từ và thuật động từ.

Cả 3 từ này cho biết sở duyên là “2 tâm Sân”, chủ yếu là có sự “không hài lòng”.

Pháp năng duyên, sở duyên trong câu **kusalo akusalassa ...**, nói về:

Thời. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi ngũ uẩn, cõi tứ uẩn theo tương ứng.

Người. 4 phàm, 3 Thánh quả Hữu học theo tương ứng.

Lộ tâm. Diễn tiến như sau:

Câu chính. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ý đồng lực thiện Dục giới, lộ kiên cố đồng lực hiệp thế. Sở duyên diễn tiến trong lộ Ý đồng lực Tham, lộ Ý đồng lực Sân, lộ Ý đồng lực Si.

Câu phụ 1. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ý đồng lực thiện Dục giới. Sở duyên diễn tiến trong lộ Ý đồng lực Tham, lộ Ý đồng lực Sân, lộ Ý đồng lực Si.

Câu phụ 2. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ý đồng lực thiện Dục giới. Sở duyên diễn tiến trong lộ Ý đồng lực Tham, lộ Ý đồng lực Sân, lộ Ý đồng lực Si.

Câu phụ 3. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ý đồng lực thiện Dục giới. Sở duyên diễn tiến trong lộ Ý đồng lực Tham, lộ Ý đồng lực Sân, lộ Ý đồng lực Si.

3- Câu vô ký.

Câu chính. Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa ārammaṇapaccayena paccayo:

“Pháp thiện trợ cho pháp vô ký bằng Cảnh duyên”.

Câu phụ 1. Arahā maggā vuṭṭhahitvā maggaṃ paccavekkhati:

“Bậc Alahán khi xuất ra khỏi Tứ đạo, phản khán về Tứ đạo”.

Câu phụ 2. Pubbe suciṇṇāni paccavekkhati:

Bậc Alahán quán xét về các việc thiện như bố thí, trì giới đã hoàn chỉnh khi trước”.

Câu phụ 3. Kusalaṃ aniccato dukkhato anattato vipassati:

“Bậc Alahán quán xét việc thiện của mình trong quá khứ và của người khác bằng “vô thường, khổ, vô ngã”.

Câu phụ 4. Ceto pariyāñāṇena kusalacittasamaṅgissa cittaṃ jānāti:

“Bậc Alahán biết tâm thiện của người khác bằng Tha tâm thông”.

Câu phụ 5. Sekkhā vā puthujjanā vā kusalaṃ aniccato dukkhato anattato vipassanti kusale niruddhe vipāko tadārammaṇatā uppajjati:

“Bậc Thánh Hữu học hay phàm nhân, quán việc thiện bằng vô thường, khổ, vô ngã. Khi tâm đồng lực thiện diệt đi thì tâm Na cảnh sinh lên”.

Câu phụ 6. Kusalaṃ assādeti abhinandati taṃ ārabha rāgo uppajjati ditṭhi uppajjati vicikicchā uppajjati uddhaccaṃ uppajjati domanassaṃ uppajjati akusale niruddhe vipāko tadārammaṇatā uppajjati:

“Bậc thánh hữu học hay phàm nhân hân hoan thoả thích với việc thiện. Khi nhớ đến việc thiện đó thì Tham ái, Tà kiến, Hoài nghi, Phóng dật và Ưu phiền sinh lên. Khi đồng lực bất thiện diệt đi thì tâm Na cảnh sinh lên”.

Câu phụ 7. Ākāsānañcāyatanakusalaṃ viññāṇañcāyatanavipākassa ca kiriyassa ca ārammaṇapaccayena paccayo:

“Thiện Không vô biên xứ trợ cho quả và Duy tác Thức vô biên xứ bằng Cảnh duyên”.

Câu phụ 8. Ākiñcaññāyatanakusalaṃ nevaññānāsaññāyatanavipākassa ca kiriyassa ca ārammaṇapaccayena paccayo:

“Thiện Vô sở hữu xứ trợ cho quả và Duy tác Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cảnh duyên”.

Câu phụ 9. Kusalā khandhā cetopariyañānassa pubbenivāsānussatiñāṇassa yathākammūpagañā

-*ṇassa anāgatamaññaṇassa avajjanāya ārammaṇa-paccayena paccayo*:

“Các danh uẩn thiện trợ cho (Duy tác) Tha tâm thông, Túc mạng thông, Tuỳ nghiệp thông, Vị lai thông và tâm Khai ý môn bằng Cảnh duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. Kusalo dhammo là chủ từ, cho biết năng duyên là “21 tâm thiện + 38 tâm sở hợp”.

Abyākatassa dhammassa, là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “tâm Khai ý môn, 9 đồng lực Duy tác Dục giới, 11 tâm Na cảnh, tâm Thông Duy tác, tâm quả và Duy tác Thức vô biên xứ, tâm quả và Duy tác Phi tướng phi phi tướng xứ + 33 tâm sở hợp” (trừ Giới phần + Vô lượng phần).

Ārammaṇapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Cảnh duyên trong 3 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh duyên, Cảnh trường duyên, Cảnh cận y duyên.

Paccayo là động từ, cho biết đặc tính vô ngã,

Câu phụ 1. Arahā là chủ từ, cho biết Alahán phản khán.

Maggā là xuất xứ từ, *vuṭṭhahitvā* là bất biến quá khứ phân từ, *maggam* là túc từ. Cả ba từ này cho biết năng duyên là “tâm Tứ đạo”.

Paccavekkhati là thuật động từ, cho biết sở duyên là “4 tâm Duy tác Dục giới có trí” sinh lên lúc phản khán.

Có ba duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên, Cảnh cận y duyên”.

Câu phụ 2. Pubbe là trạng từ chỉ thời gian, **suciṇṇāni** là túc từ.

Cả hai từ này cho biết năng duyên là “8 tâm Đại thiện” đã hoàn thành việc bố thí, trì giới ... trước đây

Paccavekkhati là thuật động từ, cho biết sở duyên là “8 tâm Duy tác Dục giới” sinh lên lúc quán xét.

Từ câu phụ 2 đến câu phụ 9, chỉ có duy nhất “Cảnh duyên”.

Câu phụ 3. Kusalaṃ là túc từ, cho biết năng duyên là “17 tâm thiện hiệp thể” đã từng sinh lên trong cơ tánh của mình hoặc đã hay đang sinh của người khác.

Aniccato dukkhato anattato là quá khứ bất biến phân từ, là từ làm cho động từ trở thành đặc biệt, **vipassati** là thuật động từ.

Cả bốn từ cho biết sở duyên là “8 tâm Duy tác Dục giới” khi đang quán xét.

Câu phụ 4. Cetopariyañāṇena là sở dụng từ, **jānāti** là thuật động từ. Cả hai từ này cho biết sở duyên là “tâm Duy tác Tha tâm thông”,

Kusalacittasamaṅgissa là hợp từ, **cittaṃ** là túc từ. Cả hai từ này cho biết năng duyên là “21 tâm thiện” của người khác.

Câu phụ 5. *Sekkhā vā puthujjanā vā* là chủ từ, cho biết bậc đang tu quán là “Thánh hữu học hay phàm nhân” (3 Thánh quả Hữu học và 4 phàm nhân).

Kusalaṃ là túc từ, cho biết năng duyên là “17 tâm thiện hiệp thể” đã và sẽ sinh của mình hay của người khác.

Aniccato dukkhato anattato là bất biến quá khứ phân từ, *vipassanti* là thuật động từ. Cả bốn từ này cho biết “tâm thiết bất cảnh” (*ārammaṇikamūlikusala*) sinh khởi lúc quán xét cảnh. *Kusale* là chủ từ trạng thái thể (*lakkaṇavāntabattupada*), *niruddhe* là quá khứ phân từ trạng thái thể (*lakkaṇavāntakiriya-pada*). Cả 6 từ này cho biết năng duyên là “8 tâm đại thiện” đang làm cảnh.

Vipāko là chủ từ, *tadārammaṇatā* là sở dụng từ, *uppajjati* là thuật động từ.

Cả ba từ cho biết sở duyên là “11 tâm Na cảnh”.

Câu phụ 6. *Kusalaṃ* là túc từ, cho biết năng duyên là “17 tâm thiện hiệp thể”.

Assādeti abhinandati taṃ ārabhha rāgo uppajjati ditṭhi uppajjati vicikicchā uppajjati uddhaccaṃ uppajjati domanassaṃ uppajjati akusale niruddhe, nhóm từ này cho biết diễn tiến theo tuần tự của lộ tâm, gom vào câu *kusalo akusalassa*.

Trong câu *kusalo abyākatassa*, Đức Phật không thuyết là sở duyên.

Vipāko tadārammaṇatā uppajjati là chủ từ, sở dụng từ, thuật động từ, cho biết sở duyên là “11 tâm Na cảnh”.

Câu phụ 7. *Ākāsānañcāyatanakusalaṃ* là chủ từ, cho biết năng duyên là “tâm thiện Không vô biên xứ” đã từng sinh lên cho mình trong kiếp trước.

Viññāṇaṇcāyatanavipākassa là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “tâm tục sinh, hữu phần, tử Thức vô biên xứ”.

Ākāsānañcāyatanakusalaṃ là chủ từ, cho biết năng duyên là “tâm thiện Không vô biên xứ” đã từng sinh lên cho mình trong kiếp trước.

Viññāṇaṇcāyatanavipākassa là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “tâm Duy tác Thức vô biên xứ”.

Ārammaṇapaccayena là sở dụng từ ...

Paccayo là động từ ...

Câu phụ 8. *Ākiñcaññāyatanakusalaṃ* là chủ từ cho biết năng duyên là “tâm thiện Vô sở hữu xứ” đã từng sinh cho mình trong kiếp trước.

Nevasaññānāsaññāyatanakusalaṃ ⁽¹⁾ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “tâm tục sinh, hữu

(1)- Dường như không chuẩn xác. Vì theo câu pāli nghĩa là “tâm thiện Phi tướng phi phi tướng xứ”.

phần, từ Phi tướng phi phi tướng xứ”.

Ākiñcaññāyatanakusalaṃ là chủ từ cho biết năng duyên là “tâm thiện Vô sở hữu xứ” đã từng sinh cho mình trong kiếp trước hay trong kiếp này.

Nevasaññānāsaññāyatanakiriyassa là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “tâm Duy tác Phi tướng phi phi tướng xứ”.

Ārammaṇapaccayena là sở dụng từ ...

Paccayo ...

Câu phụ 9. *Kusalā khandhā* là chủ từ, cho biết năng duyên là “21 tâm thiện”.

Cetopariyaññānassa pubbenivāsānussatiññāṇassa yathākammūpagaññāṇassa anāgataṃsaññāṇassa là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “tâm Duy tác Thông Ngũ thiền Sắc giới”.

Hoặc phân “21 tâm thiện” theo “4 Duy tác thông” như sau:

a- *Năng duyên*. “21 tâm thiện”, diễn tiến trong ba thời.

Sở duyên là “tâm Duy tác Tha tâm thông” (*cetopariyaññāṇassa*).

b- *Năng duyên*. “21 tâm thiện”, diễn tiến trong kiếp trước.

Sở duyên. “Tâm Duy tác Túc mạng thông” (*pubbenivāsānussatiññāṇassa*).

c- *Năng duyên*. “17 tâm thiện hiệp thể” của người khác trong quá khứ.

Sở duyên.”Tâm Duy tác Tùy nghiệp thông” (yathākammūpagañāṇassa).

c- *Năng duyên*. “21 tâm thiện” của người khác trong tương lai.

Sở duyên. “Tâm Duy tác Vị lai thông” (anāgatamsañāṇassa).

Hay: *Năng duyên* là “21 tâm thiện hiệp thể” của mình và của người khác.

Avajjanāya chỉ *sở duyên* là “tâm Khai ý môn” nhận cảnh là “các tâm thiện” đó.

Ārammaṇapaccayena là *sở dụng* từ ...

Paccayo là *động* từ ...

Pháp năng, pháp sở trong câu *kusalo abyākatassa...*, nói về:

Thời. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi: Cõi ngũ uẩn, tứ uẩn.

Người. 4 phàm + 4 Thánh quả.

Lộ tâm. Diễn tiến như sau:

Câu chính. *Năng duyên* diễn tiến trong lộ Ý và lộ kiên cố đồng lực thiện.

Sở duyên diễn tiến trong lộ Ý đồng lực Duy tác Dục giới, lộ đặc thiền Duy tác, lộ nhập thiền Duy tác,

lộ hiện thông Duy tác.

Câu phụ 1. Năng duyên diễn tiến trong lộ đặc Tứ đạo.

Sở duyên. Diễn tiến trong lộ phản khán Duy tác Dục giới sinh tiếp nối lộ đặc Tứ đạo.

Câu phụ 2. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ý đồng lực thiện Dục giới.

Sở duyên. Diễn tiến trong lộ phản khán Duy tác Dục giới sinh lên tiếp nối lộ Ý đồng lực thiện Dục giới.

Câu phụ 3. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ý đồng lực thiện Dục giới, lộ kiên cố thiện hiệp thể.

Sở duyên. Diễn tiến trong lộ phản khán Duy tác Dục giới

Câu phụ 4. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực thiện Dục giới và đồng lực thiện kiên cố.

Sở duyên. Diễn tiến trong lộ Ý có đồng lực Duy tác Tha tâm thông.

Câu phụ 5. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực thiện Dục giới và đồng lực thiện kiên cố.

Sở duyên. Diễn tiến trong lộ minh quán Ý môn đồng lực thiện có Na cảnh.

Câu phụ 6. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực thiện Dục giới và đồng lực thiện kiên cố.

Sở duyên. Diễn tiến trong lộ Ý môn đồng lực bất thiện có Na cảnh.

Câu phụ 7. Năng duyên diễn tiến trong lộ nhập thiền Không vô biên xứ.

Sở duyên. Diễn tiến trong lộ đặc và nhập thiền Duy tác Thức vô biên xứ.

Câu phụ 8. Năng duyên diễn tiến trong lộ nhập thiền Vô sở hữu xứ.

Sở duyên. Diễn tiến trong lộ đặc và nhập thiền Phi tướng phi phi tướng xứ.

Câu phụ 9. Năng duyên là “21 tâm thiện hiệp thế”.

*Sở duyên là “tâm Duy tác Tha tâm thông, tâm Duy tác Túc mạng thông, tâm Duy tác Vị lai thông”.

Năng duyên diễn tiến trong lộ ý môn, lộ đồng lực thiện kiên cố.

Sở duyên diễn tiến trong lộ Duy tác thông.

*Sở duyên là “ tâm Duy tác Vị lai thông”.

*Năng duyên diễn tiến trong lộ Ý và lộ kiên cố đồng lực thiện hiệp thế.

*Sở duyên diễn tiến trong lộ Duy tác Tuỳ nghiệp thông.

Giữa uẩn thiện với tâm Khai ý môn.

*Năng duyên diễn tiến trong lộ Ý và lộ kiên cố đồng lực thiện

Năng duyên diễn tiến Ý và lộ kiên cố đồng lực thiện.

Sở duyên diễn tiến trong lộ đồng lực Duy tác Dục giới và lộ Duy tác Thông.

B- Pháp bất thiện.

1- Câu bất thiện.

Câu chính. Akusalo dhammo akusalassa dhammassa ārammaṇapaccayena paccayo:

“Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Cảnh duyên”.

Câu phụ 1. Rāgaṃ assādeti abhinandati taṃ ārabba rāgo uppajjati diṭṭhi uppajjati vicikicchā uppajjati uddhaccaṃ uppajjati domanassaṃ uppajjati:

“Hân hoan thích thú với tham ái, khi nhớ lại Tham ái thì Tham ái, Tà kiến, Hoài nghi, Phóng dật, Ưu phiền sinh khởi.

Câu phụ 2. Diṭṭhiṃ assādeti abhinandati taṃ ārabba rāgo uppajjati diṭṭhi uppajjati vicikicchā uppajjati uddhaccaṃ uppajjati domanassaṃ uppajjati:

“Hân hoan thích thú với tà kiến, khi nhớ lại Tà kiến thì Tham ái, Tà kiến, Hoài nghi, Phóng dật, Ưu phiền sinh khởi.

Câu phụ 3. Vicikicchā ārabba vicikicchā uppajjati diṭṭhi uppajjati uddhaccaṃ uppajjati domanassaṃ uppajjati:

“Khi nhớ đến ngò vược, phân vân thì Hoài nghi, Tà kiến, Phóng dật, Ưu phiền sinh khởi”.

Câu phụ 4. Uddhaccaṃ ārabbha uddhaccaṃ uppajjati diṭṭhi uppajjati vicikicchā uppajjati domanassaṃ uppajjati:

“Khi nhớ đến Phóng dật, thì Phóng dật, Tà kiến, Hoài nghi, Ưu phiền sinh khởi”.

Câu phụ 5. Domanassaṃ ārabbha domanassaṃ uppajjati diṭṭhi uppajjati vicikicchā uppajjati uddhaccaṃ uppajjati:

“Khi nhớ đến Ưu phiền, thì Ưu phiền, Tà kiến, Hoài nghi, Phóng dật sinh khởi”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Akusalo dhammo* là chủ từ, cho biết năng duyên là “12 tâm bất thiện + 27 tâm sở hợp”.

Akusalassa dhammassa là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “12 tâm bất thiện + 27 tâm sở hợp”.

Ārammaṇapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Cảnh duyên trong 3 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên, Cảnh cận y duyên.

Paccayo ...

Câu phụ 1. *Rāgaṃ* là túc từ, chi pháp là “tâm Tham”, có tham ái dẫn đầu.

Assādeti là thuật động từ. Chi pháp là “tâm Tham thọ hỷ”.

Abhinandati là thuật động từ. Chi pháp là “tâm Tham thọ hỷ”, có sự thoả thích là chủ yếu.

Tam là túc từ. Chi pháp là “tâm Tham” có tham ái là chủ yếu.

Ārabbha là bất biến quá khứ phân từ, cho thấy các phiền não sinh khởi như Tham ái Trong nhóm phiền não này, chỉ có “tham ái” là năng duyên.

Rāgo uppajjati ... Chi pháp là “Tâm tham”, có tham là chủ yếu.

Diṭṭhi uppajjati ... Chi pháp là “tâm tham hợp Tà kiến” có Tà kiến là chủ yếu.

Vicikicchā uppajjati... Chi pháp là “tâm Si hợp Hoài nghi, có Hoài nghi là chủ yếu.

Uddhaccaṃ uppajjati ... Chi pháp là “tâm Si hợp Phóng dật”, có Phóng dật là chủ yếu.

Domanassaṃ uppajjati ... Chi pháp là “tâm Sân”, có Sân là chủ yếu.

Câu phụ 2. Diṭṭhiṃ chi pháp là “tâm Tham hợp Tà kiến”, có Tà kiến là chủ yếu.

Assādeti chi pháp là “tâm Tham thọ hỷ”.

Abhinandati chi pháp là “tâm Tham thọ hỷ”, có thoả thích là chủ yếu.

Tam chi pháp là “tâm Tham hợp Tà kiến”, có Tà kiến là chủ yếu.

Ārabbha ... cho thấy các phiền não sinh khởi như Tà kiến ... Trong nhóm phiền não này chỉ có “Tà kiến” là năng duyên.

Rāgo uppañjati ... Diṭṭhi uppañjati ... Vicikicchā uppañjati ... Uddhaccaṃ uppañjati... Domanassaṃ uppañjati...

Câu phụ 3. *Vicikiccham* chi pháp là “tâm Si hợp Hoài nghi”, có Hoài nghi là chủ yếu.

Ārabbha ... Vicikicchā uppañjati ... Diṭṭhi uppañjati ... Uddhaccaṃ uppañjati ... Domanassaṃ uppañjati ...

Câu phụ 4. *Uddhaccaṃ* chi pháp là “tâm Si hợp Phóng dật”, có Phóng dật là chủ yếu.

Ārabbha ... Uddhaccaṃ uppañjati ... Diṭṭhi uppañjati ... Vicikicchā uppañjati ... Domanassaṃ uppañjati ...

Câu phụ 5. *Domanassaṃ* chi pháp là “tâm Sân”, có sân là chủ yếu.

Ārabbha ... Domanassaṃ uppañjati ... Diṭṭhi uppañjati ... Vicikicchā uppañjati ... Uddhaccaṃ uppañjati ...

Pháp năng, pháp sở trong câu *Akusalo akusalassa* ... nói về:

Thời. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi ngũ uẩn, tứ uẩn theo tương ứng.

Người. 4 phàm, 3 Thánh quả Hữu học theo tương ứng.

Lộ tâm. Diễn tiến như sau:

Câu chính. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ngũ và lộ Ý đồng lực bất thiện.

Sở duyên diễn tiến trong lộ Ý đồng lực bất thiện.

Câu phụ 1. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ý có đồng lực Tham.

Sở duyên diễn tiến trong lộ Ý có đồng lực bất thiện.

Câu phụ 2. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ý có đồng lực Tà kiến

Sở duyên diễn tiến trong lộ Ý có đồng lực bất thiện.

Câu phụ 3. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ý có đồng lực Hoài nghi.

Sở duyên diễn tiến trong lộ Ý có đồng lực bất thiện.

Câu phụ 4. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ý có đồng lực Phóng dật.

Sở duyên diễn tiến trong lộ Ý có đồng lực bất thiện.

Câu phụ 5. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ý có đồng lực Sân

Sở duyên diễn tiến trong lộ Ý có đồng lực bất thiện.

2- Câu thiện.

Câu chính. Akusalo dhammo kusalassa dhammassa ārammaṇapaccayena paccayo ⁽¹⁾:

“Pháp bất thiện trợ cho pháp thiện bằng Cảnh duyên”.

Câu phụ 1. Sekkhā pahīne kilese paccayek - khanti:

“Bậc Thánh Hữu học phản khán phiền não đã sát trừ.”

Câu phụ 2. Sekkhā vikkhambhite kilese paccayekkhanti:

“Bậc Thánh Hữu học phản khán phiền não đã áp chế”.

Câu phụ 3. Pubbe samudāciṇṇe kilese jānanti:

“Bậc Thánh Hữu học, thấu hiểu được phiền não đã từng sinh lên”.

Câu phụ 4. Sekkhā vā puthujjanā vā akusalam aniccato dukkhato anattato vipassanti:

“Bậc thánh Hữu học lẫn phàm nhân, quán xét bất thiện pháp bằng vô thường, khổ, vô ngã”.

(1)- Trong “pháp bất thiện trợ cho pháp thiện bằng cảnh duyên”, khi khởi hiện không có duyên phối hợp.

Câu phụ 5. Cetopariyañāṇena akusalacitta - samaṅgissa cittaṃ jānāti:

“Bậc Thánh Hữu học lần phạm tam nhân, thấu hiểu bất thiện pháp của người khác bằng Tha tâm thông”.

Câu phụ 6. Akusalā khandhā cetopariyañā - ṇassa pubbenivāsānussatiñāṇassa yathākammūp - agañāṇassa anāgatapañāṇassa ārammaṇapac - cayena paccayo:

“Bốn danh uẩn bất thiện trợ cho Tha tâm thông thiện, Túc mạng thông thiện, Tuỳ nghiệp thông thiện, Vị lai thông thiện bằng Cảnh duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. Akusalo dhammo là chủ từ cho biết năng duyên là “12 tâm bất thiện + 27 tâm sở hợp”.

Kusalassa dhammassa là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “8 tâm Đại thiện, tâm Thông thiện + 33 tâm sở hợp (trừ Giới phần, Vô lượng phần)”.

Ārammaṇapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực thuần nhất là Cảnh duyên.

Paccayo ...

Câu phụ 1. Sekkhā paccavekkhanti. Chi pháp là “8 tâm Đại thiện” của 3 bậc Thánh quả Hữu học khi phản khán phiền não.

Pahīne kilese. Chi pháp là “11 tâm bất thiện (trừ tâm Si hợp Phóng dật) .

Hay là:

* Nếu là bậc Sơ quả, sở duyên là “8 tâm Đại thiện” khi phản khán phiền não, thì năng duyên là “4 tâm Tham hợp Tà kiến, tâm Si hợp Hoài nghi” là chủ yếu.

* Nếu là bậc Nhị quả, sở duyên là “8 tâm Đại thiện” khi phản khán phiền não, thì năng duyên là “Tham, Sân, Si thô” đã áp chế là chủ yếu.

* Nếu là bậc Tam quả, sở duyên là “8 tâm Đại thiện” khi phản khán phiền não, thì năng duyên là “Tham, Sân ” đã sát trừ là chủ yếu.

Câu phụ 2. *Sekkhā paccavekkhanti.* Chi pháp là “8 tâm Đại thiện” của 3 bậc Thánh quả Hữu học khi quán xét phiền não.

Vikkhambhite kilese. Chi pháp là “8 phiền não đã áp chế nhưng chưa đoạn trừ là: Tham, Sân, Si, Mạn, Hôn trầm, Phóng dật, Vô tầm, Vô quý” theo tương ứng bậc Thánh Hữu học.

Hay là:

* Nếu là bậc Sơ quả, sở duyên là “8 tâm Đại thiện” khi xem xét phiền não, thì năng duyên là “8 phiền não đã triệt tiêu mãnh lực đưa đến khổ cảnh”.

* Nếu là bậc Nhị quả, sở duyên là “8 tâm Đại thiện” khi xem xét phiền não, thì năng duyên là “8 phiền não” đã làm giảm nhẹ.

* Nếu là bậc Tam quả, sở duyên là “8 tâm Đại thiện” khi phản khán phiền não, thì năng duyên là “8

phiền não như: Ái sắc, Ái vô sắc, Si, Mạn, Hôn trầm, Phóng dật, Vô tâm, Vô quý” đã làm giảm nhẹ.

Câu phụ 3. *Pubbe samudāciṇṇe kilese.* Chi pháp là “10 phiền não đã từng sinh” của 3 bậc Thánh quả Hữu học.

Jānanti. Chi pháp là “8 tâm Đại thiện đang sinh lên” trong cơ tánh của 3 bậc Thánh quả Hữu học.

Câu phụ 4. *Sekkhā vā puthujjanā vā là chủ từ,* cho biết 3 bậc Thánh quả hữu học và phàm nhân đang tu quán (3 bậc Thánh quả Hữu học và 4 phàm).

Akusalaṃ là túc từ, cho biết năng duyên là “12 tâm bất thiện + 27 tâm sở hợp”.

Anīccato dukkhato anattato là bất biến quá khứ phân từ, làm động từ trở thành đặc biệt, ***vipassanti*** là thuật động từ. Cả 4 từ cho biết sở duyên là “8 tâm Đại + 33 tâm sở hợp (trừ Giới phần, Vô lượng phần)” lúc tu tiến minh quán.

Câu phụ 5. *Cetopariyañāṇena* là sở dụng từ, ***jānanti*** là thuật động từ. Cả 2 từ cho biết sở duyên là “tâm thiện Tha tâm thông”.

Akusalacittasamaṅgissa là hợp từ, ***cittaṃ*** là túc từ. Cả hai từ cho biết năng duyên là “12 tâm bất thiện” của người khác.

Câu phụ 6. *Akusalā dhammā* là chủ từ, cho biết năng duyên là “12 tâm bất thiện”.

Cetopariyañāṇassa pubbenivāsānussatiñā - ṇassayathākammūpagañāṇassa anāgataṃsa -

VI DIỆU PHÁP *

nāṇassa là sở thuộc từ , cho biết sở duyên là “tâm Thông thiện Ngũ thiền Sắc giới”.

Khi phân tích 12 tâm bất thiện làm cảnh cho “4 tâm Thông thiện” thì:

* Năng duyên là “12 tâm bất thiện” đang diễn tiến.

Sở duyên là “tâm thiện Tha tâm thông”.

* Năng duyên là “12 tâm bất thiện” diễn tiến trong kiếp sống trước.

Sở duyên là “tâm thiện Túc mạng thông”.

* Năng duyên là “12 tâm bất thiện” của người khác trong quá khứ.

Sở duyên là “tâm thiện Tùy nghiệp thông”.

* Năng duyên là “12 tâm bất thiện” của mình và của người trong vị lai.

Sở duyên là “tâm thiện Vị lai thông”.

Pháp năng, pháp sở trong Cảnh duyên câu **akusalo kusalassa ...** nói về:

Thời. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi ngũ uẩn, tứ uẩn.

Người. 4 phạm + 3 Thánh quả Hữu học.

Lộ tâm. Trong **câu chính**. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ý đồng lực bất thiện.

Sở duyên diễn tiến trong lộ Ý đồng lực Đại thiện, lộ Thông thiện, lộ phản khán với đồng lực Đại thiện, lộ tu tiến minh quán theo tương ứng.

Câu phụ 1. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ý, với đồng lực bất thiện.

Sở duyên diễn tiến trong lộ Ý, quán xét bất thiện bằng đồng lực Đại thiện.

Câu phụ 2. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ý, với đồng lực bất thiện.

Sở duyên diễn tiến trong lộ Ý, quán xét bất thiện bằng đồng lực Đại thiện.

Câu phụ 3. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ý, với đồng lực bất thiện

Sở duyên diễn tiến trong lộ Ý, quán xét bất thiện bằng đồng lực Đại thiện.

Câu phụ 4. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ngũ, lộ Ý với đồng lực bất thiện

Sở duyên diễn tiến trong lộ tu tiến quán minh.

Câu phụ 5. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ngũ, lộ Ý với đồng lực bất thiện.

Sở duyên diễn tiến trong lộ thiện Tha tâm thông.

Câu phụ 6. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ý, với đồng lực bất thiện

Sở duyên diễn tiến trong lộ thiện Thông: Tha tâm thông, Túc mạng thông, Tuỳ nghiệp thông, Vị lai thông theo tương ứng.

3- Câu vô ký.

Câu chính. Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa āarammaṇapaccayena pacco:

“Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Cảnh duyên”.

Câu phụ 1. Arahā pahīne kilese paccavekkhati:

“Bậc Alahán phản khán phiền não đã đoạn trừ”.

Câu phụ 2. Pubbe samudāciṇṇe kilese jānāti:

“Bậc Alahán biết phiền não đã từng sinh”.

Câu phụ 3. Akusalam aniccato dukkhato anattato vipassati:

Bậc Alahán quán xét phiền não bằng vô thường, khổ vô ngã”.

Câu phụ 4. Cetopariyañāṇena akusalacittā - maṇḍissa cittaṃ jānāti:

“Bậc Alahán biết tâm Bất thiện của người khác bằng Tha tâm thông”.

Câu phụ 5. Sekkhā vā puthujjanā vā akusalam aniccato dukkhato anattato vipassanti kusale niruddhe vipāko tadārammaṇatā uppajjati:

“Bậc Thánh quả Hữu học hoặc phàm nhân, quán xét bất thiện pháp bằng vô thường, khổ, vô ngã. Khi đồng lực thiện diệt đi thì tâm Na cảnh sinh lên”.

Câu phụ 6. Akusalam assādeti abhinandati tam ārabha rago uppajjati ditthi uppajjati vicikicchā uppajjati uddhaccaṃ uppajjati domanassaṃ uppajjati akusale niruddhe vipāko tadārammaṇatā uppajjati:

“Bậc Thánh quả Hữu học hoặc phạm nhân hân hoan, vui thích đến bất thiện. Khi nghĩ đến bất thiện thì Tham ái, Tà kiến, hoài nghi, Phóng dật, Ưu phiền sinh khởi. Khi đồng lực Bất thiện diệt đi thì tâm Na cảnh sinh lên”.

Câu phụ 7. Akusalā khandhā cetopariyañā - nassa pubbenivāsānussatiñāṇassa yathākam - mūpagañāṇassa anāgatamañāṇassa āvajjanāya ārammaṇapaccayena paccayo:

“Bốn danh uẩn Bất thiện trợ cho Tha tâm thông, Túc mạng thông, Tùy nghiệp thông, Vị lai thông và tâm Khai ý môn bằng Cảnh duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Thời, cõi, người, lộ tâm diễn tiến như câu “**Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Cảnh duyên**”, chỉ đối chi pháp năng duyên mà thôi.

Nghĩa là “pháp thiện trợ pháp vô ký ...”, năng duyên là “pháp thiện”.

Còn “pháp bất thiện trợ pháp vô ký ...”, thì năng duyên là “pháp bất thiện” ⁽¹⁾.

C- Pháp vô ký.

1- Câu vô ký.

Câu chính. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa ārammaṇapaccayena paccayo:*

“Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Cảnh duyên”.

Câu phụ 1. *Arahā phalaṃ paccavekkhati:*

“Bậc Alahán phản khán tâm Tứ quả”.

Câu phụ 2. *Nibbānaṃ paccavekkhati:*

“Bậc Alahán phản khán Nípàn”.

Câu phụ 3. *Nibbānaṃ phalassa āvajjanāya ārammaṇapaccayena paccayo:*

“Nípàn trợ cho tâm Quả và tâm Khai ý môn bằng Cảnh duyên”.

Câu phụ 4. *Arahā cakkhuṃ aniccato dukkhato anattato vipassati sotaṃ ghānaṃ jivhaṃ kāyaṃ rūpe sadde gandhe rase phoṭṭhabbe vatthuṃ vipākābyākate kiriyābyākate khandhe aniccato dukkhato anattato vipassati:*

“Bậc Alahán quán xét Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Sắc, Thính, Mùi, Vị, Xúc s8ác Ý vật và vô ký uẩn

(1)- Akusalo abyakatassa này được thuần nhất mãnh lực Cảnh duyên, và trong 7 câu phụ cũng thuần nhất mãnh lực Cảnh duyên.

quả, vô ký uẩn Duy tác bằng vô thường, khổ, vô ngã”.

Câu phụ 5. Dibbena cakkhunā rūpaṃ passati:
“Bậc Alahán thấy sắc bằng Thiên nhãn thông”.

Câu phụ 6. Dibbena sotadhātuyā saddaṃ
suṇāti:

“Bậc Alahán nghe các âm thanh bằng Thiên nhĩ thông”.

Câu phụ 7. Cetopariyañāṇena
vipākābyākatakiriyaḃyākatacittasamaṅgissa
cittaṃ jānāti:

“Bậc Alahán biết tâm quả hay tâm Duy tác của người khác bằng Tha tâm thông”.

Câu phụ 8. Ākāsānañcāyatānakiriyaṃ
viññāṇañcāyatanakiriyaṃ ārammaṇapaccayena
paccayo:

“Tâm Duy tác Không vô biên xứ trợ cho tâm Duy tác Thức vô biên xứ bằng Cảnh duyên”.

Câu phụ 9. Ākiñcaññāyatanakiriyaṃ
nevasaññānāsaññāyatanakiriyaṃ ārammaṇa -
paccayena paccayo:

“Tâm Duy tác Vô sở hữu xứ trợ cho tâm Duy tác Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cảnh duyên”.

Câu phụ 10. Rūpāyatanaṃ cakkhuvīññānassa
ārammaṇapaccayena paccayo:

“Cảnh sắc trợ cho Nhãn thức bằng Cảnh duyên”.

Câu phụ 11. Saddāyatanam sotaviññāṇassa ārammaṇapaccayena paccayo:

“Cảnh thính trợ cho Nhĩ thức bằng Cảnh duyên”.

Câu 12. Gandhāyatanam ghānaviññāṇassa ārammaṇapaccayena paccayo:

“Cảnh mùi trợ cho Tỷ thức bằng Cảnh duyên”.

Câu 13. Rasāyatanam jivhāviññāṇassa ārammaṇapaccayena paccayo:

“Cảnh vị trợ cho Thiệt thức bằng Cảnh duyên”.

Câu 14. Phoṭṭhabbāyatanam kāyaviññāṇassa ārammaṇapaccayena paccayo:

“Cảnh xúc trợ cho Thân thức bằng Cảnh duyên”.

Câu phụ 15. Abyākatā khandhā iddhividhañāṇassa cetopariyañāṇassa pubbenivāsānussatiñāṇassa anāgatamaññāṇassa āvajjanāya ārammaṇapaccayena paccayo:

“Các uẩn vô ký trợ cho Thần thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông, Vị lai thông và tâm Khai ý môn bằng Cảnh duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Abyākatato dhammo* là chủ từ, cho biết năng duyên là “6 cảnh: 28 sắc pháp, 36 tâm Quả, 20 tâm Duy tác + 38 tâm sở hợp, Nípàn”.

Abyākatassa dhammassa là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “23 tâm quả Dục giới, 11 tâm Duy tác Dục giới, tâm Duy tác Thức vô biên xứ, tâm Duy tác

Phi tướng phi phi tương xứ, tâm Thông Duy tác, 4 tâm quả Siêu thế + 36 tâm sở hợp (trừ Vô lương phần)”.

Ārammaṇapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Cảnh duyên trong 8 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên, Vật - cảnh tiền sinh y duyên, Cảnh cận y duyên, Cảnh tiền sinh duyên, Vật - cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên, Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên, Cảnh tiền sinh bất ly duyên.

Paccayo ...

Câu phụ 1. Arahā là chủ từ, , cho biết bậc phân thân là Alahán.

Phalaṃ là túc từ, cho biết năng duyên là “tâm Tứ quả + 36 tâm sở hợp”.

Paccavekkhati là thuật động từ, cho biết sở duyên là “4 tâm Duy tác Dục giới có trí + 33 tâm sở hợp” sinh lên để vị Alahán xem xét tâm Tứ quả.

Câu phụ 2. Nibbānaṃ là túc từ, cho biết Năng duyên là “Nípàn”.

Paccavekkhati là thuật động từ, cho biết sở duyên là “4 tâm Duy tác Dục giới có trí + 33 tâm sở hợp” sinh lên để vị Alahán xem xét Nípàn.

Câu phụ 3. Nibbānaṃ là túc từ, cho biết Năng duyên là “Nípàn”.

Phalassa và **āvajjanāya** là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “4 tâm quả Siêu thế + 36 tâm sở hợp, tâm Khai ý môn + 11 tâm sở hợp (trừ Hỷ, Dục).”

Ārammaṇapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Cảnh duyên trong 3 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh duyên, Cảnh trường duyên, Cảnh cận y duyên.

Paccayo

Câu phụ 4. **Arahā** là chủ từ, cho biết bậc phán khán là Alahán.

Cakkhuṃ sotam ghānaṃ jivhaṃ kāyaṃ rūpe sadde gandhe rase phoṭṭhabbe vatthum vipākābyākate kiriyābyākate khandhe tất cả là túc từ, cho biết năng duyên là “5 sắc thân kinh: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt và Thân; 5 cảnh: Sắc, Thinh, Mùi, Vị, và Xúc, sắc Ý vật, 4 danh uẩn quả Hiệp thế, 4 danh uẩn Duy tác” sinh lên của mình hay của người.

Aniccato dukkhato anattato là bất biến quá khứ phân từ, cho biết “việc quán xét “5 sắc thân kinh” của bậc Alahán theo cách “quán tam tướng”.

Vipassati là thuật động từ, cho biết sở duyên là “8 tâm Duy tác Dục giới + 33 tâm sở hợp” sinh lên để quán xét.

Câu phụ 5. **Rūpaṃ** là túc từ, cho biết năng duyên là “cảnh Sắc” hiện tại, thuộc xa (dūra), kín đáo (paticchanna), nhẹ (saṇha), tế (sukhuma).

Dibbenacakkhumā là sở dụng từ, *passati* là thuật động từ. Các từ này cho biết sở duyên là “tâm Duy tác Thiên nhãn thông” đang thấy các sắc.

Câu phụ 6. *Saddaṃ* là túc từ, cho biết năng duyên là “cảnh Thính” hiện tại, thuộc xa (*dūra*), kín đáo (*paticchanna*), nhẹ (*saṇha*), tế (*sukhuma*).

Dibbāya sotadhātuyā là sở dụng từ, *suṇāti* là thuật động từ. Các từ này cho biết sở duyên là “tâm Duy tác Thiên nhĩ thông” đang nghe các tiếng.

Câu phụ 7.

Vipākābyākatakiriyābyākatacittasamaṅgissa là hợp từ (*sāmīsambandhapada*), *cittaṃ* là túc từ. Các từ này cho biết năng duyên là “36 tâm quả + 20 tâm Duy tác” sinh lên, của người khác trong ba thời.

Cetopariyañāṇena là sở dụng từ, *jānāti* là thuật động từ. Hai từ này cho biết sở duyên là “tâm Duy tác Tha tâm thông”.

Câu phụ 8. *Ākāsānañcāyatānkiriyaṃ* là chủ từ, cho biết năng duyên là “tâm Duy tác Không vô biên xứ”, đã từng sinh cho bậc Alahán trong kiếp này.

Viññāṇañcāyatanakiriyaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “tâm Duy tác Thức vô biên xứ” sinh khởi cho bậc Alahán.

Ārammaṇapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực duy nhất là Cảnh duyên.

Paccayo ...

Câu phụ 9. Ākiñcaññāyatanakiriyaṃ là chủ từ, cho biết năng duyên là “tâm Duy tác Vô sở hữu xứ” đã từng sinh cho bậc Alahán trong kiếp này.

Nevasaññānāsaññāyatanakiriyaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “tâm Duy tác Phi tướng phi phi tướng xứ” sinh khởi cho bậc Alahán.

Ārammaṇapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực duy nhất là Cảnh duyên.

Paccayo ...

Từ câu phụ 10 đến câu phụ 14. **Rūpāyatanaṃ, saddāyatanaṃ, gandhāyatanaṃ, rasāyatanaṃ, phoṭṭhabbāyatanaṃ** là chủ từ, cho biết năng duyên lần lượt là “cảnh Sắc, cảnh Thỉnh, cảnh Mùi, cảnh Vị, cảnh Xúc” theo tương ứng, cả bên trong lẫn bên ngoài.

Cakkhaviññānassa, sota, ghāna, jivhā, kāyaviññānassa là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức và Thân thức + 7 tâm sở Biến hành” theo tương ứng, của phàm nhân và các bậc Thánh quả.

Ārammaṇapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Cảnh duyên trong 4 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh duyên, Cảnh tiền sinh duyên, Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên, Cảnh tiền sinh bất ly duyên.

Paccayo ...

Câu phụ 15. *Abyākatā khandhā* là chủ từ, cho biết năng duyên là “28 sắc pháp, 36 tâm quả, 20 tâm Duy tác + 38 tâm sở hợp, Níp bàn”.

Iddhividhañāṇassa āvajjanāya là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “tâm Thông Duy tác: Biến hoá thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông, Vị lai thông, và tâm Khai ý môn”.

Hoặc theo lý khác. Phân tích 5 uẩn vô ký theo “bốn thông Duy tác” tương ứng là:

a- *Abyākatā khandhā.* Năng duyên là “tâm Duy tác Ngũ thiên trong lộ nhập thiên Cơ (pādakajhānavithī) và cảnh Sắc thuộc sắc hoá hiện sai biệt.

Iddhividhañāṇassa. Sở duyên là “tâm thông Duy tác”.

b- *Abyākatā khandhā.* Năng duyên là “36 tâm quả, 20 tâm Duy tác + 38 tâm sở hợp” của người khác diễn tiến trong 3 thời. Nghĩa là “đang sinh, đã sinh trong vòng 7 ngày, sẽ sinh lên trong vòng 7 ngày”.

Cetopariyañāṇassa. Sở duyên là “tâm Duy tác Tha tâm thông”.

c- *Abyākatā khandhā.* Năng duyên là “5 uẩn vô ký trong những kiếp trước. Gồm: 36 tâm quả, 20 tâm Duy tác + 38 tâm sở hợp, 28 sắc pháp, Níp bàn” của người khác, của mình (trừ tâm Tứ quả).

Pubbenivāsānussatiñāṇassa. Sở duyên là “tâm Duy tác Túc mạng thông”.

d- Abyākatā khandhā. Năng duyên là “5 uẩn vô ký vị lai”. Tức sẽ hiện hữu, gồm: 36 tâm quả, 20 tâm Duy tác + 38 tâm sở, 28 sắc pháp, Nípàn” của người khác, của mình.

Anāgataṃsañāṇassa. Sở duyên là “tâm Duy tác Vị lai thông”.

Ārammaṇapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Cảnh duyên trong 4 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh duyên, Cảnh tiền sinh duyên, Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên, Cảnh tiền sinh bất ly duyên.

Paccayo ...

Pháp năng và pháp sở trong câu **Abyākato abyākatassa ...**, nói về:

Thời. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi ngũ uẩn, cõi tứ uẩn.

Người. 4 phàm + 4 Thánh quả.

Lộ tâm. Diễn tiến như sau:

Câu chính. Năng duyên và sở duyên diễn tiến trong lộ Ngũ, lộ Ý với đồng lực Dục giới, lộ ý kiên cố, theo tương ứng.

Câu phụ 1 và **câu phụ 2.** Năng duyên diễn tiến trong lộ đắc Tứ đạo, lộ nhập thiên Quả, lộ nhập thiên Diệt.

Sở duyên diễn tiến trong lộ phản khán.

Câu phụ 3. Năng và sở diễn tiến trong cả 4 lộ đặc Đạo, 4 lộ nhập thiền quả, lộ phản khán.

Câu phụ 4. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ngũ, lộ Ý chỉ riêng tâm quả, tâm Duy tác.

Sở duyên diễn tiến trong lộ quán minh, tức lộ Ý với đồng lực Duy tác.

Câu phụ 5 và **câu phụ 6.** Năng duyên, sở duyên diễn tiến trong lộ Duy tác Thiên nhân thông, hay lộ Duy tác Thiên nhĩ thông.

Câu phụ 7. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ngũ, lộ Ý, lộ thiền, lộ đặc Đạo, lộ nhập thiền quả.

Sở duyên diễn tiến trong lộ Duy tác Tha tâm thông.

Câu phụ 8 và **câu phụ 9.** Năng duyên, sở duyên diễn tiến trong lộ đặc thiền (ādikammikajhaanavithī), lộ nhập thiền liên quan đến tâm Duy tác Thức vô biên xứ, tâm Duy tác Phi tướng phi phi tướng xứ.

Từ **câu phụ 10** đến **câu phụ 14.** Năng duyên, sở duyên diễn tiến trong lộ Ngũ.

Câu phụ 15. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ngũ, lộ Ý, lộ nhập thiền Cơ, lộ nhập thiền, lộ nhập thiền quả cho đến lộ sắc.

Sở duyên diễn tiến trong lộ “Duy tác thông” và lộ ý với đồng lực Duy tác Dục giới sinh kế tiếp sau lộ Thông Duy tác.

2- Câu thiện.

Câu chính. Abyākato dhammo kusalassa dhmmassa ārammaṇapaccayena paccayo:

“Pháp vô ký trợ cho pháp thiện bằng Cảnh duyên”.

Câu phụ 1. Sekkhā phalaṃ paccavekkhanti:

“Các bậc Thánh quả Hữu học, phản khán tâm quả Siêu thế của mình”.

Câu phụ 2. Sekkhā nibbānaṃ paccavekkhanti:

“Các bậc Thánh quả Hữu học phản khán Nípàn”.

Câu phụ 3. Nibbānaṃ gotrabhussa vodānassa maggassa ārammaṇapaccayena paccayo:

“Nípàn trợ cho tâm Chuyển tộc, tâm Tiến bậc, tâm Đạo bằng Cảnh duyên”.

Câu phụ 4. Sekkhā vā puthujjanā vā cakkhūṃ aniccato dukkhato anattato vipassanti sotamaṃ ghānaṃ jivhaṃ kāyaṃ rūpe saddamaṃ gandhe rase phoṭṭabbe vatthūṃ vipākābyākate kiriyābyākate khandhe aniccato dukkhato anattato vipassanti:

“Các bậc Thánh quả hữu học lẫn phàm nhân, quán xét Nhãn theo vô thường, khổ, vô ngã. Và quán xét Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Sắc, Thinh, Mùi, Vị,

Xúc, sắc Ý vật và uẩn quả vô ký, uẩn vô ký Duy tác theo vô thường, khổ, vô ngã.”

Câu phụ 5. Dibbena cakkhunā rūpaṃ passanti:

“Bậc Thánh quả Hữu học và phàm tam nhân đắc thông, thấy được cảnh sắc bằng Thiên nhãn thông”.

Câu phụ 6. Dibbāya sotadhātuyā saddaṃ suṇāti:

“Bậc Thánh quả Hữu học và phàm tam nhân đắc thông, nghe được cảnh Thinh bằng Thiên nhĩ thông”.

Câu phụ 7. Cetopariyañāṇena vipākābyākata - kiryābyākatacittasamaṅgissa cittaṃ jānanti:

“Bậc Thánh quả Hữu học và phàm tam nhân đắc thông, biết tâm quả, tâm Duy tác người khác bằng Tha tâm thông”.

Câu phụ 8. Abyākatā khandhā iddhividhañā - ṇassa cetopariyañāṇassa pubbenivāsānussa - tiñāṇassa anāgatamañāṇassa ārammaṇapacca - yena paccayo:

“Tất cả uẩn vô ký trợ cho Biến hoá thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông và Vị lai thông bằng Cảnh duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. Abyākato dhammo là chủ từ, cho biết năng duyên là “6 cảnh: 28 sắc pháp, 35 tâm tâm quả (trừ tâm Tứ quả), 20 tâm Duy tác, + 38 tâm sở hợp, Nípàn”.

VI DIỆU PHÁP ❀

Kusalassa dhmmassa là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “8 tâm Đại thiện, tâm Thông thiện, 4 tâm Đạo + 36 tâm sở hợp (trừ Vô lượng phần).

Ārammaṇapaccayena sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Cảnh duyên trong 8 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: “Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên, Vật-cảnh tiền sinh y duyên, Cảnh cận y duyên, Cảnh tiền sinh duyên, Vật - cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên, Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên, Cảnh tiền sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ 1. Sekkhā là chủ từ, cho biết bậc phản khán là Thánh quả hữu học.

Phalaṃ là túc từ, cho biết năng duyên là “3 tâm Quả Siêu thế thấp + 36 tâm sở hợp”.

Paccavekkhanti là thuật động từ, cho biết sở duyên là “4 tâm Đại thiện có trí + 33 tâm sở hợp (trừ Giới phần, Vô lượng phần)” của bậc Thánh quả Hữu học khi xem xét tâm quả Siêu thế.

Câu phụ 2. Sekkhā là chủ từ, cho biết bậc phản khán là Thánh quả hữu học.

Nibbānaṃ là túc từ, cho biết năng duyên là “Nípàn”.

Paccavekkhanti là thuật động từ, cho biết sở duyên là “4 tâm Đại thiện có trí + 33 tâm sở hợp (trừ Giới phần, Vô lượng phần)” của bậc Thánh quả Hữu học khi xem xét lại Nípàn.

Câu phụ 3. *Nibbānaṃ* là chủ từ, cho biết năng duyên là “Nípàn”.

Gotrabhussa vodānassa maggassa là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “1 trong 4 tâm Đại thiện có trí, làm phận sự *Chuyển tộc, Tiến bậc*” của phàm tam nhân, 3 bậc Thánh quả Hữu học” và 4 tâm Đạo.

Ārammaṇapaccayena sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Cảnh duyên trong 3 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên, Cảnh cận y duyên.

Paccayo ...

Câu phụ 4. *Sekkhā* với *puthujjanā* là chủ từ, cho biết bậc quán xét là Thánh quả hữu học và 4 phàm nhân.

Cakkhuṃ sotaṃ ghānaṃ jivhaṃ kāyaṃ rūpe saddaṃ gandhe rase phoṭṭabbe vatthuṃ vipākābyākate kiriyābyākate khandhe, các từ này đều là túc từ, cho biết năng duyên là “5 sắc thân kinh: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt và Thân; 5 sắc cảnh là: Sắc, Thinh, Mùi, Vị và Xúc; sắc Ý vật, 4 danh uẩn quả Hiệp thế, 4 danh uẩn Duy tác” của mình hay của người, tùy theo việc quán xét.

Aniccato dukkhato anattato là bất biến quá khứ phân từ, cho biết bậc Thánh quả Hữu học và 4 phàm nhân quán xét.

Vipassanti là thuật động từ, cho biết sở duyên là “8 tâm Đại thiện + 33 tâm sở hợp” của bậc Thánh

hữu học và 4 phẩm nhân.

Câu phụ 5. Rūpaṃ là túc từ, cho biết năng duyên là “cảnh Sắc hiện tại” thuộc xa, kín đáo, nhỏ, vi tế.

Dibbe cakkhunā là sở dụng từ, **passanti** là thuật động từ. Hai từ này cho biết sở duyên là “tâm thiện Thiên nhãn thông” của bậc Thánh Hữu học và phạm tam nhân.

Câu phụ 6. Saddaṃ là túc từ, cho biết năng duyên là “cảnh Thính hiện tại”, thuộc xa, kín đáo, nhỏ, vi tế.

Dibbāya sotadhātuyā là sở dụng từ, **suṇanti** là thuật động từ. Các từ này cho biết sở duyên là “tâm thiện Thiên nhĩ thông” của bậc Thánh hữu học và phạm tam nhân..

Câu phụ 7. Vipākābyākatakiriyābyākatacitta-samaṅgissa là hợp từ (sāmīsambandhapada), **cittaṃ** là túc từ. Các từ này cho biết năng duyên là “35 tâm quả (trừ tâm Tứ quả), 20 tâm Duy tác”, của người khác trong ba thời.

Cetopariyañāṇena là sở dụng từ, **jānanti** là thuật động từ. Các từ này cho biết sở duyên là “tâm thiện Tha tâm thông” của bậc Thánh Hữu học và phạm tam nhân.

Câu phụ 8. Abyākatā khandhā là chủ từ, cho biết năng duyên là “28 sắc pháp, 35 tâm quả (trừ tâm Tứ quả), 20 tâm Duy tác + 38 tâm sở hợp, Nípàn”.

Iddhividhañāṇassa cetopariya ñāṇassa pubbenivāsānussatiñāṇassa anāgataṃsa - ñāṇassa là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “tâm Thông thiện: Biến hoá thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông, Vị lai thông”.

Một lý khác là: “Phân tích 5 uẩn vô ký liên hệ với 4 Thông theo cảnh và pháp biết cảnh, giống như câu “Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Cảnh duyên”, chỉ khác là “tâm Thông thiện” và “tâm Thông Duy tác” mà thôi.

Pháp năng, pháp sở trong câu **Abyākato dhammo kusalassa ...**”, nói về:

Thời. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi ngũ uẩn, cõi tứ uẩn.

Ngũ òi. 4 phàm, 7 bậc Thánh (trừ bậc Tứ quả) theo tương ứng.

Lộ tâm. Diễn tiến như sau:

Câu chính. Năng duyên và sở duyên diễn tiến trong lộ Ngũ, lộ Ý có đồng lực thiện Dục giới, lộ Ý có đồng lực kiên cố theo tương ứng.

Câu phụ 1 và câu phụ 2.

Năng duyên diễn tiến trong lộ đặc 3 Đạo thấp, lộ nhập thiền 3 quả thấp, và lúc xuất khỏi lộ nhập thiền Diệt. Sở duyên diễn tiến trong lộ phản khán.

Câu phụ 3. Năng duyên và sở duyên diễn tiến trong cả 4 lộ đặc Đạo.

Câu phụ 4. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ngũ, lộ Ý, chỉ riêng biệt tâm quả, tâm Duy tác và lộ sắc.

Sở duyên diễn tiến trong lộ “minh quán”, tức lộ Ý có đồng lực thiện.

Câu phụ 5 và **câu phụ 6.** Năng duyên và sở duyên diễn tiến trong lộ thiện Thiên nhãn thông, lộ thiện Thiên nhĩ thông.

Câu phụ 7. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ngũ, lộ Ý, lộ thiền, lộ đắc Đạo, lộ nhập thiền quả.

Sở duyên diễn tiến trong lộ thiện Tha tâm thông.

Câu phụ 8. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ngũ, lộ Ý, lộ nhập thiền Cơ, lộ nhập thiền, lộ nhập thiền quả, lộ sắc.

Sở duyên diễn tiến trong lộ Thông thiện, và lộ có đồng lực thiện Dục giới tiếp theo sau lộ Thông thiện.

3- Câu bất thiện.

Câu chính. Abyākato dhammo akusalassa dhammassa ārammaṇapaccayena paccayo:

“*Pháp vô ký trợ cho pháp bất thiện bằng Cảnh duyên*”.

Câu phụ. Cakkhum assādeti abhinandati taṃ ārabha rāgo uppajjati diṭṭhi uppajjati vicikicchā uppajjati uddhaccaṃ uppajjati domanassaṃ uuppajjati sotamaṃ ghānaṃ jivhaṃ kāyaṃ rūpe sadde gandhe rase phoṭṭhabbe vatthum vipākābyākate kiriyābyākate khandhe assādeti abhinandati taṃ ārabha rāgo uppajjati diṭṭhi

upajjati uddhaccaṃ uppajjati domanassaṃ uppajjati:

“Phàm nhân hoặc bậc Thánh quả Hữu học, hài lòng thoả mãn đối với Nhãn, nương vào Nhãn làm cảnh nên Tham ái, Tà kiến, Hoài nghi, Phóng dật, Ưu phiền sinh lên. Hoặc hài lòng thoả mãn với Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Sắc, Thinh, Mùi, Vị, Xúc, sắc Ý vật, uẩn vô ký quả và uẩn vô ký Duy tác nương vào Nhĩ làm cảnh, nên Tham ái, Tà kiến, Hoài nghi, Phóng dật, Ưu phiền sinh lên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Abyākato dhammo* là chủ từ, cho biết năng duyên là “6 cảnh: 28 sắc pháp, 32 tâm quả hiệp thể, 20 tâm Duy tác + 35 tâm sở hợp (trừ Giới phần)”.

Akusalassa dhammassa là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “12 tâm bất thiện + 27 tâm sở hợp”. Nói về:

Thời. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi ngũ uẩn, cõi tứ uẩn.

Người. 4 phàm, 3 Thánh quả hữu học, theo tương ứng.

Lộ tâm. Lộ ngũ, lộ Ý đồng lực Dục giới, lộ hiện Thông, lộ nhập thiền theo tương ứng.

Ārammaṇapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực Cảnh duyên trong 8 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh duyên, Cảnh trường

duyên, Vật - cảnh tiền sinh y duyên, Cảnh cận y duyên, Cảnh tiền sinh duyên, Vật - cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên, Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên, Cảnh tiền sinh bất ly duyên.

Paccayo

Câu phụ. *Cakkhum sotam ghānaṃ jivhaṃ kāyaṃ rūpe sadde gandhe rase phoṭṭhabbe vatthum vipākābyākate khandhe kiriyābyākate khandhe* là túc từ, cho biết năng duyên là “5 sắc thần kinh: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt và Thân; 5 sắc cảnh là: Sắc, Thinh, Mùi, Vị, Xúc, sắc Ý vật, 4 danh uẩn quả hiệp thế, 4 danh uẩn Duy tác” của người hay của mình tùy theo đối tượng.

Assādeti abhinandati là thuật động từ, cho biết sở duyên là “tâm Tham”.

Tam là túc từ, cho biết năng duyên là “5 sắc thần kinh ... 4 danh uẩn quả hiệp thế, 4 danh uẩn Duy tác”.

Ārabbha là bất biến quá khứ phân từ, cho biết pháp bất thiện như Tham ái ... sinh lên. Nhóm pháp bất thiện này nương vào “thần kinh Nhãn...” làm cảnh.

Rāgo ditṭhi vicikicchā uddhaccaṃ domanassaṃ các từ này là chủ từ, **uppajjati** là thuật động từ, là chủ từ hoặc động từ. Nhóm này cho biết sở duyên là “12 tâm Bất thiện + 27 tâm sở hợp”, cò Tham, Tà kiến, Hoài nghi, Phóng dật, Ưu phiền dẫn đầu. Năng duyên, sở duyên trong câu này, nói về:

Thời. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn theo tương ứng.

Người. 4 phàm, 3 Thánh quả hữu học theo tương ứng.

Lộ tâm ⁽¹⁾. Lộ ngũ, lộ Ý đồng lực Dục giới, lộ hiện thông, lộ nhập thiền theo tương ứng.

Thuần tuý số lượng câu
(*suddhasaṃkhayaavaara*).

Tổng kết thuần tuý số lượng câu trong phần “yếu tri CẢNH DUYÊN”, có 9 câu là:

- 1- Thiện trợ cho thiện bằng Cảnh duyên.
- 2- Thiện trợ cho bất thiện bằng Cảnh duyên.
- 3- Thiện trợ cho vô ký bằng Cảnh duyên.
- 4- Bất thiện trợ cho bất thiện bằng Cảnh duyên.
- 5- Bất thiện trợ cho thiện bằng Cảnh duyên.
- 6- Bất thiện trợ cho vô ký bằng Cảnh duyên.
- 7- Vô ký trợ cho vô ký bằng Cảnh duyên.
- 8- Vô ký trợ cho thiện bằng Cảnh duyên.
- 9- Vô ký trợ cho bất thiện bằng Cảnh duyên.

Cảnh duyên hợp lực.

Có 7 duyên hợp lực với Cảnh duyên là: Cảnh trưởng duyên, Vật - cảnh tiền sinh y duyên, Cảnh cận

⁽¹⁾- Năng duyên có thể diễn tiến trong lộ sắc.

y duyên, Cảnh tiền sinh duyên, Vật - cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên, Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên, Cảnh tiền sinh bất ly duyên.

Dứt “yếu tri CẢNH DUYÊN”.

**Thích giải đặc biệt về Thiên Nhãn Thông và
Tùy Nghiệp Thông.**

**Chức năng.*

- Thiên nhãn thông thấy được tất cả chúng sinh đang hiện hữu.

- Tùy nghiệp thông biết được đã tạo như thế nào, hẳn diễn tiến như thế ấy.

** Thời điểm.*

- Thiên nhãn thông thuộc thời hiện tại.

- Tùy nghiệp thông thuộc thời quá khứ.

** Cảnh.*

- Thiên nhãn thông biết cảnh sắc.

- Tùy nghiệp thông biết cảnh pháp.

Hành giả đắc thông (abhiññālābhīpuggala) khi thi triển Thiên nhãn thông, rồi muốn thi triển Tùy nghiệp thông, không cần trở lại sátna Chuẩn bị (parikamma), chỉ dùng Chuẩn bị của Thiên nhãn thông là được.

1- Diṭṭhasaccoyeva hi pubbenivāsānussati –

**ñānena nibbānaṃ vibhāveti na atthisacco taṃ
pana ñāṇaṃ khandhe viya khandhapaṭibaddheti
vibhāvetīti nibbānārammaṇa khandha vibhāvane
nibbānampi vibhāvetīti sabbā viññātum**

“Bậc Thánh có thể biết được Nípàn bằng Túc mạng thông, phàm nhân đắc Túc mạng thông không thể biết Nípàn. Túc mạng thông biết được Chế định và Nípàn như biết được ngũ uẩn” (trích trong Paṭhāna anutikā trang 246-247, kết tập Tam tạng quyển 6).

**2- Atītaṃsaññaṇaṃ nāma paresaṃ paccupan -
nabhava yāva pariyoṣaṇaṃ pavattacittaalamba -
naṃ ñāṇaṃ:**

“Thông quá khứ có thể biết tâm người khác đang sống trong hiện tại, trở lại cho đến sátna Tục sinh của người ấy” (trích trong Abhidhammatthavibhāvinītikā).

**3- Atītaṃsaññaṇassa pubbenivāsānussatiññaṇe
manomayaññaṇassa iddhividhaññaṇe antogadhattā
vuttaṃ:**

“Thông quá khứ được gom vào Túc mạng thông. Hoá tâm thông được gom vào Biến hoá thông” (trích trong Abhidhammāvatāra ṭikā).

3 – Yếu tri TRƯỞNG DUYÊN

I - Yếu Tri CẢNH TRƯỞNG DUYÊN

A- Pháp thiện.

*** Câu thiện.**

Câu chính. Kusalo dhammo kusalassa dhammassa ārammaṇadhipatipaccayena paccayo:

“Pháp thiện trợ cho pháp thiện bằng Cảnh trượng duyên”.

Câu phụ 1. Dānaṃ datvā sīlaṃ samādiyivā uposathakammaṃ katvā taṃ garuṃ katvā paccavekkhati.

“Người bố thí, thọ trì 5 giới, 8 giới rồi suy xét về các thiện sự đó bằng sự lưu tâm đến mạnh mẽ”.

Câu phụ 2. Pubbe suciṇṇāni garuṃ katvā paccavekkhati.

“Người suy xét về bố thí, thọ trì 5 giới, 8 giới đã tạo trử xong trong lúc trước bằng tâm hân hoan mạnh mẽ”.

Câu phụ 3. Jhānā vuṭṭhahitvā jhānaṃ garuṃ katvā paccavekkhati:

“Phàm nhân lần bậc Thánh quả hữu học khi xuất thiên thì phản khán chi thiên bằng tâm phẩn chấn mạnh mẽ”.

Câu phụ 4. Sekkhā gotrabhuṃ garuṃ katvā paccavekkhanti:

“Các bậc Thánh quả hữu học phản khán tâm Chuyển tộc bằng tâm phẩn chấn mạnh mẽ”.

Câu phụ 5. Sekkhā vodānaṃ garuṃ katvā paccavekkhanti:

“Các bậc Thánh quả hữu học phân khán tâm Tiến bậc bằng tâm phần chấn mạnh mẽ”.

Câu phụ 6. *Sekkhā maggā vuṭṭhahitvā maggaṃ garuṃ katvā paccavekkhanti:*

“Các bậc Thánh quả hữu học khi xuất khỏi lộ đắc 3 Đạo thấp, thì phân khán lại Đạo bằng tâm phần chấn mạnh mẽ”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Kusalō dhammo* là chủ từ, cho biết năng duyên là “20 tâm Thiện + 38 tâm sở hợp (trừ tâm Tứ đạo) thích ý”.

Kusalassa dhammassa là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “8 tâm Đại thiện + 33 tâm sở hợp (trừ Giới phần, Vô lượng phần), có sức mạnh”.

Hoặc là:

* Chi pháp của năng duyên là “17 tâm thiện hiệp thể thích ý”.

Chi pháp của sở duyên là “tâm Đại thiện ly trí có sức mạnh”.

* Chi pháp của năng duyên là “20 tâm thiện (trừ tâm Tứ đạo) thích ý.

Chi pháp của sở duyên là “tâm Đại thiện có trí có sức mạnh”. Nói về:

Thời. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người (1). 4 phàm, 3 Thánh Quả hữu học theo tương ứng.

Lộ tâm. Lộ Ý đồng lực Dục giới, lộ nhập thiên, lộ đắc 3 Đạo thấp.

Ārammaṇapaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Cảnh duyên trong ba duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên, Cảnh cận y duyên.

Paccayo ...

Câu phụ 1. Dānaṃ datvā sīlaṃ samādiyitvā uposathakammaṃ katvā là túc từ, bất biến quá khứ phân từ, cho biết năng duyên thuộc quá khứ.

Chi pháp là “8 tâm Đại thiện liên quan đến việc bố thí, thọ trì 5 giới, 8 giới”.

Tam là túc từ (kamma-pada), thay thế cho *dānaṃ sīlaṃ uposathakammaṃ*, cho biết năng duyên giống như trên, là “8 tâm Đại thiện liên quan đến việc bố thí, thọ trì 5 giới, 8 giới”.

Garuṃ katvā là bất biến quá khứ phân từ, *paccavekkhati* là thuật động từ. Cả 2 từ này cho biết

(1)- Năng duyên. Diễn tiến được với 4 phàm, 3 Thánh Đạo thấp, 3 Thánh Quả thấp.

Sở duyên. Diễn tiến được với 4 phàm, 3 Thánh Quả hữu học theo tương ứng.

sở duyên là “8 tâm Đại thiện khởi hiện lúc suy xét đến việc bố thí, thọ trì 5 giới, 8 giới”. Nói về:

Thời. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi Dục giới.

Người. 4 phàm, 3 Thánh quả hữu học theo tương ứng.

Lộ tâm. Lộ phản khán là lộ Ý đồng lực Dục giới.

Câu phụ 2. *Pubbe* là trạng từ chỉ thời gian, *sucīṇṇāni* là túc từ. Cả 2 từ này cho biết năng duyên là “8 tâm Đại thiện đã hoàn thành việc bố thí, thọ trì 5 giới, 8 giới trong lúc trước”.

Garuṇ katvā là bất biến quá khứ phân từ, *paccavekkhati* là thuật động từ. Cả 2 từ này cho biết sở duyên là “8 tâm Đại thiện sinh khởi lúc suy xét việc bố thí, thọ trì 5 giới, 8 giới bằng sự thích ý”. Nói về:

Thời. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi Dục giới.

Người. 4 phàm, 3 Thánh quả hữu học theo tương ứng.

Lộ tâm. Lộ phản khán là lộ Ý đồng lực Dục giới.

Câu phụ 3. *Jhānā* là xuất xứ từ (apādānapada), *vuṭṭhahitvā* là bất biến quá khứ phân từ, *jhānaṃ* là túc từ.

Cả 3 từ này cho biết năng duyên là “9 tâm thiện Đáo đại”.

Garuṃ katvā là bất biến quá khứ phân từ, *paccavekkhati* là thuật động từ.

Cả 2 từ này trình bày cho biết sở duyên là “8 tâm Đại thiện sinh khởi lúc phản khán chi thiền với sự phẩn chấn”. Nói về:

Thời. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. Người phạm tam nhân, 3 Thánh Quả hữu học theo tương ứng.

Lộ tâm. Năng duyên diễn tiến trong lộ đặc thiền, lộ nhập thiền.

Sở duyên diễn tiến trong lộ phản khán.

Câu phụ thứ 4 - 5. Sekkhā là chủ từ, cho biết bậc phản khán là bậc Thánh quả hữu học.

Gotrabhuṃ vodānaṃ là túc từ, cho biết năng duyên là “tâm Đại thiện có trí + 33 tâm sở hợp (trừ Giới phần, Vô lương phần) sinh lên trong lộ đặc 3 Đạo thấp”.

Garuṃ katvā là bất biến quá khứ phân từ, *paccavekkhanti* là thuật động từ.

Cả 2 từ này cho biết sở duyên là “8 tâm Đại thiện + 33 tâm sở hợp (trừ Giới phần, Vô lương phần) khởi hiện lúc phản khán tâm Chuyển tâc, tâm Tiến bậc”. Nói về:

Thời. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Ngươi. 3 Thánh Quả hữu học.

Lộ tâm. Năng duyên diễn tiến trong lộ đặc 3 Đạo thấp.

Sở duyên diễn tiến trong lộ phản khán.

Câu phụ 6. *Sekkhā* là chủ từ, cho biết bậc phản khán là Thánh quả hữu học.

Maggā là xuất xứ từ (apādānapada), *vuṭṭhahitvā* là bất biến quá khứ phân từ, *maggam* là túc từ. Cả 3 từ này cho biết năng duyên là “3 tâm Đạo thấp”.

Garuṇ katvā là bất biến quá khứ phân từ, *paccavekkhanti* là thuật động từ.

Cả 2 từ này cho biết sở duyên là “4 tâm Đại thiện có trí + 33 tâm sở hợp (trừ Giới phần, Vô lượng phần)” khởi hiện lúc phản khán 3 Đạo thấp”. Nói về:

Thời. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Ngươi. 3 Thánh Quả hữu học.

Lộ tâm. Năng duyên diễn tiến trong lộ đặc 3 Đạo thấp.

Sở duyên diễn tiến trong lộ phản khán.

2- Câu bất thiện.

Câu chính. Kusalo dhammo akusalassa

dhammassa ārammaṇadhipatipaccayena paccayo:

“Pháp thiện trợ cho pháp bất thiện bằng Cảnh trường duyên”.

Câu phụ 1. Dānaṃ datvā sīlaṃ samādiyivā uposathakammaṃ katvā taṃ garuṃ assādeti abhinandati taṃ garuṃ katvā rāgo uppajjati diṭṭhi uppajjati:

“Người bố thí, thọ trì 5 giới, 8 giới rồi thỏa thích hài lòng về các thiện sự đó bằng tâm hân hoan mạnh mẽ. Nương vào tâm hân hoan đến các thiện sự làm cảnh mạnh mẽ ấy, tham ái, tà kiến phát sinh”.

Câu phụ 2. Pubbe suciṇṇāni garuṃ katvā assādeti abhinandati taṃ garuṃ katvā rāgo uppajjati diṭṭhi uppajjati:

“Người thỏa mãn hài lòng về bố thí, thọ trì 5 giới, 8 giới đã kiến tạo hoàn thành trong lúc trước bằng tâm hân hoan mạnh mẽ. Nương vào tâm hân hoan đến các thiện sự làm cảnh mạnh mẽ đó mà tham ái, tà kiến khởi sinh”.

Câu phụ 3. Jhānā vuṭṭhahitvā jhānaṃ garuṃ katvā assādeti abhinandati taṃ garuṃ katvā rāgo uppajjati diṭṭhi uppajjati:

“Phàm nhân lần bậc Thánh quả hữu học khi xuất khỏi thiền thì thỏa thích hài lòng đối với thiền của mình bằng tâm phần chấn mạnh mẽ. Khi tâm phần

chấn đối với thiên làm cảnh mạnh mẽ thì tham ái, tà kiến khởi sinh”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Kusalo dhammo* là chủ từ, cho biết năng duyên là “17 tâm thiện hiệp thế thích ý”.

Akusalassa dhammassa là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “8 tâm Tham”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 3 Thánh quả hữu học theo tương ứng.

Lộ tâm. Lộ Ý đồng lực Dục giới, lộ nhập thiên, lộ hiện thông.

Ārammaṇadhipatipaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Cảnh trưởng duyên trong ba duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh trưởng duyên, Cảnh duyên, Cảnh cận y duyên.

Paccayo ...

Câu phụ 1. *Dānaṃ datvā sīlaṃ samādiyitvā uposathakammaṃ katvā* là túc từ, là bất biến quá khứ phân từ, cho biết năng duyên thuộc quá khứ.

Chi pháp là “8 tâm Đại thiện” liên quan đến việc bố thí, thọ trì 5 giới, 8 giới.

Garuṃ katvā assādeti abhinandati là bất biến quá khứ phân từ, là thuật động từ. Các từ này cho

biết sở duyên là “tâm Tham hỷ thọ có sức mạnh”.

Tam là túc từ, thay thế cho *dānaṃ* ... chỉ cho năng duyên là “8 tâm Đại thiện” liên quan đến việc bố thí

Garuṃ katvā là bất biến quá khứ phân từ, *rāgo diṭṭhi* là chủ từ, *uppajjati* là thuật động từ. Các từ này cho biết sở duyên là “8 tâm Tham”, có tham ái, tà kiến dẫn đầu. Nói về:

Thời. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi Dục giới

Ngươi. 4 phàm và 2 Thánh quả hữu học thấp.

Lộ tâm. Lộ Ý đồng lực Dục giới.

Câu phụ 2. Pubbe là trạng từ chỉ thời gian (kāladhārapada), *suciṇṇāni* là túc từ. Cả 2 từ này cho biết năng duyên là “8 tâm Đại thiện đã hoàn thành việc bố thí, thọ trì 5 giới, 8 giới trước kia”.

Garuṃ katvā là bất biến quá khứ phân từ, *assādeti abhinandati* là thuật động từ. Các từ này cho biết sở duyên là “tâm Tham thọ hỷ mạnh mẽ”.

Tam là túc từ, thay thế cho *dānaṃ*. Chi pháp là “8 tâm Đại thiện” đã hoàn thành việc bố thí ... trước kia.

Garuṃ katvā là bất biến quá khứ phân từ, *rāgo diṭṭhi* là chủ từ, *uppajjati* là thuật động từ. Các từ này cho biết sở duyên là “8 tâm Tham”, có tham ái, tà kiến dẫn đầu. Nói về:

Thời. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi Dục giới

Người. 4 phàm và 2 Thánh quả hữu học thấp.

Lộ tâm. Lộ Ý đồng lực Dục giới.

Câu phụ 3. *Jhānā* là xuất xứ từ (apādānapada), *vuṭṭhahitvā* là bất biến quá khứ phân từ, *jhānaṃ* là túc từ. Cả 3 từ này cho biết năng duyên là “9 tâm thiện Đáo đại”.

Garuṃ katvā là bất biến quá khứ phân từ, *assādeti abhinandati* là thuật động từ. Các từ này cho biết sở duyên là “tâm Tham thọ hỷ mạnh mẽ”.

Taṃ là túc từ, thay thế cho *jhānaṃ*, chỉ cho năng duyên là “9 tâm thiện Đáo đại”.

Garuṃ katvā là bất biến quá khứ phân từ, *rāgo ditṭhi* là chủ từ, *uppajjati* là thuật động từ. Các từ này cho biết sở duyên là “8 tâm Tham”, có tham ái, tà kiến mạnh mẽ.

Nói về: *Thời.* Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. Phàm tam nhân, 3 Thánh quả hữu học theo tương ứng.

Lộ tâm. Năng duyên diễn tiến trong lộ thiên.

Sở duyên diễn tiến trong lộ Ý đồng lực Dục giới.

3- Câu vô ký.

Câu chính. *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa ārammaṇadhipatipaccayena paccayo:*

“Pháp thiện trợ cho pháp vô ký bằng Cảnh trưởng duyên”.

Câu phụ. *Arahā maggā vuṭṭhahitvā maggaṃ garuṃ katvā paccavekkhati:*

“Bậc Alahán khi xuất khỏi lộ đặc Tứ đạo thì phân khán Tứ đạo bằng tâm phân chấn mạnh mẽ”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Kusalo dhammo* là chủ từ, cho biết năng duyên là “tâm Tứ đạo + 36 tâm sở hợp”, có thực tính đáng quan tâm.

Abyākatassa dhammassa là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “4 tâm Duy tác Dục giới có trí + 33 tâm sở hợp (trừ Giới phần, Vô lượng phần)”, mạnh mẽ.

Nói về: *Thời*. diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. Người Tứ quả.

Lộ tâm. Năng duyên diễn tiến trong lộ đặc Tứ đạo.

Sở duyên diễn tiến trong lộ Ý đồng lực Dục giới.

Ārammaṇadhipatipaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Cảnh trưởng duyên trong ba duyên

có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh trường duyên, Cảnh duyên, Cảnh cận y duyên”.

Paccayo ...

Câu phụ. *Arahā* là chủ từ, cho biết bậc Alahán phản khán, *maggā* là xuất xứ từ, *vuṭṭhahitvā* là bất biến quá khứ phân từ, *maggam* là túc từ.

Các từ này trình bày cho biết năng duyên là “tâm Tứ đạo đáng hài lòng”.

Garuṃ katvā là bất biến quá khứ, *paccavekkhati* là thuật động từ.

Cả 2 từ này cho biết sở duyên là “4 tâm Duy tác Dục giới có trí + 33 tâm sở hợp” (trừ Giới phần, Vô lượng phần) của bậc A lahán sinh lên để phản khán Đạo với sự phẫn chấn. Nói về:

Thời. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. Người Tứ quả.

Lộ tâm. Năng duyên diễn tiến trong lộ đặc Tứ đạo.

Sở duyên diễn tiến trong lộ phản khán.

B- Pháp bất thiện.

Câu bất thiện.

Câu chính. *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa ārammaṇadhīpatipaccayena paccayo:*

“Pháp thiện trợ cho pháp bất thiện bằng Cảnh trường duyên”.

Câu phụ 1. Rāgaṃ garuṃ katvā assādeti abhinandati taṃ garuṃ katvā rāgo uppajjati ditṭhi uppajjati:

“Người thỏa mãn hài lòng với tham ái bằng tâm thích thú mạnh mẽ. Khi tâm thích thú đến tham ái làm cảnh mạnh mẽ thì tham ái, tà kiến sinh khởi”.

Câu phụ 2. Ditṭhiṃ garuṃ katvā assādeti abhinandati taṃ garuṃ katvā rāgo uppajjati ditṭhi uppajjati:

“Người thỏa mãn hài lòng với tà kiến bằng tâm thích thú mạnh mẽ. Khi tâm thích thú đến tà kiến làm cảnh mạnh mẽ, thì tham ái, tà kiến khởi hiện”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Akusalo dhammo* là chủ từ, cho biết năng duyên là “8 tâm Tham thích ý”.

Akusalassa dhammassa là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “8 tâm Tham mạnh mẽ”. Nói về:

Thời. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 2 Thánh quả hữu học thấp.

Lộ tâm. Lộ Ý đồng lực Dục giới.

Ārammaṇadhipatipaccayena là sở dụng từ, cho biết đến mãnh lực của Cảnh trường duyên trong ba

duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh trường duyên, Cảnh duyên, Cảnh cận y duyên.

Paccayo ...

Câu phụ 1. *Rāgaṃ* là túc từ, cho biết năng duyên là “8 tâm Tham thích ý”.

Garuṃ katvā là bất biến quá khứ phân từ, *assādeti abhinandati* là thuật động từ, cho biết sở duyên là “4 tâm Tham thọ hỷ mạnh mẽ”.

Taṃ là túc từ, thay thế cho *rāgaṃ*, chỉ cho năng duyên là “8 tâm Tham thích ý”.

Garuṃ katvā là bất biến quá khứ phân từ, *rāgo ditṭhi* là chủ từ, *uppajjati* là thuật động từ.

Ba từ này cho biết sở duyên là “8 tâm Tham”, có tham ái, tà kiến mạnh.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 2 Thánh quả hữu học thấp theo tương ứng.

Lộ tâm. Diễn tiến trong lộ Ý đồng lực Dục giới.

Câu phụ 2. *Ditṭhiṃ* là túc từ, cho biết năng duyên là “4 tâm Tham hợp tà kiến”.

Garuṃ katvā là bất biến quá khứ phân từ, *assādeti abhinandati* là thuật động từ. Các từ này cho biết sở duyên là “4 tâm Tham thọ hỷ mạnh mẽ”.

Tam là túc từ, thay thế cho *ditṭhiṃ*, chỉ cho năng duyên là “4 tâm Tham có tà kiến”.

Garuṃ katvā là bất biến quá khứ phân từ, *rāgo ditṭhi* là chủ từ, *uppajjati* là thuật động từ.

Các từ này cho biết sở duyên là “8 tâm Tham”, có tham ái, tà kiến mạnh.

Nói về: *Thời*. diễn tiến trong thời bình nhật

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm

Lộ tâm. Lộ Ý đồng lực Dục giới.

C- Pháp vô ký.

1- Câu vô ký.

Câu chính. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa ārammaṇadhipatipaccayena paccayo:*

“*Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Cảnh trướng duyên*”.

Câu phụ 1. *Arahā phalaṃ garuṃ katvā paccavekkhati nibbānaṃ garuṃ katvā paccavekkhati:*

“*Bậc Alahán phẫn khán Tứ quả và Nípàn bằng tâm phẫn chán*”.

Câu phụ 2. *Nibbānaṃ phalassa ārammaṇadhipatipaccayena paccayo:*

“Nípàn làm duyên trợ cho 4 tâm Quả bằng Cảnh trường duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Abyākato dhammo* là chủ từ, cho biết đến năng duyên là “tâm Tứ quả và Nípàn thích ý”.

Abyākatassa dhammassa là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “4 tâm Duy tác Dục giới có trí, 4 tâm Quả Siêu thế + 36 tâm sở (trừ vô lượng phần).

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. 4 Thánh Quả

Lộ tâm. Năng duyên ⁽¹⁾ diễn tiến trong lộ đặc Đạo, lộ nhập thiên quả.

Sở duyên diễn tiến trong lộ phản khán, lộ đặc Đạo, lộ nhập thiên quả.

Ārammaṇadhipatipaccayena là sở dụng từ cho biết mãnh lực của Cảnh trường duyên trong 3 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh trường duyên, Cảnh duyên, Cảnh cận y duyên.

Paccayo...

Câu phụ 1. *Arahā* là chủ từ, cho biết bậc phản khán là Alahán.

(1)- Tâm Tứ quả diễn tiến trong lộ đặc đạo, Nípàn trong lộ đặc Đạo ở giai đoạn 2 hoặc 3 sátna tâm Quả khởi hiện và lộ nhập thiên quả.

Phalaṃ Nibbānaṃ là túc từ, cho biết năng duyên là “tâm Tứ quả, Nípàn”.

Garuṃ katvā là bất biến quá khứ phân từ, **paccavekkhati** là thuật động từ.

Các từ này cho biết sở duyên là “4 tâm Duy tác Dục giới có trí + 33 tâm sở hợp (trừ Giới phần, Vô lượng phần) của bậc Alahán sinh lên phần khán tâm Tứ quả, Nípàn với sự phẩn chấn.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. Người Tứ quả.

Lộ tâm. Năng duyên diễn tiến trong lộ đặc Tứ đạo, lộ nhập thiền Tứ quả quả.

Sở duyên diễn tiến trong lộ phần khán.

Câu phụ 2. Nibbānaṃ là chủ từ, cho biết năng duyên là “Nípàn”.

Phalassa là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “4 tâm Quả Siêu thế”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. 4 Thánh quả.

Lộ tâm. Lộ đặc Đạo, lộ nhập thiền quả.

Ārammaṇadhipatipaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Cảnh trưởng duyên trong ba duyên

có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh trường duyên, Cảnh duyên, Cảnh cận y duyên.

Paccayo

2- Câu thiện.

Câu chính. *Abyākato dhammo kusalassa dhammassa ārammaṇadhipatipaccayena paccayo:*

“*Pháp vô ký trợ cho pháp thiện bằng Cảnh trường duyên*”.

Câu phụ 1. *Sekkhā phalaṃ garuṃ katvā paccavekkhanti nibbānaṃ garuṃ katvā paccavekkhanti:*

“*Các bậc Thánh quả hữu học phản khán 3 tâm Quả thấp và Nípàn bằng tâm phần chấn*”.

Câu phụ 2. *Nibbānaṃ gotrabhussa vodānassa maggassa ārammaṇadhipatipaccayena paccayo:*

“*Nípàn làm duyên trợ cho tâm Chuyển tộc, tâm Tiến bậc và 4 tâm Đạo bằng Cảnh trường duyên*”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Abyākato dhammo* là chủ từ, cho biết năng duyên là “3 tâm quả Siêu thế thấp và Nípàn đáng hài lòng”.

Kusalassa dhammassa là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “4 tâm Đại thiện có trí, 4 tâm Đạo (trừ Vô lượng phân)”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. Phạm tam nhân, 7 bậc Thánh (trừ bậc Tứ quả).

Lộ tâm. Lộ phản khán, lộ đắc 4 Đạo.

Ārammaṇadāhipatipaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Cảnh trường duyên trong ba duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh trường duyên, Cảnh duyên, Cảnh cận y duyên.

Paccayo...

Câu phụ 1. Sekkhā là chủ từ, cho biết bậc phản khán là 3 Thánh quả hữu học.

Phalaṃ nibbānaṃ là túc từ, cho biết năng duyên là “3 tâm Quả Siêu thế thấp và Nípàn, thích ý”.

Garuṃ katvā là bất biến quá khứ phân từ, *paccavekkhanti* là thuật động từ, cho biết sở duyên là “4 tâm Đại thiện có trí (trừ Giới phần, Vô lượng phần) của 3 bậc Thánh quả hữu học sinh lên phản khán Quả, Nípàn với sự phấn chấn”.

Nói về: *Thời.* Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. 3 Thánh quả hữu học.

Lộ tâm. Lộ phản khán của bậc Thánh quả hữu học.

Câu phụ 2. Nibbānaṃ là chủ từ, cho biết năng duyên là “Nípàn” đáng hài lòng.

Gotrabhussa vodānassa maggassa là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “4 tâm Đại thiện có trí (trừ Giới phần, Vô lượng phần), 4 tâm Đạo (trừ Vô lượng phần) đang sinh lên trong cơ tánh của 4 người Đạo”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. Phạm tam nhân, 7 bậc Thánh (trừ bậc Tứ quả).

Lộ tâm. Lộ đắc 4 Đạo.

Ārammaṇadhipatipaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Cảnh trưởng duyên trong ba duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh trưởng duyên, Cảnh duyên, Cảnh cận y duyên.

Paccayo...

3- Câu Bất thiện.

Câu chính. Abyākato dhammo akusalassa dhammassa ārammaṇadhipatipaccayena paccayo:

“*Pháp vô ký trợ cho pháp bất thiện bằng Cảnh trưởng duyên*”.

Câu phụ 1. Cakkhuṃ garuṃ katvā assādeti abhinandati taṃ garuṃ katvā rāgo uppajjati diṭṭhi uppajjati sotam ghānaṃ jivhaṃ kāyaṃ rūpe sadde gandhe rase phoṭṭhabbe vatthum vipākābyākate kiriyābyākate khandhe garuṃ katvā assādeti abhinandati taṃ garuṃ katvā rāgo uppajjati diṭṭhi uppajjati:

“Người thỏa mãn hài lòng về nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thính, mùi, vị, xúc, sắc Ý vật, uẩn vô ký quả và uẩn vô ký Duy tác bằng tâm thích thú mạnh mẽ. Khi tâm thích thú đối với nhãn ... làm cảnh mạnh mẽ thì tham ái, tà kiến sinh khởi”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Abyākato dhammo* là chủ từ, cho biết năng duyên là “18 sắc cảnh Tốt hiện tại, 31 tâm quả hiệp thế (trừ tâm Thân thức thọ khổ), 20 tâm Duy tác thích ý”.

Akusalassa dhammassa là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là “8 tâm Tham mạnh”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 3 Thánh quả hữu học theo tương ứng.

Lộ tâm. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ngũ, lộ cận tử ⁽¹⁾ ngay sát na tục sinh, lộ Ý đồng lực Dục giới, lộ thiên, lộ sắc.

Sở duyên diễn tiến trong lộ Ý đồng lực Dục giới có đồng lực tham ái trước trong sinh hữu (bhavanikkantikalobhajavana) và lộ thông thường (lộ Ngũ và lộ Ý.)

Ārammaṇadhipatipaccayena là sở dụng từ, cho biết mãnh lực của Cảnh trưởng duyên trong 8 duyên

⁽¹⁾- Tục sinh trong kiếp sống mới.

có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh trường duyên, Cảnh duyên, Vật - cảnh tiền sinh y duyên, Cảnh cận y duyên, Cảnh tiền sinh duyên, Vật - cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên, Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên, Cảnh tiền sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ. *Cakkhuṃ sotaṃ ghānaṃ jivhaṃ kāyaṃ rūpe sadde gandhe rase phoṭṭhabbe vatthuṃ vipākābyākate khandhe kiriyābyākate khandhe* là túc từ, cho biết năng duyên là “năm sắc thân kinh: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt và Thân; năm sắc cảnh: Sắc, Thính, Mùi, Vị, và Xúc; sắc Ý vật, 31 tâm quả hiệp thế (trừ tâm Thân thức thọ khổ), 20 tâm Duy tác thích ý”.

Tam là túc từ, thay thế cho *cakkhuṃ...* chỉ năng duyên là “năm sắc thân kinh ...”.

Garuṃ katvā là bất biến quá khứ phân từ, **assādeti abhinandati** là thuật động từ, **rāgo ditṭhi** là chủ từ, **uppajjati** là thuật động từ.

Các từ này cho biết sở duyên là “8 tâm Tham”, có tham ái, tà kiến là chủ yếu.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 3 Thánh quả hữu học theo tương ứng.

Lộ tâm. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ngũ, lộ cận tử ngay sátna tục sinh, lộ Ý đồng lực Dục giới, lộ thiên, lộ sắc.

Sở duyên diễn tiến trong lộ Ý đồng lực Dục giới có đồng lực tham ái trước trong sinh hữu và lộ thông thường (lộ Ngũ và lộ Ý).

Phân thuần tuý số lượng câu
(suddhasamkhayāvāra).

Yếu tri CẢNH TRƯỞNG DUYÊN có 7 câu là:

- 1- Thiện trợ cho thiện bằng Cảnh trường duyên.
- 2- Thiện trợ cho bất thiện bằng Cảnh trường duyên.
- 3- Thiện trợ cho vô ký bằng Cảnh trường duyên.
- 4- Bất thiện trợ cho bất thiện bằng Cảnh trường duyên.
- 5- Vô ký trợ cho vô ký bằng Cảnh trường duyên.
- 6- Vô ký trợ cho thiện bằng Cảnh trường duyên.
- 7- Vô ký trợ cho bất thiện bằng Cảnh trường duyên.

Cảnh trường duyên hợp lực (sabhāga).

Có 7 duyên phối hợp với Cảnh trường duyên là: Cảnh duyên, Vật - cảnh tiền sinh y duyên, Cảnh cận y duyên, Cảnh tiền sinh duyên, Vật - cảnh tiền sinh bất

tương ứng duyên, Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên, Cảnh tiền sinh bất ly duyên.

Dứt “*yếu tri CẢNH TRƯỞNG DUYÊN*”.

(Việc phân tích câu của các duyên còn lại, như *kusalodhammo* là chủ từ, *kusalassa dhammassa* là sở thuộc từ, *sahajātādhipatipaccayena* là sở dụng từ ... tương tự như các duyên đã trình bày.

Do đó, từ “Đồng sinh trưởng duyên” trở đi, trong phần *Phân tích câu và chỉ pháp*, không cần phải lập lại như thế nữa).

II - Yếu tri ĐỒNG SINH TRƯỞNG DUYÊN.

A-Pháp thiện.

1- Câu thiện.

Câu chính. Kusalo dhammo kusalassa dhammassa saha-jātādhipatipaccayena paccayo:

“*Pháp thiện trợ cho pháp thiện bằng Đồng sinh trưởng duyên*”.

Câu phụ. Kusalādhipati sampayuttakānaṃ khandhānaṃ saha-jātādhipatipaccayena paccayo:

“*Trưởng thiện làm duyên trợ cho 4 hoặc 3 danh uẩn đồng sinh bằng Đồng sinh trưởng duyên*”.

Phân tích câu và chỉ pháp.

Câu chính. *Kusalo dhammo*, chỉ cho năng duyên là “1 trong 4 trưởng thiện: Dục, Căn, Trí hợp

trong 21 tâm Thiện, tâm trưởng là 21 tâm thiện”.

Kusalassa dhammassa, chỉ cho sở duyên là “3 hoặc 4 danh uẩn thiện đồng sinh với nhau trừ pháp trưởng”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhậ.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Ngươi. 4 phàm, 7 bậc Thánh (trừ bậc Alahán).

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực Dục giới, lộ thiền, lộ đắc Đạo.

Sahajātādhīpatipaccayena cho biết mãnh lực của Đồng sinh trưởng duyên.

Có 11 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh trưởng duyên, Nhân duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Danh vật thực duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Tương ứng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ. Kusalādhīpati, chỉ cho năng duyên là “1 trong 4 trưởng thiện: Dục, Căn, Trí và tâm trưởng thiện”.

Sampayuttakānaṃ khandhānaṃ, chỉ cho sở duyên là “3 hoặc 4 danh uẩn thiện đồng sinh với trưởng thiện”.

Nói về: *Thời, cõi, ngươi, lộ tâm* giống như ***câu chính***.

Sahajātādhipatipaccayena, trình bày mãnh lực của Đồng sinh trưởng duyên, như **câu chính**.

Paccayo...

2- Câu vô ký.

Câu chính. Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa sahajātādhipatipaccayena paccayo:

“Pháp thiện trợ cho pháp vô ký bằng Đồng sinh trưởng duyên”.

Câu phụ. Kusalādhipati cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ sahajātādhipatipaccayena paccayo:

“Trưởng thiện làm duyên trợ cho sắc Tâm bằng Đồng sinh trưởng duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. Kusalo dhammo, chỉ cho năng duyên là “1 trong 4 trưởng thiện”.

Abyākatassa dhammassa, chỉ cho sở duyên là “sắc Tâm hữu trưởng thiện như Sắc, Thinh, Mùi, Vị, Xúc và Thân biểu tri, Ngũ biểu tri ...”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phạm, 7 bậc Thánh (trừ bậc Tứ quả).

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực Dục giới, lộ thiên, lộ đắc Đạo.

Sahajātādhipatipaccayena, cho biết đến mãnh lực của Đồng sinh trưởng duyên.

Có 10 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh trưởng duyên, Nhân duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Danh vật thực duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ. *Kusalādhipati*, chỉ cho năng duyên là “1 trong 4 trưởng thiện”.

Cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ, chỉ cho sở duyên là “sắc Tâm hữu trưởng thiện” như Sắc, Thinh, Mùi, Vị, Xúc và Thân biểu tri, Ngũ biểu tri ...

Nói về: *Thời, cõi, người, lộ tâm* như **câu chính..**

Sahajātādhīpatipaccayena, trình bày mãnh lực của duyên, như **câu chính.**

Paccayo...

3- Câu thiện và vô ký.

Câu chính. *Kusalō dhammo kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa sahaajātādhīpatipaccayena paccayo:*

“*Pháp thiện trợ cho pháp thiện và vô ký bằng Đồng sinh trưởng duyên*”.

Câu phụ. *Kusalādhīpati sampayuttakānaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ sahaajātādhīpatipaccayena paccayo:*

“Trưởng thiện làm duyên trợ cho 3 hoặc 4 danh uẩn, sắc Tâm hữu trưởng thiện bằng Đồng sinh trưởng duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Kusalo dhammo*, chỉ cho năng duyên là “1 trong 4 trưởng thiện”.

Kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa, chỉ cho sở duyên là “3 hoặc 4 danh uẩn thiện và sắc Tâm hữu trưởng thiện như Sắc, Thinh...”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhậ.

Cõi. Cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phạm, 7 bậc Thánh (trừ bậc Tứ quả).

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực Dục giới, lộ thiên, lộ đắc Đạo.

Sahajātādhipatipaccayena, cho biết mãnh lực của Đồng sinh trưởng duyên.

Có 9 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh trưởng duyên, Nhân duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Danh vật thực duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ. *Kusalādhīpati*, chỉ năng duyên là “1 trong 4 trưởng thiện”.

Sampayuttakānaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānañca rūpānaṃ, chỉ sở duyên là “3 hoặc 4 danh uẩn thiện và sắc Tâm hữu trưởng thiện như Sắc, Thinh ...”.

Nói về: *Thời, cõi, người, lộ tâm* như **câu chính**.

Sahajātādhipatipaccayena, trình bày mãnh lực của duyên, như **câu chính**.

Paccayo...

B- Pháp bất thiện.

1- Câu bất thiện.

Câu chính. Akusalo dhammo akusalassa dhammassa sahajātādhipatipaccayena paccayo:

“Pháp bất thiện trợ cho pháp bất thiện bằng Đồng sinh trưởng duyên”.

Câu phụ. Akusalādhipati sampayuttakānaṃ khandhānaṃ sahajātādhipatipaccayena paccayo:

“Trưởng bất thiện làm duyên trợ cho 3 hoặc 4 danh uẩn đồng sinh bằng Đồng sinh trưởng duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Akusalo dhammo chỉ cho năng duyên là “1 trong 3 trưởng bất thiện: Dục, Căn, hợp trong 10 tâm bất thiện (trừ 2 tâm Si) và 10 tâm bất thiện khi làm trưởng”.

Akusalassa dhammassa, chỉ sở duyên là “3 hoặc 4 danh uẩn bất thiện” đồng sinh với trưởng bất thiện.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 3 bậc Thánh quả hữu học.

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực Dục giới.

Sahajātādhīpatipaccayena cho biết mãnh lực của Đồng sinh trưởng duyên.

Có 10 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau (giống như “pháp thiện trợ pháp thiện”, trừ Nhân duyên).

Câu phụ. *Akusalādhīpati*, chỉ năng duyên là “1 trong 3 trường bất thiện: Dục, Cần và 10 tâm bất thiện (trừ 2 tâm Si)”.

Sampayuttakānaṃ khandhānaṃ, chỉ sở duyên là “3 hoặc 4 danh uẩn bất thiện” đồng sinh với trưởng bất thiện.

Nói về: *Thời, cõi, người, lộ tâm*, giống như ***câu chính***.

Paccayo ...

2- *Câu vô ký*.

Câu chính. *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa sahajātādhīpatipaccayena paccayo*:

“*Pháp bất thiện trợ cho pháp vô ký bằng Đồng sinh trưởng duyên*”.

Câu phụ. *Akusalādhīpati cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ sahajātādhīpatipaccayena paccayo*:

“Trưởng bất thiện làm duyên trợ cho sắc Tâm bằng Đồng sinh trưởng duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Akusalo dhammo*, chỉ năng duyên là “1 trong 3 trưởng bất thiện là: Dục, Cần hợp trong 10 tâm bất thiện và tâm trưởng là 10 tâm bất thiện (trừ 2 tâm Si)”.

Abyākatassa dhammassa, chỉ sở duyên là “sắc Tâm hữu trưởng bất thiện như: Sắc, Thính, Mùi, Vị, Xúc, và Thân biểu tri, Ngũ biểu tri...”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 3 Thánh quả hữu học.

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực Dục giới.

Sahajātādhīpatipaccayena, cho biết mãnh lực của Đồng sinh trưởng duyên.

Có 9 duyên cùng tính chất, phối hợp nhau (giống như câu **Pháp thiện trợ cho pháp vô ký**, trừ Nhân duyên).

Paccayo...

Câu phụ. *Akusalādhīpati*, chỉ năng duyên là “1 trong 3 trưởng bất thiện”.

Cittasamutthānānaṃ rūpānaṃ, chỉ sở duyên là “sắc Tâm hữu trưởng bất thiện như Sắc, Thính, Mùi, Vị, Xúc, và Thân biểu tri, Ngũ biểu tri...”.

Nói về: Thời, cõi, người, lộ tâm giống như **câu chính**.

Sahajātādhipatipaccayena, trình bày mãnh lực của duyên, như **câu chính**.

Paccayo...

3- Câu bất thiện và vô ký.

Câu chính. **Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa sahajātādhipatipaccayena paccayo:**

“Pháp bất thiện trợ cho pháp bất thiện và vô ký bằng Đồng sinh trưởng duyên”.

Câu phụ. **Akusalādhipati sampayuttakānaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ sahajātādhipatipaccayena paccayo:**

“Trưởng bất thiện làm duyên trợ cho 3 hoặc 4 danh uẩn và sắc Tâm hữu trưởng bất thiện bằng Đồng sinh trưởng duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. **Akusalo dhammo**, chỉ năng duyên là “1 trong 3 trưởng bất thiện: Dục, Cần hợp trong 10 tâm bất thiện và 10 tâm bất thiện làm trưởng (trừ 2 tâm Si)”.

Akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa, chỉ sở duyên là “3 hoặc 4 danh uẩn và sắc Tâm hữu trưởng bất thiện như Sắc, Thinh...”.

Nói về: Thời. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 3 Thánh quả hữu học.

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực Dục giới.

Sahajātādhīpatipaccayena, cho biết mãnh lực của 8 duyên, như câu **Pháp thiện trợ cho pháp thiện và vô ký** (trừ Nhân duyên).

Paccayo...

Câu phụ. *Akusalādhīpati*, chỉ năng duyên là “1 trong 3 trường bất thiện”.

Sampayuttakānaṃ khandānaṃ cittasamuṭṭhānānañca rūpānaṃ, chỉ sở duyên là “3 hoặc 4 danh uẩn bất thiện đồng sinh với trường bất thiện và sắc Tâm hữu trường bất thiện như: Sắc, Thinh ...”.

Nói về: *Thời, cõi, người, lộ tâm* như **câu chính**.

Sahajātādhīpatipaccayena, trình bày mãnh lực của duyên, như **câu chính**.

Paccayo ...

C- Pháp vô ký.

1- Câu vô ký.

Câu chính. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa sahajātādhīpatipaccayena paccayo:*

“*Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Đồng sinh trường duyên*”.

Câu phụ. Vipākābyākatā kiriyābyākatādhipati
sampayuttakānaṃ khandhānaṃ
cittasamutthānānaṃ rūpānaṃ
sahajātādhipatipaccayena paccayo:

“Trưởng quả, duy tác làm duyên trợ 3 hoặc 4 danh uẩn quả hay Duy tác và sắc Tâm hữu trưởng quả hay Duy tác bằng Đồng sinh trưởng duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Abyākato dhammo*, chỉ năng duyên là “1 trong 4 trưởng quả hay Duy tác: Dục, Cần, Trí hợp trong tâm Duy tác hữu nhân Dục giới, tâm Duy tác Đáo đại, tâm quả Siêu thế và tâm hữu trưởng là: 8 tâm Duy tác hữu nhân Dục giới + 9 tâm Duy tác Đáo đại, 4 tâm quả Siêu thế”.

Abyākatassa dhammassa, chi sở duyên là “tâm Duy tác hữu nhân, tâm quả Siêu thế, đồng sinh với trưởng quả và Duy tác, sắc Tâm hữu trưởng quả và Duy tác như: Sắc, Thinh ...”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. 4 bậc Thánh quả.

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực Dục giới, lộ thiền, lộ đắc Đạo và lộ nhập thiền quả.

Sahajātādhipatipaccayena, cho biết mãnh lực của Đồng sinh trưởng duyên.

Có 13 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh trưởng duyên, Nhân duyên, Đồng sinh

duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Danh vật thực duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Tương ứng duyên, Đồng sinh bất tương ứng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ. Vipākābyākatā
kiriyaabyākatādhipati, chi pháp như *abyākato dhammo* trong **câu chính**.

Sampayuttakānaṃ khandhānaṃ
cittasamuṭṭhānānañca rūpānaṃ, chi pháp như *abyākatassa dhammassa* trong **câu chính**.

Nói về: *Thời, cõi, người, lộ tâm* như **câu chính**.

Sahajātādhipatipaccayena, trình bày mãnh lực của duyên, như **câu chính**.

Paccayo...

Phân thuần túy số lượng câu
(*suddhasaṃkhayāvāra*).

Yếu tri ĐỒNG SINH TRƯỞNG DUYÊN có 7 câu như đã giải:

- 1- Thiện trợ cho thiện bằng Đồng sinh trưởng duyên.
- 2- Thiện trợ cho vô ký bằng Đồng sinh trưởng duyên.
- 3- Thiện trợ cho thiện và vô ký bằng Đồng sinh trưởng duyên.

4- Bất thiện trợ cho bất thiện bằng Đồng sinh trưởng duyên.

5- Bất thiện trợ cho vô ký bằng Đồng sinh trưởng duyên.

6- Bất thiện trợ cho bất thiện và vô ký bằng Đồng sinh trưởng duyên.

7- Vô ký trợ cho vô ký bằng Đồng sinh trưởng duyên.

Đồng sinh trưởng duyên hợp lực (sabhāga).

Có 12 duyên hợp lực với Đồng sinh trưởng duyên là: Nhân duyên, Đồng sinh duyên, Hổ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Danh vật thực duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Tương ứng duyên, Đồng sinh bất tương ứng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Dứt “yếu tri ĐỒNG SINH TRƯỞNG DUYÊN”.

Dứt “yếu tri TRƯỞNG DUYÊN”.

4-Yếu tri VÔ GIÁN DUYÊN.

A- Pháp thiện.

1- Câu thiện.

Câu chính. Kusalo dhammo kusalassa dhammassa anantarapaccayena paccayo:

“Pháp thiện trợ cho pháp thiện bằng Vô gián duyên”.

Câu phụ 1. Purimā purimā kusalā khandhā pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ khandhānaṃ anantarapaccayena paccayo:

“Bốn danh uẩn thiện làm duyên trợ cho 4 danh uẩn thiện sinh sau bằng Vô gián duyên”.

Câu phụ 2. Anulomaṃ gotrabhussa anulomaṃ vodānassa anantarapaccayena paccayo:

“Thuận thứ làm duyên trợ cho Chuyển tộc và Tiến bậc bằng Vô gián duyên”.

Câu phụ 3- Gotrabhū maggassa vodānaṃ maggassa anantarapaccayena paccayo:

“Chuyển tộc và Tiến bậc làm duyên trợ cho Đạo bằng Vô gián duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Kusalo dhammo*, chỉ năng duyên là “17 tâm đồng lực Thiện hiệp thế sinh trước (trừ đồng lực sátna sau cùng)”.

Kusalassa dhammassa, chỉ sở duyên là “21 tâm đồng lực thiện (trừ đồng lực sátna thứ 1)”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Ngươi. 4 phàm, 7 bậc Thánh (trừ bậc Tứ quả).

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực Dục giới, lộ thiên, lộ hiện thông, lộ đặc Đạo.

Anantarapaccayena, cho biết mãnh lực của Vô gián duyên.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Tập hành duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ 1. Purimā purimā kusalā khandhā, chỉ năng duyên, chỉ pháp giống như *kusalo dhammo* trong *câu chính*.

Pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ khandhānaṃ, chỉ sở duyên, chỉ pháp giống như *kusalassa dhammassa* trong *câu chính*.

Nói về: *Thời*, *cõi*, *người*, *lộ tâm* giống như *câu chính*.

Anantarapaccayena, cho biết mãnh lực của duyên, như *câu chính*.

Paccayo...

Câu phụ 2. Anulomaṃ, chỉ năng duyên là “4 tâm Đại thiện có trí ở sátna Thuận thứ (anuloma)”.

Gotrabhussa vodānassa, chỉ sở duyên là “4 tâm Đại thiện có trí ở sátna Chuyển tộc hay Tiến bậc”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. Người phạm tam nhân, 3 Thánh Quả hữu học.

Lộ tâm. Lộ thiên, lộ hiện thông, lộ đắc Đạo.

Anantarapaccayena...

Paccayo...

Câu phụ 3. *Gotrabhū vodānaṃ*, chỉ năng duyên là “4 tâm Đại thiện có trí, ở sátna Chuyển tộc hay Tiến bậc”.

Maggassa, chỉ sở duyên là “4 tâm Đạo”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Ngươi. Phạm tam nhân, 7 bậc Thánh (trừ bậc Tứ quả).

Lộ tâm. 4 lộ đắc Đạo.

Anantarapaccayena...

Paccayo...

2- Câu vô ký.

Câu chính. *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa anantarapaccayena paccayo:*

“*Pháp thiện trợ cho pháp vô ký bằng Vô gián duyên*”.

Câu phụ 1. *Kusalaṃ vuṭṭhānassa anantarapaccayena paccayo:*

“*Đồng lực thiện sau cùng làm duyên trợ cho Na cảnh và Hữu phần bằng Vô gián duyên*”.

**Câu phụ 2. Maggo phalassa
anantarapaccayena paccayo:**

“Đạo làm duyên trợ cho Quả bằng Vô gián duyên”.

**Câu phụ 3. Anulomaṃ sekkhāya
phalasaṃpattiyā anantarapaccayena paccayo:**

“Thuận thứ làm duyên trợ cho nhập thiên quả của bậc Thánh quả hữu học bằng Vô gián duyên”.

**Câu phụ 4. Nirodha vuṭṭhahantassa
nevasaññānāsaññāyatanakusalam
phalassapattiyā anantarapaccayena paccayo:**

“Thiền Phi tương phi phi tương xứ làm duyên trợ cho tâm Tam Quả của bậc Anahàm khi xuất khỏi thiên diệt bằng Vô gián duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. Kusalo dhammo, chỉ năng duyên là “17 tâm đồng lực thiện hiệp thế ở sátna sau cùng và 4 tâm Đạo”.

Abyākatassa dhammassa, chỉ sở duyên là “11 tâm na cảnh, 19 tâm hữu phần, 4 tâm quả Siêu thế” (tổng cộng 24 tâm: 3 tâm Quan sát, 8 tâm Đại quả, 9 tâm quả Đáo đại, 4 tâm quả Siêu thế).

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật, thời cận tử.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 8 bậc Thánh.

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực Dục giới, lộ cận tử⁽¹⁾, lộ thiền, lộ hiện thông, lộ đắc Đạo, lộ nhập thiền quả, lộ nhập thiền diệt.

Anantarapaccayena, trình bày mãnh lực của Vô gián duyên.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Vô gián duyên, Đẳng Vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Nghiệp khác thời duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ 1. Kusalaṃ, chỉ năng duyên là “17 tâm đồng lực thiện hiệp thế ở sátna sau cùng”.

Vuṭṭhānassa, chỉ sở duyên là “11 tâm Na cảnh, 19 tâm hữu phần”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật, thời cận tử.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 3 bậc Thánh Quả hữu học.

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực Dục giới, lộ cận tử, lộ thiền, lộ hiện thông.

Anantarapaccayena, trình bày đến mãnh lực của Vô gián duyên.

(1) Lộ cận tử là tâm lộ diễn tiến trong thời cận tử, cho nên nói theo thời thì diễn tiến trong thời cận tử cũng được.

Có 5 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ 2. Maggo, chỉ năng duyên là “4 tâm Đạo”.

Phalassa, chisở duyên là “4 tâm quả Siêu thế”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. 8 bậc Thánh.

Lộ tâm. 4 lộ đặc đạo.

Anantarapaccayena, trình bày mãnh lực của Vô gián duyên.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Nghiệp khác thời duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ 3. Anulomaṃ, chỉ năng duyên là “4 tâm Đại thiện có trí, ở sátna Thuận thứ”.

Sekkhāya phalasaṃpattiyā, chỉ sở duyên là “3 tâm Quả Siêu thế thấp”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. 3 bậc Thánh Quả hữu học.

Lộ tâm. Lộ nhập thiên quả.

Anantarapaccayena, trình bày mãnh lực của Vô gián duyên.

Có 5 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau: Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ 4.

Nevasaññānāsaññāyatanakusalaṃ, chỉ năng duyên là “tâm thiện Phi tướng phi phi tướng xứ”.

Nirodhā vuṭṭhahantassa phalasamāpattiyā, chỉ sở duyên là “tâm Tam Quả của bậc Anahàm”.

Nói về: *Thời.* Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi ngũ uẩn.

Người. Bậc Tam Quả.

Lộ tâm. Năng duyên diễn tiến trong lộ nhập thiên Diệt.

Sở duyên diễn tiến trong sátna xuất thiên Diệt.

Anantarapaccayena, trình bày mãnh lực của Vô gián duyên (như câu phụ 3).

Paccayo...

B- Pháp bất thiện.**1- Câu bất thiện.**

Câu chính. *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa anantarapaccayena paccayo:*

“*Pháp bất thiện trợ cho pháp bất thiện bằng Vô gián duyên*”.

Câu phụ. *Purimā purimā akusalā khandhā pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ khandhānaṃ anantarapaccayena paccayo:*

“*4 danh uẩn bất thiện sinh trước làm duyên trợ cho 4 danh uẩn bất thiện sinh sau bằng Vô gián duyên*”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Akusalo dhammo*, chỉ năng duyên là “12 tâm đồng lực bất thiện sinh trước” (trừ đồng lực ở sátna sau cùng).

Akusalassa dhammassa, chỉ sở duyên là “12 tâm đồng lực bất thiện sinh sau” (trừ đồng lực sátna thứ 1).

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 3 Thánh Quả hữu học.

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực Dục giới.

Anantarapaccayena, trình bày mãnh lực của Vô gián duyên.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Tập hành duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ. Purimā purimā akusalā khandhā, như *akusalo dhammo* trong *câu chính*.

Pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ khandhānaṃ, như *akusalassa dhammassa* trong *câu chính*.

Nói về: *Thời, cõi, người, lộ tâm* như trong *câu chính*.

Anantarapaccayena, trình bày mãnh lực của duyên, như *câu chính*.

Paccayo...

2- Câu vô ký.

Câu chính. Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa anantarapaccayena paccayo:

“*Pháp bất thiện trợ cho pháp vô ký bằng Vô gián duyên*”.

Câu phụ. Akusalaṃ vuṭṭhānassa anantarapaccayena paccayo:

“*Tâm đồng lực Bất thiện sau cùng trợ cho Na cảnh và Hữu phần bằng Vô gián duyên*”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. Akusalo dhammo, chỉ năng duyên là

“12 tâm đồng lực bất thiện ở sátna sau cùng”.

Abyākatassa dhammassa, chỉ sở duyên là “11 tâm Na cảnh, 19 tâm Hữu phần” (tổng cộng 20 tâm quả là: 3 tâm Quan sát, 8 tâm Đại quả, 9 tâm quả Đáo đại).

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật, thời cận tử.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 3 Thánh quả hữu học.

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực Dục giới, lộ cận tử.

Anantarapaccayena, trình bày mãnh lực của Vô gián duyên.

Có 5 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ. Năng duyên *akusalam*, như *akusalo dhammo* trong *câu chính*.

Sở duyên *vuṭṭhānassa*, như *abyākatassa dhammassa* trong *câu chính*..

Nói về: *Thời*, *cõi*, *người*, *lộ tâm* như *câu chính*.

Anantarapaccayena trình bày mãnh lực của duyên, như *câu chính*.

Paccayo..

3- Pháp vô ký.**1- Câu vô ký.**

Câu chính. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa anantarapaccayena paccayo:*

“Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Vô gián duyên”.

Câu phụ 1. *Purimā purimā vipākābyākatā kiriyābyākatā khandhā pacchimānaṃ pacchimā - naṃ vipākabyākatānaṃ kiriyābyākatānaṃ khandhānaṃ anantarapaccayena paccayo:*

“Danh uẩn quả và Duy tác sinh trước trước trước trợ cho danh uẩn quả và Duy tác sinh sau sau bằng Vô gián duyên”.

Câu phụ 2. *Bhavaṇṇaṃ āvajjanāya anantarapaccayena paccayo:*

“Hữu phần trợ cho tâm Khai môn bằng Vô gián duyên”.

Câu phụ 3. *Kiriyaṃ vuṭṭhānassa anantarapaccayena paccayo:*

“Đồng lực Duy tác sau cùng và tâm Phán đoán thứ 2 hoặc thứ 3 trợ cho Na cảnh và Hữu phần bằng Vô gián duyên”.

Câu phụ 4. *Arahato anulomaṃ phalasaṃpattiyā anantarapaccayena paccayo:*

“Thuận thứ của bậc Alahán trợ cho nhập thiên quả bằng Vô gián duyên”.

Câu phụ 5. Nirodhā vuṭṭhahantassa nevasaññānāsaññāyatanakiriyaṃ phalasamāpat-tiya anantarapaccayena paccayo:

“*Tâm Duy tác Phi tướng phi phi tướng xứ trợ cho tâm Tứ quả xuất thiên Diệt bằng Vô gián duyên*”.

Phân tích chi pháp.

Câu chính. Abyākato dhammo, chỉ năng duyên là “36 tâm quả, 20 tâm Duy tác sinh trước (trừ tâm tử của bậc Alahán)”.

Abyākatassa dhammassa, chỉ sở duyên là “36 tâm quả, 20 tâm Duy tác cùng với tâm tử của bậc Alahán sinh sau”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật, thời tục sinh, thời cận tử, thời tử.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 4 Thánh Quả theo tương ứng.

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực Dục giới, lộ cận tử, lộ thiên, lộ hiện thông, lộ nhập thiên Diệt, lộ nhập thiên quả.

Anantarapaccayena, trình bày mãnh lực của Vô gián duyên.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Tập hành duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ 1. Purimā purimā vipākābyākatā kiriyābyākatā khandhā, chỉ năng duyên là “36 tâm quả, 20 tâm Duy tác sinh trước (trừ tâm tử của vị Alahán)”.

Pacchimānaṃ vipākabyākatānaṃ khandhānaṃ, chỉ sở duyên là “36 tâm quả, 20 tâm Duy tác sinh sau, tâm tử của vị Alahán”.

Nói về: *Thời, cõi, người, lộ tâm* như **câu chính**.

Anantarapaccayena, trình bày mãnh lực Vô gián duyên, như **câu chính**.

Paccayo...

Câu phụ 2. Bhavaṅgaṃ, chỉ năng duyên là “19 tâm Hữu phần”.

Āvajjanāya, chỉ sở duyên là “tâm Khai ngũ môn, tâm Khai ý môn”.

Nói về: *Thời*. Diển tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 4 Thánh Quả.

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực Dục giới và đồng lực kiên cố.

Anantarapaccayena, trình bày mãnh lực của Vô gián duyên.

Có 5 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ 3. Kiriyaṃ, chỉ năng duyên là “18 tâm đồng lực Duy tác ở sátna sau cùng và tâm Phán đoán thứ 2 hoặc thứ 3”.

Vuṭṭhānassa, chỉ sở duyên là “11 tâm Na cảnh, 19 tâm Hữu phần”:

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Ngư ời. 4 phàm, 4 Thánh Quả.

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ngũ chặng Phán đoán, lộ Ý đồng lực Dục giới, lộ Ý đồng lực Dục giới chặng Phán đoán, lộ thiền, lộ hiện thông.

Anantarapaccayena, trình bày mãnh lực của Vô gián duyên.

Có 5 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ 4. Anulomaṃ, chỉ năng duyên là “4 tâm Duy tác Dục giới có trí ở sátna Thuận thứ”.

Arahato phalasaṃpattiyā, chỉ sở duyên là “tâm Tứ quả”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. Bạc Tứ quả.

Lộ tâm. Lộ nhập thiên quả vô lậu.

Anantarapaccayena, trình bày mãnh lực của duyên, giống như *câu phụ 3*.

Paccayo...

Câu phụ 5. Nevasaññānāsaññāyatana - kiriyaṃ, chỉ năng duyên là “tâm Duy tác Phi tưởng phi phi tưởng xứ”.

Nirodhā vuṭṭhahantassa phalasaṃpattiyā, chỉ sở duyên là “Tâm Tứ quả”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi ngũ uẩn.

Người. Bạc Tứ quả.

Lộ tâm. Năng duyên diễn tiến trong lộ nhập thiên Diệt.

Sở duyên diễn tiến trong sátna xuất khỏi thiên Diệt.

Anantarapaccayena, trình bày mãnh lực của duyên, giống như *câu phụ 3*.

Paccayo...

2- Câu thiện.

Câu chính. *Abyākato dhammo kusalassa dhammassa anantarapaccayena paccayo:*

“*Pháp vô ký trợ cho pháp thiện bằng Vô gián duyên*”.

Câu phụ. *Āvajjanā kusalānaṃ khandhānaṃ anantarapaccayena paccayo:*

“*Tâm Phán đoán và Khai ý môn làm duyên trợ cho tâm đồng lực thiện sátna thứ 1 bằng Vô gián duyên*”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Abyākato dhammo*, chỉ năng duyên là “*tâm Phán đoán và Khai ý môn*”.

Kusalassa dhammassa, chỉ sở duyên là “*sátna thứ 1 đồng lực thiện (của 8 đồng lực Đại thiện)*”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật, thời tục sinh, thời cận tử, thời tử.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 3 Thánh Quả Hữu học.

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý.

Anantarapaccayena, trình bày mãnh lực của 5 duyên như đã đề cập.

Paccayo...

Câu phụ. *Āvajjanā* chi pháp giống như *abyākato dhammo* trong **câu chính**, là năng duyên.

Kusalānaṃ khandhānaṃ chi pháp giống như *kusalassa dhammassa* trong **câu chính**, là sở duyên.

Nói về: *Thời, cõi, người, lộ tâm.* giống như **câu chính**.

Anantarapaccayena, trình bày mãnh lực của duyên, giống như **câu chính**.

Paccayo...

3- Câu bất thiện.

Câu chính. *Abyākato dhammo akusalassa dhammassa anantarapaccayena paccayo:*

“*Pháp vô ký trợ cho pháp bất thiện bằng Vô gián duyên*”.

Câu phụ. *Āvajjanā akusalānaṃ khandhānaṃ anantarapaccayena paccayo:*

“*Tâm Phán đoán và Khai ý môn làm duyên trợ cho tâm đồng lực Bất thiện sátna thứ 1 bằng Vô gián duyên*”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Abyākato dhammo*, chỉ năng duyên là “*tâm Phán đoán và Khai ý môn*”.

Akusalassa dhammassa, chỉ sở duyên là “*12 tâm bất thiện đồng lực thứ 1*”.

Nói về: *Thời, cõi, người, lộ tâm*, giống như *câu chính* “*pháp vô ký trợ cho pháp thiện bằng Vô gián duyên*”.

Anantarapaccayena, trình bày mãnh lực của 5 duyên như đã đề cập.

Paccayo...

Câu phụ. Āvajjanā, giống như *abyākato dhammo* trong *câu chính*.

Akusalānaṃ khandhānaṃ, giống như *akusalassa dhammassa* trong *câu chính*.

Nói về: *Thời, cõi, người, lộ tâm*, giống như trong *câu chính*.

Anantarapaccayena, trình bày mãnh lực của 5 duyên như đã đề cập.

Paccayo...

Thuần túy số lượng câu (suddhasaṃkhayāvāra).

Phần “*yếu tri VÔ GIÁN DUYÊN*” có 7 câu thuần túy là:

- 1- Thiện trợ cho thiện bằng Vô gián duyên.
- 2- Thiện trợ cho vô ký bằng Vô gián duyên.
- 3- Bất thiện trợ cho bất thiện bằng Vô gián duyên.
- 4- Bất thiện trợ cho vô ký bằng Vô gián duyên.
- 5- Vô ký trợ cho vô ký bằng Vô gián duyên.
- 6- Vô ký trợ cho thiện bằng Vô gián duyên.

7- Vô ký trợ cho bất thiện bằng Vô gián duyên.

Vô gián duyên hợp lực (sabhāga).

Có 5 duyên phối hợp với Vô gián duyên là: Đãng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Tập hành duyên, Nghiệp khác thời duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

Dứt “yếu tri VÔ GIÁN DUYÊN”.

5- Yếu tri ĐĂNG VÔ GIÁN DUYÊN.

Phân tích “yếu tri ĐĂNG VÔ GIÁN DUYÊN”, chi pháp, thời, cõi, người, lộ tâm, số lượng thuần túy câu, duyên hợp lực giống như “yếu tri VÔ GIÁN DUYÊN”. Chi thay đổi tên gọi là “Đãng vô gián duyên” mà thôi.

6- Yếu tri ĐỒNG SINH DUYÊN.

A- Pháp thiện.

1- Câu thiện.

Câu chính. Kusalo dhammo kusalassa dhammassa saha-jātapaccayena paccayo⁽¹⁾.

“Pháp thiện trợ cho pháp thiện bằng Đồng sinh duyên”.

Câu phụ 1. Kusalo eko khandho tiṇṇaṇaṃ khandhānaṃ saha-jātapaccayena paccayo:

(1)- “Thiện trợ cho thiện” được mãnh lực của 6 duyên: Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

“Một danh uẩn thiện làm duyên trợ cho 3 danh uẩn thiện còn lại bằng Đồng sinh duyên”.

Câu phụ 2. Tayo khandhā ekassa khandhassa saḥajātapaccayena paccayo:

“Ba danh uẩn thiện làm duyên trợ cho 1 danh uẩn thiện còn lại bằng Đồng sinh duyên”.

Câu phụ 3. Dve khandhā dvinnam khandhānam saḥajātapaccayena paccayo:

“Hai danh uẩn thiện làm duyên trợ cho 2 danh uẩn thiện còn lại bằng Đồng sinh duyên”.

2- Câu vô ký.

Câu chính. Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa saḥajātapaccayena paccayo⁽¹⁾:

“Pháp thiện trợ cho pháp vô ký bằng Đồng sinh duyên”.

Câu phụ. Kusalā khandhā cittasamuṭṭhānānam rupānam saḥajātapaccayena paccayo:

“Bốn danh uẩn thiện làm duyên trợ cho sắc Tâm thiện bằng Đồng sinh duyên”.

3- Câu thiện và vô ký.

Câu chính. Kusalo dhammo kusalassa ca

(1)- “Thiện trợ cho vô ký” được mãnh lực của 5 duyên: Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

abyākatassa ca dhammassa saha jātapaccayena paccayo ⁽¹⁾:

“Pháp thiện trợ cho pháp thiện và vô ký bằng Đồng sinh duyên”.

Câu phụ 1. Kusalo eko khandho tiṇṇannaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānañca rupānaṃ saha jātapaccayena paccayo:

“Một danh uẩn thiện làm duyên trợ cho 3 danh uẩn thiện còn lại và sắc Tâm thiện bằng Đồng sinh duyên”.

Câu phụ 2. Tayo khandhā ekassa khandhassa cittasamuṭṭhānānañca rupānaṃ saha jātapaccayena paccayo:

“Ba danh uẩn thiện làm duyên trợ cho 1 danh uẩn thiện còn lại và sắc Tâm thiện bằng Đồng sinh duyên”.

Câu phụ 3. Dve khandhā dvinnaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānañca rupānaṃ saha jātapaccayena paccayo:

“Hai danh uẩn thiện làm duyên trợ cho 2 danh uẩn thiện còn lại và sắc Tâm Thiện bằng Đồng sinh duyên”.

(1)- “Thiện trợ cho thiện và vô ký” được mãnh lực của 4 duyên: Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

B- Pháp bất thiện ⁽¹⁾.

1 - Câu bất thiện. Akusalo dhammo akusalassa dhammassa sahaḥātapaccayena paccayo:

“Pháp bất thiện trợ cho pháp bất thiện bằng Đồng sinh duyên”.

Câu phụ 1. Akusalo eko khandho tiṇṇannaṃ khandhānaṃ sahaḥātapaccayena paccayo:

“Một danh uẩn bất thiện làm duyên trợ cho 3 danh uẩn bất thiện còn lại bằng Đồng sinh duyên”.

Câu phụ 2. Tayo khandhā ekassa khandhassa sahaḥātapaccayena paccayo:

“Ba danh uẩn bất thiện làm duyên trợ cho 1 danh uẩn bất thiện còn lại bằng Đồng sinh duyên”.

Câu phụ 3. Dve khandhā dvinnaṃ khandhānaṃ sahaḥātapaccayena paccayo:

“Hai danh uẩn bất thiện làm duyên trợ cho 2 danh uẩn bất thiện còn lại bằng Đồng sinh duyên”.

2- Câu vô ký.

Câu chính. Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa sahaḥātapaccayena paccayo:

“Pháp bất thiện trợ cho pháp vô ký bằng Đồng sinh duyên”.

Câu phụ. Akusalā khandhā cittasamuṭṭhānānaṃ rupānaṃ

(1)- Được mãnh lực của 6, 5, 4 duyên, giống như câu trên.

sahajātapaccayena paccayo:

“Bốn danh uẩn bất thiện làm duyên trợ cho sắc Tâm bất thiện bằng Đồng sinh duyên”.

3- Câu bất thiện và vô ký.

Câu chính. Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa saha jātapaccayena paccayo:

“Pháp bất thiện trợ cho pháp bất thiện và vô ký bằng Đồng sinh duyên”.

Câu phụ 1. Akusalo eko khandho tiṇṇannaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānañca rupānaṃ saha jātapaccayena paccayo:

“Một danh uẩn bất thiện làm duyên trợ cho 3 danh uẩn bất thiện còn lại và sắc Tâm bất thiện bằng Đồng sinh duyên”.

Câu phụ 2. Tayo khandhā ekassa khandhassa cittasamuṭṭhānānañca rupānaṃ saha jātapaccayena paccayo:

“Ba danh uẩn bất thiện làm duyên trợ cho 1 danh uẩn bất thiện còn lại và sắc Tâm bất thiện bằng Đồng sinh duyên”.

Câu phụ 3. Dve khandhā dvinnānaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānañca rupānaṃ saha jātapaccayena paccayo:

“Hai danh uẩn bất thiện làm duyên trợ cho 2 danh uẩn bất thiện còn lại và sắc Tâm bất thiện bằng Đồng sinh duyên”.

Phân tích câu và chỉ pháp.

Trong câu thiện và câu bất thiện nên hiểu theo lời dịch không có gì đặc biệt.

C- Pháp vô ký.***1- Câu vô ký.***

Câu chính. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa saha jātapaccayena paccayo:*

“Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Đồng sinh duyên”.

Câu phụ 1. *Vipākābyākato kiriyābyākato eko khandho tiṇṇannaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānaṃ rupānaṃ saha jātapaccayena paccayo:*

“Một danh uẩn quả và Duy tác làm duyên trợ cho 3 danh uẩn quả và Duy tác còn lại lẫn sắc Tâm quả và Duy tác bằng Đồng sinh duyên”.

Câu phụ 2. *Tayo khandhā ekassa khandhassa cittasamuṭṭhānānaṃ rupānaṃ saha jātapaccayena paccayo:*

“Ba danh uẩn quả và Duy tác làm duyên trợ cho 1 danh uẩn quả và Duy tác còn lại lẫn sắc Tâm quả và Duy tác bằng Đồng sinh duyên”.

Câu phụ 3. *Dve khandhā dvinnaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānaṃ rupānaṃ saha jātapaccayena paccayo:*

“Hai danh uẩn quả và Duy tác làm duyên trợ cho 2 danh uẩn quả và Duy tác còn lại lẫn sắc Tâm quả và Duy tác bằng Đồng sinh duyên”.

Câu phụ 4. Paṭisandhikhaṇe vipākābyākato eko khandho tiṇṇannaṃ khandhānaṃ kaṭattā ca rupānaṃ saha-jātapaccayena paccayo:

“Vào sátna tục sinh, 1 danh uẩn quả làm duyên trợ cho 3 danh uẩn quả còn lại và sắc Nghiệp bằng Đồng sinh duyên”.

Câu phụ 5. Tayo khandhā ekassa khandhassa kaṭattā ca rupānaṃ saha-jātapaccayena paccayo:

“Vào sátna tục sinh 3 danh uẩn quả làm duyên trợ cho 1 danh uẩn quả còn lại và sắc Nghiệp bằng Đồng sinh duyên”.

Câu phụ 6. Dve khandhā dvinnāṃ khandhā - naṃ kaṭattā ca rupānaṃ saha-jātapaccayena paccayo:

“Vào sátna tục sinh 2 danh uẩn quả làm duyên trợ cho 2 danh uẩn quả còn lại và sắc Nghiệp bằng Đồng sinh duyên”.

Câu phụ 7. Khandhā vatthussa saha-jātapaccayena paccayo:

“Bốn danh uẩn tục sinh làm duyên trợ cho sắc Ý vật tục sinh bằng Đồng sinh duyên”.

Câu phụ 8. Vatthu khandhānaṃ saha-jātapaccayena paccayo:

“Sắc Ý vật tục sinh làm duyên trợ cho 4 danh uẩn tục sinh bằng Đồng sinh duyên”.

Câu phụ 9. Ekaṃ mahābhūtaṃ tiṇṇannaṃ mahābhūtānaṃ sahaajātapaccayena paccayo, tayo mahābhūtā ekassa mahābhūtassa sahaajātapaccayena paccayo, dve mahābhūtā dvinnaṃ mahābhūtānaṃ sahaajātapaccayena paccayo:

“Một sắc tứ đại Nghiệp tục sinh, bình nhật và sắc Tâm làm duyên trợ cho 3 sắc tứ đại Nghiệp tục sinh, bình nhật và sắc Tâm còn lại, hoặc 3 sắc tứ đại Nghiệp tục sinh, bình nhật và sắc Tâm làm duyên trợ cho 1 sắc tứ đại Nghiệp tục sinh, bình nhật và sắc Tâm còn lại, hoặc 2 sắc tứ đại Nghiệp tục sinh, bình nhật và sắc Tâm làm duyên trợ cho 2 sắc tứ đại Nghiệp tục sinh, bình nhật và sắc Tâm còn lại bằng Đồng sinh duyên”.

Câu phụ 10. Mahābhūtā cittasamuṭṭhā -nānaṃ rūpānaṃ kaṭattārūpānaṃ upādārū -pānaṃ sahaajātapaccayena paccayo:

“Bốn sắc tứ đại Nghiệp tục sinh, bình nhật và sắc Tâm làm duyên trợ cho sắc Ý sinh Nghiệp tục sinh, bình nhật và sắc Tâm bằng Đồng sinh duyên”.

Câu phụ 11. Bāhiraṃ ekaṃ mahābhūtaṃ tiṇṇannaṃ mahābhūtānaṃ sahaajātapaccayena paccayo, tayo mahābhūtā ekassa mahābhūtassa sahaajātapaccayena paccayo, dve mahābhūtā dvinnaṃ mahābhūtānaṃ sahaajātapaccayena paccayo, mahābhūtā upādārūpānaṃ sahaajātapaccayena paccayo:

“Một sắc tứ đại ngoại làm duyên trợ cho 3 sắc tứ đại ngoại còn lại, hoặc 3 sắc tứ đại ngoại làm duyên trợ cho 1 sắc tứ đại ngoại còn lại, hoặc 2 sắc tứ đại ngoại làm duyên trợ cho 2 sắc tứ đại ngoại còn lại, hoặc 4 sắc tứ đại ngoại làm duyên trợ cho sắc Y sinh ngoại bằng Đồng sinh duyên”.

Câu phụ 12. Āhārasamuṭṭhānaṃ ekaṃ mahābhūtaṃ tiṇṇannaṃ mahābhūtānaṃ sahaajātapaccayena paccayo, tayo mahābhūtā ekassa mahābhūtassa sahaajātapaccayena paccayo, dve mahābhūtā dvinnaṃ mahābhūtā - naṃ sahaajātapaccayena paccayo, mahābhūtā upādārūpānaṃ sahaajātapaccayena paccayo:

“Một sắc tứ đại Vật thực làm duyên trợ cho 3 sắc tứ đại Vật thực còn lại, hoặc 3 sắc tứ đại Vật thực làm duyên trợ cho 1 sắc tứ đại Vật thực còn lại, hoặc 2 sắc tứ đại Vật thực làm duyên trợ cho 2 sắc tứ đại Vật thực còn lại, hoặc 4 sắc tứ đại Vật thực làm duyên trợ cho sắc y sinh Vật thực bằng Đồng sinh duyên”.

Câu phụ 13. Utusamuṭṭhānaṃ ekaṃ mahābhūtaṃ tiṇṇannaṃ mahābhūtānaṃ sahaajātapaccayena paccayo, tayo mahābhūtā ekassa mahābhūtassa sahaajātapaccayena paccayo, dve mahābhūtā dvinnaṃ mahābhūtā - naṃ sahaajātapaccayena paccayo, mahābhūtā upādārūpānaṃ sahaajātapaccayena paccayo:

“Một sắc tứ đại Thời tiết làm duyên trợ cho 3 sắc tứ đại Thời tiết còn lại, hoặc 3 sắc tứ đại Thời tiết

làm duyên trợ cho 1 sắc tứ đại Thời tiết còn lại, hoặc 2 sắc tứ đại Thời tiết làm duyên trợ cho 2 sắc tứ đại Thời tiết còn lại, hoặc 4 sắc tứ đại Thời tiết làm duyên trợ cho sắc y sinh Thời tiết bằng Đồng sinh duyên”.

Câu phụ 14. *Asaññasattānaṃ ekaṃ mahābhū -
taṃ tiṇṇannaṃ mahābhūtānaṃ saha jātapacca -
yena paccayo, tayo mahābhūtā ekassa mahābhū -
tassa saha jātapaccayena paccayo, dve mahābhūtā
dvinnāṃ mahābhūtānaṃ saha jātapaccayena
paccayo, mahābhūtā kaṭattārūpanaṃ upādārū -
pānaṃ saha jātapaccayena paccayo:*

“Một sắc tứ đại Nghiệp Vô tướng làm duyên trợ cho 3 sắc tứ đại Nghiệp Vô tướng còn lại, hoặc 3 sắc tứ đại Nghiệp Vô tướng làm duyên trợ cho 1 sắc tứ đại Nghiệp Vô tướng còn lại, hoặc 2 sắc tứ đại Nghiệp Vô tướng làm duyên trợ cho 2 sắc tứ đại Nghiệp Vô tướng còn lại, hoặc 4 sắc tứ đại Nghiệp Vô tướng làm duyên trợ cho sắc y sinh Nghiệp Vô tướng bằng Đồng sinh duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Abyākato dhammo*, chỉ năng duyên là “36 tâm quả, 20 tâm Duy tác diễn tiến trong thời bình nhật, thời tục sinh và thời tử trong cõi ngũ uẩn, sắc Ý vật tục sinh và 4 sắc tứ đại hiển của mỗi loại”.

Abyākatassa dhammassa, chỉ sở duyên là “36 tâm quả, 20 tâm Duy tác, sắc Tâm quả và Duy tác, sắc Nghiệp tục sinh trong cõi ngũ uẩn, sắc Ý vật tục sinh và 4 sắc tứ đại của mỗi loại, tất cả sắc Y sinh”.

VI DIỆU PHÁP ❁

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời tục sinh, thời bình nhật, thời tử, ngoại thời.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn, cõi nhất uẩn.

Người. 4 phàm, 4 Thánh Quả.

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực Dục giới, lộ cận tử, lộ thiên, lộ hiện thông, lộ đắc Đạo, lộ nhập thiên Quả

Sahajātapaccayena, cho biết mãnh lực của Đồng sinh duyên.

Có 8 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh duyên, Hổ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ 1 - 2 - 3. Vipākābyākato
kiriyaḅbyākato eko khandho, tayo khandā, dve khandhā, chỉ năng duyên là “1 hoặc 3 hoặc 2 danh uẩn quả và Duy tác là: 36 tâm quả, 20 tâm Duy tác”.

Tiṇṇannaṃ khandhānaṃ, ekassa khandhassa, dvinnaṃ khandhānaṃ, cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ, chỉ sở duyên là “3 hoặc 1 hoặc 2 danh uẩn quả và Duy tác còn lại là: 36 tâm quả, 20 tâm Duy tác; sắc Tâm quả, sắc tâm Duy tác như: Sắc, Thính, Mùi, Vị, Xúc, hơi thở, Thân biểu tri, Ngũ biểu tri ...”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật và thời tử

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 4 Thánh Quả.

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực Dục giới, lộ cận tử, lộ thiên, lộ hiện thông, lộ đắc Đạo, lộ nhập thiên Quả.

Sahajātapaccayena ⁽¹⁾, cho biết mãnh lực của Đồng sinh duyên.

Có 5 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ 4 - 5- 6. Paṭisandhikhaṇe vipākābyākato eko khandho, tayo khandhā, dve khandhā, chỉ năng duyên là “1 hoặc 3 hoặc 2 danh uẩn Tục sinh là: 19 tâm tục sinh”.

Tiṇṇannaṃ khandhānaṃ, ekassa khandhassa, dvinnaṃ khandhānaṃ, kaṭattā ca rupānaṃ, chỉ sở duyên là “3 hoặc 1 hoặc 2 danh uẩn Tục sinh còn lại là: 19 tâm tục sinh: sắc Nghiệp tục

(1) Duyên tấu hợp trong câu phụ thứ 1, 2, 3 này được 8 duyên (trong cõi ngũ uẩn) hoặc 7 duyên (trừ đồng sinh bất tương ưng ra trong cõi tứ uẩn) là: Đồng sinh duyên, Hồ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên cũng diễn tiến được. Sự kiện mà Hồ tương duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên vào hỗ trợ được, bởi vì 3 duyên này nói theo tính chất lẫn chi pháp của năng duyên và sở duyên cũng hiện hữu rõ ràng. vì vậy, cả 3 duyên này mới được tính vào.

Xem câu phụ của Nhân duyên trong câu vô ký làm dẫn chứng.

sinh như Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, sắc Ý vật, sắc Mạng quyền”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời tục sinh

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn theo tương ứng.

Người. 4 phàm, 3 Thánh Quả hữu học.

Lộ tâm. Lộ chủ quan (*vithīmuttacitta*) ngay sátna sinh của tâm Tục sinh và lộ sắc trong thời tục sinh.

Sahajātapaccayena, cho biết mãnh lực của Đồng sinh duyên.

Có 5 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ 7 - 8.⁽¹⁾ *Khandhā vatthu*, chỉ năng duyên là “4 danh uẩn tục sinh trong cõi ngũ uẩn, sắc Ý vật tục sinh”.

Vatthussa khandhānaṃ, chỉ sở duyên là “sắc Ý vật tục sinh, 4 danh uẩn tục sinh trong cõi ngũ uẩn”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời tục sinh

Cõi. Cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 3 Thánh Quả hữu học.

Lộ tâm. Lộ chủ quan ngay sátna sinh của tâm tục sinh và lộ sắc trong thời tục sinh.

(1)- Trong câu phụ thứ 8 được 6 duyên (trừ Quả duyên).

Sahajātapaccayena, cho biết mãnh lực của Đồng sinh duyên.

Có 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ 9. Ekaṃ mahābhūtaṃ, tayo mahābhūtā, dve mahābhūtā, chỉ năng duyên là “1 hoặc 3 hoặc 2 sắc tứ đại Nghiệp bình nhật, tục sinh và sắc Tâm”.

Tiṇṇannaṃ mahābhūtānaṃ, ekassa mahābhūtassa, dvinnaṃ mahābhūtānaṃ, chỉ sở duyên là “3 hoặc 1 hoặc 2 sắc tứ đại Nghiệp bình nhật, tục sinh và sắc Tâm còn lại.”

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời tục sinh, thời bình nhật

Cõi. Cõi ngũ uẩn.

Ngươi. 4 phàm, 4 Thánh Quả

Lộ tâm. Lộ sắc trong thời tục sinh, thời bình nhật.

Sahajātapaccayena, cho biết mãnh lực của Đồng sinh duyên.

Có 5 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ 10. *Mahābhūtā*, chỉ năng duyên là “4 sắc tứ đại Nghiệp bình nhật, tục sinh và sắc Tâm”.

Cittasamutṭhānaṃ rūpānaṃ, kaṭattārūpānaṃ upādārupānaṃ, chỉ năng duyên “sắc y sinh Nghiệp bình nhật, tục sinh và sắc Tâm”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời tục sinh, thời bình nhật

Cõi. Cõi ngũ uẩn

Người. 4 phàm, 4 Thánh Quả

Lộ tâm. Lộ sắc trong thời tục sinh, thời bình nhật.

Sahajātapaccayena, cho biết mãnh lực của Đồng sinh duyên.

Có 4 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ 11. *Bāhiraṃ ekaṃ mahābhūtaṃ, tayo mahābhūtā, dve mahābhūtā. Mahābhūtā*, chỉ năng duyên là “1 hoặc 3 hoặc 2 hoặc 4 sắc tứ đại ngoại”.

Tiṇṇannaṃ mahābhūtānaṃ, ekassa mahābhūtassa, dvinnaṃ mahābhūtānaṃ, Upādānaṃ, chỉ chi pháp sở duyên là “3 hoặc 1 hoặc 2 sắc tứ đại ngoại và sắc y sinh ngoại”.

Nói về: *Thời*. Không liên quan với thời (không liên quan với thời tục sinh, bình nhật và tử)

Cõi. Cõi ngũ uẩn.

Người. Ngoài người ra tức tất cả vật vô thức.

Lộ tâm. Lộ sắc ngoài người ra.

Sahajātapaccayena, cho biết mãnh lực của Đồng sinh duyên.

Có 5 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau: Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ 12. *Āhārasamuṭṭhānaṃ ekaṃ mahābhūtaṃ, tayo mahābhūtā, dve mahābhūtā.* ***Mahābhūtā***, chỉ năng duyên là “1 hoặc 3 hoặc 2 hoặc 4 sắc tứ đại Vật thực”.

Tiṇṇannaṃ mahābhūtānaṃ, ekassa mahābhūtassa, dvinnaṃ mahābhūtānaṃ, Upādānaṃ, chỉ sở duyên là “3 hoặc 1 hoặc 2 sắc tứ đại Vật thực còn lại và sắc y sinh Vật thực”.

Nói về: *Thời*, Diễn tiến trong thời bình nhật

Cõi. Cõi Dục giới

Người. 4 phàm, 4 bậc Thánh Quả

Lộ tâm. Lộ sắc.

Sahajātapaccayena, cho biết mãnh lực của Đồng sinh duyên.

Có 5 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau: Đồng sinh duyên, Hô tương duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ 13. Utusamuṭṭhānaṃ ekaṃ mahābhūtaṃ, tayo mahābhūtā, dve mahābhūtā. Mahābhūtā, chỉ năng duyên là “1 hoặc 3 hoặc 2 hoặc 4 sắc tứ đại Thời tiết”.

Tiṇṇannaṃ mahābhūtānaṃ, ekassa mahābhūtassa, dvinnaṃ mahābhūtānaṃ. Upādārūpānaṃ, chỉ sở duyên là “3 hoặc 1 hoặc 2 sắc tứ đại Thời tiết còn lại và sắc y sinh Thời tiết”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi ngũ uẩn, cõi nhất uẩn.

Ngư ời. 4 phàm, 4 bậc Thánh Quả

Lộ tâm. Lộ sắc

Sahajātapaccayena, cho biết mãnh lực của Đồng sinh duyên.

Có 5 duyên phối hợp với nhau (như **câu phụ 12**).

Paccayo...

Câu phụ 14 ⁽¹⁾: *Asaññasattānaṃ ekaṃ mahābhūtaṃ, tayo mahābhūtā, dve mahābhūtā. Mahābhūtā* chỉ năng duyên là “1 hoặc 3 hoặc 2 hoặc 4 sắc tứ đại Nghiệp tục sinh Vô tướng và bình nhật”.

Tiṇṇannaṃ mahābhūtānaṃ, ekassa mahābhūtassa, dvinnaṃ mahābhūtānaṃ, kaṭattārūpanaṃ. Upādārūpanaṃ, chỉ sở duyên là “3 hoặc 1 hoặc 2 sắc tứ đại Nghiệp tục sinh Vô tướng và bình nhật còn lại, và sắc y sinh nghiệp tục sinh Vô tướng và bình nhật”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời tục sinh, thời bình nhật.

Cõi. Cõi nhất uẩn.

Người. Phạm thiên Vô tướng

Lộ tâm. Lộ sắc.

Sahajātapaccayena, cho biết mãnh lực của Đồng sinh duyên.

Có 5 duyên như **câu phụ 12**.

Paccayo...

2- Câu thiện và vô ký.

Câu chính. *Kusalo ca abyākato ca dhammā abyākatassa dhammassa saha jātapaccayena pac*

(1)- Câu phụ thứ 11, 12, 13, 14 trong giữa 4 sắc tứ đại làm duyên trợ cho 24 sắc y sinh được 4 duyên: Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

-cayo:

“*Pháp thiện và vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Đồng sinh duyên*”

Câu phụ. *Kusalā khandhā ca mahābhūtā ca cittasamuttāhānaṃ rūpānaṃ saha-jātapac-cayena paccayo:*

“4 danh uẩn thiện và 1-3-2 hoặc 4 sắc tứ đại Tâm thiện làm duyên trợ cho 3- 1 -2 sắc tứ đại Tâm thiện và sắc y sinh Tâm thiện bằng Đồng sinh duyên”.

Phân tích câu và chỉ pháp.

Câu chính. *Kusalō ca abyākato ca dhammā*, chỉ năng duyên là “4 danh uẩn thiện là 21 Tâm thiện, 1 hoặc 3 hoặc 2 hoặc 4 sắc tứ đại Tâm thiện”.

Abyākatassa dhammassa, chỉ năng duyên là “3 hoặc 1 hoặc 2 sắc tứ đại Tâm thiện còn lại và sắc y sinh Tâm thiện”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi ngũ uẩn

Người. 4 phàm, 7 bậc Thánh trừ bậc Tứ quả.

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực Dục giới, lộ thiên, lộ hiện thông, lộ đặc Đạo.

Saha-jātapaccayena, cho biết mãnh lực của Đồng sinh duyên.

Có 4 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là:

Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ. *Kusalā khandhā ca mahābhūtā ca*, chi pháp như *kusalo ca abyākato ca dhammā* trong **câu chính**..

Cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ, chi pháp như *abyākatassa dhammassa* trong **câu chính**.

Nói về: Thời, cõi, người, lộ tâm cho đến *sahajātapaccayena*, giống như trong **câu chính**.

Paccayo...

3- Câu bất thiện và vô ký.

Câu chính. *Akusalo ca abyākato ca dhammā abyākatassa dhammassa saha jātapaccayena paccayo:*

“Pháp bất thiện và vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Đồng sinh duyên”.

Câu phụ. *Akusalā khandhā ca mahābhūtā ca cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ saha jātapaccayena paccayo:*

“4 danh uẩn bất thiện và 1-3-2 hoặc 4 sắc tứ đại Tâm bất thiện làm duyên trợ cho 3-1-2 sắc tứ đại Tâm bất thiện và sắc y sinh Tâm bất thiện bằng Đồng sinh duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Akusalo ca abyākato ca dham*

-*mā*, chỉ năng duyên là “4 danh uẩn Bất thiện là 12 tâm bất thiện và 1 hoặc 3 hoặc 2 hoặc 4 sắc tứ đại Tâm bất thiện”.

Abyākatassa dhammassa, chỉ sở duyên là “3 hoặc 1 hoặc 2 sắc tứ đại Tâm bất thiện còn lại và sắc y sinh Tâm bất thiện”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật

Cõi. Cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 3 thánh Quả hữu học

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực Dục giới.

Sahajātapaccayena, cho biết mãnh lực của Đồng sinh duyên .

Có 4 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau: Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ. *Akusalā khandhā ca mahābhūtā ca*, chi pháp như *akusalo ca abyākato ca dhammā* trong *câu chính*.

Cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ, chi pháp như *abyākatassa dhammassa* trong *câu chính*.

Nói về: *Thời, cõi, người, lộ tâm* cho đến mãnh lực của Đồng sinh duyên như *câu chính*.

Paccayo...

Phần thuần túy số lượng câu (suddhasamkhaṃkayā-vāra).

Yếu tri ĐỒNG SINH DUYÊN, thuần túy có 9 câu là:

- 1- Thiện trợ cho thiện bằng Đồng sinh duyên.
- 2- Thiện trợ cho vô ký bằng Đồng sinh duyên.
- 3- Thiện trợ cho thiện và vô ký bằng Đồng sinh duyên.
- 4- Bất thiện trợ cho bất thiện bằng Đồng sinh duyên.
- 5- Bất thiện trợ cho vô ký bằng Đồng sinh duyên.
- 6- Bất thiện trợ cho bất thiện và vô ký bằng Đồng sinh duyên.
- 7- Vô ký trợ cho vô ký bằng Đồng sinh duyên.
- 8- Thiện và Vô ký trợ cho vô ký bằng Đồng sinh duyên.
- 9- Bất thiện và Vô ký trợ cho vô ký bằng Đồng sinh duyên.

Đồng sinh duyên hợp lực.

Có 7 duyên hợp lực với Đồng sinh duyên là: Hối tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Dứt “yếu tri ĐỒNG SINH DUYÊN”.

7- Yếu tri HỒ TƯƠNG DUYÊN.

A- Pháp thiện.

1- Câu thiện.

Câu chính. Kusalo dhammo kusalassa dhammassa aññamaññapaccayena paccayo:

“Pháp thiện trợ cho pháp thiện bằng Hồ tương duyên”.

Câu phụ. Kusalo eko khandho tiṇṇannaṃ khandhānaṃ aññamaññapaccayena paccayo, tayo khandhā ekassa khandhassa aññamaññapaccayena paccayo, dve khandhā devinnaṃ khandhānaṃ aññamaññapaccayena paccayo:

“Một danh uẩn thiện trợ cho 3 danh uẩn thiện còn lại, 3 danh uẩn thiện trợ cho 1 danh uẩn thiện còn lại, 2 danh uẩn thiện trợ cho 2 danh uẩn thiện còn lại bằng Hồ tương duyên”.

2- Câu bất thiện.

Câu chính. Akusalo dhammo akusalassa dhammassa aññamaññapaccayena paccayo:

“Pháp bất thiện trợ cho pháp bất thiện bằng Hồ tương duyên”.

Câu phụ. Akusalo eko khandho tiṇṇannaṃ khandhānaṃ aññamaññapaccayena paccayo, tayo khandhā ekassa khandhassa aññamaññapaccayena paccayo, dve khandhā

dvinnam khandhānaṃ aññamaññapaccayena paccayo:

“Một danh uẩn bất thiện trợ cho 3 danh uẩn bất thiện còn lại, 3 danh uẩn bất thiện trợ cho 1 danh uẩn bất thiện còn lại, 2 danh uẩn bất thiện trợ cho 2 danh uẩn Bất thiện còn lại bằng Hồ tương duyên”.

3- Câu vô ký.

Câu chính. **Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa aññamaññapaccayena paccayo:**

“Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Hồ tương duyên”.

Câu phụ 1. **Vipākābyākato kiriyābyākato eko khandho tiṇṇannaṃ khandhānaṃ aññamaññapaccayena paccayo, tayo khandhā ekassa khandhassa aññamaññapaccayena paccayo, dve khandhā dvinnam khandhānaṃ aññamaññapaccayena paccayo:**

“Một danh uẩn quả và Duy tác trợ cho 3 danh uẩn quả và Duy tác còn lại, 3 danh uẩn quả và Duy tác trợ cho 1 danh uẩn quả và Duy tác còn lại, 2 danh uẩn quả và Duy tác trợ cho 2 danh uẩn quả và Duy tác còn lại bằng Hồ tương duyên”.

Câu phụ 2. **Paṭisandhikhaṇe vipākābyākato eko khandho tiṇṇannaṃ khandhānaṃ vatthussa ca aññamaññapaccayena paccayo, tayo khandhā ekassa khandhassa vatthussa ca aññamaññapaccayena paccayo, dve khandhā dvinnam khandhānaṃ vatthussa ca aññamaññapaccayena paccayo:**

VI ĐIỀU PHÁP *

“Vào sátna Tục sinh, một danh uẩn quả trợ cho 3 danh uẩn quả còn lại và sắc Ý vật, hoặc 3 danh uẩn quả trợ cho 1 danh uẩn quả còn lại và sắc Ý vật, hoặc 2 danh uẩn quả trợ cho 2 danh uẩn quả còn lại và sắc Ý vật bằng Hổ tương duyên”.

Câu phụ 3. Khandhā vatthussa aññamaññapaccayena paccayo, vatthu khandhānaṃ aññamaññapaccayena paccayo:

“Bốn danh uẩn Tục sinh trợ cho sắc Ý vật tục sinh, hoặc sắc ý vật Tục sinh trợ cho 4 danh uẩn Tục sinh bằng Hổ tương duyên”.

Câu phụ 4. Ekam mahābhūtaṃ tiṇṇannaṃ mahābhūtānaṃ aññamaññapaccayena paccayo, tayo mahābhūtā ekassa mahābhūtassa aññamaññapaccayena paccayo, dve mahābhūtā dvinnaṃ mahābhūtānaṃ aññamaññapaccayena paccayo:

“Một sắc tứ đại Tâm, Nghiệp tục sinh và bình nhật trợ cho 3 sắc tứ đại Tâm, Nghiệp tục sinh và bình nhật còn lại; hoặc 1 sắc tứ đại Tâm, Nghiệp tục sinh và bình nhật trợ cho 3 sắc tứ đại Tâm, Nghiệp tục sinh và bình nhật còn lại; hoặc 2 sắc tứ đại Tâm, Nghiệp tục sinh và bình nhật trợ cho 2 sắc tứ đại Tâm, Nghiệp tục sinh và bình nhật còn lại bằng Hổ tương duyên”.

Câu phụ 5. Bāhiraṃ āhārasamuṭṭhānaṃ utusamuṭṭhānaṃ asaññasattānaṃ ekam mahābhūtaṃ tiṇṇannaṃ mahābhūtaṃ aññamaññapaccayena paccayo, tayo mahābhūtā

**ekassa mahābhūtaṣṣa aññamaññapaccayena
paccayo, dve mahābhūtā dvinnam
mahābhūtānaṃ aññamaññapaccayena paccayo:**

“Một sắc tứ đại Ngoại, Vật thực, Thời tiết và nghiệp Vô tướng trợ cho 3 sắc tứ đại Ngoại, Vật thực, Thời tiết và nghiệp Vô tướng còn lại; hoặc 3 sắc tứ đại Ngoại, Vật thực, Thời tiết và nghiệp Vô tướng trợ cho 1 sắc tứ đại Ngoại, Vật thực, Thời tiết và nghiệp Vô tướng còn lại; hoặc 2 sắc tứ đại Ngoại, Vật thực, Thời tiết và nghiệp Vô tướng trợ cho 2 sắc tứ đại Ngoại, Vật thực, Thời tiết và nghiệp Vô tướng còn lại bằng Hỗ tương duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Về chi pháp, thờ, cõi, người, lộ tâm diễn tiến tương tự như Đồng sinh duyên.

Thuần tuý số lượng câu.

Thuần tuý có ba câu là:

- 1- Thiện trợ thiện bằng Hỗ tương duyên.
- 2- Bất thiện trợ bất thiện bằng Hỗ tương duyên.
- 3- Vô ký trợ vô ký bằng Hỗ tương duyên.

Hỗ tương duyên hợp lực.

Hỗ tương duyên có 7 duyên hợp lực là: Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Dứt “yếu tri HỖ TƯƠNG DUYÊN”.

8- Yếu tri Y DUYÊN.

Y duyên phân tích rộng thành 3 duyên là: Đồng sinh y duyên, Vật tiền sinh duyên, Vật - cảnh tiền sinh y duyên..

Đồng sinh y duyên. Chi pháp, thời, cõi, người, lộ tâm, số lượng câu, duyên hợp lực như Đồng sinh duyên, chỉ đổi tên là “Đồng sinh y duyên”.

I- Yếu tri VẬT TIỀN SINH Y DUYÊN.

1- Pháp vô ký.

Câu vô ký.

Câu chính. Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa vatthupurejātapaccayena paccayo:

“Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Vật tiền sinh y duyên”.

Câu phụ 1. Cakkhāyatanam cakkhuviññāṇassa, sotāyatanam sotaviññāṇassa, ghāṇāyatanam ghānaviññāṇassa jivhāyatanam jvhāviññāṇassa kāyāyatana kāyaviññāṇassa vatthupurejātapaccayena paccayo:

“Nhãn xứ trợ cho Nhãn thức, Nhĩ xứ trợ cho Nhĩ thức, Mùi xứ trợ cho Tỷ thức, Vị xứ trợ cho Thiệt thức, Xúc xứ trợ cho Thân thức bằng Vật tiền sinh y duyên”.

Câu phụ 2. Vatthu vipākābyākatānaṃ kiriyābyākatānaṃ khandhānaṃ vatthupurejaatanissayapaccayena paccayo:

“Sắc Ý vật bình nhật trợ cho 4 danh uẩn quả và Duy tác bằng Vật tiền sinh y duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Abyākato dhammo*, chỉ năng duyên là “6 vật: 5 sắc Thân kinh trung thọ, đồng sinh với tâm hữu phần Vừa qua đầu tiên; sắc Ý vật đồng sinh với tâm sinh trước như tâm Tục sinh ... sắc ý vật ước định đồng sinh với tâm sinh trước khi xuất khỏi thiền Diệt, 6 sắc vật đồng sinh với tâm thứ 17 tính từ tâm từ trở lui”.

Hoặc là: “Năng duyên là 6 sắc vật trong thời trụ 49 sátna tiểu”.

Abyākatassa dhammassa, chỉ sở duyên là “7 Giới thức sinh sau là: 32 tâm quả (trừ 4 tâm quả Vô sắc giới) như tâm Hữu phần sátna thứ 1 ... 20 tâm Duy tác như tâm Khai ngũ môn”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật, thời cận tử.

Cõi. Cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 4 Thánh quả.

Lộ tâm. Lộ ngũ môn, lộ ý đồng lực Dục giới, lộ cận tử, lộ thiền, lộ hiện thông, lộ đắc đạo, lộ nhập thiền quả, lộ nhập thiền diệt.

Vatthupurejātapaccayena, cho biết mãnh lực của Vật tiền sinh y duyên.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Vật tiền sinh y duyên, Vật tiền sinh duyên, Vật tiền sinh quyền duyên, vật tiền sinh bất tương ưng duyên, Vật tiền sinh hiện hữu duyên, Vật tiền sinh bất ly duyên.

Paccayo ...

Câu phụ 1. Cakkhāyatanaṃ, sotāyatanaṃ, ghānāyatanaṃ, jivhāyatanaṃ kāyāyatanaṃ, chỉ năng duyên là “5 sắc Thần kinh trung thọ, hoặc 5 sắc Thần kinh thời trụ”.

Cakkhaviññāṇassa kāyaviññāṇassa, chỉ sở duyên là “Ngũ song thức” sinh sau.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật, thời cận tử.

Cõi. Cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 4 bậc Thánh quả.

Lộ tâm ⁽¹⁾. Lộ ngũ môn, lộ cận tử.

Vatthupurejātapaccayena, cho biết mãnh lực của Vật tiền sinh duyên. Có 6 duyên phối hợp như trong ***câu chính***.

Paccayo ...

(1)- Nhân xứ diễn tiến trong thời cận tử, thì:

- *Người*. 4 phàm, 2 bậc Thánh quả thấp mệnh chung bằng “lộ Ngũ môn cận tử” cũng được. Xem lại “tóm lược 3 ý nghĩa của Vật tiền sinh y duyên”.

Câu phụ 2. Vatthu, chỉ năng duyên là “sắc Ý vật” đồng sinh với tâm trước, như tâm Tục sinh ..., sắc Ý vật mà ước định đồng sinh với tâm trước, khi xuất khỏi thiền Diệt, hoặc sắc Ý vật ở 49 sátna trụ.

Vipākābyākatānaṃ kiriyābyākatānaṃ khandhānaṃ, chỉ sở duyên là “Ý giới, Ý thức giới quả và Duy tác sinh sau như: 22 tâm quả (trừ Ngũ song thức + 4 tâm quả Vô sắc giới), 20 tâm Duy tác”.

Nói về. *Thời, cõi, ngư ời, lộ tâm*, như **câu chính**.

Vatthupurejātapaccayena, cho biết mãnh lực của Vật tiền sinh y duyên.

Có 5 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Vật tiền sinh y duyên, Vật tiền sinh duyên, Vật tiền sinh bất tương ưng duyên,, Vật tiền sinh hiện hữu duyên, Vật tiền sinh bất ly duyên.

Paccayo ...

2- Câu thiện.

Câu chính. Abyākato dhammo kusalassa dhammassa vatthupurejātanissayapaccayena paccayo:

“*Pháp vô ký trợ cho pháp thiện bằng Vật tiền sinh y duyên*”.

Câu phụ. Vatthu kusalānaṃ khandhānaṃ vatthupurejātapaccayena paccayo:

“*Sắc ý vật bình nhật trợ cho 4 danh uẩn thiện bằng Vật tiền sinh duyên*”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Abyākato dhammo*, chỉ năng duyên là “sắc ý vật” đồng sinh với tâm, như tâm Phán đoán, tâm Khai ý môn ...; sắc Ý vật đồng sinh với tâm thứ 17 kể từ tâm tử tính trở lui lại trong thời cận tử, hoặc 49 sắc Ý vật thời trụ”.

Kusalassa dhammassa, chỉ sở duyên là “21 tâm thiện” (1).

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật, thời cận tử.

Cõi. Cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 7 bậc Thánh (trừ bậc Tứ quả).

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực Thiện Dục giới, lộ cận tử, lộ thiền, lộ hiện thông, lộ đắc Đạo.

Vatthupurejātapaccayena, cho biết mãnh lực của Vật tiền sinh y duyên.

Có 5 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau: Vật tiền sinh y duyên, Vật tiền sinh duyên, Vật tiền sinh bất tương ưng duyên,, Vật tiền sinh hiện hữu duyên, Vật tiền sinh bất ly duyên”.

Paccayo ...

Câu phụ. *Vatthu* chi pháp như *abyākato dhammo* trong **câu chính**.

(1)- 8 tâm Đại thiện diễn tiến trong thời bình nhật lẫn thời cận tử; 9 tâm Đáo đại và 4 tâm Đạo chi diễn tiến trong thời bình nhật.

Kusalānaṃ khandhānaṃ chi pháp như *kusalassa dhammassa* trong *câu chính*.

Nói về: *Thời, cõi, người, lộ tâm, duyên phối hợp* như *câu chính*.

Paccayo ...

3- *Câu bất thiện.*

Câu chính. *Abyākato dhammo akusalassa dhammassa vatthupurejātanissayapaccayena paccayo:*

“*Pháp vô ký trợ pháp bất thiện bằng Vật tiền sinh y duyên*”.

Câu phụ. *Vatthu akusalānaṃ khandhānaṃ vatthupurejātanissayapaccayena paccayo:*

“*Sắc Ý vật bình nhật trợ cho 4 danh uẩn bất thiện bằng Vật tiền sinh y duyên*”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Abyākato dhammo*, chi pháp như *câu chính* “*pháp vô ký trợ cho pháp thiện*”.

Akusalassa dhammassa, chi sở duyên là “*12 tâm bất thiện*”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật, thời cận tử.

Cõi. Ngũ uẩn.

Người. 4 phàm. 3 Thánh quả hữu học.

Lộ tâm. Lộ ngũ môn, lộ ý đồng lực Dục giới, lộ cận tử.

Vatthupurejātapaccayena, cho biết mãnh lực của Vật tiền sinh y duyên. Có 5 duyên phối hợp với nhau, như đã nêu ở trên.

Paccayo ...

Câu phụ. *Vatthu* và *akusalānaṃ* thì thời và cõi ... của Vật tiền sinh y duyên, chi pháp và duyên phối hợp như nhau.

Paccayo ...

Thuần túy số lượng câu.

Vật tiền sinh y duyên có 3 câu thuần túy:

- 1- Vô ký trợ vô ký bằng Vật tiền sinh y duyên.
- 2- Vô ký trợ thiện bằng Vật tiền sinh y duyên.
- 3- Vô ký trợ bất thiện bằng Vật tiền sinh y duyên.

Vật tiền sinh y duyên hợp lực.

Có 5 duyên hợp lực với Vật tiền sinh y duyên là: Vật tiền sinh duyên. Vật tiền sinh quyền duyên, Vật tiền sinh bất tương ưng duyên, Vật tiền sinh hiện hữu duyên, Vật tiền sinh bất ly duyên.

Dứt “yếu tri VẬT TIỀN SINH Y DUYÊN”.

II - Yếu tri HỖN HỢP của Y DUYÊN.

Nghĩa là “trình bày sự phối hợp giữa Đồng sinh y duyên và Vật tiền sinh y duyên”.

A- Pháp thiện và vô ký.

1- Câu thiện.

Câu chính. *Kusalo ca abyākato dhammā kusalassa dhammassa saha jātanissayavattupure-jātanissayapaccayena paccayo:*

“Pháp thiện và vô ký trợ cho pháp thiện bằng Đồng sinh y duyên lẫn Vật tiền sinh y duyên”.

Câu phụ. *Kusalo eko khandho ca vatthu ca tiṇṇannaṃ khandhānaṃ saha jātanissayavattupurejātanissayapaccayena paccayo, tayo khandhā ca vatthu ca ekassa khandhassa saha jātanissayavattupurejātanissayapaccayena paccayo, dve khandhā ca vatthu ca dvinnaṃ khandhānaṃ saha jātanissayavattupurejātanissayapaccayena paccayo:*

“Một danh uẩn thiện và sắc Ý vật trợ cho 3 danh uẩn thiện còn lại, hoặc 3 danh uẩn thiện và sắc ý vật trợ cho 1 danh uẩn thiện còn lại, hoặc 2 danh uẩn thiện và sắc ý vật trợ cho 2 danh uẩn thiện còn lại bằng Đồng sinh y duyên lẫn Vật tiền sinh y duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Kusalo ca abyākato dhammā*, chỉ năng duyên là “1, 3, 2 danh uẩn thiện trong 21 tâm thiện và sắc Ý vật đồng sinh với tâm trước như tâm

Phán đoán, tâm Khai ý môn ... hoặc sắc Ý vật thời trụ”.

Kusalassa dhammassa, chỉ sở duyên “3, 1, 2 danh uẩn thiện của 21 tâm thiện”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 7 thánh quả (trừ Tứ quả).

Lộ tâm. Lộ ngũ môn, lộ ý đồng lực Dục giới, lộ thiên, lộ hiện thông, lộ đặc Đạo.

Sahajātanissayavatthupurejātanissayapaccayena, cho biết mãnh lực của Đồng sinh y duyên giữa các danh uẩn, mãnh lực của Vật tiền sinh y duyên giữa sắc ý vật và các danh uẩn.

Có 3 hoặc 6 duyên ⁽¹⁾ cùng tính chất, phối hợp với nhau: Đồng sinh y duyên, Vật tiền sinh y duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Vật tiền sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên, Vật tiền sinh bất ly duyên.

Paccayo ...

Câu phụ. Kusalo eko khandho ca vatthu ca, tayo khandhā ca vatthu ca, dve khandhā ca vatthu ca, chỉ pháp như ***kusalo ca ābyākato ca dhammā*** trong ***câu chính***.

(1)- Ba duyên là: Đồng sinh y - vật tiền sinh y duyên, Đồng sinh hiện hữu - vật tiền sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly - vật tiền sinh bất ly duyên.

Tiṇṇannaṃ khandhānaṃ, ekassa khandhassa, dvinnaṃ khandhānaṃ, chi pháp giống như *kusalassa dhammassa* trong *câu chính*.

Nói về: *Thời, cõi, người, lộ tâm*, cho đến mãnh lực của Đồng sinh y duyên lẫn Vật tiền sinh y duyên, như *câu chính*.

Paccayo ...

2- Câu bất thiện.

Câu chính. *Akusalo ca abyākato ca dhammā akusalassa dhammassa saha-jātanissayavatthu - purejātanissayapaccayena paccayo:*

“Pháp bất thiện và vô ký trợ cho pháp bất thiện bằng Đồng sinh y duyên lẫn Vật tiền sinh y duyên”.

Câu phụ. *Akusalo eko khandho ca vatthu ca tiṇṇannaṃ khandhānaṃ saha-jātanissayavatthu - purejātanissayapaccayena paccayo, tayo khandhā ca vatthu ca ekassa khandhassa saha-jātanissaya - vatthupurejātanissayapaccayena paccayo, dve khandhā ca vatthu ca dvinnaṃ khandhānaṃ saha-jātanissayavatthupurejātanissayapaccayena paccayo:*

“Một danh uẩn bất thiện và sắc Ý vật trợ cho 3 danh uẩn bất thiện còn lại, hoặc 3 danh uẩn bất thiện và sắc Ý vật trợ cho 1 danh uẩn bất thiện còn lại, hoặc 2 danh uẩn bất thiện và sắc Ý vật trợ cho 2 danh uẩn bất thiện còn lại bằng Đồng sinh y duyên lẫn Vật tiền sinh y duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Akusalo ca abyākato ca dhammā.*
Chi năng duyên là “1, 3, 2 danh uẩn bất thiện trong 12 tâm bất thiện, sắc Ý vật đồng sinh với tâm trước, như tâm Phán đoán, tâm Khai ý môn ... hoặc sắc ý vật vào thời trụ”.

Akusalassa dhammassa, chi sở duyên là “3, 1, 2 danh uẩn bất thiện trong 12 tâm bất thiện”.

Nói về: *Thời.* Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 3 Thánh quả hữu học.

Lột tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực Dục giới.

Sahajātanissayavattthupurejātanissayapacca yena, cho biết mãnh lực của Đồng sinh y duyên giữa các danh uẩn, mãnh lực của Vật tiền sinh y duyên giữa sắc Ý vật và các danh uẩn.

Có 3 hoặc 6 duyên ⁽¹⁾ cùng tính chất, phối hợp với nhau: Đồng sinh y duyên, Vật tiền sinh y duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Vật tiền sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên, Vật tiền sinh bất ly duyên.

Paccayo ...

(1)- Ba duyên là: Đồng sinh y - vật tiền sinh y duyên, Đồng sinh hiện hữu - vật tiền sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly - vật tiền sinh bất ly duyên.

Câu phụ. Chi pháp, thời, cõi, người, lộ tâm, cho đến mãnh lực của Đồng sinh y duyên lẫn Vật tiền sinh y duyên, như **câu chính**.

Thuần tuý số lượng câu.

Thuần tuý có hai câu trong phần Hồn hợp giữa Đồng sinh duyên và Vật tiền sinh y duyên, là:

1- Thiện và vô ký trợ cho thiện bằng Đồng sinh y vật tiền sinh y duyên.

2- Bất thiện và vô ký trợ cho bất thiện bằng Đồng sinh y vật tiền sinh y duyên.

Phần hợp lực của Đồng sinh y vật tiền sinh y duyên.

Có 2 hoặc 4 duyên ⁽¹⁾: Đồng sinh hiện hữu duyên, Vật tiền sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên, Vật tiền sinh bất ly duyên.

Dứt “yếu tri hồn hợp của Y DUYÊN”.

Yếu tri Vật- Cảnh Tiền Sinh Y Duyên.

A- Pháp vô ký.

1- Câu vô ký.

Câu chính. Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa vatthārammaṇapurejātanissaya - paccayena paccayo:

(1)- 2 duyên là: Đồng sinh hiện hữu vật tiền sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly vật tiền sinh bất ly duyên.

“Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Vật - cảnh tiền sinh y duyên”.

Câu phụ. *Vatthu vipākābyākatānaṃ kiriyābyākatānaṃ khandhānaṃ vatthāram - maṇapurejātanissayapaccayena paccayo:*

“Sắc Ý vật bình nhật và cận tử trợ cho 4 danh uẩn quả, Duy tác bằng Vật - cảnh tiền sinh y duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Abyākato dhammo*, chỉ năng duyên là “sắc Ý vật đồng sinh với tâm thứ 17 kể từ tâm tử trở lui lại trong thời cận tử”. Hoặc : “Sắc Ý vật thời trụ”.

Abyākatassa dhammassa, chỉ sở duyên là “tâm Khai ý môn, tâm Sinh tiểu, 8 tâm Duy tác Dục giới hữu nhân, 11 tâm Na cảnh , tâm Thông Duy tác + 33 tâm sở hợp (trừ Giới phần, Vô lượng phần) khởi hiện trong thời cận tử”. Hoặc lý khác nữa là “khởi hiện trong thời bình nhật lẫn thời cận tử”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật, thời cận tử.

Cõi. Cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 4 bậc Thánh quả.

Lộ tâm. Lộ Ý đồng lực Dục giới, lộ hiện thông, lộ cận tử.

Vatthārammaṇapurejātanissayapaccayena, cho biết mãnh lực của Vật - cảnh tiền sinh y duyên.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau: Vật - cảnh tiền sinh y duyên, Cảnh duyên, Cảnh tiền sinh duyên, Vật - cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên, Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên, Cảnh tiền sinh bất ly duyên.

Paccayo ...

Câu phụ. Chi pháp ... như *câu chính*.

2- Câu thiện. *Abyākato dhammo kusalassa dhammassa vatthārammaṇapurejātanissaya - paccayena paccayo:*

“Pháp vô ký trợ cho pháp thiện bằng Vật - cảnh tiền sinh y duyên”.

Câu phụ. *Vatthu kusalānaṃ khandhānaṃ vatthārammaṇapurejātanissayapaccayena paccayo:*

“Sắc Ý vật bình nhật và cận tử trợ cho 4 danh uẩn Thiện bằng Vật - cảnh tiền sinh y duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Abyākato dhammo*, chi pháp như “pháp vô ký trợ cho pháp vô ký ...”, *kusalassa dhammassa* chỉ năng duyên là “8 tâm Đại thiện, tâm Thông thiện (trừ Giới phần, Vô lượng phần) sinh lên trong thời bình nhật hoặc thời cận tử.

Nói về: *Thời, cõi, lộ tâm* như câu “pháp vô ký trợ cho pháp vô ký”.

Người. 4 phàm, 3 bậc Thánh quả hữu học.

Vatthārammaṇapurejātanissayapaccayena, cho biết mãnh lực của Vật - cảnh tiền sinh y duyên.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau: Vật - cảnh tiền sinh y duyên, Cảnh duyên, Cảnh tiền sinh duyên, Vật - cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên, Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên, Cảnh tiền sinh bất ly duyên.

Paccayo ...

Câu phụ. Chi pháp ... như **câu chính**.

3- Câu bất thiện.

Câu chính. **Abyākato dhammo akusalassa dhammassa vatthārammaṇapurejātanissayapaccayena paccayo:**

“**Pháp vô ký trợ cho pháp bất thiện bằng Vật - cảnh tiền sinh y duyên**”.

Câu phụ. **Vatthu akusalānaṃ khandhānaṃ vatthārammaṇapurejātanissayapaccayena paccayo:**

“**Sắc Ý vật bình nhật và cận tử trợ cho 4 danh uẩn bất thiện bằng Vật - cảnh tiền sinh y duyên**”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. **Abyākato dhammo**, chi pháp như câu “**pháp vô ký trợ cho pháp vô ký**”.

Akusalassa dhammassa, chi sở duyên là “12 tâm bất thiện + tâm sở hợp (trừ tâm sở Tật, Lận,

Hối) sinh lên trong thời bình nhật, hoặc thời bình nhật lần thời cận tử”. Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật, thời cận tử.

Cõi. Cõi ngũ uẩn.

Ngươi. 4 phàm, 3 Thánh quả hữu học.

Lộ tâm. Lộ Ý đồng lực bất thiện, lộ cận tử.

Vatthārammaṇapurejātanissayapaccayena, cho biết mãnh lực của Vật - cảnh tiền sinh duyên.

Có 8 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau: Vật - cảnh tiền sinh y duyên, Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên, Cảnh cận y duyên, Cảnh tiền sinh duyên, Vật - cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên, Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên, Cảnh tiền sinh bất ly duyên.

Paccayo ...

Câu phụ. Chi pháp ... như *câu chính*.

Thuần túy số lượng câu.

Có 3 câu thuần túy trong Vật - cảnh tiền sinh y duyên là:

1- Vô ký trợ cho vô ký bằng Vật - cảnh tiền sinh y duyên.

2- Vô ký trợ cho thiện bằng Vật - cảnh tiền sinh y duyên.

3- Vô ký trợ cho bất thiện bằng Vật - cảnh tiền sinh y duyên.

Vật - cảnh tiền sinh y duyên hợp lực.

Có 7 duyên hợp lực với Vật - cảnh tiền sinh y duyên là: Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên, Cảnh cận y duyên, Cảnh tiền sinh duyên, Vật - cảnh tiền sinh duyên, Vật - cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên, Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên, Cảnh tiền sinh bất ly duyên.

Dứt “yếu tri VẬT - CẢNH TIỀN SINH Y DUYÊN”.

Dứt “yếu tri Y DUYÊN”.

9- Yếu tri CẬN Y DUYÊN.

Cận y duyên khi phân tích rộng có 3 duyên là: Cảnh cận y duyên, Vô gián cận y duyên và Thường cận y duyên.

* **Cảnh cận y duyên** giống như Cảnh trưởng duyên.

* **Vô gián cận y duyên** giống như Vô gián duyên.

* **Yếu tri THƯỜNG CẬN Y DUYÊN.**

A- Pháp thiện.

1- Câu thiện.

Câu chính. Kusalo dhammo kusalassa dhammassa pakatūpanissayapaccayena paccayo:

“Pháp thiện trợ cho pháp thiện bằng Thường cận y duyên”.

Câu phụ 1. Saddham upanissāya dānaṃ deti sīlaṃ samādiyati uposathakammaṃ karoti jhānaṃ uppādeti vipassanaṃ uppādeti maggaṃ uppādeti abhiññaṃ uppādeti samāpattiṃ uppādeti:

“Người nương vào đức tin Tam bảo, nghiệp và quả của nghiệp trong đời này và đời sau ... rồi bỏ thí, thọ trì ngũ giới, bát giới, làm cho thiên, tuệ quán, Đạo, thẳng trí, thiên nhập sinh lên”.

Câu phụ 2. Sīlaṃ sutam cāgaṃ paññaṃ upanissāya dānaṃ deti sīlaṃ samādiyati uposathakammaṃ karoti jhānaṃ uppādeti vipassanaṃ uppādeti maggaṃ uppādeti abhiññaṃ uppādeti samāpattiṃ uppādeti:

“Người nương vào Giới, Văn, Thí, Tuệ, rồi bỏ thí, thọ trì ngũ giới, bát giới, làm cho thiên, tuệ quán, Đạo, thẳng trí, thiên nhập sinh lên”.

Câu phụ 3. Saddhā sīlaṃ sutam cāgo pañña saddhāya sīlassa sutassa cāgassa paññāya pakatūpanissayapaccayena paccayo:

“Tín, Giới, Văn, Thí, Tuệ trợ cho Tín, Giới, Văn, Thí, Tuệ bằng Thường cận y duyên”.

Câu phụ 4. Paṭhamassa jhānassa parikammaṃ paṭhamassa jhānassa, dutiyassa jhānassa parikammaṃ dutiyassa jhānassa, tatiyassa jhānassa parikammaṃ tatiyassa jhānassa, catutthassa jhānassa parikammaṃ catutthassa jhānassa, ākāsānañcāyatanassa parikammaṃ ākāsānañcāyatanassa viññānañcāyatanassa

parikammaṃ viññāṇañcāyatanassa,
 ākiñcaññāyatanassa parikammaṃ
 ākiñcaññāyatanassa, nevasaññānāsaññāya -
 tanassa parikammaṃ nevasaññānāsaññāya -
 tanassa patūpanissayapaccayena paccayo:

“*Chuẩn bị tu tiến (parikammabhāvanā) sinh khởi trước Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên, Không vô biên xứ thiên, Thức vô biên xứ thiên, Vô sở hữu xứ thiên, Phi tướng phi phi tướng xứ thiên trợ cho Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên, Không vô biên xứ thiên, Thức vô biên xứ thiên, Vô sở hữu xứ thiên, Phi tướng phi phi tướng xứ thiên (theo riêng biệt từng bậc thiên) bằng Thường cận y duyên*”.

Câu phụ 5. Phaṭhamam jhānam dutiyassa jhānassa, dutiyam jhānam tatiyassa jhānassa, tatiyam jhānam catutthassa jhānassa, catuttham jhānam ākāsañcāyatanassa, ākāsañcāyatanam viññāṇañcāyatanassa, viññāṇañcāyatanam ākiñcaññāyatanassa, ākiñcaññāyatanam nevasaññānāsaññāyatanassa pakatūpanissayapaccayena paccayo:

“*Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên, Không vô biên xứ thiên, Thức vô biên xứ thiên, Vô sở hữu xứ thiên, Phi tướng phi phi tướng xứ thiên trợ cho Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên, Không vô biên xứ thiên, Thức vô biên xứ thiên, Vô sở hữu xứ thiên, Phi tướng phi phi tướng xứ thiên theo tương ứng bằng Thường cận y duyên.*”

Câu phụ 6. Dibbassa cakkhussa parikammaṃ dibbassa cakkhussa, dibbāya sotadhātuyā parikammaṃ dibbāya sotadhātuyā. iddhiḍḍhañāṇassa parikammaṃ iddhiḍḍhañāṇassa, cetopariyañāṇassa parikammaṃ cetopariyañāṇassa, pubbenivāsānussatiñāṇassa parikammaṃ pubbenivāsānussatiñāṇassa yathākammūpagañāṇassa parikammaṃ yathākammūpagañāṇassa, anāgataṃsañāṇassa parikammaṃ anāgataṃsañāṇassa pakatūpanis - sayapaccayena paccayo:

“Chuẩn bị tu tiến sinh lên trước Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Thần thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông, Tuỳ nghiệp thông, Vị lai thông trợ cho Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Thần thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông, Tuỳ nghiệp thông, Vị lai thông theo riêng biệt bằng Thường cận y duyên”.

Câu phụ 7. Dibbacakkhu dibbāya sotadhātuyā, dibbasotadhātu iddhiḍḍhañāṇassa, iddhiḍḍhañāṇaṃ cetopariyañāṇassa, cetopariyañāṇaṃ pubbenivāsānussatiñāṇassa, pubbenivāsānussatiñāṇaṃ yathākammūpagañāṇassa yathākammūpagañāṇaṃ anāgataṃsañāṇassa pakatūpanissayapaccayena paccayo:

“Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Thần thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông, Tuỳ nghiệp thông trợ cho Thiên nhĩ thông, Thần thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông, Tuỳ nghiệp thông, Vị lai thông theo theo tuần tự bằng Thường cận y duyên”.

Câu phụ 8. Paṭhamassa maggassa parikammaṃ paṭhamassa maggassa, dutiyassa maggassa parikammaṃ dutiyassa maggassa, tatiyassa maggassa parikammaṃ tatiyassa maggassa, catutthassa maggassa parikammaṃ catutthassa maggassa pakatūpanissayapaccayena paccayo:

“Chuẩn bị tu tiến sinh khởi trước: Sơ đạo, Nhị đạo, Tam đạo, Tứ đạo trợ cho Sơ đạo, Nhị đạo, Tam đạo, Tứ đạo theo riêng biệt từng bậc Đạo bằng Thường cận y duyên”.

Câu phụ 9. Paṭhamo maggo dutiyassa maggassa, dutiyassa maggo tatiyassa maggassa, tatiyo maggo catutthassa maggassa pakatūpanis - sayapaccayena paccayo:

“Sơ đạo, Nhị đạo, Tam đạo trợ cho Nhị đạo, Tam đạo, Tứ đạo riêng biệt theo từng bậc đạo bằng Thường cận y duyên”.

Câu phụ 10. Sekkhā maggaṃ upanissāya anuppannaṃ samapattiṃ uppādentī⁽¹⁾ uppannam samāpajjhanti, saṅkhāre aniccato dukkhato anattato vipassanti:

“Các bậc Thánh hữu học nương vào Đạo mà mình đã đắc làm cho thiên nhập chưa sinh được sinh lên. Khi thiên nhập sinh lên thì nhập thiên bằng

(1)- Câu phụ 10. *Sekkhā maggaṃ upanissāya anuppannaṃ samapattiṃ uppādentī*, tức: Thiên thành tựu do mãnh lực Đạo (người đã từng đắc thiên trong quá khứ, hoặc chú nguyện “Thiên” sinh lên vào sátna Đạo hiện khởi).

cách chú nguyện và quán pháp hành danh sắc bằng Vô thường, Khô, Vô ngã”.

Câu phụ 11. *Maggo sekkhānaṃ atthapaṭisambhidāya dhammapaṭisambhidāya niruttapaṭisambhidāya paṭibhānapaṭisambhidāya tñānāthāna-kosallassa pakatūpanissayapaccayena paccayo:*

“Đạo của ba bậc Thánh hữu học trợ cho “Nghĩa đạt thông,” (tuệ thiện xảo về ý nghĩa trong Tam tạng), “Pháp đạt thông” (tuệ thiện xảo trong pháp về ngôn ngữ Magadha, văn phạm Pāli), “Ngữ đạt thông” (tuệ thiện xảo trong các ngôn ngữ sai biệt), “Biện đạt thông” (tuệ thiện xảo về cả ba Đạt thông trên) và biết thuận thực về nhân thích hợp lẫn không thích hợp bằng Thường cận y duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Kusalō dhammo*, chỉ năng duyên là “20 tâm thiện (trừ tâm Tứ đạo) có nhiều mãnh lực”.

Kusalassa dhammassa, chỉ sở duyên là “21 tâm thiện”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phạm, 7 bậc Thánh (trừ bậc Tứ quả).

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực thiện Dục giới, lộ kiên cố.

Pakatūpanissayapaccayena, cho biết mãnh lực của Thường cận y duyên. Không có duyên nào phối hợp với Thường cận y duyên.

Paccayo ...

Trong các *câu phụ*, *chi pháp*, *thời*, *cõi ...* nên hiểu theo lời dịch.

2- Câu bất thiện.

Câu chính. Kusalo dhammo akusalassa dhammassa pakatūpanissayapaccayena paccayo:

“*Pháp thiện trợ cho pháp bất thiện bằng Thường cận y duyên*”.

Câu phụ 1. Saddham upanissāya mānaṃ jappeti diṭṭhiṃ gaṇhāti sīlaṃ suttaṃ cāgaṃ paññaṃ upanissāya mānaṃ jappeti diṭṭhiṃ gaṇhāti:

“*Người nương vào Tín, Giới, Văn, Thí, Tuệ của mình thường làm cho Ngã mạn chưa sinh sinh lên, có sự chấp thủ Tà kiến*”.

Câu phụ 2. Saddhā sīlaṃ suttaṃ cāgo pañña rāgassa dosassa mohassa mānassa diṭṭhiyā patthānāya pakatūpanissayapaccayena paccayo:

“*Tín, Giới, Văn, Thí, Tuệ trợ cho Tham ái, Sân, Si, Mạn, Kiến và Tham có tính chất mong cầu sinh hữu viên mãn, tài sản viên mãn bằng Thường cận y duyên*”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Kusalo dhammo*, chỉ năng duyên là “17 tâm thiện hiệp thể” có nhiều sức mạnh.

Akusalassa dhammassa, chỉ sở duyên là “12 tâm bất thiện”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Ngươi. 4 phàm, 3 Thánh quả hữu học.

Lộ tâm. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ngũ, lộ Ý có đồng lực thiện Dục giới, lộ thiền.

Sở duyên diễn tiến trong lộ Ngũ, lộ Ý với đồng lực bất thiện.

Pakatūpanissayapaccayena, cho biết mảnh lực thuần nhất của Thường cận y duyên.

Paccayo ...

Trong **câu phụ** chi pháp, thời, cõi ... nên hiểu theo lời dịch.

3- Câu vô ký.

Câu chính. *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa pakatūpanissayapaccayena paccayo:*

“*Pháp thiện trợ cho pháp vô ký bằng Thường cận y duyên*”.

Câu phụ 1. *Saddham upanissāya attānaṃ ātāpeti paritāpeti pariyaṭṭhi mūlakam dukkham paccanubhoti, sīlam sutam cāgam paññam*

**upanissāya attānaṃ ātāpeti paritāpeti pariyiṭṭhi
mūlakaṃ dukkhaṃ paccanubhoti:**

“Người nương vào Tín, Giới, Văn, Thí, Tuệ của mình, thường làm cho “khổ nóng bức” chưa sinh sinh lên; đã sinh được tăng trưởng và phải chịu khổ thân do tâm cầu”.

**Câu phụ 2. Saddhā sīlaṃ suttaṃ cāgo paññā
kāyikassa sukhassa kāyikassa dukkhassa
phalasaṃpattiyā pakatūpanissayapaccayena
paccayo:**

“Tín, Giới, Văn, Thí, Tuệ trợ cho lạc thân, khổ thân và nhập thiên quả bằng Thường cận y duyên”.

**Câu phụ 3. Kusalaṃ kammaṃ vipākassa
pakatūpanissayapaccayena paccayo:**

“21 thiện nghiệp có nhiều mãnh lực làm duyên trợ cho 29 tâm quả thiện (theo lý Thắng pháp) hoặc tâm quả thiện và sắc nghiệp thiện (theo lý Kinh) bằng Thường cận y duyên”.

**Câu phụ 4. Arahā maggaṃ upanissāya
anuppannaṃ kiriyasaṃpattiṃ uppādeti
uppannaṃ saṃpajjati saṅkhāre aniccato
dukkhato anattato vipassati:**

“Bậc Alahán nương vào mà mình chứng đắc, làm cho thiên nhập chưa sinh sinh lên. Khi thiên nhập đã sinh lên thì nhập thiên bằng cách chú nguyện và quán pháp hành danh sắc bằng vô thường, khổ, Vô ngã”.

Câu phụ 5. Maggo arahato atthapaṭisambhidāya dhammapaṭisambhidāya niruttipaṭisambhidāya paṭibhānapaṭisambhidāya ṭhānāṭhānakosallassa pakatūpanissayapaccayena paccayo:

“Tứ đạo của bậc Alahán làm duyên trợ cho “Nghĩa đạt thông, Pháp đạt thông, Ngũ đạt thông, Biện đạt thông” và biết thuận thực về nhân thích hợp lẫn không thích hợp bằng Thường cận y duyên”.

Câu phụ 6. Maggo phalasangāhītiya pakatūpanissayapaccayena paccayo:

“Đạo trợ nhập thiên quả bằng Thường cận y duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. Kusalo dhammo, chỉ năng duyên là “21 tâm thiện” có sức mạnh.

Abyākatassa dhammassa, chỉ sở duyên là “36 tâm quả, 20 tâm Duy tác”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Ngươi. 4 phàm, 8 bậc Thánh theo tương ứng.

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực Dục giới và đồng lực kiên cố.

Pakatūpanissayapaccayena, cho biết mãnh lực của Thường cận y duyên. Có hai duyên có cùng tính

chất, phối hợp nhau là: Thường cận y duyên, Nghiệp khác thời duyên.

Paccayo ...

Trong *câu phụ* thì chi pháp, thời ... nên hiểu theo lời dịch.

B- Pháp bất thiện.

1- Câu bất thiện.

Câu chính. Akusalo dhammo akusalassa dhammassa pakatūpanissayapaccayena paccayo:

“Pháp bất thiện trợ cho pháp bất thiện bằng Thường cận y duyên”.

Câu phụ 1. Rāgaṃ upanissāya paṇaṃ hanati , adinnaṃ ādiyati musā bhaṇati pisunaṃ bhaṇati, pharusam bhaṇati, samphaṃ palapati, sandhiṃ chindati, nillopaṃ harati, ekāgārikaṃ karoti, paripanthē tiṭṭhati, paradāraṃ gacchati, gāmaghātaṃ karoti, nigamaghātaṃ karoti, mātaraṃ jīvitā voropeti, pitaraṃ jīvitā voropeti, arahantaṃ jīvitā voropeti, duṭṭhena cittena tathāgatassa lohitaṃ uppādeti, saṅghaṃ bhindati.

“Người nương vào tham ái, rồi sát sinh, trộm cắp, nói dối, nói chia rẽ, nói thô tục, nói vô ích; đào gạch khoét vách lên vào nhà trộm cắp, rình rập cướp đoạt theo ngã ba, ngã tư đường, ngoại tình với vợ người, đốt phá thôn xóm, làng mạc, tình ly, giết mẹ, giết cha, giết Alahán, làm động máu bầm của Đấng Như Lai bằng tâm cố sát, chia rẽ Tăng”.

Câu phụ 2. *Dosaṃ mohaṃ mānaṃ diṭṭhiṃ patthanaṃ upanissāya panaṃ hanati saṅghaṃ bhindati:*

“Người nương vào Sân, Si, Mạn, Kiến và Tham, có tính mong cầu được sinh hữu viên mãn, tài sản viên mãn, rồi sát sinh chia rẽ Tăng”.

Câu phụ 3. *Rāgo doso moho māno diṭṭhi patthanaa rāgassa dosassa moghassa mānassa diṭṭhiyā patthanāya pakatūpanissayapaccayena paccayo:*

“Tham ái, Sân, Si, Mạn, Kiến và sự mong cầu trợ cho Tham ái, Sân, Si, Mạn, Kiến và sự mong cầu bằng Thường cận y duyên”.

Câu phụ 4. *Pāṇātipāto pāṇātipātassa, adinnādānassa kāmesumicchācārassa mūsāvādassa piṣuṇāya vācāya, pharusāya vācāya, samphappalānassa, abhijjhāya, byāpadassa, micchādiṭṭhiyā pakatūpanissayapaccayena paccayo:*

“Sát sinh trợ cho sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, nói dối, nói chia rẽ, nói thô tục, nói vô ích, tham ác, sân ác, kiến ác bằng Thường cận y duyên”.

Câu phụ 5. *Adinnādānaṃ adinnādānassa, kāmesumicchācārassa, mūsāvādassa, piṣuṇāya vācāya, pharusāya vācāya, samphappalāpassa, abhijjhāya, byāpadassa, micchādiṭṭhiyā, paṇātipātassa pakatūpanissayapaccayena paccayo:*

“Trộm cắp trợ cho, trộm cắp, tà hạnh, nói dối, nói chia rẽ, nói thô tục, nói vô ích, tham ác, sân ác, kiến ác và sát sinh bằng Thường cận y duyên”.

Tám ác hạnh còn lại làm “**gốc**” cho 10 ác hạnh làm “**ngọn**”, tương tự như trên. Về 10 ác hạnh làm “gốc” và “ngọn” này, gọi là “vòng cột trời” (baddhacakka).

Câu phụ 6. Mātughātikammaṃ
mātughātikammaṃ, pitughātikammaṃ,
arahantaghātikammaṃ ruhīsuppādakammaṃ,
saṅghabhedakammaṃ niyatamicchādiṭṭhiyā
pakatūpanissayapaccayena paccayo:

“*Nghiệp giết mẹ trợ cho giết mẹ, giết cha, giết vị Alahán, làm động máu bầm của Đấng Như Lai, chia rẽ Tăng và Tà kiến nhất định bằng Thường cận y duyên*”.

Câu phụ 7. Pitughātikammaṃ
pitughātikammaṃ arahantaghātikammaṃ
ruhīsuppādakammaṃ, saṅghabhedakammaṃ
niyatamicchādiṭṭhiyā mātughātikammaṃ
pakatūpanissayapaccayena paccayo:

“*Nghiệp giết cha trợ cho giết cha, giết vị Alahán, làm động máu bầm Đức Như Lai, chia rẽ Tăng, Tà kiến nhất định và giết mẹ bằng Thường cận y duyên*”.

Câu phụ 8. Arahantaghātikammaṃ
Arahantaghātikammaṃ ruhīsuppādakammaṃ,
saṅghabhedakammaṃ niyatamicchādiṭṭhiyā

**mātughātikammaṣṣa pitughātikammaṣṣa
pakatūpanissayapaccayena paccayo:**

“Nghiệp giết Alahán trợ cho giết Alahán, làm động máu bầm Đứơc Như Lai, chia rẽ Tăng, Tà kiến nhất định, giết mẹ và giết cha bằng Thường cận y duyên”.

**Câu phụ 9. Ruhituppādakammaṣṣa
ruhituppādakammaṣṣa, saṅghabhedakammaṣṣa,
niyatamicchādiṭṭhiyā mātughātikammaṣṣa,
pitughātikammaṣṣa, arahantaghātikammaṣṣa
pakatūpanissayapaccayena paccayo:**

“Nghiệp làm động máu bầm Đấng Như Lai trợ làm động máu bầm Đấng Như Lai, chia rẽ Tăng, Tà kiến nhất định, giết mẹ, giết cha và giết Alahán bằng Thường cận y duyên”.

**Câu phụ 10. Saṅghabhedakammaṣṣa
saṅghabhedakammaṣṣa niyatamicchādiṭṭhiyā,
mātughātikammaṣṣa, pitughātikammaṣṣa,
arahantaghātikammaṣṣa ruhituppādakammaṣṣa
pakatūpanissayapaccayena paccayo:**

“Nghiệp chia rẽ Tăng trợ chia rẽ Tăng, Tà kiến nhất định, giết mẹ, giết cha, giết Alahán, và làm động máu bầm của Đấng Như Lai bằng Thường cận y duyên”.

**Câu phụ 11. Niyatamicchādiṭṭhi
niyatamicchādiṭṭhiyā, mātughātikammaṣṣa,
pitughātikammaṣṣa, arahantaghātikammaṣṣa,
ruhituppādakammaṣṣa, saṅghabhedakammaṣṣa
pakatūpanissayapaccayena paccayo:**

“Tà kiến nhất định làm duyên trợ cho Tà kiến nhất định, giết mẹ, giết cha, giết Alahán, làm động máu bầm Đấng Như Lai, chia rẽ Tăng bằng Thường cận y duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Akusalo dhammo*, chỉ năng duyên là “12 tâm bất thiện” có nhiều sức mạnh.

Akusalassa dhammassa, chỉ sở duyên là “12 tâm bất thiện”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi ngũ uẩn, tứ uẩn.

Người. 4 phàm, 3 Thánh quả hữu học theo tương ứng.

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực bất thiện.

Pakatūpanissayapaccayena, cho biết mãnh lực duy nhất là Thường cận y duyên.

Paccayo ...

Câu phụ 1. *Rāgaṃ*, chỉ năng duyên là “tâm Tham” có Tham là chủ yếu.

Dosaṃ, chỉ năng duyên là “tâm Sân”, có Sân là chủ yếu.

Mohaṃ, chỉ năng duyên là “12 tâm bất thiện”, có Si là chủ yếu.

Mānaṃ, chỉ năng duyên là “tâm Tham không Tà kiến”, có Ngã mạn là chủ yếu.

Ditṭhiṃ, chỉ năng duyên là “tâm Tham có tà kiến”, có Tà kiến là chủ yếu.

Patthanam, chỉ năng duyên là “tâm Tham”, có Tham là chủ yếu.

Pāṇaṃ hoti, chỉ năng duyên là “tâm Sân, tâm Si” liên quan đến sát sinh.

Adinnaṃ ādiyati, chỉ năng duyên là “12 tâm bất thiện” liên quan đến trộm cắp.

Musā bhaṇati, chỉ năng duyên là “12 tâm bất thiện” liên quan đến nói dối.

Pisuṇaṃ bhaṇati chỉ năng duyên là “12 tâm bất thiện” liên quan đến nói chia rẽ.

Pharusam bhaṇati, chỉ năng duyên là “tâm Sân, tâm Si” liên quan đến nói thô tục.

Samphaṃ palapati, chỉ năng duyên là “12 tâm bất thiện” liên quan đến nói vô ích.

Sandhiṃ, chindati, nillopaṃ harati, ekāgārikaṃ karoti, paripanthē tīṭṭhati. Gāmagātaṃ karoti, nigamaghātaṃ karoti, chỉ năng duyên là “12 tâm bất thiện” liên quan đến đào gạch, khoét vách.

Paradāraṃ gacchati, chỉ năng duyên là “tâm Tham, tâm Si” liên quan đến ngoại tình.

Mātaraṃ jīvitā voropeti, pitaraṃ jītivā voropeti, arahantaṃ jīvitā voropeti, dutṭhena cittaena tathāgatassa lohitaṃ uppādeti, saṅghaṃ

bhindati, chỉ sở duyên là “tâm Sân” liên quan đến giết mẹ, giết cha ...

Năng duyên và sở duyên trong *các câu phụ* còn lại cũng diễn tiến tương tự.

2- Câu thiện.

Câu chính. Akusalo dhammo kusalassa dhammassa pakatūpanissayapaccayena paccayo:

“*Pháp bất thiện trợ cho pháp thiện bằng Thường cận y duyên*”.

Câu phụ 1. Rāgaṃ dosaṃ mohaṃ mānaṃ diṭṭhi patthanaṃ upanissāya, dānaṃ deti, sīlaṃ samādiyati uposathakammaṃ karoti, jhānaṃ uppādeti, vipassanaṃ uppādeti, maggaṃ uppādeti, abhiññaṃ uppādeti, samāpattiṃ uppādeti:

“*Người nường vào Tham, Sân, Si, Mạn, Kiến và Tham có tính mong cầu sinh hữu viên mãn, tài sản viên mãn rồi bố thí, giữ 5 giới, 8 giới, làm cho thiền, tuệ quán, Đạo, thắng trí, thiền nhập sinh lên*”

Câu phụ 2. Rāgo doso moho māno diṭṭhi patthanaṃ saddhāya sīlassa sutassa cāgassa paññāya pakatūpanissayapaccayena paccayo:

“*Tham, Sân, Si, Mạn, Kiến và Tham có tính mong cầu sinh hữu viên mãn, tài sản viên mãn trợ cho Tín, Giới, Văn, Thí, Tuệ bằng Thường cận y duyên*”.

Câu phụ 3. Pānaṃ hantvā, adinnaṃ ādiyivā, musā bhaṇitvā, pisuṇaṃ bhaṇitvā, pharusāṃ bhaṇitvā, samphaṃ palapitvā sandhiṃ chinditvā,

nillopaṃ haritvā, ekāgārikam karitvā, paripanthē thatvā, paradāraṃ gantvā, gāmaghātaṃ karitvā nigamaghātaṃ karitvā, tassa paṭighātatthāya ⁽¹⁾, dānaṃ deti, sīlaṃ samādiyati, uposathakammaṃ karoti, jhānaṃ uppādeti, vipassanaṃ uppādeti, maggaṃ uppādeti, abhiññaṃ uppādeti, samāpattiṃ uppādeti:

“Người sát sinh, trộm cắp, nói dối, nói chia rẽ, nói thô tục, nói vô ích, đào gạch, khoét tường, lén vào nhà trộm cắp, rình rập cướp đoạt theo ngã ba, ngã tư đường, ngoại tình với vợ người, đốt phá thôn xóm, làng mạc, tình lỵ, rồi bố thí, giữ 5 giới, 8 giới, làm cho Thiên, tuệ quán, Đạo, thắng trí, thiên nhập sinh lên để tẩy trừ quả Bất thiện” ⁽²⁾.

Câu phụ 4. Mātaraṃ jīvita voropetvā, pitaraṃ jīvita voropetvā, arahantaṃ jīvita voropetvā, duṭṭhena cittaena tathāgatassa lohitaṃ uppādetvā, saṅghaṃ bhinditvā, tassa paṭighātatthāya ⁽³⁾ dānaṃ deti sīlaṃ samādiyati uposathakammaṃ karoti:

“Người giết mẹ, giết cha, giết Alahán, làm động máu bầm Đấng Như Lai bằng tâm cố sát, chia rẽ tăng, rồi bố thí, giữ 5 giới, 8 giới để tẩy trừ quả bất thiện” ⁽⁴⁾.

(1)- Xem Sớ giải Papañcakaṃ, trg 181.

(2)- Xem Sớ giải Papañcakaṃ, trg 181.

(3)- Xem Sớ giải Papañcakaṃ, trg 181.

(4)- Xem Sớ giải Papañcakaṃ, trg 181.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Akusalo dhamma*, chỉ năng duyên là “12 tâm bất thiện” có sức mạnh.

Kusalassa dhammassa, chỉ sở duyên là “21 tâm thiện”.

Nói về; *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 7 bậc Thánh (trừ bậc Tứ quả).

Lộ tâm. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ngũ, lộ Ý, với đồng lực bất thiện.

Sở duyên diễn tiến trong lộ Ý với đồng lực Thiện, và đồng lực kiên cố.

Pakatūpanissayapaccayena, chỉ mãnh lực duy nhất là Thường cận y duyên”.

Paccayo ...

Trong các ***câu phụ*** thì chi pháp, thời hiểu theo lời dịch.

3- *Câu vô ký.*

Câu chính. *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa pakatūpanissayapaccayena paccayo:*

“*Pháp bất thiện trợ cho pháp vô ký bằng Thường cận y duyên*”.

Câu phụ 1. *Rāgaṃ dosaṃ mohaṃ mānaṃ. diṭṭhiṃ patthanam upanissāya attānaṃ ātāpeti*

**paritāpeti pariyiṭṭhimūlakam dukkham
paccanubhoti:**

“Người nương vào Tham ái, Sân, Si, Mạn, Tà kiến và Tham có tính mong cầu sinh hữu viên mãn, tài sản viên mãn, thường làm cho nhiệt não chưa sinh sinh lên, đã sinh được tăng trưởng và phải chịu khổ do sự tâm cầu”.

**Câu phụ 2. Rāgo doso moho māno diṭṭhi
patthanā kāyikassa sukhassa kāyikassa
dukkhassa phala samāpattiyā
pakatūpanissayapaccayena paccayo:**

“Tham ái, Sân, Si, Mạn, Kiến và Tham có tính mong cầu sinh hữu viên mãn, tài sản viên mãn trợ cho lạc thân, khổ thân và nhập thiên quả bằng Thường cận y duyên”.

**Câu phụ 3. Akusalam kammaṃ vipākassa
pakatūpanissayapaccayena paccayo:**

“Mười hai tâm bất thiện có nhiều sức mạnh trong kiếp này lẫn kiếp trước, trợ cho 7 tâm quả bất thiện bằng Thường cận y duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. Akusalo dhammo, chỉ năng duyên là “12 tâm bất thiện” có sức mạnh.

Abyākatassa dhammassa, chỉ sở duyên là “36 tâm quả, 20 tâm Duy tác”.

Nói về: Thời, cõi, lộ tâm giống như câu “Pháp thiện trợ cho pháp vô ký”.

Người. 4 phàm, 4 bậc Thánh quả.

Pakatūpanissayapaccayena, chi mãnh lực của Thường cận y duyên.

Có 2 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Thường cận y duyên, Nghiệp khác thời duyên.

Trong các **câu phụ** thì **chi pháp, thời** ... nên hiểu theo lời dịch.

C- Pháp vô ký.

1- Câu vô ký.

Câu chính. Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa pakatūpanissayapaccayena paccayo:

“**Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Thường cận y duyên**”.

Câu phụ 1. Kāyikaṃ sukhaṃ kāyikaṃ dukkhaṃ kāyikassa sukhaṃ kāyikassa dukkhaṃ phalasamāpattiyā pakatūpanis - sayapaccayena paccayo:

“**Lạc thân hoặc khổ thân trợ cho lạc thân, khổ thân và nhập thiên quả bằng Thường cận y duyên**”.

Câu phụ 2. Utu bhojanaṃ senāsaṇaṃ kāyikassa sukhaṃ kāyikassa dukkhaṃ samāpattiyā pakatūpanissayapaccayena paccayo:

“**Thời tiết, vật thực, chỗ ngụ thuận lợi hay không thuận lợi trợ cho lạc thân, khổ và nhập thiên quả bằng Thường cận y duyên**”.

Câu phụ 3. Kāyikaṃ sukhaṃ kāyikaṃ dukkhaṃ utu bhojanaṃ senāsaṇaṃ kāyikassa sukhassa kāyikassa sukhassa kāyikassa dukkhassa phalasaṃpattiyā pakatūpanissa - yapaccayena paccayo:

“Lạc thân, khổ thân, thời tiết, vật thực, chỗ trú ngụ trợ cho lạc thân, khổ thân và nhập thiên quả bằng Thường cận y duyên”.

Câu phụ 4. Phalasaṃpatti kāyikassa sukhassa pakatūpanissayapaccayena paccayo:

“Nhập thiên quả trợ cho lạc thân bằng Thường cận y duyên”.

Câu phụ 5. Arahā kāyikaṃ sukhaṃ kāyikaṃ dukkhaṃ utu bhojanaṃ senāsaṇaṃ upanissāya anuppannaṃ kiriyasaṃpattiṃ uppādeti uppannaṃ saṃpajjati saṅkhāre aniccato dukkhato anattato vipassati:

“Bậc Alahán nương vào lạc thân, khổ thân, thời tiết nóng lạnh, vật thực, trú xứ làm cho thiên nhập chưa sinh được sinh lên. Khi thiên nhập sinh lên thì nhập thiên bằng cách chú nguyện và quán danh sắc theo vô thường, khổ, vô ngã”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Abyākato dhammo*, chỉ năng duyên là “36 tâm quả, 20 tâm Duy tác, 28 sắc pháp” có sức mạnh.

Abyākatassa dhammassa, chỉ sở duyên là “36 tâm quả, 20 tâm Duy tác”.

Nói về: *Thời. Diễn tiến trong thời bình nhật.*

Cõi. Cõi ngũ uẩn, tứ uẩn theo tương ứng.

Người. 4 phàm, 4 Thánh quả theo tương ứng.

Lộ tâm. Lộ ngũ, lộ Ý đồng lực vô ký, lộ kiên cố vô ký.

Pakatūpanissayapaccayena ... paccayo ...

Trong *câu phụ* thì *chi pháp, thời, cõi ...* nên hiểu theo lời dịch.

2- Câu thiện.

Câu chính. Abyākato dhammo kusalassa dhammassa pakatūpanissayapaccayena paccayo:

“Pháp vô ký trợ cho pháp thiện bằng Thường cận y duyên”.

Câu phụ 1. Kāyikaṃ sukhaṃ kāyikaṃ dukkhaṃ utu bhojanaṃ senāsaṇaṃ upanissāya, dānaṃ deti, sīlaṃ samādiyati, uposathakammaṃ karoti, jhānaṃ uppādeti, vipassanaṃ uppādeti, maggaṃ uppādeti, abhiññaṃ uppādeti, samāpattiṃ uppādeti:

“Người nương vào lạc thân, khổ thân, thời tiết, vật thực, chỗ trú ngụ, rồi bố thí, giữ 5 giới, 8 giới, làm cho Thiên, tuệ quán, Đạo, thắng trí, thiên nhập sinh lên”.

Câu phụ 2. Kāyikaṃ sukhaṃ kāyikaṃ dukkhaṃ utu bhojanaṃ senāsaṇaṃ saddhāya sīlassa sutassa cāgassa paññāya pakatūpanissayapaccayena paccayo:

“*Lạc thân, khở thân, thời tiết, vật thực, chỗ trú ngụ, trợ cho Tín, Giới, Văn, Thí, Tuệ bằng Thường cận y duyên*”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Abyākato dhammo*, chỉ năng duyên là “35 hoặc 36 tâm quả (trừ tâm Tứ quả), 20 tâm Duy tác, 28 sắc pháp” có sức mạnh.

Kusalassa dhammassa, chỉ sở duyên là “21 tâm thiện”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn theo tương ứng.

Người ⁽¹⁾. 4 phàm, 8 bậc Thánh.

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực thiện Dục giới và lộ kiên cố.

Pakatūpanissayapaccayena... paccayo

Trong **câu phụ** thì **chi pháp**, **thời** ... nên hiểu theo lời dịch.

Tâm thiện khởi lên cho phàm nhân và Thánh quả hữu học do nương vào dòng tâm của bậc Alahán.

3- Câu bất thiện.

Câu chính. *Abyākato dhammo akusalassa dhammassa pakatūpanissayapaccayena paccayo*:

(1)- Năng duyên diễn tiến được với 4 phàm, 4 bậc Thánh quả. Sở duyên diễn tiến được 4 phàm, 7 bậc Thánh (trừ bậc Tứ quả). Vì vậy, khi gom chung thì diễn tiến được 12 hạng người.

“*Pháp vô ký trợ cho pháp bất thiện bằng Thường cận y duyên*”

Câu phụ 1. *Kāyikaṃ sukhaṃ kāyikaṃ dukkhaṃ utu bhojanaṃ senāsanāṃ upanissāya, paṇaṃ hanati, adinnaṃ ādiyati musā bhaṇati pisunaṃ bhaṇati, pharusāṃ bhaṇati, samphaṃ palapati, sandhiṃ chindati, nillopaṃ harati, ekāgārikaṃ karoti. Paripanthē tiṭṭhati, paradāraṃ gacchati, gāmaghātaṃ karoti, nigamaghātaṃ karoti, mātaraṃ jīvītā voropeti, pitaraṃ jīvītā voropeti, arahantaṃ jīvītā voropeti, duṭṭhena cittena tathāgatassa lohitaṃ uppādeti, saṅghaṃ bhindati:*

“*Người nương vào lạc thân, khổ thân, thời tiết, vật thực, chỗ trú ngụ, rồi sát sinh, trộm cắp ... chia rẽ Tăng*”.

Câu phụ 2. *Kāyikaṃ sukhaṃ kāyikaṃ dukkhaṃ utu bhojanaṃ senāsanāṃ rāgassa dosassa mohassa mānassa diṭṭhiyā patthanāya pakatūpanissayapaccayena paccayo:*

“*Lạc thân, khổ thân, thời tiết, vật thực, chỗ trú ngụ, trợ cho Tham ái, Sân, Si, Mạn, Kiến và sự mong cầu bằng Thường cận y duyên*”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Abyākato dhammo*, chỉ năng duyên là “32 tâm quả hiệp thế, 20 tâm Duy tác, 28 sắc pháp” có sức mạnh.

Akusalassa dhammassa, chỉ sở duyên là

“12 tâm bất thiện”.

Nói về: *Thời, cõi ...* giống như câu ***Pháp thiện trợ cho pháp bất thiện.***

Pakatūpanissayapaccayena...

Paccayo

Trong ***câu phụ*** thì ***chi pháp, thời ...*** nên hiểu theo lời dịch.

Thuần tuý số lượng câu.

Thường cận y duyên thuần tuý có 9 câu là:

- 1- Thiện trợ thiện bằng Thường cận y duyên.
- 2- Thiện trợ bất thiện bằng Thường cận y duyên.
- 3- Thiện trợ vô ký bằng Thường cận y duyên.
- 4- Bất thiện trợ bất thiện bằng Thường cận y duyên.
- 5- Bất thiện trợ thiện bằng Thường cận y duyên.
- 6- Bất thiện trợ vô ký bằng Thường cận y duyên.
- 7- Vô ký trợ vô ký bằng Thường cận y duyên.
- 8- Vô ký trợ thiện bằng Thường cận y duyên.
- 9- Vô ký trợ bất thiện bằng Thường cận y duyên.

Thường cận y duyên hợp lực.

Hợp lực với Thường cận y duyên duy nhất là “***Nghiệp khác thời duyên***”.

Dứt “yếu tri Thường cận y duyên”.

Dứt “yếu tri CẬN Y DUYÊN”.

10- Yếu tri TIỀN SINH DUYÊN.

Tiền sinh duyên phân tích thành hai duyên là: Vật tiền sinh duyên và Cảnh tiền sinh duyên.

* *Vật tiền sinh duyên* giống như *Vật tiền sinh y duyên*.

Yếu tri CẢNH TIỀN SINH DUYÊN.

Pháp vô ký.

1- Câu vô ký.

Câu chính. Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa ārammaṇapurejātapaccayena paccayo:

“*Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng cảnh Tiền sinh duyên*”.

Câu phụ 1. Arahā cakkhum aniccato dukkhato anattato vipassati, sotam ghāmaṃ jivham kāyam rūpe sadde gandhe rase phoṭṭhabbe vatthum aniccato dukkhato anattato vipassati:

“*Bậc Alahán quán xét Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Sắc, Thỉnh, Mùi, Vị, Xúc và sắc Ý vật bằng vô thường, khô, vô ngã*”.

Câu phụ 2. Dibbena cakkhunā rūpaṃ passati:

“*Bậc Alahán thấy sắc bằng Thiên nhãn thông*”.

Câu phụ 3. Dibbāya sotadhātuyā saddaṃ suṇāti.

“*Bậc Alahán nghe được tiếng bằng Thiên nhĩ thông*”.

Câu phụ 4. Rūpāyatanam cakkhaviññāṇassa, saddhāyatanam sotaviññāṇassa, gandhāyatanam ghānaviññāṇassa, rasāyatanam jivhāviññāṇassa, phoṭṭhabbāyatanam kāyaviññāṇassa ārammaṇapurejātapaccayena paccayo:

“Sắc xứ trợ cho Nhãn thức, Thính xứ trợ cho Nhĩ thức, Mùi xứ trợ Tỷ thức, Vị xứ trợ cho Thiệt thức, Xúc xứ trợ cho Thân thức bằng Cảnh tiền sinh duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Abyākato dhammo*, chỉ năng duyên là “6 cảnh, là 18 sắc cảnh hiện tại”.

Abyākatassa dhammassa, chỉ sở duyên là “23 tâm quả Dục giới, 11 tâm Duy tác Dục giới, tâm thông Duy tác liên quan đến Thiên nhãn thông, Thiên Nhĩ thông (trừ Giới phần, Vô lượng phần)”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật

Cõi. Cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 4 bậc Thánh Quả.

Lộ tâm. Năng duyên diễn tiến trong lộ sắc nội phần lẫn ngoại phần. Sở duyên diễn tiến trong lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực Dục giới, lộ hiện thông.

Ārammaṇapurejātapaccayena, cho biết mảnh lực của Cảnh tiền sinh duyên.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp nhau: Cảnh tiền sinh duyên, Cảnh duyên, Vật - cảnh tiền sinh y

duyên, Vật - cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên, Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên, Cảnh tiền sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Trong *câu phụ* thì *chi pháp, thời, cội ...* nên hiểu theo lời dịch.

2- Câu thiện.

Câu chính. Abyākato dhammo kusalassa dhammassa ārammaṇapurejātapaccayena paccayo:

“*Pháp vô ký trợ cho pháp thiện bằng Cảnh tiền sinh duyên*”.

Câu phụ 1. Sekkhā vā puthujjanā vā cakkhum aniccato dukkhato anattato vipassanti, sotam ghāṇaṃ jivhaṃ kāyaṃ rūpe sadde gandhe rase phoṭṭhabbe vatthum aniccato dukkhato anattato vipassanti:

“*Bậc Thánh quả hữu học lẫn phàm nhân quán xét Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Sắc, Thỉnh, Mùi, Vị, Xúc và sắc Ý vật bằng vô thường, khổ, vô ngã*”.

Câu phụ 2. Dibbena cakkhunā rūpaṃ passanti, dibbāya sotadhātuyā saddaṃ suṇanti:

“*Bậc Thánh quả hữu học lẫn phàm nhân thấy sắc bằng Thiên nhãn thông, nghe âm thanh bằng Thiên nhĩ thông*”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Abyākato dhammo*, chỉ năng duyên là “6 cảnh, thuộc 18 sắc cảnh hiện tại”.

Kusalassa dhammassa, chỉ sở duyên là “8 tâm Đại thiện, tâm Thông thiện” liên quan đến Thiên nhân thông, Thiên nhĩ thông (trừ Giới phần, Vô lượng phần).

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 3 bậc Thánh Quả hữu học theo tương ứng.

Lộ tâm. Năng duyên diễn tiến trong lộ sắc nội phần lẫn ngoại phần. Sở duyên diễn tiến trong lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực Dục giới, lộ hiện thông.

Ārammaṇapurejātapaccayena, cho biết mãnh lực của Cảnh tiền sinh duyên.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh tiền sinh duyên, Cảnh duyên, Vật - cảnh tiền sinh y duyên, Vật - cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên, Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên, Cảnh tiền sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Trong **câu phụ** thì *chi pháp, thời, cõi* ... nên hiểu theo lời dịch.

3- Câu bất thiện.

Câu chính. *Abyākato dhammo akusalassa-dhammassa ārammaṇapurejātapaccayena paccayo:*

“*Pháp vô ký trợ cho pháp bất thiện bằng Cảnh tiền sinh duyên*”.

Câu phụ. *Cakkhuṃ sotaṃ ghānaṃ jivhaṃ kāyaṃ rūpe sadde gandhe rase phoṭṭhabbe vatthuṃ assādeti abhinandati taṃ ārabha rāgo uppajjati ditṭhi uppajjati vicikicchā uppajjati uddhaccaṃ uppajjati domanassaṃ uppajjati:*

“*Người thỏa thích hài lòng về Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Sắc, Thính, Mùi, Vị, Xúc và sắc Ý vật. Nương vào Nhãn làm cảnh thì Tham ái, Tà kiến, Hoài nghi, Phóng dật, Ưu buồn sinh lên*”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Abyākato dhammo*, chỉ năng duyên là “6 cảnh, thuộc 18 sắc cảnh hiện tại”.

Akusalassa dhammassa, chỉ sở duyên là “12 tâm bất thiện”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 3 bậc Thánh Quả hữu học theo tương ứng.

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực Dục giới, lộ sắc.

Ārammaṇapurejātapaccayena, cho biết mãnh lực của Cảnh tiền sinh duyên.

Có 8 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Cảnh tiền sinh duyên, Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên, Vật - cảnh tiền sinh y duyên, Cảnh cận y duyên, Vật - cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên, Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên, Cảnh tiền sinh bất ly duyên. *Paccayo...*

Câu phụ thì *chi pháp, thời, cõi ...* nên hiểu theo lời dịch.

Thuần túy số lượng câu.

Cảnh tiền sinh duyên thuần túy có ba câu là:

- 1- Vô ký trợ cho vô ký bằng Cảnh tiền sinh duyên.
- 2- Vô ký trợ cho thiện bằng Cảnh tiền sinh duyên.
- 3- Vô ký trợ cho bất thiện bằng Cảnh tiền sinh duyên.

Cảnh tiền sinh duyên hợp lực.

Có 7 duyên hợp lực với Cảnh tiền sinh duyên là: Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên, Vật - cảnh tiền sinh y duyên, Cảnh cận y duyên, Vật - cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên, Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên, Cảnh tiền sinh bất ly duyên.

Dứt “*yếu tri CẢNH TIỀN SINH DUYÊN*”.

Dứt “*yếu tri TIỀN SINH DUYÊN*”.

11- Yếu tri HẬU SINH DUYÊN.

A- Pháp thiện.

Câu vô ký.

Câu chính. Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa pacchājātapaccayena paccayo:

“Pháp thiện trợ cho pháp vô ký bằng Hậu sinh duyên”.

Câu phụ. Pacchājātā kusalā khandhā purejātassa imassa kāyassa pacchājātapaccayena paccayo:

“4 danh uẩn thiệnsinh sau làm duyên trợ cho “ba đoàn sắc, bốn đoàn sắc” sinh trước bằng Hậu sinh duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. Kusalo dhammo, chỉ năng duyên là “21 tâm thiện sinh sau”.

Abyākatassa dhammassa, chỉ sở duyên là “3 hoặc 4 đoàn sắc thời trụ, tức 28 sắc pháp” sinh trước.

Nói về: Thời. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 7 bậc Thánh (trừ bậc Tứ quả) theo tương ứng.

Lộ tâm. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực thiện Dục giới, lộ kiên cố. Sở duyên. diễn tiến trong lộ sắc nội phần.

Pacchājātapaccayena, cho biết mãnh lực của Hậu sinh duyên.

Có 4 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Hậu sinh duyên, Hậu sinh bất tương ưng duyên, Hậu sinh hiện hữu duyên, Hậu sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ thì *chi pháp*, *thời*, *cõi* ... nên hiểu theo lời dịch.

B- Pháp bất thiện.

Câu vô ký.

Câu chính. *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa pacchājātapaccayena paccayo:*

“*Pháp bất thiện trợ cho pháp vô ký bằng Hậu sinh duyên*”.

Câu phụ. *Pacchājātā akusalā khandhā purejātassa imassa kāyassa pacchājātapaccayena paccayo:*

“*Bốn danh uẩn bất thiện sinh sau làm duyên trợ cho “ba đoàn sắc, bốn đoàn sắc” sinh trước bằng Hậu sinh duyên*”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Akusalo dhammo*, chỉ năng duyên là “12 tâm bất thiện” sinh sau.

Abyākatassa dhammassa, chỉ sở duyên là “ba hoặc 4 đoàn sắc”, tức 28 sắc pháp thời trụ sinh trước.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 3 bậc Thánh quả hữu học theo tương ứng.

Lộ tâm. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực Bất thiện Dục giới. Sở duyên diễn tiến trong lộ sắc nội phần.

Pacchājātapaccayena, cho biết mãnh lực của Hậu sinh duyên.

Có 4 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Hậu sinh duyên, Hậu sinh bất tương ứng duyên, Hậu sinh hiện hữu duyên, Hậu sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ thì *chi pháp, thời, cõi...* nên hiểu theo lời dịch.

C- Pháp vô ký.

Câu vô ký.

Câu chính. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa pacchājātapaccayena paccayo:*

“*Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Hậu sinh duyên*”.

Câu phụ. *Pacchājātā vipākābyākatā kiriyābyākatā khandhā purejātassa imassa kāyassa pacchājātapaccayena paccayo:*

“Bốn danh uẩn vô ký quả và 4 danh uẩn vô ký Duy tác sinh sau làm duyên trợ cho “một đoàn sắc, 2 đoàn sắc, 3 đoàn sắc, 4 đoàn sắc” sinh trước bằng Hậu sinh duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Abyākato dhammo*, chỉ năng duyên là “32 tâm quả (trừ 4 tâm quả Vô sắc giới), 20 tâm Duy tác” sinh sau.

Abyākatassa dhammassa, chỉ sở duyên là “1, 2, 3 hay 4 đoàn sắc thuộc thời trụ”, là 28 sắc pháp sinh trước.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật, thời tục sinh ⁽¹⁾, thời tử ⁽²⁾.

Cõi. Cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phạm, 4 bậc Thánh Quả theo tương ứng.

Lộ tâm. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực Dục giới, đồng lực kiên cố. Sở duyên diễn tiến trong lộ sắc nội phần.

Pacchājātapaccayena, cho biết mãnh lực của Hậu sinh duyên.

(1)- 3,7, 4 đoàn sắc Nghiệp thuộc “một đoàn sắc” diễn tiến trong thời tục sinh.

(2)- 15 tâm tử cõi ngũ uẩn diễn tiến trong thời tử.

Có 4 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Hậu sinh duyên, Hậu sinh bất tương ứng duyên, Hậu sinh hiện hữu duyên, Hậu sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ thì *chi pháp, thời, cõi...* nên hiểu theo lời dịch.

Thuần tuý số lượng câu.

Hậu sinh duyên có 3 câu thuần tuý :

- 1- Thiện trợ cho vô ký bằng Hậu sinh duyên.
- 2- Bất thiện trợ cho vô ký bằng Hậu sinh duyên.
- 3- Vô ký trợ cho vô ký bằng Hậu sinh duyên.

Hậu sinh duyên hợp lực.

Có 3 duyên: Hậu sinh bất tương ứng duyên, Hậu sinh hiện hữu duyên, Hậu sinh bất ly duyên.

Dứt “yếu tri HẬU SINH DUYÊN”.

12- Yếu tri TẬP HÀNH DUYÊN.

A- Pháp thiện.

Câu thiện.

Câu chính. Kusalo dhammo kusalassa dhammassa āsevanapaccayena paccayo:

“Pháp thiện trợ cho pháp thiện bằng Tập hành duyên”.

Câu phụ 1. Purimā purimā kusalā khandhā
pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ
khandhānaṃ āsevanapaccayena paccayo:

“Bốn danh uẩn thiện sinh trước trợ cho 4 danh uẩn thiện sinh sau bằng Tập hành duyên”.

Câu phụ 2. Anulomaṃ gotrabhussa,
anulomaṃ vodānassa āsevanapaccayena
paccayo:

“Thuận thứ trợ cho Chuyển tộc và Tiến bậc bằng Tập hành duyên”.

Câu phụ 3. Gotrabhū maggassa vodānaṃ
maggassa āsevanapaccayena paccayo:

“Chuyển tộc và Tiến bậc trợ cho Đạo bằng Tập hành duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Kusalo dhammo*, chỉ năng duyên là “17 đồng lực thiện hiệp thế sinh trước” (trừ đồng lực sau cùng).

Kusalassa dhammassa, chỉ sở duyên là “21 đồng lực thiện sinh sau” (trừ đồng lực thứ 1).

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 7 bậc Thánh (trừ bậc Tứ quả) theo tương ứng.

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực thiện Dục giới, đồng lực Thiệnkien cố.

Āsevanapaccayena, cho biết mãnh lực của Tập hành duyên.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau: Tập hành duyên, Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ thì *chi pháp, thời, côi...* nên hiểu theo lời dịch.

B- Pháp bất thiện.

Câu bất thiện.

Câu chính. Akusalo dhammo akusalassa dhammassa āsevanapaccayena paccayo:

“**Pháp bất thiện trợ cho pháp bất thiện bằng Tập hành duyên**”.

Câu phụ. Purimā purimā akusalā khandhā pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ khandhānaṃ āsevanapaccayena paccayo:

“**Bốn danh uẩn bất thiện sinh trước trợ cho 4 danh uẩn bất thiện sinh sau bằng Tập hành duyên**”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. **Akusalo dhammo**, chỉ năng duyên là “12 tâm bất thiện sinh trước” (trừ đồng lực sau cùng).

Akusalassa dhammassa, chỉ sở duyên là “12 tâm bất thiện sinh sau” (trừ đồng lực thứ 1).

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 3 bậc Thánh Quả hữu học theo tương ứng.

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực bất thiện Dục giới.

Āsevanapaccayena, cho biết mãnh lực của Tập hành duyên.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau: Tập hành duyên, Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ thì *chi pháp, thời, cõi...* nên hiểu theo lời dịch.

C- Pháp vô ký.

Câu vô ký.

Câu chính. **Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa āsevanapaccayena paccayo:**

“*Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Tập hành duyên*”.

Câu phụ. **Purimā purimā kiriyābyākatā khandhā pacchimānaṃ pacchimānaṃ kiriyābyākatānaṃ khandhānaṃ āsevanapaccayena paccayo:**

“*Bốn danh uẩn đồng lực Duy tác sinh trước trợ cho 4 danh uẩn đồng lực Duy tác sinh sau bằng Tập hành duyên*”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Abyākato dhammo*, chỉ năng duyên là “18 tâm đồng lực Duy tác sinh trước” (trừ đồng lực sau cùng).

Abyākatassa dhammassa, chỉ sở duyên là “18 tâm đồng lực Duy tác sinh sau” (trừ đồng lực thứ 1).

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. Bậc Tứ quả.

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực Duy tác Dục giới, đồng lực Duy tác kiên cố.

Āsevanapaccayena, cho biết mãnh lực của Tập hành duyên.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp nhau là: Tập hành duyên, Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ thì *chi pháp, thời, cõi...* nên hiểu theo lời dịch.

Thuần túy số lượng câu.

Có 3 câu:

- 1- Thiện trợ cho thiện bằng Tập hành duyên.
- 2- Bất thiện trợ cho bất thiện bằng Tập hành duyên.

3- Vô ký trợ cho vô ký bằng Tập hành duyên.

Tập hành duyên hợp lực.

Có 5 duyên: Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

Dứt “yếu tri TẬP HÀNH DUYÊN”.

13- Yếu tri NGHIỆP DUYÊN.

Nghiệp duyên được phân tích thành 2 duyên là: Đồng sinh nghiệp duyên và Nghiệp khác thời duyên.

I- Đồng sinh nghiệp duyên ⁽¹⁾.

A- Pháp thiện.

1- Câu thiện.

Câu chính. Kusalo dhammo kusalassa dhammassa saha jātakammapaccayena paccayo:

“Pháp thiện trợ cho pháp thiện bằng Đồng sinh nghiệp duyên”.

Câu phụ. Kusalā cetanā sampayuttakānaṃ khandhānaṃ saha jātakammapaccayena paccayo:

“Tâm sở Tư thiện trợ cho 4 danh uẩn thiện đồng sinh bằng Đồng sinh nghiệp duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

(1)- Nghiệp làm duyên trợ cho sở duyên bằng cách cùng sinh lên với nhau, gọi là “Đồng sinh nghiệp duyên”.

Câu chính. *Kusalo dhammo*, chỉ năng duyên là “tâm sở Tư hợp trong 21 tâm làm năng duyên.

Kusalassa dhammassa, chỉ sở duyên là “21 tâm thiện (trừ tâm sở Tư)”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Ngươi. 4 phàm, 7 bậc Thánh (trừ bậc Tứ quả) theo tương ứng.

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực thiện Dục giới, đồng lực thiện kiên cố.

Sahajātakammappaccayena, cho biết mãnh lực của Đồng sinh nghiệp duyên.

Có 8 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh nghiệp duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Danh vật thực duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ thì *chi pháp, thời, cõi...* nên hiểu theo lời dịch.

2- Câu vô ký.

Câu chính. *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa sahajātakammappaccayena paccayo:*

“*Pháp thiện trợ cho pháp vô ký bằng Đồng sinh nghiệp duyên*”.

Câu phụ. *Kusalā cetanā cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ saha-jātakammappaccayena paccayo:*

“*Tâm sở Tư thiện trợ cho sắc Tâm thiện bằng Đồng sinh nghiệp duyên*”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Kusalō dhammo*, chỉ năng duyên là “tâm sở Tư hợp trong 21 tâm thiện”.

Abyākatassa dhammassa, chỉ sở duyên là “sắc Tâm thiện”, như: Sắc, Thính, Mùi, Vị, Xúc, sự chuyển động thân, ngữ, hơi thở ra vào...

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 7 bậc Thánh (trừ bậc Tứ quả) theo tương ứng.

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực thiện Dục giới, đồng lực thiện kiên cố.

Saha-jātakammappaccayena, cho biết mãnh lực của Đồng sinh nghiệp duyên.

Có 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh nghiệp duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Danh vật thực duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ thì *chi pháp*, *thời*, *cõi*... nên hiểu theo lời dịch.

3- *Câu thiện và vô ký.*

Câu chính. *Kusalō dhammo kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa saha jātakammapaccayena paccayo:*

“*Pháp thiện trợ cho Pháp thiện và vô ký bằng Đồng sinh nghiệp duyên*”.

Câu phụ. *Kusalā cetanā sampayuttakānaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ saha jātakammapaccayena paccayo”.*

“*Tâm sở Tư thiện trợ cho 4 danh uẩn thiện đồng sinh và sắc Tâm thiện bằng Đồng sinh nghiệp duyên*”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Kusalō dhammo*, chỉ năng duyên là “tâm sở Tư hợp trong 21 tâm Thiện”.

Kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa, chỉ sở duyên là “21 tâm Thiện (trừ tâm sở Tư) và sắc Tâm thiện.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phạm, 7 bậc Thánh (trừ bậc Tứ quả) theo tương ứng.

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực thiện Dục giới, đồng lực thiện kiên cố.

Sahajātakammapaccayena, cho biết mãnh lực của Đồng sinh nghiệp duyên.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp nhau là: Đồng sinh nghiệp duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Danh vật thực duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ thì *chi pháp, thời, cõi...* nên hiểu theo lời dịch.

B-Pháp bất thiện.

1- Câu bất thiện.

Câu chính. *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa sahajātakammapaccayena paccayo:*

“*Pháp bất thiện trợ cho bằng Đồng sinh nghiệp duyên*”.

Câu phụ. *Akusalā cetanā sampayuttakānaṃ khandhānaṃ sahajātakammapaccayena paccayo:*

“*Tâm sở Tư bất thiện trợ cho 4 danh uẩn bất thiện đồng sinh bằng Đồng sinh nghiệp duyên*”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Akusalo dhammo*, chỉ năng duyên là “tâm sở Tư hợp trong 12 tâm bất thiện”.

Akusalassa dhammassa, chỉ sở duyên là “12 tâm bất thiện (trừ tâm sở Tư)”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 3 bậc Thánh Quả hữu học theo tương ứng.

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực bất thiện Dục giới .

Sahajātakammappaccayena, cho biết mảnh lực của Đồng sinh nghiệp duyên.

Có 8 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh nghiệp duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Danh vật thực duyên, Tương ứng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ thì *chi pháp*, *thời*, *cõi...* nên hiểu theo lời dịch.

2- Câu vô ký.

Câu chính. Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa saha jātakammappaccayena paccayo:

“Pháp bất thiện trợ cho pháp vô ký bằng Đồng sinh nghiệp duyên”.

Câu phụ. Akusalā cetanā cittasamuṭṭhānānam rūpānam saha jātakammappaccayena paccayo:

“Tâm sở Tư bất thiện trợ cho sắc Tâm bất thiện bằng Đồng sinh nghiệp duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. Akusalo dhammo, chỉ năng duyên

là “tâm sở Tư hợp trong 12 tâm bất thiện”.

Abyākatassa dhammassa, chi sở duyên là “sắc Tâm bất thiện” như: Sắc, Thinh, Mùi, Vị, Xúc, sự chuyển động thân, ngữ, hơi thở ra vào...

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 3 bậc Thánh Quả hữu học theo tương ứng.

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực bất thiện Dục giới.

Sahajātakammapaccayena, cho biết mảnh lực của Đồng sinh nghiệp duyên.

Có 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh nghiệp duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Danh vật thực duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ thì *chi pháp, thời, cõi...* nên hiểu theo lời dịch.

3- Câu bất thiện và vô ký.

Câu chính. Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa sahaajātakammapaccayena paccayo:

“*Pháp bất thiện trợ cho pháp bất thiện và vô ký bằng Đồng sinh nghiệp duyên*”.

Câu phụ. *Akusalā cetanā sampayuttakānaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ sahaḥātakammapaccayena paccayo:*

“*Tâm sở Tư bất thiện trợ cho 4 danh uẩn bất thiện đồng sinh và sắc Tâm bất thiện bằng Đồng sinh nghiệp duyên*”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Akusalo dhammo*, chỉ năng duyên là “tâm sở Tư hợp trong 12 tâm bất thiện”.

Akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa, chỉ sở duyên là “12 tâm bất thiện (trừ tâm sở Tư) và sắc Tâm bất thiện” như: Sắc, Thinh, Mùi, Vị, Xúc, sự chuyển động thân, ngữ, hơi thở ra vào ...

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 3 bậc Thánh Quả hữu học theo tương ứng.

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực bất thiện Dục giới.

Sahaḥātakammapaccayena, cho biết mãnh lực của Đồng sinh nghiệp duyên.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh nghiệp duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Danh vật thực duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ thì *chi pháp, thời, cõi...* nên hiểu theo lời dịch.

C- Pháp vô ký.

1- Câu vô ký.

Câu chính. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa saha jātakammapaccayena paccayo:*

“*Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Đồng sinh nghiệp duyên*”.

Câu phụ 1. *Vipākābyākatā kiriyābyākatā cetanā sampayuttakānaṃ khandhānaṃ citasamuṭṭhānānañca rūpānaṃ saha jātakammapaccayena paccayo:*

“*Tâm sở Tư quả và tâm sở Tư Duy tác trợ cho 4 danh uẩn đồng sinh và sắc Tâm quả, sắc tâm Duy tác bằng Đồng sinh nghiệp duyên*”.

Câu phụ 2. *Paṭisandhikkhaṇe vipākābyākatā cetanā sampayuttakānaṃ khandhānaṃ kaṭattā ca rūpānaṃ saha jātakammapaccayena paccayo;*

“*Vào sátna tục sinh tâm sở Tư quả trợ cho 4 danh uẩn đồng sinh và sắc Nghiệp tục sinh bằng Đồng sinh nghiệp duyên*”.

Câu phụ 3. *Cetanā vatthussa saha jātakammapaccayena paccayo:*

“*Vào sátna tục sinh tâm sở Tư quả trợ cho sắc Ý vật tục sinh bằng Đồng sinh nghiệp duyên*”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Abyākato dhammo*, chỉ năng duyên là “tâm sở Tư hợp trong 36 tâm quả, 20 tâm Duy tác trong thời bình nhật lẫn thời tục sinh”.

Abyākatassa dhammassa, chỉ sở duyên là “36 tâm quả, 20 tâm Duy tác (trừ tâm sở Tư), sắc Tâm quả, sắc Tâm Duy tác” như: Sắc, Thinh, Mùi, Vị, Xúc, sự chuyển động thân, ngữ, hơi thở ra vào... trong thời bình nhật và sắc Nghiệp tục sinh trong thời tục sinh

...

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 4 bậc Thánh Quả theo tương ứng.

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực Duy tác Dục giới, đồng lực kiên cố và tâm tục sinh khởi hiện nối tiếp lộ cận tử.

Sahajātakammappaccayena, cho biết mảnh lực của Đồng sinh nghiệp duyên.

Có 10 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh nghiệp duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên ⁽¹⁾, Đồng sinh y duyên, Quả duyên ⁽²⁾, Danh vật

(1)- Hỗ tương duyên: Năng duyên là “tâm sở Tư”, sở duyên là “4 danh uẩn tương ứng” (trừ tâm sở Tư).

(2)- Quả duyên: Năng duyên là “tâm sở Tư” trong tâm quả, sở duyên là “danh uẩn quả (trừ tâm sở Tư trong tâm quả, sắc Nghiệp tục sinh”.

thực duyên, Tương ứng duyên ⁽¹⁾, Đồng sinh bất tương ứng duyên ⁽²⁾, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ thì *chi pháp, thời, cõi...* nên hiểu theo lời dịch.

Thuần tuý số lượng câu.

Có 7 câu:

1- Thiện trợ cho thiện bằng Đồng sinh nghiệp duyên.

2- Thiện trợ cho vô ký bằng Đồng sinh nghiệp duyên.

3- Thiện trợ cho thiện và vô ký bằng Đồng sinh nghiệp duyên.

4- Bất thiện trợ cho bất thiện bằng Đồng sinh nghiệp duyên.

5- Bất thiện trợ cho vô ký bằng Đồng sinh nghiệp duyên.

6- Bất thiện trợ cho bất thiện và vô ký bằng Đồng sinh nghiệp duyên.

7- Vô ký trợ cho vô ký bằng Đồng sinh nghiệp duyên.

(1)- Tương ứng duyên. Năng duyên là “tâm sở Tư”, sở duyên là “4 danh uẩn tương ứng” (trừ tâm sở Tư).

(2)- Đồng sinh bất tương ứng duyên. Năng duyên là “tâm sở Tư trong tâm quả, tâm Duy tác”, sở duyên là “sắc tâm quả, sắc tâm Duy tác”.

Đồng sinh nghiệp duyên hợp lực.

Có 9 duyên: Đồng sinh duyên, Hổ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Danh vật thực duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

II- Nghiệp khác thời duyên ⁽¹⁾.**A-Pháp thiện.****1- Câu thiện.**

Câu chính. *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa nānakkaṇṇikakammaṇṇayena paccayo:*

“Pháp thiện trợ cho pháp thiện bằng Nghiệp khác thời duyên”.

Câu phụ. *Kusalā cetanā vipākānaṃ khandhānaṃ kaṭattā ca rūpānaṃ nānakkaṇṇikakammaṇṇayena paccayo:*

“Tâm sở Tư thiện quá khứ trợ cho 4 danh uẩn quá và sắc Nghiệp bằng Nghiệp khác thời duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Kusalo dhammo*, chỉ năng duyên là “21 tâm sở Tư thiện quá khứ”.

Abyākatassa dhammassa, chỉ sở duyên là “29 tâm quá thiện, sắc Nghiệp thiện đang sinh”. Hoặc:

(1)- Tâm sở Tư là năng duyên trợ cho sở duyên khác sátna, gọi là “Nghiệp khác thời duyên”.

* Năng duyên. 4 tâm sở Tư Đại thiện tam nhân bậc thượng.

Sở duyên. 8 tâm quả vô nhân, 8 tâm Đại quả, sắc Nghiệp thiện đang sinh.

* Năng duyên. 4 tâm sở Tư Đại thiện tam nhân bậc hạ và 4 tâm sở Tư Đại thiện nhị nhân bậc thượng quá khứ”.

Sở duyên. 8 tâm quả vô nhân, 4 tâm Đại quả “không có trí”, sắc Nghiệp thiện đang sinh.

*Năng duyên. 4 tâm sở Tư Đại thiện nhị nhân bậc hạ quá khứ”.

Sở duyên. Tâm quả thiện vô nhân và sắc Nghiệp thiện đang sinh”.

*Năng duyên. Tâm sở Tư thiện Sơ thiên quá khứ.

Sở duyên. Tâm quả Sơ thiên và sắc Nghiệp Sơ thiên đang sinh.

*Năng duyên. Tâm sở Tư thiện Nhị thiên quá khứ.

Sở duyên. Tâm quả Nhị thiên và sắc Nghiệp Nhị thiên đang sinh.

* *Năng duyên. Tâm sở Tư thiện Tam thiên quá khứ.

Sở duyên. Tâm quả Tam thiên và sắc Nghiệp Tam thiên đang sinh.

*Năng duyên. Tâm sở Tư thiện Tứ thiên quá khứ.

Sở duyên. Tâm quả Tứ thiền và sắc Nghiệp Tứ thiền đang sinh.

* Năng duyên. Tâm sở Tư thiện Ngũ thiền quá khứ.

Sở duyên. Tâm quả Ngũ thiền và sắc Nghiệp Ngũ thiền đang sinh.

* Năng duyên. Tâm sở Tư thiện Không vô biên xứ quá khứ.

Sở duyên. Tâm quả Không vô biên xứ đang sinh.

* Năng duyên. Tâm sở Tư thiện Thức vô biên xứ.

Sở duyên. Tâm quả Thức vô biên xứ đang sinh.

* Năng duyên. Tâm sở Tư thiện Vô sở hữu xứ quá khứ.

Sở duyên. Tâm quả Vô sở hữu xứ đang sinh.

* Năng duyên. Tâm sở Tư thiện Phi tướng phi phi tướng xứ quá khứ.

Sở duyên. Tâm quả Phi tướng phi phi tướng xứ đang sinh.

* Năng duyên. Tâm sở Tư Sơ đạo quá khứ.

Sở duyên. Tâm Sơ quả đang sinh.

* Năng duyên. Tâm sở Tư Nhị đạo quá khứ.

Sở duyên. Tâm Nhị quả đang sinh.

* Năng duyên. Tâm sở Tư Tam đạo quá khứ.

Sở duyên. Tâm Tam quả đang sinh.

*Năng duyên. Tâm sở Tư Tứ đạo quá khứ.

Sở duyên. Tâm Tứ quả đang sinh.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi nhất uẩn, cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. Năng duyên diễn tiến được với 4 phàm, 7 bậc Thánh (trừ bậc Tứ quả)

Sở duyên diễn tiến được với 4 phàm, 4 bậc Thánh Quả.

Lộ tâm. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ngũ chặng đồng lực thiện và chặng Na cảnh, lộ Ý đồng lực thiện Dục giới, đồng lực kiên cố.

Sở duyên diễn tiến trong lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực Dục giới có Na cảnh và lộ đặc Đạo, lộ nhập thiên quả.

Nānakkhaṇīkakkammappaccayena, cho biết mãnh lực của Nghiệp khác thời duyên.

Có 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Nghiệp khác thời duyên, Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Thường cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ thì *chi pháp, thời, cõi...* nên hiểu theo lời dịch.

3- Câu bất thiện.

Câu chính. Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa nānakkhaṇīkakkammappaccayena-

paccayo:

“Pháp bất thiện trợ cho pháp vô ký bằng Nghiệp khác thời duyên”.

Câu phụ. *Akusalā cetanā vipakānaṃ khandhānaṃ kaṭattā ca rūpānaṃ nānakkhaṇikakammappaccayena paccayo:*

“Tâm sở Tư bất thiện quá khứ trợ cho 4 danh uẩn quá và sắc Nghiệp bất thiện bằng Nghiệp khác thời duyên”.

Phân tích câu chi pháp.

Câu chính. *Akusalo dhammo*, chỉ năng duyên là “12 tâm sở Tư bất thiện quá khứ”.

Abyākatassa dhammassa, chỉ sở duyên là “7 tâm quả bất thiện, sắc Nghiệp bất thiện đang sinh”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật ⁽¹⁾.

Cõi. Cõi ngũ uẩn.

Người. Năng duyên diễn tiến được với 4 phàm, 3 Thánh Quả hữu học theo tương ứng. Sở duyên diễn tiến được với 4 phàm, 4 bậc Thánh Quả.

Lộ tâm. Năng duyên diễn tiến trong lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực Dục giới.

Sở duyên. Diễn tiến trong lộ Ngũ và lộ Ý có Na cảnh.

(1)- Diễn tiến tương tự như câu “pháp thiện trợ pháp vô ký”.

Nānakkaṇṇikakammaṇṇapaccayena, cho biết
mãnh lực của Nghiệp khác thời duyên.

Có 2 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là:
Nghiệp khác thời duyên, Thường cận y duyên.

Paccayo...

Câu phụ thì *chi pháp, thời, cõi...* nên hiểu theo lời
dịch.

Thuần tuý số lượng câu.

Có 2 câu:

1-Thiện trợ cho vô ký bằng Nghiệp khác thời
duyên.

2-Bất thiện trợ cho vô ký bằng Nghiệp khác thời
duyên.

Nghiệp khác thời duyên hợp lực.

Có 6 duyên: Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên,
Vô gián cận y duyên, Thường cận y duyên, Vô hữu
duyên, Ly duyên.

Dứt yếu tri NGHIỆP DUYÊN.

14-Yếu tri QUẢ DUYÊN.

Pháp vô ký.

Câu chính. Abyākato dhammmo abyākatassa
dhammassa vipākapaccayena paccayo:

“Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Quả
duyên”.

Câu phụ 1. Vipākābyākato eko khandho tiṇṇannaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānañca rūpānaṃ vipākapaccayena paccayo, tayo khandhā ekassa khandhassa cittasamuṭṭhānā - nañca rūpānaṃ vipākapaccayena paccayo, dve khandhā dvinnaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānā - nañca rūpānaṃ vipākapaccayena paccayo:

“Một hoặc 3 hoặc 2 danh uẩn quả trợ cho 3 hoặc 1 hoặc 2 danh uẩn quả còn lại theo tuần tự và sắc Tâm quả bằng Quả duyên”.

Câu phụ 2. Paṭisandhikkape vipākābyākato eko khandho tiṇṇannaṃ khandhānaṃ kaṭṭattā ca rūpānaṃ vipākapaccayena paccayo, tayo khandhā ekassa khandhassa kaṭṭattā ca rūpānaṃ vipākapaccayena paccayo, dve khandhā dvinnaṃ khandhānaṃ kaṭṭattā ca rūpānaṃ vipākapaccaye - na paccayo:

“Vào sátna tục sinh 1 hoặc 3 hoặc 2 danh uẩn quả trợ giúp cho 3 hoặc 1 hoặc 2 danh uẩn quả còn lại theo tuần tự và sắc Nghiệp tục sinh bằng Quả duyên”.

Câu phụ 3. Khandhā vatthussa vipākapaccayena paccayo:

“Bốn danh uẩn tục sinh cõi ngũ uẩn trợ cho sắc Ý vật bằng Quả duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Abyākato dhammo*, chỉ năng duyên:

**Thời bình nhật*. Là “1-3-2 danh uẩn của 36 tâm quả”.

**Thời tục sinh*. Là “1-3-2 danh uẩn quả của 19 tâm tục sinh”.

Abyākatassa dhammassa, chỉ sở duyên:

**Thời bình nhật*. Là “3-1-2 danh uẩn của 36 tâm quả và sắc Tâm quả”.

**Thời tục sinh*. Là “3-1-2 danh uẩn của 19 tâm tục sinh và sắc Nghiệp tục sinh”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật, thời tục sinh.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 4 bậc Thánh Quả theo tương ứng.

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý có Na cảnh, lộ Ý đồng lực quả kiên cố và tâm lộ chỉ có hữu phần.

Vipākappaccayena, cho biết mãnh lực của Quả duyên.

Có 8 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Quả duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Tương ứng duyên, Đồng sinh bất tương ứng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh Bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ thì *chi pháp, thời, cõi...* nên hiểu theo lời dịch.

Thuần tuý số lượng câu.

Duy nhất có 1 câu: *Vô ký trợ cho vô ký bằng Quả duyên.*

Quả duyên hợp lực.

Có 7 duyên: Đồng sinh duyên, Hối tương duyên, Đồng sinh y duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh Bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh Bất ly duyên.

Dứt “yếu tri QUẢ DUYÊN”.

15- Yếu tri VẬT THỰC DUYÊN.

Vật thực duyên phân tích thành 2 duyên: Sắc Vật thực duyên và Danh vật thực duyên.

I-Sắc vật thực duyên.***Pháp vô ký.***

Câu chính. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa rūpāhārapaccayena paccayo:*

“Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng sắc Vật thực duyên”.

Câu phụ. *Kabalikāro āhāro imassa kāyassa rūpāhārapaccayena paccayo:*

“Đoàn thực là 4 sắc dưỡng tố bên trong thân và sắc dưỡng tố ngoài thân, trợ cho “bốn đoàn sắc: Nghiệp, tâm, vật thực và thời tiết” trong cùng nhóm hay khác nhóm bằng sắc Vật thực duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Abyākato dhammo*, chỉ năng duyên là “4 sắc dưỡng tố sinh trong thân và sắc dưỡng tố ngoài thân”.

Abyākatassa dhammassa, chi sở duyên là “4 sắc sở sinh hiện diện trong cùng nhóm với sắc dưỡng tố (ojā) ⁽¹⁾.”

Nói về: *Thời*: Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi Dục giới.

Ngươi. 4 phàm, 4 bậc Thánh Quả.

Lộ tâm. Lộ sắc.

Āhārapaccayena, cho biết mãnh lực của Vật thực duyên.

Có 3 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Sắc Vật thực duyên, sắc Vật thực hiện hữu duyên, sắc Vật thực bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ thì *chi pháp*, *thời*, *cõi...* nên hiểu theo lời dịch.

Thuần túy số lượng câu.

Duy nhất có 1 câu. “Vô ký trợ cho vô ký bằng vật thực duyên”.

(1)- Dưỡng tố trợ giúp cho đoàn sắc Vật thực bằng mãnh lực trợ sinh (janakasatti). Dưỡng tố giúp cho bốn sắc Nghiệp, sắc Tâm, sắc quý tiết bằng mãnh lực ủng hộ (upathambhakasatti).

Sắc vật thực duyên hợp lực.

Có 2 duyên: Sắc Vật thực hiện hữu duyên, sắc Vật thực bất ly duyên.

II- Danh vật thực duyên.**A- Pháp thiện.****1- Câu thiện.**

Câu chính. Kusalo dhammo kusalassa dhammassa nāmaāhārapaccayena paccayo:

“Pháp thiện trợ cho pháp thiện bằng Danh vật thực duyên”.

Câu phụ. Kusalā āhārā sampayuttakānaṃ khandhānaṃ nāmaāhārapaccayena paccayo:

“Ba danh vật thực thiện làm duyên trợ cho 3 hoặc 4 danh uẩn đồng sinh bằng Danh vật thực duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. Kusalo dhammo, chỉ năng duyên là “3 danh vật thực thiện: Tâm sở Xúc, tâm sở Tư trong tâm thiện và Thức là 21 tâm thiện”.

Kusalassa dhammassa, chỉ sở duyên là “21 tâm thiện”.

Nói về: *Thời*: .Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Ngươi. 4 phàm, 7 bậc Thánh (trừ bậc Tứ quả).

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực thiện Dục giới, đồng lực thiện kiên cố.

Nāmaāhārapaccayena, cho biết mãnh lực của Danh vật thực duyên.

Có 10 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh nghiệp duyên, Đồng sinh quyền duyên, Tương ứng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ thì *chi pháp, thời, cõi...* nên hiểu theo lời dịch.

2- Câu vô ký.

Câu chính. *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa nāmaāhārapaccayena paccayo:*

“Pháp thiện trợ cho pháp vô ký bằng Danh vật thực duyên”.

Câu phụ. *Kusalā āhārā cittasamutṭhānānaṃ rūpānaṃ nāmaāhārapaccayena paccayo:*

“Ba danh vật thực làm duyên trợ cho sắc Tâm thiện bằng Danh vật thực duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Kusalo dhammo*, chỉ năng duyên là “3 danh vật thực thiện: Tâm sở Xúc, tâm sở Tư và 21 tâm Thiện”.

VI DIỆU PHÁP ❁

Abyākatassa dhammassa, chỉ sở duyên là “sắc Tâm thiện”, như: Sắc, Thính, Mùi, Vị, Xúc, sự chuyển động thân, ngữ, hơi thở ra vào...

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 7 bậc Thánh (trừ bậc Tứ quả).

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực thiện Dục giới, đồng lực thiện kiên cố.

Nāmaāhārapaccayena, cho biết mảnh lực của Danh vật thực duyên.

Có 9 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh nghiệp duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ thì *chi pháp, thời, cõi...* nên hiểu theo lời dịch.

3- Câu thiện và vô ký.

Câu chính. **Kusalo dhammo kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa nāmaāhārapaccayena paccayo:**

“*Pháp thiện trợ cho pháp thiện và vô ký bằng Danh vật thực duyên*”.

Câu phụ. *Kusalā āhārā sampayuttakānaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānañca rūpānaṃ nāmaāhārapaccayena paccayo.*

“Ba danh vật thực thiện trợ cho 3 hoặc 4 danh uẩn đồng sinh và sắc Tâm thiện bằng Danh vật thực duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Kusalō dhammo*, chỉ năng duyên là “3 danh vật thực thiện: Xúc, Tư và 21 tâm thiện”.

Kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa, chỉ sở duyên là “21 tâm thiện và sắc Tâm thiện”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi ngũ uẩn.

Người. 4 phàm, 7 bậc Thánh (trừ bậc Tứ quả).

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực thiện Dục giới, đồng lực thiện kiên cố.

Nāmaāhārapaccayena, cho biết mãnh lực của Danh vật thực duyên.

Có 8 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh nghiệp duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ thì *chi pháp*, *thời*, *cõi*... nên hiểu theo lời dịch.

B- Pháp bất thiện.

1- Câu bất thiện.

Câu chính. Akusalo dhammo akusalassa dhammassa nāmaāhārapaccayena paccayo:

“*Pháp bất thiện trợ cho pháp bất thiện bằng Danh vật thực duyên*”.

Câu phụ. Akusalā āhārā sampayuttakānaṃ khandhānaṃ nāmaāhārapaccayena paccayo:

“*Ba danh vật thực bất thiện trợ cho 3 hoặc 4 danh uẩn đồng sinh bằng Danh vật thực duyên*”.

2- Câu vô ký.

Câu chính. Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa nāmaāhārapaccayena paccayo:

“*Pháp bất thiện trợ cho pháp vô ký bằng Danh vật thực duyên*”.

Câu phụ. Akusalā āhārā cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ nāmaāhārapaccayena paccayo:

“*Ba danh uẩn bất thiện làm duyên trợ cho sắc Tâm bất thiện bằng Danh vật thực duyên*”.

3- Câu bất thiện và vô ký.

Câu chính. Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa nāmaāhārapaccayena paccayo;

“*Pháp bất thiện trợ cho pháp bất thiện và vô ký bằng Danh vật thực duyên*”.

Câu phụ. *Akusalā āhārā sampayuttakānaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānañca rūpānaṃ nāmaāhārapaccayena paccayo;*

“*Ba danh vật thực bất thiện trợ cho 3 hoặc 4 danh uẩn đồng sinh và sắc Tâm Bất thiện bằng Danh vật thực duyên*”.

Trong cả 3 câu *Pháp bất thiện* thì *thời*, *cõi* giống như trong câu *thiện*, chỉ pháp chỉ thay đổi tâm thiện bằng tâm bất thiện.

Ngư òi. 4 phàm, 3 Thánh Quả hữu học.

Lộ tâm. Lộ Ngũ và lộ Ý đồng lực bất thiện.

C- Pháp vô ký.

Câu vô ký.

Câu chính. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa nāmaāhārapaccayena paccayo:*

“*Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Danh vật thực duyên*”.

Câu phụ 1. *Vipākābyākato kiriyābyākatā āhārā sampayuttakānaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhā - nānañca rūpānaṃ nāmaāhārapaccayena paccayo:*

“*Ba danh vật thực quả, Duy tác trợ cho 3 hoặc 4 danh uẩn đồng sinh và sắc Tâm quả, Duy tác bằng Danh vật thực duyên*”.

Câu phụ 2. Paṭisandhikkhaṇe vipākābyākata āhārā sampayuttakānaṃ khandhānaṃ kaṭṭattā ca rūpānaṃ nāmaāhārapaccayena paccayo:

“Vào sátna tục sinh 3 danh vật thực quả trợ cho 3 hoặc 4 danh uẩn đông sinh và sắc Nghiệp tục sinh bằng Danh vật thực duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Abyākato dhammo*, chỉ năng duyên là “pháp vô ký”.

**Thời bình nhật.* Năng duyên là “3 danh vật thực quả, Duy tác: Xúc, Tư và 36 tâm quả, 20 tâm Duy tác”.

**Thời tục sinh.* Năng duyên là “3 danh vật thực quả: Xúc, Tư, và 19 tâm tục sinh”.

Abyākatassa dhammassa, chỉ sở duyên là “pháp vô ký”.

**Thời bình nhật.* Sở duyên là “36 tâm quả, 20 tâm Duy tác và sắc Tâm quả, sắc Tâm Duy tác”.

**Thời tục sinh.* Sở duyên là “3 danh vật thực quả tục sinh: Xúc, Tư, 19 tâm tục sinh, ba đoàn sắc nghiệp: Đoàn Thân, đoàn Tính, đoàn Ý vật”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời tục sinh, thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn theo tương ứng.

Người. 4 phàm, 4 bậc Thánh theo tương ứng.

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực vô ký Dục giới, đồng lực vô ký kiên cố và lộ tục sinh sinh lên nối tiếp lộ cận tử.

Nāmaāhārapaccayena, cho biết mãnh lực của Danh vật thực duyên.

Có 12 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau trong thời bình nhật. Hoặc 11 duyên trong thời tục sinh là: Danh vật thực duyên, Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Hối tương duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh nghiệp duyên, Quả duyên, Đồng sinh quyền duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên (trong thời tục sinh thì trừ Đồng sinh trưởng duyên).

Paccayo...

Câu phụ thì *chi pháp, thời, cõi...* nên hiểu theo lời dịch.

Thuần tuý số lượng câu.

Có 7 câu:

- 1- Thiện trợ cho thiện bằng Danh vật thực duyên.
- 2- Thiện trợ cho vô ký bằng Danh vật thực duyên.
- 3- Thiện trợ cho thiện và vô ký bằng Danh vật thực duyên.
- 4- Bất thiện trợ cho bất thiện bằng Danh vật thực duyên.

5- Bất thiện trợ cho vô ký bằng Danh vật thực duyên.

6- Bất thiện trợ cho bất thiện và vô ký bằng Danh vật thực duyên.

7- Vô ký trợ cho vô ký bằng Danh vật thực duyên.

Danh vật thực duyên hợp lực.

Có 11 duyên: Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh nghiệp duyên, Quả duyên, Đồng sinh quyền duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Dứt “yếu tri VẬT THỰC DUYÊN”.

16- Yếu tri QUYỀN DUYÊN.

Quyền duyên phân tích được 3 duyên: Đồng sinh quyền duyên, Tiền sinh quyền duyên và Sắc mạng quyền duyên.

I- Đồng sinh quyền duyên.

A- Pháp thiện.

1- Câu thiện.

Câu chính. Kusalo dhammo kusalassa dhammassa saha \dot{a} tindriyapaccayena paccayo:

“Pháp thiện trợ cho pháp thiện bằng Đồng sinh quyền duyên”.

Câu phụ. *Kusalā indriyā sampayuttakānaṃ khandhānaṃ sahaḥājātindriyapaccayena paccayo:*

“Tám quyền thiện trợ cho 4 – 3 – 2 danh uẩn đồng sinh bằng Đồng sinh quyền duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Kusalō dhammo*, chỉ năng duyên là “8 danh quyền thiện: Mạng quyền, Thọ, Tín, Căn, Niệm, Nhất hành, Trí và 21 tâm thiện”.

Kusalassa dhammassa, chỉ sở duyên là “21 tâm thiện”.

Nói về: *Thời*. Diễn tiến trong thời bình nhật.

Cõi. Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn.

Ngươi. 4 phàm, 7 bậc Thánh (trừ bậc Tứ quả).

Lộ tâm. Lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực thiện Dục giới, đồng lực thiện kiên cố.

Sahaḥājātindriyapaccayena, cho biết mãnh lực của Đồng sinh quyền duyên.

Có 12 duyên có cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh quyền duyên, Nhân duyên, Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Danh vật thực duyên, Thiên duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ thì *chi pháp, thời, cõi...* nên hiểu theo lời dịch.

2- Câu vô ký.

Câu chính. *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa saha-jātindriyapaccayena paccayo:*

“*Pháp thiện trợ cho pháp vô ký bằng Đồng sinh quyền duyên*”.

Câu phụ. *Kusalā indriyā cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ saha-jātindriyapaccayena paccayo:*

“*Tám quyền thiện trợ cho sắc Tâm thiện bằng Đồng sinh quyền duyên*”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Kusalo dhammo*, chỉ năng duyên là “8 danh quyền thiện”.

Kusalassa dhammassa, chỉ sở duyên là “sắc Tâm thiện”.

Nói về *thời, cõi, người, lộ tâm* nên hiểu theo ý nghĩa như trên.

Saha-jātindriyapaccayena, cho biết mãnh lực của Đồng sinh quyền duyên.

Có 11 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh quyền duyên, Nhân duyên, Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Danh vật thực duyên, Thiên duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ thì *chi pháp*, *thời*, *cõi*... nên hiểu theo lời dịch.

3- *Câu thiện và vô ký.*

Câu chính. *Kusalō dhammo kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa saha-jātindriyapaccayena paccayo:*

“*Pháp thiện trợ cho pháp thiện và vô ký bằng Đồng sinh quyền duyên*”.

Câu phụ. *Kusalā indriyā sampayuttakānaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ saha-jātindriyapaccayena paccayo:*

“*Tám quyền thiện trợ cho 4-3-2 danh uẩn đồng sinh và sắc Tâm thiện bằng Đồng sinh quyền duyên*”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Kusalō dhammo*, chỉ năng duyên là “8 danh quyền thiện”.

Kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa, chỉ sở duyên là “21 tâm thiện và sắc Tâm thiện”.

Nói về *thời*, *cõi*, *người*, *lộ tâm* nên hiểu theo ý nghĩa như đã đề cập.

Saha-jātindriyapaccayena, cho biết mãnh lực của Đồng sinh quyền duyên.

Có 10 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh quyền duyên, Nhân duyên, Đồng sinh trường duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên,

Danh vật thực duyên, Thiên duyên, Đạo duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ thì *chi pháp, thời, cõi...* nên hiểu theo lời dịch.

B- Pháp bất thiện.

1- Câu bất thiện.

Câu chính. Akusalo dhammo akusalassa dhammassa saha¹jātindriyapaccayena paccayo:

“Pháp bất thiện trợ cho pháp bất thiện bằng Đồng sinh quyền duyên”.

Câu phụ. Akusalā indriyā sampayuttakānaṃ khandhānaṃ saha¹jātindriyapaccayena paccayo:

“Năm danh quyền bất thiện ⁽¹⁾ trợ cho 4-3-2 danh uẩn đồng sinh bằng Đồng sinh quyền duyên”.

2- Câu vô ký.

Câu chính. Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa saha¹jātindriyapaccayena paccayo:

“Pháp bất thiện trợ cho pháp vô ký bằng Đồng sinh quyền duyên”.

Câu phụ. Akusalā indriyā cittasamu¹ṭṭhānānaṃ rūpānaṃ saha¹jātindriyapaccayena paccayo:

(1)- Năm danh quyền bất thiện là: Mạng quyền, 12 tâm bất thiện, Thọ, Căn, Nhất hành.

“Năm danh quyền bất thiện trợ cho sắc Tâm bất thiện bằng Đồng sinh Quyền duyên”.

3- Câu bất thiện và vô ký.

Câu chính. Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa saha^hjātindriyapaccayena paccayo:

“Pháp bất thiện trợ cho pháp bất thiện và vô ký bằng Đồng sinh quyền duyên”.

Câu phụ. Akusalā indriyā sampayuttakānaṃ khandhānaṃ cittasamu^hṭṭhānāna^hñca rūpānaṃ saha^hjātindriyapaccayena paccayo:

“Năm danh quyền bất thiện làm duyên trợ cho 4-3-2 danh uẩn đồng sinh và sắc Tâm bất thiện bằng Đồng sinh quyền duyên”.

Chi pháp, thời, cõi trong 3 câu của pháp bất thiện nên hiểu theo như ý nghĩa của 3 câu của pháp thiện. Chỉ khác là 5 danh quyền bất thiện (trừ Tín, Niệm, Trí).

Người. 4 phàm, 3 Thánh quả hữu học.

Lộ tâm. Diễn tiến trong lộ Ngũ, lộ Ý đồng lực bất thiện.

C- Pháp vô ký.

Câu vô ký.

Câu chính. Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa saha^hjātindriyapaccayena paccayo:

“Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Đồng sinh quyền duyên”.

Câu phụ 1. Vipākābyākatā kiriyābyākatā
indriyā sampayuttakānaṃ khandhānaṃ
cittasamuṭṭhānānañca rūpānaṃ
sahajātindriyapaccayena paccayo:

“Tám danh quyền quả, Duy tác làm duyên trợ cho 4-3-2 danh uẩn đồng sinh và sắc Tâm quả, sắc Tâm Duy tác bằng Đồng sinh quyền duyên”.

Câu phụ 2. Paṭisandhikkhaṇe vipākābyākatā
indriyā sampayuttakānaṃ khandhānaṃ kaṭṭattā
ca rūpānaṃ sahaajātindriyapaccayena paccayo:

“Vào sátna tục sinh 8-7-3 danh quyền quả trợ cho 4-3-2 danh uẩn đồng sinh và sắc Nghiệp tục sinh bằng Đồng sinh quyền duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Abyākato dhammo*, chỉ năng duyên là “pháp vô ký”.

**Thời bình nhật.* Là “8 danh quyền quả, Duy tác là: Mạng quyền, 36 tâm quả, 20 tâm Duy tác thuộc ý quyền, Thọ, Tín, Căn, Niệm, Nhất hành, Trí”.

**Thời tục sinh.* Là “8, 7, 3 danh quyền quả tục sinh”(7 quyền là trừ Trí, 3 quyền là: Mạng quyền, tâm Quan sát xả thọ là Ý quyền và Thọ hợp trong 2 tâm tục sinh vô nhân).

Abyākatassa dhammassa, chỉ sở duyên là “pháp vô ký”.

**Thời bình nhật*. Là “36 tâm quả, 20 tâm Duy tác và sắc Tâm quả, sắc Tâm Duy tác”.

* *Thời tục sinh*. Là “19 tâm tục sinh và sắc Nghiệp tục sinh”.

Nói về thời, cõi, người, lộ tâm nên hiểu theo như đã đề cập.

Sahajātindriyapaccayena, cho biết mãnh lực của Đồng sinh quyền duyên.

Có 14 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đồng sinh quyền duyên, Nhân duyên, Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Hố tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Danh vật thực duyên, Thiên duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên (riêng trong thời tục sinh được 13 duyên trừ Đồng sinh trưởng duyên).

Paccayo...

Câu phụ thì *chi pháp, thời, cõi...* nên hiểu theo lời dịch.

Thuần túy số lượng câu.

Có 7 câu:

1-Thiện trợ cho thiện bằng Đồng sinh Quyền duyên.

2-Thiện trợ cho vô ký bằng Đồng sinh Quyền duyên.

3-Thiện trợ cho thiện và vô ký bằng Đồng sinh Quyền duyên.

4-Bất thiện trợ cho bất thiện bằng Đồng sinh Quyền duyên.

5-Bất thiện trợ cho vô ký bằng Đồng sinh Quyền duyên.

6-Bất thiện trợ cho bất thiện và vô ký bằng Đồng sinh Quyền duyên.

7-Vô ký trợ cho vô ký bằng Đồng sinh Quyền duyên.

Đồng sinh quyền duyên hợp lực.

Có 13 duyên: Nhân duyên, Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Danh vật thực duyên, Thiên duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

II- Tiên sinh quyền duyên.

A- Pháp vô ký.

Câu chính. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa purejātindriyapaccayena paccayo:*

“Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Tiên sinh quyền duyên”.

Câu phụ. *Cakkhundriyaṃ cakkhuvīññāṇassa, sotindriyaṃ sotavīññāṇassa, ghānindriyaṃ ghānavīññāṇassa, jivhindriyaṃ jivhāvīññāṇassa,*

**kāyindriyaṃ kāyaviññāṇassa
purejātindriyapaccayena paccayo:**

Nhãn trung thọ hoặc Nhãn quyền trong thời trụ trợ cho Nhãn thức; Nhĩ trung thọ hoặc Nhĩ quyền trong thời trụ trợ cho Nhĩ thức; Tỷ trung thọ hoặc Tỷ quyền trong thời trụ trợ cho Tỷ thức; Thiệt trung thọ hoặc Thiệt quyền trong thời trụ trợ cho Thiệt thức; Thân trung thọ hoặc Thân quyền trong thời trụ trợ cho Thân thức bằng Tiên sinh quyền duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Abyākato dhammo*, chỉ năng duyên là “Thần kinh Nhãn, thần kinh Nhĩ, thần kinh Tỷ, thần kinh Thiệt, thần kinh Thân” trong thời trụ.

Abyākatassa dhammassa, chỉ sở duyên là “Ngũ song thức” đang sinh.

Nói về *thời, cõi, người, lộ tâm* nên hiểu theo như ý nghĩa đã đề cập.

Purejātindriyapaccayena, cho biết mãnh lực của Tiên sinh quyền duyên.

Có 6 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Tiên sinh quyền duyên, Vật tiên sinh duyên, Vật tiên sinh y duyên, Vật tiên sinh bất tương ưng duyên, Vật tiên sinh hiện hữu duyên, Vật tiên sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ thì *chi pháp, thời, cõi...* nên hiểu theo lời dịch.

Thuần tuý số lượng câu và Tiên sinh quyền duyên hợp lực đã hiển lộ rõ ràng.

III- Sắc mạng quyền duyên.

A-Pháp vô ký.

Câu vô ký.

Câu chính. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa rūpajīvitindriyapaccayena paccayo:*

“Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Sắc mạng quyền duyên”.

Câu phụ. *Rūpajīvitindriyaṃ kaṭattārūpānaṃ rūpajīvitindriyapaccayena paccayo:*

“Sắc mạng quyền tục sinh lẫn bình nhật trợ cho 8 hoặc 9 sắc Nghiệp trong cùng đoàn bằng Sắc mạng quyền duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Abyākato dhammo*, chỉ năng duyên là “sắc Mạng quyền” trong thời tục sinh lẫn thời bình nhật.

Abyākatassa dhammassa, chỉ sở duyên là “8 hoặc 9 sắc Nghiệp” trong cùng đoàn với sắc Mạng quyền.

Nói về *thời, cõi, ngư-ời, lộ tâm* nên hiểu theo như ý nghĩa đã đề cập.

Rūpajīvitindriyapaccayena, cho biết mãnh lực của Sắc mạng quyền duyên.

Có 3 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Sắc mạng quyền duyên, Sắc mạng quyền hiện hữu duyên ⁽¹⁾, Sắc mạng quyền bất ly duyên ⁽²⁾.

Paccayo...

Câu phụ thì *chi pháp, thời, cõi...* nên hiểu theo lời dịch.

Thuần túy số lượng câu và Tiên sinh quyền duyên hợp lực đã hiển lộ rõ ràng.

Dứt “*yếu tri QUYỀN DUYÊN*”.

17- Yếu tri THIÊN DUYÊN.

A- *Pháp thiện.*

1- *Câu thiện.*

Câu chính. Kusalo dhammo kusalassa dhammassa jhānapaccayenapaccayo:

“*Pháp thiện trợ cho pháp thiện bằng Thiên duyên.*”

(1)- Sự kiện mà Đức Phật nêu lên Quyền hiện hữu duyên, để ngăn ngừa sự hiểu lầm sắc Mạng quyền đã diệt rồi cũng vẫn làm năng duyên được. Do đó, phải nêu lên sắc Mạng quyền còn đang hiện diện trong 3 sátna mới làm năng duyên được, cho dù trong sátna diệt cũng vẫn chưa diệt hết.

(2)- Quyền bất ly duyên chú thích như phần chú thích của Quyền hiện hữu duyên.

Câu phụ. *Kusalāni jhānaṅgāni sampayuttakānaṃ khandhānaṃ jhānapaccayena paccayo:*

“5 - 4 - 3 - 2 chi thiên thiện trợ cho 4 - 3 danh uẩn đồng sinh bằng Thiên duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Kusalo dhammo*, chi năng duyên là “5 - 4 - 3 - 2 chi thiên thiện: Tâm, Tứ, Hỷ, Thọ, Nhất hành”; hoặc “Tứ, Hỷ, Thọ, Nhất hành”; hoặc “Hỷ, Thọ, Nhất hành”; hoặc “Thọ, Nhất hành”.

Kusalassa dhammassa, chi sở duyên là “21 tâm thiện”.

Nói về thời, cõi, người, lộ tâm nên hiểu theo như ý nghĩa đã đề cập.

Jhānapaccayena, cho biết mãnh lực của Thiên duyên.

Có 9 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Thiên duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Tương ứng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ thì chi pháp, thời, cõi... nên hiểu theo lời dịch.

2- Câu vô ký.

Câu chính. *Kusalo dhammo abyākatassa dham*

- **massa jhānapaccayena paccayo:**

“*Pháp thiện trợ cho pháp vô ký bằng Thiên duyên*”.

Câu phụ. *Kusalāni jhānaṅgāni cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ jhānapaccayena paccayo:*

“*5 - 4 - 3 - 2 chi thiên thiện trợ cho sắc Tâm thiện bằng Thiên duyên*”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Kusalo dhammo*, chỉ năng duyên là “5 - 4 - 3 - 2 chi thiên thiện”.

Abyākatassa dhammassa, chỉ sở duyên là “sắc Tâm thiện”.

Nói về *thời, cõi, người, lộ tâm* nên hiểu theo như ý nghĩa đã đề cập.

Jhānapaccayena, cho biết mãnh lực của Thiên duyên.

Có 8 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là “Thiên duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên”.

Paccayo...

Câu phụ thì *chi pháp, thời, cõi...* nên hiểu theo lời dịch.

3- Câu thiện và vô ký.

Câu chính. *Kusalō dhammo kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa jhānapaccayena paccayo:*

“*Pháp thiện trợ cho pháp thiện và vô ký bằng Thiền duyên*”.

Câu phụ. *Kusalāni jhānaṅgāni sampayuttakānaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ jhānapaccayena paccayo:*

“*5 - 4 - 3 - 2 chi thiền thiện trợ cho 4 - 3 danh uẩn đồng sinh và sắc Tâm Thiện bằng Thiền duyên*”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Kusalō dhammo*, chi năng duyên là “5 - 4 - 3 - 2 chi thiền thiện”.

Kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa, chi sở duyên là “21 tâm thiện và sắc Tâm thiện”.

Nói về *thời, cõi, người, lộ tâm* nên hiểu theo ý nghĩa như đã đề cập.

Jhānapaccayena, cho biết mãnh lực của Thiền duyên.

Có 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Thiền duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ thì *chi pháp*, *thời*, *cõi*... nên hiểu theo lời dịch.

B-Pháp bất thiện.

1- Câu bất thiện.

Câu chính. Akusalo dhammo akusalassa dhammassa jhānapaccayena paccayo:

“*Pháp bất thiện trợ cho pháp bất thiện bằng Thiên duyên*”.

Câu phụ. Akusalāni jhānaṅgāni sampayuttakānaṃ khandhānaṃ jhānapaccayena paccayo:

“*5 - 4 chi thiên bất thiện trợ cho 4 - 3 danh uẩn đồng sinh bằng Thiên duyên*”.

2- Câu vô ký.

Câu chính. Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa jhānapaccayena paccayo:

“*Pháp bất thiện trợ cho pháp vô ký bằng Thiên duyên*”.

Câu phụ. Akusalāni jhānaṅgāni cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ jhānapaccayena paccayo:

“*5 - 4 chi thiên bất thiện trợ cho sắc Tâm bất thiện bằng Thiên duyên*”.

3- Câu bất thiện và vô ký.

Câu chính. Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa jhānapaccayena pac

-cayo:

“*Pháp bất thiện trợ cho pháp bất thiện và vô ký bằng Thiên duyên*”.

Câu phụ. Akusalāni jhānaṅgāni
sampayuttakānaṃ khandhānaṃ.
cittasamuṭṭhānānañca rūpānaṃ jhānapaccayena
paccayo:

“*5 - 4 chi thiên bất thiện làm duyên trợ cho 4 - 3 danh uẩn đông sinh và sắc Tâm bất thiện bằng Thiên duyên*”.

Chi pháp, thời, cõi... 3 câu pháp bất thiện nên hiểu theo cách thức của 3 câu pháp thiện. Chỉ khác nhau là 5 - 4 chi thiên thuộc thiện hay bất thiện (4 chi thiên bất thiện là: Tâm, Tứ, Thọ, Nhất hành trong tâm Tham thọ xả, tâm Sân và tâm Si).

C-Pháp vô ký.

Câu vô ký.

Câu chính. Abyākato dhammo abyākatassa
dhammassa jhānapaccayena paccayo:

“*Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Thiên duyên*”.

Câu phụ 1. Vipākābyākatāni kiriyābyakatāni
jhānaṅgāni .sampayuttakānaṃ khandhānaṃ
cittasamuṭṭhānānañca rūpānaṃ jhānapaccayena
paccayo:

“5 - 4 - 3 - 2 chi thiên quả, Duy tác trợ cho 4 - 3 danh uẩn đồng sinh và sắc Tâm quả, sắc Tâm duy tác bằng Thiên duyên”.

Câu phụ 2. Paṭisandhikkhaṇe vipākābyākatāni jhānaṅgāni sampayuttakānaṃ khandhānaṃ kaṭṭattā ca rūpānaṃ jhānapaccayena paccayo:

“Vào sátna tục sinh 5 - 4 - 3 - 2 chi thiên quả trợ cho 4 - 3 danh uẩn đồng sinh và sắc Nghiệp tục sinh bằng Thiên duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. Abyākato dhammo, chỉ năng duyên là “5 - 4 - 3 - 2 chi thiên quả, Duy tác” trong thời bình nhật.

Trong thời tục sinh là “5 - 4 - 3 - 2 chi thiên quả” của 19 tâm tục sinh.

Abyākatassa dhammassa, chỉ sở duyên là “26 tâm quả (trừ Ngũ song thức), 20 tâm Duy tác và sắc Tâm quả, sắc Tâm duy tác”.

Trong thời tục sinh là “19 tâm tục sinh và sắc Nghiệp tục sinh”.

Nói về *thời, cõi, người, lộ tâm* nên hiểu theo như ý nghĩa đã đề cập.

Jhānapaccayena, cho biết mãnh lực của Thiên duyên.

Có 11 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Thiên duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên,

Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Tương ứng duyên, Đồng sinh bất tương ứng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ thì ***chi pháp, thời, cõi...*** nên hiểu theo lời dịch.

Thuần túy số lượng câu và Thiên duyên hợp lực thì đã hiển lộ rõ ràng.

Dứt “yếu tri THIÊN DUYÊN”.

18- Yếu tri ĐẠO DUYÊN.

A- Pháp thiện.

1- Câu thiện.

Câu chính. Kusalo dhammo kusalassa dhammassa maggapaccayena paccayo:

“Pháp thiện trợ cho pháp thiện bằng Đạo duyên”.

Câu phụ. Kusalāni maggaṅgāni sampayuttakānaṃ khandhānaṃ maggapaccayena paccayo:

“8 hoặc 7 chi đạo trợ cho 4 danh uẩn đồng sinh bằng Đạo duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. ***Kusalo dhammo,*** chi năng duyên là “8 - 7 - 5 hoặc 4 chi đạo thiện: Trí, Tâm, Giới phần,

Cần, Niệm, Nhất hành”, (7 chi đạo thì trừ Trí hoặc Tâm; 5 chi đạo thì trừ Giới phần; 4 chi đạo thì trừ Tâm và Giới phần).

Kusalassa dhammassa, chi sở duyên là “21 tâm thiện”.

Nói về *thời, cõi, người, lộ tâm* nên hiểu theo như ý nghĩa đã đề cập.

Maggapaccayena, cho biết mãnh lực của Đạo duyên.

Có 11 duyên cùng tính chất, phối hợp nhau là: Đạo duyên, Nhân duyên, Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Hối tương duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Thiền duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ thì *chi pháp, thời, cõi...* nên hiểu theo lời dịch.

2- Câu vô ký.

Câu chính. Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa maggapaccayena paccayo:

“*Pháp thiện trợ cho pháp vô ký bằng Đạo duyên*”.

Câu phụ. Kusalāni maggaṅgāni cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ maggapaccayena paccayo:

“8 - 7 - 5 hoặc 4 chi đạo thiện trợ cho sắc Tâm thiện bằng Đạo duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Kusalo dhammo*, chỉ năng duyên là “8 - 7 - 5 hoặc 4 chi đạo thiện”.

Abyākatassa dhammassa, chỉ sở duyên là “sắc Tâm thiện”.

Nói về thời, cõi, người, lộ tâm nên hiểu theo ý nghĩa như đã đề cập.

Maggapaccayena, cho biết đến mãnh lực của Đạo duyên.

Có 10 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đạo duyên, Nhân duyên, Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Thiên duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ thì chi pháp, thời, cõi... nên hiểu theo lời dịch.

3- Câu thiện và vô ký.

Câu chính. *Kusalo dhammo kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa maggapaccayena paccayo:*

“Pháp thiện trợ cho pháp thiện và vô ký bằng Đạo duyên”.

Câu phụ. *Kusalāni maggaṅgāni sampayuttakānaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānañca rūpānaṃ maggapaccayena paccayo:*

“8 - 7 - 5 hoặc 4 chi đạo thiện trợ cho 4 danh uẩn Đồng sinh và sắc Tâm thiện bằng Đạo duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. *Kusalo dhammo*, chỉ năng duyên là “8 - 7 - 5 hoặc 4 chi đạo thiện”.

Kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa, chỉ sở duyên là “21 tâm thiện và sắc Tâm thiện”.

Nói về *thời, cõi, người, lộ tâm* nên hiểu theo ý nghĩa như đã đề cập.

Maggapaccayena, cho biết mãnh lực của Đạo duyên.

Có 9 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đạo duyên, Nhân duyên, Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Thiên duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo...

Câu phụ thì *chi pháp, thời, cõi...* nên hiểu theo lời dịch.

B- Pháp bất thiện.**1- Câu bất thiện.**

Câu chính. Akusalo dhammo akusalassa dhammassa maggapaccayena paccayo:

“Pháp bất thiện trợ cho pháp bất thiện bằng Đạo duyên”.

Câu phụ. Akusalāni maggaṅgāni sampayuttakānaṃ khandhānaṃ maggapaccayena paccayo:

“4 - 3 - 2 chi đạo bất thiện làm duyên trợ cho 4 danh uẩn Đồng sinh bằng Đạo duyên”.

2- Câu vô ký.

Câu chính. Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa maggapaccayena paccayo:

“Pháp bất thiện trợ cho pháp vô ký bằng Đạo duyên”.

Câu phụ. Akusalāni maggaṅgāni cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ maggapaccayena paccayo:

“4 - 3 - 2 chi đạo bất thiện trợ cho sắc Tâm bất thiện bằng Đạo duyên”.

3- Câu bất thiện và vô ký.

Câu chính. Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa maggapaccayena paccayo:

“Pháp bất thiện trợ cho pháp bất thiện và vô ký bằng Đạo duyên”.

Câu phụ. Akusalāni maggaṅgāni
sampayuttakānaṃ khandhānaṃ
cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ maggapaccayena
paccayo:

*“4 - 3 - 2 chi đạo bất thiện trợ cho 4 danh uẩn
đồng sinh và sắc Tâm bất thiện bằng Đạo duyên”.*

*Chi pháp và thời, cõi... 3 câu trong pháp bất thiện
nên hiểu theo như cách thức của 3 câu trong pháp
thiện, chi khác là: 4 chi đạo bất thiện là: Tâm, Căn,
Nhất hành, Tà kiến trong tâm Tham hợp tà: 3 chi đạo
bất thiện là: Tâm, Căn, Nhất hành trong tâm Tham ly
tà, tâm Sân, tâm Si phóng dật; 2 chi đạo bất thiện là:
Tâm, Căn trong tâm Si hợp hoại nghi).*

C- Pháp vô ký.

Câu vô ký.

Câu chính. Abyākato dhammo abyākatassa
dhammassa maggapaccayena paccayo:

*“Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Đạo
duyên.”*

Câu phụ 1. Vipākābyākatāni kiriyābyakatāni
maggaṅgāni sampayuttakānaṃ khandhānaṃ
cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ maggapaccayena
paccayo:

“8 - 7 hoặc 5 - 4 chi đạo quả, Duy tác hữu nhân trợ cho 4 danh uẩn đông sinh và sắc Tâm quả, sắc Tâm duy tác hữu nhân bằng Đạo duyên”.

Câu phụ 2. Paṭisandhikkhaṇe vipākābyākatāni maggaṅgāni sampayuttakānaṃ khandhānaṃ kaṭṭattā ca rūpānaṃ maggapaccayena paccayo:

“Vào sátna tục sinh 5 - 4 chi đạo quả hữu nhân trợ cho 4 danh uẩn đông sinh và sắc Nghiệp tục sinh hữu nhân bằng Đạo duyên”.

Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính. Abyākato dhammo, chỉ năng duyên là “8 - 7 chi đạo quả, Duy tác hữu nhân (trừ Trí hoặc Tâm) trong thời bình nhật.

Trong thời tục sinh là “5 - 4 chi đạo quả tục sinh hữu nhân”⁽¹⁾.

Abyākatassa dhammassa, chỉ sở duyên là “21 tâm quả hữu nhân, 17 tâm Duy tác hữu nhân và sắc Tâm quả, sắc tâm duy tác hữu nhân” trong thời bình nhật.

Trong thời tục sinh là “17 tâm quả tục sinh hữu nhân và sắc Nghiệp tục sinh hữu nhân”. làm sở duyên.

Nói về thời, cõi, người, lộ tâm nên hiểu theo như đã đề cập.

⁽¹⁾- 5 chi đạo là: Trí, Tâm, Căn, Niệm, Nhất hành, 4 chi đạo thì trừ Trí.

Maggapaccayena, cho biết mãnh lực của Đạo duyên.

Có 13 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau là: Đạo duyên, Nhân duyên, Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh duyên, Hối tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh quyền duyên, Thiền duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên (trong thời tục sinh thì được 12 duyên phối hợp, trừ Đồng sinh trưởng duyên).

Paccayo...

Câu phụ thì *chi pháp, thời, cõi...* nên hiểu theo lời dịch.

Thuần túy số lượng câu và Đạo duyên hợp lực thì đã hiển lộ rõ ràng.

Dứt “*yếu tri ĐẠO DUYÊN*”.

19-Yếu tri TƯƠNG ƯNG DUYÊN.

A- Pháp thiện.

Câu thiện.

Câu chính. Kusalo dhammo kusalassa dhammassa sampayuttapaccayena paccayo:

“*Pháp thiện trợ cho pháp thiện bằng Tương ưng duyên*”.

Câu phụ. Kusalo eko khandho tiṇṇaṇaṃ khandhānaṃ sampayuttapaccayena paccayo, tayo

VI ĐIỀU PHÁP ❁

**kandhā ekassa kandhassa
sampayuttapaccayena paccayo, dve kandhā
dvinnam kandhānam sampayuttapaccayena
paccayo:**

“Một danh uẩn thiện hoặc 3 hoặc 2 trợ cho 3
hoặc 1 hoặc 2 danh uẩn thiện còn lại bằng Tương
ứng duyên”.

B- Câu bất thiện.

**Câu chính. Akusalo dhammo akusalassa
dhammassa sampayuttapaccayena paccayo:**

“Pháp bất thiện trợ cho pháp bất thiện bằng
Tương ứng duyên”.

**Câu phụ. Akusalo eko kandho tiṇṇanam
kandhānam sampayuttapaccayena paccayo, tayo
kandhā ekassa kandhassa
sampayuttapaccayena paccayo, dve kandhā
dvinnam kandhānam sampayuttapaccayena
paccayo:**

“Một danh uẩn bất thiện hoặc 3 hoặc 2 trợ cho 3
hoặc 1 hoặc 2 danh uẩn bất thiện còn lại bằng
Tương ứng duyên”.

C- Pháp vô ký.

Câu vô ký.

**Câu chính. Abyākato dhammo abyākatassa
dhammassa sampayuttapaccayena paccayo:**

“Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Tương ứng
duyên”.

Câu phụ 1. Vipākābyākato kiriyābyakato eko khandho tiṇṇannaṃ khandhānaṃ sampayuttapaccayena paccayo, tayo khandhā ekassa khandhassa sampayuttapaccayena paccayo, dve khandhā dvinnaṃ khandhānaṃ sampayuttapaccayena paccayo:

“Một hoặc 3 hoặc 2 danh uẩn quả, Duy tác trợ cho 3 hoặc 1 hoặc 2 danh uẩn quả, Duy tác còn lại bằng Tương ứng duyên”.

Câu phụ 2. Paṭisandhikkhaṇe eko khandho tiṇṇannaṃ khandhānaṃ sampayuttapaccayena paccayo, tayo khandhā ekassa khandhassa sampayuttapaccayena paccayo, dve khandhā dvinnaṃ khandhānaṃ sampayuttapaccayena paccayo:

“Vào sátna tục sinh 1 hoặc 3 hoặc 2 danh uẩn quả làm duyên trợ cho 3 hoặc 1 hoặc 2 danh uẩn quả còn lại bằng Tương ứng duyên”.

Chi pháp, thời, cõi ... cho đến **Thuần túy số lượng câu** và **duyên thực tính** trong Tương ứng duyên, nên hiểu theo lời dịch.

Có 7 duyên cùng tính chất, phối hợp với nhau trong thời bình nhật lẫn thời tục sinh là: Tương ứng duyên, Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Dứt “yếu tri TƯƠNG ƯNG DUYÊN”.

Lại nữa, Tương ưng duyên các Giáo thọ sư giải thích “Tương ưng duyên phối hợp” trong pháp vô ký (*abyākato dhammo*) có thêm Quả duyên vì có 4 danh uẩn quả.

Trong pháp thiện, pháp bất thiện chỉ có 6 duyên phối hợp, không có Quả duyên.

Có điều còn ngờ vực rằng:

Hỏi. Hai duyên là Thiên duyên, Đạo duyên, vì sao có duyên phối hợp nhiều hơn Tương ưng duyên? Tương ưng duyên cũng phối hợp được với Thiên duyên, Đạo duyên, vậy tại sao Tương ưng duyên phối hợp chỉ có 6 duyên? Có mâu thuẫn chăng?

Đáp. Không mâu thuẫn, vì trong Tương ưng duyên Đức Phật không chú trọng đến tâm sở riêng biệt.

Còn trong Thiên duyên, Đạo duyên Ngài nói đến tâm sở là chi thiện, chi đạo. Và lại, trong Thiên duyên, Đạo duyên cũng có sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh, còn trong Tương ưng duyên thì chỉ hoàn toàn là danh pháp.

Hỏi. Vì sao Nhân duyên không gom vào trong Tương ưng duyên được?

Đáp. Vì Nhân duyên có sắc Tâm thiện, sắc Tâm bất thiện.

Hỏi. Như vậy, Phạm Thiên vô sắc chỉ có danh pháp cũng không tính Nhân duyên vào được hay chăng?

Đáp. Không được, bởi Đức Phật thuyết ám chỉ thuần nhất lấy hành uẩn làm năng duyên, mà trong Tương ứng duyên không nhằm vào chủ yếu duy nhất hành uẩn là năng duyên, Ngài lấy cả 4 danh uẩn nên thuyết rằng: *Eko khandho tiṇṇannaṃ khandhānaṃ*”, rồi thuyết ngược lại rằng: *“Tayo khandhā ekassa khandhassa”*.

Còn trong Nhân duyên Ngài không thuyết như vậy.

Hỏi. Nếu vậy, trong tâm bất thiện khi Tham sinh lên thì có Si tương ứng, Sân sinh lên cũng có Si tương ứng, không gọi là Tương ứng duyên sao?

Đáp. Không được, vì có sắc pháp.

Hỏi. Mỗi lộ tâm khi sinh lên có thể loại bỏ pháp vô ký như tâm quả ra được không?

Đáp. Không được, vì lộ Ngũ cảnh rất lớn, lộ Ý cảnh rất rõ, phải luôn luôn có Na cảnh.

Lại nữa, lộ Ngũ cũng có thành phần trọng yếu khác nữa không thể loại bỏ được, như: Nhãn thức – Tiếp thu – Quan sát. Ngay đến tâm Khai ngũ môn, tâm Khai ý môn của phàm nhân hay bậc Alahán đi nữa cũng không thể loại bỏ 2 tâm này, lẫn đồng lực Duy tác tức hành động, lời nói, suy nghĩ của bậc Alahán được

Như loại bỏ được cũng chỉ loại bỏ trong lộ Ý cảnh rất không rõ, khiến cho tâm khách quan không sinh lên.

Và trong lúc đắc Đạo thì tâm Quả phải khởi hiện, đây cũng là một yếu tố khác, để không thể loại bỏ pháp vô ký.

Nếu chính xác thì không thể loại bỏ pháp vô ký được, vì tâm Khai ý môn lẫn tâm Khai ngũ môn đều có mặt trong mỗi tâm lộ.

20- Yếu tri *BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN*.

Bất tương ưng duyên, khi phân tích rộng có 4 duyên là: Đồng sinh bất tương ưng duyên, Vật tiền sinh bất tương ưng duyên, Vật - cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên và Hậu sinh bất tương ưng duyên.

I- Yếu tri Đồng sinh bất tương ưng duyên.

A-Pháp thiện.

Câu vô ký.

Câu chính. Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa saha jātavippayuttapaccayena paccayo:

“Pháp thiện trợ cho pháp vô ký bằng Đồng sinh bất tương ưng duyên”.

Câu phụ. Kusalo khandhā cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ saha jātavippayuttapaccayena paccayo:

“Bốn danh uẩn thiện làm duyên trợ cho sắc Tâm thiện bằng Đồng sinh bất tương ưng duyên”.

B-Pháp bất thiện.**Câu vô ký.****Câu chính.** Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa saha-jātavippayuttapaccayena paccayo:*“Pháp bất thiện trợ cho pháp vô ký bằng Đồng sinh bất tương ưng duyên”.***Câu phụ.** Kusalo khandhā cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ saha-jātavippayuttapaccayena paccayo:*“Bốn danh uẩn bất thiện trợ cho sắc Tâm bất thiện bằng Đồng sinh bất tương ưng duyên”.***C- Pháp vô ký.****Câu vô ký.****Câu chính.** Abyākato dhammo ⁽¹⁾ abyākatassa dhammassa ⁽²⁾. saha-jātavippayuttapaccayena paccayo:*“Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Đồng sinh bất tương ưng duyên”.*

(1)- Abyākato dhammo, chỉ năng duyên là “22 tâm quả (trừ Ngũ song thức, 4 quả Vô sắc giới và tâm tử của vị Alahán), 20 tâm Duy tác + 38 tâm sở hợp, trong thời bình nhật.

Trong thời tục sinh là “4 danh uẩn tục sinh trong cõi ngũ uẩn và sắc Ý vật tục sinh”.

(2)- *Abyākatassa dhammassa*, chỉ sở duyên là “sắc Tâm quả, sắc tâm Duy tác, sắc Nghiệp tục sinh, 4 danh uẩn tục sinh trong cõi ngũ uẩn, sắc Ý vật tục sinh”.

**Câu phụ 1. Vipākābyākatā kiriyābyakatā
khandhā cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ
sahajātavippayuttapaccayena paccayo:**

“Bốn danh uẩn quả, Duy tác trợ cho sắc Tâm quả, sắc tâm Duy tác còn lại bằng Đồng sinh bất tương ứng duyên”.

**Câu phụ 2. Paṭisandhikkhaṇe vipākābyākatā
khandhā kaṭattārūpānaṃ
sahajātavippayuttapaccayena paccayo:**

“Vào sátna tục sinh 4 danh uẩn quả trợ cho sắc Nghiệp bằng Đồng sinh bất tương ứng duyên”.

**Câu phụ 3. Khandhā vatthussa
sahajātavippayuttapaccayena paccayo:**

“Bốn danh uẩn tục sinh trợ cho sắc Ý vật tục sinh bằng Đồng sinh bất tương ứng duyên”.

**Câu phụ 4. Vatthu khandhānaṃ
sahajātavippayuttapaccayena paccayo:**

“Sắc Ý vật tục sinh trợ cho 4 danh uẩn tục sinh bằng Đồng sinh bất tương ứng duyên”.

Thuần túy số lượng câu và Đồng sinh bất tương ứng duyên hợp lực đã hiển lộ rõ ràng rồi.

II- Yếu tri Vật tiền sinh bất tương ứng duyên.

Pháp vô ký.

1- Câu vô ký.

Câu chính. Abyākato dhammo abyākatassa -

dhammassa vatthupurejātavippayuttapaccayena paccayo:

“Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Vật tiền sinh bất tương ứng duyên”.

Câu phụ 1. Cakkhāyatanam cakkhaviññāṇassa vatthupurejātavippayuttapaccayena paccayo:

“Nhãn xứ trợ cho Nhãn thức bằng Vật tiền sinh bất tương ứng duyên”.

Câu phụ 2. Sotāyatanam sotaviññāṇassa vatthupurejātavippayuttapaccayena paccayo:

“Nhĩ xứ trợ cho Nhĩ thức bằng Vật tiền sinh bất tương ứng duyên”.

Câu phụ 3. Ghāṇāyatanam ghānaviññāṇassa

vatthupurejātavippayuttapaccayena paccayo:

“Tỷ xứ trợ cho Tỷ thức bằng Vật tiền sinh bất tương ứng duyên”.

Câu phụ 4. Jivhāyatanam jivhāviññāṇassa vatthupurejātavippayuttapaccayena paccayo:

“Thiệt xứ trợ cho Thiệt thức bằng Vật tiền sinh bất tương ứng duyên”.

Câu phụ 5. Kāyāyatanam kāyaviññāṇassa vatthupurejātavippayuttapaccayena paccayo:

“Thân xứ trợ cho Thân thức bằng Vật tiền sinh bất tương ứng duyên”.

**Câu phụ 6. Vatthu vipākābyākatanam
kiriyaḅyākatānam khandhānam
vatthupurejātavippayuttapaccayena paccayo:**

“Sắc Ý vật bình nhật trợ cho 4 danh uẩn quả, Duy tác bằng Vật tiền sinh bất tương ưng duyên”.

2- Câu thiện.

**Câu chính. Abyākato dhammo kusalassa
dhammassa vatthupurejātavippayuttapaccayena
paccayo:**

“Pháp vô ký trợ cho pháp thiện bằng Vật tiền sinh bất tương ưng duyên”.

**Câu phụ. Vatthu kusalānam khandhānam
vatthupurejātavippayuttapaccayena paccayo:**

“Sắc Ý vật bình nhật trợ cho 4 danh uẩn thiện bằng Vật tiền sinh bất tương ưng duyên”.

4- Câu bất thiện.

**Câu chính. Abyākato dhammo akusalassa
dhammassa vatthupurejātavippayuttapaccayena
paccayo:**

“Pháp vô ký trợ cho pháp bất thiện bằng Vật tiền sinh bất tương ưng duyên”.

**Câu phụ. Vatthu akusalānam khandhānam
vatthupurejātavippayuttapaccayena paccayo:**

“Sắc Ý vật bình nhật trợ cho 4 danh uẩn bất thiện bằng Vật tiền sinh bất tương ưng duyên”.

III- Yếu tri “Vật - cảnh tiền sinh bất tương ứng duyên”.

A-Pháp vô ký.

1- Câu vô ký.

Câu chính. Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa vatthārammaṇapurejātavippayuttapaccayena paccayo:

“Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Vật - cảnh tiền sinh bất tương ứng duyên”.

Câu phụ. Vatthu vipākābyākatānaṃ kiriyābyākatānaṃ khandhānaṃ vatthupurejātavippayuttapaccayena paccayo:

“Sắc Ý vật bình nhật lẫn cận tử trợ cho 4 danh uẩn quả, Duy tác bằng Vật - cảnh tiền sinh bất tương ứng duyên”.

2- Câu thiện.

Câu chính. Abyākato dhammo kusalassa dhammassa vatthārammaṇapurejātavippayuttapaccayena paccayo:

“Pháp vô ký trợ cho pháp thiện bằng Vật - cảnh tiền sinh bất tương ứng duyên”.

Câu phụ. Vatthu kusalānaṃ khandhānaṃ vatthārammaṇapurejātavippayuttapaccayena paccayo:

“Sắc Ý vật bình nhật trợ cho 4 danh uẩn thiện bằng Vật - cảnh tiền sinh bất tương ứng duyên”.

VI ĐIỀU PHÁP ❀

3- Câu bất thiện.

Câu chính. Abyākato dhammo akusalassa dhammassa vatthārammaṇapurejātavippayuttapaccayena paccayo:

“Pháp vô ký trợ cho pháp bất thiện bằng Vật - cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên”.

Câu phụ. Vatthu akusalānaṃ khandhānaṃ vatthārammaṇapurejātavippayuttapaccayena paccayo:

Sắc Ý vật bình nhật trợ cho 4 danh uẩn bất thiện bằng Vật - cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên”.

IV. Yếu tri “Hậu sinh bất tương ưng duyên”.

A-Pháp thiện.

1- Câu thiện.

Câu chính. Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa pacchājātavippayuttapaccayena paccayo:

“Pháp thiện trợ cho pháp vô ký bằng Hậu sinh bất tương ưng duyên”.

Câu phụ. Kusalā khandhā purejātassa imassa kāyassa pacchājātavippayuttapaccayena paccayo:

“Bốn danh uẩn thiện sinh sau trợ cho “3 đoàn sắc”, “4 đoàn sắc”, sinh trước bằng Hậu sinh bất tương ưng duyên”.

2- Câu bất thiện.

Câu chính. Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa pacchājātavippayuttapaccayena paccayo:

“Pháp bất thiện trợ cho pháp vô ký bằng Hâu sinh bất tương ứng duyên”.

Câu phụ. Akusalā khandhā purejātassa imassa kāyassa pacchājātavippayuttapaccayena paccayo:

“Bốn danh uẩn bất thiện sinh sau trợ cho “3 đoàn sắc”, “4 đoàn sắc”, sinh trước bằng Hâu sinh bất tương ứng duyên”.

3-Câu vô ký.

Câu chính. Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa pacchājātavippayuttapaccayena paccayo:

“Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Hâu sinh bất tương ứng duyên”.

Câu phụ. Vipākābyākatā kiriyābyākatā khandhā purejātassa imassa kāyassa pacchājātavippayuttapaccayena paccayo:

“Bốn danh uẩn vô ký quả và 4 danh uẩn vô ký Duy tác sinh sau trợ cho “1 đoàn sắc”, “2 đoàn sắc”, “3 đoàn sắc”, “4 đoàn sắc”, sinh trước bằng Hâu sinh bất tương ứng duyên”.

Dứt “yếu tri **BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN**”.

21- Yếu tri HIỆN HỮU DUYÊN.

Hiện hữu duyên phân tích rộng có 6 duyên là:
Đồng sinh hiện hữu duyên,

Vật tiền sinh hiện hữu duyên, Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên, Hậu sinh hiện hữu duyên, Vật thực hiện hữu duyên và Quyền hiện hữu duyên.

I- Yếu tri Đồng sinh hiện hữu duyên.

A- Pháp thiện.

1- Câu thiện.

Câu chính. Kusalo dhammo kusalassa dhammassa sahañātatthipaccayena paccayo:

“Pháp thiện trợ cho pháp thiện bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 1. Kusalo eko khandho tiññanam khandhānam sahañātatthipaccayena paccayo:

“Một danh uẩn thiện làm duyên trợ cho 3 danh uẩn thiện còn lại bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 2. Tayo khandhā ekassa khandhassa sahañātatthipaccayena paccayo:

“Ba danh uẩn thiện trợ cho 1 danh uẩn thiện còn lại bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 3. Dve khandhā dvinnam khandhānam sahañātatthipaccayena paccayo:

“Hai danh uẩn thiện trợ cho 2 danh uẩn thiện còn lại bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

2- Câu vô ký.

Câu chính. Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa sahajātatthipaccayena paccayo:

“Pháp thiện trợ cho pháp vô ký bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ. Kusalā khandhā cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ sahajātatthipaccayena paccayo:

“Bốn danh uẩn thiện trợ cho sắc Tâm thiện bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

3- Câu thiện và vô ký.

Câu chính. Kusalo dhammo kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa sahajātatthipaccayena paccayo:

“Pháp thiện trợ cho pháp thiện và vô ký bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 1. Kusalo eko khandho tiṇṇannaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ sahajātatthipaccayena paccayo:

“Một danh uẩn thiện trợ cho 3 danh uẩn thiện còn lại và sắc Tâm thiện bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 2. Tayo khandhā ekassa khandhassa cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ sahajātatthipaccayena paccayo:

“Ba danh uẩn thiện trợ cho 1 danh uẩn thiện còn lại và sắc Tâm thiện bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 3. Dve khandhā dvinnam
khandhānam cittasamuṭṭhānānañca rūpānam
sahajātatthipaccayena paccayo:

“Hai danh uẩn thiện trợ cho 2 danh uẩn thiện còn lại và sắc Tâm thiện bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

B- Pháp bất thiện.

1- Câu bất thiện.

Câu chính. Akusalo dhammo akusalassa
dhammassa sahajātatthipaccayena paccayo:

“Pháp bất thiện trợ cho pháp bất thiện bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 1. Akusalo eko khandho tiṇṇanam
khandhānam sahajātatthipaccayena paccayo:

“Một danh uẩn bất thiện trợ cho 3 danh uẩn bất thiện còn lại bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 2. Tayo khandhā ekassa khandhassa
sahajātatthipaccayena paccayo:

“Ba danh uẩn bất thiện trợ cho 1 danh uẩn bất thiện còn lại bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 3. Dve khandhā dvinnam
khandhānam sahajātatthipaccayena paccayo:

“Hai danh uẩn bất thiện trợ cho 2 danh uẩn bất thiện còn lại bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

2- Câu vô ký.

Câu chính. Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa sahajātatthipaccayena paccayo:

“Pháp bất thiện trợ cho pháp vô ký bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ. Akusalā khandhā cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ sahajātatthipaccayena paccayo:

“Bốn danh uẩn bất thiện trợ cho sắc Tâm bất thiện bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

3- Câu bất thiện và vô ký.

Câu chính. Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa sahajātatthipaccayena paccayo:

“Pháp bất thiện trợ cho pháp bất thiện và vô ký bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 1. Akusalo eko khandho tiṇṇannaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānañca rūpānaṃ sahajātatthipaccayena paccayo:

“Một danh uẩn bất thiện trợ cho 3 danh uẩn bất thiện còn lại và sắc Tâm bất thiện bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 2. Tayo khandhā ekassa khandhassa cittasamuṭṭhānānañca rūpānaṃ sahajātatthipaccayena paccayo:

“Ba danh uẩn bất thiện trợ cho 1 danh uẩn bất thiện còn lại và sắc Tâm bất thiện bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 3. Dve khandhā dvinnaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānañca rūpānaṃ saha-jātatthipaccayena paccayo:

“Hai danh uẩn bất thiện trợ cho 2 danh uẩn bất thiện còn lại và sắc Tâm bất thiện bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

C- Pháp vô ký.

Câu vô ký.

Câu chính. Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa saha-jātatthipaccayena paccayo:

“Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 1. Vipākābyākatā kiriyābyakato eko khandho tiṇṇannaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānañca rūpānaṃ saha-jātatthipaccayena paccayo:

“Một danh uẩn quả và Duy tác trợ cho 3 danh uẩn quả, Duy tác còn lại và sắc Tâm quả, sắc Tâm duy tác bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 2. Tayo khandhā ekassa khandhassa cittasamuṭṭhānānañca rūpānaṃ saha-jātatthipaccayena paccayo:

“Ba danh uẩn quả, Duy tác trợ cho 1 danh uẩn quả, Duy tác còn lại và sắc Tâm quả, sắc Tâm duy tác bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 3. Dve khandhā dvinnaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānañca rūpānaṃ sahaajātatthipaccayena paccayo:

“Hai danh uẩn quả, Duy tác trợ cho 2 danh uẩn quả, Duy tác còn lại và sắc Tâm quả, sắc Tâm duy tác bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 4. Paṭisandhikkhaṇe vipākābyākato eko khandho tiṇṇannaṃ khandhānaṃ kaṭattā ca rūpānaṃ sahaajātatthipaccayena paccayo:

“Vào sátna tục sinh 1 danh uẩn quả trợ cho 3 danh uẩn quả còn lại và sắc Nghiệp tục sinh bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 5. Tayo khandhā ekassa khandhassa kaṭattā ca rūpānaṃ sahaajātatthipaccayena paccayo:

“Vào sátna tục sinh 3 danh uẩn quả trợ cho 1 danh uẩn quả còn lại và sắc Nghiệp tục sinh bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 6. Dve khandhā dvinnaṃ khandhānaṃ kaṭattā ca rūpānaṃ sahaajātatthipaccayena paccayo:

“Vào sátna tục sinh 2 danh uẩn quả trợ cho 2 danh uẩn quả còn lại và sắc Nghiệp tục sinh bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

**Câu phụ 7. Khandhā vatthussa
sahajātatthipaccayena paccayo:**

“Bốn danh uẩn tục sinh trợ cho sắc Ý vật tục sinh bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

**Câu phụ 8. Vatthu khandhānaṃ
sahajātatthipaccayena paccayo:**

“Sắc Ý vật tục sinh trợ 4 danh uẩn tục sinh bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

**Câu phụ 9. Ekaṃ mahābhūtaṃ tiṇṇaṇaṃ
mahābhūtānaṃ saha-jātatthipaccayena paccayo:**

“Một sắc tứ đại Tâm, sắc tứ đại Nghiệp tục sinh trợ 3 sắc tứ đại Tâm, 3 sắc tứ đại Nghiệp còn lại bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

**Câu phụ 10. Tayo mahābhūtā ekassa
mahābhūtāssa saha-jātatthipaccayena paccayo:**

“Ba sắc tứ đại Tâm, sắc tứ đại Nghiệp tục sinh trợ 1 sắc tứ đại Tâm, 1 sắc tứ đại Nghiệp còn lại bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

**Câu phụ 11. Dve mahābhūtā dvinnaṃ
mahābhūtānaṃ saha-jātatthipaccayena paccayo:**

“Hai sắc tứ đại Tâm, sắc tứ đại Nghiệp tục sinh trợ 2 sắc tứ đại Tâm, 2 sắc tứ đại Nghiệp còn lại bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

**Câu phụ 12. Mahābhūtā cittasamuṭṭhānānaṃ
rūpānaṃ kaṭattārūpānaṃ upādārūpānaṃ
sahajātatthipaccayena paccayo:**

“Bốn sắc tứ đại Tâm và sắc tứ đại Nghiệp tục sinh trợ cho sắc y sinh Tâm và sắc y sinh Nghiệp tục sinh còn lại bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 13. Bāhiraṃ ekaṃ mahābhūtaṃ
tiṇṇannaṃ mahābhūtānaṃ
sahajātatthipaccayena paccayo:

“Một sắc tứ đại Ngoại trợ cho 3 sắc tứ đại ngoại còn lại bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 14. Tayo mahābhūtā ekassa
mahābhūtāssa sahajātatthipaccayena paccayo:

“Ba sắc tứ đại Ngoại trợ cho 1 sắc tứ đại Ngoại còn lại bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 15. Dve mahābhūtā dvinnaṃ
mahābhūtānaṃ sahajātatthipaccayena paccayo:

“Hai sắc tứ đại Ngoại trợ cho 2 sắc tứ đại Ngoại còn lại bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 16. Āhārasamuṭṭhānaṃ ekaṃ
mahābhūtaṃ tiṇṇannaṃ mahābhūtānaṃ
sahajātatthipaccayena paccayo:

“Một sắc tứ đại Vật thực trợ cho 3 sắc tứ đại Vật thực còn lại bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 17. Tayo mahābhūtā ekassa
mahābhūtāssa sahajātatthipaccayena paccayo:

“Ba sắc tứ đại Vật thực trợ cho 1 sắc tứ đại Vật thực còn lại bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 18. Dve mahābhūtā dvinnaṃ
mahābhūtānaṃ sahajātatthipaccayena paccayo:

“Hai sắc tứ đại Vật thực trợ cho 2 sắc tứ đại Vật thực còn lại bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 19. Uttusamuṭṭhānaṃ ekaṃ mahābhūtaṃ tiṇṇannaṃ mahābhūtānaṃ sahaajātatthipaccayena paccayo:

“Một sắc tứ đại Thời tiết trợ cho 3 sắc tứ đại Thời tiết còn lại bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

Câu 20. Tayo mahābhūtā ekassa mahābhūtāssa sahaajātatthipaccayena paccayo:

“Ba sắc tứ đại Thời tiết trợ cho 1 sắc tứ đại Thời tiết còn lại bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 21. Dve mahābhūtā dvinnaṃ mahābhūtānaṃ sahaajātatthipaccayena paccayo:

“Hai sắc tứ đại Thời tiết trợ cho 2 sắc tứ đại Thời tiết còn lại bằng Đồng sinh Hiện hữu duyên”.

Câu phụ 22. Asaññasattānaṃ ekaṃ mahābhūtaṃ tiṇṇannaṃ mahābhūtānaṃ sahaajātatthipaccayena paccayo:

“Một sắc tứ đại nghiệp Vô tướng trợ cho 3 sắc tứ đại nghiệp Vô tướng còn lại bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 23. Tayo mahābhūtā ekassa mahābhūtāssa sahaajātatthipaccayena paccayo:

“Ba sắc tứ đại nghiệp Vô tướng trợ cho 1 sắc tứ đại nghiệp Vô tướng còn lại bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 24. *Dve mahābhūtā dvinnam mahābhūtānaṃ saha-jātatthipaccayena paccayo:*

“Hai sắc tứ đại nghiệp Vô tướng trợ cho 2 sắc tứ đại nghiệp Vô tướng còn lại bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 25. *Mahābhūtā kaṭattārūpānaṃ upādārūpānaṃ saha-jātatthipaccayena paccayo:*

“Bốn sắc tứ đại nghiệp Vô tướng trợ cho sắc y sinh nghiệp Vô tướng bằng Đồng sinh Hiện hữu duyên”.

D- Pháp thiện và vô ký.

Câu chính. *Kusalo ca abyākato ca dhammā abyākatassa dhammassa saha-jātatthipaccayena paccayo:*

“Pháp thiện và vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ. *Kusalā khandhā ca mahābhūtā ca cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ saha-jātatthipaccayena paccayo:*

“4 danh uẩn thiện và 1- 3- 2 hoặc 4 sắc tứ đại Tâm thiện trợ cho 3- 1- 2 sắc tứ đại Tâm thiện và sắc y sinh Tâm thiện bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

E- Pháp bất thiện và vô ký.

Câu chính. *Akusalo ca abyākato ca dhammā abyākatassa dhammassa saha-jātatthipaccayena paccayo:*

“Pháp bất thiện và vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ. Akusalā khandhā ca mahābhūtā ca cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ saha-jātatthipaccayena paccayo:

“4 danh uẩn bất thiện và 1- 3- 2 hoặc 4 sắc tứ đại Tâm bất thiện trợ giúp cho 3- 1- 2 sắc tứ đại Tâm bất thiện và sắc y sinh Tâm bất thiện bằng Đồng sinh hiện hữu duyên”.

II- YẾU TRI VẬT TIỀN SINH HIỆN HỮU DUYÊN”.

A- Pháp vô ký.

Câu vô ký.

Câu chính. Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa vatthupurejātatthipaccayena paccayo:

“Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Vật tiền sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 1. Cakkhāyatanaṃ cakkhaviññāṇassa vatthupurejātatthipaccayena paccayo.

“Nhãn xứ trợ cho Nhãn thức bằng Vật tiền sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 2. Sotāyatanaṃ sotaviññāṇassa vatthupurejātatthipaccayena paccayo:

“Nhĩ xứ trợ cho Nhĩ thức bằng Vật tiền sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 3. Ghānāyatanaṃ ghānaviññāṇassa
vatthupurejātatthipaccayena paccayo:

“Tỷ xứ trợ cho Tỷ thức bằng Vật tiền sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 4. Jivhāyatanaṃ jivhāviññāṇassa
vatthupurejātatthipaccayenapaccayo:

“Thiệt xứ trợ cho Thiệt thức bằng Vật tiền sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 5. Kāyāyatanaṃ kāyaviññāṇassa
vatthupurejātatthipaccayena paccayo:

“Thân xứ trợ cho Thân thức bằng Vật tiền sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 6. Vatthu vipākābyākatānaṃ
kiriyaābyākatānaṃ khandhānaṃ
vatthupurejātatthipaccayena paccayo:

Sắc Ý vật bình nhật lần thời tục sinh trợ cho 4 danh uẩn quả và Duy tác bằng Vật tiền sinh hiện hữu duyên”.

2- Câu thiện.

Câu chính. Abyākato dhammo kusalassa
dhammassa vatthupurejātatthipaccayena
paccayo:

“Pháp vô ký trợ cho pháp thiện bằng Vật tiền sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ. Vatthu kusalānaṃ khandhānaṃ
vatthupurejātatthipaccayena paccayo:

“Sắc Ý vật bình nhật trợ cho 4 danh uẩn thiện bằng Vật tiền sinh hiện hữu duyên”.

3- Câu bất thiện.

Câu chính. Abyākato dhammo akusalassa dhammassa vatthupurejātatthipaccayena paccayo:

“Pháp vô ký trợ cho pháp bất thiện bằng Vật tiền sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ. Vatthu akusalānaṃ khandhānaṃ vatthupurejātatthipaccayena paccayo:

“Sắc Ý vật bình nhật trợ cho 4 danh uẩn bất thiện bằng Vật tiền sinh hiện hữu duyên”.

III- YẾU TRI CẢNH TIỀN SINH HIỆN HỮU DUYÊN.

A- Pháp vô ký.

Câu vô ký.

Câu chính. Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa āramaṇapurejātatthipaccayena paccayo:

“Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 1. Arahā cakkhuṃ aniccato dukkhato anattato vipassati:

“Bậc Alahán quán xét Nhãn bằng vô thường, khổ, vô ngã”.

Câu phụ 2. Sotaṃ ghānaṃ jivhaṃ kāyaṃ rūpe sadde gandhe rase phoṭṭhabbe vatthum aniccato dukkhato anattato vipassati:

“Bậc Alahán quán xét Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Sắc, Thinh, Mùi, Vị, Xúc và sắc Ý vật bằng vô thường, khổ, vô ngã”.

Câu phụ 3. Dibbena cakkhunā rupaṃ passati:

“Bậc Alahán thấy sắc bằng Thiên nhãn thông”.

Câu phụ 4. Dibbāya sotadhātuyā saddaṃ sunāti:

“Bậc Alahán nghe được tiếng bằng Thiên nhĩ thông”.

Câu phụ 5. Rupāyatanaṃ cakkhaviññāṇassa ārammaṇapurejātatthipaccayena paccayo:

“Cảnh Sắc trợ Nhãn thức bằng Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 6. Saddāyatanaṃ sotaviññāṇassa ārammaṇapurejātatthipaccayena paccayo:

“Cảnh Thinh trợ Nhĩ thức bằng Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 7. Gandhāyatanaṃ ghānaviññāṇassa ārammaṇapurejātatthipaccayena paccayo:

“Cảnh Mùi trợ Tỷ thức bằng Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 8. Rasāyatanaṃ jivhāviññāṇassa ārammaṇapurejātatthipaccayena paccayo:

“Cảnh Vị trợ Thiệt thức bằng cảnh tiền sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 9. Phoṭṭhabbāyatanam kāyaviññāṇassa ārammaṇapurejātatthipaccayena paccayo:

“Cảnh Xúc trợ Thân thức bằng Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên”.

2- Câu thiện.

Câu chính. Abyākato dhammo kusalassa dhammassa ārammaṇapurejātatthipaccayena paccayo:

“Pháp vô ký trợ cho pháp thiện bằng Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 1. Sekkhā vā puthujjanā vā cakkhum aniccato dukkhato anattato vipassanti:

“Bậc Thánh quả hữu học lần phạm nhân quán xét Nhãn bằng vô thường, khổ, vô ngã”.

Câu phụ 2. Sotaṃ ghānaṃ jivhaṃ kāyaṃ rūpe sadde gandhe rase phoṭṭhabbe vatthum aniccato dukkhato anattato vipassati:

“Bậc Thánh quả hữu học lần phạm nhân quán xét Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Sắc, Thỉnh, Mùi, Vị, Xúc và sắc Ý vật bằng vô thường, khổ, vô ngã”.

Câu phụ 3. Dibbena cakkhum rūpaṃ passanti:

“Bậc Thánh quả hữu học lần phạm nhân thấy Sắc bằng Thiên nhãn thông”.

Câu phụ 4. *Dibbāya sotadhātuyā saddaṃ suṇanti:*

“Bậc Thánh quả hữu học lần phàm nhân nghe được tiếng bằng Thiên nhĩ thông”.

3- Câu bất thiện.

Câu chính. *Abyākato dhammo akusalassa dhammassa ārammaṇapurejātatthipaccayena paccayo:*

“Pháp vô ký trợ cho pháp bất thiện bằng Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ 1. *Cakkhuṃ assādeti abhinadati taṃ ārabha rāgo uppajjati diṭṭhi uppajjati vicikicchā uppajjati uddhaccaṃ uppajjati domanassaṃ uppajjati:*

“Người thỏa thích hài lòng về Nhãn, nương vào Nhãn làm cảnh thì Tham ái, Tà kiến, Hoài nghi, Phóng dật, Ưu buồn sinh lên”.

Câu phụ 2. *Sotaṃ ghānaṃ jivhaṃ kāyaṃ rūpe sadde gandhe rase phoṭṭhabbe vatthum assādeti abhinandati taṃ ārabha rāgo uppajjati diṭṭhi uppajjati vicikicchā uppajjati uddhaccaṃ uppajjati domanassaṃ uppajjati:*

“Người thỏa thích hài lòng về Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Sắc, Thính, Mùi, Vị, Xúc và sắc Ý vật, nương vào Nhĩ, Tỷ ... làm cảnh thì tham ái, Tà kiến, Hoài nghi, Phóng dật, Ưu buồn sinh lên”.

IV. Yếu tri HẬU SINH HIỆN HỮU DUYÊN.

A-Pháp thiện.

Câu thiện.

Câu chính. Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa pacchājātatthipaccayena paccayo:

“Pháp thiện trợ cho pháp vô ký bằng Hậu sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ. Kusalā khandhā purejātassa imassa kāyassa pacchājātatthipaccayena paccayo:

“Bốn danh uẩn thiện sinh sau trợ “3 đoàn sắc”, “4 đoàn sắc” sinh trước bằng Hậu sinh hiện hữu duyên”.

B- Pháp bất thiện.

Câu bất thiện.

Câu chính. Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa pacchājātatthipaccayena paccayo:

“Pháp bất thiện trợ cho pháp vô ký bằng Hậu sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ. Akusalā khandhā purejātassa imassa kāyassa pacchājātatthipaccayena paccayo:

“Bốn danh uẩn bất thiện sinh sau trợ “3 đoàn sắc”, “4 đoàn sắc” sinh trước bằng Hậu sinh hiện hữu duyên”.

C- Pháp vô ký.**Câu vô ký.**

Câu chính. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa pacchājātatthipaccayena paccayo:*

“Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Hâu sinh hiện hữu duyên”.

Câu phụ. *Vipākābyākatā kiriyābyākatā khandhā purejātassa imassa kāyassa pacchājātatthipaccayena paccayo:*

“Bốn danh uẩn quả và 4 danh uẩn Duy tác sinh sau trợ “3 đoàn sắc”, “4 đoàn sắc” sinh trước bằng Hâu sinh hiện hữu duyên”.

V- Yếu tri VẬT THỰC HIỆN HỮU DUYÊN.**Pháp vô ký.****Câu vô ký.**

Câu chính. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa āhāratthipaccayena paccayo:*

“Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Vật thực hiện hữu duyên”.

Câu phụ. *Kabaḷikāro āhāro imassa kāyassa āhāratthipaccayena paccayo:*

Đoàn thực là 4 sắc dưỡng tố sinh trong thân và sắc dưỡng tố thời tiết bên ngoài trợ “4 đoàn sắc” trong cùng nhóm và khác nhóm bằng Vật thực hiện hữu duyên”.

VI- Yếu tri QUYỀN HIỆN HỮU DUYÊN.**Pháp vô ký.****Câu vô ký.****Câu chính.** Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa indriyatthipaccayena paccayo:

“Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Quyền hiện hữu duyên”.

Câu phụ. Rūpajīvitindriyaṃ kaṭattārupānaṃ indriyatthipaccayena paccayo:

“Sắc Mạng quyền tục sinh trợ cho 8 hoặc 9 sắc Nghiệp cùng nhóm bằng Quyền hiện hữu duyên”.

Dứt “yếu tri HIỆN HỮU DUYÊN”.

22 - Yếu tri VÔ HỮU DUYÊN Và 23- Yếu tri LY DUYÊN.

Giống như VÔ GIÁN DUYÊN.

24- Yếu tri BẤT LY DUYÊN.

Giống như HIỆN HỮU DUYÊN.

Định nghĩa và Thích giải.

1-Nhân duyên.

a- Định nghĩa.

Hinoti patiṭṭhāti etthāti: Hetu:

“*Pháp sở duyên được tồn tại do pháp nào, pháp đó được gọi là nhân*”.

Hetu ca so paccayo cāti: Hetupaccayo:

“*Chính nhân này làm duyên, nên gọi là Nhân duyên*”.

Mūlaṭṭhena upakāraḥ dhammo:

Hetupaccayo:

“*Pháp trợ giúp, ủng hộ làm cội rễ gọi là Nhân duyên*”.

Có 4 loại nhân.

* *Hetuhetu* (nhân nhân). 6 nhân là Tham, Sân, Si, Vô tham, Vô sân, Vô si.

* *Paccayahetu* (nhân trợ giúp). 4 sắc tứ đại là nhân cho việc gọi tên của sắc uẩn.

* *Uttamahetu* (nhân cao tốt). Thiện nghiệp và bất thiện nghiệp là nhân cho “*quá khác thời gian*” tốt hay xấu.

* *Sādhāraṇahetu* (nhân phổ biến). Vô minh là nhân cho tất cả các pháp hành sinh lên (5 uẩn).

Trong 4 nhân này, nhân nhân (hetuhetu), là **Nhân duyên**.

b- Thích giải tóm lược.

Trong **Nhân duyên**, 6 nhân thuộc về danh pháp tạo điều kiện trợ giúp, ủng hộ cho danh lẫn sắc sinh lên trong cơ tánh của tất cả chúng sinh có sinh mạng, tất cả chúng sinh hiện khởi trên thế gian, đều phải nương từ nhân.

Nếu không có nhân thì chúng sinh không thể sinh lên, nên **nhân** này được xem là pháp trọng yếu nhất, vì thế Đức Phật thuyết **Nhân duyên** trước tiên, nêu lên 6 nhân: Tham, Sân, Si, Vô tham, Vô sân, Vô si.

c-Phân theo giống.

* Tham, Sân, Si chỉ đồng sinh với tâm bất thiện. Gọi là “**nhân bất thiện**”.

* Vô tham, Vô sân, Vô si khi:

- Khi đồng sinh với tâm thiện thì gọi là “**nhân thiện**”.

- Khi đồng sinh với tâm quả hữu nhân, gọi là “**nhân vô ký quả**”.

- Khi đồng sinh với tâm Duy tác thì gọi là “**nhân vô ký Duy tác**”.

Cả 6 nhân này có mãnh lực trợ giúp, ủng hộ cho pháp tương ưng là tâm và tâm sở cùng hiện khởi với nhân, luôn cả sắc Tâm và sắc Nghiệp tục sinh.

Khi sinh lên thì trợ giúp, ủng hộ cho tồn tại đồng thời làm cho pháp “được sinh” tăng trưởng. Giống như cội cây cổ thụ nương vào gốc rễ bám giữ được tồn tại vững chắc, cho dù bão gió có lay động theo hướng nào đi nữa, cũng không làm cho xiêu ngã. Cây được vững mạnh, phát triển cành nhánh sum suê, trổ hoa, kết trái cũng do gốc rễ trợ giúp, ủng hộ .

Cũng vậy, khi *nhân Tham* hiện khởi, thì pháp tương ứng như: Tâm Tham và tâm sở hợp, cùng sắc Tâm bất thiện tham cũng sinh khởi.

Khi tâm Tham đã hiện khởi thì khó loại trừ được, tựa như rễ bám giữ lấy cội cây cho tồn tại vững chắc, đồng thời tăng trưởng trong tâm nhiều lên.

Thậm chí làm cho Thân biểu tri hiện khởi, tạo ác hạnh trộm cắp ... Hoặc làm cho Ngũ biểu tri hiện khởi, tạo ác hạnh nói dối ...

Dù là nhân bất thiện hay nhân thiện, khi làm thành “gốc rễ”, sẽ ủng hộ cho pháp tương ứng đồng sinh, cùng với sắc Tâm, được tăng trưởng thêm.

Các nhân khác cũng nên hiểu như vậy.

2- Cảnh duyên.

a- Định nghĩa.

Cittacetāsikehi ālambiyatīti: Ārammaṇaṃ:

“*Pháp nào tâm và tâm sở bám níu, pháp ấy gọi là cảnh*”.

Ā abhimukhaṃ ramanti etthāti: Ārammaṇaṃ:

“*Tâm và tâm sở cùng vui thích hướng đến pháp nào, pháp ấy gọi là cảnh*”.

**Cittacetāsikā āgantvā ramanti etthāti:
Ārammaṇaṃ:**

“*Tâm và tâm sở hữu vui thích đi đến pháp nào, pháp ấy gọi là cảnh*”.

Cittacetāsike ālambatīti: Ārammaṇaṃ:

“*Pháp nào níu kéo tâm và tâm sở, pháp đó gọi là cảnh*”.

**Ārammaṇabhāvena upakāraṅko dhammo:
Ārammaṇapaccayo:**

“*Pháp trợ giúp, ủng hộ làm thành cảnh, gọi là Cảnh duyên*”.

b- Thích giải tóm lược.

Tuy 6 nhân là căn cội (mūla) cho pháp tương ưng nhân là “tâm và tâm sở” sinh lên, nhưng 6 nhân này không có cảnh cũng sẽ không sinh lên, 6 nhân phải có **cảnh** mới hiện khởi.

Do đó, Đức Thế Tôn thuyết **Cảnh duyên** tiếp theo **Nhân duyên**.

Trong Cảnh duyên bao gồm: Tâm, tâm sở, sắc pháp, Nípàn, chế định. Tức 6 cảnh như cảnh Sắc ... làm điều kiện cho danh pháp (tâm, tâm sở) sinh lên.

Tất cả chúng sinh “*có tương*” nếu không có cảnh tạo điều kiện để nương vào bám níu thì tâm và tâm sở không thể sinh lên.

Ví như người già hoặc người tàn tật phải nương vào cây gậy hay sợi dây làm vật bám níu để giữ thăng bằng đứng dậy và đi lại dễ dàng như thế nào. Cũng vậy, tâm và tâm sở “bám níu vào cảnh” để sinh lên.

Ở khía cạnh khác, **cảnh** tạo điều kiện cho tâm và tâm sở hội tụ ở nơi ấy. Ví như khu vui chơi, vườn hoa... thường thu hút mọi người đến dạo chơi, vui thú thỏa thích tại nơi đó như thế nào. Cũng vậy, cảnh giống như nơi vui chơi ... tâm và tâm sở giống như người đi đến để vui chơi giải trí.

Lại nữa, **cảnh** là pháp chúng có mãnh lực níu kéo tâm và tâm sở. Ví như rạp hát trước khi trình diễn vở kịch... họ thường hay loan báo quảng cáo cho người vào xem. Hoặc trước khi khởi sự trình diễn thường hay dạo lên khúc nhạc mở đầu để thu hút khán giả, làm cho mọi người đi ngang qua rạp hát thấy được việc quảng cáo hay nghe được khúc nhạc hòa tấu mở đầu thì cùng nhau đi vào xem. Cũng vậy, **cảnh** như rạp hát có mãnh lực níu kéo lấy tâm và tâm sở bám vào.

Trong tất cả 6 cảnh như cảnh Sắc..., riêng về ngũ cảnh chi thuần nhất là vô ký nhưng tạo điều kiện cho danh pháp khởi hiện thuộc thiện, bất thiện và vô ký .

Còn về cảnh pháp thuộc cảnh pháp thiện, cảnh pháp bất thiện và cảnh pháp vô ký, ba loại cảnh pháp này tạo điều kiện cho danh pháp sinh lên thuộc thiện, bất thiện và vô ký được.

Do đó, **cảnh** được xem là nhân quan trọng, có thể dẫn dắt chúng sinh đến khổ cảnh, nhân cảnh hay Nípàn.

3- Trường duyên.

a-Định nghĩa.

Adhinānaṃ pati: Adhipati:

“Pháp thực tính lớn mạnh hơn pháp tương ứng liên quan với mình gọi là **trường**”.

Adhipati ca so paccayo cāti: Adhipatipaccayo:

“Chính pháp thực tính “lớn trội” làm duyên, gọi là **Trường duyên**”.

Jeṭṭhakatṭhena upakārako dhammo:

Adhipatipaccayo:

“Pháp trợ giúp ủng hộ lẫn nhau bằng cách làm trường gọi là **Trường duyên**”.

Trường duyên phân tích rộng thành 2 duyên là: Cảnh trường duyên và Đồng sinh trường duyên.

1'- Cảnh trường duyên.

a'- Định nghĩa.

Ārammaṇaṅca taṃ adhipati cāti:

Ārammaṇādhipati:

“Chính cảnh đó “lớn trội”, nên gọi là **Cảnh trường**”.

b'- Thích giải tóm lược.

Sáu cảnh như cảnh Sắc ... làm duyên cho danh

pháp (tâm và tâm sở) sinh lên. Tất cả cảnh này có 2 loại:

- * Cảnh thông thường.
- * Cảnh “lớn trội”.

Cảnh trường duyên nhằm đến loại cảnh đặc biệt có hấp lực mạnh, có thể làm cho danh pháp (tâm, tâm sở) hướng đến cảnh và bám níu cảnh mãnh liệt.

“**Cảnh làm trượng**” phải là cảnh tốt, cảnh đáng ưa thích, cảnh tốt phân thành 2 loại là:

- Cảnh tốt theo thực tính (sabhāvaitṭhārammaṇa).
- Cảnh tốt hợp ý (parikappaitṭhārammaṇa).

* Cảnh tốt theo thực tính ám chỉ đến cảnh đáng ưa thích theo pháp tính hoặc theo thực chất. Gồm có cảnh sắc, thính, mùi, vị, xúc tốt ...

* Cảnh tốt hợp ý ám chỉ đến cảnh ưa thích hài lòng theo tính chất cá nhân chứ không phải bao quát chung. Nghĩa là không phải cảnh đáng ưa thích theo pháp tính của đa số mà chỉ là cảnh đáng ưa thích, hài lòng của một số người hoặc thú mà thôi.

Cả 2 cảnh tốt theo thực tính hay cảnh tốt hợp ý đều có thể khiến cho danh pháp sinh lên có đặc tính “bám níu” cảnh.

2'- **Đồng sinh trường duyên.**

a'- **Định nghĩa.**

Sahajātañca taṃ adhipati cāti: Sahajātādhipati:

“Pháp đồng sinh làm trưởng, gọi là **Đồng sinh trưởng**”.

b’- Thích giải tóm lược.

Pháp đồng sinh trong “đồng sinh trưởng” chủ yếu là tâm và tâm sở, tức là “danh làm trưởng”.

Pháp vừa đồng sinh, đồng thời “lớn trội” hơn các pháp đồng sinh với mình, chỉ có 4 là:

- Tâm sở Dục làm trưởng, gọi là Dục trưởng.
- Tâm sở Cần làm trưởng, gọi là Cần trưởng.
- Tâm làm trưởng, gọi là Tâm trưởng.
- Tâm sở Trí làm trưởng, gọi là Trí trưởng.

Bốn pháp trưởng này có khả năng hòa quyện các pháp đồng sinh xuôi theo mãnh lực của mình, nên gọi là **Đồng sinh trưởng**.

Ngoài 4 pháp trưởng, các danh pháp còn lại không thể “làm trưởng” được, nên 4 pháp trưởng này làm duyên cho các danh pháp còn lại và sắc Tâm đồng sinh.

Nhưng trong một sátna, 4 pháp trưởng này không thể “cùng làm trưởng”, chỉ có “một pháp làm trưởng” mà thôi.

Như lúc Dục làm trưởng thì Cần, Tâm, Trí còn lại không làm trưởng được mà phải tùy thuộc vào mãnh lực của Dục trưởng. Khi Cần làm trưởng thì Dục, Tâm, Trí không làm trưởng được mà phải tùy thuộc

theo mãnh lực của Cần trưởng. Khi Tâm làm trưởng thì Dục, Cần, Trí vẫn không làm trưởng được mà phải tháp tùng theo mãnh lực của Tâm trưởng. Khi Trí làm trưởng thì Dục, Cần, Tâm cũng vẫn không làm trưởng được mà phải xuôi theo mãnh lực của Trí trưởng.

Ví như mỗi quốc gia chỉ có 1 vị vua duy nhất trị vì, thần dân còn lại ở quốc gia đó phải dưới quyền cai trị của đức vua. Cũng vậy pháp làm trưởng chỉ duy nhất “có một”, các pháp đồng sinh còn lại thì không làm trưởng được.

4 . Vô Gián Duyên

a- Định nghĩa.

Antarayati antaram karotīti: Antaram:

“Làm cho không có “khoảng cách”, gọi là vô gián”.

Natthi yesam antaranti: Anantarā:

“Pháp nào không có khoảng cách xen vào, pháp đó gọi là “Vô gián”.

**Anantarabhāvena upakārako dhammo:
Anantarapaccayo:**

“Pháp trợ giúp, ủng hộ bằng cách không ngắt khoảng gọi là Vô gián duyên”.

b- Thích giải tóm lược.

Trong Vô gián duyên thì danh pháp (tâm và tâm sở) sinh trước trợ giúp, ủng hộ cho danh pháp (tâm và tâm sở) sinh sau khởi hiện lên, nối tiếp nhau

không ngừng nghỉ. Nghĩa là tâm và tâm sở có thực tính sinh diệt nối liền nhau mỗi sátna, khi tâm đầu tiên sinh lên rồi diệt, trong sự diệt đi này vẫn còn mảnh lực trợ giúp, ủng hộ cho pháp cùng nhóm với nhau.

Tức là tâm và tâm sở sinh sau thay thế tiếp nối nhau suốt như vậy không cách khoảng, vì vậy, tâm và tâm sở này mới được gọi là Vô gián duyên.

Như tâm đầu tiên làm Vô gián năng duyên trợ cho tâm thứ 2, tâm thứ 2 là Vô gián sở duyên, và tâm thứ 2 trở lại là Vô gián năng duyên cho tâm thứ 3 nối tiếp nhau liên tục như vậy không gián đoạn thời gian hay không ngừng nghỉ thời gian, ngoại trừ tâm tử của bậc Alahán không làm năng duyên cho tâm khác sinh lên tiếp tục, nên tâm tử của bậc Alahán không là Vô gián năng duyên.

Một lý khác nữa, pháp chủng của tâm và tâm sở ngoài thực tính sinh diệt làm năng duyên và sở duyên nối tiếp nhau, thì trong sátna làm phận sự năng duyên và sở duyên còn làm phận sự tiến hành theo tuần tự không chen lấn nhau. Nghĩa là khi tâm đầu tiên sinh lên và diệt đi luôn là năng duyên cho tâm thứ 2 hiện khởi, và khi tâm thứ 2 hiện khởi rồi diệt đi cũng là năng duyên cho tâm thứ 3 sinh lên theo tuần tự. Không phải tâm đầu tiên diệt đi rồi làm năng duyên cho một loại tâm nào khác sinh lên, vì diễn tiến theo pháp chủng hoặc theo định luật của tâm (cittaniyāma) hằng phải luôn có cùng một đặc tính như nhau.

Như trong Sớ giải bộ Vị Trí có trình bày:

**Attano attano anantaram anurūpassa
cittuppādassa uppādanasamattho dhammo
anantarapaccayo:**

“Pháp có mãnh lực khiến cho tâm tương ứng với mình khởi hiện theo tuần tự gọi là Vô gián duyên”.

Nghĩa là tâm và tâm sở sinh trước rồi diệt đi có mãnh lực làm cho tâm và tâm sở tương ứng sinh lên theo tuần tự không gián đoạn thời gian bởi định lực của tâm gọi là Vô gián duyên.

Ví dụ: Trong tâm lộ Nhãn môn khi cảnh Sắc đối xúc với thần kinh Nhãn thì tâm Hữu phần hiện khởi rồi diệt đi để tâm Khai ngũ môn sinh lên, khi tâm Khai ngũ môn diệt thì Nhãn thức sinh khởi, khi Nhãn thức diệt thì tâm Tiếp thâu khởi hiện, khi tâm Tiếp thâu diệt thì tâm Quan sát hiện bài, khi tâm Quan sát diệt thì tâm Phán đoán sinh lên, khi tâm Phán đoán diệt thì tâm đồng lực khởi hiện, khi tâm đồng lực diệt thì tâm Na cảnh hiện diện và khi tâm Na cảnh diệt thì tâm Hữu phần sinh lên tiếp tục.

Sự kiện mà tâm có đặc tính như vậy vì diễn tiến theo mãnh lực của Vô gián duyên.

Vô gián duyên được ví dụ như đức vua Chuyển Luân từ bỏ vương sản để đi xuất gia. Khi vua Chuyển Luân không cai trị vương sản thì hoàng thái tử của vua Chuyển Luân sẽ kế vị tức khắc để trị vì vương sản ấy. Và việc kế vị truyền thừa vương sản phải là vị hoàng thái tử chứ không được vượt qua vị nhị thái tử

hay tam thái tử, khi hoàng thái tử không còn trị vì vương sản thì nhị thái tử mới được kế vị tiếp nối theo tuần tự.

“Vua Chuyển Luân” ví như tâm đầu tiên sinh lên, “từ bỏ vương sản ví như tâm đầu tiên diệt đi”, “Hoàng thái tử” thay thế kế vị vua Chuyển Luân ví như tâm thứ hai hiện khởi nối tiếp từ tâm đầu tiên đã diệt. Và sự kiện mà các vị thái tử phải tuần tự kế vị cai trị vương sản cũng giống như tâm sinh lên nối tiếp nhau theo tuần tự.

5. *Đăng Vô Giác Duyên*

a- Định nghĩa.

Suttu anantarāti: Samanantara:

☸ “*Pháp không cách khoảng, gọi là **đăng vô giác***”.

Samanantaram hutvā upakarako dhammo: Samanantarapaccayo:

“Pháp trợ giúp, ủng hộ bằng cách “không có khoảng cách”, gọi là **Đăng vô giác duyên**”.

b- Thích giải tóm lược.

Đăng vô giác duyên có nội dung và ý nghĩa thích giải cho đến chi pháp giống như Vô giác duyên, chỉ đặc biệt khác nhau tên gọi. Như trong Sớ giải bộ Vị Trí trình bày:

Yo anantarapaccayo sveva samanantarapaccayo byañjanamattameva hettha nānam upacaya -

santati ādisu viya adhivacananiruttidukādīsu viya ca atthato pana nānaṃ natthi:

“Pháp nào gọi là Vô gián duyên, pháp đó gọi là Đẳng vô gián duyên.

Ở đây, nói theo thực tính, chỉ khác nhau giữa 2 từ ngữ, như sinh (upacayā), tiến (santati) hay Nhị đề thuật ngữ (adhivacanaduka) cùng Nhị đề ngôn ngữ (niruttiduka) ... Nếu nói về ý nghĩa thì không có gì khác biệt”.

Sự kiện như vậy vì lúc Đức Phật thuyết về Vô gián duyên rồi, Ngài quán xét thấy trong cơ tánh sai biệt của chúng sinh hữu duyên có 1 số người chưa lãnh hội được viên mãn. Do đó, Ngài mới thuyết về Đẳng vô gián duyên, nêu lên mục đích để nhấn mạnh ý nghĩa của Vô gián duyên cho thêm kiên cố vững vàng.

Nhưng Đức Phật thêm từ “sama” (ngang bằng, đồng với) vào, gọi là “Đẳng Vô gián duyên” có tính chất chu toàn hơn từ “Vô gián duyên”, còn về ý nghĩa và chi pháp đều như nhau.

Tính chất chu toàn hơn Vô gián duyên, nghĩa là trong Vô gián duyên được nêu lên thuyết rằng: Tâm và tâm sở đầu tiên sinh lên rồi diệt đi làm duyên cho tâm và tâm sở sinh sau nối tiếp nhau theo tuần tự không gián đoạn. Để làm cho sát sao và chặt chẽ về pháp không gián đoạn, Đức Thế Tôn thuyết “Đẳng vô gián duyên” rằng: “Tâm và tâm sở đầu tiên sinh lên rồi diệt, làm duyên cho tâm và tâm sở thứ 2 sinh lên, rồi tâm cùng tâm sở thứ 2 này trở lại làm duyên cho

tâm cùng tâm sở thứ 3 hiện khởi theo tuần tự nối tiếp nhau suốt bằng cách liên tục không gián đoạn.

Lại nữa, năng duyên và sở duyên sinh khởi nối tiếp liền nhau không cách khoảng, không có ai có thể biết được hoặc thấy được ngoại trừ bậc Toàn giác.

Ví như lửa ngọn đèn đang thắp ta sẽ nhìn thấy ngọn lửa cháy dính liền nhau giống như chỉ có 1 ngọn lửa, nhưng thực sự không phải như vậy. Vì ngọn lửa trước diệt đi thì ngọn lửa mới thay thế vào khởi hiện.

Sự diệt của ngọn lửa cũ và khởi lên của ngọn lửa mới dính liền nhau không đứt đoạn, khiến chúng ta không thể phân biệt được ngọn lửa nào là ngọn lửa cũ và ngọn lửa nào là ngọn lửa mới, chỉ hiểu rằng “1 ngọn lửa duy nhất”.

Đặc tính của danh pháp (tâm, tâm sở) cũng giống như vậy, “tâm cũ diệt thì tâm mới sinh lên có tính chất dính liền nhau, không cách khoảng và không gián đoạn”. Điều này, không có người nào có thể nhận ra rằng “đây là tâm cũ và đây là tâm mới”.

Vì đặc tính của tâm không có hình sắc và không có danh pháp xen vào giữa tâm cũ để làm năng duyên trợ cho tâm mới làm sở duyên cho chia lìa nhau được. Vì vậy, ta mới có cảm nhận rằng chỉ duy nhất *một tâm*.

Về khía cạnh khác là: Thường nhiên khi tâm sinh lên chỉ “mỗi một tâm”, không có “nhiều tâm” cùng sinh lên. Khi tâm cũ diệt, tâm khác mới sinh lên thay thế tâm cũ.

Khác với sắc pháp vì sắc pháp có hình tướng hiện bày như có sắc xen vào khoảng giữa gọi là “sắc Hư không”, sắc Hư không khi sinh lên và diệt đi luôn có sắc đồngsinh đồng diệt, tối thiểu cũng có 8 sắc là: Đất, Nước, Lửa, Gió, Sắc, Mùi, Vị và Vật thực (đoàn bất thuận), còn tâm thuộc về danh pháp nên không thể trong cùng sátna mà đồngsinh và đồng diệt nhiều hơn 1 tâm được. Do đó, mới gọi là “Đẳng vô gián duyên”.

Trong bộ **Paṭṭhānamulaṭikā** trang 170 (kết tập Tam Tạng cuốn 6):

Tattha purimapacchimānaṃ nirodhuppādanatarābhāvato nirantarupādanasamatthatā anantarapaccayabhāvo rūpadhammānaṃ viya saṅghānābhāvato paccayapaccayuppannānaṃ sahāvattṭhānābhāvato ca idamito heṭṭhā uddhamṃ tiriyaṃti vibhāgābhāvā attanā ekattamiva upanetvā suṭṭhu anantarabhāvena uppādanasamatthatā samanantarapaccayā:

“Trong 2 duyên, được gọi là Vô gián duyên vì có mãnh lực làm cho tâm sinh sau không gián đoạn. Nghĩa là không có cách khoảng giữa sự diệt của tâm sinh trước và sự sinh của tâm sinh sau.

Gọi là Đẳng vô gián duyên vì làm duyên cho khởi hiện liên tục không gián đoạn do mãnh lực hướng dẫn tâm sinh sau tựa như cùng chỉ là một với mình sinh lên liên tục không cách khoảng. Mà không thể phân chia tâm này sinh lên từ bên này hay bên kia hoặc sinh lên từ bên dưới, bên trên hay bên cạnh.

Bởi vì tâm thuộc về danh pháp không có hình tướng như sắc pháp”.

Một lý khác nữa, vì không có quy luật ấn định rằng danh pháp vừa là năng duyên vừa là sở duyên đồng khởi hiện cùng chung với nhau được (không sinh lên gồm chung với nhau được).

Đấng vô gián duyên này, Ngài Giáo thọ sư đã trình bày giống như đức vua Chuyển Luân mệnh chung thì hoàng thái tử của đức vua Chuyển Luân chắc chắn phải đăng quang kế vị vương sản của phụ vương mà không một người nào khác có thể xen vào địa vị này như thế nào, thì danh pháp cũng giống như vậy.

Tức khi tâm đầu tiên sinh lên làm năng duyên rồi diệt đi, thì tâm sau hiện khởi làm sở duyên nối tiếp liền tức khắc, bởi năng duyên và sở duyên nối liền nhau do không có pháp khác xen vào làm gián đoạn.

Tóm lại nội dung chính của Đấng vô gián duyên là danh pháp sinh trước là năng duyên, danh pháp sinh sau là sở duyên. Việc khởi hiện của năng duyên và sở duyên nối liền nhau “liên tục”, “không cách khoảng”. Còn về sắc pháp thì không liên quan gì đến năng duyên và sở duyên của duyên này, nên là “nghịch duyên”.

6- Đồng sinh duyên.

a- Định nghĩa.

Jāyatīti: Jāto:

“Khởi hiện, gọi là **sinh**”(jāta)

Saha jāto: Sahajāto.

“Cùng hiện khởi, gọi là **đồng sinh**” (sahajāta).

Paccayupannena saha jāyatīti: Sahajāto.

“**Pháp năng duyên cùng sinh lên với sở duyên, vì vậy gọi là đồng sinh**”.

Sahajāto hutvā upakārako dhammo:

Sahajātapaccayo:

“**Pháp cùng sinh lên và trợ giúp lẫn nhau, gọi là Đồng sinh duyên**”.

b- Thích giải tóm lược.

Đồng sinh duyên là danh và sắc trợ giúp, ủng hộ cho danh và sắc cùng sinh lên với nhau, mãnh lực này được gọi là Đồng sinh duyên, nghĩa là năng duyên và sở duyên sinh lên trong cùng sátna tâm.

Ví như ngọn lửa với ánh sáng của ngọn lửa, khi ngọn lửa xuất hiện thì ánh sáng cũng hiện bày, không phải ngọn lửa xuất hiện trước rồi ánh sáng của ngọn lửa mới hiện bày sau, ngọn lửa và ánh sáng của ngọn lửa cùng khởi hiện.

Ở đây, ngọn lửa là năng duyên trợ giúp ủng hộ cho ánh sáng đồng hiện khởi như thế nào, thì tất cả pháp đồng sinh như tâm, tâm sở và sắc pháp; cả năng duyên lẫn sở duyên cùng sinh lên chung trong một sátna với nhau như thế ấy.

Nghĩa là tất cả tâm, tâm sở và sắc pháp cùng sinh lên và trợ giúp, ủng hộ lẫn nhau theo tương ứng.

Vì vậy được gọi là **Đồng sinh duyên**.

Như trong **Vibhāvaṇīṭikā** nêu lên rằng:

**Attano anuppattiyā sahuṇṇannānampi
anuppattito pākāsassa padīpo viya sahuṇṇan -
nānaṃ sahuṇṇāpādasena paccayo sahaṇṇatapa -
cayo:**

“Pháp trợ giúp, ủng hộ bằng mãnh lực làm cho pháp đồng sinh cùng sinh lên với nhau. Nghĩa là khi mình không hiện khởi thì pháp đồng sinh cũng không sinh lên, tựa như ánh sáng không hiện bày nếu không có ngọn lửa, cho nên gọi là Đồng sinh duyên”.

Lại nữa, trong Đồng sinh duyên, các pháp “cùng sinh lên” trong một sátna tâm với nhau không làm năng duyên được mà chỉ là sở duyên.

Như 4 danh uẩn, 4 sắc tứ đại và sắc Ý vật tục sinh làm Đồng sinh năng duyên; còn tất cả sắc y sinh (trừ sắc Ý vật tục sinh) cùng với sắc Ý vật bình nhật không là Đồng sinh năng duyên, mà chỉ là Đồng sinh sở duyên.

Ví như cha, mẹ và đứa con còn bé cùng đi trên đường với nhau, cha mẹ trợ giúp, nâng đỡ lẫn nhau và cùng trợ giúp bảo bọc cho đứa con, còn đứa con mặc dù cùng đi với cha và mẹ nhưng nó không thể trợ giúp, bảo bọc cho cha mẹ được.

Do đó, cha và mẹ là năng duyên lẫn sở duyên, còn đứa con thì không là năng duyên, chỉ duy nhất là sở duyên.

Nơi đây pháp được Đồng sinh trong cùng một sátna tâm với nhau cũng giống như vậy. Nghĩa là không làm năng duyên được, chỉ làm sở duyên mà thôi.

Tóm lại trong Đồng sinh duyên thì pháp Đồng sinh trong cùng một sátna tâm với nhau trợ giúp, ủng hộ lẫn nhau theo tương ứng. Nghĩa là pháp Đồng sinh như tâm, tâm sở và sắc pháp khi sinh lên làm năng duyên và sở duyên Đồng sinh theo tương ứng.

7. *Hỗ Tương Duyên*

a- Định nghĩa.

Aññamaññaṃ hutvā paccayo:

Aññamaññapaccayo:

*“Pháp thực tính phải nương tựa lẫn nhau mới khởi hiện tồn tại, gọi là **Hỗ tương duyên**”.*

b- Thích giải tóm lược.

1’ -Danh pháp. 4 danh uẩn tương ứng trợ giúp ủng hộ lẫn nhau cho sinh lên.

2’- Sắc pháp. 4 sắc tứ đại trợ giúp ủng hộ lẫn nhau cho khởi hiện.

3’- Danh pháp và sắc pháp. 4 danh uẩn tục sinh và sắc Ý vật tục sinh trợ giúp ủng hộ lẫn nhau cho sinh khởi.

Cả 3 nhóm pháp này gom chung lại gọi là *Hỗ tương duyên*, tức pháp trợ giúp ủng hộ lẫn nhau cho hiện khởi.

Việc trợ giúp ủng hộ lẫn nhau này không thể thiếu một loại nào, nếu ngược lại thì pháp đó sẽ không thể sinh khởi.

Như 4 danh uẩn tương ưng là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn phải luôn luôn đồng sinh và trợ giúp lẫn nhau, nếu thiếu đi một uẩn nào thì danh pháp tương ưng không sinh lên. Như nếu thiếu thọ uẩn thì tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn cũng không khởi hiện được, hoặc nếu thiếu tưởng uẩn thì thọ uẩn, hành uẩn và thức uẩn cũng không hiện diện được. Đây thuộc về nhóm danh pháp.

Về phần sắc pháp cũng vậy, như 4 sắc tứ đại là đất, nước, lửa, gió phải luôn luôn đồng sinh và trợ giúp lẫn nhau mà không thể thiếu đi một sắc nào. Nghĩa là khi đất khởi hiện thì nước, lửa, gió phải đồng sinh, nếu thiếu đi đất thì nước, lửa, gió cũng không hiện bày, hoặc thiếu đi nước thì đất, lửa, gió cũng không sinh khởi ...

Còn vào thời tục sinh trong cõi ngũ uẩn thì pháp đồng sinh và trợ giúp lẫn nhau thuộc về 4 danh uẩn tục sinh với sắc Ý vật tục sinh, cả 2 loại này cũng không thể thiếu đi một loại nào. Nghĩa là nếu 4 danh uẩn tục sinh không sinh lên thì sắc Ý vật tục sinh không hiện khởi, hoặc nếu sắc Ý vật tục sinh không

khởi hiện thì 4 danh uẩn tục sinh cũng không sinh lên.

Riêng vào thời tục sinh trong cõi tứ uẩn thì pháp đồng sinh và trợ giúp lẫn nhau chỉ thuần nhất là 4 danh uẩn tục sinh nên không cần phải nương vào sắc Ý vật tục sinh. Vì trong cõi tứ uẩn không có sắc pháp chỉ thuần nhất có danh pháp, còn đối với sắc Ý vật tục sinh thuộc về sắc pháp nên mới không hiện khởi trong cõi đó do mãnh lực tu tiến ly sắc pháp (rūpavirāgabhāvanā).

Việc trợ giúp ủng hộ lẫn nhau của Hổ tương duyên, Ngài ví như cái bàn 3 chân hoặc cái kiềng nương vào 3 cây chống. Ba cái chân bàn hoặc 3 cây chống nếu thiếu đi một chân bàn hoặc một cây chống thì không thể đứng vững, sự kiện mà cái bàn hoặc cái kiềng được đứng vững phải hội đủ cả 3 chân mới trợ giúp lẫn nhau được như thế nào, thì mãnh lực của Hổ tương duyên cũng giống như vậy.

Nghĩa là danh pháp phải nương vào sự trợ giúp lẫn nhau mới hiện khởi, sắc pháp cũng phải nương vào sự trợ giúp lẫn nhau mới sinh lên, danh pháp với sắc pháp trong thời tục sinh cũng phải nương nhờ trợ giúp lẫn nhau mới khởi sinh lên.

Như trong Sớ giải bộ Vị trí có trình bày:

**Aññamaññaṃ uppādanupatthambhana -
bhāvena upakārako dhammo aññamaññapaccayo
aññamaññupatthambhakaṃ tidaṇḍaṃ viya:**

“Pháp trợ giúp ủng hộ lẫn nhau cho khởi sinh gọi là Hỗ tương duyên. Việc trợ giúp hỗ trợ lẫn nhau tựa như 3 cây chống nương vào nhau mới đứng vững”.

Lại nữa, Hỗ tương duyên có sự liên quan với Đồng sinh duyên. Như trong danh pháp và sắc pháp đồng sinh được trợ giúp bằng cách cùng sinh lên chung với nhau bằng mãnh lực của Hỗ tương duyên. Tức khi đã là hỗ tương thì phải đồng sinh với nhau, không thể không có Đồng sinh.

Về phần Đồng sinh thì cho dù không có hỗ tương cũng vẫn diễn tiến được, như:

1'- 4 danh uẩn với sắc Tâm là Đồng sinh duyên nhưng không là Hỗ tương duyên.

2'- 4 sắc Tứ đại với sắc y sinh là Đồng sinh duyên nhưng không là Hỗ tương duyên.

Trong **Paṭṭhānamūlatikā** trình bày như sau:

Sahajātāpaccayo honto yeva hi koci aññamaññapaccayo na hoti:

“Thật vậy, khi đã là Đồng sinh duyên thì không cần thiết phải là Hỗ tương duyên”.

Và trong **Maṇisaramanjusātikā** trình bày rằng:

Aññamaññapaccayo saha jātapaccayena vinā na hoti saha jātapaccayo pana tena vināpi hoti:

“Hỗ tương duyên không thể hình thành mà không có Đồng sinh duyên. Còn Đồng sinh duyên

cho dù có loại trừ Hổ tương duyên vẫn diễn tiến được”.

Vì vậy, mới trình bày cho thấy rằng pháp thuộc về Đồng sinh duyên nhiều hơn pháp thuộc về Hổ tương duyên, bởi vì Đồng sinh duyên có tánh chất rộng rãi.

Nhóm pháp nào đã cùng hiện khởi chung với nhau thì nhóm pháp đó thuộc về Đồng sinh duyên, nhưng có thể không thuộc về Hổ tương duyên.

Vì tính của Hổ tương duyên là “cùng sinh lên và hỗ trợ lẫn nhau”, không phải chỉ đơn thuần “cùng khởi hiện chung với nhau”.

Hổ tương duyên và Đồng sinh duyên có mãnh lực khác nhau, Hổ tương duyên có mãnh lực trợ giúp ủng hộ lẫn nhau, còn Đồng sinh duyên có mãnh lực trợ giúp “cùng sinh” lên.

8. Y Duyên

a- Định nghĩa.

Nissayanti etthāti: Nissayo:

“Pháp sở duyên nương nhờ vào thực tính pháp nào, thực tính pháp đó gọi là **y**. (nissaya- nương nhờ)”.

Adhiṭṭhānākāravasena vā nissayākāravasena vā paccupannadhammehi sīyate nissīyateti:
Nissayo:

“Pháp mà các pháp sở duyên nương vào vững vàng hoặc làm chỗ nương tựa gọi là **y**” (nissaya).

Adhiṭṭhānākārena nissayākārena ca upakārako dhammo: Nissayapaccayo:

“*Pháp trợ giúp ủng hộ bằng đặc tính vững vàng và làm chỗ nương tựa gọi là Y duyên*”.

b- Thích giải tóm lược.

Từ *nissaya* là nơi nương. Sở duyên nương vào năng duyên, nên năng duyên được gọi là **y** (*nissaya*). Nghĩa là có mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng cách làm “nơi nương” cho các pháp sở duyên.

Mãnh lực trợ giúp ủng hộ bằng cách làm nơi nương này có 2 :

1- Là nơi trú vững chắc (*adhiṭṭhānākāra*), chỉ sở duyên nương trú vào năng duyên để sinh khởi, thực hiện phận sự của mình. Ví như thực vật nương vào đất để sinh lên, rồi cho hoa trái ...

Trong **Y duyên**, pháp có đặc tính vững chắc là 6 vật như: Nhãn vật ... hay địa giới (*paṭhavīdhātu*).

Như khi khởi hiện *sự thấy* thì tâm lộ Nhãn môn lãnh phận sự “thấy cảnh Sắc”, “Nhãn thức” thực hiện “sự thấy”, để thực hiện phận sự này, Nhãn thức phải nương vào “Nhãn vật” để sinh lên.

Trong các môn khác cũng giống như vậy, nghĩa là “tâm và tâm sở” phải nương vào sắc vật để sinh khởi.

Trong cõi Ngũ uẩn, 6 sắc vật là nền tảng vững chắc, là nơi nương sinh cho tất cả danh pháp.

Địa giới cũng là nơi nương cho thủy giới, hỏa giới, phong giới và sắc y sin, tất cả sắc này phải nương vào địa giới mới sinh lên được, nếu không có địa giới thì các sắc này sẽ không thể hiện khởi, để làm phận sự của mình, do đó, địa giới được gọi là nơi nương vững vàng cho các sắc còn lại.

Sáu vật và địa giới ví như mặt đất; còn tâm, tâm sở, thủy giới, hỏa giới, phong giới và sắc y sinh ví như cây cối.

2- Là nơi nương vào (*nissayākāra*), chỉ sở duyên nhờ năng duyên trợ giúp. Ví như tấm vải làm nơi nương cho cây bút vẽ để họa hình.

Nghĩa là: “4 danh uẩn là nơi nương tựa lẫn nhau”, như 1 uẩn là nơi nương cho 3 uẩn còn lại, 3 uẩn là nơi nương cho 1 uẩn còn lại ...

Hay “thủy giới, hỏa giới, phong giới “nương tựa lẫn nhau”, mỗi giới là chỗ nương tựa lẫn nhau, luôn cả cho địa giới và sắc y sinh.

Như thủy giới làm chỗ nương tựa cho địa giới, hỏa giới, phong giới và sắc y sinh ...

Trong 2 đặc tính nương tựa thì: “Nơi trú vững chắc” chỉ có trong cõi Ngũ uẩn; “nơi nương vào” có trong cõi Tứ uẩn lẫn cõi Ngũ uẩn.

Trong cõi ngũ uẩn khi làm Vật tiền sinh y duyên thì phải có hai đặc tính trên: “Nơi trú vững chắc” trước, rồi đến “nương tựa vào”. Còn cõi tứ uẩn chỉ có đặc tính “nương tựa vào”, vì thuần nhất là danh pháp.

Hai đặc tính “nơi nương”, trong *Paṭṭhānamūlatīkā* trang 171 (Kết Tập Tam Tạng cuốn 6) có ghi:

Taruādīnaṃ paṭhavī viya adhiṭṭhānākarena pathaviḍhātu sesadhātūnaṃ cakkhādayo ca cakkhuviññāṇādināṃ upakāraḱā cittakammaṣa paṭadayo viya nissayākārena khandhādayo taṃtaṃnissayānaṃ khandhādīnaṃ:

Địa giới là pháp trợ giúp ủng hộ cho các giới còn lại, và thần kinh Nhãn ... là pháp trợ giúp ủng hộ cho tất cả thức như Nhãn thức ... bằng đặc tính nương tựa vững vàng. Ví như mặt đất làm nơi nương cho cây cối.

Bốn danh uẩn... (kể cả thủy giới, hỏa giới, phong giới) là pháp trợ giúp ủng hộ cho 4 danh uẩn... là nơi nương cho tâm và tâm sở hiện khởi bằng đặc tính nương tựa vào. Ví như tấm vải... làm nơi nương cho hình vẽ”.

9. Cận Y Duyên

a- Định nghĩa.

Bhuso nissayo: Upanissayo:

“*Pháp làm nơi nương mạnh mẽ gọi là cận y*” (upanissaya).

(Vā) **Balavataro nissayoti: Upanissayo:**

(Hoặc) “*pháp làm nơi nương có nhiều sức mạnh gọi là cận y*”.

**Upanissayabhārvena upakāraḱo dhammo:
Upanissayapaccayo:**

“Pháp trợ giúp ủng hộ làm nơi nương mãnh liệt, gọi là **Cận y duyên**”.

(Vā) **Balavatarabhāvena upakāraḥ dhammo: Upanissayapaccayo:**

(Hoặc) “pháp nâng đỡ làm nơi nương có nhiều sức mạnh gọi là **Cận y duyên**”.

b- Thích giải tóm lược.

Cận y duyên là nơi nương nhờ mạnh mẽ, nghĩa là năng duyên làm nơi nương cho sở duyên được lớn mạnh. Ví như nước mưa là nơi nương trọng yếu cho nhân loại và loài vật cho đến hạt giống

Pháp năng duyên của Cận y duyên giống như nước mưa, và pháp sở duyên giống như tất cả chúngsinh và hạt giống...

Cận y duyên được phân ra thành 3 loại.

1'- Cảnh cận y duyên.

2'- Vô gián cận y duyên.

3'- Thường cận y duyên.

Cảnh cận y duyên ám chỉ cảnh làm nơi nương mạnh mẽ, nhưng không phải phổ biến khắp các cảnh làm cận y duyên được. Cảnh làm cận y duyên phải là loại cảnh trường, nên Cảnh cận y duyên có lời thích giải giống như Cảnh trường duyên.

Nhưng khác nhau là Cảnh trường duyên ám chỉ đến cảnh làm trường trợ giúp ủng hộ cho pháp sở duyên sinh lên. Còn Cảnh cận y duyên ám chỉ đến

cảnh vừa làm trưởng vừa có nhiều sức mạnh làm nơi nương cho pháp sở duyên hiện khởi.

Vô gián cận y duyên lời thích giải của duyên này giống như Vô gián duyên, nhưng Vô gián cận y duyên có ý nghĩa đặc biệt hơn. Vô gián duyên ám chỉ đến năng duyên trợ giúp ủng hộ cho sở duyên sinh lên không gián đoạn, còn Vô gián cận y duyên ám chỉ đến năng duyên là “nơi nương mạnh mẽ cho sở duyên”, và năng duyên trợ giúp ủng hộ cho sở duyên sinh lên không gián đoạn. Gồm cả 2 đặc tánh này gọi là Vô gián cận y duyên.

Thường cận y duyên từ *Pakatūpanissaya*, hợp từ này được phân ra thành 3 từ là: *Pakata* + *Upa* ⁽¹⁾ + *Nissaya* gom lại thành *Pakatūpanissaya*, có định nghĩa như sau: **Suṭṭhu kariyitthāti: Pakato:**

“*Pháp tạo điều kiện cho hành động đã quen thuộc gọi là thường hành*” (*pakata*).

Pakato upanissayati: Pakatūpanissayo:

“*Pháp tạo điều kiện làm nơi nương mạnh mẽ cho hành động đã quen thuộc gọi là Thường cận y*”.

(*Atthava*) **Ārammaṇanantarehi asaṃmisso hutvā pakatīyāyeva upanissayoti: Pakatūpanissayo:**

(1)- **Upa** nghĩa là mạnh hoặc lớn mạnh. Khi đem từ *Upa* gom vào với *Nissaya* thì thành *Upanissaya*, tức làm nơi nương mạnh mẽ hay làm nơi nương lớn mạnh hoặc nơi nương có sức mạnh mãnh liệt.

“Một lý khác nữa, Pháp tạo điều kiện làm nơi nương mạnh mẽ bằng sức mạnh đặc tánh của mình không liên quan đến mãnh lực Cảnh và Vô gián gọi là Thường cận y”⁽¹⁾.

Theo định nghĩa của Thường cận y duyên đã trình bày thì câu: Pháp tạo điều kiện cho hành động đã quen thuộc có 2 loại:

- **Uppāditahetu** ám chỉ đến pháp tạo điều kiện cho thiện pháp như đức tin..., bất thiện pháp như tham ái... và vô ký pháp như khổ thân và lạc thân... mà mình đã tạo thường cho quả tương ứng với hành động đó gọi là nhân tự khởi (uppāditahetu), hoặc nhân thường tự khởi (uppāditapakahetu).

- **Upasevitahetu** ám chỉ đến pháp tạo điều kiện là thiện pháp hay bất thiện pháp do người khác làm mà mình nắm giữ nhớ lại. Hoặc lạc thân, khổ thân của người khác hiện khởi mình cũng nắm giữ nghĩ đến rồi tạo tác làm cho phát sinh quả thiện, bất thiện và vô ký theo tương ứng.

Hay thời tiết nóng, lạnh, vật thực, trú xứ, người như thầy tế độ, thầy giáo thọ, cha, mẹ, con trai, con gái, bạn bè đang sống có quan hệ với mình làm cho sinh khởi thiện, bất thiện và vô ký theo tương ứng trong cơ tánh của mình. Như vậy gọi là nhân thân

(1)- Pakatūpanissaya trong định nghĩa thứ 2 này phân thành 3 từ **Pakati – Ūpa – Nissaya**. Từ **Pakati** là pháp năng diễn tiến bởi mãnh lực đặc tánh của mình mà không liên quan hoặc lẫn lộn đến mãnh lực Cảnh duyên hoặc Vô gián duyên.

cận (upasevitahetu) hoặc nhân thường thân cận (upasevitapakatahetu).

Trong Sớ giải bộ Vị trí có trình bày:

**Pakato nāma attano santāne uppādito⁽¹⁾
saddhāsilādi upasevito vā utubhojanādi:**

“Đức tin và giới làm cho sinh khởi trong cơ tánh của mình gọi là “thường hành (pakata). Thời tiết và vật thực ... mà mình đã thường hưởng thụ gọi là thường quen” (pakata).

Cả 2 pháp tạo điều kiện như đã trình bày làm nơi nương mạnh mẽ cho các pháp sở duyên như thiện, bất thiện và vô ký. Vì vậy, nên được gọi là Thường cận y duyên.

Một lý khác nữa, được gọi là Thường cận y duyên bởi vì pháp nhân là năng duyên tự có mãnh lực theo đặc tánh của mình mà không liên quan bởi mãnh lực của Cảnh duyên và Vô gián duyên.

Trong Sớ giải bộ Vị trí có trình bày:

**Pakatiyāyevāti ārammaṇānantarehi
asaṃmisoti attho:**

“Từ pakati ám chỉ không lẫn lộn bởi Cảnh duyên và Vô gián duyên”.

(1)- Sớ giải bộ Vị Trí trang 348 Kết Tập Tam Tạng quyển 6 thuộc Nippāditto.

Có thể dẫn đến hoài nghi rằng: Trong Y duyên, năng duyên trợ cho sở duyên bằng cách “làm nơi nương”; trong Cận y duyên, năng duyên trợ cho sở duyên bằng cách “nương nhờ”. Vậy có điều nào khác biệt chăng?

Giải. Điều khác biệt giữa Y duyên với Cận y duyên là: Ngài trình bày ví dụ như cơm mà chúng ta đang dùng hằng ngày phải nương vào đủ 7 điều: Lúa, ruộng, nước, người đầu bếp, nồi nấu cơm, củi, lửa.

Bảy điều này “làm nơi nương” (nissaya) cho hình thành cơm, nhưng trong 7 điều trên, 3 điều: Lúa, ruộng, nước là “trọng yếu”, ba điều này ví như **Cận y** (upanissaya), là “nơi nương mạnh mẽ”, vì không có “lúa, ruộng và nước” thì bốn điều còn lại cũng không thể làm cho hình thành cơm được, vì vậy 4 điều này chỉ được gọi là Y (nissaya) là nơi nương bình thường.

Cũng vậy, Y duyên với Cận y duyên có ý nghĩa đặc biệt khác nhau. Trong Y duyên, năng duyên trợ sở duyên có tính cách bình thường, ví như “người nấu, nồi cơm, lửa, củi”; trong Cận y duyên, năng duyên trợ sở duyên bằng cách “là nơi nương mạnh mẽ”, hoặc “làm nơi nương lớn mạnh”, ví như “lúa, ruộng, nước”.

Ví dụ trên cho thấy “Y duyên “ cũng nương vào “Cận y duyên”, nếu không có Cận y duyên thì Y duyên cũng không thể hiện khởi.

Nếu không có Y duyên thì các pháp nương sinh cũng không thể có .

Trong *Paramatthadīpanīmahāṭikā* có trình bày :

Yathāhi sālībhattassa uppattiyā sūdo vā ukkhali vā kaṭṭham vā aggi vā nissayo eva hoti na upanissayo, salikhettavutṭhidhārā eva pana upanissayo, na hi tāsū asati bhattuppattiyā sudādīnaṃpi thāmo nāma atthīti tathā yasmim paccaye asati nissayadhammāpi natthi, kuto nissitadhammā, so paccayo nissayatopi balavataratṭhena upanissayoti vuccatīti:

“Người đầu bếp, nồi nấu cơm, củi, lửa làm nơi nư­ơng tựa cho gạo sālī chín, nhưng không làm nơi nư­ơng mạnh mẽ. Lúa sālī, ruộng và nước là nơi nư­ơng mạnh mẽ, vì nếu không có lúa sālī, ruộng và nước thì không trợ giúp cho người đầu bếp... làm cho hình thành cơm được.

Không thể có 1 loại duyên mà không có pháp nư­ơng sinh, khi không có pháp “nư­ơng” thì pháp nư­ơng sinh (nissitadhamma) từ đâu hiện khởi?. Pháp “làm nơi nư­ơng có nhiều sức mạnh” cho pháp nư­ơng sinh, gọi là Cận y duyên, quan trọng hơn Y duyên”.

Lại nữa, trong 24 duyên, **Thường cận y duyên** được Đức Phật thuyết rộng rãi hơn các duyên khác, chỉ pháp năng duyên trợ cho sở duyên cũng rộng hơn các duyên khác. Vì vậy, **Thường cận y duyên** được gọi là “duyên có tính chất rộng” (mahāpadesapaccaya).

Trong **Abhidhammatthavibhāvanīṭikā** và **Abhidhammāvatāraṭikā** có ghi:

**Paccayamahāpadeso hesa, yadidaṃ
pakatūpanissayo:**

“*Thường cận y duyên được gọi là duyên rộng*”
(paccayamahāpadesa).

10. Tiên Sinh Duyên

a- Định nghĩa.

Pure jāyitthāti: Purejāto:

Sinh trước gọi là tiên sinh”.

Purejāto ca so paccayo cāti: Purejātapaccayo:

Sinh trước và trợ giúp, gọi là Tiên sinh duyên”.

b- Thích giải tóm lược.

Tiên sinh duyên là pháp năng sinh trước trợ giúp cho pháp sở sinh sau, đồng thời pháp năng chưa diệt, vẫn còn tồn tại, tức pháp năng ở thời trụ. Nếu sinh trước rồi diệt đi thì không là “năng duyên” của Tiên sinh duyên.

Ví như mặt trời và mặt trăng mọc lên trước thì tất cả chúng sinh trên thế gian mới nương nhờ vào hơi ấm và ánh sáng của mặt trời và mặt trăng đang tồn tại mà sinh hoạt, bởi vì mặt trời và mặt trăng đang hiện hữu.

Mặt trời và mặt trăng ví như Tiên sinh năng duyên, tất cả chúng sinh trên thế gian ví như Tiên sinh sở duyên.

Tiên sinh duyên là sắc pháp sinh trước đang ở thời trụ là năng duyên trợ cho danh pháp hiện khởi.

11. Hậu Sinh Duyên

a- Định nghĩa.

Pacchā jāyatīti: Pacchajāto:

“*Sinh sau gọi là **hậu sinh**”.*

Pacchajāto ca so paccayo cāti:

Pacchājātapaccayo:

“*Sinh sau và trợ giúp, gọi là **Hậu sinh duyên**”.*

Pacchajāto hutvā upakārako dhammo:

Pacchājātapaccayo:

“*Pháp sinh sau trợ giúp pháp sinh trước, gọi là **Hậu sinh duyên**”.*

b- Thích giải tóm lược.

Hậu sinh duyên là danh pháp (tâm và tâm sở) sinh sau làm năng duyên trợ giúp, ủng hộ cho sắc pháp sinh trước được duy trì tuổi thọ không cho diệt trước hạn định, tuổi thọ của sắc pháp bằng với tuổi thọ của 17 sátna tâm, nghĩa là một tâm sinh lên rồi diệt đi, rồi tâm mới sinh lên nữa tiếp nối như vậy 17 lần thì sắc pháp mới đồng diệt cùng với tâm thứ 17.

Sự kiện mà sắc pháp có thể tồn tại được cho đến 17 sátna tâm bởi vì danh pháp sinh sau chẳng những trợ giúp nâng đỡ cho sắc pháp tồn tại, mà còn trợ giúp ủng hộ cho tăng trưởng lên.

(Sắc pháp sinh sau trợ giúp ủng hộ cho danh pháp sinh trước không được, vì khi sắc pháp sinh lên thì danh pháp đã diệt trước rồi, nên không trợ giúp được).

Trong bộ **Paramatthadīpanīmahāṭikā** ví dụ Hậu sinh duyên như sau:

Cây khi đã trồng xuống được tồn tại và tăng trưởng do nương vào nước; cây ví như sắc pháp sinh trước, nước ví như danh pháp sinh sau.

Trong Sớ giải bộ Vị trí ⁽¹⁾ có ví dụ:

Như chim Kên kên con chưa thể tự mình bay đi tìm mồi, hằng ngày khi chim mẹ bay ra khỏi tổ, chim con hướng tâm dõi mắt mong chờ chim mẹ mang mồi về cho mình, nhưng sinh hoạt thường nhiên của loài Kên kên, chim mẹ không bao giờ mang mồi về nuôi con, cứ thế ngày qua ngày, chim con sống trong khao khát đợi chờ mồi từ nơi mẹ, cho đến khi vừa đủ lớn, chim con tự mình bay đi kiếm mồi.

Tuy không có mồi từ nơi mẹ, nhưng thân của chim con không bị nguy hại, nó vẫn phát triển dần dần bằng tác ý khởi lên là “sẽ đợi chờ”. Cứ thế nó được tồn tại và vươn lên với những tia hướng vọng không bao giờ nguôi.

(1)- Vô sắc pháp là pháp trợ giúp nâng đỡ theo ý nghĩa trợ giúp cho sắc pháp sinh trước, giống như tác ý hướng vọng được vật thực trợ giúp nâng đỡ cho chim Kên kên con, là Hậu sinh duyên (Sớ giải Papañcakaraṇa trang 26).

Sự kiện chim con không chết, dù không được ăn mồi, do nhờ “*Tư thực*” là vị tham ái thềm muốn được mồi đang khởi hiện trong lúc đó.

Tư thực thuộc danh pháp chẳng những có mãnh lực trợ giúp nâng đỡ cho thân thuộc sắc pháp của chim con được sống sót mà còn từ từ tăng trưởng lớn lên.

Do đó, *Tư thực* là Hậu sinh năng duyên, thân thể của chim con là Hậu sinh sở duyên.

Cả 2 lý thí dụ trên như thế nào, thì Hậu sinh duyên cũng giống như vậy. Nghĩa là danh pháp sinh sau có mãnh lực trợ giúp nâng đỡ cho sắc pháp sinh trước được tồn tại và tăng trưởng lên giống như thân thể chim Kên kên con.

Trong Hậu sinh duyên trừ ra 2 hạng người là Phạm Thiên Vô tướng và bậc đang nhập thiền Diệt, vì sắc pháp của 2 hạng người này không nhận được trợ giúp nâng đỡ từ Hậu sinh duyên, vì hai hạng người này không sinh khởi danh pháp.

Nhưng sắc Nghiệp và sắc Thời tiết (2 nhóm sắc) của Phạm Thiên Vô tướng vẫn tồn tại, vì nương vào mãnh lực của việc tu tiến ly ái tưởng (saññavirāgabhāvanā).

Về nhóm sắc Nghiệp, sắc Thời tiết, sắc Vật thực (3 đoàn sắc)⁽¹⁾ của bậc đang nhập thiền Diệt thì nương

(1)- 3 nhóm sắc trong 7 cõi vui Dục giới hoặc nhóm sắc Nghiệp, sắc Thời tiết (2 nhóm sắc) trong 15 cõi Sắc giới (trừ cõi Vô tướng).

vào mãnh lực của 8 thiền chứng và Tam Đạo hoặc Tứ đạo.

Sắc pháp của Phạm Thiên Vô tướng và bậc đang nhập thiền Diệt không là sở duyên của Hậu sinh duyên, mà là “pháp nghịch duyên”.

12- Tập hành duyên.

a- Định nghĩa.

Āpunappunam sevanam: Āsevanam:

“Liên tục hưởng cảnh gọi là **Tập hành**”.

Āsevati punappunam pavattatīti: Āsevanam:

“Chỉ một thứ tâm trùng lặp nhau liên tục là **Tập hành**”.

Āsevanatthena anantaranam

paṇṇabalavabhāvāya upakārako dhammo:

Āsevanapaccayo:

“Pháp trợ giúp ủng hộ bằng cách nối tiếp nhau không gián đoạn theo thực tính có mãnh lực thuần thực hưởng cảnh liên tục, gọi là **Tập hành duyên**”.

b- Thích giải tóm lược.

Trong **Tập hành duyên**, từ **tập hành** (āsevana) là hưởng cảnh liên tục, ám chỉ hưởng cảnh luôn luôn hoặc hưởng cảnh thường xuyên, hay hưởng cảnh nhiều lần.

Pháp làm phận sự hưởng cảnh thuộc nhóm danh pháp chỉ xếp vào riêng biệt tâm đồng lực hiệp thể. Việc hưởng cảnh liên tục ám chỉ đến việc khởi hiện liên tục của tâm đồng lực, vì tâm đồng lực chỉ làm phận sự hưởng cảnh liên tục theo riêng biệt.

Do đó, nếu không gọi là tâm đồng lực khởi hiện mà gọi là sự hưởng cảnh cũng có nghĩa là tâm đồng lực sinh khởi.

Trong việc hưởng cảnh hoặc khởi hiện của tâm đồng lực vẫn có thể làm năng duyên trợ giúp ủng hộ cho pháp cùng giống với nhau sinh lên được nữa.

Như tâm Đại thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ ở sátna thứ 1 khởi hiện làm phận sự “hưởng cảnh” rồi diệt, trở thành năng duyên trợ giúp ủng hộ cho tâm Đại thiện cùng loại sinh lên lần thứ 2, gọi là tâm đồng lực sátna thứ 2, khi tâm đồng lực sátna thứ 2 diệt đi cũng làm năng duyên cho tâm đồng lực cùng loại sátna thứ 3 ..., cho đến tâm đồng lực cùng loại sátna 7.

Nhưng tâm đồng lực sátna 7 không thể làm năng duyên cho tâm cùng giống với mình sinh lên được nữa. Bởi vì tâm đồng lực thứ 7 này yếu sức nên không thể trợ giúp ủng hộ cho khởi hiện tâm đồng lực tiếp tục được nữa.

Chính sự kiện mà tâm đồng lực sátna thứ 1 làm năng duyên cho khởi hiện tâm đồng lực sátna thứ 2, tâm đồng lực sátna thứ 2 làm năng duyên cho hiện khởi tâm đồng lực sátna thứ 3 ... cho đến tâm đồng lực sátna thứ 7, gọi là Tập hành duyên.

Mặc dù tâm đồng lực sátna thứ 7 yếu sức không thể làm năng duyên cho khởi hiện tâm đồng lực tiếp tục được, nhưng tâm sở Tư trong hành động thiện hoặc bất thiện của tất cả mọi người vẫn thành tựu trong tâm đồng lực sátna 7. Do đó, tâm sở Tư trong đồng lực sátna thứ 7, được gọi là “tâm sở Tư khẳng quyết dứt khoát hành động” (atthasādhakasannitṭhāpakacetanā), có khả năng làm thành tựu phận sự đó.

Và tâm sở Tư trong đồng lực sátna thứ 7, khi cho quả thì có nhiều sức mạnh có thể cho quả tục sinh trong kiếp thứ 2 kế tiếp nhau. Do đó mới thấy được rằng nghiệp ngũ nghịch vô gián và nghiệp tà kiến nhất định là trọng nghiệp mà việc cho quả của nghiệp này cũng cho quả trong đồng lực sátna thứ 7.

Tập hành duyên được ví như người đã từng học một loại nghề nghiệp nào rồi, khi muốn tiếp tục học một nghề nghiệp tương tự như vậy thì sẽ học được một cách dễ dàng và hiểu biết nhanh chóng nhiều hơn. Bởi vì nương vào tri thức mà mình đã từng trải qua trong nghề nghiệp trước đó, tạo điều kiện ủng hộ trợ lực cho việc học dễ dàng, nhận thức được nhanh chóng cho đến khi hoàn tất việc học.

Pháp Tập hành duyên này cũng giống như vậy, nghĩa là tâm đồng lực sátna thứ 1 giống như việc hiểu biết ban đầu. Đồng lực sátna thứ 2 đến sátna thứ 6 giống như việc hiểu biết nhận được trong giai đoạn tiếp theo sau đó, đồng lực sátna thứ 7 giống như “hoàn tất chương trình”.

Pháp năng duyên của Tập hành duyên chỉ lấy riêng biệt tâm đồng lực Dục giới, vì theo quy luật của tâm đồng lực làm Tập hành duyên được phải hội đủ 3 điều kiện:

- Phải cùng giống .

- Phải khởi hiện trùng lập, tối thiểu 3 – 4 hoặc 5 lần, tối đa 7 lần ⁽¹⁾ trong số lượng 29 tâm đồng lực Dục giới.

- Không là “đồng lực quả”.

Về 8 tâm đồng lực Siêu thế, 4 tâm đồng lực Đạo tuy không phải là “đồng lực quả” nhưng chỉ sinh lên một lần rồi diệt, không sinh lên trùng lập lại nữa, nên không là Tập hành năng duyên, chỉ là Tập hành sở duyên.

Bốn tâm đồng lực quả Siêu thế khởi hiện liên tục nhiều lần được, nhưng các tâm đồng lực quả không làm Tập hành năng duyên hay Tập hành sở duyên, vì đồng lực quả Siêu thế phải nương vào đồng lực Đạo để sinh lên.

Khi đồng lực Đạo không làm Tập hành năng duyên được thì đồng lực quả Siêu thế cũng không làm Tập hành sở duyên.

Ở khía cạnh khác, đồng lực quả Siêu thế với đồng lực Đạo không cùng giống, nên không là Tập hành năng duyên và Tập hành sở duyên cho nhau.

(1)- Nếu là đồng lực kiên cố Đáo đại trong lộ nhập thiền thì khởi hiện trùng lập nhau nhiều hơn 7 lần.

Tóm lại, trong lộ đắc Đạo, trong lộ nhập thiên Quả thì đồng lực quả là Tập hành nghịch duyên.

Trong đồng lực hiệp thế thì đồng lực sátna thứ 1 không làm Tập hành sở duyên, chỉ thuần nhất là Tập hành năng duyên.

Sátna đồng lực sau cùng, không làm Tập hành năng duyên, chỉ thuần nhất là Tập hành sở duyên.

13. Nghiệp Duyên

a-Định nghĩa.

Karanam: Kammap:

“Hành động, gọi là **nghiệp**”.

Karoti paṭisaṅkharotī: Kammap:

“Pháp sắp đặt hoặc trang bị, gọi là **nghiệp**”.

Kammabhāvena upakārako dhammo:

Kammapaccayo:

“Pháp trợ giúp ủng hộ bằng cách sắp đặt hoặc trang bị, gọi là **Nghiệp duyên**”.

b- Thích giải tóm lược.

Trong **Nghiệp duyên**, từ *kamma* (nghiệp) ám chỉ đến hành động hoặc pháp sắp đặt trang bị, gọi là nghiệp tức tâm sở Tư, tâm sở Tư là hiện thân của nghiệp.

Như có Phật Ngôn rằng:

**Cetanāham bhikkhave kammaṃ vadāmi
cetayitvā kammaṃ karoti kāyena vācāya manasā:**

“Này các tỳ khưu! Tư là hiện thân của nghiệp. Chúngsinh tạo nghiệp bằng thân, ngữ hoặc ý thường có sự sắp đặt suy nghĩ trước rồi mới hành động”⁽¹⁾.

Như vậy sẽ thấy được rằng: Việc hành động bằng thân, ngữ, ý dù là thiện hay bất thiện đi nữa phải nương vào tâm sở Tư (cố ý) làm trọng yếu dẫn đầu trong hành động đó, giống như một đoàn binh phải có vị tướng soái lãnh đạo chỉ huy ra lệnh cho đoàn binh thi hành theo mệnh lệnh của mình như thế nào. Thì vị tướng soái giống như tâm sở Tư, đoàn binh giống như pháp đồng sinh (tâm, tâm sở, sắc Nghiệp và sắc Tâm) đồngsinh với tâm sở Tư cũng như thế đó.

Nghiệp duyên phân ra thành 2 loại:

- Đồng sinh nghiệp duyên.
- Nghiệp khác thời duyên

***Đồng sinh Nghiệp Duyên.**

Định nghĩa.

**Kāyaṅgavācaṅgacittaṅgābhisañkharāṇabhūte
n-a cittappayogasaṅkhātena kiriyābhāvena
paccayo upakāraṅkoti: Kammappaccayo:**

“Pháp trợ giúp ủng hộ theo tính chất hành động liên quan đến tâm, như trợ giúp sắp đặt hành động cho thân, ngữ và ý gọi là **Nghiệp duyên**”.

(1)- Tăng Chi Bộ Kinh pháp 6 chi, điều 63 trang 451 Nibbedhikasutta.

Thích giải tóm lược.

Đồng sinh nghiệp duyên ám chỉ đến tâm sở Tư là hiện thân của nghiệp đồng sinh với sở duyên, có chức năng trợ giúp sắp đặt cho sở duyên.

Khi pháp tương ưng (tâm, tâm sở) đang làm phạm sự bất cảnh, như cảnh Sắc ... thì tâm sở Tư đồng sinh cũng trợ giúp sắp đặt trang bị trong việc bất cảnh đó.

Như khi đối xúc với cảnh Sắc mà tâm Tham cùng với tâm sở Tư khởi hiện thì tâm sở Tư trợ giúp cho tâm Tham bắt cảnh Sắc được trọn vẹn. Khi tâm Tham khởi hiện trọn vẹn rồi, thì hành động thân hoặc ngữ sinh lên liên quan từ tâm Tham cũng biểu lộ ra thái độ cử chỉ tham.

Sự kiện như vậy là do mãnh lực của tâm sở Tư hợp trong tâm Tham, nên tâm sở Tư này được gọi là Đồng sinh nghiệp duyên.

****Nghiệp khác thời duyên******Định nghĩa.***

Nānākhaṇo: Nānakkhaṇo:

Sátna khác nhau, gọi là ***khác thời***".

Nānakkhaṇe pavattaṃ kammaṃ:

Nānakkhaṇikkakammaṃ:

"Nghiệp khởi hiện khác sátna, gọi là Nghiệp khác thời".

Attano paccupannadhammapavattikkhaṇato
visumbhūte atīte nānākhaṇe siddhāti:
Nānakkaṇikā:

“Tâm sở Tư đã hoàn thành trong sátna quá khứ làm cho khởi hiện pháp sở duyên khác sátna, gọi là khác thời”.

Nānakkaṇikakammaṃ hutvā upakāra-
kammaṃ: Nānakkaṇikakammappaccayo:

“Nghịệp khác thời, trợ giúp ủng hộ gọi là Nghịệp khác thời duyên”.

Tâm sở Tư có 2 phận sự:

- Làm nhiệm vụ trang bị hoặc sắp đặt cho thành tựu phận sự trong lúc pháp tương ưng thiện, bất thiện, quả và vô ký khởi hiện mỗi sátna, gọi là phận sự “sắp đặt” (saṃvidhānakkicca).

- Làm phận sự ươm mầm khi Tư thiện và Tư bất thiện đồng sinh với tâm đã diệt. tâm sở Tư này có mãnh lực cho quả hiển lộ về sau, gọi là phận sự “lưu giữ hạt giống” (bījanidhānakkicca), phận sự này chỉ có trong tâm thiện hay tâm bất thiện.

Đối với tâm sở Tư làm phận sự “sắp đặt” (saṃvidhānakkicca) đã trình bày trong **Đồng sinh nghịệp duyên**, nghĩa là tâm sở Tư làm phận sự “sắp đặt” cũng chính là tâm sở Tư trong Đồng sinh nghịệp duyên.

Còn về phạm sự “lưu giữ hạt giống” (bījanidhānakicca) thì ám chỉ đến tâm sở Tư thuộc *Nghiệp khác thời duyên*.

Nghiệp khác thời duyên là tâm sở Tư khởi hiện khác thời gian với sở duyên.

Nghĩa là năng duyên là tâm sở Tư sinh lên làm phạm sự “sắp đặt” đã diệt đi, nhưng tâm sở Tư này có mãnh lực trợ giúp ủng hộ cho sở duyên khởi hiện lên về sau.

Do đó, lúc sở duyên là *quả* sinh lên thì năng duyên không còn hiện hữu.

Như Tư thiện nghiệp và Tư bất thiện nghiệp quá khứ cả trong kiếp này lẫn kiếp trước đã diệt làm năng duyên cho “quả khác thời gian” là 4 danh uẩn quả và sắc Nghiệp nhận lãnh trong kiếp này hoặc sẽ nhận lãnh trong kiếp vị lai tiếp theo.

Tóm tắt như sau:

1- Khi tạo ác hạnh thì tâm bất thiện cùng với tâm sở Tư khởi hiện, tâm sở Tư này là “Đồng sinh nghiệp năng duyên”, khi Tư bất thiện này diệt, trở thành “Nghiệp khác thời năng duyên”, có mãnh lực làm cho khởi sinh quả với người đã tạo ác hạnh đó trong thời vị lai. Tức quả nhận lãnh trong thời bình nhật kiếp này hay kiếp sau, còn quả nhận lãnh trong thời tục sinh chỉ riêng biệt trong kiếp sau.

*Quả nhận lãnh trong thời bình nhật trong kiếp này lẫn kiếp sau là: Người đó thường nhận lãnh quả

bất thiện như gặp phải cảnh không tốt và sắc Nghiệp bình nhật xấu, như mắt, tai ... bị khuyết tật hoặc gặp phải tai họa...

* Quả nhận lãnh trong thời tục sinh trong kiếp sau, như người đó mệnh chung từ kiếp này khi tục sinh rơi vào 1 trong 4 cõi khổ, cùng với sắc Nghiệp hiện hữu theo cõi mà mình tái sinh vào.

Tâm sở Tư bất thiện cho quả trong thời tục sinh là 11 Tư bất thiện (trừ Tư hợp trong tâm Si hợp Phóng dật).

2- Khi tạo thiện hạnh như thiện thí, thiện giới, thiện tu tiến ... lúc đang tạo thì tâm Đại thiện cùng với tâm sở Tư sinh lên, tâm sở Tư trong sátna này là “Đồng sinh nghiệp năng duyên”. Khi tâm Đại thiện cùng với tâm sở diệt đi, Tư thiện đã diệt này trở thành “Nghiệp khác thời năng duyên”, có mãnh lực làm cho pháp quả khởi sinh cho người đó trong thời vị lai. Cả trong kiếp này lẫn kiếp sau vào thời bình nhật lẫn thời tục sinh như:

* Quả nhận lãnh trong thời bình nhật trong kiếp này lẫn kiếp sau là người đó nhận lãnh quả thiện, như thường gặp phải các cảnh tốt, sắc Nghiệp bình nhật tốt như như mắt, tai... không khuyết tật và tránh khỏi tai họa ...

* Quả nhận lãnh trong thời tục sinh vào kiếp sau là người đó chết từ kiếp này, tục sinh về nhân cảnh như nhân loại, chư thiên ... cùng với sắc Nghiệp hiện hữu theo cõi mà mình tái sinh vào.

Quả sai biệt được nhận lãnh là quả thiện thuộc *Nghiệp khác thời sở duyên*.

3- Người tu tiến chỉ tịnh lúc đắc thiền thì tâm thiện Sắc giới khởi hiện cùng với tâm sở Tư, tâm sở Tư trong sátna này là Đồng sinh nghiệp năng duyên.

Khi tâm thiện Sắc giới cùng với tâm sở Tư diệt, tâm sở Tư này trở thành “Nghiệp khác thời năng duyên”, có mãnh lực cho quả trong kiếp kế tiếp cả thời tục sinh lẫn thời bình nhật như:

Trong thời tục sinh cho quả tục sinh Sắc giới sinh vào cõi Sắc giới (trừ cõi Vô tướng) theo tương ứng và nhận được sắc Nghiệp thuộc sắc Nghiệp của Phạm Thiên.

*Trong thời bình nhật nhận được tâm quả Sắc giới và sắc Nghiệp bình nhật loại thù thắng theo tương ứng. Các loại này thuộc “Nghiệp khác thời sở duyên”.

4- Người tu tiến chỉ tịnh, đắc ngũ thiền Sắc giới, khi đắc thiền thì tâm thiện ngũ thiền Sắc giới cùng với tâm sở Tư khởi hiện do mãnh lực tu tiến thiền ly ái tướng (bhāvanāvirāgasaññā), tâm sở Tư trong sátna này là “Đồng sinh nghiệp năng duyên”.

Tâm sở Tư này diệt, trở thành “Nghiệp khác thời năng duyên”, có mãnh lực cho quả trong kiếp kế cận, cả trong thời tục sinh lẫn thời bình nhật như:

Nhận được sắc Nghiệp tục sinh là “đoàn Mạng quyền 9 sắc”, gọi là Phạm Thiên Vô tướng, thuộc “Nghiệp khác thời sở duyên”.

5- Người tu tiến chỉ tịnh, lúc đắc thiên Vô sắc giới, tâm thiện Vô sắc giới cùng với tâm sở Tư khởi hiện do mãnh lực của việc tu tiến thiên ly ái sắc (bhāvanāvirāgarūpa), tâm sở Tư trong sátna này là “Đồng sinh nghiệp năng duyên”, khi tâm sở Tư này diệt thì trở thành “Nghiệp khác thời năng duyên”, có mãnh lực cho quả trong kiếp kế tiếp, cả thời tục sinh lẫn thời bình nhật như:

Nhận được danh pháp tục sinh là tâm quả Vô sắc giới khởi hiện, gọi là Phạm Thiên Vô Sắc, thuộc “Nghiệp khác thời sở duyên”.

6- Người tu tiến minh quán vào lúc sátna Đạo khởi sinh cùng với tâm sở Tư, tâm sở Tư trong sát na này là “Đồng sinh nghiệp năng duyên”. Khi tâm Đạo cùng với tâm sở Tư diệt đi, tâm sở Tư này trở thành “Nghiệp khác thời năng duyên”, có mãnh lực cho quả sinh lên không gián đoạn (akālika) trong kiếp này, là tâm Quả Siêu thế sinh lên liền kề tâm Đạo thuộc “Nghiệp khác thời sở duyên”.

Tâm sở Tư trong sátna Đạo làm năng duyên cho tâm quả Siêu thế khởi hiện, theo cách Vô gián duyên hay Thường cận y duyên cũng được.

Tóm lại. Tâm sở Tư hợp trong tâm thiện hay tâm bất thiện đã diệt là “Nghiệp khác thời năng duyên”, trợ giúp ủng hộ cho tâm quả sinh lên trong thời tục sinh lẫn bình nhật. Các nhóm quả này thuộc “Nghiệp khác thời sở duyên”.

Đối với quả trong thời bình nhật có phần đặc biệt như sau:

Theo thường nhiên tất cả chúng sinh không thể không từng tạo thiện nghiệp lẫn bất thiện nghiệp, do đó “nghiệp khác thời” thuộc thiện lẫn bất thiện luôn dính theo trong cơ tánh.

Nhưng **quả** sinh khởi, phải hội đủ 4 điều :

* *Thời* (kāla) . Trong thời có vua chúa là bậc có chánh kiến cai trị và Phật giáo vẫn còn hiện hữu. Gọi là “thời thịnh vượng” (kālasampatti).

Trong thời có vua chúa là người tà kiến, Phật giáo tiêu hoại, gọi là “thời suy vong” (kālavipatti).

**Sinh thú* (gati). Người được sinh vào cõi vui như nhân loại, chư thiên, Phạm Thiên gọi là “sinh thú tốt đẹp” (gatisampatti).

Nếu rơi vào cõi khổ như bàng sinh... thì gọi là “sinh thú suy vong” (gativipatti).

* *Sinh y* (upadhi). Người khi sinh ra, có các bộ phận cơ thể lớn, nhỏ như mắt, tai... được đầy đủ thì gọi là “sinh y tốt đẹp” (upadhisampatti).

Nếu như người khi đã sinh ra mà các bộ phận cơ thể lớn, nhỏ khiếm khuyết không đầy đủ thì gọi là “sinh y suy vong” (upadhivipatti).

**Hành vi* (payoga). Người nương vào chánh cần và chánh tư duy rồi kiến tạo thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp thiện hạnh. Không phạm vào luật pháp của

nhà nước và hành đúng Pháp trong Phật Giáo thì gọi là sở hành tốt đẹp (payogasampatti).

Người nào nương vào tà cần và tà tư duy rồi tạo trử thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp ác hạnh. Phạm vào luật pháp của nhà nước và hành phi pháp trong Phật Giáo thì gọi là sở hành suy vong (payogavipatti).

Khi được 4 pháp “tốt đẹp” như “thời thịnh vương” ... quả thiện khác thời có cơ hội hiển lộ tốt, như gặp được cảnh sắc Tốt... là cảnh đáng mong muốn... cùng với sắc Nghiệp đáng hài lòng đáng mong muốn.

Khi có đủ 4 điều “suy vong”, quả bất thiện có cơ hội hiển lộ, như gặp phải cảnh xấu cùng với sắc Nghiệp không đáng hài lòng không đáng mong muốn. Đây là quả trong thời bình nhật, còn quả trong thời tục sinh thì tất cả chúngsinh đã nhận lãnh trong lúc tục sinh theo tương ứng với nghiệp của mình trong kiếp quá khứ.

Do đó nên không cần phải giải thích phần đặc biệt trong nơi đây nữa.

14. Quả Duyên

a-Định nghĩa.

**Pahāyakapahātabbabhāvena aññamañña
viruddhānaṃ kusalākusalānaṃ pākāti: Vipākā:**

“Thành quả của thiện và bất thiện mà tương phản lại với pháp thiện và pháp bất thiện gọi là **quả**” (vipāka).

(Vā) savajjānavajjabhāvena vā
kaṇhasukkabhāvena vā aññamaññavisitṭhānaṃ
kusalākusalānaṃ pākāti: Vipākā:

(Hoặc) “thành quả của thiện và bất thiện mà đặc biệt khác nhau, thành tội hoặc vô tội hoặc do pháp đen và pháp trắng gọi là **quả**”.

Vipāko ca so paccayo cāti: Vipākapaccayo:

“*Chính pháp quả làm duyên gọi là **Quả duyên***”.

(Vā) vipaccayabhāvena paccayo upakāraṇaṃ:
Vipākapaccayo:

(Hoặc) “*gọi là **Quả duyên** bởi vì trợ giúp ủng hộ bằng cách làm cho thành tựu*”.

b-Thích giải tóm lược.

Quả duyên là “quả chín muồi khác thời gian” của thiện nghiệp và bất thiện nghiệp, cũng vừa là nhân vừa là quả cho nhau được.

Tức “quả chín muồi khác thời gian” này làm năng duyên và sở duyên lẫn nhau, trợ giúp ủng hộ cho sắc Nghiệp tục sinh và sắc Tâm.

Như tâm quả khởi hiện lên 1 sátna thì có tâm sở cùng đồng sinh, cả sắc Nghiệp tục sinh và sắc Tâm. Bốn danh uẩn làm năng duyên và sở duyên với nhau, còn sắc Nghiệp tục sinh và sắc Tâm chỉ duy nhất là sở duyên.

Tâm quả không phải là tâm cần phải nỗ lực làm cho sinh lên, vì tâm quả nương sinh từ thiện nghiệp

hay bất thiện nghiệp. Do đó, thiện nghiệp hoặc bất thiện nghiệp là pháp cần phải nỗ lực để kiến tạo cho sinh lên, còn tâm quả là pháp không cần phải nỗ lực để làm cho khởi hiện.

Nếu như thiện nghiệp, bất thiện nghiệp đã tạo tác thì “quả” chắc chắn phải có. Tâm quả là tâm yên lặng không hiện bày trạng thái nào cả, là tâm yếu sức mạnh khác với tâm thiện, tâm bất thiện và tâm Duy tác.

Tâm quả được hiện bày rõ trong lúc ngủ say, khi ấy tâm khác không khởi hiện, chỉ có tâm hữu phần (tâm quả).

Vào thời điểm khác, tuy tâm quả đang hiện khởi nhưng không hiển lộ rõ, bấy giờ hình thành lộ tâm thuộc thiện cũng có, bất thiện cũng có, Duy tác cũng có.

Tâm quả yếu sức hơn các tâm khác, nên tâm sở đồng sinh với tâm quả cũng yếu sức, không mạnh như những tâm sở đồng sinh với tâm thiện, tâm bất thiện hay tâm Duy tác.

Sắc Nghiệp tục sinh và sắc Tâm nương sinh từ tâm quả cũng không hiện bày trạng thái nào cả, chỉ có trạng thái yên lặng, khác với sắc tâm nương từ tâm thiện hay tâm bất thiện và tâm Duy tác, sắc Tâm nương sinh từ các tâm này thường hiển lộ trạng thái rõ ràng.

Quả làm năng duyên trợ giúp ủng hộ cho quả, ví như sự già khởi hiện lên cho tất cả mọi người. Sự già

là pháp mà tất cả mọi người không mong muốn và không cần phải nỗ lực tìm cầu hoặc kiến tạo cho khởi lên.

Nhưng sự già vẫn sinh lên với tất cả chúng sinh không thiên vị một ai, *sự già* là quả của *sự sinh*, nếu có *sinh* tất nhiên phải có *già* .

Sự già vừa là nhân vừa là quả, nghĩa là sự già trong giai đoạn đầu là nhân hỗ trợ cho sự già nhiều hơn lên trong giai đoạn về sau.

Như đứa bé sinh ra từ thai bào thì sự già cũng dính theo đứa bé, nhưng sự già khó thấy được vì là pháp tiềm ẩn và vi tế. Khi đứa bé dần dần tăng trưởng lớn lên cũng có nghĩa là sự già trong giai đoạn đầu đang trợ giúp ủng hộ cho sự già khởi hiện lên theo tuần tự trong giai đoạn về sau.

Hoặc lý khác là, *tóc* biến đổi từ màu đen sang màu trắng, trong giai đoạn đầu chỉ là bắt đầu nhuộm trắng chút ít, sau đó màu trắng của tóc mỗi lúc sẽ hiện bày nhiều lên cho đến khi trắng xóa khắp cả đầu. Do đó, chút ít màu trắng trong giai đoạn đầu làm duyên trợ giúp ủng hộ cho màu trắng nhiều hơn lên trong giai đoạn về sau. Đây cũng là loại già giống như vậy.

Quả duyên cũng giống như vậy, tức *pháp quả* vừa là năng duyên vừa là sở duyên. Như 4 danh uẩn quả đồng sinh với nhau, 1 danh uẩn quả trợ cho 3 danh uẩn quả còn lại cùng với sắc Tâm

Trong thời tục sinh thì 4 danh uẩn quả thay nhau năng duyên và sở duyên lẫn nhau, sắc Nghiệp tục sinh là sở duyên.

Pháp quả vừa là năng vừa là sở, trợ giúp lẫn nhau và sắc Tâm quả, sắc Nghiệp tục sinh, nên gọi là **Quả duyên**.

15. Vật Thực Duyên

a- Định nghĩa.

Sakasakapaccayuppanne āharati bhuso haratīti: Āhāro.

“Thực tính pháp gom góp đem đến nhiều thành quả cho mình gọi là **Vật thực**”.

Rūpārūpānaṃ upathambhakatthena upakāraḱā cattāro āhārā: Āhārapaccayo:

“Do tứ thực trợ giúp nâng đỡ cho tất cả sắc pháp lẫn danh pháp nên gọi là **Vật thực duyên**”.

b- Thích giải tóm lược.

Vật thực duyên phân ra làm 2 loại: Sắc Vật thực và Danh vật thực.

Sắc Vật thực là các vật thực như cơm, nước...

Danh vật thực có 3 loại là: Xúc thực là tâm sở Xúc, Tư niệm thực là tâm sở Tư và Thức thực là 89 tâm.

Cả 4 loại vật thực có phận sự trợ giúp ủng hộ cho tất cả danh pháp lẫn sắc pháp sinh khởi và tồn tại.

Sắc Vật thực trợ giúp ủng hộ cho sắc thân được tăng trưởng tồn tại, 3 danh vật thực thì trợ giúp ủng hộ cho danh thân sinh lên và tồn tại theo ngăn nắp thứ tự.

Ví như ngôi nhà được tồn tại vững vàng phải nương vào cột nhà nâng đỡ, nếu không có cây cột thì ngôi nhà không tồn tại, cũng vậy, sắc pháp lẫn danh pháp nếu không có vật thực (giống như cột nhà nâng đỡ) thì sắc pháp lẫn danh pháp không thể khởi hiện và tồn tại.

Trong cõi Dục giới (trừ cõi địa ngục), sắc Vật thực làm năng duyên trợ giúp ủng hộ cho thân sắc của chúng sinh đang nương trú trong cõi này được tăng trưởng lớn lên và tồn tại.

Trong cõi Sắc giới (trừ cõi Vô tưởng), cõi Vô sắc giới và cõi Địa ngục thì danh vật thực làm năng duyên trợ giúp ủng hộ. Cả sắc thân lẫn danh thân của tất cả chúng sinh nương trú trong các cõi này được bảo tồn, nhưng không có sắc Vật thực, vì các Phạm thiên và chúng sinh cõi Địa ngục không dùng vật thực, chỉ thuần nhất có danh vật thực.

Phạm thiên Vô tưởng đang sống trong cõi Vô tưởng, chỉ thuần nhất có sắc pháp mà không có danh pháp, có tuổi thọ đến 500 đại kiếp. Nhóm Phạm thiên này nếu nói theo trực tiếp thì không nhận được tứ thực, nhưng nói theo gián tiếp thì có sắc Vật thực tạo điều kiện bảo tồn cho bọn sắc Mạng quyền. Tức tâm sở Tư trong tâm Ngũ thiền kiếp trước làm năng

duyên trợ giúp ủng hộ cho sắc pháp của nhóm Phạm Thiên này được tồn tại.

Tóm lại. Vật thực duyên thì sắc Vật thực và danh vật thực làm năng duyên trợ giúp ủng hộ cho sắc pháp lẫn danh pháp của chúngsinh có mạng quyền khắp cả 31 cõi được tồn tại.

Nếu không có 2 loại vật thực này tạo điều kiện ủng hộ thì tất cả chúng sinh không thể nào bảo tồn sinh mệnh.

Xem như vật thực là pháp bảo tồn nâng đỡ cho tất cả chúng sinh đang hiện hữu trong vòng luân hồi.

Như trong Phật Ngôn thuyết rằng:

Sabbe sattā āhāraṭṭhitikā: “*Tất cả chúng sinh duy tồn do vật thực*”.

16 - Quyền Duyên

a-Định nghĩa.

Indati paramaissariyaṃ karotīti: Indriyaṃ:

“Pháp chủng nào làm lớn trội cai quản, gọi là **quyền**”.

Indriyabhāvena upakārako dhammo:

Indriyapaccayo:

“Pháp trợ giúp ủng hộ bằng cách lớn trội cai quản, gọi là **Quyền duyên**”.

Issarayaṭṭhena adhipatiyaṭṭhena vā upakāraka itthindriyapurisindriyavajjā vīsatiindriyā:

Indriyapaccayo:

“Hai mươi quyền (trừ Nam quyền và Nữ quyền) trợ giúp ủng hộ bằng cách làm lớn trội dẫn đầu, gọi là *Quyền duyên*”.

b- Thích giải tóm lược.

Chữ *Indriya* (quyền) nghĩa là “làm lớn, dẫn đầu, cai quản trong phận sự của mình không lấn lướt nhau”. Như trong mỗi quốc gia có 1 vị bộ trưởng đứng đầu cai quản điều hành nhiều người, nhưng trong mỗi nhiệm vụ đó mỗi vị bộ trưởng cai quản đứng đầu chỉ đạo không lấn lướt đến phận sự của nhau. Cũng vậy, trong *Quyền duyên* các phận sự như *thấy, nghe* ... có pháp làm lớn cai quản.

Như phận sự *thấy* thì có “thần kinh Nhãn” là lớn trội, gọi là Nhãn quyền, phận sự *nghe* thì có “thần kinh Nhĩ” là lớn trội, gọi là Nhĩ quyền ...

Khi thần kinh Nhãn là “quyền”, Nhãn thức sinh lên được, phải nương vào thần kinh Nhãn, nếu thần kinh Nhãn yếu, sự thấy không rõ ràng, nếu thần kinh Nhãn mạnh, sự thấy sẽ rõ ràng. Vì thế, thần kinh Nhãn được gọi là “Nhãn quyền”.

Sắc thần kinh khác cũng tương tự như vậy, nhưng mỗi loại đều có sự lớn trội cai quản trong phận sự của mình. Đây là quyền thuộc sắc pháp.

Danh pháp cũng có danh quyền làm phận sự dẫn đầu cai quản theo chức năng riêng của mình.

Danh quyền có 8 chi: Mạng quyền, Tâm, Thọ, Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ; cả 8 danh quyền làm phận sự

năng duyên trong cùng thời điểm với nhau thì mỗi quyền sẽ làm sở duyên lẫn nhau.

Như khi tâm Đại thiện đồng sinh với 38 tâm sở thì trong tâm và tâm sở này có Đồng sinh quyền thuộc 8 danh quyền sinh lên làm năng duyên và sở duyên lẫn nhau. Ý quyền là năng duyên, thì 7 quyền còn lại là sở duyên; danh Mạng quyền là năng duyên, thì 7 quyền còn lại là sở duyên ...

Riêng 31 tâm sở còn lại và sắc Tâm, chỉ duy nhất là Đồng sinh quyền sở duyên.

Được gọi là “năng duyên”, phải có 1 trong ba mãnh lực:

**Janakasatti* (mãnh lực trợ sinh). Trợ cho sở duyên sinh lên.

**Upathambhakasatti* (mãnh lực ủng hộ). Trợ cho sở duyên được tồn tại.

**Anupālakasatti* (mãnh lực bảo tồn). Trợ cho sở duyên được tăng trưởng.

Trong 47 duyên, có duyên có “một mãnh lực”, có duyên có “hai mãnh lực”, nhưng không có duyên nào hội đủ “ba mãnh lực”⁽¹⁾. Nếu pháp nào không có 1 trong 3 mãnh lực thì không làm “năng duyên” được.

(1)- Số giải Papañcakarana không trình bày trực tiếp đến 1 duyên nào trong 47 duyên có đầy đủ 3 mãnh lực. Chỉ có 1 hay 2 mãnh lực, như Hội Đoàn Chuyên Môn đã thông nhất ý kiến nêu lên trong phân tóm lược đặc tánh mãnh lực trợ giúp ủng hộ của 47 duyên có trong phần sau của bộ này.

Hai sắc tính: Nữ tính, Nam tính không làm năng duyên được, vì 2 sắc tính này không có 1 trong 3 mãnh lực đã nêu trên. Nhưng 2 sắc tính này làm hiển lộ tướng trạng “nữ tính” hay “nam tính”.

Có 4 loại tướng trạng:

1- *Liṅga* (hình dáng) như mắt, mặt, chân, tay...

2- *Nimitta* (dấu hiệu) như có râu, không có râu...

3- *Kutta* (tánh tình) như thích đồ chơi đẹp...

4- *Ākappa* (cử chi) như đi, đứng, ngồi, nằm...

Cả 4 tướng trạng này là thành quả của 2 sắc Tính, khi có 2 sắc Tính thì phải có 4 tướng trạng hiện khởi thường xuyên.

Hỏi. Khi 4 tướng trạng là thành quả nương sinh từ 2 sắc Tính, vì sao 2 sắc Tính không xếp vào “*Quyền năng duyên*”?

Đáp. Không được, cho dù “hai sắc Tính là nhân”, “tướng trạng là quả”. Nhưng “tướng trạng” diễn tiến theo định luật tự nhiên (*pavattiniyāma*), nên hai sắc Tính không trợ giúp cho “tướng trạng” sinh lên và “bốn tướng trạng không là sở duyên của hai sắc Tính”.

Vì rằng, nếu là *Quyền duyên* thì phải là *Hiện hữu duyên* (*atthipaccaya*), thực tính pháp thường nhiên của *Hiện hữu duyên* khi hiện khởi, tồn tại thì năng duyên và sở duyên cùng “*hiện hữu*”.

Đối với 2 sắc Tính, trong thời tục sinh luôn sinh lên và hiện hữu, nhưng 4 tướng trạng như hình dáng... chưa khởi hiện trong lúc đó, đến thời bình nhật mới hiện bày. Điều này cho thấy “việc khởi hiện của 2 sắc Tính và 4 tướng trạng sinh khởi vào thời điểm khác nhau”, nên không tính vào Hiện hữu duyên, vì năng - sở không cùng hiện bày. Khi không là Hiện hữu duyên thì không là Quyền duyên .

Hỏi. Trong 2 đoàn sắc Tính, thì 2 sắc Tính và 9 sắc còn lại cũng đồngsinh, đồng diệt, cùng hiện hữu. Trong đoàn Tính, nếu xếp sắc Tính là Quyền năng duyên, các sắc còn lại là Quyền sở duyên không được sao?

Đáp. Không được xếp như vậy, vì 2 sắc Tính không có mãnh lực làm lớn, cai quản 9 sắc còn lại, 9 sắc còn lại khởi hiện lên do nương vào “mãnh lực” của nghiệp quá khứ, không phải khởi hiện do nương vào “mãnh lực” của sắc Tính. Vì vậy, 2 sắc Tính không được xếp vào Quyền năng duyên.

Theo thực tính pháp, 2 sắc Tính tuy không xếp vào Quyền năng duyên, nhưng cũng được gọi là **quyền** như Nữ quyền, Nam quyền.

Gọi là **quyền** vì 2 sắc Tính có mãnh lực cai quản “4 tướng trạng”, như: Hình dáng nữ, dấu hiệu nữ, tánh tình nữ, cử chỉ nữ do mãnh lực của Nữ tính.

Hình dáng nam, dấu hiệu nam, tánh tình nam, cử chỉ nam do mãnh lực của Nam tánh.

Còn nói theo Thường cận y duyên trong lý Kinh tạng thì không phải là lý chơn đế.

Quyền duyên được phân ra thành 3 loại:

- 1- Đồng sinh quyền duyên
- 2- Tiền sinh quyền duyên
- 3- Sắc Mạng quyền duyên.

***Đồng sinh quyền duyên.** Không có lời giải thích đặc biệt.

***Tiền sinh quyền duyên**

Định nghĩa.

Purejāto hutvā indriyabhāvena upakāraḥ
dhammo: Purejātindriyapaccayo:

“Pháp sinh trước trợ giúp ủng hộ bằng cách làm lớn gọi là **Tiền sinh quyền duyên**”.

Thích giải tóm lược.

Tiền sinh quyền duyên có 2 đặc tính:

- 1-Pháp năng sinh trước pháp sở.
- 2-Pháp năng làm lớn trội đối với pháp sở.

Phải có đủ 2 đặc tính này mới gọi là **Tiền sinh quyền duyên**.

Trong **Tiền sinh quyền duyên**, năng duyên là “sắc pháp”, sở duyên là “đanh pháp”.

Năng duyên là “sắc pháp”, chỉ cho các sắc thân kinh, các sắc khác thì không là Tiền sinh quyền năng duyên, vì không có đủ 2 đặc tính nêu trên.

Sở duyên là “danh pháp, chỉ cho “Ngũ song thức + 7 tâm sở Biến hành”. Nhóm danh pháp ngoài ra không nhận được trợ giúp ủng hộ từ năng duyên, vì vậy nhóm danh pháp ngoài ra không là sở duyên.

Năm sắc thân kinh làm năng duyên khởi hiện trước sở duyên, và ở giai đoạn trụ.

Như trong tâm lộ Nhãn môn cảnh rất lớn thì thần kinh Nhãn sinh trước, khi đến sátna trụ thì làm năng duyên cho Nhãn thức sinh lên.

Thần kinh Nhãn thời trụ có số lượng là 49 sắc, từ sátna diệt của tâm Khai ngũ môn tính lui trở lại, đến sátna sinh của tâm thứ 17 sẽ có số lượng là 49 sắc.

Một trong 49 sắc trụ này là Tiền sinh quyền năng duyên đều được, Đây là luận điểm của các Ngài Giáo thọ sư hậu bối.

Theo luận điểm của các Ngài Giáo thọ sư tiền bối: Thần kinh Nhãn đồng sinh với sátna sinh của tâm hữu phần Vừa qua đầu tiên, chỉ duy nhất 1 sắc làm Tiền sinh quyền năng duyên mà thôi, còn đối với 48 sắc trụ thần kinh Nhãn còn lại, không thể làm Tiền sinh quyền năng duyên được.

Trong số lượng 49 sắc trụ thần kinh Nhãn, được phân ra làm 3 nhóm:

-*Thần kinh Nhãn sơ thời* (mandāyukacakkhupasādarūpa). Là “thần kinh Nhãn” có tuổi thọ ít hơn cảnh sắc đồng sinh với tâm hữu phần Vừa qua, có số lượng 37 sắc trụ.

Lấy thần kinh Nhãn đồng sinh với sátna Diệt của tâm hữu phần Vừa qua đầu tiên, tính lui cho đến sátna diệt của tâm thứ 13.

- *Thần kinh Nhãn viễn thời* (amandāyukacakkhupasādarūpa). Là thần kinh Nhãn có tuổi thọ nhiều hơn cảnh sắc đồng sinh với tâm hữu phần Vừa qua đầu tiên, có số lượng 11 sắc. Tính từ thần kinh Nhãn đồng sinh với sátna trụ của tâm hữu phần Vừa qua đầu tiên cho đến sátna diệt của tâm Khai ngũ môn.

- *Thần kinh Nhãn trung thời* (majjhimāyukacakkhupasādarūpa). Là thần kinh Nhãn có tuổi thọ vừa đủ với cảnh sắc đồng sinh với tâm hữu phần Vừa qua đầu tiên. Có số lượng 1 sắc khởi hiện vào sátna sinh.

Trong 3 nhóm sắc thần kinh này, chỉ có sắc thần kinh trung thời mới là Tiền sinh quyền năng duyên.

Lộ Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân môn cũng diễn tiến như vậy.

Theo như 2 luận điểm đã đề cập trên, các Ngài Giáo thọ sư lão thông về pháp thực tính lẫn Tạng Thắng Pháp đã luận giải hài lòng về luận điểm đầu tiên.

Nhưng cũng không bác bỏ luận điểm thứ 2, chỉ trình bày lên tính chất đặc biệt đồng nhau, bởi tôn trọng luận điểm của các Ngài Giáo thọ sư tiền bối.

Tóm lược. Tiền sinh quyền duyên thì sắc pháp sinh trước làm năng duyên, danh pháp sinh sau làm sở duyên.

Sắc pháp chỉ có 5 sắc thần kinh vào thời trụ là năng duyên”.

Danh pháp chỉ có “Ngũ song thức + 7 tâm sở Biến hành” là sở duyên.

Lại nữa, trong Vật tiền sinh y duyên và Vật tiền sinh duyên như đã trình bày cũng có nghĩa là nhóm sắc trong thời trụ và thần kinh Nhãn trung thời tương tự như Tiền sinh quyền duyên.

***Sắc Mạng quyền duyên.**

Là sắc Mạng quyền làm năng duyên trợ giúp ủng hộ cho nhóm sắc Nghiệp đồng sinh với nhau.

Có 9 đoàn sắc Nghiệp là: Đoàn Nhãn, đoàn Nhĩ, đoàn Tỷ, đoàn Thiệt, đoàn Thân, đoàn Ý vật, đoàn Mạng quyền, đoàn Nữ tính, đoàn Nam tính.

Trong mỗi đoàn sắc Nghiệp đều có sắc Mạng quyền bảo tồn các sắc còn lại, nên sắc Mạng quyền là năng duyên cho 9 hoặc 8 sắc còn lại trong đoàn sắc.

Trong Sắc mạng quyền duyên thì năng duyên và sở duyên đồng sinh chung với nhau tương tự như đã trình bày về Đồng sinh quyền duyên.

Đức Phật thuyết riêng biệt về Sắc mạng quyền duyên, mà không thuyết gom chung vào Đồng sinh quyền duyên, vì Đồng sinh quyền năng duyên là “danh pháp trợ giúp ủng hộ cho sở duyên là “danh pháp và sắc pháp”.

Trong Đồng sinh quyền duyên, năng - sở cùng sinh lên trong 1 sátna, danh pháp làm năng duyên trợ giúp ủng hộ cho sở duyên kể từ ngay sátna sinh.

Còn Sắc mạng quyền duyên, cho dù năng - sở đồng sinh trong cùng sát na, nhưng năng duyên không trợ giúp ủng hộ cho sở duyên ngay từ sátna sinh được, phải đến sátna trụ mới trợ giúp được.

Lẽ thường, sắc pháp vào sátna sinh có ít sức mạnh, không thể làm phận sự hỗ trợ cho pháp khác, đến sátna trụ mới đủ sức mạnh trợ giúp, ủng hộ cho pháp khác.

Do đó, Đức Phật mới thuyết Sắc mạng quyền duyên theo riêng biệt.

17- Thiên duyên.

a- Định nghĩa.

Ārammaṇaṃ jhāyati upanijjhāyatīti: Jhānaṃ:

“Pháp chủng nào hằng trú vào cảnh như cảnh sắc... hoặc án xứ hoàn tịnh... pháp đó gọi là thiên”.

Upanijjhāyanatthena upakāraḥ dhammo: Jhānapaccayo:

“*Pháp trợ giúp ủng hộ bằng cách chú vào cảnh gọi là Thiên duyên*”.

**Ārammaṇaṃ upagantvā tasmim vā bhusaṃ
dalhaṃ nippattitvā viya jhāyanatṭhena
olokanatṭhena upakārako dhammo:
Jhānapaccayo:**

“*Pháp trợ giúp, ủng hộ bằng cách bám vào cảnh hoặc giống như dính chặt vào cảnh, gọi là Thiên duyên*”.

b- Thích giải tóm lược.

Chữ **jhāna** (thiền) là chăm chú vững vàng trong tất cả cảnh, do có Tâm, Tứ, Hỷ, Thọ, Nhất hành dẫn đầu hướng pháp đồng sinh (tâm, tâm sở), làm phạm sự chăm chú cảnh. Nên gọi là **thiền**, là ám chỉ cho “Tâm, Tứ, Hỷ, Thọ, Nhất hành”, nghĩa là 5 pháp này là “5 chi thiền”.

Mỗi chi thiền có phạm sự riêng, đồng thời có chung một phạm sự là “chăm chú vào một cảnh”. Như chi Tâm có phạm sự đưa tâm đến cảnh, chi Tứ làm phạm sự trông nom cảnh, chi Hỷ làm phạm sự “hân hoan với cảnh”, chi Thọ làm phạm sự “hưởng cảnh” và chi Nhất hành làm phạm sự “vững trú trong cảnh”.

Mặc khác, 5 chi thiền ngoài phạm sự riêng, vẫn có thể trợ giúp, ủng hộ cho các pháp đồng sinh với mình, cùng “*nắm lấy cảnh*”. Ví như người đang ở trên cao có thể nhìn thấy rõ mọi sự vật ở xa, rồi bảo cho nhóm người ở phía dưới biết rằng “*nơi kia như thế này, nơi nọ như thế kia*” ...

Cũng vậy, 5 chi thiền như chi Tâm vừa làm phận sự riêng là “đem tâm đến cảnh”, tự mình chú vào cảnh, và trợ giúp ủng hộ pháp đồng sinh (tâm và tâm sở khác ngoài chi Thiền) cùng “chăm chú cảnh” như mình.

Trong các hành động sai biệt hoặc suy nghĩ ... liên quan đến thân, ngữ và ý nếu không có 5 chi thiền làm phận sự trợ giúp ủng hộ bằng mãnh lực Thiền duyên thì các hành động đó sẽ diễn tiến không chính tề, thứ lớp, không đúng với ý định.

Như lúc đi sẽ đi loạng choạng không ngay ngắn hoặc lúc nhìn, sẽ không nhìn đúng vật muốn nhìn, hay lúc nói cũng sẽ nói ngập ngừng lẫn lộn. ...

Do vậy, Thiền duyên có mãnh lực trợ cho chúngsinh làm các công việc được vững vàng trong mọi trường hợp theo như ý muốn.

Năm chi thiền đã trình bày trên là nói theo lý pháp chân đế, nhưng nếu phân loại ra theo thiền thì có 7 là: Tâm, Tú, Hỷ, Nhất hành, Hỷ thọ, Ưu thọ, Xả thọ.

Chữ **thiền** nghĩa là “chăm chú vào cảnh”, có 2 loại:

*Chăm chú vào cảnh như cảnh Sắc... cho đến chú vào cảnh để tu tiến chỉ tịnh như án xứ hoàn tịnh (kasiṇa)..., gọi là thiền cảnh (ārammaṇūpanijjhāna).

*Chăm chú vào cảnh để tu tiến mình quán như chú vào cảnh tam tướng là vô thường, khổ, vô ngã, gọi là thiền tướng (lakhaṇūpanijjhāna).

Chăm chú vào Nípàn cũng được liệt vào nhóm thiền tướng, nhưng là “*thực tướng*” (tathalakkhaṇa). Nghĩa là Nípàn có thực tướng “*tịnh lạc*” (santisukha).

Do đó, Thiền năng duyên trợ giúp, ủng hộ cho Thiền sở duyên bằng mãnh lực thiền cảnh hay mãnh lực thiền tướng.

Tóm lược. Năm chi thiền làm năng duyên trợ giúp ủng hộ cho 4 danh uẩn, sắc Tâm, sắc Nghiệp tục sinh đồng sinh với mình bằng mãnh lực Thiền duyên.

18- Đạo duyên.

a- Định nghĩa.

Maggo viyati: Maggo:

“*Pháp hình thành như con đường gọi là đạo*”.

Sugatiduggatīnaṃ nibbānassa ca abhimukhaṃ pāpanato: Maggo:

“*Pháp gọi là đạo vì đưa đến nhàn cảnh, khổ cảnh và Nípàn*”.

Maggabhāvena upakāraḷako dhammo:
Maggapaccayo:

“*Pháp trợ giúp ủng hộ bằng con đường đưa đến nhàn cảnh, khổ cảnh và Nípàn, gọi là Đạo duyên*”.

b- Thích giải tóm lược.

Chữ *magga* (Đạo), chỉ con đường, giúp người đi đến nơi muốn đến. Con đường này có cả “tốt lẫn xấu” tùy theo người đi trên đó.

Nếu đi trên con đường *xấu*, sẽ phải nhọc nhằn vất vả, nếu đi trên con đường *tốt*, sẽ nhận được an lạc thoải mái.

Lại nữa, “con đường” là nhân đưa đến những nơi sai biệt (sampāpakahetu), như phương tiện giao thông có thể đưa người khắp nơi đến đích được, “phương tiện giao thông” ví như “Đạo duyên”.

Nghĩa là tâm sở thuộc chi đạo đồng sinh với tâm như: Trí, Tâm, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Căn, Niệm, Nhất hành, Tà kiến.

Cả 9 tâm sở này là Đạo năng duyên, giống như phương tiện giao thông đưa người đến khắp nơi, cũng vậy, chi đạo làm cho tâm và tâm sở khác (ngoài ra 9 chi đạo) cùng sắc pháp đồng sinh với mình đến đích theo tương ứng với vai trò của phương tiện giao thông, nên cả 9 tâm sở được xem là Đạo năng duyên, tâm và các tâm sở (ngoài 9 chi đạo) chỉ là Đạo sở duyên,

Mỗi chi đạo vừa là năng duyên vừa là sở duyên lẫn nhau theo tương ứng, như trong sátna tâm Đại thiện có trí sinh lên, có được 8 tâm sở là Đạo năng duyên (trừ Tà kiến), trong 8 tâm sở này, khi tâm sở Trí là năng duyên thì 7 tâm sở còn lại là sở duyên ...

Đạo duyên có 9 tâm sở làm năng duyên, có mãnh lực trợ giúp ủng hộ dẫn dắt pháp đồng sinh với mình đến khổ cảnh, nhân cảnh và Nípàn. Đây là phận sự đặc biệt về mãnh lực của Đạo duyên liên quan đến việc tục sinh.

Còn về phận sự thông thường hiện hữu theo thường pháp của Đạo duyên là:

*Trợ giúp ủng hộ dẫn dắt pháp đồng sinh đến cảnh liên quan với mình.

*Trợ giúp ủng hộ cho pháp đồng sinh làm phận sự theo chức năng của mình.

Đối với chi đạo hợp trong tâm quả và tâm Duy tác thì không làm nhiệm vụ về phận sự đặc biệt như dẫn dắt đến khổ cảnh, nhân cảnh và Nípàn được, chỉ làm phận sự thông thường là dẫn dắt pháp đồng sinh đến cảnh liên quan với mình.

Như khi ngũ hoặc lúc tâm lộ chưa sinh lên thì tâm hữu phần luôn có 1 trong 3 cảnh: Cảnh nghiệp, cảnh nghiệp tướng, cảnh thú tướng, sở dĩ tâm hữu phần bắt lấy các cảnh đó được, vì nương vào mãnh lực của chi đạo năng duyên với “phận sự dẫn dắt tâm và tâm sở còn lại đến các cảnh”

Chi đạo hợp trong tâm quả Siêu thế là dị thực quả, nhưng tâm quả Siêu thế luôn luôn có Nípàn làm cảnh, tâm quả Siêu thế có thể bắt lấy Nípàn làm cảnh được là do nương vào chi đạo, như trong tâm hữu phần.

Chi đạo trong tâm Duy tác cũng chỉ làm phạm sự như vậy.

Chi đạo trong tâm thiện hay tâm bất thiện thì làm cả 2 phạm sự: “Đặc biệt lẫn thông thường”.

- Phạm sự đặc biệt là “dẫn dắt pháp đồng sinh cho tục sinh tùy theo cõi như cõi khổ và cõi vui và còn dẫn dắt cho thoát khỏi vòng luân hồi là Nípàn”.

Như chi đạo bất thiện thì dẫn dắt pháp đồng sinh với mình đến cõi khổ, chi đạo thiện hiệp thế thì dẫn dắt pháp đồng sinh với mình đến cõi vui, còn chi đạo thiện Siêu thế thì dẫn dắt pháp Đồng sinh với mình “thoát khỏi luân hồi dần dần”.

Việc dẫn dắt pháp đồng sinh đến các cõi sai biệt và Nípàn là trợ giúp ủng hộ bằng cách gián tiếp, còn dẫn dắt trực tiếp là nhiệm vụ của Nghiệp khác thời duyên.

- Phạm sự thông thường là “chi đạo khởi hiện hợp trong tâm thiện hay tâm bất thiện dẫn dắt tâm cùng tâm sở đồng sinh đến cảnh liên quan với mình”. Và phạm sự này là “trực tiếp”.

Tóm lược. Trong Đạo duyên thì 9 chi đạo là năng duyên trợ giúp ủng hộ cho tâm và tâm sở đồng sinh với mình, cùng với sắc Tâm và sắc Nghiệp tục sinh được khởi hiện và tồn tại bằng mãnh lực của Đạo duyên, chi đạo có 2 phạm sự “đặc biệt và thông thường”.

19. Tương Ứng Duyên

a- Định nghĩa.

Samam ekuppādatādīpakārehi yutanti:

Sampayuttam:

“Pháp đồng sinh chung sátna, trộn lẫn với nhau, gọi là **Tương ứng**”.

Sampayuttabhāvena upakārako dhammo:
Sampayuttapaccayo:

“Pháp trợ giúp ủng hộ lẫn nhau bằng cách “cùng sinh lên, hoà lẫn với nhau”, gọi là **Tương ứng duyên**”.

b- Thích giải tóm lược.

Trong **Tương ứng duyên**, tâm và tâm sở vừa là năng duyên vừa là sở lẫn nhau.

Gọi là “hòa lẫn” (tương ứng) do hội đủ 4 pháp đồng là: “Đồng sinh, đồng diệt, đồng biết một cảnh và đồng nương một vật”.

Tương ứng là “hòa trộn” thành một, không thể phân biệt riêng rẽ. Như vị thuốc có 4 vị ngọt (catumadhura) quện vào nhau là: Mật, đường, dầu, bơ, khi bốn món này hoà lẫn vào nhau thành 1, người ta không thể phân biệt “đây là vị bơ, đây là vị dầu, đây là vị mật, đây là vị đường”. Cũng vậy khi tâm và tâm sở khởi hiện thì quện dính vào nhau không thể phân ra được đâu là tâm hay đâu là tâm sở.

Ngoài đặc tánh quện dính lại vào nhau thì pháp tương ưng (tâm và tâm sở) còn có phận sự trợ giúp lẫn nhau, như khi tâm Tham sinh lên do nương vào cảnh sắc làm nhân, thì tâm sở cũng đồng sinh với tâm Tham đó theo tương ứng, tâm và tâm sở đồng sinh này nói theo uẩn là 4 danh uẩn.

Trong 4 danh uẩn này đều làm năng duyên và sở duyên cho nhau, khi Thọ uẩn là năng duyên thì 3 danh uẩn còn lại là sở duyên Các uẩn thay nhau làm năng hay sở trong cùng sátna sinh, lên bằng mãnh lực của Tương ưng duyên.

Nói về phận sự thì 4 danh uẩn, mỗi uẩn có phận sự riêng, như Thọ uẩn có phận sự “hưởng cảnh”, Tưởng uẩn có phận sự “nhớ lại cảnh”, Hành uẩn có phận sự “sắp đặt trang bị cảnh” và Thức uẩn có phận sự riêng “biết cảnh”.

Không nên hiểu “4 danh uẩn cùng làm phận sự trong mỗi sátna theo tuần tự”.

Như khi thấy cảnh sắc thì Thức uẩn “biết cảnh” trước, tiếp theo Thọ uẩn “hưởng cảnh”, rồi đến Tưởng uẩn “nhớ lại cảnh”, sau cùng Hành uẩn “sắp đặt cảnh”.

Nên hiểu rằng: Tuy bốn danh uẩn có phận sự khác nhau, nhưng các phận sự này không diễn tiến theo tuần tự, mà “những phận sự ấy” đồng diễn tiến trong một sátna tâm, thể hiện nhịp nhàng, không đối kháng lẫn nhau. Đó là do “mãnh lực của Tương ưng duyên”.

Tóm lược: Trong Tương ứng duyên thì 4 danh uẩn (tâm và tâm sở) khởi hiện cùng lúc với nhau làm năng duyên và sở duyên lẫn nhau bằng mãnh lực của sự “hoà lẫn”, nên được gọi là “Tương ứng duyên”.

20. *Bất Ứng Duyên*

a- *Định nghĩa.*

Ekuppādatā dipakārehi na payuttanti:
Vippayuttaṃ:

“*Pháp không đồng sinh theo các trường hợp đồng sinh, đồng diệt ..., gọi là bất tương ứng.*”

Vippayuttabhāvena upakārako dhammo:
Vippayuttapaccayo:

“*Pháp trợ giúp ủng hộ nhau bằng cách “không hoà lẫn”, gọi là Bất tương ứng duyên.*”

b- *Thích giải tóm lược.*

Trong *Bất tương ứng duyên*, năng duyên là “danh lẫn sắc”; sở duyên là “danh lẫn sắc”, năng duyên trợ cho sở duyên bằng các “không hoà lẫn với nhau”.

Bất tương ứng duyên nghĩa đối lập với *Tương ứng duyên*, là không có đủ 4 đặc tính là: Đồng sinh, đồng diệt, đồng biết 1 cảnh, đồng nương 1. vật.

Nghĩa là danh pháp với sắc pháp cho dù đồng sinh cũng không gọi là *Tương ứng duyên*, như vào sátna tâm khởi hiện thì sắc Tâm cũng đồng sinh, trong thời tục sinh lúc 4 danh uẩn tục sinh sinh lên thì sắc

Nghiệp cũng cùng sinh lên. Tuy “đồng sinh” nhưng không đủ 4 đặc tính trên, nên không gọi là *Tương ưng duyên*, mà là *Bất tương ưng duyên*”.

Ví như 2 người không phải là anh em quyến thuộc với nhau, luôn cả việc sinh hoạt ăn uống, ngủ nghỉ cho đến tài chánh cũng không xài chung với nhau. Họ chỉ có ở cùng chung nhà với nhau mà thôi.

Nếu như có người hỏi rằng: “Có phải 2 người này là quyến thuộc với nhau không?”

Thì phải trả lời rằng: “Không là chi của nhau cả, chỉ ở chung nhà để phụ giúp trong công việc làm lẫn nhau”.

Cũng vậy, tất cả chúng sinh có sinh mạng thì danh pháp với sắc pháp đồngsinh chung với nhau và nương nhờ lẫn nhau. Hoặc sắc pháp sinh trước danh pháp làm phận sự ủng hộ giúp đỡ lẫn nhau bằng cách *Bất tương ưng duyên*.

Một lý khác nữa, các Ngài Giáo thọ sư tiền bối ví dụ *Bất tương ưng duyên* như 6 vị: Ngọt, chua, chát, mặn, đắng, cay, các vị chất này khi pha trộn lẫn nhau thì không thể quện dính lại thành 1 vị như nhau. Như trong 1 nồi canh hội đủ các vị sai biệt như chua, mặn, ngọt, cay... các vị này gồm chung lại với nhau nhưng không thể quện lại thành 1 vị như nhau được. Người dùng có thể bảo được liền rằng: “Đây là vị chua, đây là vị mặn và đây là vị ngọt”. Khác với 4 vị ngon ngọt của một loại thuốc như đã trình bày trong *Tương ưng duyên*.

Lại nữa, các vị này cùng làm nhiệm vụ với nhau theo riêng biệt và có đặc tánh riêng của mình. Như vị chua làm nhiệm vụ cho nồi canh hiện bày vị chua, vị mặn cũng có nhiệm vụ làm cho nồi canh hiện bày lên vị mặn, và vị ngọt, đắng, chát, cay, cũng như thế. Không một vị nào có thể bắt vị khác lệ thuộc hợp thành vị thuần nhất của mình được, chua vẫn là chua, ngọt vẫn là ngọt.

Ví dụ này như thế nào, thì danh pháp và sắc pháp tuy đồng sinh, nhưng danh pháp vẫn thuộc về danh, sắc pháp vẫn thuộc về sắc, không thể quện lại thành một.

Phận sự của danh pháp và sắc pháp mỗi loại cũng cùng nhau diễn hoạt, như danh pháp vào sátna sinh lên có phận sự biết cảnh, còn sắc pháp làm phận sự theo chỉ thị của danh pháp.

Sự khác biệt của danh pháp và sắc pháp như vậy mới có thể phân ra được: “Đây là danh, đây là sắc”.

Như trong việc tu tiến minh quán khi hành giả đạt được tuệ phân tích danh sắc (nāmarūpaparicchedañāṇa), nếu hành giả là bậc *can quán giả* (suddhavipassanāyānika) phân nhiều thường thấy được thực tính sắc pháp trước, còn hành giả là bậc *chỉ phương giả* (samathavipassanāyānika) phân nhiều thường thấy thực tính của danh pháp trước, khi quán tiếp tục mới thấy được cả danh pháp lẫn sắc pháp.

Điều này cho biết “danh - sắc” không thể quện chặt vào nhau thành 1 như tâm và tâm sở, nên “đồng sinh mà không hoà lẫn”, gọi là “*bất tương ưng*”.

Bất tương ưng có 2 loại: *Abhāvavippayutta* (phi hiện hữu bất tương ưng) và *visamsatṭhavippayutta* (phi hoà hợp bất tương ưng).

**Phi hiện hữu bất tương ưng*. Là “không hoà hợp, do không có”, như tâm không đồng sinh với tâm sở Tà kiến, gọi là “*tâm bất tương ưng Kiến*”, hoặc tâm không đồng sinh với Trí, gọi là “*tâm bất tương ưng Trí*”. ...

**Phi hòa hợp bất tương ưng*: Là “không hoà lẫn, do không thể hoà lẫn”.

Tóm lược. Trong *Bất tương ưng duyên* thì danh pháp và sắc pháp đồng sinh, trợ giúp ủng hộ lẫn nhau. Có khi sắc pháp sinh trước trợ giúp ủng hộ cho danh pháp sinh sau. Hoặc danh pháp sinh sau trợ giúp ủng hộ cho sắc pháp sinh trước theo tương ứng, bằng mãnh lực của *Bất tương ưng duyên*.

21- Hiện hữu duyên.

a- Định nghĩa.

Paccuppannalakkhaṇena atthibhāvena
tādisasseva dhammassa upathambakatthena
upakārako dhammo: Atthipaccayo:

“*Pháp trợ giúp ủng hộ cho pháp cùng tính chất bằng cách “cùng có mặt”, gọi là Hiện hữu duyên*”.

b-Thích giải tóm lược.

Chữ *atthi* nghĩa là **có**, nghĩa là “năng - sở cùng hiện diện chưa diệt đi”, năng hiện hữu trong 3 sátna sinh - trụ - diệt thì sở cũng hiện hữu trong 3 sátna sinh - trụ - diệt, nên gọi là **Hiện hữu duyên**. Nếu một pháp nào diệt trước pháp kia thì không là *Hiện hữu duyên*.

Các Ngài Giáo thọ sư tiền bối ví dụ Hiện hữu duyên tựa như mặt đất trợ giúp nâng đỡ cho tất cả cây cối được đơm hoa kết trái phát triển và tồn tại. Trong việc trợ giúp ủng hộ này là trợ giúp ủng hộ theo tính chất đang hiện hữu, nếu như một bên nào không có mặt thì cũng không trợ giúp ủng hộ được.

Cũng vậy, trong Hiện hữu duyên, pháp năng và pháp sở phải cùng hiện hữu với nhau mới trợ giúp ủng hộ nhau được.

Lại nữa, trong hậu Sớ giải bộ Vị Trí có trình bày rằng: **Hiện hữu (atthi)** là pháp hiện hữu trong giữa sátna sinh, trụ, diệt. Nhưng trong cả 3 sát na thì việc hiển lộ của Hiện hữu năng duyên thường ở ngay sátna trụ nhiều hơn sátna sinh và sátna diệt, vì trong sátna sinh và sátna diệt sự “hiện hữu” không rõ ràng.

Hiển lộ “Hiện hữu sở duyên” như “Hiện hữu năng duyên”.

Trong Sớ giải và hậu Sớ giải bộ Vị trí có trình bày: Hiện hữu năng duyên trợ cho Hiện hữu sở duyên theo hai cách:

-Trợ giúp ủng hộ cho sở duyên khởi hiện, gọi là mãnh lực trợ sinh (janakasatti).

-Trợ giúp ủng hộ cho sở duyên được tồn tại, gọi là mãnh lực ủng hộ (upathambhakasatti).

Trong hai loại trợ giúp, mãnh lực ủng hộ quan trọng hơn mãnh lực trợ sinh, nên mãnh lực ủng hộ là chính yếu trong duyên này.

Hiện hữu duyên ám chi tâm, tâm sở, sắc pháp, Nípàn không là **hiện hữu** được, vì Hiện hữu duyên là pháp vẫn còn đang hiện diện, ám chi pháp đang ở trong sát na hiện tại sinh, trụ, diệt. Tâm, tâm sở và sắc pháp có 3 sátna sinh - trụ- diệt, còn Nípàn tuy hiển lộ theo thực tính chân đế, nhưng Nípàn không có sinh - trụ- diệt.

Nípàn không có 3 sátna sinh - trụ - diệt, thì Nípàn không là Hiện hữu duyên.

Ở khía cạnh khác, Nípàn là pháp nghịch duyên của 24 duyên bởi vì Nípàn không là sở duyên của 24 duyên.

Đức Phật không thuyết Nípàn là “sở duyên của 24 duyên”, vì Ngài muốn nêu lên vai trò “viễn ly” của Nípàn, khi không là sở duyên thì nhất định phải là nghịch duyên.

Lại nữa, trong 24 duyên, Đức Phật nêu trực tiếp “sở duyên, nghịch duyên” là làm hiển lộ pháp hành (saṅkhatadhamma), Nípàn là “phi pháp hành” (asaṅkhatadhamma), nên Đức Phật không nêu trực tiếp.

22- Vô hữu duyên.

a- Định nghĩa.

Paramatthasabhāvena natthitāya upakārako dhammo: Natthipaccayo:

“Pháp trợ giúp ủng hộ bằng cách không hiện hữu theo thực tính chân đế, gọi là Vô hữu duyên”.

b- Thích giải tóm lược.

Chữ **natthi** là “không có”, nghĩa là năng duyên - sở duyên “không cùng hiện hữu” 3 sátna sinh - trụ - diệt. Chính sự diệt của tâm, tâm sở trợ giúp cho tâm, tâm sở sinh sau tiếp tục.

Theo quy luật thực tính của danh pháp, khi sátna tâm đầu tiên sinh lên mà chưa diệt thì tâm và tâm sở thứ 2 không thể sinh lên, khi tâm và tâm sở đầu tiên diệt, tạo cơ hội cho tâm và tâm sở thứ 2 sinh lên tiếp tục theo tuần tự.

Vô hữu duyên giống như ánh sáng và bóng tối, bóng tối sẽ không có khi ánh sáng còn hiện bày, khi ánh sáng không còn thì bóng tối mới khởi hiện, như vậy, bóng tối là quả của ánh sáng đã diệt.

Cũng vậy, trong Vô hữu duyên khi pháp sở duyên sinh lên thì pháp năng duyên phải diệt trước, sự diệt hoặc “không còn” của năng duyên mới trợ giúp ủng hộ cho pháp sở duyên sinh lên.

Trong **Paramatthadīpanīmahāṭīkā** và Sớ giải Thanh Tịnh Đạo có trình bày Vô hữu duyên như sau:

Khi 1 tâm nào khởi hiện trong cơ tính của chúng sinh mà chưa diệt, tâm khác không có cơ hội sinh lên, khi tâm trước đó diệt, tâm kế tiếp mới có cơ hội sinh lên. Sự kiện tâm thứ 2 sinh lên do nương vào tâm thứ 1 đã diệt đi làm năng duyên trợ giúp ủng hộ bằng mãnh lực “không còn”, thuộc Vô hữu duyên.

Tóm lược. Trong Vô hữu duyên thì tâm trước diệt, làm năng duyên trợ giúp ủng hộ cho tâm sau sinh lên. Tâm sau là sở duyên của tâm trước đã diệt, rồi trở thành năng duyên trợ cho tâm sau kế tục, cứ như thế mà diễn tiến. Trong một kiếp sống, sự kiện này được diễn tiến từ tâm Tục sinh cho đến tâm tử.

Nội dung chánh trong Vô hữu duyên là sự diệt đi hoặc không còn hiện hữu của danh pháp sinh trước mới làm Vô hữu duyên được, nếu danh pháp chưa diệt, vẫn còn hiện bày thì không làm Vô hữu duyên được.

Vô hữu duyên tương tự như Vô gián duyên.

23- *Ly duyên.*

a- *Định nghĩa.*

Vigatabhāvena nirodhassa pattitāya upakāraḥ dhammo: Vigatapaccayo:

“*Pháp trợ giúp ủng hộ lẫn nhau bằng cách “chia lìa, diệt mất”, gọi là Ly duyên*”.

b- *Thích giải tóm lược.*

Chữ **vigata** (ly) nghĩa là “chia lìa”, ám chỉ “đã diệt”, nghĩa là sở duyên sẽ không hiện khởi được khi

năng duyên chưa diệt.

Việc “năng - sở” chia lìa, gọi là *Ly duyên*, ví như mặt trời và mặt trăng.

Thông thường mặt trăng không hiển lộ ánh sáng trước khi mặt trời chưa khuất bóng, sau khi mặt trời lặn rồi thì ánh sáng mặt trăng mới hiển lộ được.

Mặt trời là nhân tố trợ giúp ủng hộ cho ánh sáng mặt trăng, bằng tính chất chia lìa như thế nào, thì *Ly năng duyên* trợ giúp ủng hộ cho *Ly sở duyên* như thế ấy.

Ly duyên và *Vô hữu duyên* có nội dung và chi pháp giống như *Vô gián duyên*. Vì vậy, 2 duyên này mới có nội dung và chi pháp như nhau.

Tuy *Vô hữu duyên* và *Ly duyên* có nội dung và chi pháp giống nhau, nhưng khi nói về mãnh lực có ý nghĩa đặc biệt khác nhau như sau:

***Ý nghĩa của Vô hữu duyên**, ám chỉ năng duyên trợ giúp ủng hộ cho sở duyên sinh lên bằng mãnh lực **không có**, pháp sinh trước phải **không có** mới tạo cơ hội cho pháp sinh sau hiện khởi. Đặc tánh như vậy gọi là *Vô hữu duyên*, giống như ánh sáng phải diệt đi trước thì sau đó bóng tối mới hiển lộ.

***Ý nghĩa của Ly duyên**. Ám chỉ năng duyên trợ giúp ủng hộ cho sở duyên sinh lên bằng mãnh lực **chia lìa**, khi pháp sinh trước rời khỏi rồi mới tạo cơ hội cho pháp sinh sau hiện khởi.

Ở đây, từ “chia lìa” chỉ nhắm riêng biệt vào sự “tách ra”, cho dù còn hiện hữu hay không hiện hữu. Đặc tính như vậy gọi là Ly duyên, như mặt trời “rời khỏi vị trí”, tạo cơ hội cho ánh sáng mặt trăng hiển lộ.

Mặt trời “chia lìa”, không ám chỉ đến “không có mặt trời”, cũng không có nghĩa “mặt trời vẫn còn hiện hữu”, chỉ nhắm riêng biệt vào “sự tách ly” của mặt trời, khác với ví dụ “ánh sáng và bóng tối” của Vô hữu duyên.

Do đó, phạm sự *không có* là chức năng của Vô hữu duyên, phạm sự *chia lìa* là chức năng của Ly duyên.

Điểm khác nhau giữa Vô hữu duyên và Ly duyên, trong Hậu Sở giải bộ Vị trí có trình bày như sau:

**Abhāvamattena upakāratā okāsadānaṃ
natthipaccayatā sabhāvāvigamanena appavat-
tamānānaṃ sabhāvāvigamanena upakāratā
vigatapaccayatā.**

**Natthitā ca nirodhānantarasuññatā, vigatatā
nirodhappattatā ayametesam viseso:**

“Việc trợ giúp ủng hộ tạo cơ hội cho sở duyên khởi hiện bằng thực tính **không có**, gọi là Vô hữu duyên.

“Việc trợ giúp ủng hộ bằng thực tính **chia lìa**, gọi là Ly duyên”.

Hoặc nói cách khác:

Sự không có gọi là Vô hữu duyên, có nghĩa là đã diệt đi, hoàn toàn trống không.

Sự chia lìa gọi là Ly duyên, ám chỉ đến pháp năng “vãng mặt” mà thôi.

24- Bất ly duyên.

a- Định nghĩa.

Avigatabhāvena nirodhassa appattiyā tādisasseva dhammassa upathambhakatthena upakārako dhammo: Avigatapaccayo:

“*Pháp trợ giúp ủng hộ cho pháp sở duyên (vẫn còn hiện hữu) cùng với mình bằng cách “không chia lìa, chưa diệt”, gọi là Bất ly duyên*”.

b- Thích giải tóm lược.

Chữ **avigata** (bất ly) là không chia lìa. Ở đây ám chỉ năng duyên trợ giúp ủng hộ cho sở duyên vẫn còn hiện hữu, chưa chia lìa hoặc chưa diệt mất, sở duyên được trợ giúp ủng hộ cũng vẫn còn hiện hữu chưa diệt mất như năng duyên.

Ví như đại dương là nơi nương cho đàn cá, rùa ... vui thú thoải mái và tăng trưởng, nước đại dương phải hiện hữu mới trợ giúp bảo tồn cho đàn cá, rùa

Đàn cá, rùa ... cũng phải hiện hữu, mới nhận được trợ giúp bảo tồn từ nước đại dương. Nếu “một trong hai” không có thì không thể trợ giúp bảo tồn hoặc nhận trợ giúp bảo tồn; cũng vậy, Bất ly năng duyên với Bất ly sở duyên, cả 2 đều chưa diệt mới trợ giúp ủng hộ và nhận được trợ giúp ủng hộ.

Bất ly duyên cũng giống với Hiện hữu duyên, nhưng vì sao Đức Phật thuyết Hiện hữu duyên, rồi Ngài lập lại Bất ly duyên nữa?

Đáp. Vì Đức Phật muốn thuyết hoàn hảo thêm lên (desanāvīlāsa).

Ở khía cạnh khác, để cho thích hợp với cơ tánh của tất cả chúng sinh hữu duyên.

Có 1 số thì hiểu theo ngôn ngữ trong Pháp thuyết; số khác lại hiểu thêm về ẩn lý trong ngôn ngữ, nên Đức Phật thuyết lập lại Bất ly duyên, có ý nghĩa giống như Hiện hữu duyên chỉ khác nhau ở ngôn từ mà thôi.

Lại nữa, trong hậu Sớ giải bộ Vị trí (paṭṭhānamūlatīkā) trình bày về Hiện hữu duyên với Bất ly duyên cho dù chi pháp giống nhau, nhưng đặc tánh mãnh lực trong việc trợ giúp ủng hộ có phần khác biệt nhau.

*Mãnh lực trợ giúp ủng hộ bằng cách hiện hữu, hiển lộ của chi pháp, gọi là Hiện hữu duyên.

*Mãnh lực trợ giúp ủng hộ bằng cách không chia lìa, chưa diệt mất của chi pháp, gọi là Bất ly duyên.

Ý nghĩa của Hiện hữu duyên ám chỉ ngay pháp thực tính vẫn còn hiện hữu thường hiện bày rõ trong sátna trụ nhiều hơn sátna khác, và khi vẫn còn hiện hữu hiển lộ thì cũng ám chỉ đến chưa diệt mất.

Ý nghĩa của Bất ly duyên ám chỉ ngay đến chưa chia lìa, pháp thực tính chưa chia lìa này thường hiển

lộ kể từ sátna sinh cho đến gần sắp diệt của sátna diệt, và khi chưa chia lìa cũng ám chỉ đến chưa diệt mất, giống như vậy.

Việc trình bày ý nghĩa khác nhau giữa Hiện hữu duyên và Bất ly duyên, có Pāli trong bộ Sớ giải hậu Vị trí (paṭṭhānamūlaṭīkā) trang 175 (Kết Tập Tam Tạng cuốn 6) như sau:

**Atthitāya sasabhāvato upakārakatā
atthipaccayatā, sabhāvāvigamena nirodhassa
appattiyā upakārakatā avigatapaccayatāti
paccayabhāvaviseso dhammāvisesepi veditabbo:**

*“Việc trợ giúp ủng hộ bằng cách hiện hữu, chi pháp vẫn còn đang hiển lộ gọi là **Hiện hữu duyên**.*

*Việc trợ giúp ủng hộ bằng cách chưa chia lìa, chi pháp gần sắp diệt đi gọi là **Bất ly duyên**”.*

Chi pháp của Hiện hữu duyên với Bất ly duyên mặc dù giống nhau nhưng mãnh lực trợ giúp ủng hộ thì khác nhau.

Tóm lược 24 duyên.

Trong 24 duyên nếu phân ra theo chi tiết thì có 47 duyên như sau:

- 1- Nhân duyên.
- 2- Cảnh duyên.
- 3- Trưởng duyên. Có 2 duyên:

-
- Đồng sinh trưởng duyên.
 - Cảnh trưởng duyên.
 - 4- Vô gián duyên.
 - 5- Đẳng vô gián duyên.
 - 6- Đồng sinh duyên.
 - 7- Hối tương duyên.
 - 8- Y duyên. Có 3 duyên:
 - Đồng sinh y duyên.
 - Vật tiền sinh y duyên.
 - Vật - cảnh tiền sinh y duyên.
 - 9- Cận y duyên. Có 3 duyên:
 - Cảnh cận y duyên.
 - Vô gián cận y duyên.
 - Thường cận y duyên.
 - 10- Tiền sinh duyên. Có 2 duyên:
 - Vật Tiền sinh duyên.
 - Cảnh Tiền sinh duyên.
 - 11- Hậu sinh duyên.
 - 12- Tập hành duyên.
 - 13- Nghiệp duyên. Có 2 duyên:
 - Đồng sinh nghiệp duyên.

-
- Nghiệp khác thời duyên.
 - 14- Quả duyên.
 - 15- Vật thực duyên. Có 2 duyên:
 - Sắc Vật thực duyên.
 - Danh vật thực duyên.
 - 16- Quyền duyên. Có 3 duyên:
 - Đồng sinh quyền duyên.
 - Tiền sinh quyền duyên.
 - Sắc Mạng quyền duyên.
 - 17- Thiền duyên.
 - 18- Đạo duyên.
 - 19- Tương ứng duyên.
 - 20- Bất tương ứng duyên. Có 4 duyên:
 - Đồng sinh Bất tương ứng duyên.
 - Vật tiền sinh bất tương ứng duyên.
 - Vật - cảnh tiền sinh bất tương ứng duyên.
 - Hậu sinh bất tương ứng duyên.
 - 21- Hiện hữu duyên. Có 6 duyên:
 - Đồng sinh hiện hữu duyên.
 - Vật tiền sinh hiện hữu duyên.
 - Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên.

- Hậu sinh hiện hữu duyên.
- Vật thực hiện hữu duyên.
- Quyền hiện hữu duyên.

22- Vô hữu duyên.

23- Ly duyên.

24- Bất ly duyên. Có 6 duyên:

- Đồng sinh bất ly duyên.
- Vật tiền sinh bất ly duyên.
- Cảnh tiền sinh bất ly duyên.
- Hậu sinh bất ly duyên.
- Vật thực bất ly duyên.
- Quyền bất ly duyên.

Tổng cộng có 47 duyên.

Tóm lược năng duyên và sở duyên trong 47 duyên.

A- Danh làm năng duyên và danh làm sở duyên có 7 duyên.

- 1- Vô gián duyên.
- 2- Đẳng vô gián duyên.
- 3- Vô gián cận y duyên.
- 4- Tập hành duyên.

5- Tương ưng duyên.

6- Vô hữu duyên.

7- Bất ly duyên.

B- Danh làm năng duyên và sắc làm sở duyên có 4 duyên.

1- Hậu sinh duyên.

2- Hậu sinh bất tương ưng duyên.

3- Hậu sinh hiện hữu duyên.

4- Hậu sinh bất ly duyên.

C- Danh làm năng duyên và danh - sắc làm sở duyên có 9 duyên.

1- Nhân duyên.

2- Đồng sinh trưởng duyên.

3- Đồng sinh nghiệp duyên.

4- Nghiệp khác thời duyên.

5- Quả duyên.

6- Danh vật thực duyên.

7- Đồng sinh quyền duyên.

8- Thiền duyên.

9- Đạo duyên.

D- Sắc làm năng duyên và sắc làm sở duyên có 6 duyên.

1- Sắc vật thực duyên.

- 2- Sắc mạng quyền duyên.
- 3- Vật thực hiện hữu duyên.
- 4- Quyền hiện hữu duyên.
- 5- Vật thực bất ly duyên.
- 6- Quyền bất ly duyên.

E- Sắc làm năng duyên và danh làm sở duyên có 11 duyên.

- 1- Vật tiền sinh y duyên.
- 2- Vật - cảnh tiền sinh y duyên.
- 3- Vật tiền sinh duyên.
- 4- Cảnh tiền sinh duyên.
- 5- Tiền sinh quyền duyên.
- 6- Vật tiền sinh bất tương ưng duyên.
- 7- Vật - cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên.
- 8- Vật tiền sinh hiện hữu duyên.
- 9- Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên.
- 10- Vật tiền sinh bất ly duyên.
- 11- Vật - cảnh tiền sinh bất ly duyên.

F- Sắc làm năng duyên và danh - sắc làm sở duyên. Không có.

G- Danh - sắc làm năng duyên và danh làm sở duyên, có 2 duyên:

- 1- Cảnh trường duyên.

2- Cảnh cận y duyên.

H-Danh - sắc làm năng duyên và danh sắc làm sở duyên, có 6 duyên:

1- Đồng sinh duyên.

2- Hối tương duyên.

3- Đồng sinh y duyên.

4- Đồng sinh bất tương ưng duyên.

5- Đồng sinh hiện hữu duyên.

6- Đồng sinh bất ly duyên.⁽¹⁾

I- Chế định, danh sắc làm năng duyên và danh làm sở duyên có 2 duyên.

1- Cảnh duyên.

2- Thường cận y duyên.

(1)- Việc trình bày tóm lược về năng duyên và sở duyên trong 47 duyên thì trong 1 đoạn đề cập rằng: *Không có danh sắc làm năng duyên trợ cho sắc làm sở duyên*, nhưng theo câu Pāli và câu phụ (anuvada) trang 315, 316 trình bày rằng:

Kusalā khandhā ca mahābhūtā ca cittasamutṭhānānaṃ rūpānaṃ saha-jatāpaccayena pacayo. Akusalā khandhā ca mahābhūtā ca cittasamutṭhānānaṃ rūpānaṃ saha-jatāpaccayena paccayo.

Như vậy việc soạn tóm lược này không đối lập lại với Pāli mà Ngài thuyết nơi đây sao?

Xin thưa rằng: Không đối lập, vì câu Pāli và câu phụ chỉ là 2 câu tức câu thứ 8 và thứ 9 trong 9 câu, không phải trong tất cả câu Đồng sinh duyên. Do đó, Đồng sinh duyên này mới không được đề cập là danh-sắc làm năng duyên trợ cho sắc làm sở duyên.

K- Chế định, danh sắc làm năng duyên và sắc làm sở duyên. Không có.

Tóm lược số lượng giống trong 24 hoặc 47 duyên.

Trong 24 hoặc 47 duyên có 9 giống.

- 1- Giống đồng sinh.
- 2- Giống cảnh.
- 3- Giống vô gián.
- 4- Giống vật tiền sinh.
- 5- Giống hậu sinh.
- 6- Giống vật thực.
- 7- Giống sắc mạng quyền.
- 8- Giống thường cận y.
- 9- Giống nghiệp khác thời.

Giống đồng sinh có 15 duyên.

- 1- Nhân duyên.
- 2- Đồng sinh trưởng duyên.
- 3- Đồng sinh duyên.
- 4- Hỗ tương duyên.
- 5- Đồng sinh y duyên.
- 6- Đồng sinh nghiệp duyên.
- 7- Quả duyên.

- 8- Danh vật thực duyên.
- 9- Đồng sinh quyền duyên.
- 10- Thiền duyên.
- 11- Đạo duyên.
- 12- Tương ứng duyên.
- 13- Đồng sinh bất tương ứng duyên.
- 14- Đồng sinh hiện hữu duyên.
- 15- Đồng sinh bất ly duyên.

Giống cảnh có 8 duyên.

- 1- Cảnh duyên.
- 2- Cảnh trưởng duyên.
- 3- Vật - cảnh tiền sinh y duyên.
- 4- Cảnh cận y duyên.
- 5- Cảnh tiền sinh duyên.
- 6- Vật - cảnh tiền sinh bất tương ứng duyên.
- 7- Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên.
- 8- Cảnh tiền sinh bất ly duyên.

Giống vô gián có 7 duyên.

- 1- Vô gián duyên.
- 2- Đẳng vô gián duyên.
- 3- Vô gián cận y duyên.

4- Tập hành duyên.

5- Thường cận y - nghiệp khác thời duyên ⁽¹⁾ (chỉ lấy riêng biệt tâm sở Tư hợp trong tâm Đạo trợ giúp ủng hộ cho tâm quả Siêu thế).

6- Hiện hữu duyên.

7- Bất ly duyên.

Giống tiền sinh có 6 duyên.

1- Vật tiền sinh y duyên.

2- Vật tiền sinh duyên.

3- Vật tiền sinh quyền duyên.

4- Vật tiền sinh bất tương ứng duyên.

5- Vật tiền sinh hiện hữu duyên.

6- Vật tiền sinh bất ly duyên.

Giống Hậu sinh có 4 duyên.

1- Hậu sinh duyên.

2- Hậu sinh bất tương ứng duyên.

(1)- Thường cận y - nghiệp khác thời duyên, thuần Thường cận y duyên, Hỗn hợp thường cận y duyên. Các duyên này không được tính thành 3 duyên theo như đã nêu lên phân tích mà chỉ tính vào thành 1 duyên là thuần Thường cận y duyên. Sự kiện như vậy vì phân 24 duyên ra theo chi tiết thì được 47 duyên.

Tóm lại đặc tánh mãnh lực trợ giúp ủng hộ trong 47 duyên thì gồm cả ý nghĩa của 3 duyên. Nhưng trong phần phân tích yếu tri (panhāvāra) không có trình bày cả 3 duyên này, chỉ trình bày Thường cận y duyên, do đó, việc trình bày duyên theo chi tiết trong bộ giáo trình này mới tính được số lượng 47 duyên.

3- Hâu sinh hiện hữu duyên.

4- Hâu sinh bất ly duyên.

Giống vật thực có 3 duyên.

1- Sắc vật thực duyên.

2- Vật thực hiện hữu duyên.

3- Vật thực bất ly duyên.

Giống sắc mạng quyền có 3 duyên.

1- Sắc mạng quyền duyên.

2- Quyền hiện hữu duyên.

3- Quyền bất ly duyên.

Giống thường cận y có 2 duyên.

1- Thuần thường cận y duyên (*suddhapakatūpanissayapaccaya*) ⁽¹⁾ là tâm và tâm sở sinh trước và sắc pháp, chế định có nhiều sức mạnh trợ giúp ủng hộ cho tâm, tâm sở sinh sau.

2- Hỗn hợp thường cận y - nghiệp khác thời duyên (*missakapakatūpanissayanānakkhaṇikakam-mapaccaya*) ⁽²⁾ là tâm sở Tư (nghiệp) có nhiều sức

(1)- Chi pháp năng duyên và sở duyên theo như trình bày là trình bày theo lý của bộ Sớ giải (Papañcakaraṇa) trang 205.

(2)- Nếu trình bày chi pháp theo phần xiển minh (niddeśa) và phần phân tích yếu tri thì như sau:

Nghiệp khác thời duyên là tâm sở Tư có nhiều và ít mãnh lực hợp trong 33 tâm (21 tâm Thiện, 12 tâm Bất thiện) trợ cho 36 tâm quả, 38 tâm sở hợp, và 20 sắc Nghiệp tục sinh, 20 sắc Nghiệp thời bình nhật, sắc Nghiệp Vô tướng.

mạnh trợ giúp ủng hộ cho danh uẩn quả (trừ Tư hợp trong tâm Đạo).

Giống Nghiệp khác thời duyên là tâm sở Tư (nghiệp) có ít sức mạnh trợ giúp ủng hộ cho “quả chín muồi khác thời gian Dục giới”, và tâm sở Tư (nghiệp) có nhiều lần ít sức mạnh trợ giúp cho sắc Nghiệp.

Tóm lược 24 hoặc 47 duyên theo thời.

Thời hiện tại có 17 hoặc 36 duyên.

- 1- Nhân duyên.
- 2- Đồng sinh trưởng duyên.
- 3- Đồng sinh duyên.
- 4- Hỗ tương duyên.
- 5- Y duyên. Có 3 duyên.
- 6- Tiền sinh duyên. Có 2 duyên.

Cảnh duyên mà được nêu lên trình bày chi pháp năng duyên trong *Sớ giải bộ (Papañcakaraṇa)*, trang 205, không phải là cảnh trưởng, cảnh trưởng thì gom vào trong Cận y duyên theo đặc tính của Cảnh cận y duyên.

Nhưng Cảnh duyên trong giống cảnh, chi pháp năng duyên là “cảnh trưởng lẫn cảnh phi trưởng”, vì không nêu lên trình bày việc loại trừ ra, do đó, Nghiệp khác thời duyên thuộc “giống nghiệp khác thời” cũng có thể được cả chi pháp năng duyên lẫn sở duyên giống như vậy.

- 7- Hậu sinh duyên.
- 8- Đồng sinh nghiệp duyên.
- 9- Quả duyên.
- 10- Vật thực duyên. Có 2 duyên.
- 11- Quyền duyên. Có 3 duyên.
- 12- Thiền duyên.
- 23- Đạo duyên.
- 14- Tương ứng duyên.
- 15- Bất tương ứng duyên. Có 4 duyên.
- 16- Hiện hữu duyên. Có 6 duyên.
- 17- Bất ly duyên. Có 6 duyên.

Thời quá khứ, có 7 duyên.

- 1- Vô gián duyên.
- 2- Đẳng vô gián duyên.
- 3- Vô gián cận y duyên.
- 4- Tập hành duyên.
- 5- Nghiệp khác thời duyên.
- 6- Hiện hữu duyên.
- 7- Bất ly duyên.

Duyên thuộc thời hiện tại, quá khứ, vị lai.

Không có.

Thời hiện tại, quá khứ, vị lai và ngoại thời, có 4 duyên.

- 1- Cảnh duyên.
- 2- Cảnh trường duyên.
- 3- Cảnh cận y duyên.
- 4- Thường cận y duyên.

Tóm lược đặc tính mãnh lực trợ giúp ủng hộ của 47 duyên.

Mãnh lực trợ sinh (janakasatti), có 8 duyên.

- 1- Vô gián duyên.
- 2- Đẳng vô gián duyên.
- 3- Vô gián cận y duyên.
- 4- Thường cận y duyên.
- 5- Tập hành duyên.
- 6- Nghiệp khác thời duyên.
- 7- Hện hữu duyên.
- 8- Bất ly duyên.

Mãnh lực ủng hộ (upathambhakasatti), có 4 duyên.

- 1- Hậu sinh duyên.
- 2- Hậu sinh bất tương ung duyên.

3- Hâu sinh hiện hữu duyên.

4- Hâu sinh bất ly duyên.

Mãnh lực bảo tồn (anupālakasatti), có 3 duyên.

1- Sắc mạng quyền duyên.

2- Quyền hiện hữu duyên (sắc Mạng quyền hiện hữu duyên).

3- Quyền bất ly duyên (sắc mạng quyền bất ly duyên).

Mãnh lực trợ sinh và ủng hộ, có 32 duyên.

Trừ 8 duyên làm mãnh lực trợ sinh, 4 duyên làm mãnh lực ủng hộ và 3 duyên làm mãnh lực bảo tồn, 32 duyên còn lại có 2 mãnh lực “trợ sinh và ủng hộ”⁽¹⁾

Tóm lược 24 hoặc 47 duyên theo cõi.

Cõi ngũ uẩn. Có đủ 24 hoặc 47 duyên.

Cõi tứ uẩn. Có 21 hoặc 25 duyên.

(1)- Sắc vật thực duyên, Vật thực hiện hữu duyên (sắc Vật thực hiện hữu duyên), Vật thực bất ly duyên (sắc Vật thực Bất ly duyên) trong Số giải Bộ (Papañcakaraṇa), trang 84 trình bày có 2 loại mãnh lực là “trợ sinh và bảo tồn”.

Tóm lại 3 duyên thuộc giống vật thực này được xếp vào trong giống duyên có 2 loại mãnh lực, không phải có 4, 3 hoặc 1 loại, chỉ có 2 loại mãnh lực mà Ngài trình bày thành đôi. Học viên muốn trình bày đôi nào cũng được.

Trang 525 trình bày có 2 mãnh lực là “trợ sinh và ủng hộ”.

-
- 1- Nhân duyên.
 - 2- Cảnh duyên.
 - 3- Trường duyên. Có 2 duyên.
 - 4- Vô gián duyên.
 - 5- Đẳng vô gián duyên.
 - 6- Đồng sinh duyên.
 - 7- Hối tương duyên.
 - 8- Đồng sinh y duyên.
 - 9- Cận y duyên. Có 3 duyên.
 - 10- Tập hành duyên.
 - 11- Nghiệp duyên. Có 2 duyên.
 - 12- Quả duyên.
 - 13- Danh vật thực duyên.
 - 14- Đồng sinh quyền duyên.
 - 15- Thiền duyên.
 - 16- Đạo duyên.
 - 17- Tương ưng duyên.
 - 18- Đồng sinh hiện hữu duyên.
 - 19- Vô hữu duyên.
 - 20- Ly duyên.
 - 21- Đồng sinh bất ly duyên.

Cõi nhất uẩn, có 7 duyên.

- 1- Đồng sinh duyên.
- 2- Hối tương duyên.
- 3- Đồng sinh y duyên.
- 4- Nghiệp khác thời duyên.
- 5- Sắc mạng quyền duyên.
- 6- Quyền hiện hữu duyên.
- 7- Quyền bất ly duyên.

Vật vô thức, có 5 duyên.

- 1- Đồng sinh duyên.
- 2- Hối tương duyên.
- 3- Đồng sinh y duyên.
- 4- Đồng sinh hiện hữu duyên.
- 5- Đồng sinh bất ly duyên.

Bốn duyên có khắp mọi cõi.

- 1- Đồng sinh duyên.
- 2- Y duyên.
- 3- Hiện hữu duyên.
- 4- Bất ly duyên.

Duyên làm nhân cứ điểm của pháp hành (*sasaṅkhātaḍḍhamma*) danh, sắc gọi là duyên Biến hành (*sabbaṭṭhānikapaccayo*), nghĩa là trong pháp

hành thế gian (*saṅkhāraloka*) thì tất cả đối tượng hữu thức lẫn vô thức đều phải gom vào trong 4 duyên này.

Đối với 20 duyên còn lại gọi là “Phi biến hành duyên”, không làm nhân cứ điểm cho cùng khắp pháp hành được, chỉ là duyên riêng biệt đến pháp hành liên quan đến mình.

Trong 24 duyên, Đức Phật thuyết thành từng đôi với nhau, có 5 đôi là.

1- Đôi đồng ý nghĩa (*atthayuga*).

2- Đôi đồng âm (*saddayuga*).

3- Đôi nghịch thời điểm (*kālapaṭipakkayuga*).

4- Đôi nghịch tính chất (*aññoñṇapaṭikkhayuga*).

5- Đôi nhân quả (*hetupphalayuga*).

* *Đôi đồng ý nghĩa*. Âm chỉ đến duyên mà Ngài thuyết thành đôi với nhau đồng ý nghĩa, như Vô gián duyên và Vô gián cận y duyên.

* *Đôi đồng âm*. Âm chỉ đến duyên mà Ngài thuyết thành đôi với nhau bởi sự phát âm, như Y duyên (*nissayapaccapa*) và Cận y duyên (*upanissaya*).

* *Đôi nghịch thời điểm*. Âm chỉ đến duyên mà Ngài thuyết thành đôi với nhau bằng cách đối lập lại như Tiền sinh duyên và Hậu sinh duyên.

* *Đôi nghịch tánh chất*. Âm chỉ đến duyên mà Ngài thuyết thành đôi với nhau bằng cách đối lập lại đặc

tính làm phận sự trợ giúp ủng hộ với nhau, như đôi Tương ưng duyên với Bất tương ưng duyên, đôi Hiện hữu duyên với Vô hữu duyên, đôi Ly khứ duyên với Bất ly duyên.

**Đôi nhân quả.* Âm chi đến duyên mà Ngài thuyết thành đôi với nhau bằng nhân quả, như Nghiệp duyên (*Nghiệp khác thời duyên*) với Quả duyên.

TỊNH THẮT MÍT NÀI,

Ngày 08- 04, năm Nhâm Ngọ (2002).

MỤC LỤC.

KỆ LỄ BÁI TAM BẢO.....	5
Giải Thích BỘ VỊ TRÍ.....	9
Thích giải (a).	10
Thích giải (b).	12
Thích giải lý (c).	12
A- Sáu nhóm trong bộ Vị trí.....	16
B- Câu mẫu Đề trong sáu nhóm Vị trí.....	17
C- Mỗi nhóm Vị trí phân theo bốn luận cứ.....	19
Số lượng sáu nhóm và bốn luận cứ.....	23
I- DUYÊN TÓM GỌN.....	28
II- DUYÊN GIẢNG RỘNG.....	30
1- Giảng rộng NHÂN DUYÊN.	31
2- Giảng rộng CẢNH DUYÊN.	52
3- Giải rộng TRƯỞNG DUYÊN.	76
Thích giải ĐỒNG SINH TRƯỞNG DUYÊN.	89
Thích giải CẢNH TRƯỞNG DUYÊN.....	91
4- Giải rộng VÔ GIÁN DUYÊN	94
6- Giảng rộng ĐỒNG SINH DUYÊN.....	114
7- Giải rộng HỒ TƯỞNG DUYÊN.....	122
8- Giải rộng Y DUYÊN.....	126
9- Giải rộng CẬN Y DUYÊN.	144
10- Giải rộng TIỀN SINH DUYÊN.....	160

11- Giải rộng về HẬU SINH DUYÊN.....	166
12- Giảng rộng TẬP HÀNH DUYÊN.....	172
13- Giảng rộng NGHIỆP DUYÊN.....	179
14- Giải rộng QUẢ DUYÊN.....	187
15- Giảng rộng VẬT THỰC DUYÊN.....	190
16- Giải rộng QUYỀN DUYÊN.....	206
17- Giải rộng THIỀN DUYÊN.....	215
18-Giải rộng ĐẠO DUYÊN.	219
19-Giải rộng TƯƠNG ỨNG DUYÊN.....	226
20-Giải rộng BẤT TƯƠNG ỨNG DUYÊN.....	227
21 -Giải rộng HIỆN HỮU DUYÊN.(Atthipac - cayaniddesa). Và 24- Giải rộng BẤT LY DUYÊN.(Avigatapaccayaniddesa).	233
22-Giải rộng VÔ HỮU DUYÊN.....	239
23-Giải rộng LY DUYÊN.....	240
Ý nghĩa của từ “phối hợp” (ghaṭanā).....	241
Tóm Lược Ba Nhóm Pháp Trong 24 DUYÊN.....	243
1- Nhân duyên	243
2- Cảnh duyên.	244
3- Trường duyên.....	245
A- Cảnh trường duyên.....	245
B- Đồng sinh trường duyên.....	246
4- Vô gián duyên.....	251
5- Đẳng vô gián duyên.	251

6- Đồng sinh duyên.....	252
7- Hồ tương duyên.....	253
8- Y duyên.	255
1- Đồng sinh y duyên.....	255
2- Vật tiền sinh y duyên.	256
3- Vật - cảnh tiền sinh y duyên.....	258
9- Cận y duyên.	260
Thường cận y duyên.	261
10- Tiền sinh duyên.....	264
Cảnh tiền sinh duyên.....	265
11- Hậu sinh duyên.....	266
12- Tập hành duyên.	268
13- Nghiệp duyên.	269
A- Đồng sinh nghiệp duyên.	269
B- Nghiệp khác thời duyên.	269
14- Quả duyên.	271
15- Vật thực duyên.....	272
16- Quyền duyên.	274
17- Thiên duyên.	277
18- Đạo duyên.	278
19- Tương ứng duyên.....	279
20- Bất tương ứng duyên.....	280
A-Đồng sinh bất tương ứng duyên.	280
B-Tiền sinh bất tương ứng duyên.....	281

C- Hậu sinh bất tương ưng duyên.	282
21- Hiện hữu duyên (Atthipaccaya) và 24- Bất ly duyên(Avigatapaccaya).	282
22- Vô hữu duyên (Natthipaccaya) Và 23- Ly duyên (Vigatapaccaya).	286
Phân Tích Phần Yếu Tri Trong 24 Duyên.	287
1-Yếu tri NHÂN DUYÊN.	287
2-Yếu tri CẢNH DUYÊN.	304
Thích giải đặc biệt về Thiên Nhân Thông và Tùy Nghiệp Thông.	364
3- Yếu tri TRỪỞNG DUYÊN.	365
I - Yếu Tri CẢNH TRỪỞNG DUYÊN.	365
II - Yếu tri ĐỒNG SINH TRỪỞNG DUYÊN.	389
4-Yếu tri VÔ GIÁN DUYÊN.	401
5-Yếu tri ĐĂNG VÔ GIÁN DUYÊN.	420
6-Yếu tri ĐỒNG SINH DUYÊN.	420
7-Yếu tri HỒ TƯƠNG DUYÊN.	442
8-Yếu tri Y DUYÊN.	446
9-Yếu tri CẬN Y DUYÊN.	462
10-Yếu tri TIỀN SINH DUYÊN.	488
11-Yếu tri HẬU SINH DUYÊN.	494
12-Yếu tri TẬP HÀNH DUYÊN.	498
13-Yếu tri NGHIỆP DUYÊN.	503
14-Yếu tri QUẢ DUYÊN.	519
15-Yếu tri VẬT THỰC DUYÊN.	522

16- Yếu tri QUYỀN DUYÊN.	532
17- Yếu tri THIÊN DUYÊN.....	543
18-Yếu tri ĐẠO DUYÊN.	550
19-Yếu tri TƯƠNG ỨNG DUYÊN.	557
20-Yếu tri BẤT TƯƠNG ỨNG DUYÊN.....	562
21- Yếu tri HIỆN HỮU DUYÊN.....	570
22 -Yếu tri VÔ HỮU DUYÊN Và 23 Yếu tri LY DUYÊN.....	588
24- Yếu tri BẤT LY DUYÊN.	588
Định nghĩa và Thích giải.....	589
1-Nhân duyên.	589
2-Cảnh duyên.	591
3-Trường duyên.....	594
4-Vô GiángDuyên	597
5-Đẳng Vô GiángDuyên	600
6-Đồng sinh duyên.....	604
7-Hỗ Tương Duyên.....	607
8-Y Duyên.....	611
9-Cận Y Duyên	614
10-Tiền Sinh Duyên.....	621
11- Hậu Sinh Duyên	622
12-Tập hành duyên.	625
13-Nghiệp Duyên	629
14-Quả Duyên.....	638

15-Vật Thục Duyên.....	642
16-Quyền Duyên.....	644
17-Thiên duyên.....	653
18-Đạo duyên.	656
19-Tương Ứng Duyên	660
20-Bất Ứng Duyên.....	662
21-Hiện hữu duyên.	665
22-Vô hữu duyên.	668
23-Ly duyên.	669
24-Bất ly duyên.....	672
Tóm lược 24 duyên.....	674
Tóm lược năng duyên và sở duyên trong 47 duyên. ...	677
Tóm lược số lượng giống trong 24 hoặc 47 duyên.	681
Tóm lược 24 hoặc 47 duyên theo thời.	685
Tóm lược đặc tính mãnh lực trợ giúp ủng hộ của 47 duyên.	687
Tóm lược 24 hoặc 47 duyên theo cõi.	688
MỤC LỤC.....	693

Sabbadānam
Dhammadānam Jināti
Pháp Thí Thắng Mọi Thí



DANH SÁCH HỖN PHƯỚC ÁN TỔNG



Thượng toạ Chánh Minh.

Đại Đức Pháp Từ.

Đại Đức Pháp Thanh.

PT. Tathāpaññā (*hồi hướng đến Tôn sư*

Devānampiya Tissa).

Bà Hồng Thị Nhơn.

Lê thị Huệ.

Bác Nguyễn thị Vinh.

PT Long + Huyền Trân.

PT Hồng Lộc.

Bà tu nữ Tịnh Ân.

PT Như Hằng.

PT Minh Đạo – Như Hoá.

PT Yên Nhu – Pd Như Hương.

GD Nguyễn Kim Loan (*Hồi hướng cho Cha là*

Ô. Nguyễn Văn Giác và Mẹ là Bà Phạm Thị Nhiều)



VI DIỆU PHÁP
Giải Thích **BỘ VỊ TRÍ** (phần I)
TK. Khải Minh



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
53- Tràng Thi – Hoàn Kiếm- Hà Nội
ĐT : 04-37822845 – Fax : (04) – 37822841



Chịu trách nhiệm xuất bản :
Nguyễn Công Oánh

Biên tập : **Nguyễn Tường Long**
Sửa bản in : **Tk. Chánh Minh**
Trình bày & Bìa **Hoàng Sơn - Kim Loan**

Đối tác liên kết : Bà Nguyễn Kim Loan – TP HCM
Tel : 0903985147 – Fax : (848)37201276

Số lượng in: 500 bản khổ 14,5x20,5cm, In tại XN In FAHASA
774 - Trường Chinh - P.15 - Quận Tân Bình - TPHCM
Số xuất bản 665-2010/CXB/11-123/TG.
In xong nộp lưu chiểu quý III năm 2010.

VI DIỆU PHÁP

Giải Thích

BỘ VỊ TRÍ

PHẦN I



* Trong *Paṭṭhānamūlaṭṭkā* có ghi:

*Tattha ekassāpi dhammassa hetu ādīhi
anekapaccayabhāvato ekekassa paccayassa
anekadhammabhāvato ca nānāppakārapaccayatā
veditabbā :*

“ Các bậc trí nên hiểu : Ở đây, một pháp trợ giúp cho
nhiều pháp, nhiều pháp trợ giúp cho một pháp, nên gọi
là “ duyên trợ giúp sai biệt ”... ”

... Như định nghĩa từ *Paṭṭhāna* được trình bày
theo câu giải :

*Nānāppakārāni thānāni paccayā etthāni:
Paṭṭhānam (Sāttamī bahubbīhi samāsavigaha).*

“ Ở đây, các duyên diễn tiến theo các trường hợp sai
biệt, gọi là *Vị trí* ”... ”

(Trích trong *BỘ VỊ TRÍ*)

SÁCH ẤN TỔNG